PHẠM-VĂN-SƠN

QUÂN LỰC VIỆT NAM

CHỐNG BẮC XÂM VÀ NAM TIẾN

QUYỂN II

Sa-Đéc
Sunday, February 28, 2016

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM

CHỐNG NGOẠI-XÂM VÀ NAM-TIẾN

QUYỂN II

(In lần thứ nhất)

● *Trung-Tá Phạm-văn-Sơn Trưởng-khối Quân-Sử P5 Bộ Tổng Tham-Mưu biên soạn.*

✱ *Họa-Sĩ Nguyễn-Thành-Nhơn thực hiện các bản đồ*

— *Trung-Tâm Ấn-Loát Ấn-Phẩm ấn hành*

✫ *Bộ Tổng Tham-Mưu xuất bản và phổ biến*

Sa-Đéc
Sunday, February 28, 2016

— 1969 —

Công-tác biên-soạn và phổ biến Tài-liệu Quân-Sử

Sa-Đéc
Sunday, February 28, 2016

Cuốn 2 QUÂN-LỰC VIỆT-NAM hôm nay được phổ-biến đến các đơn-vị trong Quân-Đội. Nhân dịp này, Bộ Tổng Tham-Mưu ân cần nhắc lại công-tác biên-soạn và phổ-biến tài-liệu Quân-Sử là một đáp ứng đúng lúc với yêu cầu phát-huy phẩm-chất của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Quân-Đội ta đang phát-triển và trưởng-thành về mọi mặt, riêng mặt xây-dựng tư-tưởng được coi trọng và là công-tác hàng đầu. Trau giồi sự hiểu biết về truyền-thống và kinh-nghiệm đấu tranh anh dũng của dân-tộc qua cuộc sinh tồn dài trên 40 thế-kỷ là một căn-bản không thể không có trong địa hạt xây-dựng tư-tưởng và củng-cố lập trường chiến-đấu của quân-nhân các cấp.

Bộ Sử QUÂN-LỰC VIỆT-NAM gồm bốn quyển, đã xuất-bản được hai quyển và dự trù hoàn tất việc ấn-loát vào đầu năm 1971. Vì phương tiện có hạn nên số ấn-bản không đủ thỏa mãn nhu-cầu phổ-biến tới cấp Đại-Đội, Trung-Đội.

Ước-vọng của Bộ Tổng Tham-Mưu/Quân-Lực Việt-Nam Cộng Hòa là các cơ quan và đơn-vị được phổ-biến tài-liệu Quân-Sử nay phát-huy sáng-kiến phổ-cập tinh-thần tìm hiểu những trang chiến-sử oai-hùng của Tổ-Tiên ta trong mọi cơ-hội như sinh-hoạt học tập, sinh-hoạt xây-dựng đơn-vị, huấn-luyện, thuyết-trình.

Bộ Tổng Tham-Mưu/Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa rất hoan-hỷ đón nhận mọi ý-kiến xây-dựng cho công-tác biên-soạn và phổ-biến tài-liệu Quân Sử.

K.B.C. 4002, tháng 4 năm 1970
Bộ Tổng Tham-Mưu/QLVNCH
(Phòng 5)

Lời tác-giả

Lịch-sử Việt-Nam có hai đặc-điểm :

A) Chúng ta có một cuộc sống ngoài 40 thế-kỷ, và suốt 40 thế-kỷ đó chúng ta phải lo chiến-đấu nhiều nhất với Bắc-phương để trường-tồn và để bảo vệ giống nòi.

B) Khi dân-tộc chúng ta lập quốc xong và bắt đầu có qui-mô quốc-gia, chúng ta còn gánh thêm phần chiến-đấu nữa là đương đầu với phương Nam, có khi cùng một thời-kỳ, ta chiến-đấu với cả hai dân-tộc Bắc Nam nhiều phen liên minh xâu-xé chúng ta, do đó một ngàn năm trở về đây lịch-sử của dân-tộc ta dầu muốn hay không đã phải liên-tiếp trải qua những giai-đoạn : "Cự Bắc, phạt Nam và Nam-tiến".

Quả vậy, có thể nào ở yên được khi chúng ta là một dân-tộc nhược-tiểu sinh-tụ bên cạnh một khối người đông-đảo nhất thế-giới, văn-minh nhất thế-giới và cũng có đầu óc đế-quốc và thực-dân sớm hơn mọi quốc-gia trên thế-giới : khối Hán-tộc ?

Cũng do cái vị-trí đại bất lợi và đại bất hạnh này, ông cha người Việt chúng ta đã tìm ra những triết-lý chính-trị rất thực-tiễn và thích-hợp với hoàn cảnh muôn vàn khó-khăn của mình : trước tiên ông cha chúng ta nghĩ rằng sống bên cạnh các cường lân, bạo địch phải chiến-đấu để mà sống, ngưng chiến-đấu là tự sát và phải luôn luôn tăng-gia chính-sách phú-quốc cường binh làm điều-kiện tranh-đấu... Liên-hệ với chính-sách này là vấn-đề bành-trướng cương thổ để phong-phú-hóa quốc-gia trên hai phương-diện nhân-lực và vật-lực. Sau cùng một vấn-đề khác nữa cũng rất quan-yếu đối với sự sống còn của dân-tộc là vấn-đề đối ngoại.

Tự nghĩ rằng trong tay không có những đôi đũa thần, làm thế nào tăng gia dân-số cho kịp Hán-tộc xưa cũng như nay vẫn là một Đại-cường luôn-luôn đe-dọa thế-giới gần cũng như xa ? Làm thế nào có một lãnh-thổ rộng lớn, một

khi quốc-gia của chúng ta bị bao vây : Đông do Thái-bình-dương đầy sóng gió bão-bùng, Tây, Nam do những rừng núi cằn-cỗi chật hẹp nghèo nàn ? Bắc là một quốc-gia khổng-lồ, chặn đường bằng thiên-sơn vạn-thủy và sau đó đời nào cũng sẵn có muôn vạn hùng binh. Tóm lại, thực-lực bị hạn chế, lãnh-thổ cũng bị hạn chế, dân-số ít-ỏi, như vậy dầu muốn dầu không ông cha chúng ta thấy thượng-sách vẫn là duy-trì sự hòa-hiếu với con Sư-tử Hán-tộc là hơn cả, đao binh chỉ là việc hết sức bất đắc dĩ. Còn với các dân-tộc Chiêm-Thành, Chân-Lạp và Ai-Lao chúng ta đã tùy thời, tùy thế và tùy thái-độ của họ mà xử trí. Nhưng chủ-trương căn-bản của chúng ta bao giờ cũng nhắm vào sự tự-vệ và hòa-hiếu.

Theo trên, với Bắc phương, ba thế-kỷ trước Công-nguyên An-Dương-Vương nhà Thục đã cương-quyết mang toàn-thể nhân-dân Âu-Lạc chống nhau với nửa triệu quân viễn-xâm của Thủy-hoàng đế nhà Tần sau khi ông vua nhiều tham vọng này thống-nhất xong nước Tàu, lập ra một triều-đại mạnh bậc nhất Trung-quốc.

- Năm Canh-Tí (40 sau C.N.) hai bà Trưng phất cờ nương-tử đánh đuổi bọn thực-dân Đông-Hán ra khỏi biên thùy lập nên triều đình riêng một cõi ba năm ròng.

- Năm Mậu-Thìn (248) bà Triệu, một thiếu nữ 20 tuổi sinh trưởng ở huyện Nông-Cống tỉnh Thanh-hóa dấy-binh chống chế-độ Đông-Ngô luôn năm sáu tháng liền theo gót hai bà Trưng trên hai thế-kỷ trước.

- Năm Tân-Dậu (544) Lý-Bôn và Triệu-quang-Phục đuổi Thứ-sử Tiêu-Tư dưới triều Lương-Vũ để cướp lại chủ quyền quốc-gia luôn 58 năm (602) đồng thời mang quân trừng phạt dân Lâm-Ấp (tên cũ của Chiêm) đã quen sang quấy đảo dân ta từ nhiều thế-hệ trước.

- Năm Nhâm-Tuất (722), Mai-Thúc-Loan tức Mai-Hắc-Đế họp nghĩa sĩ toàn quốc chống lại nhà Đường tuy không thành-công nhưng cũng gây được nhiều vang dội.

- Năm Tân-Vị (791), Phùng-Hưng đánh phủ Đô-hộ, quan Đô-hộ nhà Đường là Cao-Chính-Bình lo sợ sanh bịnh rồi chết.

- Năm Bính-Thìn (907), Cha con ông Khúc-Thừa-Dụ và cháu là Khúc Thừa-Mỹ giành lại quyền độc-lập 16 năm (923).

- Năm Tân-Mão (931), Dương-đình-Nghệ tự xưng Tiết-độ sứ luôn 6 năm sau khi trục xuất được bọn tướng lãnh nhà Nam-Hán.

- Năm Kỷ-Hợi (938), Ngô-Quyền lập được một vũ công hết sức hiển-hách trên sông Bạch-Đằng, mở màn cho nền độc-lập Việt-Nam tới ngày nay, tuy suốt 10 thế-kỷ sau này chúng ta còn phải trải thêm một vài giai đoạn phù-trầm bĩ-thái nữa, nghĩa là ông cha chúng ta vẫn còn phải đổ máu và nước mắt, tranh đấu gắt-gao hơn bao giờ hết với những kẻ thù truyền kiếp là đám người phương Bắc và phương Nam để trở thành một dân-tộc có tên tuổi vang lừng dưới trời Á-Đông ngày nay.

Qua đời Đinh đến đời Tiền-Lê (968-980) quốc-gia Việt-Nam bắt đầu trưởng-thành, có qui-mô chính-trị, quân-sự và văn-hóa, nên Trung-quốc bắt đầu có sự kiêng nể. Văn-thư, từ-lệnh, thi-ca trong việc bang-giao hay thù tạc

cũng là một thứ chiến-tranh mà ngày nay ta gọi là chiến-tranh chánh-trị thường nối tiếp hay song hành với chiến-tranh quân-sự. Quả vậy, cũng tại Ôn-Châu (Lạng-sơn) Tống-tướng Hầu-Nhân-Bảo rụng đầu, Tống triều phải cười xòa chấp nhận hòa hiếu với "Nam-Bang". Cũng do quân-sự thành-công rực-rỡ ta thu phục được Chiêm-thành vào vòng ảnh-hưởng. Từ đây người Việt chúng ta bắt đầu tự tin, tự cường nên mới có việc thiên đô ra khỏi núi rừng đất Trăng-An (Hoa-Lư, Ninh-Bình) của vua Thái-Tổ nhà hậu Lý. Rồi giữa Thăng-long-thành (thành Đại-La cũ) Thái-Tổ tuyên-bố cùng quốc-dân ý-chí mở rộng bờ cõi, gây phú-cường cho toàn dân, so triều đại mình với đời Tam-đại Ân, Hạ, Thương, Chu, quyết tâm để lại sự-nghiệp vẻ-vang muôn đời cho con cháu.

Năm chục năm sau, do chí-hướng vĩ-đại này, miền Hoa-Nam của nhà Tống lâm vào cảnh khói lửa mịt mùng trước đoàn quân mạnh như gió bão của Đại-Việt.

Tấn-công bằng quân-sự mạnh bao nhiêu thì việc ngoại-giao khi mềm khi cứng, khôn ngoan khéo-léo bấy nhiêu càng làm cho Bắc-triều kinh sợ, vì thế đời Tống dài suốt trên hai thế-kỷ không còn dám tái diễn binh đao khói lửa với bọn "Nam-man" chúng ta.

Lý tàn theo công lệ của thời gian như cây già phải cỗi thì địa-linh sinh nhân-kiệt, nước ta có họ Trần nối tiếp họ Lý vừa kịp lúc Mông-cổ chiếm được trọn vẹn Trung-quốc và mở rộng đế-quốc khắp ba phần tư thế-giới, xua quân qua nước ta. Những đoàn quân kiêu-hùng, đông như kiến, dữ như beo không hề biết có chiến bại của con cháu Thành-cát Tư-Hãn, đã ba phen táng mạng trên các chiến-trường nước Nam, từ rừng núi xuống đồng bằng và ngoài các vùng biển cả không sao kể xiết (1257-1289) Sự-kiện này đã khiến các nhà sử học trên thế-giới phải ngạc nhiên sửng-sốt, nhưng chưa hết :

Đầu thế-kỷ thứ 15, nước ta có việc thay trò đổi cảnh : nhà Hồ thay nối Trần chưa được lòng dân qui-phục, Thực-dân nhà Minh mượn danh nghĩa "phù Trần" sang chiếm nước ta và đặt quan đô hộ, tính biến nước ta ra quận, huyện của họ. Trong 13 năm tuy ngắn-ngủi, họ cũng vơ-vét được khá nhiều của cải trên rừng dưới biển, lại thâu lượm hết sách vở và người tài tuấn bản địa đem về Kim-Lăng do đó trước khi khởi nghĩa Bình-Định-Vương Lê-Lợi đã than rằng "Tuấn-kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu"... nghĩa là nhà vua lâm vào cảnh tay không bắt gió, nước lã vỗ nên hồ. Vậy mà người anh-hùng áo vải ấy, vẫn kiên tâm vẫn bền trí và sau 10 năm chiến đấu vô cùng gian khổ, có khi gần như tuyệt-vọng, đã thực hiện được câu : "Sông núi nước Nam của người nước Nam", bởi không mất một tấc đất với giặc.

Cuối thế-kỷ 18, kẻ thù Bắc-phương nhân con cháu nhà Lê suy-tàn, soạn lại vở tuồng cũ ngàn đời của đế-quốc : vua Thanh (Càn-Long) cho Đại-tướng Tôn-Sĩ-Nghị xua hai trăm ngàn quân tinh-nhuệ lấy ở 4 tỉnh miền Hoa-Nam qua đất Việt với chiêu-bài "phù Lê".

Đây là cơ hội cho Nguyễn-Huệ, vị hào-kiệt đất Qui-Nhơn làm nên sự nghiệp bất-hủ : chỉ trong 5 ngày tiêu diệt sạch-sẽ 200.000 quân Tàu từ bên bờ sông Nhị đến Ải-nam-quan khiến con sông Hồng trở thành con sông máu trong

lịch-sử và trên đường bại tẩu, xác quân Tàu giải đầy còn hơn lá rụng dưới trời Đông. Hơn thế nữa ngài còn ý-đồ mang quân Việt qua đất Tàu giành quyền làm chủ Hán-tộc, tiếc rằng mệnh của ngài quá ngắn nên chí lớn không thành, cờ Việt đành chỉ một phen phất-phới trên đất Ung-châu với Lý-Thường-Kiệt...

Như ta thấy qua bốn ngàn năm lịch-sử, hai dân-tộc Việt-Hoa chẳng mấy triều-đại là không so gươm thử súng, máu và nước mắt của quân-đội viễn-xâm cũng như quân-đội kháng-chiến đã thấm khá nhiều vào lòng đất nước này...

Với Chiêm-thành tuy mâu-thuẫn giữa họ và ta mới chỉ bắt đầu từ Thiên Chúa kỷ-nguyên nhưng cũng không kém phần sâu đậm, mặc dầu người Chiêm chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Ấn-độ, một thứ văn-hóa hiền-hòa, thiên về từ-bi bác-ái khác hẳn văn-hóa Hán-tộc nặng chất tham-ô đế-quốc nhưng ngược lại Chiêm cũng có tinh-thần quật-cường, hiếu-chiến và từng quấy phá dân ta ngay từ buổi chúng ta còn lệ thuộc nhà Hán (thế-kỷ thứ 2 sau C.N). Tới khi chúng ta thực-hiện được nền tự-chủ, các nhà đương đạo của chúng ta đã thấy Chiêm-thành cũng là một mối lo tâm-phúc phải giải-quyết ngay và không đáng ngại sao được khi Chiêm cũng văn-minh, phú-cường, cũng có nhiều tham-vọng ghê-gớm, chẳng vậy cuối đời Trần, Chiêm vương Chế-Bồng-Nga hàng năm đem quân đến tàn phá Thăng-Long cướp vàng bạc và gái đẹp, ra vào nước ta ngang tàng như tới chỗ không người. Chẳng vậy dưới đời vua Anh-Tôn, Việt đã phải xây-dựng nền hòa-hiếu với người Hời qua cuộc tình duyên chính-trị giữa Chế-Mân và Công chúa Huyền-Trân nhằm chấm dứt oán thù ngàn kiếp giữa hai dân-tộc. Rồi vấn đề Chiêm luôn 10 thế-kỷ đã nằm trong quốc-sách Việt-nam tới thế kỷ 18 mới kết liễu, nghĩa là sau khi Chiêm đã bị xóa nhòa tên tuổi trên bán-đảo này, còn lại chăng là một số tháp cô-đơn buồn tẻ dọc theo đường biển từ Quảng-nam tới Diên-khánh, Bình-Thuận.

Với Chân-lạp, người Việt cũng hao-tổn không ít thần-trí và cũng nhỏ khá nhiều mồ hôi nước mắt, có khi cả máu nữa. Quả vậy, chúng ta đã từng có những cuộc giao-hảo đậm-đà với họ, chúng ta đã giúp đỡ các thân vương hoàng-tử xứ Chùa Tháp ổn định tình hình chính-trị đất nước và có phen còn xuất quân chống ngoại xâm gìn-giữ vẹn toàn lãnh-thổ Miên-triều. Thêm vào là những cuộc hôn nhân giữa gái Việt, trai Miên cả trên cấp bậc lá ngọc cành vàng nhờ đó những người dân cày Việt-nam chiếm lĩnh dần các đồng bái xứ Đồng nai tới vịnh Thái-lan mà không phải gây chiến tranh.

Nhìn tổng-quát mọi việc biến cố đã xảy ra giữa Việt-nam và các lân quốc, nhìn sát vào cuộc sống của dân-tộc chúng ta qua các thế-hệ, chúng ta không thể không thấy liên-tiếp rằng bao nhiêu trang sử Việt-nam là bấy nhiêu trang sử tranh đấu, khi thì anh-hùng lãnh-đạo, khi thì nữ-kiệt xung phong, quân dân mọi tầng lớp hết lòng đồng lao cộng tác rồi dân ta tuy nhỏ mà vững chắc như vạn-lý trường-thành, bền-bỉ như Thái-sơn, Ngũ-linh không làn sóng xâm-lăng nào lay chuyển nổi.

Ở đây bao nhiêu cuộc suy-tư được liên-miên nối tiếp và đã làm sớm bạc đầu những người chỉ-huy quân-sự cũng như chính-trị, bao nhiêu cánh tay già trẻ gái trai đã vung lên để bảo-vệ quê-hương qua những cơn giông-tố hung bạo, từng hủy-diệt bao nhiêu quốc-gia thiếu khả-năng chiến-đấu hay sinh-tồn.

Kết-quả cuối cũng lã đến giờ phút nãy chúng ta tuy còn phải trải nhiều thử-thách cam-go như ông cha xưa kia nữa, nhưng quốc-gia Việt-nam vẫn tiếp tục sống hùng, sống mạnh. Cái quá khứ oanh-liệt, vẻ-vang của dân-tộc ngày nào còn phong-phú-hóa ý-chí đấu-tranh của chúng ta thì chúng ta còn vẫn có thể vững lòng tin-tưởng ở tương-lai của dân-tộc để luôn-luôn chiến thắng.

Việt-nam muôn năm !

Dân-tộc Lạc-Hồng muôn năm !

KBC 40.02 ngày 20 tháng 04 năm 1969

Trung-Tá PHẠM-VĂN-SƠN

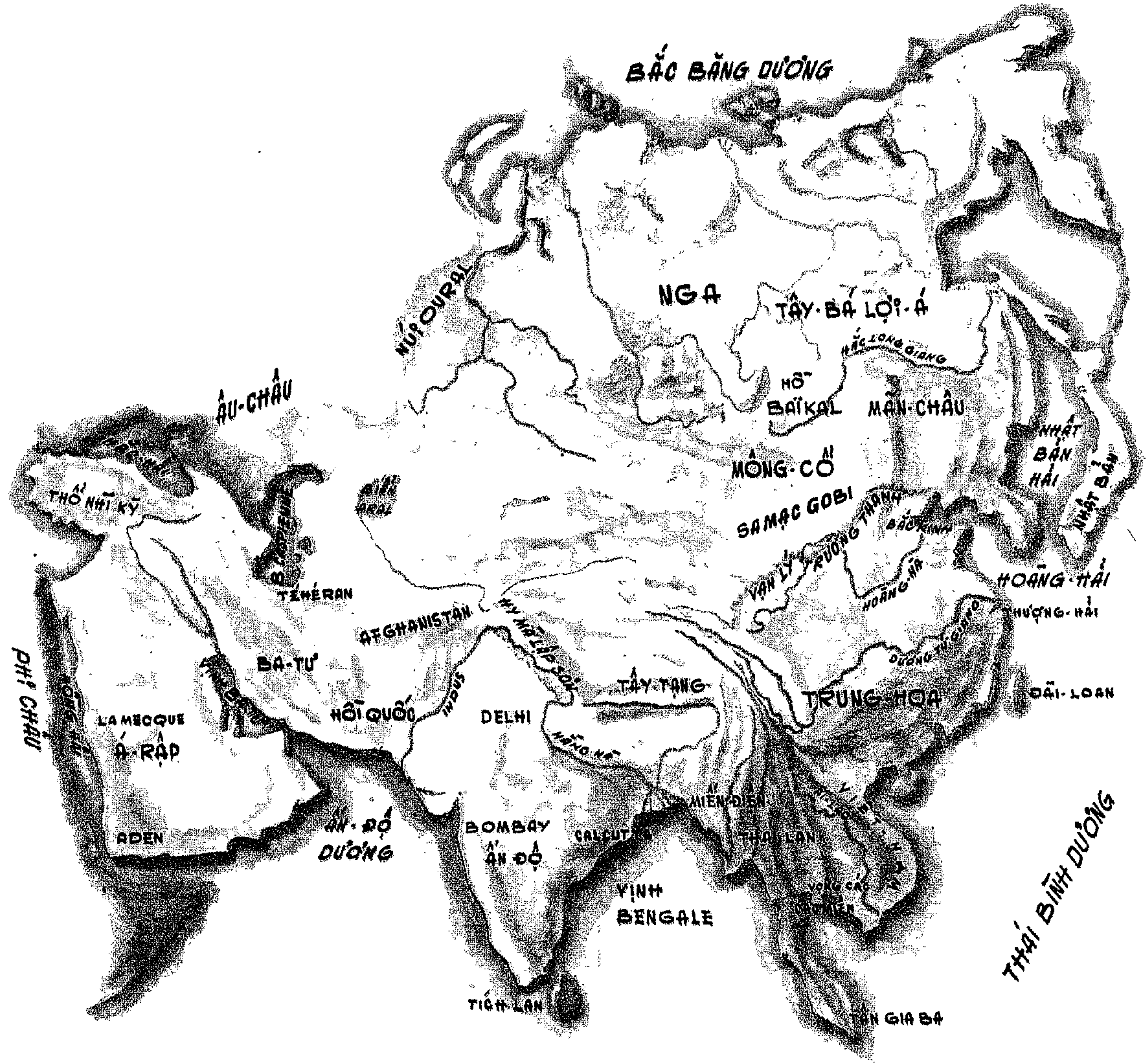
Trưởng ngành Quân-Sử

Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa

Sa-Đéc

Sunday, February 28, 2016

Á CHÂU



BẮC BĂNG DƯƠNG
NÚI OURAL
NGA
TÂY-BÁ-LỢI-Á
HẮC LONG GIANG
HỒ BAÏKAL
MÃN-CHÂU
ÂU-CHÂU
MÔNG-CỔ
NHẬT BẢN HẢI
NHẬT BẢN
THỔ NHĨ KỲ
ARAL
SA MẠC GOBI
VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH
BẮC KINH
HOÀNG HÀ
HOÀNG HẢI
TEHÉRAN
AFGHANISTAN
HY MÃ LẠP SƠN
THƯỢNG-HẢI
BA-TƯ
PHI CHÂU
TÂY TẠNG
TRUNG-HOA
ĐÀI-LOAN
LA MECQUE
Á-RẬP
HỒI QUỐC
INDUS
DELHI
MIẾN-ĐIỆN
THÁI LAN
ADEN
ẤN ĐỘ DƯƠNG
BOMBAY
ẤN ĐỘ
CALCUTTA
VỊNH BENGALE
THÁI BÌNH DƯƠNG
TÍCH LAN
TÂN GIA BA



Sa-Đéc
Sunday, February 28, 2016

Khóm tre tượng trưng cho tinh-thần đoàn-kết dân-tộc

Cảm đề Lịch sử

Ba xứ non sông một giải liền
Máu đào xương trắng điểm tô nền.
Cơ trời dù đổi trò tang hải,
Mặt đất chưa tàn nghiệp tổ tiên.
Có nước có dân đừng rẻ rúng,
Muốn còn muốn sống phải đua chen.
Giật mình nhớ truyện nghìn năm cũ,
Chiêm-Lạp xưa kia vốn chẳng hèn.

Nhượng-Tống

CHƯƠNG I

CUỘC CHIẾN-TRANH PHẢN ĐẾ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT-NAM

Hai Bà Trưng chống Đông-Hán (40 – 43)

A) XÃ-HỘI GIAO-CHỈ TRƯỚC CUỘC KHỞI NGHĨA.

Năm thế-kỷ trước Công nguyên các sử sách của Trung-quốc có ghi chép việc nước Việt dưới quyền của Việt-Vương Câu-Tiễn sau khi hạ được nước Ngô (đời Xuân-Thu) đã giữ ngôi bá chủ cả vùng sông Giang và sông Hoài. Nhưng vinh-quang của nước Việt chỉ được dài có một thế kỷ rồi nước Việt lại suy tàn qua các biến thiên của lịch sử. Bị dồn ép bởi các kẻ thù hùng mạnh, nước Việt bị phân tán để mất dần tên tuổi trong các cuộc tranh hùng sau này.

Nếu giả thuyết nói rằng người Việt trên bán đảo Đông-Dương ngày nay là hậu-duệ của Việt Vương Câu-Tiễn đời Xuân-Thu không sai thì ta cũng nên ghi nhận để biết những cuộc thăng trầm của tiền bối. Sử (Tiền Hán-Thư, hậu Hán-Thư, Sử-ký v.v...) còn viết rằng nước Việt suy tàn thì nhiều nhóm dân Việt lưu vong xuống miền Đông-Nam Trung-quốc hợp với những người đồng tộc đã di cư từ trước lập ra một quốc-gia ở lưu vực sông Hồng (Bắc-Việt ngày nay). Nhưng quốc-gia Việt đến đây chưa được qui củ lắm. Nó trở lại với tình-trạng bán khai của các bộ-lạc sống dưới chế-độ tù trưởng xưa kia : Vua gọi là Lạc-Vương, quan văn là Lạc-hầu, quan võ là Lạc-tướng. Người Việt sống bằng nghề làm ruộng và đánh cá nhưng từ trên xuống dưới Vua, quan, dân chúng rất tương thân tương ái. Điểm đáng chú ý là tinh-thần của người Việt ta rất cương cường vì thế mà người Trung-quốc đã có lời phê bình chúng ta như sau, ngay khi chúng ta còn ở tình-trạng bán khai (xin nhắc rằng lời phê bình này đã căn-cứ vào các cuộc va chạm giữa ta và Hán-tộc qua nhiều giai-đoạn lịch-sử): «Người Việt có tính khinh bạc, hiếu chiến, sắc sảo về việc binh, không sợ chết. Họ ở núi mà đi đường thủy, lấy thuyền làm xe, lấy chèo làm ngựa, đến thì như gió thoảng, đi thì khó đuổi theo (Việt-tuyệt-Thư)...» Theo *sử-ký* người Việt thường còn có hoài bão phát triển về phương Bắc nữa.

Khoảng năm 221 (trước Công-nguyên) nhà Tần bên Trung-quốc giữa lúc toàn thịnh đã mang một đạo quân 500.000 người mở cuộc Nam chinh sau 10 năm khói lửa, đã thôn tính được đất đai của người Việt ở Quảng-Đông và Quảng-Tây lập ra ba quận là Nam-Hải, Quất-Lâm và Tượng quận. Đến đây bọn xâm lược ngừng lại vì gặp phải sức kháng-chiến mãnh-liệt của nhóm Tây-Âu - Lạc là nhóm người Việt cuối cùng mà tù trưởng là Thục-Phán tức An-Dương-Vương.

Năm thứ 50 đời An-Dương-Vương nước Âu-lạc lọt qua tay Triệu-Đà một tướng của nhà Tần xưa kia rồi bị sát nhập vào bản đồ nước Nam-Việt do Đà làm chúa khi nhà Tần bị đổ.

Nhà Triệu gồm 5 đời vua kể từ 207 — trước tây lịch đến năm 111 thì bị dứt. Đế Quốc Nam-Việt bị nhà Tây Hán chiếm đoạt lập ra thành 9 quận. Nước Âu-Lạc của An-Dương-Vương chia ra thành 5 quận Giao-Chỉ và Cửu Chân (gồm Bắc-Việt cùng mấy tỉnh miền Bắc Trung-Việt) Nhật-Nam, Châu-Nhai và Đạm-Nhỉ (tức đảo Hải-Nam). Tiêu biểu nhất bấy giờ là quận Giao-Chỉ nơi tập trung các tinh hoa người Việt sau khi đã bị dồn xuống vịnh Bắc-Việt.

Trong 119 năm đầu chính-trị của nhà Tây-Hán đối với người Việt tương đối dễ chịu không khác chi khi còn chế-độ nhà Triệu, nhưng sang đến nhà Đông-Hán thì chánh sách đối ngoại của Trung-quốc trở nên khắc nghiệt.

Giai cấp quí tộc Giao-chỉ tuy vẫn ở địa-vị cũ nhưng bị chính sách giảm uy của Tây-Hán cũng mất dần thể thống, nhất là nhà Đế-quốc lập dần một đẳng cấp quan lại mới bằng những phần tử trước kia nằm trong hệ-thống phong-kiến Nam-Việt để đẽo gọt dần quyền lợi vật chất và tinh-thần của chính-quyền bản-địa. Song hành với sự kiện này là một đội quân thường-trú và địa-phương cũng được đặt ra để đề phòng những cuộc nổi dậy của các Lạc-hầu, Lạc-tướng.

Trước cuộc đào-thải ngấm ngầm này dĩ-nhiên quý tộc và bình dân Giao-chỉ cùng đau khổ như nhau, đã đoàn-kết nhanh chóng trong âm-mưu lật đổ chế độ Hán-thuộc. Rồi việc phải đến đã đến.

Năm Giáp-Ngọ (34 sau Tây-lịch) là năm Kiến-Võ thứ 10, Hán-Quang-Vũ phái Tô-Định sang thay Tích-Quang. Tô đã du-nhập vào Giao-Chỉ những luật lệ khắt khe có mục-đích khống-chế nhân-dân Giao-Chỉ từ trên xuống dưới trong khi người Giao-Chỉ chúng ta đã có một nền luật-pháp Việt thành văn. Tô lại là một Thái-Thú tham tàn, hiếu sát, ưa dùng những kẻ vô lại và cho cả thê thiếp dự vào chánh-sự càng làm cho mâu-thuẫn giữa kẻ Hán người Việt thêm sâu sắc.

Tô tưởng đã bao vây được đầy đủ xã-hội Giao-Chỉ và nắm vững tình thế nên vào năm 30 Hán bãi bỏ chế-độ Đô-Úy, y cũng không nghĩ quân-đội là cần thiết, thực ra chính quyền đô-hộ lúc này phải có quân-đội thường trực hơn bao giờ hết trên đất Giao-Chỉ. Có lẽ âm-mưu khởi nghĩa đã được giữ gìn khéo léo nên sau này cuộc cách-mạng bùng nổ như sét đánh ngang tai chúng không kịp trở mình vậy mà trong khi này Tô đã ung dung ném mồi lửa vào đống thuốc nổ mà không hay.

***

B) TIỂU-SỬ CỦA CÁC NHÀ CÁCH-MẠNG.

Hai Bà Trưng Chắc và Trưng Nhị là con của Lạc Tướng Huyện Mê-Linh làng Hạ-Lôi, Tổng Yên-Lãng Tỉnh Phúc-Yên — Bà Chắc hơn Bà Nhị 5 tuổi (và khi tạ thế Bà mới 29 tuổi). Là loại gái phi-thường, lại sinh nơi cửa tướng nên hai Bà hùng-dũng, can-đảm và khảng-khái đặc-biệt.

Cha mất sớm, mẹ hai Bà là Man-Thiện cháu ngoại của Lạc-Vương. Bà Man-Thiện ở goá nuôi con. Bà cũng có đầu óc khác người ta do đó hai Bà Trưng đã hấp thụ được một nền giáo-dục thích hợp với đẳng cấp và tạo nên những khí-phách hết sức lỗi lạc, cao cả.

Đến tuổi trưởng-thành Bà Chắc được gả cho ông Đặng-Thi-Sách là một Tù-trưởng có nhiều uy-tín tại Giao-Chỉ-Bộ và đang giữ chức Huyện lệnh tại Chu-Diên, Phủ Vĩnh-Tường, Tỉnh Vĩnh-Yên ngày nay.

Trước cảnh lầm than của dân chúng, sự khinh khi của quân thống trị, sự bóc lột đến xương tủy của đám quan Tàu, vợ chồng ông Thi-Sách căm hờn tột bực âm-mưu đánh đuổi bọn Đế-quốc.

Hưởng ứng đại-nghĩa có một nhóm đồng-chí ái-quốc ở các vùng lân cận là Đông-Sàng, Liên-Chiểu, Phù-Xá đem nữ binh đến giúp vào buổi đầu. Rồi khi cờ Cách-Mạng phất lên, hào-kiệt và nhân-dân các nơi kéo đến gia-nhập nghĩa quân đông như nước chảy. Bên cạnh hai Bà có mấy vị nữ tướng có đại danh như Thánh thiên công chúa, Lê-Chân, Nguyễn-đào-Nương v.v...

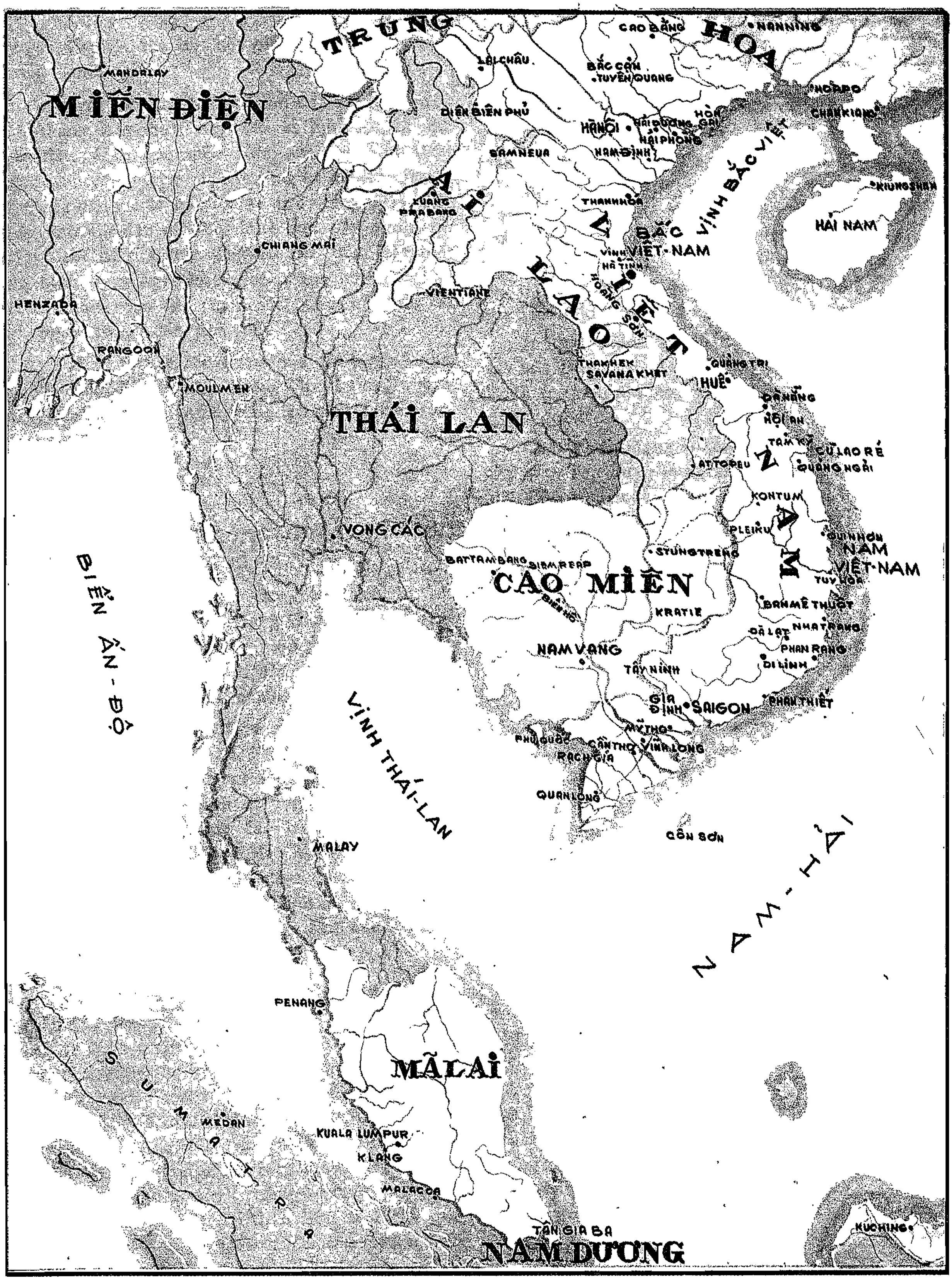
Quân-số vụt tăng lên tới 6 vạn.

Rồi lệnh xuất quân vừa ban hành, vì Thi-Sách sắp đặt quân-đội sơ-sài, quân cơ lại bị tiết-lộ nên bị bắt. Tô-Định giết ngay ông để thị-uy nhất là y đã bị họ Thi gửi cho một bức tối-hậu-thư rất gay gắt và cáo tội lỗi y như sau :

« Loát nhĩ Nam-Phương, ức vạn sinh linh diệc giai
« Triều đình xích tử. Thừa lưu tuyên hóa, tất dĩ ái
« Dân vi tiên, Tử kim vi chinh, trung ngôn gia mưu
« Giả kiến tội, bôn tẩu, thừa thuận giả kiến thưởng.
« Cơ thiếp đắc dĩ lộng chính, biền bế đắc dĩ thiện quyền!
« Tuy ái dân chi thuyết vô thời vô chi, nhi tồn hại
« chi tâm dũ nhật dũ liệt! Tuân dân cao dĩ phong kỳ
« tài, kiệt dân lực dĩ cung kỳ dục. Tự thị phú cường
« lẫm dĩ Thái-A chi thế, bất tri khuynh bại, thí như
« chiêu lộ chi nguy !
« Nhi bất tế chi dĩ khoan, tất nguy vong !
« Cập chi dĩ ! »

DỊCH

Phương Nam tuy nhỏ mọn nhưng ức vạn sinh linh cũng là con đỏ của triều đình. Kẻ đi



STATUTE MILES 50 0 50 100 150
KILOMETERS

tuyên dương đức hóa cốt phải lấy việc yên dân trước hết.

Ngươi nay làm việc chính-trị, bắt tội người nói thẳng, bày mưu hay, yêu kẻ luồn lọt, bợ đỡ cho hầu gái dự vào việc chính-sự, cho nịnh thần được chuyên quyền, lúc nào cũng bô bô nói chuyện thương dân mà lo bóc lột kẻ dưới càng ngày càng dữ. Rán mỡ dân để thỏa lòng dục, cậy mình sức mạnh thế như gươm Thái-A sắc bén, nào biết cơ mình nguy ngập như giọt sương sớm dễ tan ! Nếu không sửa đổi chánh sách cho rộng rải thì sẽ nguy vong đến nơi đấy ! ...

Thế là cuộc chiến-tranh của đôi bên đã như quyết-định. Người lãnh-tụ họ Thi vừa ngã xuống thì toàn bộ dân Giao-Chỉ vùng lên bởi đã sẵn sàng.

***

C) *CUỘC TRANH HÙNG GIỮA GÁI NHÀ NAM VÀ ĐẾ-QUỐC ĐÔNG-HÁN*

Nhờ sự phẫn uất và căm hờn tích lũy từ nhiều năm, quân Cách-mạng Giao-chỉ tiến đánh phủ-trị của họ Tô thắng luôn mấy trận liền và thắng rất dễ-dàng, nhất là cầm đầu chiến cuộc là hai vị cân-quắc anh-hùng nên lòng dân càng nô nức.

Quân Cách-mạng đi đến đâu như gió lướt cỏ - Các quận Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố và các tầng lớp nhân dân xa gần hưởng ứng nhiệt-liệt. Thái-Thú Tô-Định và bọn thủ hạ mất tinh-thần ngay từ giờ phút đầu cùng nhau bỏ chạy thoát thân về Nam-Hải. Hai Bà thâu phục được các thành-trì trên toàn bộ lãnh-thổ Lĩnh-Nam xong rồi xưng Vương thiết-lập Kinh-đô ngay ở Mê-Linh là quê nhà - Nền tự chủ bắt đầu từ năm Canh-Tí (40).

Cuộc thắng Hán xét ra hoàn toàn do tinh-thần yêu nước và lòng hờn giận quân thống-trị, còn so sánh quân-đội hai bên, thật thà mà nói thì quân Cách-mạng thua xa về mọi mặt. Quân ta kém Bắc-quân hẳn về tổ-chức và kỹ-thuật, chiến-đấu lại thiếu kinh-nghiệm chiến-trường — Vũ khí tuy có nỏ cứng, tên tẩm thuốc độc nhưng giáo không có mũi thép nhọn, mộc không có da giầy — Riêng tướng súy mới có giáp trụ mua được của Trung-Quốc — Trái lại địch hơn ta ở chỗ quân sĩ phần nhiều vóc người to lớn, khí giới sắc bén, tiến lui có trật tự, có phương-pháp và kỷ-luật, chiến đấu thông thạo vì là những bộ-đội nhà nghề. Họ chia ra 5 đội: tiền, hậu, tả, hữu, trung có 5 hiệu cờ khác nhau để liệu chiều tiến thoái. Tả quân tiến bằng giáo mác thì hữu quân giữ thế trận bằng cung nỏ — Tiền quân tiến bằng kỵ mã, giáo dài và giáp sắt thì trung quân sẵn sàng mã tấu và mộc gỗ khiên mây để giáp chiến, nếu tiền quân chọc thủng được hàng ngũ của đối phương — Hậu quân của chúng đánh trống reo hò trợ oai cho quân tiền phong và quân xung phong làm nhụt nhuệ-khí của quân đối thủ.

Ít nhất quân Cách-mạng đã gặp quân chính-quy của Đông-Hán ở những vị-trí quan-trọng và đã chiến thắng do lòng quyết tử đối với giặc để giành độc-lập.

Cuộc Cách-mạng hoàn tất vào mùa Đông thì năm sau (Tân-Sửu) vua Hán - Quang - Vũ phong Mã-Viện làm Phục-ba tướng - quân, Lưu - Long làm Phó cùng với Lâu-thuyền tướng quân là Đoàn-Chí sang đánh nhà Trưng — Mã-Viện là một danh tướng đời bấy giờ của Trung-Quốc — Y đã ngoài 70 tuổi nhưng vẫn khỏe mạnh — Quân-đội của Y gồm 8.000 quân chính-quy lấy ở các Quận Tràng - Sa, Quế - Dương, Linh - Lăng và Thương-Ngô, 12.000 binh phụ-lực mộ ở các Huyện thuộc Tỉnh Quảng-Đông.

Công việc đầu tiên của họ Mã là cho quân mở rừng phá núi, triệt hạ trên một ngàn dặm đường đầy chướng-ngại-vật tiến vào Giao-Chỉ bấy giờ bằng đường biển qua vùng Ô-Hứa (Lạng-Sơn) do một lối đi một bên là núi, một bên là nhánh Bắc sông Thái-Bình — Giặc phải dùng con đường này mới tránh được các đầm lầy bởi nước thủy-triều thuở đó còn tràn vào tới Trung-Châu.

Mã - viện hành quân theo dọc sông do cần liên lạc với các thuyền chiến để cùng tiến đến Mê-Linh là thủ-phủ của nhà Trưng và Tây-Lý là một căn cứ giữa Hà-Nội và Sơn-Tây.

Được tin giặc Hán tiến vào nội địa và đã tiến vào khá sâu Thánh-Thiên Công-Chúa (không rõ tên tuổi) một nữ tướng kiệt hiệt của Hai Bà được lệnh đón đánh — Quân ta giao phong hăng hái luôn mấy trận giết được trên một ngàn giặc sau đó địch phải rút sang vùng Bắc-Giang biểu tấu về Hán-Đế xin tăng viện. Vua Hán mật chỉ cho Mã-Viện dùng mưu hơn dùng sức. Mã-Viện liền

đóng quân ở Mã-Giang (?) giữ thế cố thủ rồi giả sai một đạo quân từ Bảo-Lạc (Cao-Bằng) qua chiếm Đại-Man vùng Thập-lục-Châu (Tuyên-Quang) hư truyền sắp tấn công các vị-trí miền Thượng-du của ta.

Trưng-Vương liền phái Thánh-Thiên Công-Chúa lên cứu các lực-lượng đang đóng tại miền Bắc thì Mã-Viện lợi dụng chỗ Hai Bà phân tán lực-lượng đi xa, dồn hết sức mạnh đánh vào Mê-Linh lúc này thiếu phòng-bị và ít quân lính — Quân Hán mỗi lúc một đông, trùng trùng điệp tiến đến bao vây quân ta. Hai bên đánh nhau suốt ngày đêm, tình thế của hai Bà mỗi phút thêm nguy ngập, phải lui dần.

Được tin Trưng-Châu nguy bách, Thánh-Thiên Công-Chúa vội bỏ Thượng-du quay về tới Thành Ái - Châu, Huyện Thạch - Đầu, Phủ Thiệu-Hóa thì liên lạc được với Trưng-Vương. Công-Chúa dàn quân ngăn chặn địch nhưng địch vẫn tiến được. Sau nghĩa-quân chạy đến Xã Hát-Môn, Huyện Phúc-Thọ, Tỉnh Sơn-Tây, hai Bà tiến thoái không đường liền nhảy xuống dòng sông Hát là khúc sông Đáy chảy vào sông Nhị-Hà giữa ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43 sau Tây-Lịch). Theo lời dân-chúng ngọc thề của hai Bà trôi về bãi Đồng-Nhân gần Hà-Nội nên ở đây dân xây đền thờ hai Bà và hàng năm đúng ngày tháng kể trên mở hội linh đình để làm lễ kỷ niệm hai vị nữ kiệt vô cùng trọng thể.

Sau khi đánh bại được quân chủ-lực của Cách-mạng Giao-Chỉ, Mã-Viện kéo hết đại quân vào Cửu-Chân đuổi tướng Đô-Dương, giết và bắt được trên 5.000 chiến-sĩ của ta và cầm tù được trên 20.000. Xét con số thương vong và bị bắt của ta từ đầu chiến cuộc đến lúc hạ màn vào khoảng 40.000. Đối chiếu với dân số người Giao-Chỉ ta lúc đó tại các Quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam và Hợp-Phố cộng được 1.060.715 người thì số tổn thất như vậy thật là quá cao và nặng nề. Một bề con số này nói lên sự đàn áp hết sức dã man của Đế-Quốc Đông-Hán, một bề nó tỏ rằng vì toàn dân tích-cực chống giặc nên mới thiệt hại lớn lao như vậy. Ngoài ra Mã-Phục-Ba còn rời 300 Cừ-Soái (cấp Chỉ-Huy Nghĩa-Quân) sang Linh-Lăng để từ giờ phút đó người Giao-Chỉ như rắn mất đầu, như cây bị bật gốc — Thủ đoạn này của tên tướng thực dân họ Mã quả hết sức sâu sắc vì ta đã thấy nó có ảnh hưởng vô vàn tai hại cho chúng ta, từ đó mầm Cách-Mạng bị thui trột, trên hai thế-kỷ sau đến đầu đời Đông-Ngô với Bà Triệu cuộc khởi-nghĩa mới bắt đầu nhen nhúm trở lại và đến thế-kỷ thứ 6 nó mới có đà phát-động mạnh.

Sa-Đéc

Sunday, February 28, 2016

* * *

D) NGUYÊN-NHÂN CỦA CUỘC BẠI TRẬN.

Chúng ta đã đứng trước một vấn-đề cần phải chú ý là trong việc chiến-đấu, điều-kiện để thắng địch, yếu tố căn bản để chiến thắng tuy là lòng ái-quốc nhưng quân-đội cần phải có tổ-chức đứng đắn, có kỷ-luật sắt thép nhưng phải được người làm tướng có tài chỉ-huy, biết áp-dụng chiến-lược, chiến-thuật thích hợp.

Nước ta có nhiều rừng núi hiểm trở, sông ngòi giăng mắc khắp nơi, thủy thổ ác độc đối với những đạo quân viễn xâm không quen sinh sống ở vùng nhiệt đới. Đáng lẽ quân Cách-Mạng phải biết lợi dụng cái ưu điểm đó để ngăn giặc ngay từ ngoài cổng ngõ, gây cho họ nhiều sự khó khăn trên các đoạn đường hành-quân bằng các cuộc du-kích chiến, phục-kích-chiến, làm cho chúng tổn thất hao mòn dần thực lực nhất là nhuệ khí. Quân-đội của Mã-Viện là quân-đội nhà nghề có danh tướng điều khiển, đã từng chiến - thắng nhiều ở các chiến-trường miền Bắc nên có nhiều tin tưởng khi bước chân sang Giao - Chỉ — Vậy mà Nghĩa-quân đã chỉ lo tập trung ở vùng đồng bằng từ Bắc-Ninh qua Phúc-Yên, bỏ hẳn các nơi có địa hình, địa vật rất có lợi cho mình để chúng ung dung tiến đến vị-trí của mình. Nói cách khác, Nghĩa-quân đã nhường cho địch những vùng chiến địa dễ đánh, dung dưỡng nhuệ-khí của địch, nên chỉ có thắng địch ở một vài trận đầu do tinh-thần ái-quốc đang vượt lên cao độ. Nhưng giặc là những bọn nhà nghề, thông thạo chiến-đấu thì thực lực và tinh-thần của Nghĩa-quân phải hao mòn dần rồi tan vỡ do thiếu tổ-chức chặt chẽ và kỷ-luật nghiêm-minh.

Giặc đã dùng lối dương Đông kích Tây, hai Bà mắc mưu cung ra những đội quân tinh-nhuệ nhất lên cứu miền Bắc, Mê-Linh nơi địa bàn chính thiếu thực lực nên địch đã phong tỏa dễ dàng với một quân số đông đảo — Đã vậy việc tiếp vận của nghĩa quân hầu không có, việc liên lạc cũng

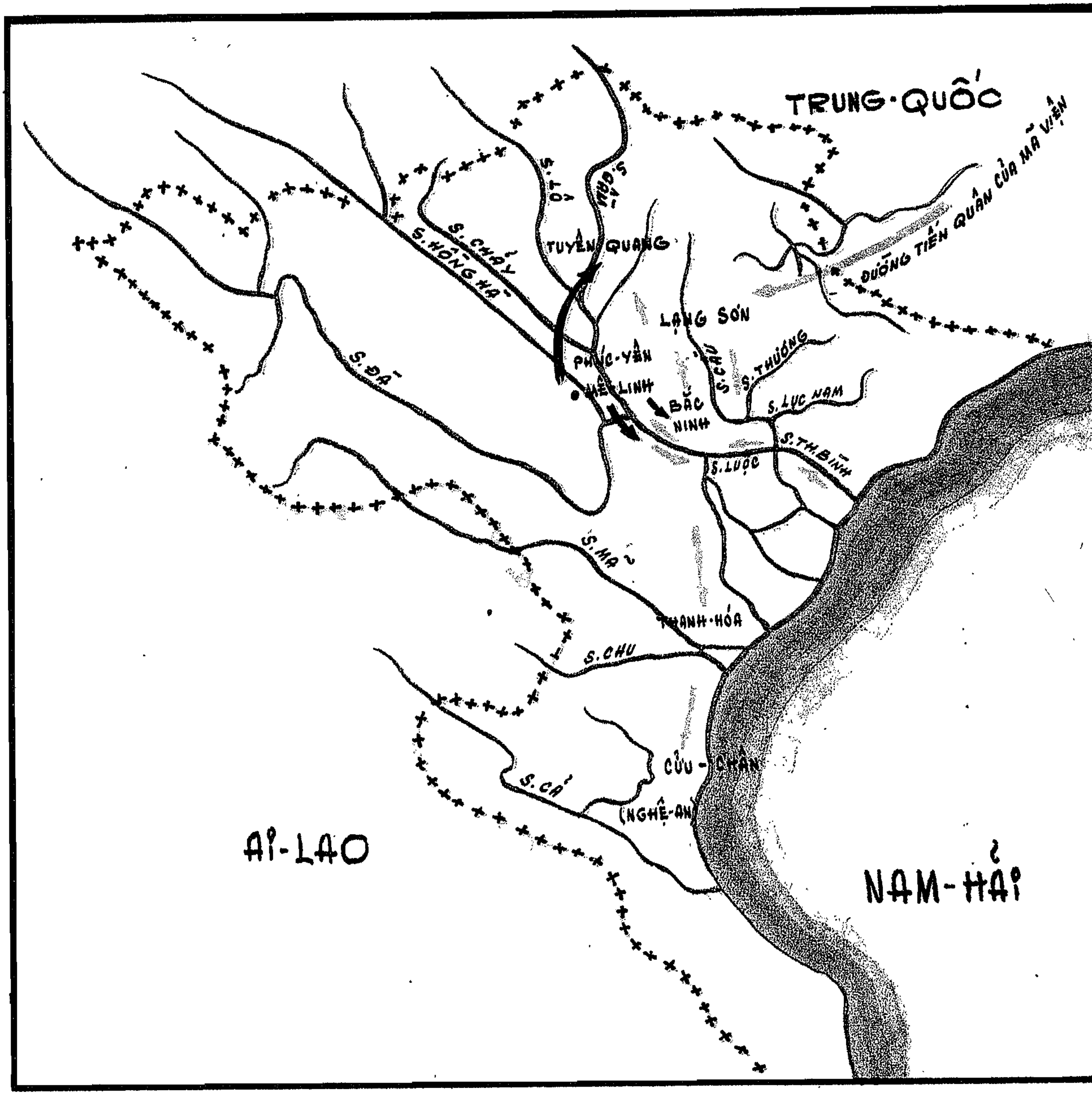
không được sắp đặt chặt chẽ, khi lâm nguy quân chủ-lực bị cô thế do đó không cầm cự được lâu ngày.

Các danh tướng của ta đời sau thắng được giặc Bắc bao giờ cũng do biết tránh địch khi địch mạnh và không bao giờ tập trung nhiều quân đội ở một nơi, nhất là ở vùng đồng bằng thiếu thế dựa nương, hiểm yếu.

Phải chi hai Bà biết áp dụng trì-cửu-chiến (đánh lâu, đánh dài) chỉ ra quân khi trường hợp có lợi chắc chắn, biết tránh né khi địch đang sung sức, chặn đón và phá hủy việc tiếp vận của địch, lợi dụng yếu tố thời-tiết, thủy thổ ác độc của miền nhiệt-đới và chỉ riêng với yếu-tố này địch cũng đủ khốn đốn. Chính Mã-Viện đã hoảng sợ cái lam sơn chướng-khí của Giao-Chỉ từng gây nhiều chết chóc, ốm đau và mệt mỏi cho quân lính của y. Trong một bức thư gửi về nhà Mã tỏ ý hối tiếc không nghe lời người em là Sa-Du trước khi lên đường, một điểm trong thư ngụ ý : « *phú quý tràng trung dị-bạch đầu* » nghĩa là người ta chạy theo cái mồi phú quý, ham mê cái ấn phong hầu thì đầu chóng bạc, thà « *trung ẩn* » là làm quan nhỏ cho đỡ cực nhọc tấm thân...

Bình luận về hai Bà các sử gia ngày nay ai cũng nghĩ rằng vào thế kỷ 15 nước Pháp có một Jeanne d'Arc đã đủ là điều hãnh-diện cho phụ nữ Pháp — và lấy làm vẻ vang cho Lịch-Sử nước họ vô cùng. Ngót hai ngàn năm qua hai gái nhà Nam và nhiều nữ tướng khác còn có sự nghiệp lẫy lừng gấp mấy Jeanne d'Arc : đuổi được giặc ra khỏi bờ cõi, không phải chỉ thắng một hai trận như cô gái Pháp, giành được nền độc lập trên ba năm, treo gương tranh đấu và ái quốc cho toàn thể đồng bào suốt hai mươi thế kỷ nay, Kim Cổ Đông-Tây đã có dân tộc nào được cái vinh-dự làm con cháu những vị nữ kiệt như vậy ? Ngoài ra, nếu người Việt bây giờ có truyền thống yêu nước và nếp sống hào hùng, là nhờ tinh thần bất khuất của tiền nhân trong đó hai Bà là những ngôi sao chói lọi nhất để soi đường chỉ nẻo cho hậu thế không riêng trong giới cân quắc, quần thoa.

CUỘC CHIẾN-TRANH GIỮA HAI BÀ VÀ MÃ-VIỆN



: *Lực lượng Giao-Chỉ.*

: *Lực lượng Đông-Hán.*

CHƯƠNG II

CUỘC QUẬT KHỞI
THỨ HAI CỦA DÂN GIAO-CHỈ

Bà Triệu chống Đông-Ngô (248)

MÃ-VIỆN dẹp xong cuộc cách mạng của Trưng Nữ Vương liền thiết lập một chế độ chính trị cay nghiệt để kìm hãm sự tiến bộ và tinh thần quật cường của người Giao chỉ.

Về quân sự y đi kinh-lý từ Giao chỉ đến Cửu Chân nghiên cứu các địa-điểm dựng đồn đóng quân để phòng bị các cuộc dấy loạn. Về chính-trị, y thấy nơi nào quá đông dân chúng liền phân tán cho các quận huyện khác và đặt người Trung quốc vào các cơ quan hành chánh. Về luật pháp y thêm một số điều khoản để giàng buộc người bản xứ chặt chẽ hơn do đó giai cấp phong-kiến Giao-chỉ bị tước đoạt gần hết mọi uy quyền và ảnh hưởng. Đồng thời Mã-Viện (còn 1 tên khác là Mã-Văn-Uyên) đã du nhập mạnh mẽ vào đất Giao-chỉ tất cả cái gì thuộc văn-hóa Trung quốc. Tóm lại Mã-Viện làm đủ thứ để đồng-hóa người Giao-chỉ vào khối người khổng lồ của Trung quốc và bằng cách lấy cực quyền để ép buộc.

Trước sự kiện này nhà Sử học Pháp Maspéro phê bình : « Mã-Viện đã dùng bạo-lực để cưỡng gian văn hóa Lạc Việt ».

Sự cưỡng ép này đem đến một phản ứng thế nào ?

Năm 220 sau C.N. nhà Đông-Hán đổ. Trung quốc chia ra làm 3 : Bắc-Ngụy, Tây-Thục, Đông-Ngô. Giao-châu ở sát khu vực của Đông-Ngô và trong khi nước Tàu rối loạn Giao-châu gần như là một nước tự trị. Sau này Đông-Ngô được ổn-định liền thi hành một chế độ trực trị ở Giao-châu. (Giao-chỉ bấy giờ được đổi ra Giao-châu do lời đề nghị của Sĩ-Nhiếp và Trương Tân một kẻ giữ chức Thái-thú, một kẻ là Thứ-sử). Với chế độ này Đông-Ngô đàn áp dân bản-xứ và bóc lột nhiều hơn nếu so với chế độ cũ đã nhiều phen lỏng lẻo do các biến chuyển chính-trị bên « Thiên triều ».

Đứng đầu đám quan lại của nhà Đông-Ngô có Lữ-Đại là một Thứ-sử rất tàn ác. Bây giờ Sĩ Nhiếp đã chết. Các con lên thay bị Lữ-Đại bày mưu giết hết bởi họ được cảm tình của nhân dân và có nhiều uy tín. Dân chúng Giao-châu rất bất bình và Quận Cửu-Chân trở nên rối ren. Lữ-Đại cho hành quân giết tới hàng vạn con người.

Năm Mậu Thìn (248) tức là năm thứ hai nhà Đông-Ngô non sông nước Việt lại sản xuất thêm một vị Nữ Anh Hùng đã phất cờ nương-tử cứu dân cứu nước tại miền Cửu-Chân.

Đây là một thiếu nữ, tuổi mới đôi mươi sinh trưởng ở Huyện Nông-Cống, tỉnh Thanh-Hóa tên là Triệu-thị-Trinh thuộc quý tộc bản địa có anh là Triệu-Quốc-Đạt là tù-trưởng tại địa-phương.

Dân chúng trọng vọng con người nghĩa khí này nên đã tôn là Bà. Bà Triệu tuy là 1 cô gái nhỏ tuổi nhưng tính tình khẳng khái như một kẻ mày râu, lại có chí hướng phi thường là muốn giải phóng đồng bào ra ngoài vòng xiềng xích của ngoại quốc.

Ông Triệu quốc Đạt buổi đầu không tán thành hoài-bão của Bà nghĩ rằng phụ nữ chân yếu tay mềm không thể làm nổi sự nghiệp đưa đồng bào ra khỏi cảnh lầm than. Bà không chịu và đã phát ra một câu bất hủ : « Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình ở biển đông, quét sạch cõi bờ để cứu dân ra khỏi cảnh đắm đuối chớ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng làm thân tì thiếp cho người ta... ».

Ông Triệu quốc Đạt thấy em có nhiều dũng khí chịu nghe theo. Bà Triệu được tôn làm chủ tướng, dân gọi là Lệ-Hải-Bà-Vương. Bà mặc áo giáp vàng, cưỡi voi xông ra trước quân địch như vào chỗ không người. Tiếng « Nhụy Kiều tướng quân » 1 thời đã vang lừng cõi Giao châu và làm khiếp đảm giặc Ngô luôn 6 tháng.

Sau vì quân ít, thế cô bà không cầm cự được lâu phải lui binh về xã Bồ-Điền (ngày nay đổi tên là Phủ Diễn thuộc huyện Mỹ Hòa, tỉnh Thanh Hóa) rồi tuẫn tiết.

Đề kỷ công người nữ chiến sĩ đã hy sinh cho nền tự do của dân tộc, sau này vua Nam-Đế nhà Tiền Lý cho dựng miếu thờ và phong là « Bật chính anh liệt hùng tài trinh nhất phu-nhân ».

Còn quân xâm lược nhà Ngô sợ oai bà đã phải thốt ra câu :

Hoành qua đương hồ dị
Đối diện bà Vương nan !

tạm dịch

Múa giáo chống hổ dễ
Giáp mặt bà Vương thực khó thay !

Và từ năm 248 sau T. L. đến nay người con gái 19 tuổi cưỡi voi, mặc áo giáp vàng đôi guốc ngà tự xưng là Nhụy Kiều tướng quân ấy mãi mãi không phai mờ trong tâm trí của người dân Việt !

Cuộc nổi dậy năm Mậu-Thìn (248 sau C.N) cũng có tính cách phản Đế, cũng thất bại như cuộc Cách mạng năm Canh-Tý do kém tổ chức lại thiếu sự hưởng ứng của các tầng lớp phong kiến lãnh đạo bởi ta chỉ thấy nó được phát động ở quận Cửu Chân mà thôi. Một địa phương lúc này còn yếu kém mà chống bộ máy thống trị trực tiếp của đế quốc được 6 tháng như vậy đã là khá dài. Tinh thần đề kháng đến thế cũng đáng kể là hùng mạnh và nếu không thể kéo dài hơn là lẽ tất nhiên.

Điều làm cho dân tộc Việt-Nam phải lưu ý, các nước ngoài phải ngạc nhiên là chỉ trong vòng hơn hai thế kỷ đất nước này đã sản xuất được ba vị anh hùng cứu quốc loại khăn yếm, khiến giống nòi Việt-Nam càng được phấn khởi mạnh mẽ trên con đường tranh đấu chống xâm lăng.

Các thế-hệ sau được các vị tiền bối võ trang tinh thần bằng những sự nghiệp cao cả, phi thường nên đã luôn luôn vùng dậy khai thác những cơ hội thuận tiện nhất đề đập tan xiềng xích của đế quốc.

Từ cuộc vận động và tranh thủ độc lập đầu thế-kỷ thứ nhất, đến các thế-kỷ sau đã có những cuộc vận động độc lập kế tiếp do Nam giới trên phương-diện chính-trị và quân-sự sau đây :

A.— Năm 544 — 602 sau C.N. ông Lý-Bôn khởi nghĩa lập ra nhà Tiền-Lý dài được 58 năm lấy Long-Biên làm Phủ-trị, đặt quốc-hiệu là Vạn-Xuân sau khi đánh đuổi được bọn quan lại của nhà Lương. Nhà Vua ở ngôi được 4 năm thì mất. Lúc này quân Nhà Lương trở lại Giao-Châu đánh nhà Tiền-Lý. Kế tiếp ngài là Tả Tướng quân Triệu-quang-Phục. Họ Triệu dùng du-kích-chiến đánh lại Trần-Bá-Tiên, Dương-Sán và đuổi được quân ngoại xâm. Nền độc lập của Giao-Châu kéo dài đến năm 602 thì mất về nhà Tùy.

B.— Năm 722 tại Hoan-Châu (Hà-Tĩnh) Ô. Mai-thúc-Loan hô hào dân chúng nổi lên chống quân thống trị nhà Đường. Ông liên kết với Lâm-Ấp và Chân-Lạp nhưng khi binh nhà Đường đến tấn công, Ông cầm cự không nồi rồi bị bệnh mà chết.

C.— Năm 791, Ông Phùng-Hưng người Huyện Phúc-Thọ, quận Đường-Lâm, tỉnh Sơn-tây vận động nhân dân đánh phá phủ-trị, chiếm được La-thành nhưng mấy tháng sau bị đau rồi chết. Con là Phùng-An ra hàng quân của Triệu-Xương do nhà Đường cử sang đánh dẹp vì không đủ sức cầm cự.

D.— Năm 906 nhà Đường sắp đổ, nhân dịp bên Trung-Quốc lâm vào thế biến ông Khúc-Thừa-Dụ quê ở Hồng-Châu, tỉnh Hải-Dương có nhiều uy tín đứng lên chiếm đoạt chính quyền tại Giao-Châu. Nhà Đường bất đắc dĩ phải công nhận ông và phong ông làm Tiết-Độ-sứ. Ông chết đi có con là Khúc-Thừa-Hạo kế-nghiệp. Lúc này nhà Hậu-Lương bên Tầu đã thay nhà Đường. Khúc-Hạo xin lệ-thuộc nhưng chỉ lệ-thuộc về hình thức mà thôi.

Khúc-Hạo mất có con là Khúc-thừa-Mỹ nối dõi bị quân Nam-Hán tấn công. Nam-Hán bấy giờ là một quốc-gia phụ-dung đối với nhà Hậu-Lương tại miền Đông-Nam Trung-Quốc đóng đô ở Quảng-Châu cậy mạnh nên xuất quân chinh

phục Giao-Châu. Năm Quí-Mùi (923) họ thắng trận và đặt chế độ đô-hộ ở nước ta.

Năm 931 một tướng của Khúc-Hạo là Dương đình Nghệ huy động dân chúng đuổi Thứ-sử của Nam-Hán là Lý-Tiến và quân-lực của họ do Lý-khắc-Chính chỉ huy, lên làm Tiết-Độ-sứ.

Sau Dương-đình-Nghệ bị một nha-tướng là Kiều-Công-Tiễn làm phản giết đi. Nhưng Kiều-Công-Tiễn lại bị Ngô-Quyền là con rể của họ Dương trấn thủ Ái-Châu dấy binh chinh phạt. Kiều-Công-Tiễn liền cho người sang cầu cứu nhà Nam-Hán. Vua Nam-Hán cho con là Thái-tử Hoằng-Tháo lãnh-đạo. Các đoàn quân viễn-xâm, tiến sang nước ta, còn nhà vua mang quân tiếp ứng đi sau. Quân Nam-Hán vừa tới cửa sông Bạch-đằng thì bên trong Kiều-Công-Tiễn đã bi Ngô-Quyền giết được (938).

NGÔ-QUYỀN (939-965) VÀ TRẬN BẠCH-ĐẰNG

Trước đó ít ngày để toàn dân hưởng ứng và hiểu biết những biến cố quan-trọng đang xẩy ra trên đất nước và có thể gây nên một tình-thế nghiêm trọng, Ngô-Quyền truyền hịch đi khắp nơi kêu gọi quân dân tích cực phòng bị, bề khác ông xuất hết thực lực ra ngăn giặc ở bến Bạch-Đằng. là con sông thuộc huyện Thụy-nguyên, tỉnh Kiến an chảy ra ngoài biển có nước thủy triều lên xuống — Ông nẩy ra sáng kiến cho binh sĩ làm các cọc gỗ đầu vót nhọn bịt sắt rồi cắm ngầm xuống lòng sông. Khi nước thủy triều dâng lên, mặt nước trắng xóa, không ai nhận thấy gì hết, ông cho quân chèo thuyền ra đón giặc và khiêu khích chúng. Quân Nam-Hán đuổi theo tưởng quân Việt mất tinh thần bỏ chạy. Khi nước triều xuống, thuyền giặc bị mắc hết vào cọc, thủng nát quá nửa. Quân ta bốn mặt áp lại đánh rất hăng, giặc không đường tiến thoái, tổn thất gần hết. Đau đớn hơn cả là Thái-Tử Hoằng-Thao bị bắt rồi bị hạ sát luôn. Hán Chủ và quân tiếp viện được tin liền, mất vía hoảng hồn vội vã rút luôn về bên kia biên giới, vỡ mộng xâm lăng từ đó . . . .

Nhận xét về Nam-Hán : quân Tàu không dùng đường bộ tiến vào Giao-Châu không phải là vô cớ. Nếu họ dùng đường bộ, tất nhiên phải kéo qua Lạng-Sơn — Nơi đây lắm rừng nhiều núi, chúng sẽ gặp nhiều trở ngại và nguy hiểm. Còn dùng hải đạo, đã tránh được nạn phục-kích, việc chuyển quân của chúng còn nhẹ nhàng thảnh thơi và mất ít thì giờ.

Nhưng họ đã dùng hải đạo tức là vượt biển tiến vào con sông Bạch-Đằng để đổ bộ lên đất Giao-Châu của ta cũng vẫn thất sách không kém, vì ai cũng rõ thuyền bè của biên-dân hai bên Việt-Hoa đã quen ra vào lối này từ lâu để làm ăn buôn bán với nhau do đó dùng đường này cũng tai hại như thường, khi ta đoán được ý-định của họ.

Tóm lại địch đã mắc một lầm lỗi nghiêm-trọng là đã dùng một đường lối quen thuộc và đã không giữ được bí-mật của việc chuyển quân để khai thác yếu tố bất ngờ hầu giành lấy thế chủ-động chiến-trường.

Ngược lại, Ngô-Quyền, một khi biết địch xuất quân vào ngày giờ nào, di-chuyển theo đường nào, được bố-trí sẵn tất nhiên phần thắng như đã được nắm trong tay.

Phải chi Nam-Hán biết dùng cả hai đường một lúc để phân tán lực lượng của Giao-Châu, áp-dụng lối đánh chậm, đánh chắc thì cục-diện chiến-tranh chưa bi-thảm mau lẹ về nơi họ. Có nên nghĩ rằng họ còn mắc thêm một lỗi lầm nữa là coi thường sức chiến đấu của Giao-Châu chăng ?

Nhận xét về Ngô-Quyền : ông là một danh tướng đời bấy giờ, có uy tín sáng ngời về binh-nghiệp là đánh đuổi được tên phản thần, tặc tướng và từ lâu giữ vững miền đất Ái-Châu thường hay bị Lâm-Ấp quấy rối. Tới khi ông đến trấn đóng miền này, vấn đề an-ninh được bảo-đảm khiến trăm họ được sống yên.

Trong việc hạ bệ Kiều-Công-Tiễn ông tỏ ra là một kẻ tôi trung, một người con hiếu — Hành-động của ông được toàn dân mến phục. Nhờ được cảm tình nhiều của dân chúng, khi ông hô hào chống xâm lăng mọi người đều hưởng ứng, công cuộc kháng địch của ông được ngay một hậu-thuẫn hùng-hậu là điều cần thiết nhất cho cuộc kháng chiến cấp bách thuở ấy.

Nam-Hán là một nước lớn, Giao-Châu chỉ là một vùng đất nhỏ, người ít của kiệm mà ông dám bước ra chống kẻ địch mạnh, con người ấy đáng kể là bậc anh hùng, một vĩ-nhân dân-tộc.

Còn nói về tài quân sự của ông, ta thấy ông nắm vững chiến-lược và chiến-thuật lại thâu được các ưu điểm quan-trọng dưới đây :

a) Gây được thế đoàn kết quân dân nhờ vậy mọi người đã tích cực tham gia chống giặc — Kết quả : các nơi hiểm yếu trên đất nước được bố phòng đầy đủ.

b) Tung quân đội đúng vào nơi giặc tiến tới do tin tức tình-báo thâu lượm chính xác và kịp thời, cũng vào lúc này việc hành-quân mau lẹ nên ngăn được giặc trước khi giặc tràn như gió bão vào nội địa nước ta.

c) Giành được quyền chủ động vì thế bố trí được chiến trường trước, giặc tới sa ngay vào cạm bẫy, đúng như kế-hoạch đã định.

d) Khai thác được triệt để khả năng của thủy quân ta xưa nay vẫn thông thạo hơn địch trong các cuộc hải chiến.

đ) Có sáng kiến độc đáo là dùng cọc sắt để phá chiến thuyền của giặc và biết lợi dụng nước thủy triều lên xuống.

Nhân đây chúng tôi muốn nói thêm rằng nếu Ngô-Quyền dám chống Nam-Hán là do truyền-thống anh dũng của tổ-tiên, kể gần là ông bà chúng ta từ đầu Công-Nguyên đã có gan sống chết với bọn cướp nước và quân thống-trị. Nếu ai cũng hèn nhát, khoanh tay cúi đầu, sống nhục, sống thừa thì làm gì có truyền thống quý báu đó! Thời thế tạo anh hùng, ở trường-hợp của Ngô-Quyền truyền-thống kháng địch đã là động cơ chính yếu. Còn việc bài binh, bố trận tài giỏi, điều này chỉ đáng kể là thứ yếu vì giống người Việt chúng ta thông minh lỗi lạc lại chiến đấu nhiều ở Á-Châu, vậy chỉ nên nhận định các yếu tố khác mà thôi.

Sau hết chúng tôi muốn kết luận rằng sự thắng trận của Ngô-Quyền đã mở đầu cho nền độc tập của dân tộc chúng ta sau trên một ngàn năm nô lệ người Hán. Ông có công tạo cho dân-tộc một cái đà từ đó dân-tộc của ta chỉ có tiến mà thôi.

Nhà Ngô xuất hiện trên sân khấu chính trị vào năm Kỷ-hợi (939) Ngô Vương ở ngôi được 6 năm thì mất. Dương Tam Kha là em vợ Ngô Vương trái với lời di chúc của tiên đế, cướp địa vị của cháu nhưng không bao lâu thì bị truất phế. Con của Ngô Vương là Ngô Xương Văn được lập lên tức Hậu Ngô-Vương.

Lúc này chính quyền của Nhà Ngô suy kém, mầm loạn trong nước nổi lên, do đó có vụ loạn mà Sử gọi là « Loạn Thập Nhị Sứ quân ».

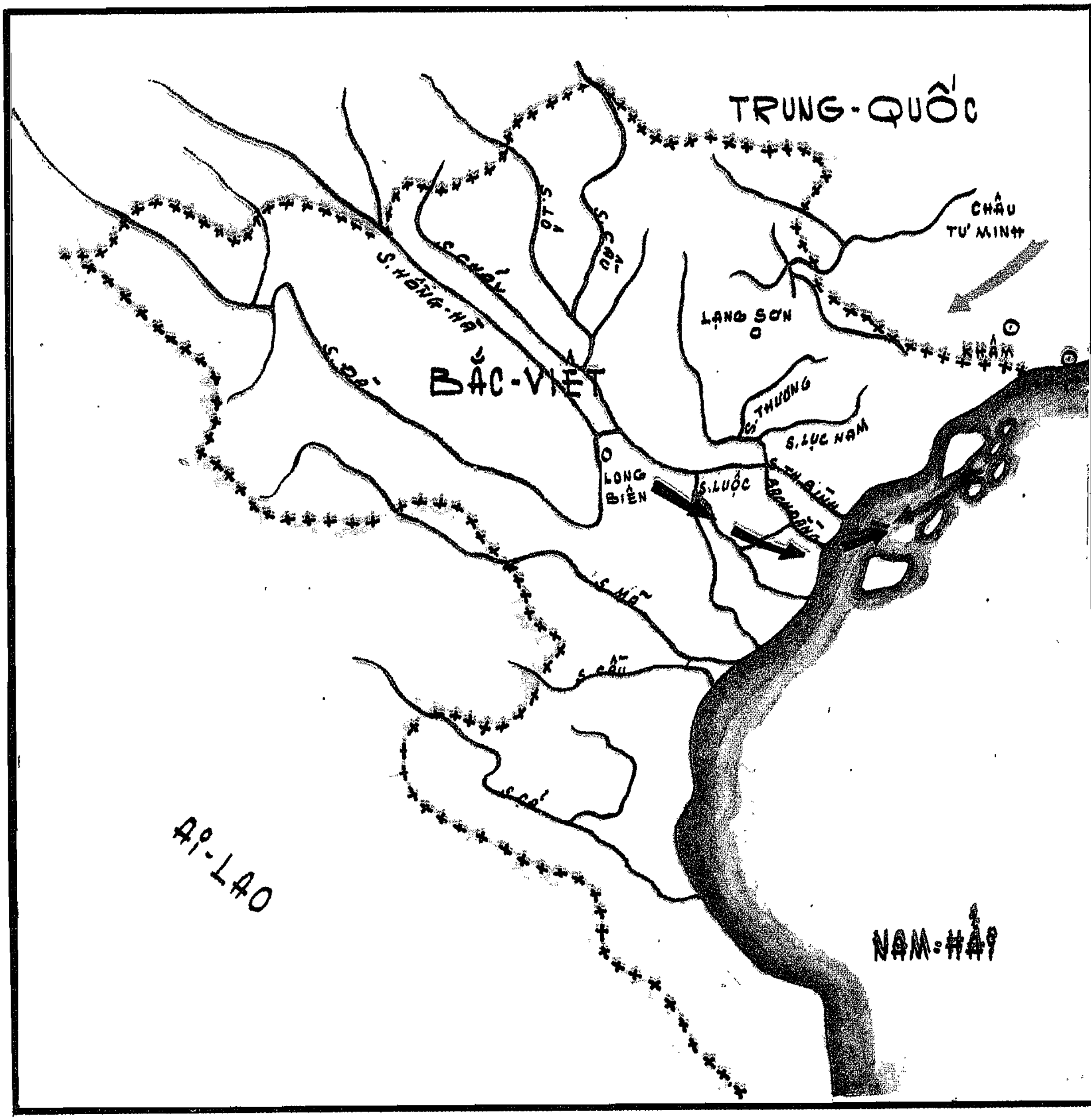
Loạn Thập Nhị Sứ quân bắt nguồn từ lâu đời do quý-tộc bản-địa có uy-thế ở các địa phương, thật ra đã được nảy nở và trưởng thành trong thời Bắc-thuộc. Những phần tử này có đầu óc chống đế quốc, nhưng khi thấy Ngô Quyền kiệt-hiệt hơn họ phải quy phục về nhà Ngô. Sau này con của Ngô-Vương tỏ ra bất tài, họ bất phục rồi mỗi lãnh-tụ cát-cứ một vùng không đếm xỉa đến chính quyền Trung-ương nữa. Rồi họ đem quân đánh nhau để giành địa vị và quyền lợi.

Trong đám 12 Sứ quân người tài giỏi hơn cả là Đinh-Bộ-Lĩnh đã quy tụ được nhiều anh hùng hào kiệt dưới trướng, khuất phục được dần các Sứ quân khác và chấm dứt được cuộc nội chiến kéo dài tới 22 năm ròng làm hao tổn khá nhiều nguyên lực quốc gia.

Sa-Đéc
Sunday, February 28, 2016



CHIẾN CÔNG BẠCH-ĐẰNG CỦA NGÔ-QUYỀN



: *Lực-lượng của Ngô-Vương-Quyền.*

: *Lực-lượng của Nam Hán.*

CHƯƠNG III

NHÀ ĐINH và TIỀN LÊ (968 – 1009)

Lê-Hoàn đánh Tống năm Tân-Tị (981)

Nhà - ĐINH bắt đầu từ năm Mậu-Thìn (968) Đinh-Bộ-Lĩnh, đặt quốc hiệu là Đại-Cồ-Việt, lấy niên-hiệu là Thái-Bình nguyên niên, đóng đô ở Hoa-Lư (Ninh-Bình).

Vì biết chủ trương của Hán-tộc bao giờ cũng đòi hỏi sự thần phục của các nước nhỏ ngoài biên viễn và xét Trung-quốc giầu mạnh, đông đúc gấp trăm, ta không thể chống đối lâu dài được nên nhà Đinh xin mở cuộc hòa hiếu với nhà Tống lúc này đang ngự trị Bắc-Phương, Vua Tống cắt sứ sang phong cho Đinh-Tiên-Hoàng làm Giao-chỉ Quận Vương, việc ngoại-giao dưới đời Đinh với Trung-quốc được tốt đẹp, vui vẻ.

Nhà Đinh cáo chung sứ mạng vào năm 979 do Đỗ-Thích là một chi-hậu nội-thị ám sát nhà Vua và con trưởng của ngài là Nam-Việt-Vương Đinh-Liễn. Vụ thí vua tuy thành công nhưng việc cướp ngôi thất bại, Đỗ-Thích bị giết. Vệ-Vương Đinh-Tuệ mới lên 6 tuổi được tôn lập, mẹ là Dương-Thái-Hậu lãnh quyền chỉ đạo cho thiếu quân và Phụ-Chính đại-thần có Lê-Hoàn đang giữ chức thập-Đạo tướng-Quân.

Triều đình nhà Đinh lâm vào một thế bất ổn bởi Vua quá nhỏ tuổi, các Đại-thần hầu hết là các tướng lãnh đã thiếu sự đoàn kết nội-bộ. Phụ-Chính Lê-Hoàn được nhiều cảm tình của Thái-Hậu, trong tay nắm hết binh quyền nên đã cấu thành một lực lượng mạnh tại triều. Nhưng ông không thu phục được mấy quân-nhân có uy tín như Đinh-Điền, Nguyễn-Bặc, Phạm-Hạp vì thế mấy ông này đã thành phe đối lập, rồi họ rút vào Ái-Châu (Thanh-Hóa) chống lại họ Lê.

Vụ này bị thất bại. Nhưng vì có những cuộc lộn xộn này, quan lại nhà Tống ở bên kia biên-giới nhòm thấy nên triều Tống đã lợi dụng cơ-hội để xua quân qua Giao-châu.

Đại quân của Tống đã vội vã lên đường tiến về phương Nam do các Tướng Hầu-Nhân-Bảo, Tôn-Toàn-Hưng, Trần-Khâm-Tố, Lưu-Trừng chỉ-huy trên bộ và dưới nước.

Hầu-Nhân-Bảo được lĩnh chức Giao-Châu thủy-lục chuyển-vận-sứ và nếu việc xâm-lược thành công Y có nhiệm-vụ thiết lập ngay nền đô-hộ của nhà Tống ở đất nước ta.

Trong một Hội-nghị quan trọng và bất thường nhóm họp để bàn kế chống quân Tống, người ta đã đưa ra một vấn đề tiên quyết là phải tôn lập ngay một Vị Quốc Trưởng đủ tư cách lãnh đạo Quốc-gia, xét tự quân ít tuổi rất không có lợi trước một tình thế đặc biệt nghiêm trọng. Nhu-cầu của lịch-sử trong giai-đoạn này đòi hỏi một vị Hoàng-đế đủ tài và uy-tín để mỗi cấp quân dân sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh nhiên-hậu việc chống giặc mới có hiệu lực và thưởng phạt mới có phân-minh — Xét ra mọi người muốn LÊ-HOÀN có một địa vị rõ ràng rồi đề-nghị này được Thái-Hậu cũng như đa số các quan tán thành. LÊ-HOÀN được mời lên ngai vàng trước sự hoan hô nhiệt liệt của quân dân.

LÊ-HOÀN lấy niên hiệu là THIÊN-PHÚC (980-988) xưng là ĐẠI-HÀNH Hoàng-Đế. Sinh quán của Ông là Làng Ninh-Thái, Huyện Thanh-Liêm, Tỉnh Hà-Nam.

Trong lúc quân Tống còn rập-rình ngoài cõi, LÊ-HOÀN cho sứ mang thư sang Tống nói là của

ĐINH-TUỆ xin phong để thăm dò thái-độ của Bắc-Triều.

Vua tôi nhà Tống đã lên tiếng trách LÊ-HOÀN xưng đế và lừa gạt họ, đồng thời họ đòi đưa mẹ con ĐINH-TUỆ sang chầu để được thụ phong. ĐINH-TUỆ sẽ được phong làm Thống-Soái, LÊ-HOÀN được làm Phó. Bên trong kế-hoạch của Tống là sẽ giữ lấy mẹ con ĐINH-TUỆ là dòng chính thống rồi mượn cớ bảo vệ dòng chính thống sẽ mang quân dẹp LÊ-HOÀN cho có chính nghĩa.

Lê-Hoàn biết ý nên chuẩn bị quân đội đón giặc ngoài biên giới. Tháng 3 năm Tân-Tị (981) tướng nhà Tống là Hầu nhân-Bảo và Tôn-toàn-Hưng kéo lục quân vào Lạng-Sơn là đường bộ, Lưu-Trừng lĩnh thủy quân dùng đường thủy là con sông Bạch-Đằng tiến vào nội-địa nước ta.

Vua Lê-đại-Hành đã bố trí sẵn sàng quân đội ở các địa-điểm then chốt trên bộ cũng như dưới thủy. Lúc này quân Tống đang mạnh, khí-thế hăng hái nên sau cuộc giáp chiến quân ta thấy khó thắng phải rút lui. Giặc tiến thêm bước nữa vào tới Chi-Lăng (vẫn thuộc Lạng-Sơn). Vua Đại-Hành lập kế trá hàng dụ họ Hầu vào đến chỗ hiểm có lực lượng mai phục bắt được chủ tướng rồi giết đi. Quá nửa quân địch cũng bị đánh tan. Ta lại bắt thêm được hai viên bộ tướng. Được tin đại-bộ-phận quân đội mình thất bại, tướng Lưu-Trừng coi thủy quân vội kéo chiến thuyền chạy luôn. Xong việc, vua Lê xin trả ngay tù binh và nộp cống. Bắc triều đang bị Hung-nô quấy rối ngoài biên, cũng thuận rồi phong chức Tiết độ sứ cho nhà vua.

Đây là chiến thắng thứ hai rất vẻ vang của người Việt-Nam chúng ta sau 42 năm từ Nam-Hán đến nhà Tống nhưng cái tài trí và tinh-thần anh dũng này còn được nối truyền đến các triều đại sau nữa cho tới hiện kim mỗi khi Quốc-gia chúng ta bị nạn xâm lăng.

Từ cuộc thắng Tống người Việt có sự tự tin, tự cường hơn bao giờ hết, và tuy thắng trận LÊ HOÀN vẫn cho sứ sang biếu Tống-triều các phương vật, viết thư cầu phong bằng lời lẽ khiêm nhường để Tống-triều khỏi mất thể diện. Vua Tiền-Lê quan niệm nước nhỏ giao tranh với nước lớn là điều bất lợi, nếu trường-chiến có thể tai hại khó lường nên Ngài áp-dụng lời ngạn ngữ « *tránh voi không xấu mặt* ».

Về phần nhà Tống thấy người Việt là giống kiêu hùng, đánh đã chẳng được thì cho giảng hòa mà vẫn được họ thần phục đủ đẹp rồi nên đã vui vẻ tiếp đón sứ giả Giao-châu. Sau việc trao đổi ngoại giao, sứ giả Nam Bắc qua lại mấy lần, tới năm 990 Tống phong LÊ-HOÀN chức « Đặc-Tiến » là chức lớn nhất cho các khanh tướng có công cao đức trọng đời bấy giờ.

Ba năm sau vua Tống lại cho VƯƠNG-THẾ-TẮC và LÝ-CƯ-GIẢN đem chiếu sách phong LÊ-HOÀN làm Tĩnh-Hải-Quận Tiết Độ-Sứ Giao-Chỉ-Quận Vương.

Năm 995 tuy Giao-chỉ vẫn hòa hiếu với Tống, nhưng LÊ-HOÀN cậy có rừng rậm núi cao, địa thế hiểm trở thả bọn biên dân sang cướp phá các vùng lân cận đất Tàu, Chuyển-vận-Sứ Quảng-Tây là Trương-Quan và chức binh-mã-giám áp ở trấn Như-hồng (thuộc Khâm-Châu) là Vệ-Chiêu-Mỹ sớ tấu về triều rằng Giao-chỉ có hơn 100 thuyền chiến vào cướp trấn, hiếp dân, tước đoạt kho tàng rồi bỏ đi.

Mùa hè năm ấy Châu TÔ MẬU của ta đem 5.000 hương binh vào lấn Châu Ung nhưng bị chức ĐÔ TUẦN-KIỂM là DƯƠNG-VĂN-KIỆT đánh đuổi được. Tống triều cũng làm ngơ.

Cũng năm, LÝ-NHƯỢC-CHUYẾT đem thư và đai ngọc sang phong cho LÊ-HOÀN. Họ Lê thong thả bảo NHƯỢC-CHUYẾT :

« Năm xưa cướp ở Như-Hồng là giặc bể ngoài cõi, Hoàng-Đế có biết là không phải quân Giao-Châu chưa ? Giả sử là quân Giao-Châu thì trước đánh Phiên-Ngung, sau đánh Mân-Việt, há chỉ đánh trấn Như-Hồng mà thôi sao ?

Thật là luận điệu hào hùng của kẻ mạnh.

Năm Đinh-Dậu (997) LÊ-HOÀN lại được gia phong Nam-Bình-Vương. LÊ-HOÀN lấy làm cảm kích rồi trong năm ấy quân Chiêm quấy rối ngoài biên, LÊ-HOÀN đánh đuổi được liền gửi biểu sang Trung-Quốc thuật chuyện dẹp Chiêm, biếu phương vật và kết luận cho đẹp lòng Vua Tống là việc thắng Chiêm đã nhờ ở « *đức hóa của triều-đình* » khiến Vua Tống rất vui vẻ và hỏi thăm LÊ-HOÀN rất nồng nhiệt.

Trong cuộc tiếp xúc với sứ giả nhà Tống, LÊ-HOÀN luôn luôn chú ý đến vấn đề quốc thể nên không bỏ lỡ một cơ-hội nào để biểu-dương tinh thần anh dũng của phương Nam. Ông Vua quân nhân này tuy thấy sự hòa hiếu với Bắc-triều là cần cho nền an-ninh của Quốc-Gia, hạnh phúc của nhân dân nhưng cũng quan-niệm rằng cử chỉ bất khuất của vị Quốc-Trưởng cũng có ảnh hưởng trên phương diện này, nghĩa là nếu nhà Vua tỏ ra hèn yếu trước Bắc triều thì cũng có thể do thái độ khiếp-nhược của mình mà kẻ địch sẽ coi thường mình và nẩy ra nhiều manh-tâm xâm-lược.

Với ý nghĩ này khi đón tiếp sứ giả, LÊ-HOÀN cứ ngồi trên mình ngựa mà thi lễ rồi cùng dong cương với sứ giả mà tiến bước. Để uy hiếp tinh thần sứ giả, nhà Vua cho đem rắn dài vài trượng đề-nghị nếu sứ giả ưng sẽ giết rắn nấu cỗ. Nhà Vua còn cho dắt hai con cọp lớn đến chầu, sứ giả đều không nhận.

Việc đánh Chiêm-Thành : Năm 982, LÊ-HOÀN đã thắt chặt được mối bang giao với nhà Tống liền cất quân qua Chiêm-Thành lấy lý-do người Chiêm đã khước từ sự hòa hiếu với người Việt, lại còn giam giữ sứ-giả là Từ-Mục và Ngô-tử-Cảnh.

Cuộc xung đột giữa hai quân đã xảy ra, Quân Chiêm đại bại. Tướng Chiêm là TỲ-MY-THUẾ chết tại trận, nhiều binh sĩ Chiêm bị bắt làm tù binh cùng với 100 cung-nữ Chiêm và một nhà Sư Tây Trúc, vàng, ngọc châu báu của Chiêm cũng bị tịch thu khá nhiều, các lăng miếu của Hoàng-Gia Chiêm bị san phẳng. Sau đó đoàn quân chiến thắng rầm rộ kéo về kinh-đô Hoa-Lư.

Dẹp giặc ngoài xong LÊ-HOÀN vẫn còn phải bình định xứ-sở.

Năm 989 có DƯƠNG-TIẾN-LỘC là Quản-Giáp có nhiệm vụ thâu thuế ở Hoan-Châu và Ái-Châu (Thanh-Nghệ) đã xui dân địa phương nổi loạn và liên lạc với Chiêm để lấy hậu-thuẫn. LÊ-HOÀN đem quân đi đánh, bắt được TIẾN-LỘC và một số loạn quân đem giết.

Năm 997 LÊ-HOÀN trừ được bọn ĐỖ-ĐỘNG và bè đảng mang về kinh sư.

Năm 999 bốn mươi chín động Hà-Nam thuộc Thanh-Hóa cũng dấy động, nhà Vua cũng dẹp yên cả.

Năm 1000 tại Châu-Phong (Vĩnh-Yên) Trịnh-Hoàng làm giặc chạy vào núi Tản-Viên (Sơn-Tây) nhà Vua cũng tiêu diệt xong.

Năm 1001, có loạn rợ Cử Long ở Phủ Quảng-Hóa thuộc Thanh-Hóa, nhà Vua đốc chiến, vây hãm được giặc ở bên sông và thắng trận.

Xin lưu ý : Từ đầu Công-nguyên dân Chiêm đã nhiều phen quấy phá dân Việt mặc dầu thuả đó dân Việt đang bị Hán-thuộc Chiêm cũng không kiêng nể Hán triều, sau này dân tộc ta giành được quyền tự chủ Chiêm cũng có ý rẻ khinh nên từ đời Đinh, Lê (Tiền Lê) dân tộc ta quan niệm phải cương quyết đàn áp dân tộc Chiêm mới giữ vững được nền an-ninh Quốc-Gia. Quan niệm này rất đúng và đã được minh chứng bởi việc Chiêm đã khước từ ngoại giao với Việt lại còn bắt giam sứ giả Việt cùng dung dưỡng quân phiến loạn của ta trên đất nước của họ.

(Trường - hợp Ngô - nhật - Khánh sau khi Dương - hậu nhường ngôi cho LÊ - HOÀN). Thuở đó đường vô Chiêm-Thành rất khó đi và ta xét còn phải Nam tiến nhiều nên Vua Đại-Hành huy động tới 30.000 lính mở đường bộ từ cửa biển Nam-giới đến Châu Đại-Lý (đất Chiêm bấy giờ, tức Phủ Quảng-Ninh, Tỉnh Quảng-Bình ngày nay) nhà vua còn cho đào cảng để tránh những sự khó khăn khi phải vượt núi Đồng-Cộ thuộc xã Đan-Nê Huyện Yên-Định, Tỉnh Thanh-Hóa mới đến sông Ba-Hòa thuộc Tỉnh này.

Nhờ có sự sửa sang đường xá và mở cảng (Cảng này tên là Đa-Cái) cuộc Nam tiến từ đó về sau khá thuận tiện cả hai mặt thủy bộ. Đại-Hành Hoàng-Đế ở ngôi được 24 năm và mất năm 1005. Kế tiếp ngài là Long-Đĩnh tức Ngoạ-triều-đế, ông Vua này nổi tiếng dâm ác vì thế mà nhà Hậu-Lý được lãnh sứ mạng lãnh đạo Quốc-Gia Việt-Nam.

MỘT TRANG SỬ NGOẠI GIAO KỲ THÚ GIỮA NHÀ TIỀN-LÊ VÀ TRIỀU-TỐNG

Với những trang trên đây chúng ta thấy Lê-Hoàn đã đánh một đòn quân-sự chí-tử vào binh-đội xâm-lăng của nhà Tống : Tướng Tống Chỉ-Huy Hầu-nhân-Bảo bỏ mạng ở Ôn-Khâu (Lạng-Sơn) hai bộ tướng bị bắt làm tù binh, nửa phần của đại quân bị sát hại, còn lại bao nhiêu

tan vỡ hết. Thủy quân dưới quyền điều khiển của Lưu-Trừng nghe tin cũng hoảng hốt, kéo cờ chạy dài khiến tại Biện-kinh vua tôi nhà Tống bị nhục nhã vuốt mặt không kịp.

Nhưng rồi để chấm dứt chiến tranh cho khỏi tổn hại sinh linh, vua Lê-Đại-Hành liền cho sứ mở cuộc hòa-hiếu với Bắc-triều. trả hai tướng Quách - quân - Biện và Triệu phụng - Huấn cùng nhiều tù, hàng binh, lại báo tin vừa dẹp xong quân Chiêm-thành và xin chịu lệ tiến cống. Thế là vừa đánh xừa xoa, lấy quân sự gây uy thế chánh-trì, tỏ cho địch thấy Đại-Cồ-Việt tuy nhỏ mà hùng không chịu để thiên hạ coi thường. Trong những cuộc giao-dịch vua Đại-Hành không bao giờ quên đề-cao quốc thể khiến trong các tờ biểu, điểm này rất được các sứ giả của Tống luôn luôn chú ý rồi họ trình lên triều-đình của họ cho vua tôi cùng thấy cái hùng khí của phương Nam. Ngoài ra vua Tiền-Lê tận dụng các nhà trí-thức như Đỗ-Pháp-Thuận và Ngô-chân-Lưu là hai vi tu-sĩ nổi tiếng uyên bác về Nho học và Phật-học. Hai ông đã thảo những văn thư ngoại-giao trác-tuyệt làm nổi bật tính cách văn hiến của người Giao-Châu chúng ta thuở đó càng làm cho Bắc phương vị nể thêm. Nói cho đúng, xưa cũng như nay, một quốc - gia nếu chỉ có những nhân vật vũ-biền thuần túy thì làm sao khuất-phục được thiên hạ nhất là người Nam và Bắc rất lưu tâm về văn học cũng như tâm-lý-chiến mỗi khi xúc-tiếp với nhau. Rồi trong thuở xa xôi của lịch-sử một bài thơ, một cuộc thù tạc thường đã quyết định Hòa-bình hay Chiến tranh, ai dám bảo một câu thơ, một lời nói không có giá-trị hơn cả một đạo quân hùng mạnh ?

Trong một cuộc tiếp sứ vào năm 987, Vua Đại-Hành cho Pháp-sư Đỗ-Pháp-Thuận giả làm người lái đò mang thuyền ra đón sứ vô nhà trạm dịch. Sứ Tàu ưa làm thơ vì họ thường là những nhà văn học rất sở-trường về ngâm vịnh. Vị Sứ giả thuở đó là Lý-Giác khi qua sông thấy có hai con ngỗng đang bơi lội trên nước liền đọc hai câu :

« Nga nga lưỡng nga nga,
« Ngưỡng diện hướng thiên nha. »

tức là :

« Song song hai con ngỗng,
« Ven trời ngửa mặt trông.»

Người lái đò vừa khua chèo vừa nối vần :

« Bạch mao phô lục thủy,
« Hồng trạo bãi thanh ba.

tức là :

« Lông trắng phô nước biếc,
« Giòng xanh vẫy chèo hồng. »

Lý-Giác hoảng hốt không ngờ người bình dân nước Việt đã hay chữ lại có tài mẫn tiệp như vậy. Rồi về tới sứ quán an nghỉ, Lý Giác tặng pháp sư bài thơ sau này :

« Hạnh ngộ minh thời tán thịnh du
« Nhất thân nhị độ sứ Giao chu (Châu),
« Đông đô nhất biệt tâm vưu luyến,
« Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu ;
« Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,
« Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu ;
« Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu
« Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu...

Ý nói rằng : may gặp đời thái bình khen mưu thịnh-trị của nhà vua — Một mình hai lần sang sứ Giao-Châu. Hai lần từ biệt chốn Đông đô — Vô cùng luyến tiếc nước Nam-Việt nghìn trùng, xiết bao mong mỏi — Vó ngựa đạp lên mây khỏi như xuyên đá phẳng — Bánh xe vừa khỏi chốn rừng xanh đã tới ngọn dòng sông dài. Ngoài trời ánh thái dương soi xa khắp núi — Khe, đầm lặng sóng trông rõ mặt trăng thu.

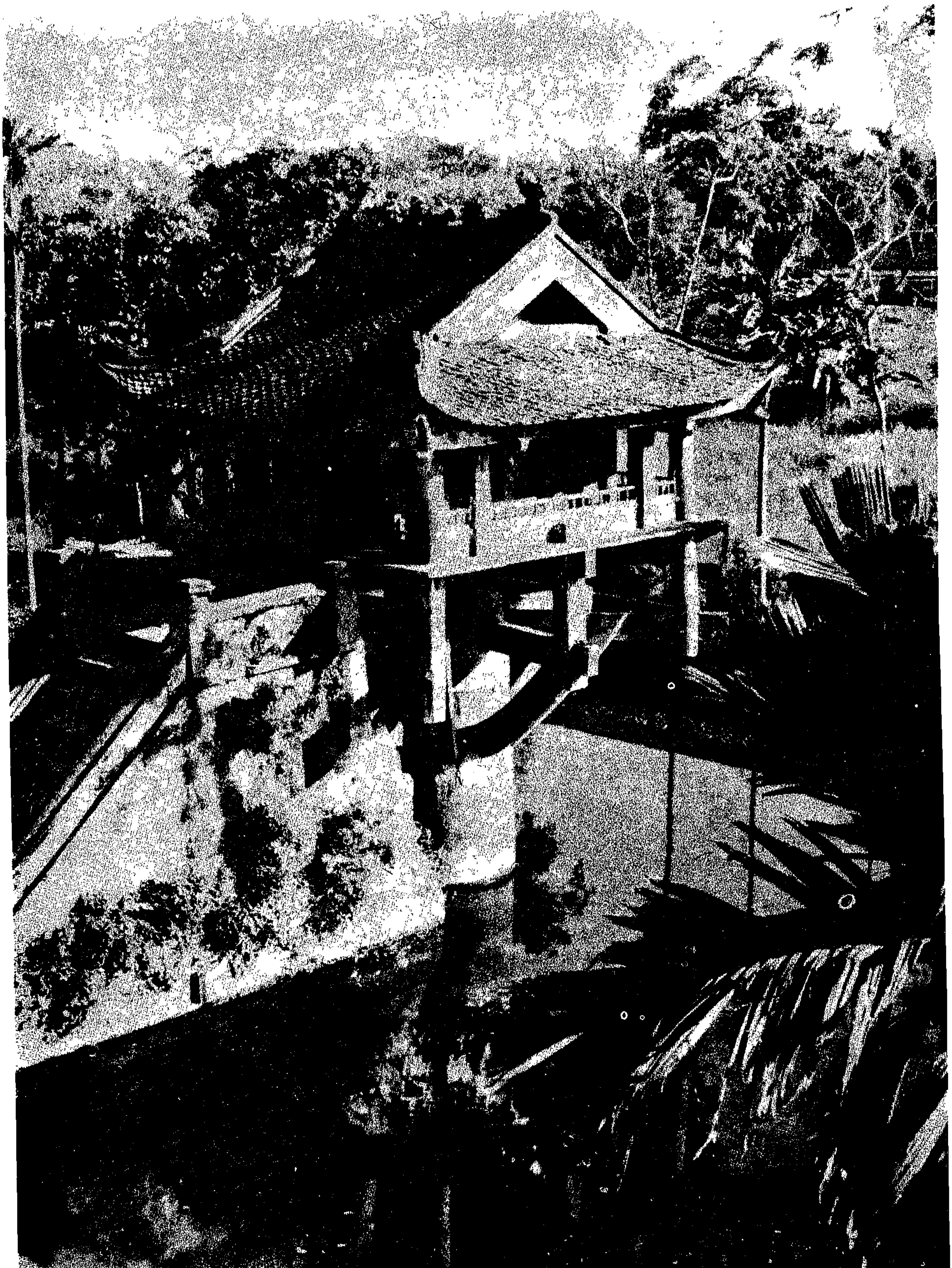
Pháp sư dâng bài thơ lên Lê-Đại-Hành. Vua Lê-Đại-Hành trao cho các sư Khuông-Việt và Ngô Châu-Lưu coi. Ngô tâu rằng xem lời thơ này Lý Giác tôn nhà vua chẳng kém gì Tống-đế. Lê-Đại-Hành cảm lòng sứ Tàu cho tiếp đãi nồng hậu : Khi Lý-Giác ra về, Khuông-Việt được lệnh làm bài thơ tiễn biệt.

« Tường quang phong hảo cẩm phàm trương,
« Giao vọng thần tiên phục đế hương.
« Vạn trùng san thủy thiệp Thương-lang,
« Cửu thiên quy lộ trường,
« Nhân tình thảm thiết đối ly trường.
« Phan luyến sứ tình lang,
« Nguyện tương thâm ý vị biên cương
« Phân minh tấu ngã Hoàng

Dịch : Gió lạnh đầy đưa cánh buồm gấm về cõi thần tiên là chốn đế hương — Non nước xa thẳm muôn trùng qua Thương Lang — Về chín từng trời đường đi còn dài — cảm tình tha thiết — Nâng chén đầy tỏ lòng luyến sứ — Xin đem thâm ý chốn biên cương tâu rõ ràng lên đức Vua cho...

Xem những bài thơ trên đây ta thấy lời lẽ đậm đà tha thiết. Kẻ ở lại, người lên đường về, Nam Bắc tuy hai mà như một đã cùng tỏ sự mến tiếc nhau rất thành-thực, rất lâm-ly, vậy mà bẩy tám năm trước hai dân tộc đã xâu xé nhau vô cùng kịch liệt. Việc ngoại-giao để chinh phục cảm tình đến thế là thành công nhất. Qua các đời sau, tiền bối của chúng ta còn viết tiếp được những trang sử ngoại-giao loại khác thú vị hơn nữa với người phương Bắc cũng sau những giai-đoạn xung đột đầy máu và nước mắt. Tóm lại, lấy sức đối với nhau, ta chẳng thua người, lấy tình mà khu xử ta cũng chẳng kém.

(Xin xem bản đồ Lê-Hoàn đánh Tống ở bản đồ Ngô-Quyền phá quân Nam-Hán, trong đó có ghi rõ lục quân của đôi bên đều hướng về Chi-Lăng và Lạng-Sơn, thủy quân Việt-Tống gặp nhau ở sông Bạch-Đằng)



Chùa một cột (xây dựng dưới đời nhà Lý)

CHƯƠNG IV

NHÀ HẬU LÝ (1010 – 1225)

Nhà Hậu Lý (1010 – 1225)
kiến quốc và bành trướng cương thổ.

Đến nhà Hậu-Lý. Ông Vua khai sáng của triều-đại không xuất thân vũ biền như những Ông Vua các đời trước. Đời sống của dân-tộc đã được tiến triền một cách bình thường. Nạn tam phân ngũ liệt, các cuộc tranh giành địa-vị ở địa-phương có tính cách quân phiệt cũng đã dứt.

Lần này Vua Thái-Tổ nhà Hậu-Lý ra đời ở chốn thiền môn, thuở nhỏ là con nuôi của một nhà sư tên là Lý-Khánh-Vân. Ông có học và có nhiều đức độ nhờ vậy được làm quan dưới đời Tiền-Lê và thăng dần lên chức Tả-thân-vệ Điện-Tiền chỉ-huy sứ. Lúc này ông đã ngoài 35 tuổi.

Khi con cháu Vua Đại-Hành bị truất phế Ông được tôn lập. Do có nhiều ý thức chánh trị và quân sự Ông mở mang được nhiều việc quan-trọng trong nước và với Ông một triều đại thịnh trị và lâu bền được xuất hiện trên lịch sử Việt-Nam.

Ông định lại triều nghi, chấn hưng nông-nghiệp, sắp lại các ngạch thuế, đắp đê Cơ-xá, chỉnh đốn văn-học, xây dựng chùa chiền, v.v...

Trong đời Vua Thái-Tổ đã có nhiều việc đánh dẹp như sau :

Năm Thuận-Thiên thứ 5 (1014) Man-Tướng ở Hạc-thác (tức là Nam-Chiếu) là Dương-Trường-Huệ và Đoàn-Kính đem 200.000 quân vào cướp đất của nước ta (lúc này gọi là Đại-Việt) ở Thượng-Du. Châu-Mục ở Bình-Lâm tức huyện Quảng-Nguyên, tỉnh Cao-Bằng ngày nay, tâu về triều Lý-Thái-Tổ sai Dực-Thánh-Vương đi đánh giết được hàng vạn quân giặc và đuổi được chúng ra khỏi bờ cõi.

Trước đó vào năm 1011, Rợ Cử Long cậy có địa thế núi rừng hiểm trở đã từng dấy động nay lại nổi dậy. Nhà vua đích thân cầm quân và bắt được thủ lĩnh. Rợ Cử-Long bị diệt hẳn từ đó.

Năm Nhâm-Tý (1023), Thái-Tổ cũng mang quân vào Diễn-Châu (Nghệ-An) dẹp loạn vẫn do quân Mán Hạc Thác gây nên có sự đồng lõa của Châu-Mục, Hà-Trắc-Tuấn.

Tháng 2 năm Ất-mão (1026) Hà-Trắc-Tuấn lại chiếm các Châu Vi-Long (tức Chiêm-Hóa ngày nay) Đô-Kim, Huyện Hàm-Yên Tỉnh Tuyên-Quang và nhiều vùng phụ-cận. Dực-Thành Vương và Vũ-Đức-Vương đi đánh bắt được Hà-Trắc-Tuấn mang về Kinh trị tội.

Tháng chạp năm 1020, Lý-Thái-Tổ cử Khai Thiên-Vương và Đào-Thạc-Phụ xuất binh đánh Chiêm-Thành lúc này đang quy tụ tại 3 Huyện Bình-Chính, Minh-Chính và Bố-Trạch (Quảng Bình ngày nay) chém được Tướng Chiêm là Bố-Lĩnh. Quân Chiêm thua lớn.

Năm 1027 quân triều đình đi tiễu phạt các quân phiến loạn ở các Tỉnh đồng rừng miền Đông-Bắc là Châu Văn-Uyên thuộc Tỉnh Lạng-Sơn, Thất-Nguyên tức Thất Khê.

Nay xét thì thấy các võ-công dưới đời Vua Thái-Tổ, Lý-Công-Uẩn có khá nhiều nhưng các chiến dịch thật lớn không có mấy. Điều này tỏ rằng nhân dân các vùng xa xôi đặc biệt là các vùng Thượng chưa hoàn toàn quy phục triều đình, nền an ninh quốc-gia chỉ mới thực hiện được một cách khả quan ở các miền Trung-châu mà thôi.

Vì có nhiều sự nhiễu loạn nhà Vua phải lo lắng nhiều về việc quân, các Hoàng-tử phải học tập quân sự, chuyên đọc binh thư, các hoàng thân

quốc thích được phép tuyển mộ quân-đội nhờ đó uy-thế triều đình được ngày thêm mạnh mẽ và mở rộng dần.

Vua Thái-Tổ mất năm Thiên-thành (1028) thọ được 55 tuổi, ở ngôi được 19 năm.

*
* *

VUA LÝ-THÁI-TÔN (1028-1054)

Vua Thái-Tôn nhà Lý lên thay Vua Thái-Tổ cũng đã phải giải-quyết nhiều việc chánh-trị để dân chúng mỗi ngày sống thêm hạnh phúc, tỷ-dụ sửa đổi những điều luật gắt gao, thuận cho những kẻ phạm pháp được lấy tiền chuộc tội, giảm án tù cho người già, bãi bỏ chế-độ mua nô tì từ 18 tuổi trở lên.

Đến đời Vua Thái-Tôn, nền an-ninh quốc-gia vẫn chưa được ổn định hoàn toàn nhất là với các Miền Thượng-Du với các sắc dân Mường, Thổ, Nùng v...v.., Các tù trưởng ở đây vẫn chưa bị nắm giữ chặt chẽ do Chính quyền Trung-Ương đáng lẽ họ phải bị đặt dưới quyền kiểm soát của các quan Tiết-Trấn hay Trấn-Thủ. Họ được tự do nhiều quá, được giữ nhiều quyền hành nên không biết tới triều đình nhất là họ cậy có rừng núi sơn xuyên cách trở. Ngoài ra Triều-đình cũng chưa thật sự thi-hành một biện pháp thích-đáng nào đối với họ, trái lại các thành-phần phong-kiến người Kinh thì đã đi dần vào kỷ-luật Quốc-Gia.

Vua Thái-tôn luôn luôn phải thân đi đánh dẹp đáng để ý nhất là giặc Nùng ở Quảng-Nguyên (Lạng-Sơn) đã nổi lên năm Mậu-Dần (1038) do lãnh-tụ là Nùng-Tồn-Phúc và Nùng-Tồn-Lộc, cát cứ bấy lâu ở Châu Đảng-Ro lân cận Cao-Bằng và Lạng-Sơn thuộc Châu Quảng-Nguyên bấy giờ.

Đảng giặc này một thời có ảnh-hưởng bao trùm khắp vùng Đông-Bắc (Bắc-Việt) và Đảng-trưởng tự xưng là Chiêu-thánh Hoàng-Đế. Từ khi có cuộc chống đối với triều đình y không tiến cống nữa để ra mặt tuyệt-giao.

Vua Thái-Tôn cầm đầu cuộc hành quân bắt được anh em họ Nùng đem về kinh làm tội, vợ con Nùng-Tồn-Phúc trốn thoát. Đáng chú ý con Phúc là Nùng-Trí-Cao có tài c^ chí sau đó lại nổi lên chống nhà Lý lập Châu Đảng Ro ra Đại-Lịch-quốc.

Cuộc hành binh kỳ thứ ba bắt được Cao nhưng sau Cao được trả tự do và được phong là Quảng-Uyên-Mục, gia phong hàm Thái-Bảo.

Năm Mậu-Tý (1048) Cao lại phản xưng là Nhân-Huệ Hoàng-đế, đặt quốc hiệu Đại-Nam cho vùng ảnh-hưởng của y. Triều đình lại cử đại quân lên mạn ngược. Lần này Cao thi hành thủ đoạn dựa vào Bắc-triều để chống Đại-Việt, y biết hai triều đình Tống, Lý có mâu thuẫn bên trong nên đã cử người đến triều Tống xin cho phép xây dựng một « Quốc-gia Nùng» dưới quyền bảo-trợ của nhà Tống. Y muốn thành một đệ-tam lực-lượng giữa hai khối Nam, Bắc trong khi y chưa có một thế mạnh để tranh giành.

Kế hoạch này không được Tống-triều chấp thuận vì Tống-triều không muốn gây hấn, với nhà Lý do thấy dân ta đã thành một nước khá mạnh ở phương Nam.

Không được vừa ý, vào khoảng tháng 10-1051 họ Nùng quay ra chống lại nhà Tống, đem quân tấn công Tân-Châu và Ung-Châu của Tống, sau đó người Nùng làm chủ được 8 Châu lân cận Quảng-Đông và Quảng-Tây khiến triều Tống bị xúc động.

Nhà Tống rất lúng túng mấy phen tính thỏa mãn các yêu-sách của Nùng-Trí-Cao, tỉ-dụ phong cho Cao làm Tiết-Độ-Sứ Châu Ung, Châu Qúi lại có khi Tống định nhờ nhà Lý tiêu diệt Cao... nhưng Đại Tướng Địch-Thanh đã cương quyết phản đối sau Vua Tống giao cho Địch-Thanh đi đánh Nùng. Quân Tống một thời trải nhiều gian lao mới trừ được Cao nhờ được chỗ Nùng-trí-Cao khinh địch và nội tuyến của Tống lọt được vào hàng ngũ của Cao.

Một vài sử gia bàn rằng nhà Lý thuở đó đã thấy thế nước vững nên có chủ trương bành-trướng cương-thổ về phương Bắc và phương Nam.

Mở rộng đất đai về phương Bắc tức là thâu hồi Lưỡng Quảng (Quảng-Đông và Quảng-Tây) mà dân tộc ta quan niệm vùng này là đất cũ của Lạc Việt đã mất với Tàu cuối đời Triệu (207-111 trước C. N.)

Nhưng muốn thực hành hoài-bão giành Lưỡng-Quảng với Tống, Lý triều cần phải có người hiểu rõ địa-thế, tình hình địa-phương ở bên kia giới tuyến; đồng thời người đó phải biết nội-tình quân đội Tống, như vậy người ấy phải là Nùng-Trí-Cao bởi đã sinh trưởng giữa hai biên-khu Nam-Bắc và tuy Cao mấy phen bại trận nhưng Cao vẫn đáng kể là kẻ anh hùng, vua Thái-Tôn vì thế đã ân-xá cho Cao lại còn phong chức chúa-tể cho Cao từ Lạng-Sơn lên đến Cao-Bằng. Nhưng Cao không ham cái vinh-hoa nô-lệ nên ở Thăng-Long 6 năm làm tôi triều Lý, giúp Lý đánh Đông dẹp Bắc, lần chót được cử đi dẹp loạn ở Phó-Bình-Gia (Lạng-Sơn) thì Cao đi thẳng về Châu Đảng Ro rồi đi luôn vào lịch-sử một cách oai hùng.

Thái-Tôn bấy giờ cũng tích-cực nối chí các tiên-đế mở đất về phía Chiêm-Thành bởi chỉ có Chiêm là sẵn đất cho Việt phát triển mà thôi. Bấy giờ quân-lực của Lý đáng kể là mạnh. Các tướng như Lý-Thường-Kiệt, Lê-Phụng-Hiểu, Lý-nhân-Nghĩa được coi là ba hổ tướng nên Lý-triều đã bắt đầu coi thường các lân quốc nhất là đối với Chiêm Thành. Mỗi khi Chiêm sao nhãng việc xưng thần nạp cống Lý liền cử đại binh đến hỏi tội ngay.

Nhà Lý dấy nghiệp được 10 năm, Chiêm đã lợi dụng dịp bên Đại-Việt thay Vua bỏ qua việc thông sứ, hơn thế, Chiêm còn xua quân quấy rối các vùng duyên-hải của ta.

Năm Giáp-Thân nhà Lý cho sửa soạn binh thuyền lương thực để nhà Vua thân chinh.

Hai quân Việt, Chiêm gặp nhau ở phía Nam sông Ngũ-Bồ. (?) Quân Việt đánh rất hăng say và quân Chiêm chống không nổi phải bỏ chạy — Họ bị bắt 5000 tù binh và 30 thớt voi. Tướng Chiêm là Quách-Gia-Di làm phản, giết Quốc-Vương Sạ-Đẩu rồi xin hàng. Quân ta sát hại người Chiêm khá nhiều khiến Vua Thái-Tôn động lòng nhân đạo phải thiết quân luật mới chấm dứt được hành-động tàn ác của đám binh sĩ đang say men chiến thắng.

Thái-Tôn vào thành Phật-Thệ bấy giờ là quốc-đô của Chiêm thuộc Huyện Hương-Thủy, Xã Nguyệt-Biều tỉnh Thừa-Thiên ngày nay cho quân lính nghỉ ngơi rồi ban sư.

Số tù binh Chiêm đem về Bắc được lãnh đất ruộng lập ấp sinh sống tử tế, xét ra Lý-triều chỉ mục đích triệt bỏ óc kiêu hùng của một dân-tộc hiếu chiến mà thôi.

*
* *

LÝ-THÁNH-TÔN (1054 - 1072)

Lý-Thánh-Tôn nối Vua Thái-tông sau khi ngài ở ngôi được 27 năm. Thánh-tôn đã gây dựng được nhiều sự tiến bộ cho triều đại của ngài trở nên văn vật Ngài còn canh cải nhiều về quân sự nữa.

Năm 1065 — 1069 Đại-Việt dựa vào cớ Chiêm-Thành bỏ tiến cống mà xuất quân nhưng bên trong là do nhu-cầu mở rộng nguồn sống cho nhân dân, bởi người Việt mấy phen qua lại đất Chiêm thấy ở đây đất rộng người thưa có thể giải quyết nạn nhân-mãn ở đồng-bằng Bắc-Việt lúc này đã bắt đầu thành một mối lo cho chánh quyền. Ngay đối với Bắc-phương Ông cha người Việt cũng còn có chí-hướng tiến lên mặc dầu Hán tộc đông và mạnh gấp bội...

Sau này đánh Chiêm, triều Lý còn dựa vào cớ Chiêm đã thờ hai chủ vì vừa giao-dịch với Việt, vừa thần phục nhà Tống. Chiêm Vương Chế-Củ (Rudravarman III) được vua Tống ban cho ngựa trắng và cho phép mua lừa ở Quảng-Châu. Đây là sự khiêu khích đối với Việt.

Năm 1068 Vua Thánh-tôn cho lệnh sửa soạn thuyền chiến để đi đánh Chiêm (như vậy việc đào tân cảng và việc mở đường bộ đời Tiền Lê vẫn không đem lại những thuận lợi bằng hải đạo chăng?) Số lính mang đi có khoảng 30.000 đặt dưới quyền điều khiển của Lý-Thường-Kiệt và Lý đại-tướng lãnh đạo đoàn quân tiên phong.

Em Thường-Kiệt là Thường-Hiến giữ chức Tán-Kỵ Vũ-Úy.

Mỗi thuyền chiến chở nhiều nhất là 250 tên quân và tổng số thuyền chở lương thực có tất cả 200 chiếc.

Nhà Vua xuất chinh, ở lại trông nom triều chính là Ỷ-Lan Thái-Phi và vị lão-thần, Thái-Sư Lý-đạo-Thành.

Đại quân rời Thăng-Long được 7 ngày thì đến Nghệ-An, ba ngày sau thì đến cửa Nam-giới. Năm ngày nữa tới cửa Nhật-Lệ là căn-cứ thủy-quân của Chiêm. Hình như cả Việt lẫn Chiêm đều dùng thủy đạo từ trước đến nay để tiến đến nơi đánh nhau vì từ đèo Hải-vân ra Bắc cũng như từ Bắc vào đất Chiêm đường sá bị núi non rừng rậm gây nhiều trở-ngại, Chiêm cần giữ nước bằng thủy quân tức là giữ mặt biển nhiều hơn cả, coi các đèo, các sườn núi cao là những bức trường thành thiên nhiên có lợi cho mình rồi.

Quân Việt tới cửa Nhật-Lệ, quân Chiêm xông ra cản đường. Quân ta do tướng Hoàng-Kiện cầm đầu đè bẹp ngay được Chiêm và tiến thẳng đến Phật-thệ là đế-thành của người Hời.

Bốn ngày sau cờ Việt đã bay phất phới ở cửa Tư-Dung (nay gọi là Tư-Hiền) là cửa vào Thuận-Hóa qua các phá.

Từ cửa Tư-Dung đến cửa Thị-Nại thuộc Qui-Nhơn hành trình mất 3 ngày nữa. Xét ra Việt-quân đã mất 26 ngày mới từ Thăng-Long đến Kinh-đô Chàm.

Thành Phật-thệ sau gọi là Chà-Bàn (1) lúc này đã chuyển xuống địa-phận tỉnh Bình-Định ngày nay, ba mặt Tây, Nam, Bắc có núi non bao quanh, mặt đông có biển án ngữ.

Thủy quân của ta đổ bộ ở đây.

Tướng Chiêm là Bồ-Bì Đà-La dàn trận trước sông Tu-Mao để ngăn chặn, nhưng Việt-quân mạnh hơn quân Chiêm nên đã thắng. Tướng Tổng-chỉ-huy tử trận và đại-bộ-phận địch tan rã. Nhưng Việt quân còn phải vượt hai con sông nữa mới vào được tới quốc-đô của Chiêm.

Được tin quân mình đại bại ở Tu-Mao, Chiêm Vương Chế-Củ thất vọng mang vợ con đi trốn.

Quân Đại-Việt vào thành, dân chúng Chiêm ra hàng. Lý-Thường-Kiệt cho một cánh quân truy-kích Vua Chiêm vào tới Phan-Rang, Phan-Thiết.

Đám người bại vong đến biên giới Chân-lạp, thì hết đường tiến. Nguyên nhân là Chiêm Vương có thù với người Chân-Lạp. Ông Vua xấu số không còn cách nào nữa phải ra hàng. Kết quả Chế-Củ và 50.000 quân bị cầm tù. Cuộc đuổi bắt Vua Chiêm mất một tháng.

Tháng 5 đoàn quân chiến thắng hồi hương mang theo những kẻ bại trận. Sau Chế-Củ xin nộp 3 Châu Bố-Chính, Ma-Linh, Địa-Lý để chuộc tội và được tha về (những châu ấy nay là Quảng-Bình và Quảng-Trị). Điều đáng chú ý : đến đời Vua Lý-Thánh-Tông chiến lợi-phẩm không còn là vàng bạc, quý vật, việc xưng thần v...v... mà là đất đai. Sự kiện này đã là mục tiêu trong chương-trình Nam-tiến của Lý-thường-Kiệt xét ra ông là một trong những người có những tư tưởng chính-trị sâu sắc nhất thuở ấy.

Trong cuộc đánh Chiêm một việc bất ngờ đã xảy ra và có ảnh-hưởng rất lớn đến cuộc chiến tranh giữa hai nước: Nguyên vua Thánh-tông đánh Chiêm lâu không thắng có lẽ vì tướng Bố-Bì Đà-La cản được quân ta ở bên sông Tu-Mao, hoặc vì sông này có nhiều cá sấu quân ta sợ không dám qua, hoặc bởi vua Chiêm chạy thoát được nên quân ta chưa đạt được mục-đích nhà vua bỏ ra về sợ đi vắng quá lâu. Tới châu Cư-liên (?) nghe có người khen bà Nguyên-phi ở nhà giám-quốc trong nước được yên-ổn, nhà vua lấy làm tự sỉ cho rằng người đàn bà trị nước giỏi mà vua đi đánh giặc không thành công là điều hèn, vì vậy ngài cho binh đội trở lại và lần này bắt được vua Chiêm — Năm ấy là năm Kỷ-Dậu trở về triều mừng chiến thắng đổi niên-hiệu là (1069) Thánh-tông Thần-Vũ để kỷ-niệm một chiến-công oanh liệt dưới đời ngài.

Năm Nhâm-Tí (1072) Thánh-tông mất, thọ 51 tuổi trị vì được 17 năm.

***

LÝ-NHÂN-TÔNG (1072-1127)

Đến đời vua Nhân-Tông nhà Lý Việt-Nam tràn đầy nhựa sống — Mỗi ông vua lên cầm vận mệnh dân-tộc đều lo gây phát triển đất nước về mọi phương diện. Rồi dân càng tiến, nhu-cầu càng nhiều dĩ nhiên những việc canh cải vì thế cũng tăng gia thêm nhiều.

---

(1) Có sách chép lầm ra là Đồ-Bàn.

Đời vua Lý-Nhân-Tông là một thịnh thời thì bên Trung-quốc vua Tống-thần-Tông cũng đang cầm đầu một triều đại mạnh. Tề-Tướng Vương-An-Thạch là một chánh-trị-gia có nhiều sáng kiến và cũng có nhiều tham-vọng Đế-quốc : y muốn mở mang thực lực của người Hán ra ngoài biên cương.

Lúc này Vương chú ý nhiều đến việc nô-lệ-hóa những quốc-gia nhược tiểu chưa hoàn toàn khuất phục Tống tuy đã nạp cống xưng thần. Tống khó chịu nhất với Giao-Châu lúc này đã thành Đại-Việt bởi cử chỉ hiên-ngang của các vua bản-thổ kể từ Lê-Đại-Hành.

Biết ý Vương muốn lập biên công, Tri-Châu ở Phiên-Ngu (Ung-Châu) là Tiêu-Chú liền dâng sớ về triều xin đánh Đại-Việt nói rằng Đại-Việt có thể thành hậu-họa cho Trung-quốc tại phương Nam. Thật ra y có mục-đích lấy lòng cấp trên rồi chương-trình Nam-xâm của Tống-triều được nghiên-cứu để thi-hành. Từ khi xảy ra vụ Nùng-Trí-Cao cướp 8 châu ở miền Hoa-Nam của Trung-quốc Tống đã lo ngại mặc dầu sau đó họ thắng trận. Đối với nhà Lý, Tống còn e ngại hơn bởi Lý đã có nhiều phen cho biên-dân lấn đất sinh sự ngoài biên-thùy và từ khi người Việt giành được quyền tự chủ đã đẩy lui mấy lần quân đội của «thiên quốc» rất là oanh liệt. Chính bản thân Tống cũng đã nếm mùi chiến bại và mang hận cho tới bấy giờ chỉ còn có cơ hội thuận tiện để ra tay. Năm 1072 vua Lý-thánh-Tông qua đời, Dương-Hậu và Ỷ-Lan thái-phi giành nhau quyền vị. Vua Nhân-Tông (con của Ỷ-Lan thái-phi) là Thái-tử Càn-Đức lên ngôi mới có 7 tuổi. Trong triều có 2 vị đại-thần là Lý-đạo-Thành và Lý-Thường-Kiệt thường không đồng chánh-kiến. Tống cho rằng dịp may đã tới nên cử Binh-bộ Thị-lang Thẩm-Khởi lo việc xuất quân. Nhưng sau đó Tống triều lại đình-chỉ việc này do đang có chuyện binh đao với 2 nước Liêu và Hạ ở miền Bắc và tạm thời muốn giải quyết vấn đề Đại-Việt thận trọng hơn.

Tới khi Tống hòa được với Liêu, vua Tống cử Lưu-Di thay Thẩm-Khởi chiêu binh luyện mã. Tình hình giữa Lý-Tống bắt đầu gay cấn.

Lúc này xảy ra hai việc càng tăng thêm sự kình địch giữa hai nước :

1) Nùng-Thiện-Mỹ, Tri-châu Ân-Thuyền của nhà Lý có tội trốn sang Quế-Châu (Trung-quốc) được quan lại Trung-quốc dung-dưỡng cùng với 700 thuộc hạ. Lý triều lên tiếng đòi Tống làm lơ.

2) Tống còn chiêu dụ Nùng-Trí-Hội là con Nùng-Trí-Cao ở châu Qui-Hóa và hạ lệnh cho ty Kinh-lược Quảng-Tây mộ các dân-đinh các Khê-động làm thanh-viện cho Trí-Hội.

Ngọn lửa chiến-tranh bắt đầu bén cháy.

Lý triều xét đánh Tống trước có lợi hơn, nhưng trong hội nghị vị lão thần Lý-đạo-Thành không tán thành việc đánh Tống trước. Theo ý ông nước ta nhỏ gây sự với Trung-quốc là một sự táo bạo nguy-hiểm — Riêng bà Linh-nhân thái hậu và Lý-Thường-Kiệt quyết tâm ra quân — Sau đó có vụ Lý-đạo-Thành phải thuyên-chuyển vào trọng-nhậm Thanh-Hóa.

*
* *

CUỘC CHIẾN-TRANH LÝ-TỐNG

A.— QUÂN ĐẠI-VIỆT VƯỢT BIÊN-GIỚI.

Quân-đội Đại-Việt sau khi đã nghiên-cứu kế-hoạch tiến đánh quân Tống do các nẻo đường bộ dưới đây :

1) Từ Quảng-Nguyên theo bờ sông tả tấn công vào Trại Thái-Bình.

2) Từ hai Châu Tô, Mậu vượt núi qua Lộc-Châu. Cổ-Vạn, Tư-Lăng, Thượng-Tứ.

3) Từ Châu Quảng-Lăng tiến qua Thái-Bình, Bằng-Tường, Tư-Minh và Trại Vĩnh-Bình — Đại quân đi qua đường này.

Thủy-quân Đại-Việt cũng tham-gia trận đánh cùng một dịp nhắm Khâm-Châu trực chỉ.

Theo kế-hoạch, nếu thủy-quân chiếm được Khâm-Châu thì tiến thẳng đến Ung-Châu. Để phòng ngừa Tống xâm nhập vào nội-địa, quân Đại-Việt lập thành một hàng rào theo dọc biên giới nơi nào khả nghi địch có thể qua được. Đại khái quân Hạ-Du thì đóng ở Vĩnh-Yên và Thượng-Du thì theo bọc biên thùy từ các Châu Quảng-Nguyên, Quảng-Lăng, Tô, Mậu.

Xét ra nếu Tống đánh Đại-Việt thì phải xuất phát từ Ung-Châu — Đó lá đường bộ, về đường thủy thì chiến thuyền của họ phải đi từ các cửa bể Khâm và Liêm vào hải phận Đại-Việt.

Thủy quân của Đại-Việt tập trung ở cửa Đồ-Sơn (Vịnh Hạ-Long), đón thuyền giặc nhưng cánh quân đi tấn công thì vòng lối sau các núi đá mà tiến vào cửa Khâm-Châu như trên đã nói.

Chiến cuộc đã khai diễn như sau :

Các ven bờ biển của Tống thuộc tỉnh Quảng-Đông nơi nào có căn-cứ Hải-quân đều bị Đại-Việt tấn-công. Phụ-trách hải-chiến là Đại-tướng Lý-Thường-Kiệt. Nội-địa của Tống tại Quảng-Tây bị quân bộ của Tôn-Đản đánh vào do 3 đường — Các trại Hoành-Sơn, Thái-Bình, Vĩnh-Bình, Cổ-Vạn. Tiền tuyến của Ung-Châu đều bị quân ta quấy rối. Cái hàng rào này không ngăn cản nổi bước tiến của Đại-Việt. Quân Tống xuất toàn lực tiếp cứu nhau nhất là chống đỡ các địa-điềm chiến-lược ở phía Tây và Tây-Nam.

Cuộc giao tranh giữa hai quân Tống, Lý rất là ác liệt. Nhiều chúa trại của Tống tử trận (Chúa trại Hoành-Sơn, Vĩnh-Bình, Thái-Bình v.v...) Binh-sĩ Tống cũng thiệt hại vô kề nhất là ở mạn Đông-Nam vì ở đây Tống thiếu hẳn cơ-cấu phòng thủ, quân Đại-Việt đã đánh mạnh nhất vào vị-trí này, đánh rất mau và bất ngờ.

Hải-quân của ta cũng theo phương-pháp tốc chiến tấn công vào Khâm-Châu như gió bão rồi tiến lên Ung-Châu không gặp một trở ngại nào hết.

Tính ra quân Việt chỉ mất có 7 ngày đã đến trước thành Ung (Nan-Ning) vào bao vây thành này rất chặt chẽ.

Quân Tống trong thành này đã có thái-độ thế nào ? Họ lúng-túng giữa hai việc : một là xuất quân đi tiếp viện cho các trại ở xa. Hai là cố thủ để chờ quân Trung-Ương đến trợ lực. Cũng nên lưu ý rằng Tống-Thần-Tống trước đây đã hạ chiếu cho Lưu-Di ở Quế-Châu và cho cả Tô-Giám trấn thủ ở Ung-Châu rằng nếu có biến cố gì xảy ra cũng không được rời bỏ thành trì, ngoài ra nếu Ung-Châu đi cứu các đơn-vị ở phía Tây và Tây-Nam lực-lượng còn lại sẽ bất lợi cho thế thủ, nghĩa là thành Ung có thể sẽ đổi chủ tức khắc. Như vậy rõ rệt là các đơn-vị ở xa của Tống bị bỏ rơi và bị tiêu diệt không sao tránh khỏi trước những đội quân của Lý đang tràn đầy sinh khí, bởi quyết-định cuối cùng của Ung-Châu là cố giữ thành theo chỉ-thị của triều-đình.

Chiến cuộc diễn tiến tới đây đã đủ cho thấy kế-hoạch hành quân của nhà Lý thắng lợi trọn vẹn. Khâm-Châu, Liêm-Châu bị chiếm. Các trại Như-Hồng, Như-Tích và Đề-Trạo thất thủ. Việc này xảy ra vào ngày 20 tháng 11 năm Ất-Mão (1075) và ngày 2-1-1076. Các văn võ trong thành bị hại gần hết. Sức kháng-chiến của Tống quá yếu ớt đối với quân Đại-Việt. Nhất là về thủy chiến Đại-Việt trội hơn quân Tống nhiều lắm. Đại-tướng Lý-Thường-Kiệt đã áp-dụng triệt-để sở trường của thủy-quân Việt.

Một yếu-tố nữa không kém phần quan-trọng đã góp phần vào chiến-thắng của Đại-Việt là do Lý Đại-tướng biết áp-dụng phương-pháp DÂN-VẬN. Ông đã theo dõi mọi biến chuyển bên kia biên giới từ lúc Thẩm-Khởi và Lưu-Di sửa soạn chiến-tranh : họ động-viên đinh tráng, trưng-dụng thuyền-bè, cấm việc buôn bán giữa các biên-dân Hán Việt gây nên nhiều sự phiền-phức cho quần chúng.

Ông liền tung ra tờ lộ-bố tức là truyền đơn để tố cáo những lầm lỗi của Tống-triều như sau :

1) Tống đã dung túng kẻ phản Đại-Việt trốn sang đất của mình để khai thác họ theo chương trình xâm lăng Đại-Việt.

2) Tống dụ dỗ các Tù-trưởng miền Thượng-Du thuộc Triều-Lý về với mình để giúp vào chiến tranh. Lý-Triều đã kháng nghị nhưng quan lại có trách nhiệm ở Quảng-Châu đã áp dụng những phép thanh miêu, miễn dịch, bảo giáp, bảo mã chỉ làm khổ dân và mục đích cuối cùng là đưa đầy trăm họ vào cảnh núi xương sông máu.

3) Cuối cùng Đại-tướng họ Lý tuyên bố Lý-Triều không có ý gây chuyện binh đao, khói lửa để làm khổ dân chúng Nam, Bắc nhưng vì lẽ tự-vệ mà Lý-Triều phải ra tay trước cũng như xuất quân vì thương xót nhân dân Trung-Quốc, nói cách khác Lý-triều không có thù nghịch với nhân dân.

Tờ lộ-bố đến tay nhân dân các quận Quảng-Tây làm cho họ hoang mang rồi tin tưởng vào danh nghĩa cứu tinh của quân-đội Đại-Việt. Họ rủ nhau bày hương án hai bên dọc đường để đón chào và gọi Lý-Thường-Kiệt là « cha Lý » theo ý nghĩa họ Lý thương họ như cha thương con.

B.— QUÂN ĐẠI-VIỆT PHONG TỎA UNG CHÂU

Như ta biết hai căn-cứ hải-quân của địch là Khâm-Châu và Liêm-Châu đều thất thủ. Đại-tướng Lý-Thường-Kiệt cho một đạo tiến thẳng đến Ung-Châu, và một đạo di-chuyển đến châu Bạch thuộc miền Đông-Bắc.

Ngày 10 tháng Chạp Lục quân của Tôn-Đản cũng có một Đại-đội tới Ung-Châu.

Đoạn đường từ Việt-Nam đến Ung-Châu dài khoảng 800 cây số. Quân Đại-Việt đi rất mau nhờ chỗ sức kháng cự của quân Tống tương đối quá yếu nên quân ta không bị cản trở nhiều.

Nửa tháng sau Ty Kinh-Lược Quảng-Tây mới nhận được báo-cáo về biến-cố này vội thông báo về triều. Vua tôi nhà Tống hết sức bối-rối. Đã vậy các nơi khác hàng ngày cũng tiếp-tục gửi tin báo nguy về kinh-đô. Trong khi chưa đề ra được kế-hoạch chống lại quân Đại-Việt triều Tống gấp ra lệnh cho Tô-Giàm trấn thủ thành Ung áp-dụng triệt-để chính sách cố thủ và đặt hết lòng tin vào họ Tô bởi Tô thông-minh, trung thành và cương quyết. Tô lại rất sành khoa tâm-lý nên đã nắm vững cảm-tình của nhân-dân nhất là đã chung sống với dân sở tại khá lâu.

Triều đình hẹn trong hai tuần lễ sẽ có viện binh đến giải vây cho thành. Trong khi chờ đợi Tô mang tất cả tiền-bạc và công-nhu chia hết cho linh-tráng và dân-chúng để họ vững tâm và kiên-trí. Còn kẻ nào bỏ trốn hay có tinh-thần thoái bại, Tô thi-hành kỷ-luật tức khắc. Kẻ bị trừng phạt để làm điển hình trong tình thế nghiêm-trọng này là Địch-Tích, một kẻ thân thuộc của Tô.

Tô còn củng-cố thêm lòng quân dân bằng cách cho phao đồn viện binh cách thành không xa. Xét thế đủ hiểu tinh-thần mọi người tại Ung-Châu lúc này đang hết sức nao núng và viên trấn thủ họ Tô cũng đã áp-dụng mọi phương-pháp cần thiết và khéo léo.

Ngoài ra trong khi chờ đợi viện binh, Tô cho người mở đường máu ngày đêm chạy sang Quế-Châu báo nguy và kêu cứu. Quế-Châu và Ung-Châu cách nhau 400 cây số (Quế-Châu ở phía Bắc thành Ung). Lúc này Lưu-Di đang giữ trọng trách ở đây. Y cử Trương-Thủ-Tiết lãnh một lực-lượng đến đáp ứng lời báo nguy của Ung-Châu.

Tướng Trương không dám đi con đường thẳng tới Ung-Châu mà vòng theo đường Quí-Châu rồi tới Tân Châu ngừng lại nghe ngóng.

Thành Ung ở vào cái thế dầu sôi lửa bỏng đêm ngày. Vòng vây của Đại-Việt mỗi phút thắt chặt dần, Tô-Giàm càng nóng lòng lại phái người đem lạp-thư (thư kín gói trong sáp ong) cầu viện viên Đề Kiềm Tống-Cầu.

Cầu nhận được tin Ung Châu phát khóc dục Trương-Thủ-Tiết tiến quân ngay. Cực chẳng đã Trương phải nghe, tiến đến Côn-lôn-Quan (Nam-Ninh phía Đông-Bắc huyện Tuyên Hóa) cách Ung châu 40 cây số thì bị quân Đại-Việt chặn lại.

Quân Tống thua to, tướng Trương bỏ mạng. Việc này xảy vào ngày 4 tháng giêng năm Bính-Thìn.

Rồi gần một tháng qua.

Hai quân Tống-Lý bên tấn công, bên cố thủ rất là gay go, ráo riết-Đại Việt tìm đủ cách để vượt thành. Họ mất khá nhiều voi, ngựa, quân lính. Tống lợi dụng địa thế cao hiểm nên mới cầm cự được ngót 30 ngày nhưng bị tên đầu tẩm thuốc độc bên ngoài phóng vào cũng bị chết nhiều.

Tướng Tôn Đản xoay qua chước hỏa-công, bắn lửa vào thành biết rằng trong thành đang thiếu nước khó mà cứu hỏa được. Kế này thành công một phần lớn. Tiếp đến là thế thổ-công-Quân Lý đổ đất vào các bao rồi xếp thành đống cao làm thang leo vào thành. Cảm tử quân nhảy vào trước. Những lớp người khác cũng ào vào như các đợt sóng. Quân trong thành không kịp đẩy lui.

Thành sinh biến. Lửa cháy, máu đổ không ngừng, dân chúng bồng bế nhau chạy tán loạn, tiếng khóc, tiếng kêu xen lẫn. Một cảnh địa-ngục đã diễn ra, trong khi quân đội Nam-Bắc hỗn chiến giành nhau từng tấc đất.

Ngày ấy là ngày 23 tháng giêng năm Bính-Thìn (1-3-1.076) Từ lúc quân Lý lọt được vào bên trong, tình thế đã thấy rõ rệt nguy ngập cho quân Tống. Tô-Giàm cùng một số tàn quân còn gắng chiến đấu đến giờ phúc chót. Khi thấy không còn mảy may hy vọng Tô cùng 36 người kể cả vợ con quyến thuộc tự sát và tự thiêu mà chết.

Dân trong thành không chịu hàng bị giết hết, sau này tính số quân dân Trung Quốc từ

Khâm-Châu Liêm-châu lên đến Ung-Châu bị hại tới 70.000 và có 200 bị bắt về Đại-Việt cùng nhiều của cải.

Quân Đại-Việt bắt đầu mệt mỏi. Lý-Thường-Kiệt hạ lệnh hồi hương vì mục đích của triều đình Đại Việt chỉ muốn đánh một đòn tinh thần vào Tống để phá chương trình xâm lăng của Vương-An-Thạch mà thôi. Và trước khi rút lui, quân taphá hủy hết các doanh trại của địch để việc tái tạo sẽ tốn phí vá mất nhiều thì giờ và cũng là để dò tình ý của địch nếu họ tính đến một cuộc báo thù.

Tháng 3 năm Bính-thìn quân Lý đã về đến nội địa Việt-Nam giữa tiếng hoan hô của mọi tầng lớp nhân dân trên đường chiến thắng.

C.— QUÂN TỐNG PHỤC THÙ

Trong lúc Khâm, Liêm mất, Ung-châu bị hãm, Tống-Thần-tông và Vương An-Thạch sửa soạn cho đại quân xuống miền Nam lo chuyện giải vây. Sắp đặt quân xong thì Tống-triều nghe tin Ung-Châu thất thủ nên phải ngưng lại để thay đổi kế-hoạch. Với kế-hoạch mới, có tính cách đại quy mô hơn, không những Tống muốn thâu lại đất đai đã mất còn muốn thôn tính Đại-Việt để đặt châu, huyện như thuở Hán, Đường trước. Ngoài ra Tống được biết vùng Quảng-Nguyên sản xuất nhiều vàng nên càng ham thêm.

a) Sửa soạn chiến tranh : Tống triều sửa soạn chiến tranh rất là chu đáo và hết sức thận trọng. Toàn thể triều đình họp nhau thảo luận và hai cơ-quan để thi hành mệnh-lệnh chiến-tranh là *Annam hành doanh* và *Annam chinh thảo ty* đã hoạt động ráo riết gần suốt một năm từ tháng chạp năm Ất Mão (1075) đến tháng mười năm sau về việc tuyển lựa, sắp đặt tướng tá thủy bộ, chiến cụ, thuốc thang, tuyên truyền và mưu lược.

Quách Quỳ được cử làm Nguyên-soái, Tuyên huy Nam-Viện-sứ, Triệu-Tiết làm An-nam đạo hành doanh mã-bộ-quân đô-tổng quản chiêu thảo-sứ và kiêm chức Tuyên-phủ-sứ ở các lộ kinh hồ, Quảng-Nam (Hồ-Nam, Hồ-Bắc, Quảng-Đông, Quảng-Tây).

Đối với các tướng lĩnh bấy giờ, Quách-Quỳ vào hạng có giá-trị như Địch-Thanh. Quỳ được đem các bộ thuộc quen dùng của mình ở các Châu Phú-Điền tại Hà-Đông, Thiểm-Tây đi theo trong đó có tới 12 tướng đã lừng danh ở các chiến trường Tây-Bắc, trong số 12 tướng của Quách-Quỳ, ba tướng được ở lại trấn đóng miền Bắc.

Tổng số binh đội có trên 10 vạn người, chia ra 9 đạo, xét quân tuy nhiều nhưng giá trị chiến đấu không đều vì ô-hợp, ngôn-ngữ bất đồng nên khó khăn cho việc điều-khiển. Các quân lính này lấy từ Biện-kinh đến Ung-Châu. Ngoài các quân tuyển mộ còn một số quân tình nguyện theo quân chính quy để lập công.

Theo lời Quách-qùy, quân chính thức có 45 ngàn và tướng miền Bắc có 9 tướng, mỗi tướng chỉ-huy 5.000 quân, còn bao nhiêu là quân miền Nam gồm các động-binh và quân tình nguyện. Ngựa có 10 ngàn con.

Tống ít chú-ý về thủy quân trước đây nhất là các tướng thường quen trận mạc miền Tây-Bắc là các vùng Cao-nguyên và Sa-mạc. Sau khi Ung-Châu mất, Tống mới có ý dùng đường biển đánh tập hậu. Ngày 18 tháng 3 năm sau, Dương-Tùng-Tiên được bổ vào chức Chiến-Trạo Đô-Giám thuộc An-Nam-đạo hành-doanh có chỉ thị đem quân bảo Chiêm-thành, Chân-Lạp hợp tác đánh vào hậu-tuyến của Đại Việt. Con Tô-Giám là Tô-Tử-Nguyên được bổ làm Tuần-kiểm. Ngày mồng 7 tháng 6, y huy-động dân chài các vùng bể gia-nhập thủy-quân; thủy-quân của Tống kém tổ-chức và không có tướng tài điều-động.

Về lương-thực, Tống không trông vào sự ủng-hộ của các địa-phương binh đội sẽ qua, và cả vào sự xâm-chiếm thóc, lúa trên đất của chúng ta. Ngày 21 tháng 2 Triệu-Tiết, một cận thần của vua Tống được đặc ủy vào việc này. Lương khô dự bị trước 10 tháng và mua ở Quảng-Đông. Vua xuống chiếu cho các lộ gần biên-thùy phải biện lương giúp. Hồ-Nam Phúc-Kiến cũng ứng tiếp vào việc này. Công khố xuất tiền và vải để chi dụng vào sự mua bán theo giá đắt và cấm việc nhiễu dân. Viên coi quân nhu tính phải chi tới 600.000 lượng vàng vào việc chiến tranh. Con số dự đoán này sau trội lên rất nhiều.

Đến tháng sáu lương tải xuống miền Nam. Các căn-cứ đồn ải ở vùng Ung-Châu được lệnh tu-bổ đường xá gấp rút và đắp lại cả thành Ung-

Châu nữa. Năm vạn quân Quảng-Đông đã được huy-động vào việc đắp thành, đào hào.

Việc tiếp vận đòi hỏi, theo Chuyển-vận-sứ Quảng-Tây : 1000 chiếc thuyền bằng đáy, 1000 cỗ xe, 40 vạn phu (sau số phu rút đi một nửa do lừa, ngựa xe đỡ vào và giảm bớt một nửa mũi tên bằng sắt, chỉ còn mang theo 324.000 cái mà thôi).

Từ xưa nước ta có tiếng là độc. Theo Mã-Viện tả cảnh nước lụt, mùa hè, khí độc xông lên đến nỗi chim trên trời sa xuống, vua Tống cho Hàn-lâm-Y-Quan-Viện chọn 57 bài thuốc trị lam chướng, xuống chỉ phòng ngừa bệnh-hoạn, giữ phép vệ-sinh và lập đàn tế thần Nam-Nhạc ở Hành-dương cầu phúc cho quân đội một tháng liền khi thấy nhiều binh lính bắt đầu ốm, đau, chết hại dọc đường.

Tống còn lo trong khi Nam-xâm các nước Hạ, Liêu gây sự ở phương Bắc nên dặn Quách-Quỳ hành quân gấp rút, sao cho chóng thắng lợi. Tống sợ cả các phiên-quốc miền Tây-Nam nhân cơ hội đoàn-kết với Đại-Việt cùng chống Tống ở các Châu : Lê, Nhã, Nhung, Tô, Thi, Kiềm thuộc lộ Thành-Đô phủ Chàng và lộ Quí-Châu (giáp vùng Vân-Nam) nên cũng có sự phòng thủ cẩn thận ở các địa phương này nữa.

Tống còn dặn các lộ Quảng-Đông, Giang-Tây, Phúc-kiến lúc mộ quân phải coi chừng gián-điệp của ta (ngày 12 tháng 4). Quả vậy, Lý-Thường-Kiệt đã tung vào đất Tầu một đội gián điệp hoạt-động rất nhiều ở dọc bờ bể trong người có mang các bằng cấp mà Tống đã cấp cho các sư, tăng trước đây. Nguyên khi đánh Khâm, Liêm ta bắt được các giấy tờ đó, liền lợi dụng lập ra đoàn gián-điệp đội lốt thầy tu. Sau Tống phải đình chỉ việc phát bằng cho Sư để triệt nạn do thám của ta.

Hơn thế nữa, Tống xuống chiếu cho các thân nhân người Mân ở Quảng Nam đang giúp việc bên Đại-Việt gọi họ về và hứa sẽ bổ dụng. Mặt khác Tống cũng tung vào đất ta một đội quân thứ năm và hạ lệnh dùng tù binh làm hướng đạo. Hình như đội quân thứ năm của Tống đã không giúp được việc gì bổ-ích cho Tống trong suốt cuộc xung đột.

Đối với quân dân đã bị chết hại từ cuộc thất thủ Khâm. Liêm, Ung, vua Tống cho thăng thưởng truy tặng và cấp đỡ, lập đàn chay tống táng các thi hài, bãi thuế, thứ lỗi cho kẻ sống sót. Thân sĩ các nơi bị hại được lục bổ ở ba châu kể trên mà không phải thi cử. Các khê động là những vùng không trực tiếp với Trung-ương của Tống ở dọc các khe hay thung lũng giáp nước ta là Tả-giang và Hữu-giang trong chiến cuộc lần thứ nhất đã hàng phục theo ta hầu như hoàn toàn tự lập sau cơn binh lửa. Nay Tống áp dụng phương pháp lấy lợi mà nhử, hoặc lấy uy mà hiếp. Tống mộ quân ở đây rồi đoàn kết các khê động để làm phên dậu phòng cuộc tấn công của ta vào hậu-phương. Mệnh lệnh đoàn kết chặt chẽ lưỡng giang đã được ban ra ngày 23 tháng 5 và một số bằng cấp để trống tên cho ty chiêu-thảo dùng vào việc dụ dỗ lĩnh-tụ các Châu. Vi thủ An (ở Tô-Mậu), Hoàng Kim-Mãn và Nùng Thiện-Linh (ở Môn-châu), Lưu-kỷ (ở Quảng-Nguyên) và Sầm-Khánh-Tân, mục đích phá tan lực-lượng tiền đạo của Đại-Việt.

b) Cuộc tấn công của Tống : Trước khi Quách-Quỳ đem quân vào cõi nước ta vua Tống nhiều lần căn dặn : « Theo Thạch-Giám giặc Giao-Chỉ mạnh, gan, liều chết chỉ kém nước Hạ mà thôi. Việc động binh kỳ này rất can hệ đến sự an-nguy của Lưỡng Quảng. Bốn phương nhìn về, nếu không thắng hẳn bất tiện cho nước đó, nên cẩn thận . . .» Trong lúc này trước vấn đề Giao-Chỉ giữa triều Tống dư-luận rất là chia rẽ. Vương-An-Thạch được trở về ngôi Tề-Tướng tuy thế lực kém và bị công-kích luôn về nội-trị và ngoại-giao, nhưng Vương vẫn chủ chiến. Bọn Tề thần như Vương-Sung, Vương Thiều, Phú-Bật trái lại không tán thành chiến-tranh chỉ gượng theo ý vua Thần-Tông mà thôi. An-Thạch nói : « Đánh Giao-Chỉ tất được » Sung nói « Được cũng vô ích » Ngay khi quân-đội lên đường, cái cảnh « Ông chẳng bà chuộc» vẫn còn hàng ngày diễn ra giữa các cuộc hội-nghị. Sự bất đồng này đã gây ra một mâu thuẫn trầm trọng trong các tướng súy, thêm vào đó là những sự khó khăn họ đã gặp trong những cuộc va chạm với Lý sau này . . .

Việc chuyển quân của Tống kéo dài trên 6 tháng. Cuối năm Đinh-Tỵ (1077) quân kỳ của Tống mới phất phới bay trên đất Việt. Lý-triều từ tháng ba đã rút quân về nước sửa soạn các phòng tuyến để đợi . . .

Trong cuộc giao tranh giữa hai nước, kinh-đô bao giờ cũng là mục-phiêu chính của địch để gây một áp lực vào tinh-thần của nhân dân. Kinh-

đô của chúng ta ở miền Trung-Châu dĩ-nhiên phải phòng ngự kỹ từ vùng Trung-Nguyên trở lên thượng-du.

Tại đây, Lý-Thường Kiệt đặt quân chủ lực ngăn giặc từ trại Vĩnh-Bình đến con sông Nam-Định tức là một khúc của con sông Cầu ngày nay về phía Đông Nam. Các đường thông lộ từ Quảng Tây tới Thăng-Long đều bị sông Cầu chặn. Con sông này từ địa phận Thái-nguyên, Bắc-Cạn chạy xuống Lục đầu hợp với sông Bạch-Đằng. Từ Lục đầu chạy ra đến bề là cái hào sâu rộng che chở cho đồng bằng nước ta để chống các cuộc ngoại xâm bằng đường bộ từ Lưỡng Quảng vào. Theo chiến lược của Lý, một bề các đồn trại được đặt sát nhau từ ải Quyết-Ly ở phía Bắc châu Quảng-Lăng và ải Chi-Lăng ở phía nam châu ấy. Bề khác nếu phòng tuyến ấy bị vỡ thì còn phòng tuyến thứ ba tức là Nam-ngạn sông Nam-Định. Ở đây Lý-Thường-Kiệt cho đắp đê cao như thành và trên thành dùng tre làm dậu dầy tới mấy tầng nối với dẫy núi Tam-Đảo (ở sau sông Cầu) dài tới gần trăm cây số.

Thủy-quân túc trực ở Nam-ngạn để phòng quân địch tràn qua sông, nhưng đại-bản doanh của Thủy-quân đóng ở Lục-đầu có nhiệm-vụ phân phối đi các sông Đào-Hoa (sông Thương) sông Lục-Nam, sông Nam-Định, sông Thiên-Đức hoặc ra cửa biển Bạch-Đằng, tiếp ứng cho thủy-quân đậu ở cửa sông Đông-Kênh. Hai Thái-tử Hoằng-Chân, Chiêu-Văn và Tả-Lang - tướng Nguyễn-Căn phụ trách ở đây.

Đại quân của Lý-triều giữ mặt trận trung ương theo dọc lũy tre chặn đường tới Thiên-Đức và Thăng-Long.

Tiền tuyến của ta có 5.000 quân thổ-đinh giữ châu Quảng-Nguyên là tả-dực dưới quyền chỉ huy của Lưu-Kỷ và nhiều tì tướng kiệt hiệt thuộc bà con của Nùng-trí-Cao và Nùng-Tôn-Đản. Hữu dực là cánh quân đóng ở trại Ngọc-Sơn thuộc Vĩnh-An và thủy-binh do Lý-Kế-Nguyên thống lĩnh rất mạnh. Có lẽ đại hạm đội bấy giờ đóng ở sông Đông-Kênh sau cửa Đồn-Sơn (Vân-Đồn). Mục-đích : ngăn thủy-quân địch xâm nhập vào nội địa bằng hải đạo, khoảng giữa hai ải Quyết-Ly và Chi-Lăng có Trung-quân tiền-phong là Phò-Mã Thân-Cảnh-Phúc phụ trách. Dưới quyền có các tù-trưởng Sầm-Khánh-Tân, Nùng-Thiện-Linh, Hoàng-Kim-Mãn án ngữ từ Môn-Châu, Bình-Gia đến Phú-Lương, Tô-Mậu, Tư-Lăng đến Lạng-Châu. Nếu như vùng Thượng-Du có quân Trung-Châu và tướng lĩnh thân tín của triều đình thì quân Tống chưa dễ đã lọt được vào phòng tuyến thứ nhất.

Tống đối phó ra sao ? Việc đầu tiên của Tống là hãy chiêu hàng các khê động — Việc này bộ Tổng tư lệnh Tống giao cho Đào-Bật và Khúc-Chẩn đảm lĩnh. Bật cùng một trăm tả, hữu tới Tả-giang chiêu dụ thổ dân trước đây phiêu bạt vì chiến-tranh. Nay Bật tới, họ theo về, kiểm điểm được 27.000 đinh tráng trong số 20.000 được giao cho các tướng, một số được dùng vào nội dịch chiến trường (giã gạo đẩy xe, mở đường v.v...) Các Tù-trưởng như bọn Nùng-Quang-Tâm, Nùng-Thịnh-Đức, Nùng-Tôn-Đản (vừa cùng ta đi đánh Ung-Châu trước đây) nay theo hết. Bọn Hoàng-Kim-Mãn và Sầm-Khánh-Tân coi Môn-Châu cũng ngầm xin quy phục trừ bọn Dương-Tiên-Tiềm và Tiêu-Hãm.

Quách-Quỳ rời khỏi Biện-Kinh (kinh đô của Tống) vào trung tuần tháng 6 đã xuống tới Đàm Châu liền ra lệnh cho Nhâm Khỉ Trấn thủ Khâm-Châu đánh úp trại Ngọc-Sơn giáp giới Châu Vĩnh-An. Ở đây, quân số ta ít ỏi nên địch quân thắng nhanh chóng.

Trung tuần tháng 7 hậu quân Tống cũng tụ tập ở Đàm-Châu. Tháng 7 qua tháng 8 hành-doanh của họ chuyển xuống Ung-Châu. Tháng 9 đại quân tới Ung được phân phối đi đóng các nơi theo dọc biên giới của chúng ta.

Lúc này, Dương-Tùng-Tiên lĩnh thủy quân tính vượt bể qua Chiêm-Thành dụ Chiêm đánh vào sau lưng ta thì sứ Chiêm tới Tống-triều nên việc đi Chiêm được bỏ bởi Chiêm ưng thuận thi hành kế-hoạch của Tống.

Tháng 10 quân Tống tới Tư-Minh thuộc trại Vĩnh-Bình là Trung-tâm điểm để vượt các cửa ải vào các Châu Quảng-Nguyên, Môn, Tô-Mậu và huyện Quảng-Lăng Họ đóng ở đây 70 ngày theo lệnh của Tể-Tướng mới (Ngô-Sung) là người của phái chống đối Vương-An-Thạch về việc chiến-tranh với Đại-Việt. Trong lúc này giữa các tướng bắt đầu có sự bất hòa, lương không cấp đủ theo chương-trình, phu phen cũng vậy. Khi qua núi

Lĩnh gặp mùa nóng nực quân lính ốm đau rất nhiều.

Yên-Đạt được cử đánh Lưu-Kỷ. Đạt là một dũng tướng lập được nhiều chiến công trong khi đánh Hạ (Tây-Hạ). Đường vào Quảng-Nguyên hiểm trở, mặc dầu quân Tống đông, Lưu-Kỷ cự chiến rất hăng làm cho tiền quân của Yên-Đạt lâm nguy. Đạt đem quân bản bộ đến giải vây. Thấy khó lòng hạ được Lưu-Kỷ, Đạt phao tin Lưu-Kỷ đã nhận lời theo về Tống. Các khê-động tưởng thật (vì Lưu-Kỷ là tay cừ khôi trong các tướng thượng du của ta) nên hàng Tống hết. Kỷ bị cô lập ba ngày sau cũng ra xin quy phục. Xong việc này Đạt cho phá các động để phòng quân ta tập kích.

Quảng-Nguyên mất vào đầu tháng chạp. Theo lệnh của Quách-Quỳ, Đạt phải kéo quân về phía Đông họp với đại-quân ở Tư-Minh, Bằng-Tường. Khúc Chẩn ở lại Quảng-Nguyên phòng quân ta ở hai động Hạ-liên và Cồ-Lộng thuộc phía Nam Quảng-Nguyên đánh lên.

Ngày 11 tháng chạp, đại quân Tống kéo vào ải Chi-Lăng. Khúc-Chẩn được lệnh rời Quảng-Nguyên mang quân sang Đông-Nam đánh Môn-Châu được bọn Hoàng-Kim Mãn và Sầm-Khánh-Tân theo sẵn.

Châu-mục Vị Thủ-An coi Tô-Mậu cũng được dụ trước nên Tống chiếm được Tô-Mậu ngay khi vừa tới. Tại Quyết-Ly tiền quân của Phò-Mã Thân-Cảnh-Phúc giao chiến với bọn Lưu-Kỷ, Trương-Thế-Cự. Quân Lý có tượng binh chống đỡ rất có hiệu quả và cản được quân Tống. Quỳ sai quân cung-tiễn-thủ lấy nỏ bắn và lấy mã tấu chém vào vòi voi. Voi quay đầu chạy làm quân Lý vỡ tan. Quân Tống vào chiếm huyện Quảng-Lăng. Thân-Cảnh-Phúc rút vào rừng dùng thế du-kích nhưng cũng không ngăn được đại quân của địch tràn như nước chảy xuống miền Nam đánh vào các Phủ Lạng-châu và Phú-Lương.

Đánh xong Quảng-Lăng đại binh Tống định xuống thẳng Lạng-Châu. Đường từ Ôn-Châu đến Phủ-Lạng-Thương địa thế hiểm trở, phía đông có rừng rậm, phía Tây có núi đá cheo leo (Núi Cai-Kinh hay Bắc-Sơn cũng là một). Đường chính phải qua ải Chi-Lăng nguy hiểm cho các tướng Tàu xưa kia thế nào, Tống đã biết. Quỳ liền chuyển quân về phía Tây, vượt núi Bắc-Sơn qua Yên-Thế chia làm hai cánh, một tiến xuống sông Phú-Lương tức là thượng lưu sông Cầu, một rẽ sang phía Đông đánh vào ải Chi-Lăng. Quân ta lật đật rút vào động Giáp xuống phía Đông-Nam hợp với hữu-dực ở vùng Vạn-Xuân, quân Tống lần lượt xuống miền Nam đối diện với quân ta trước cái hào sâu thiên nhiên là con sông Cầu (họ đóng từ tỉnh-ly Thái-Nguyên đến Thị-Cầu). Theo sách Tống hội-yếu ngày 21 tháng chạp quân Tống đã đến Trung-nguyên nước ta.

TRẬN NHƯ-NGUYỆT VÀ KHẢO-TÚC

Quách-Quỳ sau nhiều trận xung đột vượt được các lực-lượng phòng thủ biên giới của ta liền kéo quân tràn xuống vùng sông Cầu hội sư và tập kết trên bờ Bắc, đóng đại bản doanh ở Thị-Cầu, kéo dài trận tuyến khoảng 30 cây số từ bến Như-Nguyệt. Hướng đạo có hàng Tướng Hoàng-Kim-Mãn do Khúc Chẩn dẫn theo. Tại đây hữu-dực do Tướng Miêu-Lý quản lĩnh đến núi Nham-Biền tập trung những bộ đội tinh-nhuệ nhất để đột phát trận-tuyến Sông-Cầu, tính tiến thẳng về Thăng Long tả-dực của giặc quay về phía Đông đối phó với Thân-Cảnh-Phúc ở động Giáp.

Xét ra phòng tuyến của Tống đóng dọc sông Cầu từ huyện Hiệp-Hòa (Bắc-Giang) qua huyện Việt-Yên đến núi Nham-Biền thuộc huyện Yên-Dũng rồi chạy lên phía Đông-Bắc đến Nam-Ngạn sông Thương. Khoảng phòng tuyến này được lựa để Tống đổ-bộ qua sông. Còn quân ta ở động Giáp xuống đóng ở Vạn-Xuân và đại quân rút về phía Nam sông Nam-Định (đó là phòng tuyến thứ ba của ta rất kiên-cố) Hoàng-Kim-Mãn mách Miêu-Lý gấp đổ bộ qua bến đò Như-Nguyệt giành lấy yếu-tố bất ngờ trước khi đại quân của ta chưa rút lui khỏi động Giáp. Quách-Quỳ đã tỏ ý miễn cưỡng chấp thuận kế-hoạch này (1).

Giặc bắc cầu phao ở bến Như-Nguyệt, chọc thủng được một đoạn phòng tuyến của ta và đang tiến về kinh-đô thì sau phòng tuyến Lý-Thường-Kiệt, phản kích mãnh liệt vào quân Tống. Tướng

---

(1) Quách-Quỳ không tán thành nhiều về việc đổ bộ của Miêu-Lý có lẽ y thấy cuộc đổ bộ này thiếu sự phối hợp của thủy quân. Quả vậy, sự đổ bộ qua sông mà không có thủy quân thì rõ rệt mất một phương tiện căn bản Quách-Quỳ suýt chém Miêu-Lý sau vụ đổ bộ thất bại này.

giặc là Vương-Tiến sợ ta thừa thắng đánh tràn sang bờ Bắc nên vội phá cầu. Hậu quân của Miêu-Lý chưa kịp sang sông đã bị nghẽn đường. Quách-Quỳ cố sức tiếp viện cho Miêu-Lý bằng cách dùng bè chở quân vượt sông, nhưng bộ phận này bị ta đánh đuổi không đổ bộ được. Trước nguy cơ bị bao vây tiêu-diệt, theo lệnh của Quách-Quỳ, Miêu-Lý mở đường rút lui, cố bám lấy một địa điểm đầu cầu, rồi gọi thuyền bè sang cứu. Cuộc rút lui hỗn loạn, quân lính tranh cướp thuyền để vượt sông trở về đã gây nên nhiều tổn thất nặng nề cho địch.

Trận Như-Nguyệt diễn ra rất quyết liệt và kết thúc nhanh chóng trong một ngày. Ta giành được thắng lợi to tát, một cách rõ rệt. Giờ đây việc giặc đổ bộ để tiến vào vùng đồng bằng thất bại, chúng đành chờ đợi thủy quân ở biển kéo tới phối hợp chiến đấu nhưng thủy quân của chúng đã bị thủy quân của ta do tướng Lý-Kế-Nguyên chỉ huy chặn đứng ở ngoài sông Đông-Kênh rồi. Nguyên do tướng điều khiển thủy quân của Tống bấy giờ là Hòa-Mân và Dương-Tùng-Tiên đã bị thất bại luôn 10 trận tại cửa sông này (có lẽ là cửa Tiên-Yên ngày nay). Bị tê liệt ở đây, Tùng-Tiên lại mất liên lạc với lục quân nhưng y còn hy vọng ở ưu thế của quân chủ-lực liền cho người qua Chiêm thành dục mở cuộc tấn công Đại-Việt cho rằng Đại-Việt có thể thua và chạy về phương Nam. Chiếu theo sự kiện đã xảy ra trên đây một phần đại bại của giặc là thiếu sự hỗ trợ của thủy quân còn thủy quân của ta lại rất mạnh.

Chờ mãi không thấy tăm hơi, tướng Quách-Quỳ đành cho đóng các bè lớn gắng mở một cuộc tấn công thứ hai. Mỗi bè giặc chở từng đợt 500 tên vượt sông, chặt cọc, đốt dậu, mở đường nhưng ở đâu chúng cũng bị vấp phải hệ thống phòng ngự kiên cố dọc theo bờ Nam sông Cầu.

Từ cuộc thất bại thứ hai này, giặc mất hầu hết khả năng chủ-động chỉ còn lo chuyện củng-cố và phòng-thủ mà thôi. Còn quân ta luôn luôn chia nhau phóng những cuộc xuất-kích bất thần sang bờ Bắc khiến giặc phải lo chống đỡ rất vất vả.

Cuối cùng Lý-Thường-Kiệt dùng thủy quân vận chuyển quân đội phản kích lớn ở vùng sông Khảo-Túc (1) tại phía Nam núi Nham-Biền.

Lần này ta dùng đến 400 chiến thuyền và vài chục ngàn quân đến sát căn-cứ của giặc chửi mắng ầm ĩ. Trong số quân này có 400 dũng sĩ riêng của hai Hoàng-tử Hoàng-Chân và Chiêu Văn rất can đảm và thông thạo chiến pháp. Rồi quân ta đổ bộ lên Bắc ngạn sông. Tiền quân của địch bỏ chạy, chúng rút theo kế hoạch của Yên-Đạt, dụ ta đi sâu vào nội-địa của chúng. Quách-Qùy đem quân trợ chiến. Yên-Đạt theo sau. Quân ta tiến về phía núi Nham Biền thì một bề bị phục binh ùa ra, một bề bị kỵ-binh của bọn Trương-Thế-Cự, Vương-Mẫn ập tới (Quỳ dùng kỵ binh theo lối Địch-Thanh xưa kia đánh vào hai bên sườn quân Nùng-trí-Cao, chiến thuật này rất lợi hại và đã từng được chứng nghiệm trên chiến-trường Tây-Bắc với Hạ, Liêu, Tống mang quân sang Đại-Việt ngót một vạn con ngựa là tính ăn thua bằng chiến thuật này).

Trên đất bằng, kỵ-binh Tống tỏ được sức mạnh vũ-bão làm cho hàng ngũ của ta rối loạn, tức thì có lệnh rút lui. Quân ta tranh nhau xuống thuyền chết đuối rất nhiều. Hai Hoàng-tử và đám thân quân cũng bị chết đắm. Thuyền chiến của ta bị máy bắn đá làm chìm rất nhiều. Tả-Lang Tướng Nguyễn Căn bị tướng Tống là Đặng Trung bắt. Xác quân ta chất đầy sông ba ngày nước cuốn không hết. Trong trận này ta thiệt 3.000 quân, địch chỉ bị hại khoảng 1.000.

Để giữ vững tinh thần quân đội trong trận đánh bất lợi này Lý-Thường-Kiệt sai người giả làm thần nhân nấp trong đền Trương-Hát bên sông mắng giặc như sau :

« Nam-quốc sơn-hà Nam đế-cư,
« Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
« Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
« Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư !

DỊCH :

« *Sông núi nước Nam Vua Nam coi,*
« *Rành rành phân định ở sách trời*
« *Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm ?*
« *Bay sẽ tan tành chết sạch thôi !* »

Sau trận này hai quân Lý, Tống ở vào thế giằng co trên bờ Nam Bắc sông Cầu, chiến dịch đã kéo dài tới 40 ngày.

---

(1) Chữ khảo dùng ở miền Lạng-Châu để chỉ tên núi.

Nhưng trong 40 ngày đó trong tinh thần của cấp chỉ-huy địch cho tới các binh sĩ địch đã có phần nao núng nghĩa là suy sụp dần trông thấy. Họ cảm trên thực tế không có hy vọng kéo cờ chiến thắng tại Đế-đô nhà Lý, mà giữ cho vững thế trì thủ cũng chẳng dễ. Riêng khí hậu nóng nực đã đủ sát hại hàng vạn binh sĩ của họ hàng ngày, số bị bệnh ngã nước, đau ốm cũng tới gấp năm gấp bảy phần mười, như vậy làm sao đủ sức chiến đấu lâu dài (sau này về được tới đất Tàu quân Tống chỉ có chừng 2 vạn 8 ngàn người) trong khi đó tổng số quân Lý có tới 15 vạn chưa hao sút bao nhiêu. Đã thế lương thực thuốc men tiếp tế khó khăn, đường xá xa xôi, lao công chiến-trường trước đây 20 vạn đã chết mất 8 vạn.

Còn về phần Lý-Thường-Kiệt sau trận Kháo-Túc, nhận thấy mục đích của mình chỉ cần phá tan kế hoạch tấn công xâm lược của giặc, mục đích này đã đạt, họ Lý mới sai sứ sang Đại-bản-doanh của Quách-Quỳ ngỏ ý giảng hòa. Tại đây ta thấy chủ trương của các nhà lãnh đạo Đại-Việt thuở đó cũng như các triều đại kế tiếp sau này bao giờ cũng muốn hòa hiếu với Trung-Quốc, nếu có chiến-tranh chỉ là bất đắc dĩ mà thôi. Chúng ta người ít của kiệm không muốn « thi hơi với giải ». Câu châm ngôn này đã là quốc sách của ta đối với Hán-tộc là một Đại cường giầu có, đông đảo, văn-minh hơn ta nhiều từ mấy chục thế kỷ.

Sứ-giả Đại-Việt nói : « Xin rút đại binh, sẽ có sứ sang quý quốc tạ tội và xin tu cống » Ngoài ra Lý-Triều bằng lòng nhượng đất cho Tống nơi nào đã chiếm được (Quảng Nguyên) Sứ-giả Việt đổ lỗi cho Từ-Bá-Tường đã xin Lý đánh Tống.

Trước nhiều sự cùng quẫn, Quỳ đành phải chấp thuận đề-nghị của Lý và chuyển đệ biểu của vua Lý về kinh. Đồng thời Quỳ cho rút quân nhưng sợ Lý đuổi theo nên giữ bí mật rồi một đêm các bộ-binh và kỵ binh Tống bất thình lình được lệnh vội vã lên đường đạp xéo lên nhau mà đi (Tống-sử 334 có chép việc này), nhưng Quỳ khôn khéo để Đào-Bật cầm hậu-quân. Bật có tiếng là giỏi quyền biến nên đợi sáng mới cho quân bản bộ của mình hàng ngũ tề chỉnh ra về. Xét ra Quỳ cùng đại quân Tống cầm cự với ta 40 ngày trước sông Phú-Lương (Cầu) kể từ ngày 21 tháng chạp và triệt thoái vào đầu tháng hai năm Đinh-Tị (1077). Vì Lý Triều muốn hòa bình nên không bội ước, quân Tống được trở về nước yên ổn.

Hạ tuần tháng 2, Tống-thần-Tông nhận được tin đình chiến rất bất mãn, muốn tiếp tục chiến-tranh nhưng Giám-sát ngự-sử Thái-Thừa-Hi bầy tỏ lợi hại nên đành nhận việc giảng hòa bởi Tống vẫn được Lý-triều giữ cho trọn vẹn thể-diện.

Ngày 25 tháng 2 (Đinh-Tị) Ngô Sung thay mặt quân thần dâng biểu mừng vua Tống «đã dẹp yên Annam và lấy lại được Quảng-Nguyên» Châu này liền có chiếu đổi ngay ra Thuận-Châu và vua Tống đòi Lý-Nhân-Tông phải tu-cống như trước cùng trả lại các tù-binh đã bắt được ở Ung, Khâm, Liêm hồi tháng chạp năm ngoái.

c) Tính sổ đoạn-trường Lý-Tống : **Về phần Lý,** số binh-sĩ tử trận cả trước lẫn sau không tới một vạn từ khi có các cuộc xô xát ở phòng-tuyến thượng-du đến phòng-tuyến Trung-Nguyên. Tướng lĩnh mất hai Hoàng-tử và một Tả-Lang tướng. Đất mất : Châu Quảng-Nguyên, Tư-Lăng, Tô-Mậu, Môn và Quảng-Lang là đất núi rừng.

Về phần Tống bốn trại Vĩnh-Bình, Cổ-Vạn, Thiên-Long, Thái-Bình và bốn thành Khâm, Liêm, Bạch và Ung bị tàn phá : Riêng ở Ung-Châu tới 6 vạn quân dân hy-sinh không kể ở mấy thành và mấy trại ở giáp biên-giới trong trận nhập Tống. Kỳ sau theo lời Chinh-Thúc : 8 vạn phu vận lương và 11 vạn chiến binh chết vì lam chướng (còn được 28.000 người sống sót trở về) Tổng cộng hai phen Tống thiệt không dưới 30 vạn người. Số ngựa 10.000 con nay còn lại 3.174 con. Tiền tiêu mất 519.000 lạng vàng (theo lời Từ-Hi tâu ngày 21-3 năm Đinh-Tị). Vì sự thất bại này quá lớn và rõ rệt, nên sau khi quân đội hồi hương các tướng lãnh cao cấp từ Quách-Quỳ trở xuống đều bị trừng phạt, kẻ bị biếm, người bị an-trí rất nhiều...

Sau khi Tống chiếm được 5 châu trên đây của ta, các tướng đã dự cuộc Nam xâm đều được cử giữ đất này và các Châu miền Nam Trung-Quốc, guồng máy cai trị được thiết lập. Châu Quảng-Lang ở vào địa thế không vững sau bị bỏ. Tô-Mậu và Môn không được đôi bên chú ý, duy Châu Quảng-Nguyên được coi quan-trọng như Ung-Châu và cai quản các Châu kia. Ngay sau thời chiến tranh thành Quảng-Nguyên được đắp lại. Đào-Bật là danh-tướng được đặc-biệt ủy-

nhiệm vào việc trấn thủ địa-hạt này, phụ-tá có 17 viên chỉ-huy các xứ Hồng-Châu gửi đến. Tống lại tổ-chức việc khai mỏ vàng bạc ở đây và phủ-dụ các tù-trưởng địa-phương để mở rộng ảnh-hưởng.

Ngay khi Quách-Quỳ rút quân, Lý-Thường-Kiệt cho binh đội theo sau chiếm đóng động Giáp và đánh úp ngay huyện Quảng-Lang, gần như uy-hiếp trở lại. Thuận-Châu có Tống binh đóng, Lý-Thường-Kiệt phao tin sẽ tấn công nốt, vua Tống lo ngại hết sức nên bàn với Triệu-Tiết ở Quế-Châu và các biên thần nếu Sứ-bộ Đại-Việt qua thảo luận về vấn đề nhượng địa thì nên giải quyết sao cho êm thắm nghĩa là «trả cho chúng nhiều hay ít» tùy tình thế.

Đầu năm sau Lý-triều thi hành chước ngoại-giao. Đào-Tông-Nguyên đi sứ đem theo 5 con voi để cống và đệ tờ biểu xin lại các nhượng địa. Tống vẫn lo sợ cho rèn binh mua ngựa ở các khê động và phòng thủ mọi điều bất chắc.

Việc Quảng-Nguyên được đem ra xét. Tống thấy quân đồn trú đến đóng ở đây 10 phần chết năm bảy và luôn luôn có kẻ đào ngũ. Các viên chức cũng bị nạn lam chướng không ít, Tống-triều đành quyết định trả lại cho Đại-Việt nốt nhượng-địa quan trọng này, nhưng để giữ thể diện họ đòi Lý nộp trả tù binh làm điều kiện ngoại-giao và xử những thủ phạm gây chiến tranh (ám chỉ Lý-Thường-Kiệt) tại biên giới. Dĩ-nhiên điều kiện sau đây Lý-triều không chịu, việc ngoại-giao bị ngừng trệ. Lý-Thường Kiệt lại xúi dân các châu cướp phá do Nùng-Trí-Xuân, Ma-Thuận-Phúc cầm đầu. Sau cùng vua tôi nhà Tống chịu trả hết các nhượng địa, Lý-Thường-Kiệt cũng cho hoàn lại một số tù nhân gồm đủ trẻ, già, trai, gái (221 người), đàn bà bị khắc vào cánh tay chữ : Quan-khách, con trai từ 15 tuổi trở lên thích chữ : Thiên-tử-binh, đàn ông từ 20 tuổi trở lên thích chữ : Đầu Nam-triều. (!)

Thế là chấm dứt cái mộng thôn tính Đại-Việt của Tống. Đây là một sự thất bại nặng nề về vật chất cũng như về tinh thần của một Đại cường đối với một dân tộc nhược tiểu. Triều đình và dân chúng nhà Tống đã bị hao tổn, khốn đốn hết chỗ nói mà biên thùy lại trở về như trước năm Ất Mão thì còn gì bi-đát hơn, nghĩa là Tống chẳng được lợi thêm một tấc đất nào hết. Người chủ-mưu như Vương-An-Thạch và các tướng lãnh phụ-trách việc xâm-lăng vì vậy đều lần lượt nhào theo với chính sách Nam-thùy. Kết cục đâu có phải chuyện tham voi Giao-Chỉ để mất vàng Quảng-Nguyên như lời thơ trào phúng quá phiến-diện của người đời bấy giờ :

« Nhân tham Giao-Chỉ tượng.
« Khước thất Quảng-Nguyên kim.

Bàn về việc Lý-Thường-Kiệt đánh Tống, Hoàng-Xuân-Hãn viết : «Đối nước ta tuy có thể nói không được thua gì, nhưng thực ra nếu ta để Tống tấn-công trước chưa chắc quân ta đã bảo toàn được lãnh-thổ ».

Xét lại cuộc tấn công của Lý-Thường-Kiệt không những là táo bạo mà ta có thể nghĩ là liều lĩnh nữa, nó có thể đem lại những ảnh hưởng tai hại cho nước ta. Nhưng ông thành công là vì ông đã quan sát tường tận tình hình, quyết định khéo léo kế-hoạch, nhờ đó lịch-sử nước ta được ghi dấu chân người Đại-Việt lên đất xưa của vua Triệu. Đời sau người Việt chúng ta không còn dịp nào diễn lại một cuộc tranh hùng ngoạn mục tương tự, tuy rằng Nguyễn-Huệ đã theo gương Lý-Thường-Kiệt nhưng lại bị chết yểu nên sự không thành...

Câu ca dao :

« Nực cười châu-chấu đá xe.
« Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.

không biết sinh ra từ đời nào, nhưng nó có thể tóm tắt như một bức hoạt họa về quãng lịch-sử oanh - liệt này của nước ta. Tuy về vật chất sự thắng lợi của chính sách Lý-Thường Kiệt chỉ có tính cách tiêu cực. nhưng về tinh-thần nó đã làm tăng thanh thế nước ta lên nhiều, buộc Chiêm phải sợ và Tống phải nể...»

Theo ý kiến của chúng tôi, việc tấn công vào đất Tống dưới đời Lý-Nhân-tông là một thủ đoạn chính-trị và phải nói ngay rằng thủ đoạn ấy là của Lý-Thường-Kiệt. Về hình thức quả nó có tính cách tiêu-cực nhưng họ Lý dám ra tay là vì đã nghiên-cứu rõ ràng nội tình chính-trị và quân-sự của Tống-triều thuở đó : Tống thắng Liêu, Hạ bấy giờ nhưng không phải là không chật vật, gian lao. Các Rợ Hung-nô hay Phiên-bang thời đó vẫn gây ám ảnh trong đầu óc vua tôi nhà Tống. Đối với Giao-Chỉ, Bạch-Đằng-giang đã từng là

mồ chôn quân Hán tộc, ải Chi-Lăng đã diễn ra cảnh tuyệt mạng của Hầu-Nhân-Bảo, huống hồ Hán-tộc đã e ngại Việt-tộc từ thuở thượng cổ ! Phá Ung-Châu, Lý-triều chỉ cốt hạ một đòn chính-trị vào tinh thần của Tống. Đánh trước xoa sau biết rằng kết cục Tống cũng phải chịu hòa, còn hơn để Tống rầm rộ kéo quân đến bờ cõi. Tất nhiên Lý-Thường-Kiệt đã tính toán chu-đáo sức mình sức người và có sự tin tưởng ở sự dũng cảm của dân-tộc.

Việc đánh Tống quả là một chuyện rất táo bạo, nhưng có thế mới tỏ sự phi-thường của người anh hùng giữa đám thế nhân, nếu không sao có được những chuyện bất hủ với ngàn thu trong sử sách.

d) Những cuộc giằng co đất đai Lý-Tống.

Việc thắng Tống xong, tiếng tăm nước ta lại càng lừng lẫy. Lý-Thường-Kiệt liền lo giải quyết gắt gao việc mở rộng cương thổ và phân chia địa-giới với nhà Tống.

Đời Lý, cương-thổ Việt-Nam chỉ mới rõ rệt về phương Nam vào khoảng Thanh-Hóa cách biệt với đất Chàm do dẫy núi Hoành-Sơn và về phương Bắc từ Cao-Bằng sang Đông. Địa phận Đông-Khê so sánh với ngày xưa không khác lắm. Từ nơi này ra biển Bắc-ngạn sông Kỳ-Cùng thuộc về Tống gồm có châu Tây-Bình Lộc-Châu và huyện Thanh-Viễn rồi tới chỗ gần bể, lãnh thổ Việt-Nam còn ăn vào tới tỉnh Quảng-Đông đến gần vịnh Khâm-Châu.

Các cư dân tại Cao-Bằng gồm Mán, Nùng. Thổ không thuộc hẳn về bên nào. Biên giới về phía này tới vùng Bảo-Lộc và Yên-Báy ngày nay có thể nói bấy giờ chưa có ảnh hưởng của Lý-triều. Đây là lời bàn của Hoàng-Xuân-Hãn trong Lý-Thường-Kiệt (quyển thượng) Theo ý chúng tôi thì trái lại tức là Lý-triều đã đạt được một phần nào ảnh-hưởng tới các cư-dân thượng-du ở địa hạt Cao-Bằng. Tỉ dụ như họ Nùng oanh-liệt bậc nhất trong đám tù trưởng thượng-du tuy hùng-cứ miền Quảng-Nguyên (Cao-Bằng) đã chẳng có thời quy-phục Lý-triều đó sao ? Ngoài ra các vùng Hải-Ninh, Móng Cái đến Khâm-Châu (Kinh-cheou) từ huyện Quảng-Lăng đến Ôn-Châu ở phía Nam tỉnh Lạng-Sơn đến Ung-Châu (Nam-Ninh) hai bên Lý-Tống cùng kiểm soát, còn về phía Tây, các bộ lạc gần như hoàn toàn độc-lập : Tóm lại Lý-triều tập trung hoàn toàn ở Trung-Châu cho tới Thanh-Hóa. Địa thế của Việt-Nam hồi đó như ôm đất Ung-Châu và do biên giới Lý-Tống chưa được phân định rõ rệt nên hay có những cuộc rắc rối giữa hai nước và cũng do Lý-Tống đều có óc quật cường, nên nước nào mạnh là có ngay ý khuynh loát nước kia. Sau hai cuộc thắng Tống hẳn Lý-Thường-Kiệt đã nhận thấy cái đà dũng cảm của dân-tộc nên có ý mở rộng cương vực mỗi khi có cơ-hội thuận-tiện. Với địa-vị Tể-tướng, lực-lượng binh quyền toàn quốc trong tay, ông muốn thâu hồi lại đất đai của người Việt dưới thời Triệu-Đà cho nên cái mộng của ông không phải chỉ đánh cho Tống một đòn tinh thần để thủ-tiêu cái chương trình Nam-tiến của Tống-Thần-Tông và Vương An-Thạch mà thôi. Đó là ý nghĩ của một vài người, nhưng sau này tiếc thay tình thế lại bất khả kham.

Chuyện lấy lại đất Quảng-nguyên chỉ là chuyện vật hoàn cố chủ, ông còn đòi thêm các khê động miền Hữu-Giang mà các Tù-trưởng đem nộp cho Tống trước chiến tranh. Một điều đáng chú ý là triều Lý có mấy bà công-chúa gả cho các lãnh-tụ các trấn thượng-du không ngoài mục đích đặt phên dậu ở miền Bắc đất Việt cho vững chắc lại còn do ý Bắc tiến về mạn Đông-Nam Trung-Quốc nữa. Ngày tháng hai năm Nhâm-Tuất châu Chiêm-Hóa (Tuyên-Quang) đã được vinh dự đón thêm một nàng Công-chúa nhà Lý tức là Khâm-Thành Công-chúa gả cho Châu-mục Vi-Long.

Thường-Kiệt nhằm vào việc đòi hỏi động Vật-Dương và Vật-Ác. Vật-Dương là vùng đất Nùng-Trí-Hội nộp cho Tống vào năm 1064 sau Tống đổi ra Qui-Hóa. Vật-Ác là phần đất Nùng-Tông-Đán cho Tống năm 1057 đổi ra Thuận-An. Hai động này đều ở phía Bắc tỉnh Cao-Bằng và thuộc về các châu Trấn-An và Qui-Thuận của Trung-Quốc.

Đối với Trung-Quốc (Lời viên cai trị Quế-Châu là Hùng-Bản) châu Qui-Hóa, Thuận An là đất cổ họng của Hữu Giang chế ngự các đường trọng yếu đi Giao-Chỉ, Đại-Lý, Cửu-Đạo Bạch-Y.

Tháng sáu năm Nhâm-Tuất (1082) Vua Lý cho phái bộ đem 50 cặp sừng tê và 50 cặp ngà voi sang cống vua Tống mục-đích đòi dân Quảng-Nguyên mà Tống đã di-cư vào ở trong đất Tống

trong giai đoạn chiến tranh thứ hai ở Tả-Giang và Hữu-Giang

Về phần ty An-phủ-Sứ QuảngTây cũng đòi trả thêm quan lại và đàn bà ở ba châu Ung, Khâm, Liêm. Hai việc này đều có sự găng trì chẳng bên nào chịu cả đến nỗi Ngô-Tiền là Chuyển-Vận-Sứ Quảng-Tây phải xin huấn-luyện binh-sĩ ở Quảng-Tây để đề phòng Giao-Chỉ... Quả nhiên tháng chín Lý-Thường-Kiệt cho Châu-mục Thượng-Nguyên là Dương-Thọ-Văn đem quân đánh Nùng-Trí-Hội ở châu Qui-Hóa và toan đánh cả vào Thuận-An, Trí-Hội phải chạy vào Hữu-Giang và kêu cứu.

Hùng-Bản sai sứ đem thư sang trách, Lý chịu rút quân nhưng yêu cầu giải-quyết vấn đề Vật-Dương, Vật-Ác. Thấy Lý có thái độ cứng cỏi, Bản xin Tống-Thần-Tông trả cho 8 động đất hoang và hẹn Lý cho người đến Vĩnh-Bình bàn cương-sự (Tám động này là giải đất ở phía Nam dẫy núi Hỏa-Điềm) Tại đây, tháng 6 năm Quí-Hợi 1083 Hùng-Bản phái viên Đô-tuần-kiểm Tả-Giang là Thành-Trạc và viên coi lò vàng Điền-Nại là Đặng-Khuyết đến mở cuộc hội-nghị. Vua Lý phái Đào-Tông-Nguyên làm sứ giả : Ta nhất định đòi Vật-Dương và Vật-Ác. Tống chỉ chịu trả tám động kể trên. Rút cục Đào-Tông-Nguyên rũ áo đứng dậy nói một câu : « Đất thuộc Quảng-Nguyên này chỉ là đất nhỏ, khó lòng mà ban chia. Tôi muốn tự làm bài tâu để tùy ý triều-đình định đoạt ». Thật chẳng khác chi một tối-hậu-thơ, một lời đe dọa khiến vua tôi nhà Tống phải bực tức.

Hội nghị Vĩnh-Bình thất bại, tháng 6 năm Giáp-Tý (1084) Lê-Văn-Thịnh khi đó là Lang-Trung Binh-Bộ và Nguyễn-Bôi được cử đi tiếp tục bàn nghị về việc biên cương đã bị bỏ dở gần một năm qua. Tình thế vẫn gay go vì sứ-bộ Đại-Việt vẫn giữ vững lập trường cũ.

Ngày 22 tháng 10 Vua Tống xuống chiếu trả đất 6 huyện Bảo-Lạc, Luyện, Miêu, Đinh, Phong, Cận và hai động Túc, Tang ở ngoài ải Khấu-Nhạc theo đề-nghị của Thành-Trạc trong đó Thành-Trạc đã dụng ý xuyên-tạc tâu lên rằng Lê-Văn-Thịnh đã bằng lòng vạch địa giới ở phía Nam và các châu Vật-Dương và Thuận-An.

Sau này Lý đòi hỏi đất ở Vật-Ác, Vật-Dương tất cả 6 lần nữa đều bị Tống-Thần-Tông từ chối hết. Từ đó Lý đành thôi hẳn. Nguyên vua Nhân-Tôn đã thực-sự cầm quyền (năm đó ngài đã 16 tuổi) Ngài cùng Thái-hậu say mê đạo Phật nên không muốn gay go với Tống nữa. Có lẽ sau đó do chủ trương hòa-hoãn với Bắc-Triều mà Lý-thường-Kiệt phải vào trọng nhậm trấn Thanh-Hóa, kể ra từ năm 1093 vua Tống cầm quyền nhu-nhược, đảng phái tân cựu khuynh đảo nhau trong triều-đình, miền Bắc Trung-Quốc bị quân Hạ uy-hiếp biên thùy nếu vua Lý tranh-đấu đất-đai thêm nữa có thể Tống phải nhượng bộ, nhất là sau này Tống bị nước Kim xâm lấn bắt vua, phá kinh-thành, những kẻ sống sót chạy xuống miền Nam sông Dương-Tử lập nên nhà Nam-Tống trước khi đi tới chỗ tiêu diệt hoàn toàn.

VIỆC ĐÁNH CHIÊM-THÀNH

Năm 1075 tức là Ất-Mão trước khi có việc đánh Tống, Lý-Thường-Kiệt đã xuất quân đánh Chiêm-Thành vì Chiêm luôn luôn quấy rối bờ cõi Đại-Việt. Lần này chưa thành công, Lý-Thường-Kiệt lợi dụng cơ-hội có mặt ở đất Chiêm, vẽ được bản đồ châu Địa-Lý, Ma-Linh và Bố-Chính do Chế-Củ nhường cho ta năm Kỷ-Dậu (1069) dưới thời Vua Thánh-Tôn. Việc này có hai mục đích :

1/ Giải quyết vấn đề nhân mãn do mật-độ nhân ở miền Trung-Châu bắt đầu lên cao.

2/ Chiếm đóng ba châu này để đặt ảnh hưởng chính-trị của Đại Việt và thực-hiện chủ quyền của dân-tộc chúng ta trên các địa hạt Chiêm đã nhượng.

Năm Quý-Mùi (1103) Lý Giác làm phản ở Diễn-Châu (Nghệ-An) Lý Thường Kiệt bấy giờ đã trở về kinh sau 19 năm trấn thủ Thanh-Hóa, khi ấy ông đã 85 tuổi lại thân hành đi dẹp Lý-Giác là một kẻ có phép phù thủy biết sai khiến âm-binh. Thế giặc buổi đầu rất là lừng lẫy. Sau Lý-Giác thua chạy qua Chiêm-Thành dụ Chiêm-Vương Chế-Ma-Na đem quân đánh lấy lại ba châu trên đây. Quân Chiêm đại bại xin tôn trọng tình trạng cũ. Từ khi việc bình Chiêm có kết quả các nước đều xin thần phục và tiến cống nước ta rất chu-đáo

Tháng 6 năm thứ 5 hiệu Long-Phù (1105) Lý-Thường-Kiệt mất. Vua Lý-nhân-Tôn ban chiếu truy tặng chức Nhập-Nội Đô-Tri Kiểm-hiệu Thái-Úy bình-chương Quân-Quốc trọng-sự Việt-Quốc-Công được thực ấp vạn hộ.

Em là Lý-Thường-Hiến được phong tước hầu.

Lý Thường-Kiệt trước sau thờ ba đời vua đều được trọng dụng và mến yêu không ai bằng. Sau khi ông mất, dân bản phường (phường Thái-Hòa huyện Thọ-Xương) thờ làm Thần và được các triều sau này liên tiếp phong tặng.

MỘT VÀI ĐIỀU VỀ THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA LÝ-THƯỜNG-KIỆT

Thường-Kiệt là người phường Thái-Hòa, thành Thăng-Long, lúc nhỏ dung mạo đẹp đẽ tịnh-thân (cắt dương-sự) để sung chức Hoàng-Môn Chi-Hậu hầu Vua Lý-Thái-Tôn (1028-1054) dần dần thăng tới chức Nội-Thị Tĩnh Đô-Tri.

Năm Kỷ-Dậu (1069) là năm thứ hai hiệu Thiên-Huống Bảo-tượng đời vua Lý-Thánh-Tôn (1054-1072) Lý giữ chức Tiên Phong tướng-quân đi đánh Chiêm. Lý lập được nhiều võ-công được thăng Phụ-Quốc Thái-Phó Bảo-Thủ-Tiết-Độ các trấn chức Đồng trung thủ môn-hạ thượng trụ quốc, Thiên-Tử nghĩa-đệ, Thượng-tướng quân tước Khai quốc-công.

Phê-bình Lý-Thường-Kiệt, Sử-gia Ngô-Thời-Sĩ có câu : nước ta với Tầu giao binh nhiều lần từ nhà Tiền-Lê về trước (541 sau T.C) khi được khi thua không nhất định và lại là việc đã qua rồi. Kể từ khi Ngô-Tiên-Chúa (939-944) đại thắng ở Bạch-Đằng, Trần-Hưng-Đạo sau này hạ được Toa-Đô, bắt Ô-Mã-Nhi, đuổi Thoát-Hoan phải trốn về Tầu đều đã làm nhụt cái sức mạnh của giặc, thêm oai thế cho đất nước. Thật là những việc tốt đẹp của nước ta. Nhưng trong các trường-hợp trên đây thì giặc đến nước ta bất-đắc-dĩ phải đối địch. Một bên quân ở xa đến mệt nhọc, một bên quân ở ngay trong nước được thong thả, bên là chủ, bên là khách, cái thế khác nhau. Đi ra trận đàng hoàng, ngọn cờ chính đáng, mười vạn quân hoành hành đi sâu vào nơi đất khách, phá dân chúng ba châu như bẻ củi khô. Ở trong cõi thì không ai giám đấu mũi nhọn, đem quân về chẳng có bọn nào dám theo sau. Dùng binh như thế chẳng là việc ít có ở nước ta ư ? Chúng tôi cho rằng trận đánh Ung, Liêm này là một vũ công thứ nhất của ta từ xưa đến nay. Lý-Thường-Kiệt xuất thân là một hoạn-thị mà lập được kỳ công như thế, người Tống hẳn phải hổ thẹn nhiều lắm (*Đại-Việt Sử-ký* quyển 3 từ 15 A-B).

Hoàng-Xuân-Hãn, trong *Lý-Thường-Kiệt* quyển ba, trang 381, có mấy lời sau đây : Lý-Thường-Kiệt đã có công đặc biệt với nước ta : mở cõi miền Nam và miền Bắc, chống thắng cuộc xâm-lăng của nước ngoài và củng cố biên-thùy mọi mặt khiến các lân-bang kiêng nể.

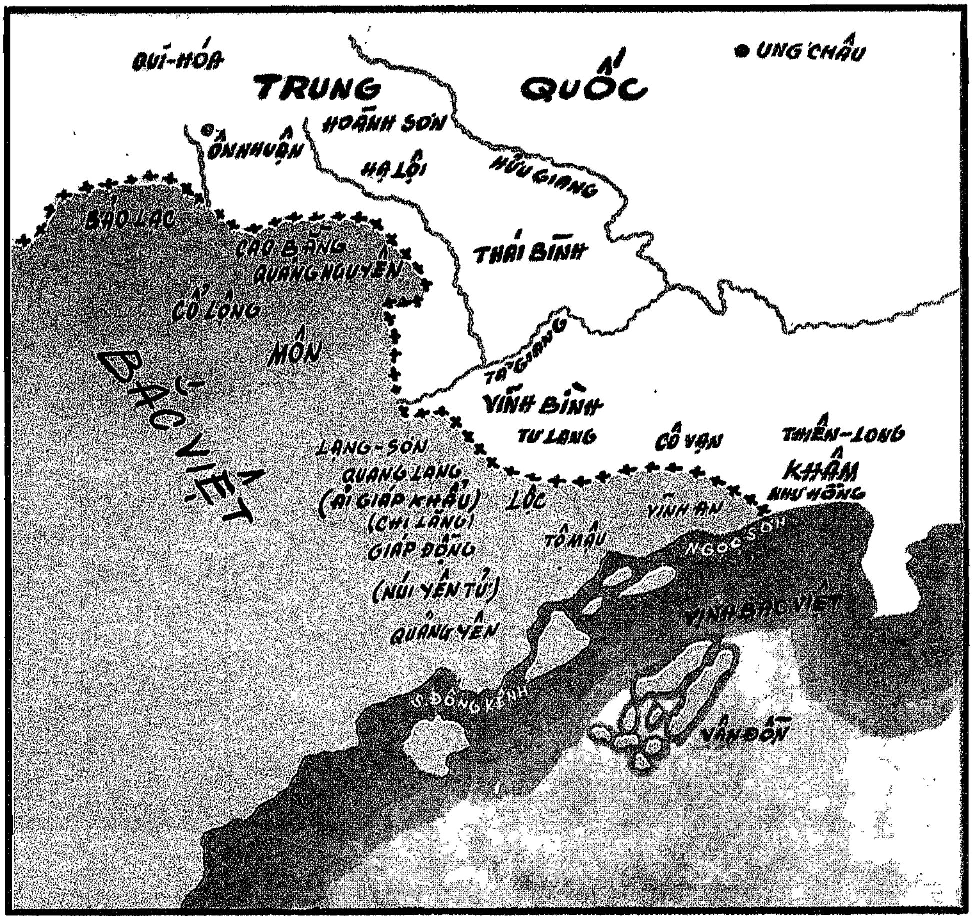
Nước ta hùng cường như vậy là nhờ dân ta dưới đời Lý đã đông đúc lại nhờ kẻ cầm quyền biết tổ-chức binh đội, biết lợi dụng đức tính bền bỉ của nông dân ở đồng bằng, khả-năng đi sông đi bể của dân miền bể và sự thông thạo xuyên sơn của dân thượng-du.

Trái lại tuy Tống có của cải nhiều, binh mã giỏi, tướng có kinh-nghiệm, vua có chí to, nhưng sở trường ấy không hợp với mục-đích xâm-lăng, với địa hình và thời tiết miền Nam. Cũng tướng ấy, quân ấy, nếu để ở biên thùy Bắc thì chắc có thể ngăn được quân Liêu, Hạ. Nhưng vua Tống lại đem chúng đến miền nóng nực, rừng núi, xa làng mạc chúng. Lấy danh nghĩa mang quân đi phạt Man-di, việc này chỉ đủ làm phấn khởi lòng các tướng tá, vì họ mong thắng trận để được thăng chức tước. Nhưng đối với quân ô-hợp lượm ở miền Bắc thì chỉ có sự mong muốn cướp bóc, hiếp tróc, họa may mới làm chúng chiến đấu hăng hái. Khốn nỗi quân chưa đặt gót được tới miền giầu có đã thiệt hại nhiều rồi, cho nên không ai có tinh thần chiến đấu.

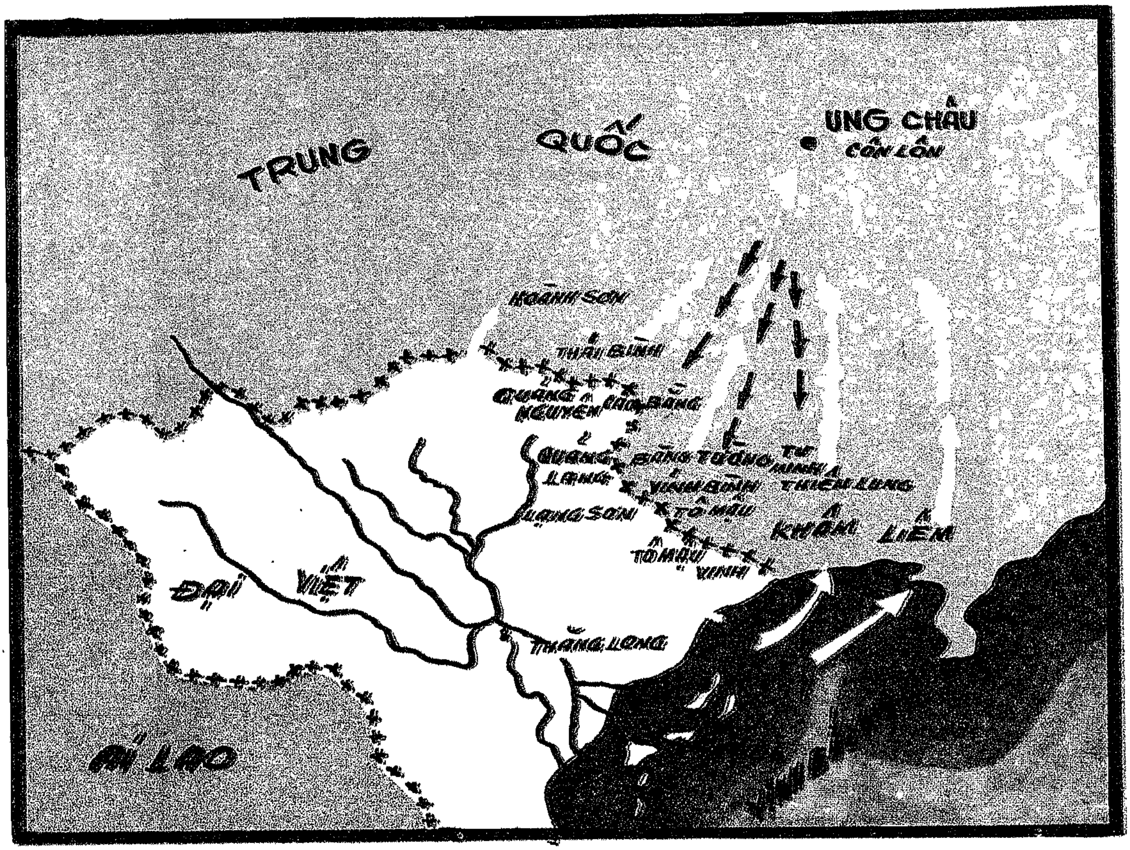
Lý-Thường-Kiệt đã biết đem sự bất kỳ chống với sự mạnh, đem chỗ mình giỏi chống với chỗ địch kém, đem quân được nghỉ ngơi đợi quân phải mệt nhọc, đem sự nhẫn-nại chống với sự kiêu-căng và nhất là lấy lý do mất còn của dân tộc đối với lòng cầu danh vọng của một vài nhân vật địch. Đó là những cớ chính làm cho quân Lý thắng.

Công Lý-Thường-Kiệt là to. Tài cầm quân Lý-Thường-Kiệt là cao đã đành mà đến chính sách nội-trị, ngoại-giao của Lý-Thường-Kiệt cũng khéo. Thường-Kiệt lại không tự ái quá, biết trọng quyền lợi chung. Nếu không thì sao khi vua còn nhỏ, ông cầm hết quyền bính và quân đội trong tay mà không bắt chước Lê-Hoàn và Lý-Công-Uẩn, chỉ ra một lệnh là cướp được ngai vàng. Nếu không thì sao khi thấy tình thế ngoại giao với Tống trở khó khăn bởi mình, ông lại chịu bỏ ngôi Tể-phụ mà lủi-thủi ra trấn miền Thanh-Hóa !

BẢN ĐỒ BIÊN-GIỚI TỐNG-LÝ (1075)



LÝ-THƯỜNG-KIỆT TẤN CÔNG QUÂN TỐNG

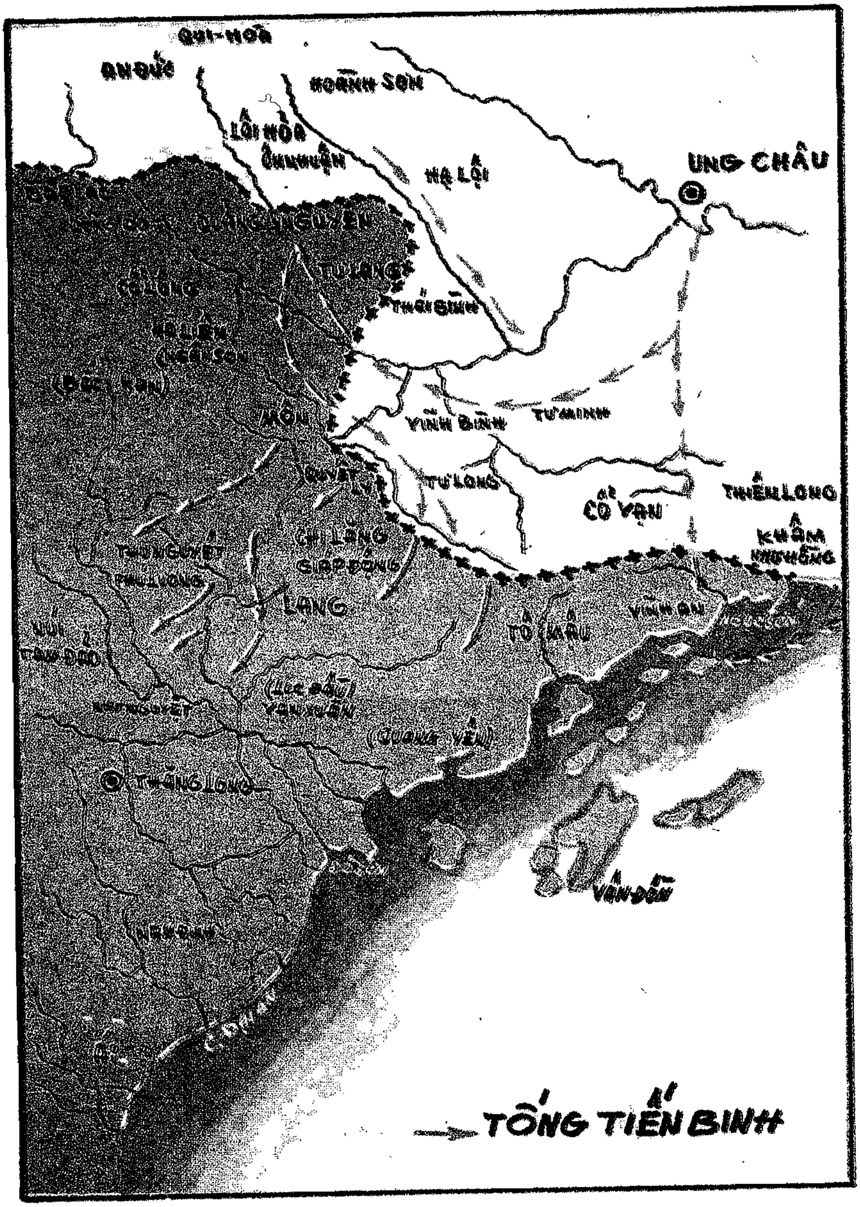


: Đạo quân Lý tấn công Ung-Châu.

: Đường hành quân của nhà Lý. (thủy bộ)

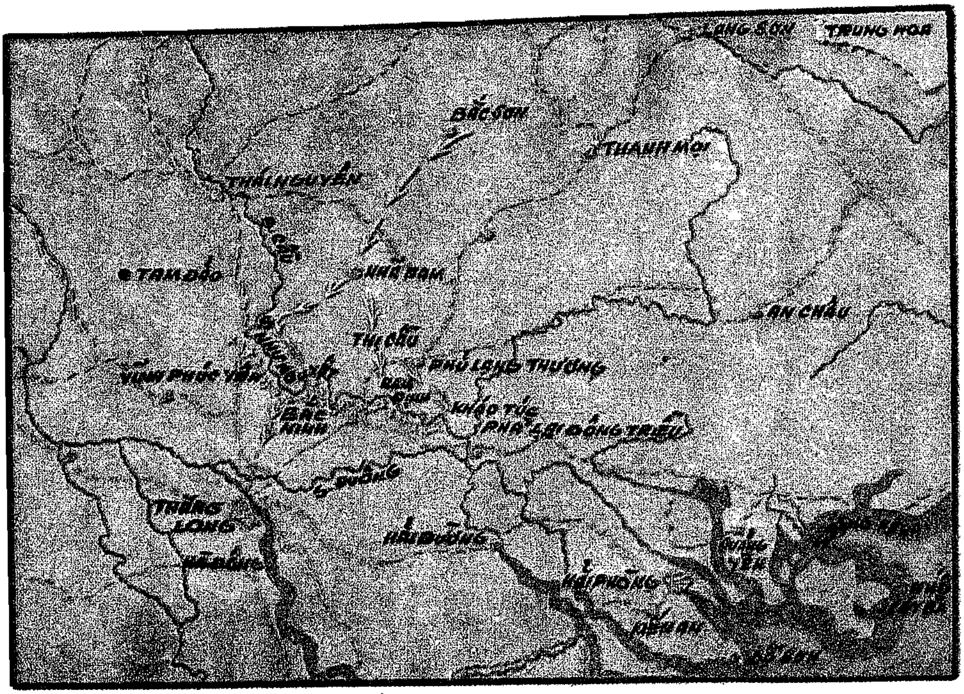
→ : Các đạo quân Tống

CHIẾN TRƯỜNG TỐNG - LÝ

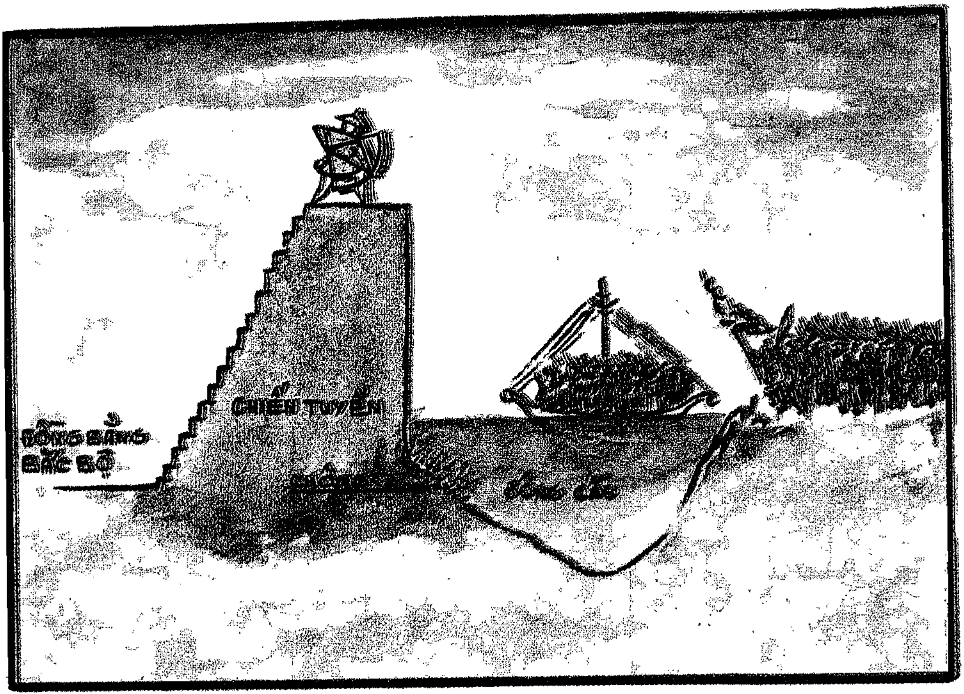


⟶ : *Cuộc phục thù của nhà Tống.*

CHIẾN TRƯỜNG TỐNG - LÝ
(Phòng tuyến sông Cầu)



Quân Tống
Phòng Tuyến
Đường Bộ



CÁC DÂN-TỘC ĐÔNG-DƯƠNG

Vài hàng về các lân quốc của chúng ta...

Việt, Mên, Lào giòng giống khác nhau, văn-hóa cũng khác nhau nhưng quyền lợi về chính-trị kinh-tế, quân-sự của ba Dân-tộc có rất nhiều liên-hệ và ảnh-hưởng đối với nhau. Giải Trường-Sơn về phía Việt-Nam là Đông-biên của Mên-Lão và Mên-Lào là Tây-biên của Việt-Nam. Môi hở răng lạnh, nếu cùng ý-thức được sự cần thiết của một chủ-thuyết cộng-đồng sinh-tồn, đồng cam cộng khổ thì các quốc-gia của chúng ta chẳng những giữ vững được nền an-ninh chung, mưu được thịnh-vượng và hạnh-phúc chung mà còn là một trường thành cho sự an-nguy của toàn bộ Đông-Nam-Á.

Chúng ta thành tâm mong mỏi xóa được các biên thùy trên bản đồ bán-đảo này cũng như các biên thùy trong lòng của chúng ta đang bị các đế-quốc gieo rắc nhiều kỳ thị nguy-hiểm, hại cho ta bao nhiêu thì lợi cho họ bấy nhiêu..

Lịch-Sử từng khuyến-cáo các nước nhược tiểu dân-tộc sự tinh-thành đoàn-kết là điều vô cùng quan-hệ và sự chung voi với đức Ông vô cùng nguy-hiểm, sớm muộn sẽ đưa lại sự tự-sát không thể tránh được trên trường chánh-trị cổ kim.

Những dân - tộc và những nền văn - minh khác nhau trên bán - đảo chữ S.

Sa-Đéc
Friday, March 4, 2016

LÀ một sự thiếu sót rất quan-trọng nếu nhà chép sử nào của Việt-Nam không nói đến các nước láng-giềng Cambodge, Phù-Nam, Ai-Lao, Chiêm-Thành, Chân-Lạp và nền văn-minh cổ xưa của họ. Lý-do rất là giản-dị : họ có nhiều liên-hệ với đời sống dân-tộc của chúng ta trên nhiều phương-diện.

Bước chân lên bán-đảo gọi là bán-đảo Đông-dương hình chữ S này người Pháp cũng như nhiều du-khách Tây-phương khác đã chú-ý đặc-biệt đến nếp sống tinh-thần của các sắc dân ở đây nó gồm một số đặc-điểm và do các đặc-điểm người ta thấy những sự khác biệt rõ-rệt giữa các quốc-gia với nhau. Tựu-trung bán-đảo nầy là chỗ gặp-gỡ của hai nền văn-minh tương-phản rất mạnh : văn-minh Trung-hoa của giống Hán và văn-minh Ấn-độ của đồng-bào đức Thích-ca Mâu-ni. Cả hai nền văn-minh nầy đã có thời phát-triển rất mạnh. Rồi người ta gọi bán-đảo này là bán-đảo Hoa - Ấn. Cái tên "Hoa-Ấn" thật rất thích-hợp và có ý-nghĩa rõ-ràng bởi các dân-tộc sống trên bán-đảo nầy quả đã chịu sâu đậm từ nhiều đời ảnh-hưởng của hai nền văn-minh nói trên.

Văn-minh Trung-hoa xưa cũng như nay nặng tính-chất phong kiến và đế-quốc đã thúc đẩy qua bao nhiêu thế-hệ những đoàn quân viễn xâm đi khắp bốn phương trời và các nước nhược-tiểu nào gần-gũi họ nhất là nạn nhân trực-tiếp nhất và cũng thường-xuyên nhất của họ. Việt Nam là một trong số quốc-gia nói đây dầu muốn đầu không đã phải chấp-nhận cái hoàn-cảnh không may đó. Tuy nhiên những cuộc xâm lăng của Hán-tộc đã đành nhiều phen gây những thảm kịch hết sức não-nề và lâu dài cho dân-tộc Việt nhưng may thay cũng có sự bù-trừ trở lại. Bên kia bờ Địa-trung-hải văn-minh La-Hy đã chẳng làm sáng sủa cuộc sống của nhiều dân-tộc Tây-Âu và Đông-Âu, Trung-Đông nhiều thế-kỷ trước Công-nguyên nhất là từ các cuộc xuất ngoại của đoàn quân xâm-lược dưới sự hướng-dẫn của đại tướng César sao ? (101.44 trước Tây lịch).

Xét ra văn-minh Trung-hoa còn reo-rắc cả nền tư-tưởng đế-quốc và phong-kiến của nó vào các dân-tộc bị trị rồi chính các dân-tộc này cũng từng có thái-độ cương-cường vừa chống lại "Thiên-triều" đồng thời trở thành những nước Đế-quốc giữa họ với nhau. Họ sát-phạt nhau nhiều khi rất khốc-liệt theo định-luật đào thải thiên-nhiên, mạnh được yếu thua.

Ngược lại, về phương-diện này văn-minh Ấn-độ là thứ văn-minh hiền-hòa chỉ chủ-trương mang hạt giống, từ-bi, hỷ-xã giải ra ở các nơi và không bao giờ biến các nước họ tới sống chung thành các nước bồi thần. Thiếu gì các nhà tu, các nhà trí-thức, các thương nhân của Ấn đã có mặt đông-đảo ở các xứ Đông-Nam Á-châu để quảng-bá trên thực-tế lý-tưởng này như ta đã thấy ! Họ đến với chúng ta, khi ở khi đi, không oán không thù. Họ giữ quyền hành thì không bao giờ có bạo-chính và xung-đột về quyền-lợi. Còn các dân-tộc bản-thổ ở đây do sự va-chạm, do nhu-cầu của cuộc sống đã có nhiều cuộc xô-xát, âu cũng là điều khó tránh bởi qua lịch-sử thế-giới và nhân-loại nơi nào càng tụ-tập đông-đảo nơi đó càng dễ có những cuộc tranh-giành, những cuộc đua chen.

Nhìn vào các hình ảnh xen kẻ vào các trang giấy này, ta thấy bao nhiêu đền đài nguy-nga tráng-lệ, những cảnh-trí tuyệt-vời do các bàn tay khéo-léo tô điểm nên. Đây là những dấu vết tiến-bộ của loài người liên tiếp từ ông cha đến con cháu.

Chúng ta lại thấy nhiều bộ mặt hiền-lành của mỗi giống người rất đáng yêu, đáng mến để rồi ta nảy sinh ra một ý-nghĩ rất tự nhiên do thiên-lương trong lòng chúng ta : Tại sao chúng ta không hòa-đồng với nhau để cùng thờ một thượng-đế, chúng ta không cùng chung một nếp sống để gây thịnh-vượng và hạnh-phúc chung ?

Cạnh-tranh để mà sống, đó là một quy-luật trong đời sống của Loài người, nhưng đây là quy-luật của một thời kỳ lịch-sử khi chưa có văn-minh, tiến-bộ. Sống thân-ái, đoàn-kết và hỗ-tương mới là khó và đó là điều-kiện căn-bản để đạt tới lý-tưởng cao-siêu nhất : Sống hòa-bình!

Xây-dựng hạnh-phúc bằng hòa-bình, còn gì quý giá hơn, cao thượng hơn ?

Nhân-dân Việt-Nam lúc này trải nhiều cuộc can-qua đã ngao ngán rất nhiều trước cảnh núi xương sông máu, mong-mỏi hơn dân-tộc nào hết một đời sống mà ông cha từ xưa đã nêu ra qua phương-châm :

"ANH EM BỐN BỂ ĐỀU LÀ ANH EM" — (Tứ hải giai huynh đệ)

Bao giờ các dân-tộc trên giải đất này và các dân-tộc ở các lục địa xa-xôi cùng chung một quan-niệm như vậy để Nhân-loại thực-hiện trở lại một thế-giới vàng son lộng-lẫy thuở nào ?

Vì sao ? - Vì máu của loài người đã đổ ra quá nhiều rồi !

PHỤ-LỤC VỀ CHIÊM-THÀNH, PHÙ-NAM, CAMBODGE VÀ AI LAO

Dân-tộc chúng ta ở sát ba quốc-gia Chiêm, Mên, Lào. Vấn đề Chiêm được đặt ra sớm hơn cả từ ngày Việt-Nam thâu hồi được độc-lập sau trên một ngàn năm Bắc thuộc tức là từ đời Tiền Lê (980-1009). Với Mên, Lào chúng ta cũng có nhiều cuộc tiếp xúc vào 10 thế-kỷ sau này nhất là từ thời Trịnh, Nguyễn phân tranh.

Do những liên hệ quan trọng kể trên giữa ta và các lân quốc, chúng tôi thấy cần có những trang dưới đây khảo về Chiêm-Thành, Phù-Nam, Cambodge và Ai-Lao để rộng đường nhận xét của các bạn đọc.

1. CHIÊM - THÀNH

Những nhà du lịch Tây-Phương như Marco-Polo, Frère Odorie de Pordonone sau khi thăm viếng nước Chiêm - Thành đã hết lời khâm phục và tán dương dân Hời. Dân Hời ngày nay chỉ còn thưa thớt vài vạn người, rải rác âm thầm sau dặng Trường - Sơn nhiều nhất ở hai tỉnh Nha Trang, Bình Thuận ngày nay.

Dân Hời đã có một lịch sử đáng kể, có mối liên hệ vô cùng mật thiết với chúng ta kể từ thế kỷ thứ hai (102 sau T. C. dưới đời Đông - Hán). Ban đầu dân Hời gọi là Lâm-Ấp, sau là Chiêm-Thành, ngay khi đó đã văn-minh cường-thịnh và thường đem quân hùng tướng mạnh xâm-phạm bờ cõi của dân Giao-Chỉ ta. Cho tới sau này, qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đến cận-đại mối thù truyền kiếp đầy máu và nước mắt giữa Việt-Nam và Chiêm-Thành đã kết-liễu bằng sự suy vong toàn-thể của dân-tộc này. Ngoài lý-do chính-trị còn lý-do kinh-tế không kém phần quan-trọng : Nạn nhân mãn của đồng bằng Bắc-Việt đã thúc đẩy người Việt ta trên con đường Nam-tiến rồi mạnh được yếu thua, dân Chiêm rút lui dần vào các miền chân sim bóng đá của các tỉnh Nha-trang Phan-rang, Ninh-thuận từ cuối thế-kỷ 18.

Giờ đây chúng ta hãy xét qua Chiêm-Thành để hiểu sự hưng vong của một dân-tộc kiệt-hiệt có, văn-minh có, tiến-hóa có, với những trang sử đáng kể là oanh-liệt đôi ba phen và đã cùng chúng ta tranh sống gắt-gao trên bán-đảo này qua nhiều thế-kỷ.

Về địa-dư, giang-sơn Chàm giáp bờ bể có những cánh đồng nhỏ hẹp từ Hoành-sơn vào Bình-thuận chạy tới biên-thùy Cambodge có núi cao ngăn cách chia xứ này ra làm nhiều khu. Bề ngang xứ Chàm đi chân không quá một ngày đường. Sông thì ngắn và thường cạn, gặp nước lũ tràn về hay sinh ngập lụt, lại thêm nhiều cơn bão thổi tới cũng vô cùng tai hại. Chiêm chia ra nhiều khu-vực nhỏ. Đường giao-thông từ khu này sang khu kia khó-khăn hiểm-trở. Theo địa-thế ấy, ta có thể lược-định vị-trí các châu của nước Chiêm-Thành như sau này : từ núi Hải-vân ra Bắc đại để có những châu Ô, châu Ri, Amaravati thì ở Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, châu Vijava ở Bình-Định, Kanthara ở Khánh-Hòa và Panduranga ở Ninh-Thuận, Phú-Yên, Bình-Thuận.

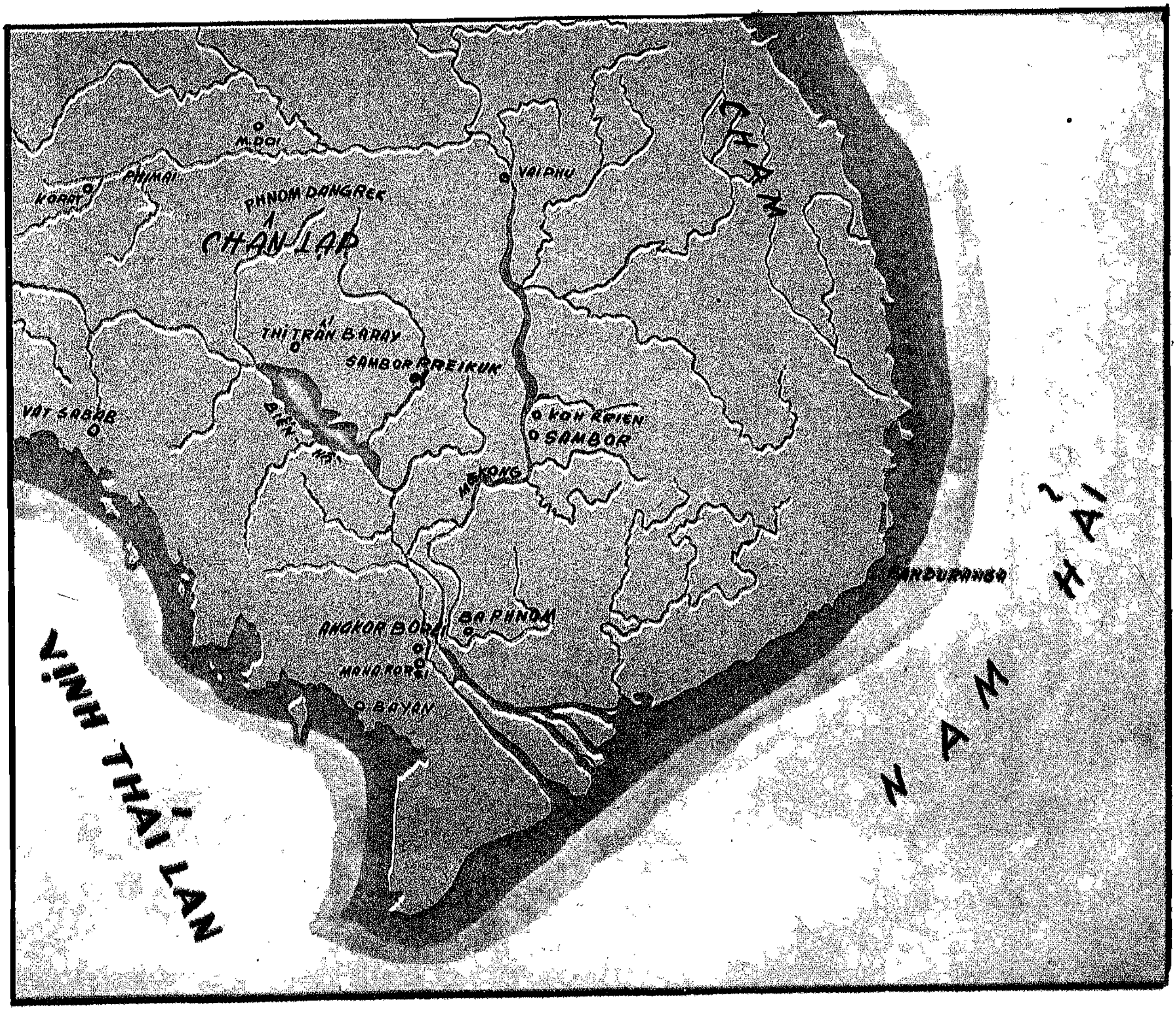
Tống-sử chép còn có một châu ở phía Tây giới Vân-Nam mệnh-danh là Thượng-Nguyên. Châu ấy ở trên núi cao cũng thuộc về Chiêm, theo dãy Hoành-sơn tiến ra Bắc cho tới Vân-Nam. Người Chiêm gọi là Châu-Cao (vì vậy người Tàu gọi Thượng-Nguyên).

Về lịch-sử, Chiêm-Thành có lẽ phát-tích ở Quảng-Nam bây giờ. Họ cũng giống dân Mã-Lai, Rhadé, Jarai và nhiều sắc-tộc sinh sống theo dãy núi Trường-sơn (Trung-Việt). Có lẽ ở một thế-kỷ xa-xôi, đoàn thuyền của họ đã ghé vào các miền Trung và Nam-Việt. Họ cướp phá dân bản-xứ, dồn bọn người này lên các miền sơn-cước ngày nay thành giống mọi. Các bia Chiêm gọi chung là Kirates. Họ ngừng bước ở đây. Họ không đem đủ đàn bà nên họ đã phối-hợp với một số dân Khmer và bản-xứ thành một dân-tộc sau này được mệnh-danh là Hời hay Chàm. Sử ta gọi là Chiêm-Thành. Theo sử Chân-Lạp, họ đến đây đã lâu, trước năm 289 (trước Thiên-Chúa) lập thành triều-đình, bờ cõi riêng biệt. Một số khác (cũng là giống Indonésien) rời bờ biển Đông-Dương xuống làm ăn ở quần đảo Mã-Lai và các đảo ven bờ Thái-Bình-Dương.

Theo các nhà sử-học gần đây, năm 137 sau Thiên-Chúa, người Chàm cướp phá phía Bắc (Việt-Nam). Đến năm 192, họ chiếm được vùng phía Nam quận Nhật-Nam rồi không bao lâu chiếm giải đất hẹp một bề liền núi, một bề liền bể, tức là đất Trung-Việt bây giờ, trừ mấy tỉnh phía Bắc Hoành-sơn (Hà-tĩnh, Nghệ-An).

Họ dựng nước ở đây từ thế-kỷ thứ hai (sau Thiên-Chúa) và thành Đế-Quốc vào thế-kỷ thứ 3 giữa lúc văn-hóa Ấn-Độ tràn sang phía Nam Đông-Dương và qua các quần-đảo Mã-Lai (Insulinde). Tới các miền đất này của Á-châu, người Ấn-Độ phần nhiều là các

XỨ CHÂN-LẠP TỪ THẾ-KỶ THỨ VII ĐẾN THẾ-KỶ THỨ IX

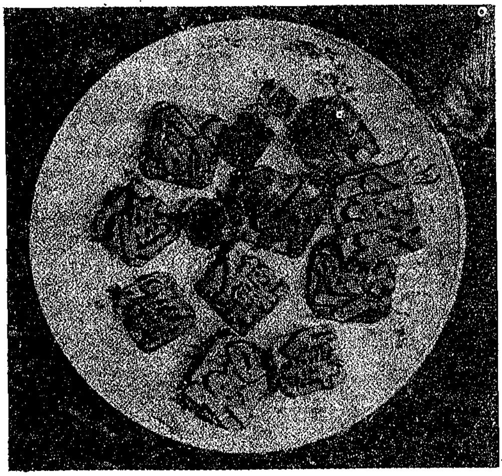


◉ *Những thủ đô được khám phá ra.*

o *Những thị trấn hữu danh.*



Tháp Chàm



Những ấn dấu bằng vàng ngọc của dòng dõi vua Pothêm Takhoát



Một gia-đình Chàm ở Ninh-Thuận

nhà buôn, trí-thức, thầy tu cùng một số người mạo-hiểm một phần có mục-đích gieo-rắc hạt giống văn-hóa của nước Phật. Họ dạy dân theo phong-tục, tôn-giáo, luật-lệ, mẫu-tự, phạn tự, và cả cách tổ-chức xã-hội theo kiểu Ấn-Độ. Trong lúc này ở miền Bắc Đông-Dương người Trung-hoa cũng đang đặt ảnh hưởng văn hóa của mình do mục-đích chính-trị chứ không có tính-cách hoàn toàn văn-hóa và vô tư như người Ấn. Nền văn-hóa Ấn đôi phế ở đây từ thế kỷ 13 và đáng kể đã có công khai hóa nhiều cho các dân-tộc miền Nam Đông-Dương cũng như người Tàu khai-hóa cho Bắc-Việt kể từ đầu Thiên-Chúa kỷ-nguyên. Ngày nay xét văn-hóa của Cambodge, Chiêm-Thành, Chà-Và ta còn thấy rõ-rệt hình-ảnh và dấu-tích của tôn-giáo và văn-chương Ấn-độ.

Khi toàn-thịnh, đế-quốc Chiêm đã lan xuống miền Nam bán đảo của chúng ta để rồi đụng chạm với hai dân-tộc Cambodge và Phù-Nam.

Nói đến Chiêm-Thành, ta không thể không chú ý đến vấn đề tôn-giáo của nước này. Đạo Bà-La-Môn và đạo Phật tràn qua đây gặp đạo Hồi-Hồi và các tín ngưỡng nhảm-nhí, các tập-tục cổ-truyền của dân bản-xứ. Sự lộn xộn của tôn-giáo đã như đầu-độc dân trí ở đây. Trình-độ Chiêm-quốc thấp kém bao nhiêu thì ảnh hưởng của sự lộn-xộn này lại càng tai hại bấy nhiêu.

Ngoài các tôn-giáo Ấn-Độ, dân Chiêm lại còn thờ các vị anh hùng có công với nước. Nhiều khi cùng trong một đền-đài, dân Chiêm thờ lẫn lộn đủ các vị thần. Trong tháp Ponagar chẳng hạn, ta thấy tượng của vợ Çiva bên nữ-thần Pono-Nagar của người Chiêm.

Dân số Chiêm thưa thớt và đa số có vẻ ngờ-nghệch như người Hời hiện nay. Số người thượng lưu rất ít đã từ Ấn-Độ di-cư sang hay là những người đã hấp-thụ văn-minh Ấn-Độ. Tất nhiên đám người này cầm cân nẩy mực ở Chiêm quốc. Họ cách-biệt hẳn với quần chúng, ta có thể nói chắc như vậy vì theo cái bia ở Mỹ-Sơn thì dân Chiêm chia ra làm 4 giai cấp như ở Ấn-Độ : giai-cấp Brahmanes (tăng-lữ), giai-cấp Kchatriyas (võ-sĩ), giai-cấp Vaicyas (lao-nông), giai-cấp Cudras (cùng-đinh).

Dân Chiêm chia làm nhiều phe. Hai phe to nhất là phe Cau và phe Dừa (1). Khu-vực của phe Cau ở miền Nam xứ Trung-Việt. Phe Dừa sinh-tụ ở Quảng-Nam bây giờ. Như trên đã nói, ta thấy rằng về địa-dư, sự giao-thông trên đất Chiêm không thuận-tiện, việc kinh tế ắt bị ngăn trở rất nhiều nên dân Chiêm khó bề phồn-thịnh và có căn bản vững-chắc

Về tinh thần, dân-tộc này cũng thiếu nốt sự thống nhất. Ngoài ra dân Chiêm lại có nhiều nhược điểm là hiếu-chiến, ít óc phục-tòng, tham thích xây đền-đài (coi các di-tích còn lại ở Quảng-Nam). Họ đã tốn nhiều nhân-công để phục dịch việc thiết-lập các cung điện tráng lệ và cúng-tế liên miên. Có nhiều khi họ huy-động đến cả phụ-nữ nữa. Có thời quốc thế Chiêm bề ngoài có vẻ mạnh-mẽ, nhưng bề trong thì nguyên-lực đã hao mòn rất nhiều cho tới khi phong-trào Nam-tiến của dân-tộc Việt-Nam, mạnh như làn sóng đại-dương đã quyết-định số mệnh của dân-tộc này một cách tàn-khốc.

Vua Lê-Thánh-Tôn sau này sau khi bước chân đến đất Chiêm trở về đã viết : Động Phật, tháp quỷ tứ chi lao phí... nam nữ tận khu ư tệ dịch (Nơi dựng tháp, chốn xây đền, trai gái chen vai trường khổ dịch) *và : Lưu dân xúc địa như hàm-oan, háp canh cáo thiên nhi vô lộ* (cùng dân dậm đất ngậm oan, quần chúng kêu trời không thấu).

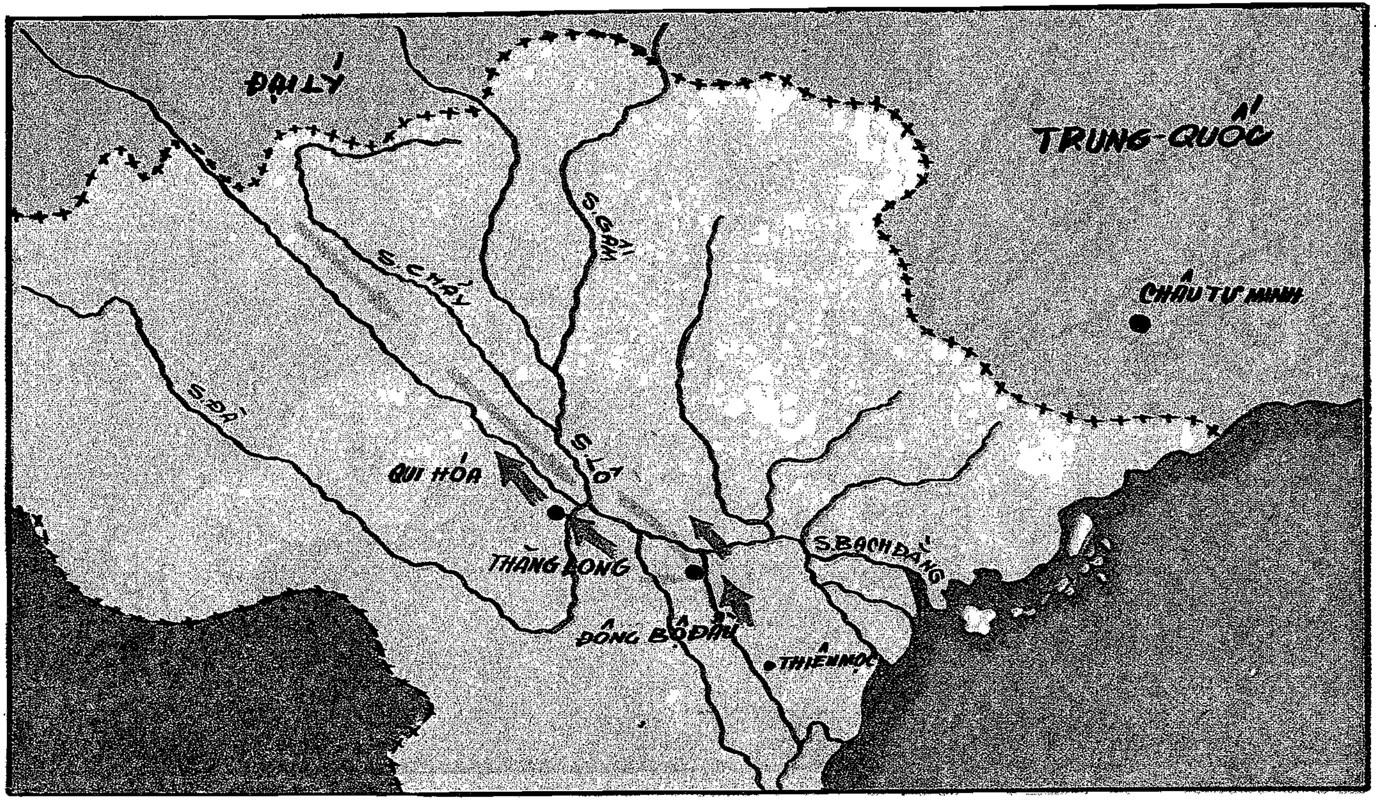
Nền-tảng của quốc-gia bồng-bềnh như vậy, sinh-lực nhân-dân tiêu mòn như vậy, lại phải đương-đầu với những biến-cố lớn-lao của lịch sử, trách gì Chiêm chẳng sụp đổ thảm-thương. Rồi khoảng thế-kỷ 13, quân Mông-cổ kéo sang dân Chiêm thêm một phen đau khổ. Họ phải xuất toàn lực mới đuổi được Toa-Đô (Tướng Mông-Cổ lĩnh-đạo thủy-quân đánh vào Chiêm và có mưu toan tiến ra Bắc để lùa quân nhà Trần tất cả vào chiến trường miền Bắc cho tiện tận-diệt. Ở đây lục-quân của Thái-tử Thoát-Hoan đang làm chủ và tấn-công Nam-quân rất kịch-liệt.

Trong giai-đoạn lịch sử đầy giông-tố này, trước kẻ thù chung, đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, Việt-Chiêm bắt tay nhau để cùng chống nạn xâm-lăng sau những oán thù liên-miên truyền kiếp. Nhưng khi Mông-Cổ đã ra khỏi bờ cõi, cuộc tàn-sát Việt-Chiêm lại tái-diễn. Có nhiều khi Chiêm đã đem quân reo ngựa hý vào bờ cõi Đại-Việt, luôn luôn đánh phá thành Thăng-Long nhất là dưới đời Chúa Chế-Bồng-Nga. Và quân Việt khi đuổi xong giặc Minh, củng-cố được lực-lượng cũng luôn luôn trở lại con đường Nam-tiến, chiếm dần đất đai của người Chiêm để mở rộng cương-vực. Những trang sử dưới tiếp-tục cho ta hiểu đầy đủ hơn những cuộc hưng vong của dân

---

(1) Tên của hai phe này đặt theo quan-niệm Tô-Tem.

KHÁNG-CHIẾN MÔNG-CỔ LẦN THỨ 1
ĐINH-TỴ (1257)



Quân nhà Trần từ Thăng-Long tiến lên

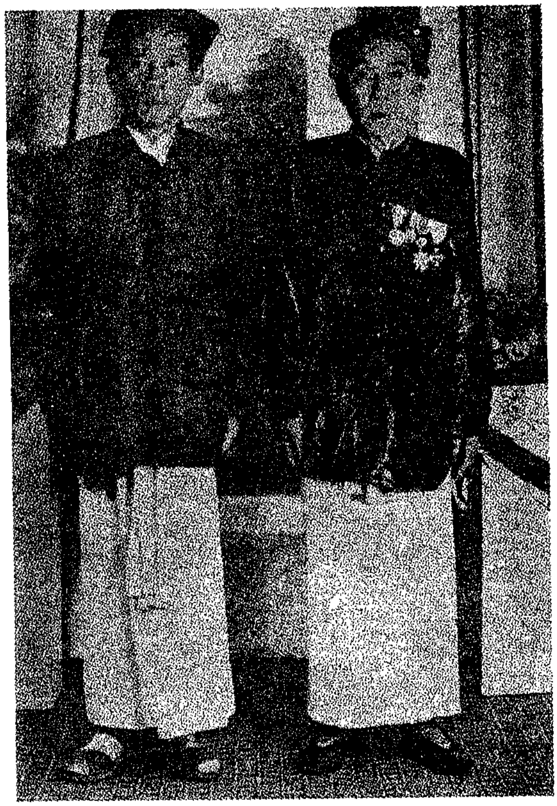
Quân Mông-Cổ từ Vân-Nam kéo xuống

KHÁNG-CHIẾN MÔNG-CỔ LẦN THỨ 2
QUÝ-MÙI - ẤT-DẬU (1283-1285)



VIỆT QUÂN — ĐỊCH QUÂN

(Mặt trận cũng hoạt động một lúc từ Nam ra Bắc dưới thủy cũng như trên bộ).



Hai vị chức-sắc Chàm



Một thiếu nữ Chàm



Chiêm cho tới cuối thế-kỷ thứ 18 dân Chiêm mờ hẳn tên tuổi trên bán-đảo của chúng ta ngày nay.

Chiêm-Thành còn để lại giờ phút này những dấu tích rực-rỡ là những tháp bằng gạch trang điểm bằng những thứ chạm đá sỏi, theo đúng kiểu mẫu của Ấn-Độ. Trong các tháp có những pho-tượng Bà-La-Môn hoặc tượng Phật. Đáng kể nhất là tháp ở Mỹ-Sơn, Trà-Kiệu và Khương-Mỹ thuộc tỉnh Quảng-Nam. Những tháp ở tỉnh Bình - Định, tháp Pô - Nogar ở tỉnh Nha-Trang xây vào thế-kỷ thứ 7 và thế-kỷ thứ 12 sau Thiên-Chúa. Lối kiến-trúc Ấn-Độ sau mất dần đi, mỹ-thuật của Chiêm-Thành lại quay về lề-lối của người bản thổ.

Bàn về mỹ-thuật Chiêm-Thành do những tháp Hời còn lại, người ta cho rằng mỹ-thuật của xứ này đối với khoa kiến-trúc ngày nay không khỏi có ít nhiều khuyết-điểm. Nhưng vào thời bấy giờ, vật-liệu chỉ có đất thó nung ra gạch, thảng hoặc chỉ có đá, nhưng đá chỉ được dùng vào chỗ cần thôi : như trên cửa vào, ở góc mà đá xây được đẹp như thế tưởng đã giỏi lắm. Những hàng cột khoan-thai đuổi nhau (Pô-Nogar) trong những đường song nhịp-nhàng uyển-chuyển ở mặt tường góc tháp (Mỹ-Sơn) ai nhìn thấy cũng phải say-mê. Xét về nghề chạm đá thì dân Hời hơn dân ta nhiều lắm. Mấy ai mà không từng trông thấy tượng những vũ-nữ Chiêm-Thành thân hình nõn-nà, vững-chắc, đầy đặn mà vẫn thanh-bai với bộ ngực no tròn xinh-đẹp ? Dáng điệu đã nhẹ-nhàng, các bộ phận lại cân-đối, những tượng này tỏ rằng tinh-thần mỹ-thuật của dân Chàm đã cao hết sức, do những nhận-xét vô cùng tinh-tế.

II. PHÙ-NAM

Dân-tộc Phù-Nam cho tới nay là một dân-tộc được coi như thủy-tổ của người Khmer. Tên Phù-Nam do người Tàu đặt ra. Sở-dĩ người Tàu gọi vương-quốc này là Phù-Nam có nghĩa là thành phố nổi trên mặt nước ở miền Nam. Phù-Nam ra đời vào khoảng thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-Chúa, đến thế-kỷ thứ 6, vì sự phân chia nội bộ, nên đi dần đến chỗ tàn tạ.

Lãnh-thổ Phù-Nam choán cả miền Nam bán đảo Đông-Dương kể từ vùng hạ-lưu sông Cửu-Long, vùng Đồng-Tháp và các đất sát bờ biển Thái-Lan, nhưng không gồm toàn diện xứ Cambodge ngày nay. Và có thời Phù-Nam cực-thịnh với biên-giới rộng lớn đến trên 6.000 lí (khoảng 3.000 cây số). Hướng Đông giáp Nha-Trang, hướng Nam kéo dài đến bán đảo Mã-Lai và hướng Tây đến vùng đồng-bằng Miến-Điện.

Dấu-tích của nước Phù-Nam hiện nay còn lưu lại là bốn tấm bia bằng chữ Phạn. Hai tấm Vishnu (Vishnu là thần chuyên cứu-trợ nhân-loại của đạo Bà-La-Môn) tìm thấy ở Nam-Việt và ở Cực-Nam Cambodge. Còn một tấm bia là bia Phật đào thấy ở Bati phía Nam thành phố Nam-Vang. Bia đá ở Đồng-Tháp-Mười cũng viết bằng chữ Phạn ghi chiến-tích của các vương-triều. Những tấm bia trên khắc vào thế-kỷ thứ 5 đến đầu thế-kỷ thứ 6.

Theo truyền thuyết thì Đồng-Tháp-Mười xưa kia là nơi hội quân của nhà vua, mùa khô thì cho voi đến, còn mùa nước thì các thuyền bè sẽ tập họp lại để nghe lệnh. Nhà vua đứng trên một cái tháp cao 10 từng ra lệnh cho ba quân. Có lẽ vì vậy mà ngày nay chúng ta gọi là Đồng-Tháp-Mười.

Quốc-gia Phù-Nam liên-hệ rất nhiều với biển, giao-thương nhiều với các lân-quốc và tiếp-xúc cả với một vài cường-quốc xa-xôi thuở đó.

Theo Giteau, tác-giả cuốn Histoire du Cambodge *vào hạ-bán thế-kỷ thứ II dân Phù-Nam chịu ảnh-hưởng nhiều của Ấn-Độ, nhất là sau khi đế-quốc Kushana (Ấn-Độ) sụp-đổ nhường địa-vị cho dòng họ Gupta. Những cuộc biến đổi này đã làm cho một số người Ấn di-cư qua miền Nam bán-đảo chúng ta và qua cả nhiều nước Đông-Nam-Á. Trong lúc Phù-Nam cường-thịnh được một thời gian khá dài để rồi suy tàn, thì Trung-Hoa cũng trải nhiều thăng trầm vào đầu thế-kỷ thứ 3 sau Thiên-Chúa, với sự bế-mạc của triều Hán.*

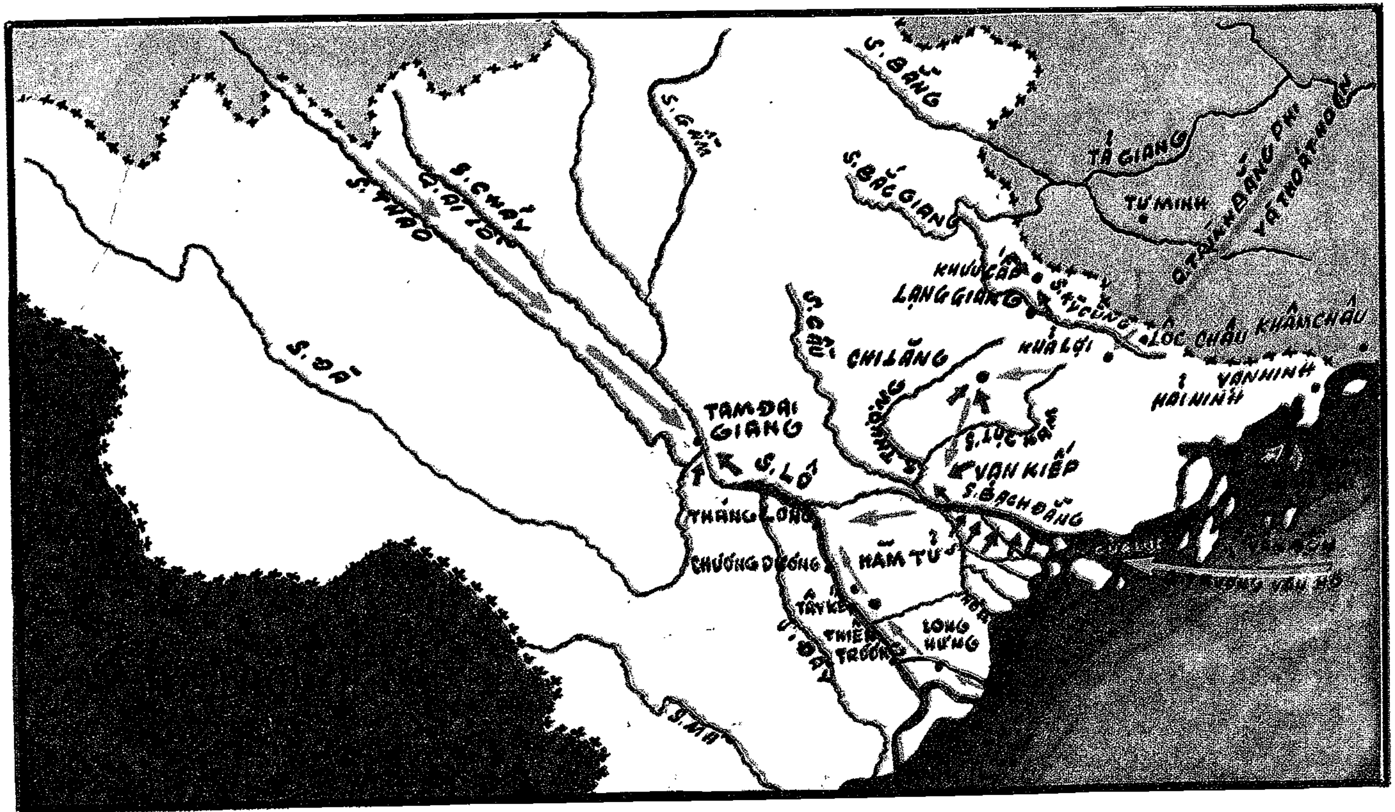
Phù-Nam về kinh-tế có nhiều liên-lạc với Nam-Dương quần-đảo Mã-Lai, Chiêm-Thành là những dân-tộc cũng theo văn-minh Ấn-Độ như mình. Với Chiêm-Thành, Phù-Nam lại còn có những cuộc đụng độ chính-trị vào cuối thế-kỷ thứ sáu, khi Chiêm đang chiếm cứ miền Nam Trung-Việt sau tiến dần đến địa phận Phan-Rang theo tấm bia cổ mà Phù-Nam đã để lại Bia (Võ Canh).

Văn-minh Ấn-Độ bấy giờ ảnh hưởng đến hầu hết các nước Đông-Nam-Á qua các tôn-giáo (đạo Bà-La-Môn, đạo Phật) qua cả văn-chương, mỹ-thuật và các tổ chức xã-hội.

Đã có nhiều thời-kỳ dân Ấn-Độ di-cư sang địa-phương này rất đông (Thế-kỷ thứ 1 và cuối thế-kỷ

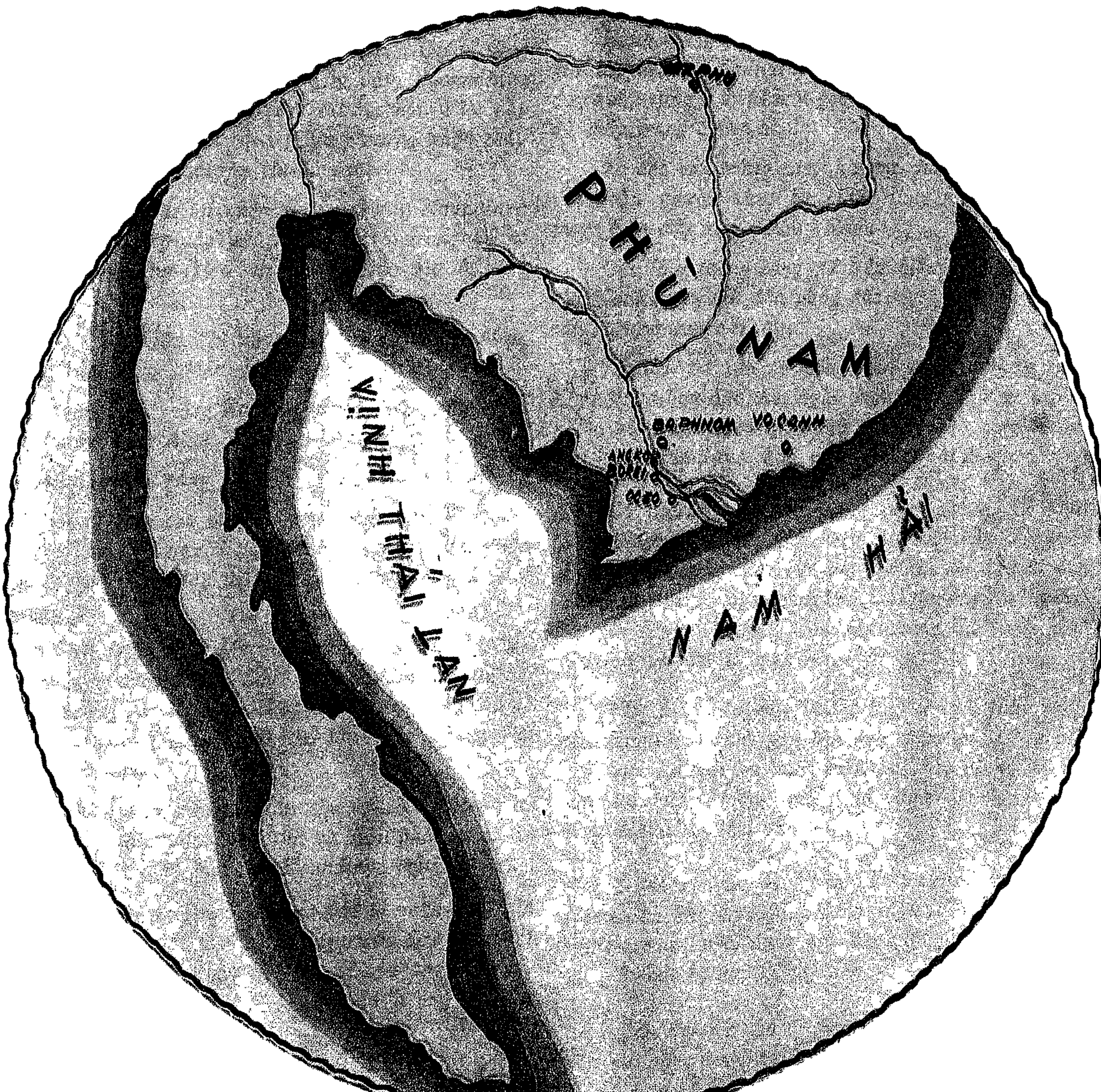
KHÁNG-CHIẾN MÔNG-CỔ LẦN THỨ 3

ĐINH-HỢI - MẬU-TÝ (1287-1288)



Giặc Nguyên do hai đường Vân-Nam, Quảng Tây kéo xuống

Quân ta chống đỡ từ Thăng-Long qua Đông-Nam



o. Những thị trấn có tên tuổi.

thứ 4) và sinh-tụ ở vùng Châu-thổ sông Cửu-Long ngày nay. Trong cuộc di-cư này — mà đa số là người Ấn theo đạo Hồi Hồi — họ đến đây vừa buôn bán vừa lập-nghiệp. Về sau họ thành lập một vương-quốc. Đó là vương-quốc đầu tiên ở bán-đảo này. Đáng lưu ý nữa làchung quanh vương-quốc Phù-Nam lại có hàng chục bộ-lạc cũng như các tiểu-quốc khác.

Theo truyền-thuyết thì vị vua đầu tiên của nước Phù-Nam tên là Kaundinya.

Kaundinya là một tín-đồ của Hồi-Giáo, sùng đạo, hiền lành và nghèo khó. Tuy vậy, Kaundinya rất hiếu thảo và chịu khó tìm tòi học hỏi. Việc này đã khiến cho vị quan cai-trị địa-phương nhận thấy liền cho vời Kaundinya vào làm việc.

Nhờ được đi lại chốn quan trường Kaundinya có nhiều dịp tiếp xúc với người xa lạ trong đó có cả người Trung-Hoa từ miền Bắc xa-xôi đến buôn bán.

Một hôm sau khi cúng vái Thượng-Đế Alah, Kaundinya bỗng nhiên gục xuống trước đền thờ.

Trong giấc mộng Kaundinya thấy mình được gọi đến trước đấng Alah (Thượng-Đế).

Alah phán rằng :

— Ở cuối con sông có vùng đất vừa khai phá nhưng chưa có người xứng đáng quản-trị. Ta muốn con đến đó thành-lập một nước thịnh-vượng để thờ phụng ta.

Giật mình tỉnh dậy, Kaundinya về nhà trầm-tư suốt cả tuần trăng. Sau do Kaundinya thăm hỏi các thương-gia về miền Nam đó, thì quả thật đã có một số người Ấn đến đó từ lâu và vùng này còn hoang sơ lắm.

Nhằm đêm trăng tỏ lần thứ hai Kaundinya lại nằm mộng thấy Alah nhắc lại và bảo phải sớm lên đường, đồng thời ban cho Kaundinya một cây cung.

Kaundinya bèn vào thưa với vị quân chủ của mình. Ông này lấy làm lạ, nhưng trước đức tin mãnh liệt và tài trí vượt bực của Kaundinya ông cũng cho rằng chuyện đó sẽ thành sự thật. Rồi ông bèn bảo Kaundinya rằng :

— Nếu đấng Alah muốn thế thì ta cũng sẵn sàng giúp ngươi. Vậy ngoài ghe thuyền đồ đạc để ăn đi đường ta sẽ cho Soma con gái ta theo hầu hạ ngươi.

Kaundinya bèn xấp người xuống:

— Thưa ngài, tôi không dám. Ghe thuyền và vật liệu của ngài ban cho đã là quý lắm rồi.

Vị quân trưởng khoát tay đáp:

— Ngươi đừng ngại, Soma cũng mến ngươi lắm.

Hằng ngày sau buổi học ta thường nghe nó ca tụng về ngươi luôn. Vả lại, đường xa xứ lạ ngươi cũng cần người săn sóc cho ngươi. Thôi hãy chuẩn bị lên đường cho hợp ý của Thượng-đế.

Hành trang của Kaundinya xong xuôi chỉ chờ giờ lên đường. Kaundinya vào lễ Phật quả nhiên bắt được cây cung ở dưới một gốc cây quý đúng như điều đã thấy trong chiêm bao.

Và đến con trăng sau, hai vợ chồng Kaundinya với đoàn người cùng ba chiếc thuyền giong buồm vượt biển đến nước Phù-Nam.

Qua hai tháng ròng rã trên biển cả, thuyền bè của Kaundinya đã đến vùng đất mới, một vùng đầy cây trái và nước ngập.

Với tài trí sẵn có cộng với số vốn mang theo Kaundinya ban đầu làm nghề buôn bán. Nhờ quen biết nhiều với các thương gia từ trước, nên việc buôn bán của Kaundinya càng ngày càng phát đạt.

Có những năm mất mùa dân chúng đói khát Kaundinya xuất tiền giúp đỡ. Kaundinya còn là người giảng đạo cho họ nữa. Vì vậy uy tín và đức độ của Kaundinya càng ngày càng lớn. Các thương gia thường lui tới đông đảo hơn còn dân chúng thì sùng kính Kaundinya như thần thánh.

Một ngày kia, một bộ-lạc lân cận vì thấy vùng của Kaundinya trù phú bèn kéo nhau qua cướp phá giết hại. Kaundinya xuất toàn lực bảo vệ họ và sau lần tai biến khủng khiếp đó, dân chúng bèn tôn Kaundinya lên làm vua.

Đó là vị vua đầu tiên của vương-quốc Phù-Nam. Sau khi lên ngôi, Kaundinya còn cho người mang lương-thực, dụng cụ làm ruộng, phá rừng mở lối giúp các bộ lạc đã gây hấn.

Cảm ân đức của vị hoàng đế này các bộ lạc lần lần qui phục dưới quyền nhà vua.

Tuy ưa cảm hóa bằng ân đức nhưng nhà vua cũng có khi phải dùng uy dũng đi đánh dẹp các dân tộc ngang ngạnh.

Chẳng bao lâu vương quốc của nhà vua cũng như uy tín của ngài càng lớn mạnh, nhà vua bèn cho xây đền đài cung điện, tạo lập một kinh đô.

Triều đại của dòng Kaundinya (1) được kéo dài đến gần 300 năm cho đến khi một vì vua của họ này băng hà mà không có con nối nghiệp nên ngai vàng lọt vào tay một võ tướng lừng danh sau khi được triều thần bầu cử lên. Đó chính là tướng Phan Chế Mân (Fan-Chi-Man) vị vua nổi tiếng về sau của nước Phù Nam.

Ông vua mới (FAN-CHI-MAN) này dựng nên một triều đại thịnh-trị, hùng-cường, thu phục được nhiều lân quốc, đất đai mở rộng gấp đôi. Fan-Chi-Man bèn cho người sang thông hiếu với Trung-Hoa và Ấn-Độ, một mặt đem quân đánh dẹp các nơi. Nhưng sau ông chết trong một cuộc viễn chinh vào khoản 205 — 210 sau T.C. Nước Phù-Nam sinh biến loạn, con cháu Fan-Chi-Man xâu xé lẫn nhau.

Tuy nước loạn mà Phù-Nam vẫn còn giữ được sự giao hảo lớn với hai Đại cường kể trên, vào năm 230 và suốt thế kỷ thứ ba, do một quyền thần tên là Fan-Chan.

Vua Kaundinya-Jayavarman chết (năm 514), ông vua kế vị bị người anh em cùng cha khác mẹ giết rồi cướp ngôi. Ông này không được dân chúng cảm phục từ đó quốc gia Phù-Nam suy vi dần. Vào giữa thế-kỷ thứ 6, vua Chân Lạp là Bhavarman đòi quyền tự trị rồi nhân sự suy nhược của Phù-Nam lấn dần đất của nước này sau chiếm cả khu vực hạ lưu sông Cửu-Long. Dân Phù-Nam bị dồn về phía Đông-Bắc theo dọc bờ biển Trung-Việt để lại đương đầu với dân Chiêm cho tới khi bị tiêu-diệt hẳn do sự kiềm tỏa của hai nước mạnh.

Phong-tục của Phù-Nam cũng khá đặc-biệt. Áo chỉ là một tấm vải quấn vào người. Với kẻ giàu sang thì áo có viền kim tuyến ít hay nhiều. Người chết đem thả xuống nước, hoặc chôn, hoặc thiêu hay phơi ra ngoài trời cho chim muông rỉa mồ. Về việc trộm cắp hay giết người Tòa-án điều tra bằng cách buộc bị-cáo cầm một miếng sắt nung đỏ đi bảy bước hoặc nhúng tay vào nước đang sôi để lấy ra một vật gì đặt ở dưới. Nếu bị-cáo không bị đau đớn trong dịp thử thách này thì được coi là vô tội.

Theo nhận xét của Phái - đoàn Trung-hoa sang vương quốc Phù-Nam vào thời nước này đang thịnh dân Phù-Nam xấu-xí, đen đủi, tóc quăn. Họ ở trần và đi chân không. Nhà vua ở trên lều cao (có lầu), đi lại bằng những thớt voi. Dân chúng sống trong những căn nhà sàn. Nơi họ ở không thấy phải đào giếng (245-250).

Nhiều gia đình, khoảng mười căn nhà họp quanh một vùng trũng có nước chung sống với nhau.

Trong những văn khố và sách vở, chữ họ giống chữ của giống dân Hou (Hời ?) - Đó là giống dân Á-châu mà dùng chữ như chữ của người Ấn-Độ.

Về thờ cúng, đa số theo đạo Hồi. Họ thờ thần Çiva, thần Vishuu (đến nay tìm được ở Đồng-Tháp-Mười những mộ bia có khắc ghi những tục lệ và việc thờ cúng các vị thần này).

Phù-Nam theo chế-độ quân chủ. Vua được gọi là Sơn-Vương. theo sự giải thích của người Tàu thì nhà vua có danh hiệu này bởi thường phải có mặt ở trên núi cao để thông cảm với Thượng-Đế. Từ triều đình ra ngoài các thị trấn có đủ các quan lớn nhỏ và khi cường thịnh, Phù-Nam đã bành trướng đế quốc khắp miền Nam-Việt, quần đảo Mã-lai, hạ Lào, đồng bằng sông Cửu-Long và Ménam. Các vua đều tự xưng là «Phù-Nam Đại Đế». Tuy vậy quốc-gia này không được thống nhất lắm vì mỗi khi vị hoàng-đế nào hèn kém các chư hầu nổi lên chống trả để thoát ly. Tỷ-dụ Chân Lạp không những đứng lên đạp đổ quyền thống-trị của Phù-Nam, lại còn chiếm lấy nước này để lên ngôi bá chủ.

Kinh tế của Phù-Nam là kinh tế nông-nghiệp. Vì quốc gia Phù-Nam nổi trên đất biển, các đồng bằng hay bị ngập lụt, nên cần phải tháo nước ra ngoài mới cày cấy được. Hoàn cảnh này đã làm cho dân Phù-Nam thành những tay lão luyện về nghề đắp đê, đào sông, xẻ ngòi. Đồng Tháp Mười nếu xưa kia canh tác được, một phần là do các công trình vĩ-đại kể trên.

---

(1) Một truyện dã-sử khác về Kaundinya khá ly kỳ :

Kaundinya, một người Hồi giáo đã làm vua Phù Nam sau khi lấy được bà chúa của nước này là LIEOU-YE, một hôm Kaundinya nằm mộng được thần nhân cho một cây cung và khuyên ông đi lập nghiệp ở nước Phù Nam. Sáng hôm sau ông sửa soạn thuyền buồm ra biển và vào lễ Phật quả nhiên bắt được cây cung ở dưới gốc cây quí đúng như điều đã mơ thấy. Rồi ông vượt biển đến nước Phù Nam. Lúc bấy giờ bà chúa Lieou-ye cùng các bộ thuộc thấy thuyền buồm của Kaundinya tới, liền cũng mang thuyền xông ra định cướp thì bị Kaundinya dùng cung chế ngự được. Bà chúa Lieou-ye và binh sĩ xin hàng, sau Lieou-ye kết duyên cùng Kaundinya.

Thủ công nghệ của Phù-Nam cũng rất tinh-vi khéo lẽo. Dân Phù-Nan lại biết đóng các thuyền dài và lớn để lưu thông khắp xứ và để xuất dương nữa.

Họ dệt vải bông và các thứ vải quý giá như kim tuyến, đúc đồ thủy tinh rất sành, xuất cảng được qua cả Trung-Hoa và ra nhiều nước ngoài khác.

Kỹ-nghệ xa-xí-phẩm của họ như đồ vàng, đồ ngọc, đồ bạc được chạm trổ rất tinh xảo, làm cho người Trung-Hoa phải thán phục. Tỷ dụ : nhẫn, xuyến, vòng, v.v...

Về giải trí họ đấu vật hay đuổi bắt heo.

Trong việc mua bán họ thường trao đổi vàng, bạc, ngọc trai, trầm hương. v.v...

Dân Phù-Nam rất mạo hiểm, ham kinh doanh qua các miền xa xôi ở khắp Á-Châu (Ấn-Độ, Chiêm-Thành, Nam-Dương, Mã-Lai) và thị trấn GO-ÓC-EO (1) của họ (có đường sông và biển) đã có thời là nơi tứ xứ lui tới rất sầm-uất để giao thương. Sự kiện này còn do Phù-Nam ở vào ngã ba của con đường giao thông quốc tế bấy giờ.

Thành trì của Phù-Nam đều bằng gỗ. Nhà cửa dân chúng cũng vậy, đến giờ không còn chút di-tích nào. Nay ta chỉ còn thấy một ít nền móng của đền đài hay công thự bằng gạch.

Nhìn vào các điện-đài của nước Cambodge cổ, người ta nghi ngờ rằng các đền đài ấy có thể có từ thời đế-quốc Phù-Nam. Tại Phnom-Da trong Đế-thiên Đế-thích, nhiều điện được đục ngay vào trong đá và các tượng nơi đây được dựa vào các tấm bia với những vòng như vòng cung bằng đá nét rất thanh-tú.

Để kết-luận ta thấy, qua các tài-liệu của người Trung-Hoa và các sự đào bới vùng Go-óc-eo, Angkor-Borei, Phù-Nam đầu thế-kỷ thứ nhất của Tây-lịch quả là một quốc-gia có tổ-chức bậc nhất ở Đông-Nam Á-Châu. Tuy-nhiên qua những thăng-trầm, Phù-Nam đã nhiều phen đổi chủ cho tới ngày nay Phù-Nam một phần là giang-sơn của Việt-Nam và một phần của Cambodge. Tên Phù-Nam bị mất hẳn trên bản đồ thế-giới.

* * *

III. CAMBODGE

Kế tiếp Phù-Nam bị lạt mờ tên tuổi kể từ thế-kỷ thứ 6, Combodge đóng một vai trò quan-hệ vào thế-kỷ thứ 7 trong lịch-sử Đông-Dương — Cambodge về vị-trí là một nước ở tại trung-lưu sông Cửu-Long và vào thế-kỷ thứ 6, như trên đã nói, đã đặt ảnh-hưởng cả ở miền Nam bán-đảo này sau khi lấn được nước Phù-Nam, ở hạ lưu sông Cửu Long. Rồi dần dần Cambodge trở nên cường-thịnh. Dân-số Cambodge hiện nay là hai triệu rưỡi.

Người Cambodge ngày xưa thế nào ? Ở đâu đến ? Có liên-hệ gì với người Cambodge ngày nay không ?

Xét văn-hóa Cambodge, ta thấy các đền đài Cambodge có khắc những tấm bia vừa chữ Phạn là chữ của Ấn-Độ đem đến, vừa chữ bản-thổ là chữ chính tông Cambodge. Chữ Cambodge ngày xưa và ngày nay không khác nhau, nếu so-sánh chữ Pháp thời cổ trong bài Chanson de Roland với chữ Pháp bây giờ. Các người khảo-cổ cho rằng nếu triều-đình Cambodge là giòng giống Ấn-Độ chăng nữa thì quần-chúng vẫn là giống Cambodge, có khác chỉ ở chỗ ngày xưa ít lai Tàu, lai Thái hơn bây giờ. Ta có thể quả-quyết rằng người Cambodge ngày xưa chính là tổ-tiên người Cambodge ngày nay. Họ đã xây những đền đài mà hậu thế của họ cho là thần thánh làm ra.

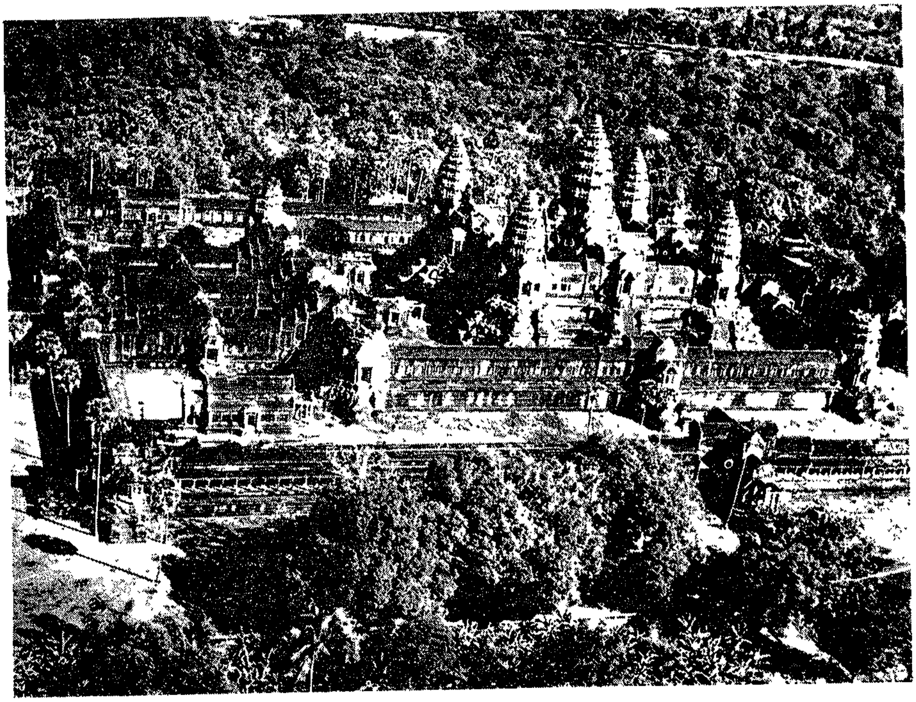
Xét về nhân-chủng, người Cambodge thuộc giống lùn, da đen (Négritos) và giống Mã-Lai (Indonésien) hiện có những dấu-tích làm bằng cớ, nhưng đến nay chưa rõ người Cambodge đến đây từ bao giờ, chỉ biết đại-khái dân Phù-Nam ngày xưa phần nhiều là dân Cambodge. Ảnh-hưởng của văn-hóa Ấn-Độ xâm-nhập tới đất Cambodge vào thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-Chúa.

Giữa thế-kỷ thứ 6 đến cuối thế-kỷ thứ 7, kể từ đời vua Cambodge tên là Bhavarman là thời-kỳ cường-thịnh của người Cambodge, nhiều tháp bằng gạch hơi giống kiểu Sambor Prei-kuk. Phnom-Bayang phần nhiều ở giữa và phía Nam Cambodge bây giờ. Những tượng Bà-La-Môn, tượng Phật có những lối điểm-xuyết vẫn theo kiểu Ấn-Độ tỏ rằng dân-tộc Cambodge chưa có một lối kiến trúc nào riêng biệt.

Dân-tộc Cambodge cũng trải nhiều cuộc hưng-vong như nhiều dân-tộc khác. Có hồi nước Cambodge bị loạn-ly đến một thế-kỷ và bị dưới quyền nước Chà-Và (xin nhắc trước thế-kỷ thứ 6 nước Cambodge bị nước Phù-Nam chi phối) Vua Jayavar-

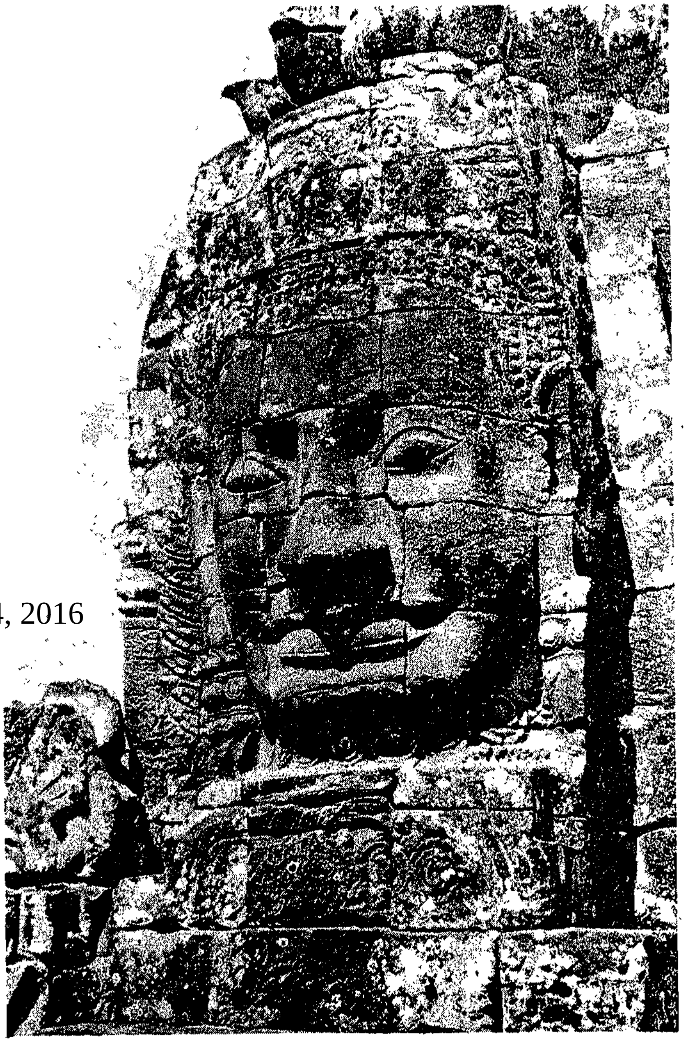
---

(1) Go óc eo là một thị trấn vào khu vực Rạch Giá hay Hà Tiên ngày nay.



Đế - Thiên Đế -Thích

Tháp bốn mặt tại đền Bayon cuối thế-kỷ XII qua đầu thế-kỷ XIII ➞



Sa-Đéc
Friday, March 4, 2016

Đền Bayon có gì đặc-biệt trong nghệ-thuật kiến-trúc Cao-Mên ?

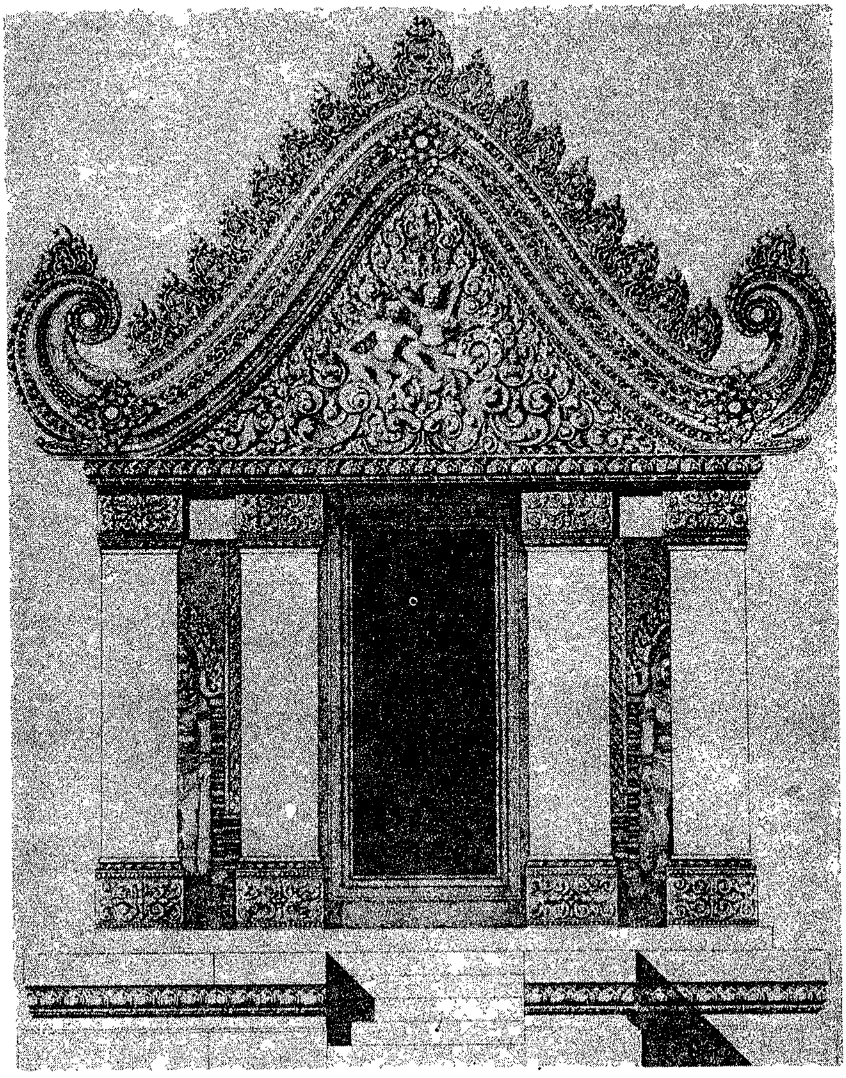
« Bayon, tiếng Cao-Mên nghĩa là lâu đài chính của kinh thành Angkor-Thom được dựng lên dưới đời vua Jayavarman đệ thất, cuối thế-kỷ thứ 12 sang đầu thế-kỷ 13.

Trong các lâu đài của Đế-Thiên- Đế-Thích, Bayon đẹp nhất mà cũng lạ nhất. Đây là một công-trình điêu-khắc hơn là kiến trúc.

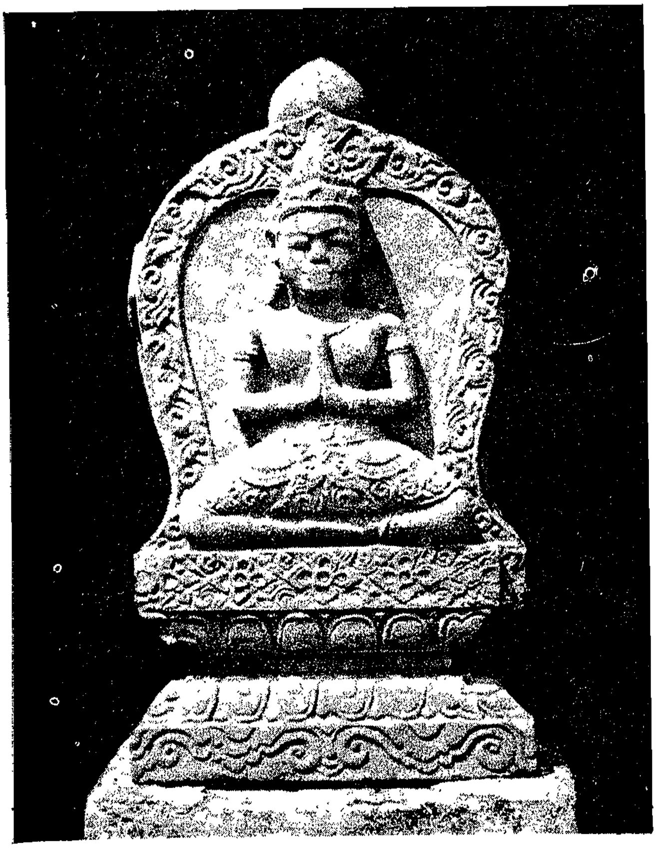
Cái cảm-giác đầu tiên của người du-khách là sự ngạc-nhiên tột độ khi thấy nhấp-nhô dưới nền trời xanh thẳm 47 ngọn tháp vĩ-đại, hùng-dũng có 4 mặt, mặt nào cũng nở một nụ cười hồn nhiên của đức Phật cứu-thế. Người Pháp gọi nụ cười của các tháp ấy là « Sourire du Bayon ».

Trong các ngọn tháp ấy, ngọn chính giữa lớn nhất và cao 50 thước tây. Vì ngọn này điêu tàn quá, nên người ta đã bàn tán mãi xem nó có giống 46 ngọn kia không. Mãi gần đây các nhà khảo-cổ mới cho biết là tháp này không có bốn mặt Phật, nhưng lối kiến-trúc vĩ-đại hơn, cao xa hơn.

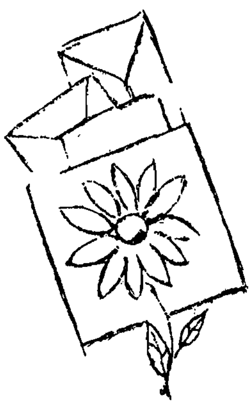
Rồi khi đã quen với những ngọn tháp ấy với những dãy cột đá cao, những hình ảnh chạm nổi chạy dài trên tường diễn tả những cảnh làm ăn chất phác, những cảnh chinh chiến v.v... qua một nghệ-thuật đáng kể là tuyệt vời. (Nếu ta đem nối tiếp những bức trạm ấy, ta sẽ có một bức trạm dài 1200 thước tây trong đó có 11.000 hình người và súc vật gồm những hình các cô vũ nữ Apsara (danseuses célestes trong thần thoại Mên) nhảy múa, uốn éo mềm dẻo; những mặt rắn Nagâ bảy đầu, những hình sư tử dữ tợn, những cầu thang cao ngất. Sau những phút ngạc-nhiên đầu tiên, người du-khách đổi ra lòng kính phục một nghệ thuật siêu-việt của người xưa đến nay vẫn còn được ngợi khen là bất hủ...»



Phần tiền diện trên cao cửa đi vào cung-điện theo hình tam-giác đáng cho ta chú-ý về phần chạm-trổ rất tỉ-mỉ và tinh-vi. Công-trình này thực-hiện vào thế-kỷ thứ VII

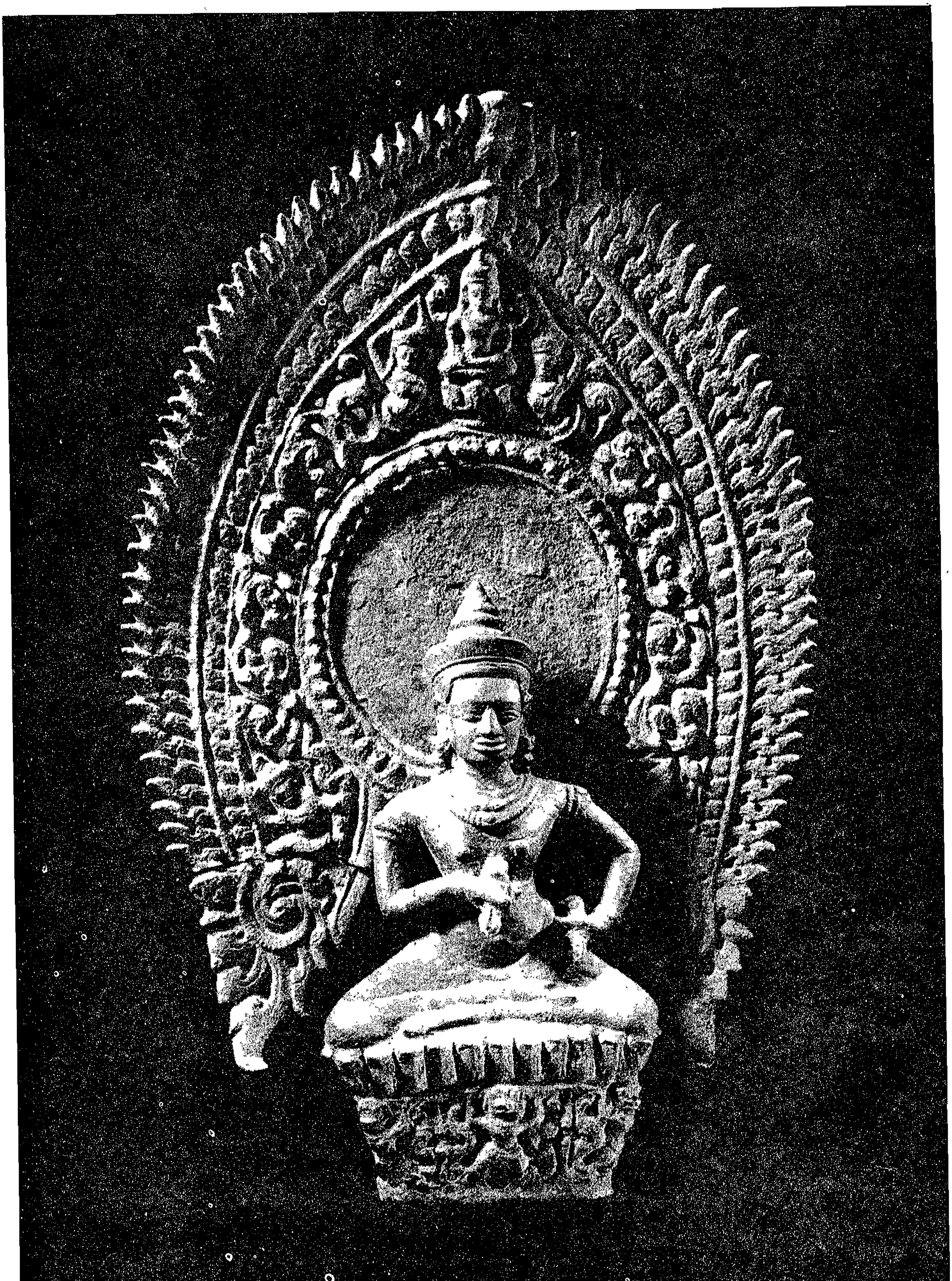


Tượng Thần Simâ tại Battambang
(Thế-kỷ XIII)

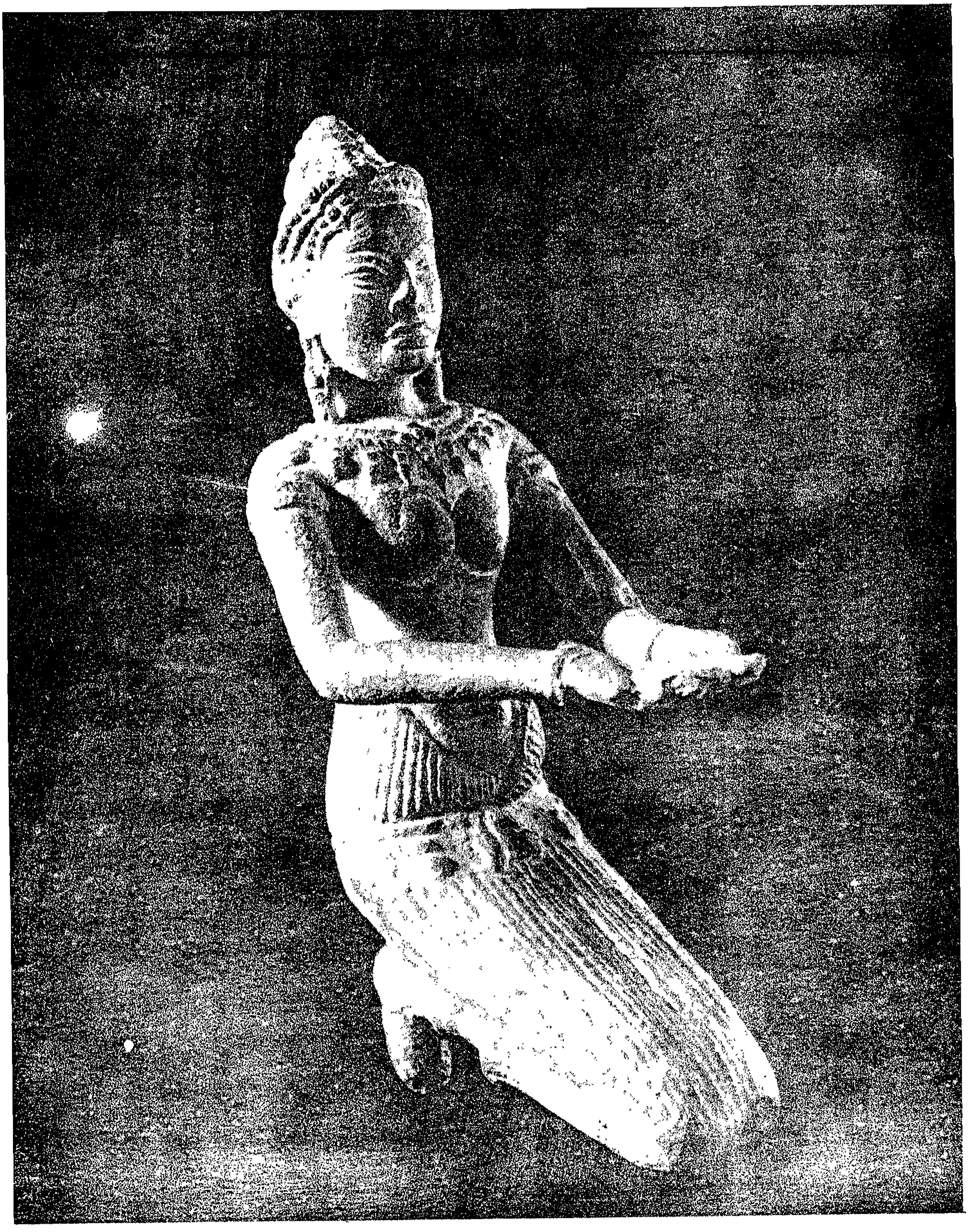




Tượng Phật dựng tại đền Angkor-Vat
(Thế-kỷ XVII)



Một bộ phận trang trí trên một chiếc Long-Xa vào thế-kỷ XII



Thiếu-nữ Cambodge đang quỳ lạy tại Bantey Chakrey
(Hậu bán thế-kỷ XI)
(tượng này được đặt tại Viện Bảo-Tàng Nam-Vang)

man II (802 — 854) thuộc dòng dõi đời vua trước khôi-phục được độc-lập cho tới thế-kỷ thứ 9 dân Cambodge mới được thống-nhất. Kinh-đô Cambodge dời đến phía Bắc Biển-Hồ tức là Phnom-Kulen, Rolous gần lâu đài Đế-Thiên, Đế-Thích (AngKor). Lâu đài này xây vào đời vua thứ ba tên là Yaçovarman (889 — 910) mà trung-tâm điểm là đồi Phnom-Bakhèng chứ không phải đúng nơi lâu-đài AngKor hiện nay. Do những cuộc phế-hưng Đế-Thiên, Đế-Thích là những công-trình kiến-trúc vĩ-đại không những đối với dân-tộc Cambodge mà với cả các dân-tộc Đông-Nam-Á-Châu, xây dựng lại nhiều phen sau những giai-đoạn chiến-tranh với các lân-quốc. Nơi này làm kinh-đô cho nhiều triều đại trong hơn năm trăm năm ; trong khoảng thời-gian này có một giai đoạn độ 20 năm, từ năm 921 đến 944, vua Jayavarman IV và vua Kế-thống đã có phen dời kinh-đô đến tỉnh Koh-Ker. Tại đây còn di-tích đền đài đổ-nát. Đế-Thiên, Đế-Thích có những cung-điện xây bằng đá rất tráng-lệ huy-hoàng. Người ta nói : Đế-Thiên, Đế-Thích là cái lò nung đúc văn-hóa Ấn-Độ tức là nơi trung-tâm điểm đề nền văn-hóa này đi sâu vào đất Đông-Dương, nhất là đề truyền bá sang những chỗ người Thái sinh tụ, trên bờ sông Mékong và Ménam. Có điều đáng chú-ý, đến đây văn-hóa Ấn-Độ đã biến-thể một phần nào do một số đặc-tính quốc-gia của Cambodge.

Cùng thời với Đế-Thiên, Đế-Thích, dân Cambodge xây rất nhiều đền-đài, thường có 5 cái tháp sắp lại thành hình ngũ điểm (bốn cái bốn góc, một cái ở giữa) xây trên một ngọn đồi hình chữ Kim, chung-quanh có hành-lang cùng một trung-tâm như đền Mébon, Pre-Rup, Ta-Keo, Baphuôn . . . Nguy-nga hơn cả là đền AngKor-Vat, nơi kỷ-niệm các người chết. Ở đây có những pho-tượng thần Ấn-Độ, những hình người đã được phong thần. Người ta đoán rằng có hài cốt chôn ở dưới chân tượng. Đến cuối thế-kỷ thứ 12 những pho tượng đúc ra nhiều quá như đúc từng loạt một nên mất cả tinh-thần và kém hẳn về phần Kỹ-thuật.

Xem bia ở các đền-đài, người ta thấy bia ký vừa bằng thơ (thơ dùng chữ Phạn), vừa bằng văn xuôi (văn xuôi dùng chữ Cambodge) và do các bia, ta hiểu lịch-sử các triều vua, sự tích việc xây-dựng các đền-đài từ thuở nào. Lại cũng nhờ ở các bia ta thấy chế-độ cũ và tôn-giáo của dân-tộc này chịu ảnh-hưởng sâu-xa của văn-hóa Ấn-Độ. Tuy vậy, Cambodge cũng có cái còn theo phong-tục cũ như tục mẫu-quyền và việc thờ cúng người chết.

Kể từ thế-kỷ IX đến thế-kỷ XII, vua Cambodge thống-trị cả lưu-vực Biển-hồ và miền hạ-lưu sông Cửu-Long, mở rất nhiều đường, khai rất nhiều sông để dẫn thủy nhập điền.

Cambodge có nhiều cuộc đụng chạm với các dân-tộc láng-giềng trên bán-đảo Đông-Dương là Chiêm-Thành và Việt-Nam, đáng chú-ý từ đời Suryavarman I (1002-1049). Ông vua này tung-hoành và chiếm-cứ đất-đai đến lưu-vực sông Ménam và reo hạt giống văn-hóa Cambodge tại khu-vực này. Vua Suryavarman II (1113-1145) đem quân khởi-hấn với Chiêm-Thành và Việt-Nam, bị Chiêm đánh lại kịch-liệt tràn qua cả Đế-Thiên, Đế-Thích, tàn phá cung-điện đô-thành của Cambodge rất khốc-hại năm 1117. Vua Vayavarman VII (1181-1201) là vị vua anh-hùng cuối cùng của dân Cambodge, phải xây-dựng Đế-Thiên, Đế-Thích cùng các hào-lũy cuối thế-kỷ thứ 12. Các đền-đài to lớn bằng sa-thạch như Ta-Prohm, Bantey Kdei, Prah Khan, Bantey Chmar Bayon phần nhiều trạm mặt người trên đầu tháp, cũng xuất-hiện thuở này.

Dân-tộc Cambodge đã bị hao mòn rất nhiều sinh-lực do những việc xây-dựng kể trên như dân Chiêm-Thành. Đến thế-kỷ XIII, đạo Phật đại-thừa và đạo Ấn-Độ nhường bước cho đạo Phật tiểu-thừa của Tích-Lan tràn qua làm cho mỹ-thuật Cambodge phải khô-khan đi, kể từ giai-đoạn lịch-sử này cho đến cận-đại khi thì bị Thái-Lan nước giáp giới phía Tây luôn luôn xâm lược, khi thì bị Viện-Nam nhân sự lục đục nội-bộ của Cambodge mà lấn áp dần dần. Nếu người Pháp chậm đến bán đảo này thì Cambodge đã có thể mất hẳn với Việt-Nam vào thượng bán thế-kỷ XIX vì lúc này do chính sách bảo-hộ, Việt-Nam đã đổi Cambodge ra Trấn-Tây thành (1834).

***

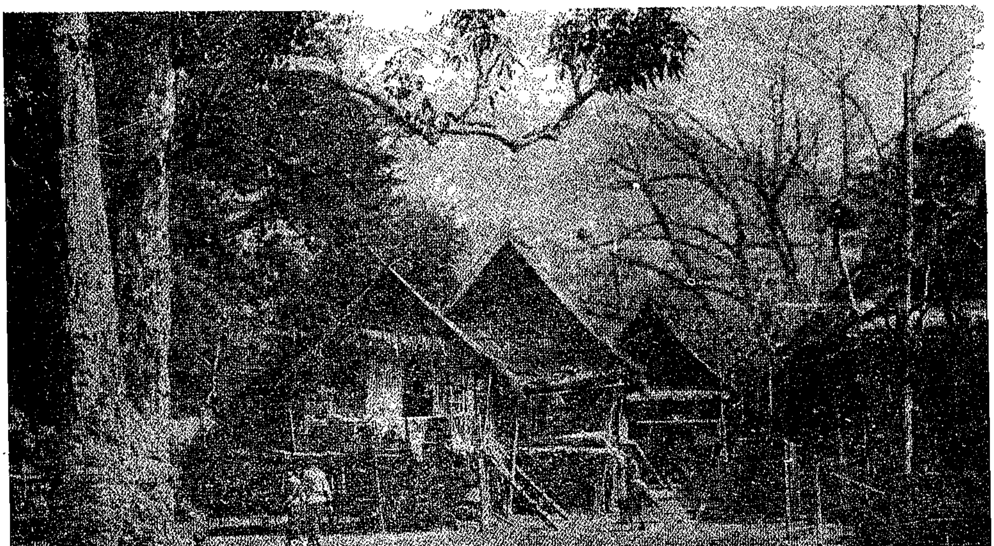
IV. AI-LAO.

Ngoài Chiêm-Thành và Cambodge trên bán đảo Đông-Dương còn một dân tộc lập thành quốc-gia hẳn-hòi tồn-tại đến ngày nay là Ai-Lao. Vị-trí của Ai-Lao ở miền giữa Đông-Dương, phía Tây Bắc và phía Bắc giáp giới miền Đông Miến-Điện và miền Thượng-du Bắc-Việt. Ai-Lao chạy dài theo dọc sông Cửu-Long và dẫy trường sơn đối chiếu với Trung-Việt do dẫy núi này.

Dân Ai Lao ngày nay có chừng 850.000 người, cũng như Thái-Lan thuộc giống Thái sinh-tụ rải-rác tại Miến-Điện, trên miền Thượng du Bắc-Việt và



Trong một lặng của dân Ai-Lao



Lăng Muong-Soui



Những tay chơi kèn



Đôi vợ chồng trẻ của dân Ai-Lao trong lễ phục ngày cưới



Lễ cưới của dân Ai-Lao



Cô gái Ai-Lao (nhìn nghiêng)



Cô gái Ai-Lao (nhìn thẳng)

ở trên đất Tàu thuộc địa phận Vân-Nam, Quảng-Tây và Qui-Châu. Có lẽ giống Thái này là lớp người Thái đến sau và họ đã từ Vân-Nam di-cư xuống. Họ còn ở lại đây một số khá đông. Một lớp khác đã từ Tàu lần sang Ấn-Độ đi qua Vân-Nam và Assam tiếp-xúc với Ấn-Độ. Sự tiếp-xúc này có từng hồi mà thôi. Nói rằng dân Ai-Lao cũng như dân Thái-Lan, các nhà nhân-chủng-học đã căn-cứ vào những bức chạm nổi ở tường đá AngKor-Vat có những người Thái-Lan hồi thần-phục Cambodge (thế-kỷ XII) trông giống hệt những dân miền núi Thượng-Lào và mạn ngược Bắc-Việt. Có thể do sự gần-gũi người Môn (Miến điện) ở phía Tây, người Thái ở đây đã theo đạo Phật Tích-Lan. Họ lại chịu ảnh hưởng của Miến về mặt văn-hóa nữa, bởi luật-lệ của họ phần nhiều rập theo luật-lệ của người Môn.

Người Thái ở lưu-vực sông Ménam đầu tiên lệ-thuộc vào Cambodge hồi thế-kỷ XI và đồng-hóa theo Cambodge. Cuối thế-kỷ XIII, các vương hầu Thái-Lan ở Sukho-Thai cởi được ách đô hộ của Cambodge lại chiếm được quyền bá-chủ của Cambodge đến tận phía dưới sông Cửu-Long nhưng vẫn chịu ảnh hưởng văn-hóa Ấn-Độ biến thể do Cambodge rất là sâu rộng.

Cuối thế-kỷ XII, bờ cõi Cambodge lên đến tận Viêng-Chan (Vientiane) bây giờ. Vì vậy người Lào ở lưu-vực sông Cửu-Long phải chịu quyền cai trị của Cambodge khá lâu, Dấu tích đền đài của Cambodge hiện còn ở Mường-Luống (Luang-Prabang).

Giữa thế-kỷ XIV, vua tự-chủ của Ai-Lao là Fa-Guma phò mã của vua Cambodge, dựng nước Mường-Luống, mời sư Cambodge đến thuyết-pháp. Đến thế-kỷ XV, Mường-Luống bị Việt-Nam thống trị trong một giai-đoạn. Đến đầu thế-kỷ XVI, Ai-Lao bị Miến-Điện xâm-lược ba phen vào những năm 1556, 1561, 1571 cũng như các nước Thái ở phía Tây, người Miến thiên đô của Ai-Lao xuống Viêng-Chan. Qua thế kỷ XVIII, nước Ai-Lao chia làm hai nước Mường-Luống và nước Viêng-Chan rồi thành cái mồi cho Việt-Nam và Thái-Lan. Sau Thái-Lan giữ được quyền cai-trị nước Lào cho tới lúc Pháp đặt chân lên đất Đông-Dương. Mường-Luống do địa-thế cheo-leo giữa nhiều lực-lượng nên phải thuộc quyền các lân quốc Việt-Nam, Cambodge, Xiêm và Miến-Điện...

Mặc dầu Việt-Nam đã từng có mặt ở Ai-Lao, nhưng văn-hóa của Việt-Nam (tức văn-hóa Tàu) không gây được ảnh hưởng gì ở đây. Trái lại, người Thái (tức người Thổ) ở Thượng-du Bắc-Việt có nhiều trạng-thái sinh-hoạt và tập tục của người Việt. người ta có cảm tưởng rằng dãy Trường-Sơn ở Trung-Việt đã là cái bình-phong hay cái hàng rào ngăn cách hai nền văn-hóa Ấn-Độ và Trung-Hoa và nước Ai-Lao có thể ví như một cái đồn đóng ở biên-giới để bảo thủ văn-hóa Ấn-Độ ở Đông-Dương. Trái lại, ba nước Cambodge, Xiêm (bây giờ gọi là Thái-Lan do ý nghĩa chủng-tộc), Miến-Điện chịu văn-hóa Ấn-Độ rồi chính ba nước này do những sự xúc-tiếp với dân-tộc Ai-Lao đã du-nhập được văn-hóa của mình vào cho dân bản địa, nhưng chính đây là một cơ-hội để cho Ai-Lao có một nền văn-hóa riêng-biệt chứ không phải hấp thụ một thứ văn-hóa hoàn-toàn Ấn-Độ như ta đã tưởng. Khu-vực ảnh-hưởng văn-hóa tôn-giáo, mỹ-thuật, văn-chương của Thái-Lan và Cambodge trên đất Ai-Lao là Viêng-Chan và dọc sông Cửu-Long. Khu-vực ảnh-hưởng văn-hóa của Miến-Điện là Mường-Luống.

Tóm lại, các dân-tộc Thái đặt nồi ảnh-hưởng của mình tại Ai-Lao không phải là tài giỏi hơn Việt-Nam mà do vị-trí của họ cùng đường lối giao-thông thuận-tiện cho mọi sự pha trộn, chung đụng.

Trong đại gia đình các dân-tộc Đông-Dương, chúng ta nhận thấy từ kỷ-nguyên Thiên-Chúa đã có rất nhiều mối liên-lạc về kinh-tế, chính-trị, xã-hội và văn-hóa. Về phương-diện nhân chủng, ngôn-ngữ, xã-hội thì thật là cả một chuyện rất phức tạp bởi trên mảnh đất Đông-Dương có quá nhiều giống người, tôn-giáo và tiếng nói. Ông G. Coedès khảo về văn-hóa Đông-Dương trong bài Les Civilisations de l' Indochine cho rằng có lẽ trên thế-giới không có xứ nào có sự trạng đặc-biệt này.

Ngoài ra Đông-Dương còn là nơi tranh-giành ảnh hưởng của hai nền văn-hóa, của hai trào lưu tư-tưởng Ấn-Độ và Trung-Hoa (do ý nghĩa này mà người Tây-phương, đặt tên cho bán-đảo của chúng ta là bán-đảo Hoa-Ấn).

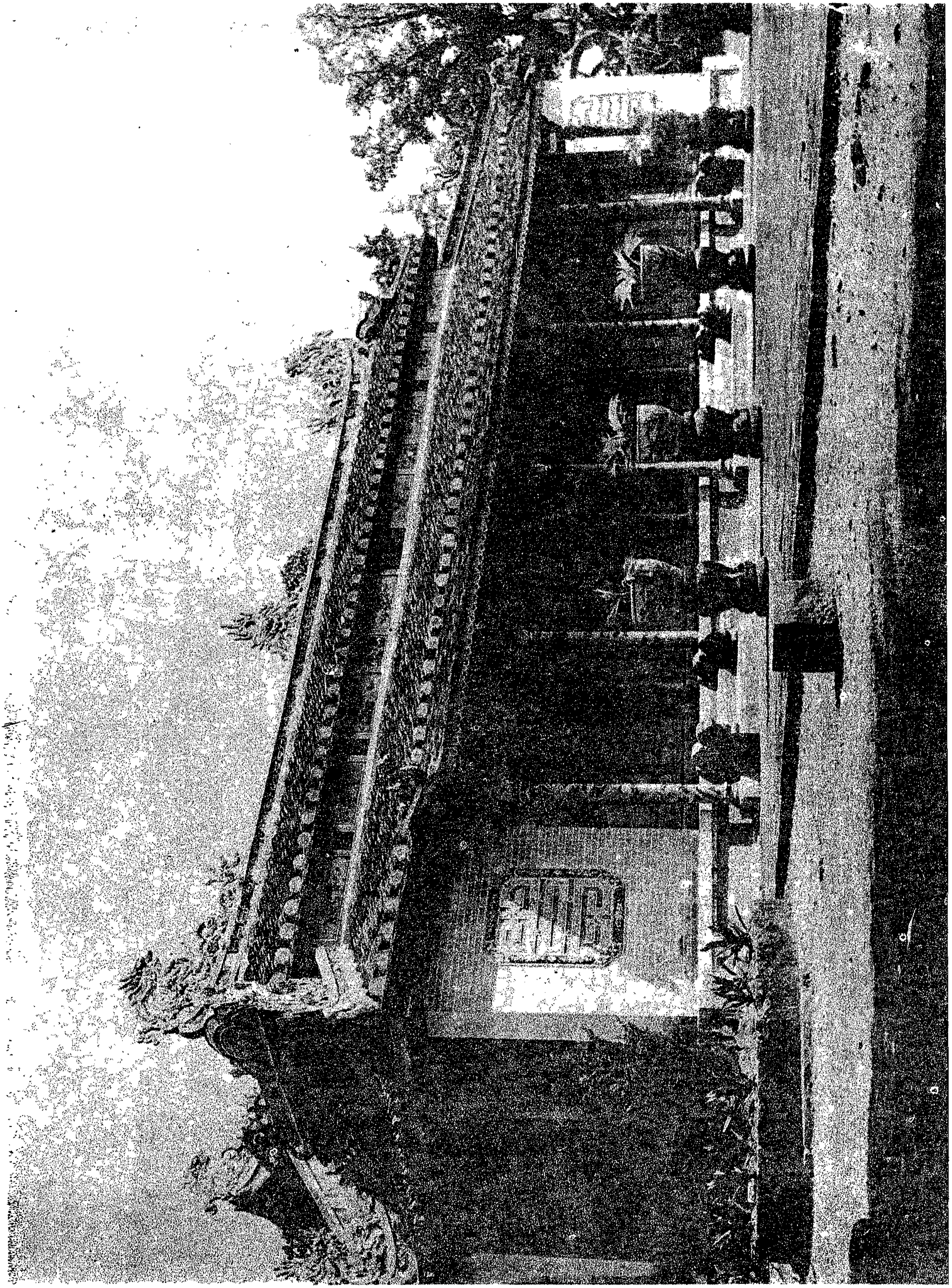
Văn-hóa Trung-Hoa được xây-dựng bằng sự chinh-phục, bằng những đạo quân xâm-lăng, bằng cuộc thống-trị, còn văn-hóa Ấn-Độ thì du-nhập vào Đông-Dương một cách êm-đềm. Nó không hạ các nước theo nó xuống địa-vị bồi thần vì vẫn tôn trọng chủ quyền của dân bản-thổ. Quốc-Vương vẫn là người bản xứ hay có khi là người lai Ấn-Độ. Những người

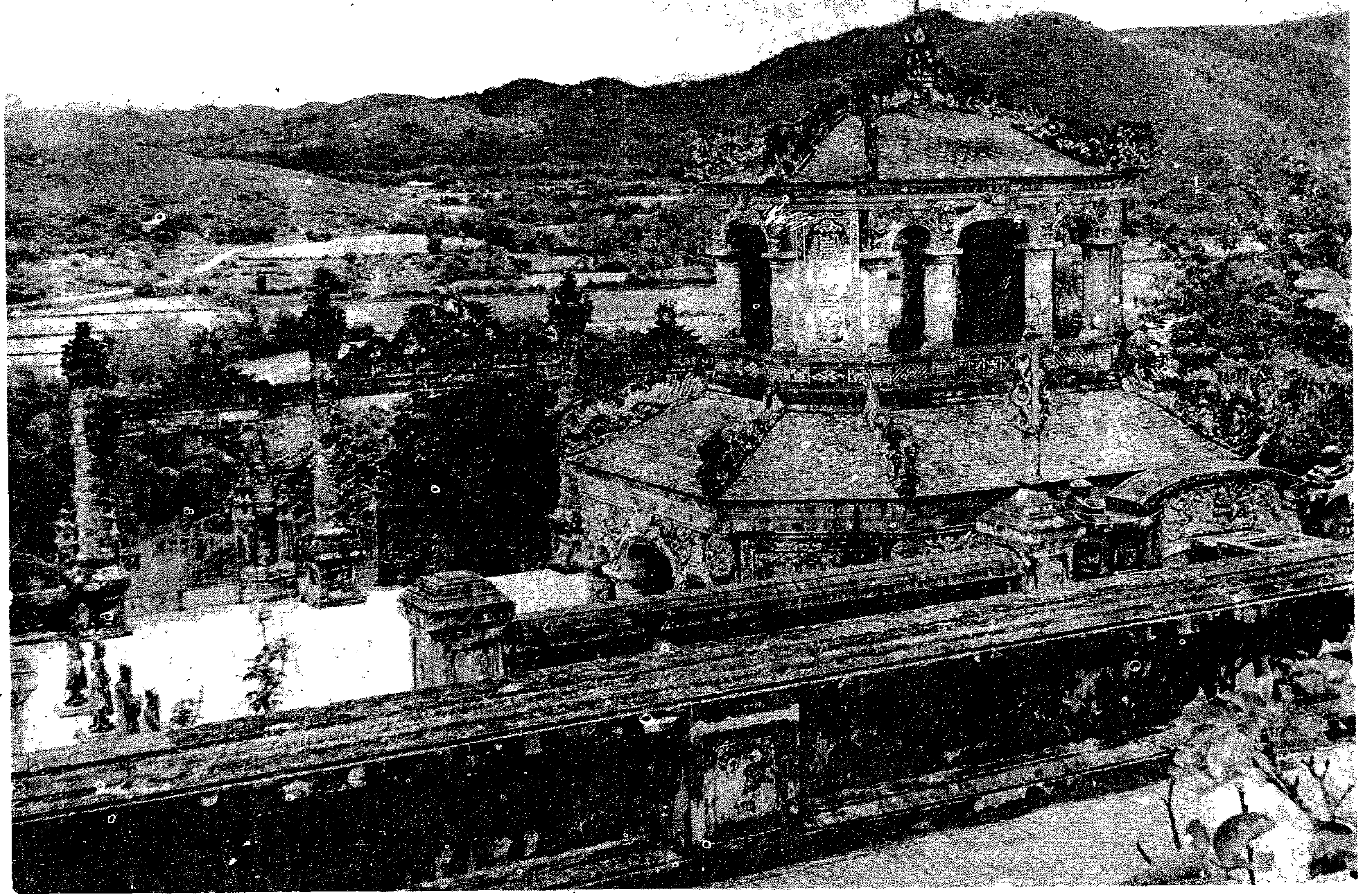
giúp việc là những người Ấn-Độ hoặc những người thụ-lĩnh văn-hóa Ấn-Độ. Mối liên-lạc giữa Ấn-Độ và những nước Ấn-Độ Đông-Dương hoàn-toàn bình đẳng từ Trung Châu sông Cửu-Long tới hai bên bờ vịnh Bengale (Mạnh-gia-hạp).

Ngày nay do cuộc tiến-hóa của nhân loại, do trào-lưu tư-tưởng xã-hội đang bành trướng mãnh-liệt khắp thế-giới, do sự sống còn và tương lai của mỗi dân-tộc chúng ta có thể hy-vọng dân-tộc Việt-Nam cùng các lân quốc sớm thắt chặt mối đồng-tâm.

Để thực-hiện lý-tưởng này, tất-nhiên ta cùng các nước bạn phải xóa-bỏ những những kỳ-thị hẹp hòi, những quan-niệm nông cạn về chủng tộc nó là nguồn gốc của mọi sự chia rẽ chỉ có lợi cho cái manh-tâm trục-lợi của các đế-quốc.

Một điều đặc-biệt giữa thời cực thịnh của Cambodge là việc Cambodge biến đổi văn-hóa Ấn-Độ thành một thứ văn-hóa có đặc-tính quốc-gia và Cambodge đã đem văn-hóa có đặc-tính Cambodge đó để khai hóa cho người Thái ở Mékong và Ménam.

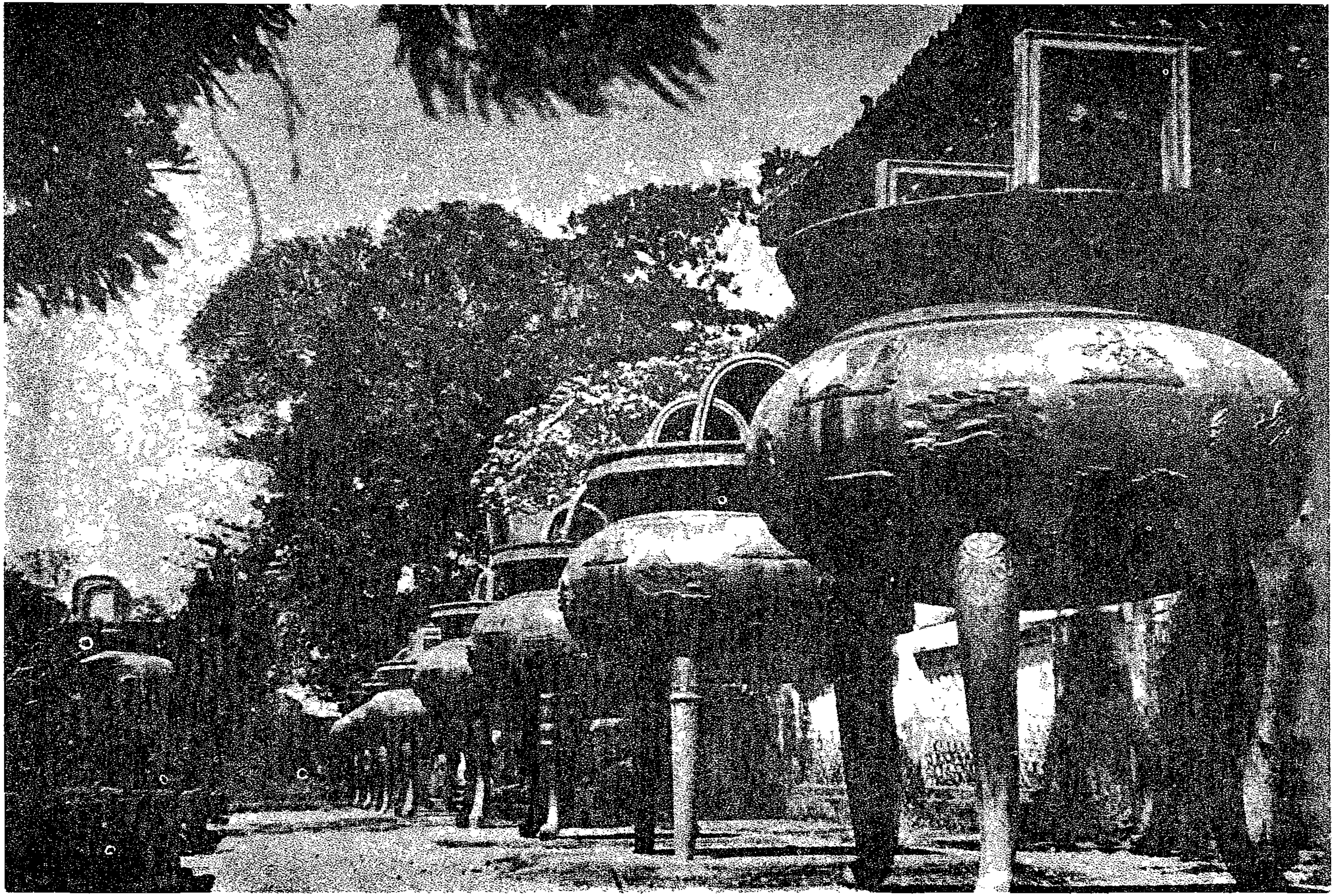




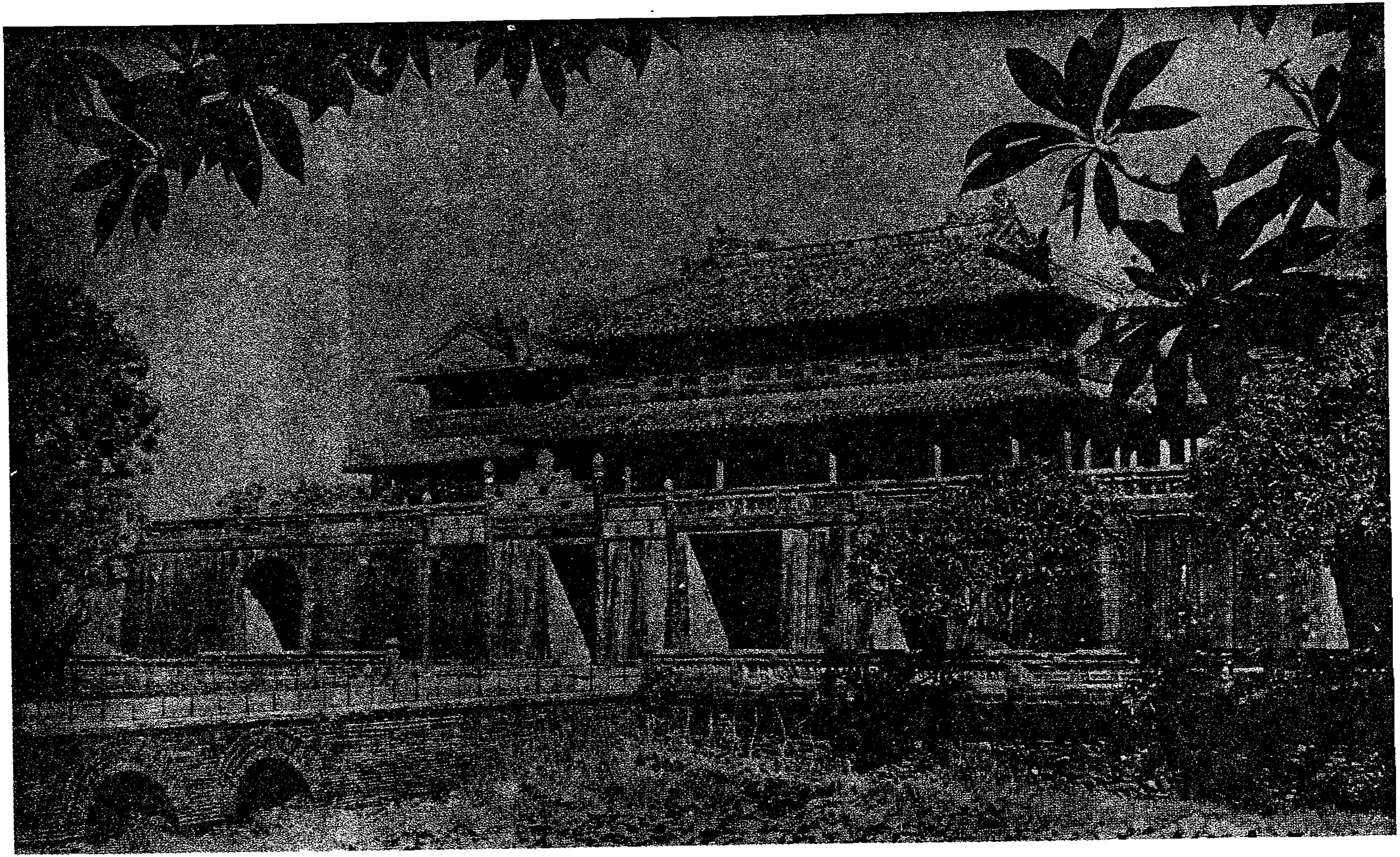
Lăng Khải - Định (từ trên cao nhìn xuống)



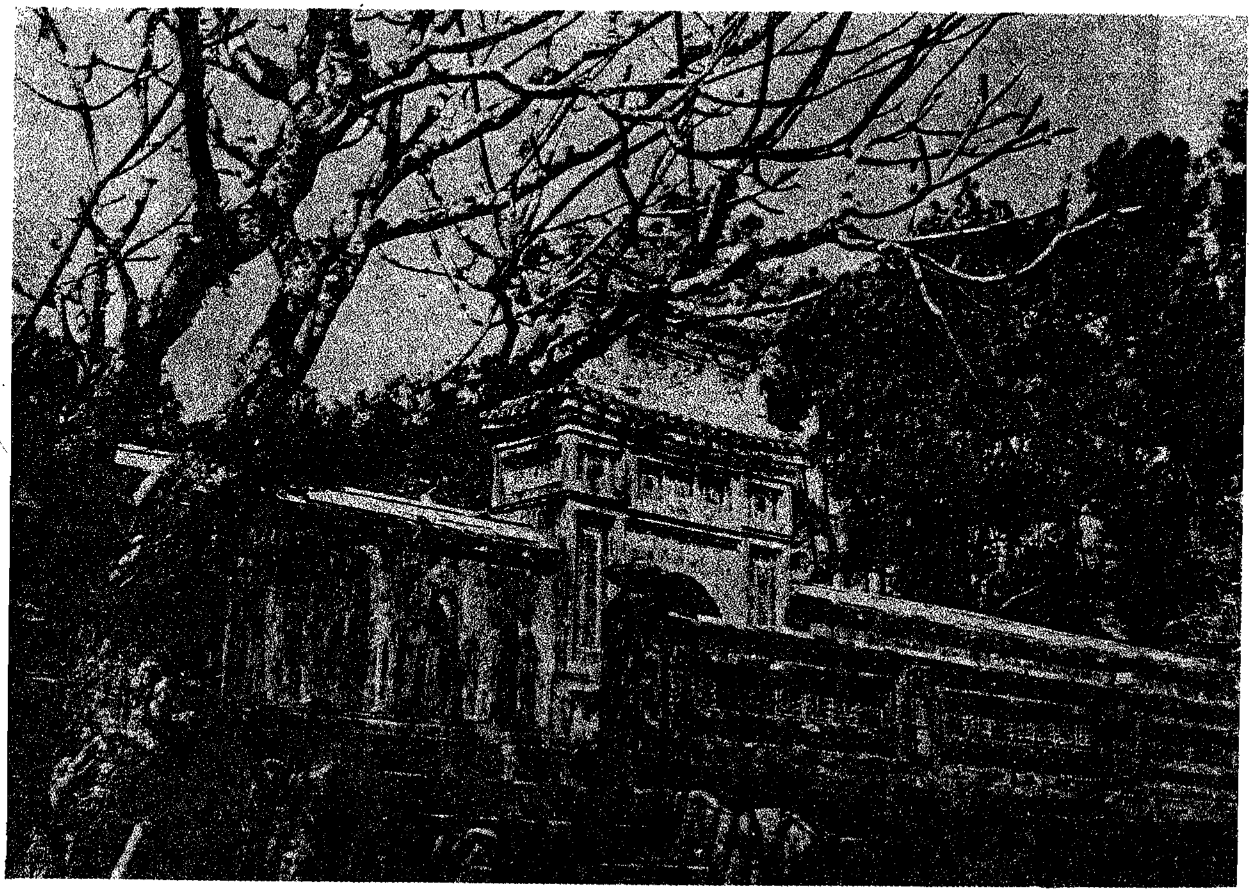
Chùa Thiên Mụ (bên bờ sông Hương)



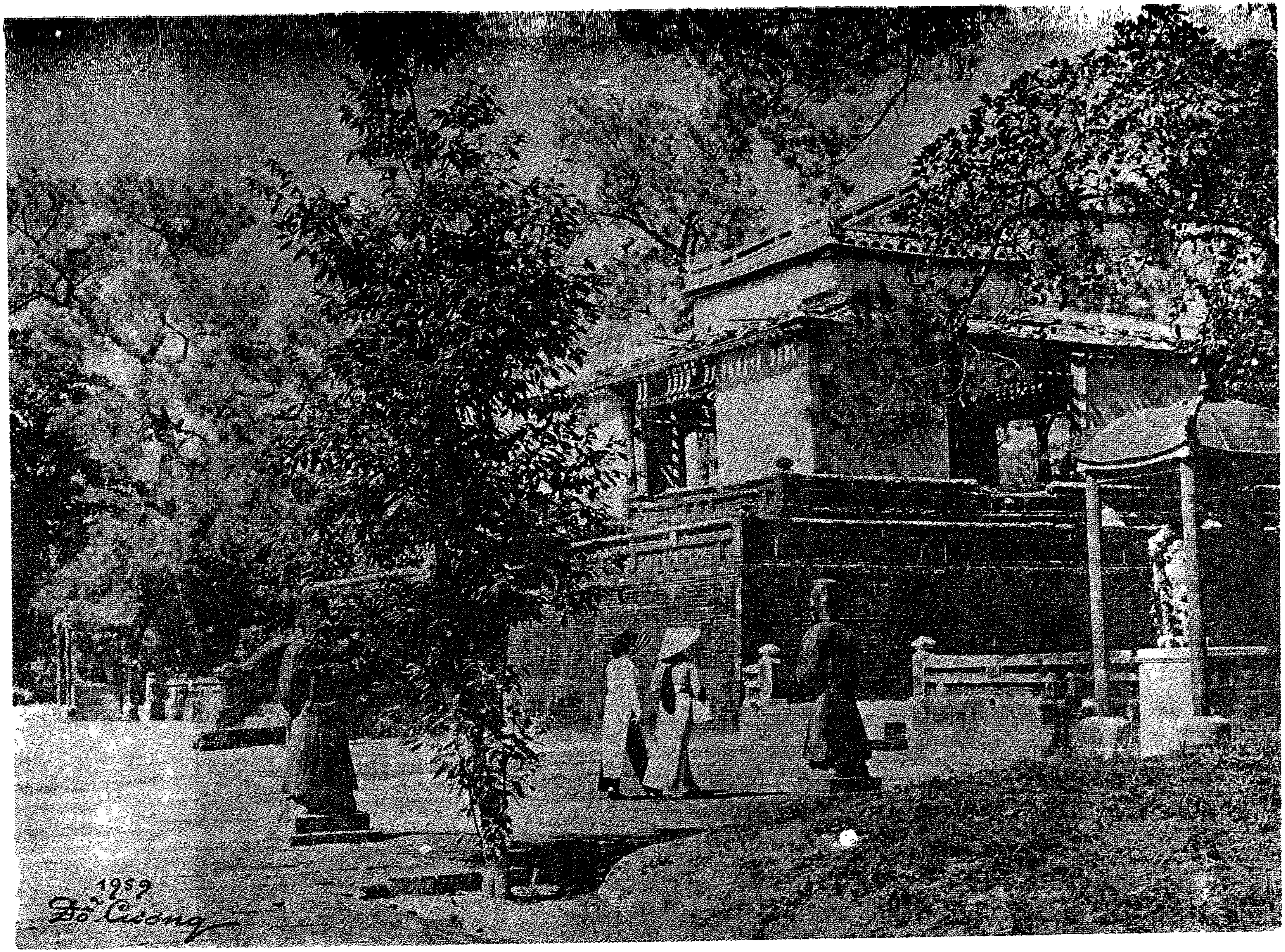
Chín đỉnh tượng trưng cho uy-quyền của nền quân chủ

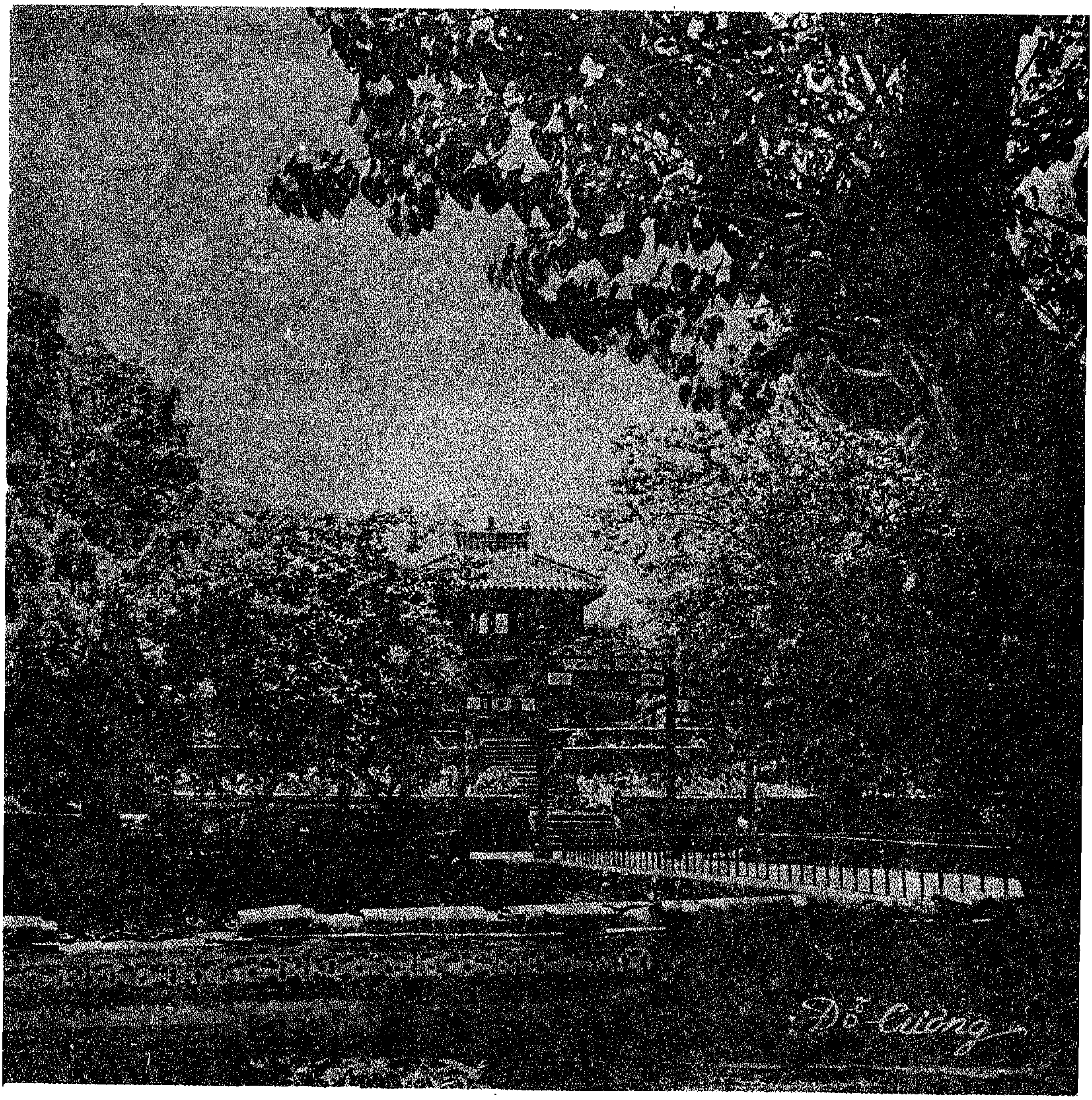


Ngọ Môn (đi thẳng vào Điện Thái-Hòa)



Lối đi vào Thành - Nội


1959
Đỗ Cường



Ngọ -Môn (từ xa nhìn tới)

CHƯƠNG V

NHÀ TRẦN (1225 – 1400)

Nhà Trần trên sự nghiệp mở mang Quân-đội và chống xâm lăng

Nhà Lý ở ngôi được 216 năm và cáo chung sứ mạng bởi tay một vị nữ chúa còn quá thơ ấu (8 tuổi) đã nhường ngôi cho chồng là Trần-Cảnh. Nữ chúa đó là Lý-Chiêu-Hoàng tức Thuận-Thiên công-chúa được nối giõi vua Lý-Huệ-Tông bấy giờ bị đau yếu liên miên nên nhãng bỏ việc nước.

Huệ-Tông có vợ là Trần-Thị.

Họ Trần có Trần-Thủ-Độ (em họ Trần-Thị) là người có nhiều cơ-mưu, nhiều thủ-đoạn chính-trị nên đã thao túng chánh-sự vì nắm giữ được địa vị lớn với chức Thái-Sư của Nữ-chúa trước khi xảy ra việc thay bậc, đổi ngôi.

Họ Đông-A (Trần) nối họ Lý do kế-hoạch của Thủ-Độ và cũng do sự đồng tình của Thái-hậu Trần-Thị lại nhờ ở chỗ nhu nhược của Lý-Huệ-Tông, Thủ-Độ đã xui Trần-Thị gả Chiêu-Hoàng cho Trần-Cảnh để Trần-Cảnh đương nhiên bước ra nắm lấy cái ngai vàng, làm chủ-tể nước Việt-Nam.

Đến Huệ-Tông nước ta đã suy yếu nhiều do triều đình bất lực trên mọi phương-diện. Dân chúng đã chịu nhiều cơ-cực vì loạn-ly, vì đói kém. Nghề nông là nguồn sống chánh yếu của dân tộc suy bại vì hoàn cảnh quốc-gia mỗi ngày một đồi bại, phần lớn do giặc cướp nổi lên như ong từ các miền suôi lên đến vùng ngược. Thiếu an ninh, trật tự, mọi việc đều đình trệ.

Trần-Cảnh lên ngôi tức là Trần-Thái-Tôn buổi đầu chỉ có hư vị vì nhà Vua cũng còn ít tuổi quá (8 tuổi). Mọi việc do Thái-Sư Trần-Thủ-Độ lo liệu và định đoạt, nhưng đến khi Thái-Tôn trưởng-thành thì vừa kịp giai đoạn nước nhà bị quân xâm-lăng Mông-cổ tràn đến. Một điều đáng chú ý : Nếu Vương-Triều họ Lý còn tồn tại tới bấy giờ (1257) với một nước Việt-Nam suy bại, quân lực yếu hèn, tinh thần bạc nhược từ trên xuống dưới thì dân tộc chúng ta không khỏi nạn vong quốc thêm một giai-đoạn nữa. Đó là điều chắc.

Nhà Trần thay nhà Lý từ 1225. Việc đầu tiên của họ Trần là giải-quyết cuộc khủng-hoảng chính-trị do việc thay trò đổi cảnh vừa xảy ra gây nên. Trước việc này Trần-Thủ-Độ đã dùng đủ mọi cơ mưu để tiêu-diệt con cháu họ Lý và hai tướng Đoàn-Thượng và Nguyễn-Nộn đã không tán thành việc Trần thay Lý. Ngoài ra tân triều còn phải dẹp một vài vụ loạn khác đáng kể là giặc Mường tại Quốc-Oai tỉnh Sơn-Tây, rồi bắt tay liền vào những việc cải cách chánh-trị, quân-sự và xã-hội. Về chánh-trị, nhà Trần lấy căn bản là sự thân dân và thân dân để kiểm - soát dân một cách trực tiếp, do đó triều Trần đặt chức xã-quan, lập sổ trường-tịch để nắm vững mọi vấn đề nhân sự được lợi cho việc động viên và thuế khóa.

Quan chế dưới đời Trần cũng có sắp đặt lại : Văn-võ đại-thần có : Tam-Công, Tam-Thiếu, Thái-Úy, Tư-Mã, Tư-Đồ, Tư-Không. Tể-tướng có Hữu-Tướng-quốc, Thủ-tướng, Tham-tri.

Văn giai nội chức có các : Thượng-Thư, Thị-Lang, Lang-Trung, Viên-ngoại, Ngự-sử v.v...

Văn-giai ngoại chức có : (quan các Lộ) An-

phủ-sứ, Tri-phủ, Thông-Phán, Thiêm-phán.

Võ giai nội chức có : Tiết chế đứng đầu thủy bộ chư-quân ngang chức Tổng-Tư-Lệnh quân-đội ngày nay.

— Phiêu-kỵ thượng tướng quân (chức này dành riêng cho các Hoàng-tử).

— Cấm vệ thượng tướng quân

— Kim-Ngô đại tướng quân.

— Võ-vệ đại tướng quân.

— Phó-đô tướng quân.

Võ-giai ngoại chức (là chức võ quan đóng ngoài kinhthành tại các lộ, các trấn) có :

— Kinh lược sứ

— Thủ ngự sứ

— Quan-sát sứ

— Đô-hộ

— Đô-Thống

— Tổng-quản v.v...

Việc thăng chức theo niên hạn như sau :

— Mười năm lên một hàm.

— Mười lăm năm lên một chức.

Đáng chú ý về đời nhà Trần vua quan đối với nhau rất thân mật. Trong các tiệc vui. vua quan trút bỏ nghi lễ dắt tay nhau múa hát, nằm ngủ vắt chân lên nhau. Tuy vậy có một khuyết điểm đáng tiếc là con cháu nhà quan được thừa ấm thì nối tiếp nhau giữ các địa vị cao sang, ngoài xã hội, còn những họ không có quan tước con cháu cứ phải làm lính. Chế độ này tỏ ra sự hẹp hòi của phong kiến nhà Trần, nếu không thực lực của dân tộc chúng ta vào thế kỷ thứ XIII còn có thể mạnh nhiều hơn.

BINH CHẾ VÀ LỰC LƯỢNG QUÂN ĐỘI ĐỜI TRẦN SƠ

Tháng ba năm Kỷ hợi (1245) triều đình tuyển trai tráng vào quân đội, chia ra ba hạng : Thượng, Trung, Hạ.

Tháng hai năm Bính Ngọ (1246) có việc chọn người vào quân Tứ-Thiên, Tứ-Thánh, Tứ-Thần. Các đội quân này đều là Túc-Vệ binh mang danh hiệu Thiên-thuộc, Thánh Dực và Thần-Sách. *Tứ* có nghĩa là 4 vệ và vệ là một đơn vị có một quân số nhất định.

Tháng hai năm Tân-Sửu (1247) triều đình lại lập ra một đội quân đặc biệt hơn nữa là Thượng-đô túc-vệ có một mục-đích dùng họ làm một lực-lượng bảo vệ Hoàng-Gia và Hoàng-thành. Những người lấy vào đạo quân này phải khỏe mạnh, biết võ nghệ và tất nhiên có tín nhiệm của chính quyền.

Tại các *Lộ* Thiên-trường (quê hương nhà Trần) và Long-hưng có lập quân Nội-thiên-thuộc, quân Thiên-Cương, quân Củng Thần.

Các lộ Hồng (Hải dương ngày nay) Khoái (Hưng) có lập quan Tả-thánh-dực và Hữu thánh dực bằng trai tráng địa phương.

Các lộ Trường-Yên (Ninh-Bình), Kiến-xương (Thái-Bình) đặt quân Thánh-dực và Thần-sách còn một số nhập vào đội Trạo-Nhi tức Thủy-Quân.

Tháng hai năm Tân-Dậu (1261) Triều đình lại tuyển mộ binh sĩ tại các lộ, có lựa một số xử-dụng vào các sảnh, viện, cục.

Tháng tám năm Đinh mão (1267) tổ chức quân đội có sự tu chỉnh như sau :

Quân có 30 Đô.

Đô có 80 người tuyển trong họ Tôn thất nhưng phải thông hiểu binh pháp, võ nghệ và việc chỉ-huy.

Quân *Tứ-Xương* ít quan hệ hơn loại trên nặng về chiến đấu (phòng giặc dã và ngoại xâm) là những quân gác thành luân phiên thay đổi.

Các ngạch quân chia ra :

— Thần-quân

— Du-quân

— Vương-hầu gia-đồng.

A. *Thần quân* có : 1) Thánh-dực đô 2) Thần-dực đô, 3) Long-dực đô, 4) Hổ-dực đô, 5) Phụng nha quan chức Lang (từ đây trở lên đều có tả, hữu nghĩa là 4 đô. Mỗi lang đều có tả, hữu. Vi-dụ : Tả Thánh-dực-đô, Hữu Thánh-dực-đô v.v...)

B. *Du quân* có : 1) Thiết-Lâm-đô, 2) Thiết-hàm-đô, 3) Hùng-hổ-đô, 4) Vũ-An-đô.

C. *Vương-Hầu gia-đồng* có : 1) Toàn-Đô, 2) Dược-đồng-đô, 3) Sơn-liêu-đô v.v...

Số quân trong lúc nước nhà yên ổn dưới đời Trần không tới 100.000 người nhưng vào niên hiệu Thiên-Bảo (1279-1284) do có cuộc chiến-tranh tự vệ nên quân số được tăng lên tới 200.000. Đây là số quân động viên ở các lộ Đông - Nam, còn sĩ số hai vùng Thanh, Nghệ chưa lấy tới.

Họ Trần vốn đa nghi nên về chính-trị cũng như quân-sự luôn-luôn có sự đề phòng đảo-chính vì thế về hôn nhân không kết thông gia với họ khác, anh em cô cháu lấy lẫn nhau. Về quân sự các chức lớn từ Tiết-Chế đến cấp tướng đều giao cho các thân-Vương (anh em ruột thịt của nhà vua) và các hoàng-tử. Ngoài ra nhà vua còn cho phép riêng cho các vương hầu được tuyển mộ các đinh tráng ở các thực ấp của mình làm lính để tăng cường sự bảo-vệ hoàng-triều khi bình cũng như khi loạn.

Binh phục thời bấy giờ thế nào không thấy các sử cũ nói đến chỉ biết rằng quân đội có đội nón, căn cứ vào quân của Trần-Khánh-Dư ở Vân Đồn có đội nón Ma-lôi.

Về tuế bổng chỉ có quân túc-vệ được hưởng còn quân các đạo kia yên ổn được thay nhau về làm ruộng cho đỡ tốn công quỹ.

Quân-kỷ đời Trần rất nghiêm, kẻ nào đào ngũ phải chặt ngón chân. Nếu tái phạm sẽ bị voi dày.

NHỮNG YẾU-TỐ TẠO NÊN SỰ HÙNG MẠNH ĐỜI TRẦN

Dân tộc Việt ba phen đương đầu với quân Mông-Cổ và luôn luôn chiến thắng oanh liệt ngoại xâm, viết nên những trang sử sáng ngời dưới đây tất nhiên phải do nhiều điều kiện tốt đẹp về tinh-thần cũng như vật chất.

Về quân sự nhà Trần nối tiếp đường lối của nhà Lý là luôn luôn để tâm đến việc cải cách quân-sự, rèn luyện tướng-sĩ, lấy các thân-vương hoàng-tử làm cán-bộ gương mẫu cho quân dân và các vị này đã có rất nhiều nhiệt tình đối với các công cuộc phục-vụ xứ sở. Sự đoàn kết cũng như tinh-thần hữu ái được thực hiện ngay từ trong hoàng-gia ra tới ngoài nhân dân qua các hành động vua lo cho dân, cấp chỉ-huy săn sóc tận tình đời sống của các binh-sĩ (xin coi bài hịch in ở những trang dưới trong đó Trần-Hưng-Đạo đã nói lên sự kiện này) nhờ vậy các tầng lớp xã hội trăm người như một đều coi việc nước như việc nhà nhất là trong khi có cuộc chính biến họ đã biểu lộ thái độ này rất rõ ràng.

Bởi lòng thương dân thành thực nên các vua nhà Trần rất lưu tâm đến kinh tế và nông nghiệp qua các việc mở mang điền trang, lập các nông trường nhất là các vùng nước mặn để dân nghèo hay các tù nhân cầy cấy. Việc đánh thuế chỉ đánh vào những người có tư sản và việc bảo vệ mùa màng được giao cho các quan Hà-đê Chánh, Phó sứ trông nom hầu tránh việc lụt lội xẩy ra bằng cách đắp đê rộng rãi kiên cố ở các ven sông.

Chế độ luật pháp của nhà Trần chỉ có nghiệt ngã trên giấy tờ bởi các vua dòng họ Đông-A hầu hết rất sùng đạo Phật, luôn luôn lấy tình thương để cảm hóa dân chúng và không chủ trương dùng hình phạt nhất là cực hình.

Bên cạnh Phật giáo là quốc-giáo khuyên nhủ các việc từ thiện có Nho giáo là một thứ luân lý rất thực tế dạy người ta biết cái nghĩa quân thần phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu v.v... đã dựng nên một thế vui hòa cho mọi công dân từ gia đình ra ngoài xã hội. Cũng nhờ có luân lý Khổng-Mạnh mà các phong tục tốt được đặt ra để dân chúng thi hành trên mọi lãnh vực : hôn nhân, tang tế, thờ phụng tổ tiên, sự ăn ở với xóm giềng, trong khuôn khổ thi thư lễ nghĩa v.v... lâu thành một nếp sống, một truyền thống sáng ngời nối tiếp đến đời nay và tránh cho người dân được nhiều sự sa-ngã và những trừng phạt nghiêm khắc của luật nước.

Một yếu tố không kém phần quan trọng là sự lãnh đạo và tư cách của các vị quốc chủ đời bấy giờ : các vua nhà Trần được học rộng biết nhiều lại là nnững bậc chân tu nên luôn luôn chỉ nghĩ đến dân đến nước. Lúc bình thường vua lo cho dân như lo cho con, cúc cung tận tụy phục vụ xứ sở nên vua với dân rất là gần gụi. Rồi khi nước nhà xẩy ra các biến cố, vua và dân lại càng gần nhau thêm. Câu « *Dân vi quý* » đã được thi hành triệt-để nên đã cấu tạo mau lẹ được sự đoàn kết quân dân, một thứ lợi-khí chống xâm lăng rất có hiệu lực. Thêm vào đó, vì được thấm nhuần triết lý của Phật giáo, vua coi việc xả thân cứu nước là một nhiệm-vụ thiêng liêng, chiến đấu cho quê hương có chết cũng là được siêu thoát và « *thành nhân* » lại càng tốt đẹp.

Một xã hội văn minh là một xã hội gây được nhiều sự thoải mái tinh thần cho mọi người dân trong khắp các gia đình, sự no đủ từ thành thị đến thôn quê, sự hùng mạnh về quân sự, kinh tế và chính trị. Với triều Trần dân tộc chúng ta đã hội được đủ các yếu tố cần thiết đó để thành một quốc gia hùng mạnh nhờ vậy chúng ta đã giải quyết vấn đề ngoại xâm của Mông-Cổ, một đế quốc lớn nhất, mạnh nhất đời bấy giờ.

CUỘC CHIẾN TRANH VÔ CÙNG VĨ ĐẠI CỦA VIỆT-NAM ĐẦU THẾ-KỶ XIII

Mông Cổ là giống người thế nào?

Để hiểu công cuộc chống xâm lăng của dân tộc ta khắc khổ, gian lao và phải hy sinh đến bực nào cho tới cái kết quả của nó có đáng gọi là rực rỡ, oanh liệt vào bậc nhất suốt thế kỷ XIII, không phải riêng trên lịch sử Việt-Nam mà cả trên lịch sử thế giới thuở đó, chúng tôi thấy cần kê cứu qua nguồn gốc và những chiến công anh dũng phi thường của người Mông-Cổ. Dân Mông-Cổ có gần 3 triệu người, đa số là dân du mục. Nhà cửa của họ là những túp lều quây tròn bằng da trên nóc có lỗ thông hơi. Thực phẩm của họ gồm có: sữa, thịt cừu, phó mát. Những người nghèo ăn cả xác súc vật đã chết từ lâu. Người Mông-Cổ không thích làm việc, mỗi năm họ hoạt-động chừng một tháng mà thôi. Y phục thường bằng da thú và lông cừu. Từ đời Đường (618-944) Mông-Cổ ở vào khoảng thượng lưu Hắc - Long Giang (Amour) suốt một giải tây Bắc tỉnh Hắc-Long-Giang, rải rác về phía Bắc Xa-thần-Hàn thuộc miền Bắc nước Trung-Hoa, diện tích vào khoảng 3 triệu cây số vuông. Người Mông - Cổ sinh tụ trong trạng-thái các bộ-lạc sống về nghề chài lưới, săn bắn và du mục như nhiều dân tộc khác về cổ thời, nhưng tương đối với dân tộc Á-Châu bấy giờ, họ là đám người lạc-hậu nhất. Họ rất hung tợn và hiếu chiến nhưng có tài đặc biệt là bắncung và cưỡi ngựa nên tổ chức kỵ binh của họ có thể nói là rất lợi hại. Họ sắp đặt cơ nào đội nấy rất có thứ tự, sành việc tổ chức và huấn luyện quân đội, giầu mưu chước, chuyển vận binh sĩ mau lẹ.

Đối với kẻ địch, họ áp dụng nguyên tắc: hàng thì đãi có độ lượng, chống thì tàn sát cho tới ngọn cỏ lá cây.

Đối với cấp trên họ hoàn toàn phục tùng, chỉ biết có một thứ luật, luật của lãnh-tụ. Được lệnh là phải tiến dù tiến để mà chết. Như vậy nghề chinh chiến của họ lại hơn cả các dân tộc tiền tiến thời bấy giờ. Đó là một điều trái ngược hẳn.

Tổ tiên của họ là giống Hung Nô. Tài nguyên của họ là những bầy súc vật mà họ đưa đi ăn cỏ uống nước, chăn nuôi ở những miền rất xa. Đời sống của họ rất là cực khổ vất vả do khí nóng thì nóng quá (38°,2) thiêu đốt cả cỏ cây, giết hại cả súc vật, khi lạnh buốt tận xương tủy (42°,5 dưới 0 độ) người vật chịu không nổi.

Họ không biết nghề nông, không biết viết chữ rất tin tưởng khoa phù thủy. Phật-Giáo được coi gần như là tôn giáo chính của người Mông. Họ theo đạo Phật nhưng không hiểu nổi triết-lý Phật giáo nên chỉ là những kẻ mê-tín không hơn kém. Binh chế của Mông-Cổ tổ chức như sau đây:

1.— Bộ trong gồm các quân Túc-vệ.

2.— Bộ ngoài là các quân Trấn-thủ.

Quân Túc-vệ chia làm quân Khiếp-tiết, theo tiếng Mông-Cổ có ý nghĩa là những kẻ được nhiều ân sủng của thiên tử, tức là thân binh của nhà vua và quân các vệ Tả, Hữu, Trung, Tiền, Hậu và Đường Ngột vệ, Quý-Xích-vệ, Vũ-Vệ, Tả, Hữu Đô-Ủy-Vệ v.v...

Quân các Vệ thì thân quân chỉ-huy sứ cầm đầu cùng với các quân trấn thủ đều thuộc quyền khu mật viện. Quân khiếp tiết và các vệ tuy đều là quân túc vệ họp lại gọi là thân quân nhưng nhiệm vụ khác nhau: Khiếp tiết dùng vào việc bảo-vệ thiên-tử, là thân quân trong các thân quân. Quân các vệ chuyên giữ hoàng-thành, kinh-sư, phòng thủ việc doanh thiện và việc đồn điền v.v...

Đội quân này cũng có khi dùng vào việc viễn-xâm.

Quân trấn-thủ: các bộ thì lập vạn hộ phủ, các huyện lập thiên-hộ sở đều thuộc khu mật viện, tùy chỗ quan trọng, hiểm yếu mà chia đi chiếm đóng. Đại khái các nơi biên cương then chốt thì có thân vương, tôn thất cầm quyền. Tỷ-dụ: Hà-Lạc và Sơn-Đông thì có quân bản tộc Mông-Cổ trấn thủ. Từ Giang, Hoài trở xuống tới Nam-Hải có Hán binh và quân tân-phụ là những quân lính

người Trung-Quốc được tuyển mộ sau khi diệt được nước Kim.

Lối đánh của quân Mông-Cổ là khi lâm trận, đạo kỵ-binh lưu-động của họ tiến nhanh như chớp nhoáng rồi biến mất để lại xuất hiện ngay liền đó sau lưng đối-phương khiến đối-phương bị điên đảo, giở mình không kịp, bị loạn cả chiến lược, chiến thuật.

Năm 1206 Thiết-Mộc-Chân (Témoudjine) sau này hiệu là Thành-Cát Tư-Hãn (Gengis-Khan) tức là năm thứ hai đời Lý-Cao-Tông năm Trị-bình-Long-ứng đánh bại quân đội Thổ-Nhĩ-Kỳ là quân muốn giành đất Mông-Cổ với ông ta. Sau đó chúa Mông-Cổ quay binh về Trung-Hoa.

Lúc này lãnh-thổ Trung-quốc nằm dưới quyền lực của ba Vương-Triều chiếm cứ ba khu vực không đều nhau: nhà Kim dòng giống Mãn-Châu, chiếm miền Hoa-Bắc, vùng sông Hoàng-Hà. Kinh-đô đóng ở Bắc-Kinh. Nhà Tống ngự trị miền Hoa-Nam, Kinh-Đô ở Hàng-Châu. Nước Tây-Hạ giữ miền Tây-Bắc.

Dự định của Thành-Cát Tư-Hãn là phá Vạn-lý-trường-thành rồi kéo vào Bắc-Kinh. Cuộc chống trả của quân Kim cũng rất kịch-liệt vì Kim cũng giàu tinh-thần chiến-đấu. Cuộc xô xát rất là ác-liệt. Đạo binh Mông-Cổ hồi đó không biết chiến-thuật hãm thành nên mất 2 năm huyết-chiến ở chân Vạn-Lý trường-thành mà không vào được thủ-đô Bắc-Kinh. Năm 1213, Mông-Cổ tàn phá các vùng thôn quê, thiêu hủy mùa màng rồi phong tỏa Bắc-Kinh, Vua nước Kim phải thiên đô về Khai-Phong, trông vào sông Hoàng-Hà làm phòng tuyến thiên-nhiên. Năm 1215 Mông-Cổ vào được Bắc-Kinh, thành này bị đốt phá liền trong một tháng không ngớt ngọn lửa. Bốn mươi nhăm năm sau, muốn đóng đô ở đây. cháu nội của Thành-Cát Tư-Hãn là Hốt-Tất-Liệt phải cho kiến-thiết lại Bắc-Kinh theo họa-đồ mới. Sự tàn phá Bắc-Kinh làm ta nhận thấy rằng Mông-Cổ bấy giờ còn ở trình độ bán khai, chưa biết lợi dụng kết quả cuộc chiến thắng. Họ không nghĩ rằng đó là sản nghiệp của họ sau này. Để tỏ cuộc chinh chiến tàn ác giữa hai dân-tộc thế nào, người ta kể rằng chín năm sau du khách qua bãi chiến trường còn thấy rải rác những đống xương tàn của các chiến-sĩ.

Trước đây xác người chất cao như núi, xông lên hôi thối gây bệnh thời khí rất tai hại cho dân gian nước Kim, sau nhiều cuộc chinh chiến chỉ còn một số đất nhỏ hẹp. Dứt cuộc thắng Kim chúa Mông-Cổ ngó về Tây-Phương.

Năm 1219, ông đã đem quân tấn-công Tân-Cương và vùng Ba-Tư. Cuộc viễn xâm kéo dài 5 năm. Quân Mông-Cổ chiếm được chốn nào phá hủy sạch sẽ chốn đó chớ không ở lại. Chúa Mông-Cổ trước đây bảy thế-kỷ đã nói: « nơi nào ngựa Mông-Cổ đi qua, cây cỏ cũng hết sạch », lời nói ấy quả đúng.

Tại Hung (Hongrie) Giáo-Chủ nắm hết quyền chính-trị, ly khai với giai cấp phong kiến. Lửa loạn bốc cao khắp trong nước, nhân dân phải nổi lên để tự cứu vãn tình thế. Sau họ thống nhất được lãnh thổ năm 1222, Hiến-pháp được ban-hành, nước Hung trở nên một quốc-gia theo chính thể lập-hiến nhưng tình thế vừa yên thì Mông-Cổ như trận cuồng phong ào tới. Vua Bela IV từ trần năm 1242 ở Pest. Từ Breslan đến Cracovie, máu dân Hung chảy tràn, nhiều vương hầu bỏ mạng. Mông-Cổ hoành hành xong bỏ ra đi. Hung lại bị phân xé ra nhiều mảnh.

Cần nên nhắc rằng, khi thủ-đô Pest (của Hung) bị thất thủ, 50 vạn quân Hung không còn sống sót đến một người. Từ thành tới thôn quê, nhân dân bồng bế nhau đi lánh nạn, vườn ruộng bỏ hoang, cảnh tượng bi đát hết chỗ nói.

Đầu thế-kỷ thứ XIII, Hồi-quốc đang là một đế-quốc thịnh đạt hùng-cường gồm Ba-tư, Tiểu-Á-Tế-Á và miền Cận-đông, ngang kéo dài từ Ấn-độ đến Bagdad, dọc từ bờ biển Aéral đến vịnh Ba-Tư, các Vương-hầu quý tộc ăn chơi đàng điếm, sau này có sự bất hòa giữa Quốc-Vương và Giáo-Chủ Hồi. Giáo-Chủ Hồi mật cầu Thành-Cát Tư-Hãn ra quân.

Mông-Cổ tới, 40 vạn quân của Mohamed bị đánh tan. Kinh-thành ra tro bụi. Quốc-Vương phải bôn đào, sau đau buồn thất vọng mà chết, Đế-quốc Hồi bị xóa nhòa tên tuổi từ thuở ấy.

Tháng chạp năm 1237 tới tháng năm 1238, đến lượt nước Nga lâm vào hoàn cảnh núi xương sông máu, bốn phần năm lãnh-thổ Nga lọt vào tay Mông-Cổ.

Tình trạng khốc-liệt này gây nên một cuộc khủng-hoảng lớn cho Bắc-Phi, Ý, Pháp, Anh, Đức. Các nước này coi như ngày tận thế đã tới. Quả vậy, vì từ thượng cổ tới bấy giờ, chưa có tai nạn nào đáng ghê sợ cho nhân loại như vậy.

Giáo-Hoàng INNOCENT IV của vua Saint-Louis nước Pháp phải cho sứ sang cầu hòa với Mông-Cổ.

Về phía Á-châu, mùa thu năm 1226, Mông-Cổ khởi sự đánh Tây-Hạ vì Tây-Hạ không chịu giúp binh cho họ trong cuộc Tây-xâm.

Trận đánh cũng rất mãnh-liệt. Mặc dầu Thành-Cát Tư-Hãn ngã ngựa và đang có bệnh, ông vẫn chỉ-huy cuộc chiến đấu. Rồi trong khi binh Mông-Cổ vây hãm thủ-đô Tây-Hạ, bệnh tình của Thành-Cát Tư-Hãn càng trầm trọng và mất ngày 18 tháng 8 năm 1227. Vài ngày sau Tây-Hạ xin đầu hàng bị Mông-Cổ sát hại không còn người nào. Tất cả nước Tây-Hạ sát nhập vào Mông-Cổ từ đó.

Thành-Cát Tư-Hãn mất. Con là Á-Loa-Đài (Agotai) lên làm vua tức là Nguyên-Thái-Tông. Sau Nguyên-Thái-Tông là Quý-Do (Gouyouk) tức là Nguyên-Định-Tông. Quí-Do ở ngôi được non ba năm thì mất, ngôi vua truyền sang chi khác người em họ (con nhà chú) là Mông-Kha (Mongké) lên thay tức là Nguyên-hiến-Tông. Mông-Kha sai hai em là Hát-Lô (Houlagen) sang kinh lý việc Ba-Tư và Hốt-Tất Liệt (Koubilai) đem quân đánh Tống. Trong khi Mông-Cổ đánh Tống thì Mông-Kha mất. Hốt-Tất-Liệt phải trở về lên ngôi tức là Nguyên-Thế-Tổ, đổi quốc hiệu là Nguyên. Xong việc tức vị, Mông-Cổ lại tiếp tục việc Nam-xâm.

Vua Tống đang lúc bấy giờ sống những ngày hoan lạc, phải bỏ chạy xuống miền Nam cùng một cung phi yêu-kiều, diễm lệ.

Năm 1214 còn ghi chiến cuộc giữa hai lực lượng Nguyên-Tống, nhưng sau đó ít lâu một trận thủy chiến đã kết liễu tình thế. Quân Tống đại bại, vua Tống nhẩy xuống biển tự vận, từ đó nước Trung-Hoa mất hẳn.

Năm 1280, cơ nghiệp nhà Nguyên hoàn thành rất rực rỡ. Xét ra đế quốc Mông-Cổ lớn hơn đế quốc A-lịch-Sơn (Alexandre) đời thượng cổ, hơn cả đế-quốc Nã-phá-Luân, diện tích chiếm già nửa phần thế giới vào thế kỷ XIII, gồm thâu 40 nước từ Âu sang Á.

Anh dũng như vậy, phát đạt như vậy, tưởng không còn dân tộc nào hơn được, tuy vậy họ đã thất bại : lần đem quân qua Nhật-bản bị sóng gió đánh tan các chiến thuyền, họ phải lui quân về Trung-Quốc. Lần đem quân đánh Việt-Nam trước sau ba giai-đoạn đều bất lợi, thất bại thảm thương. Nhưng với Việt-Nam, họ chẳng thua vì trời, mà thua vì người, vì tinh thần đoàn kết mãnh liệt của dân tộc Việt-Nam.

Bàn về Thành-Cát Tư-Hãn, người ta phân tách như sau này : Là một võ-tướng, Thành-Cát rất tàn bạo, coi rẻ sinh mạng, tài-sản, giang-sơn đất nước kẻ thù. Nhưng về mặt chính-trị theo các sử liệu chân xác, ông là người trị dân rất khôn khéo, có điều độ, có ý-thức, trọng công bằng và luân lý. Ông có óc tổ-chức, biết nghe lời nói phải, thông minh và am hiểu việc đời.

Trong cuộc chinh phục nước Kim, giữa đám tù binh, ông để ý một người râu dài, vẻ đạo mạo, giọng nói nghiêm chỉnh. Đó là Yélin Tchoutsai, vị quan đại thần có giá trị nhất của triều đình Kim. Ông trọng dụng Yélin Tchoutsai và được vị quan này giúp việc rất đắc lực. Triều chính tổ chức có quy tắc, các đất đai chia ra từng quận huyện để dễ cai trị, thâu thuế. Tại Bắc-Kinh và Sơn-Tây có mở trường dạy chữ Hán cho các tướng Mông-Cổ. Các nho sĩ Tầu được thâu dụng làm quan.

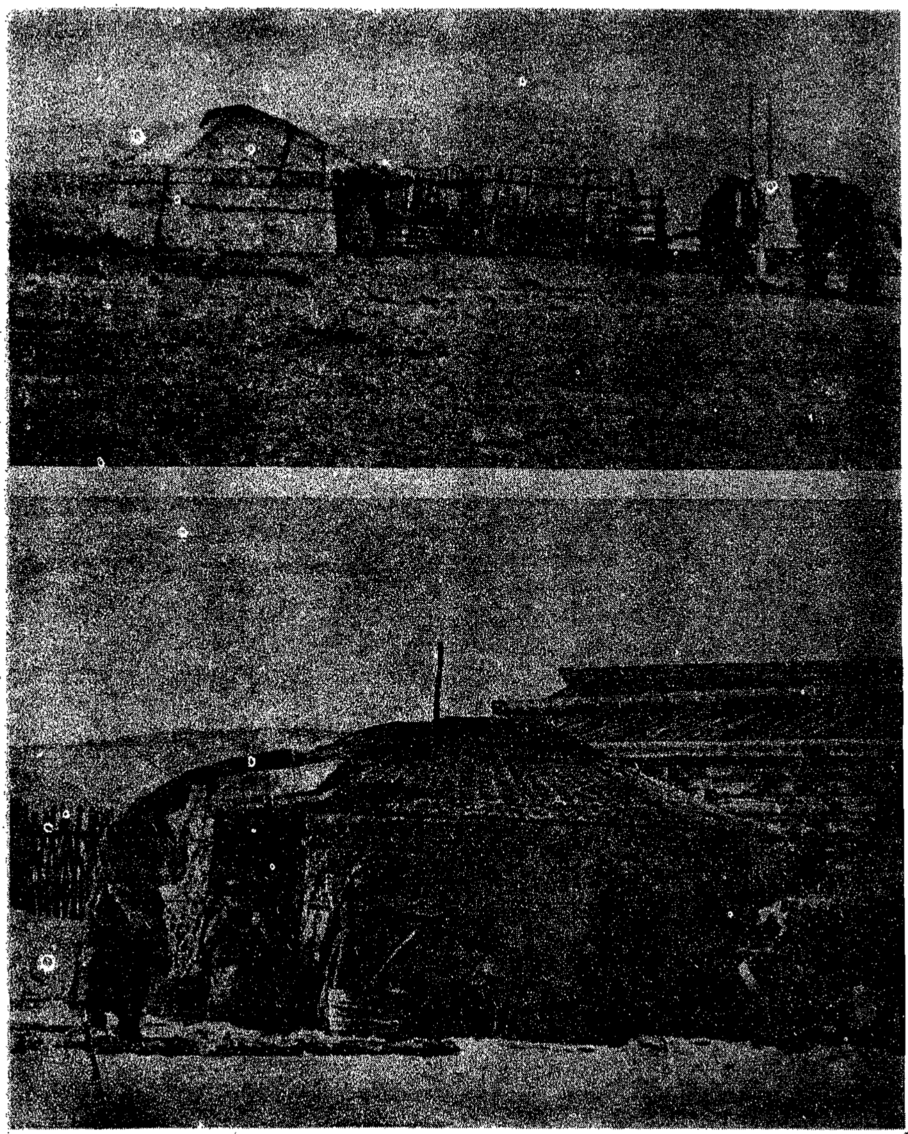
Dưới triều A-Loa-Đài, Mông-Cổ vẫn còn tiếp tục cuộc chinh phục. Mãi đến năm 1279, cháu nội Thành-Cát lên ngôi tức Hốt-Tất-Liệt. Với vị Hoàng-Đế này người Tầu không còn coi là một tướng rợ, vì Hốt-Tất-Liệt đã hấp thụ nho-phong, biết đọc chữ Hán và rất gần họ. Các điều đó đủ thâu phục nhân tâm Trung-Quốc, có điều đáng để ý Mông-Cổ chiếm được Trung-Quốc nhưng về mặt tinh thần và văn-hóa, Mông-Cổ bị Trung-Quốc thôn tính lại.

Đến đời Hốt-Tất-Liệt, nhà Nguyên đã chiếm hết Trung-Quốc từ Nam qua Bắc, các miền đất đai suốt từ Hồ Baikal tới Mãn-Châu, Tây Tạng,





Phong-cảnh miền Trung-bộ Mông-Cổ (Vùng D'ourga)



Người Mông-Cổ sống trong các lều ngoài sa-mạc



Các chiến-sĩ Mông-Cổ



Một kỵ-binh Mông-Cổ đang hút máu con tuấn mã



Một thanh-niên Nội-Mông



Một thiếu-nữ Mông-Cổ

toàn bộ vùng Trung Á (từ Nam Tây-Bá lợi-Á tới Ba-Tư) Miến-Điện và Việt-Nam.

Ảnh hưởng tràn qua một phần lớn Đông-Âu từ chân núi Oural Emba và cả xứ Mésopotamie, Arménie, Géorgie, Ba-Tư, Afghanistan. Thật là một đế-quốc vĩ đại chưa từng thấy trong lịch sử cổ-kim. (kể từ 1222 đến 1279) tức là một trong ba đời Vua : Á-Loa-đài (Agotai), Mông-Kha (Mongké) và Hốt-Tất-Liệt (Koubilai).

Tại Cam-túc, Hốt-Tất-Liệt xây dựng những cung điện đền đài nguy nga dát vàng trạm bạc. Chung quanh tả hữu đều là những nhà đại văn gia, bác-học, nghệ-sĩ, thi nhân, nghiên-cứu, chính trị, xã-hội, kinh-tế, thiên văn, địa-lý. Đáng chú ý là nhân tài của Hốt-Tất-Liệt về văn cũng như về võ, những nhân vật trọng yếu, thường là người ngoại quốc. Hốt-Tất-Liệt không tin người Trung-Quốc đã đành, ông cũng nghi ngờ cả người cùng giống với ông nữa. Ngự y của ông là một người Ý, một đại tướng là người Syrie, một trưởng ban cơ-khí là người Pháp (người Ba-Lê) ngoài ra còn có các người các xứ Arménie, Ba-Tư, Á-Rập, Do-Thái nắm giữ guồng máy quân sự và hành chính.

Ông còn dùng cả một người Ý dân thành Venise tên là Marco-Polo phái đi suốt Á-Châu do đường Mông-Cổ, qua Sumatra (thuộc Nam-Dương quần đảo) để xem xét các vấn đề địa hình, địa vật, nhân chủng và kinh-tế.

Sau những hành trình vĩ đại này, Marco-Polo đã viết tay một cuốn sách dưới tiêu đề « Những điều kỳ dị trên thế giới ». Nhờ có Polo người đời sau mới hiểu rõ giá trị và sự hùng cường của các triều đại Mông-Cổ.

***

I.— CUỘC XÂM-LĂNG LẦN THỨ NHẤT CỦA MÔNG-CỔ

Khi Mông-Kha còn sống, Hốt-Tất-Liệt đem quân đánh Tống có sai một đạo quân đi đánh nước Đại-Lý (thuộc tỉnh Vân-Nam) Tướng Mông-Cổ là Ngột-Lương-Hợp-Thai (Wouleangotai) sai sứ sang bảo vua Trần-Thái-Tông thần phục về Mông-Cổ.

Vua và dân Việt-Nam đã có những cử chỉ gì ?

Trần-Thái-Tông không những không chịu điều yêu sách của Mông-Cổ lại còn bắt giam sứ Mông-Cổ lại. Biết rằng Mông-Cổ thế nào cũng có phản ứng Thái-Tông liền phái Trần-Quốc-Tuấn động binh trấn giữ các nơi quan yếu về miền Bắc là nơi cổng ngõ của chúng ta đối với Trung-Quốc (năm Đinh-Tỵ 1257).

Mông-Cổ theo đường Vân-Nam tiến xuống sông Thao, Hưng-Hóa, vào Thăng-Long. Quân số thuộc toán đầu của họ có 2000, chưa kể đạo quân Á-châu là con vua Nguyên đi hậu tập và tiếp viện. Ngoài ra đạo quân Ô-Lan Cáp-Đát tức là Ngột-Lương-Hợp-Thai dẫn sang nội địa Việt-Nam có nhiệm-vụ đánh phá thành Thăng-Long.

Cuộc gặp gỡ của hai quân có lẽ đã xẩy ra trên một quãng sông Thao hoặc tại Hưng-Hóa, hoặc từ Hưng-Hóa về tới Sơn-Tây. Chỗ này sử không chép rõ, chỉ biết rằng đội quân Mông-Cổ khi đó rất mạnh, Trần-Quốc-Tuấn chống không nổi phải lui về Sơn-Tây. Vua Thái-Tông cũng ngự giá thân chinh rồi cũng thoái lui về mé sông Cầu. Ở đây quân ta núng thế lại bị dồn về Đông-Bộ đầu (phía đông sông Nhị-Hà, thuộc về huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-Đông). Đến đây tình thế bi quan thêm, Vua Thái-Tông bỏ thành Thăng-Long xuống đóng ở sông Thiên-Mạc (Huyện Đông-An, Tỉnh Hưng-Yên).

Thành Thăng-Long bỏ ngỏ, quân Mông-Cổ vào thấy ba người sứ của họ còn bị trói, giam trong ngục. Khi cởi trói thì một người chết, chúng giận hết sức liền tàn sát hết cả nhân dân trong thành, không trừ người già cả và trẻ con. Một sự xúc động tràn ngập một số lớn nhân vật Trần-triều.

Vua Thái-Tông ngự thuyền đi hỏi ý kiến Thái-úy Trần-Nhật-Hiệu. Nhật-Hiệu cầm sào vạch xuống nước chữ «*Nhập-Tống*» có ý khuyên vua Thái-Tông bỏ nước chạy ra ngoài. Đến lượt Thái-sư Trần-Thủ-Độ, Thái-Tông thấy cả một sự cương quyết ở vị lão-thần bấy giờ đã ngoài 60 tuổi.

Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ hạ đừng lo!

Đó là một câu trả lời của Thủ-Độ và ta phải nhận rằng lời khẳng-khái này đã quyết định chiến tình thuở ấy và cả vận mệnh cùng danh dự dân-tộc chúng ta nữa (Nhất ngôn hưng quốc, nhất ngôn táng quốc là vậy).

Được ít lâu, quân Mông-Cổ mỏi mệt vì không chịu được thủy thổ, quân ta dò xét tình trạng này mới mở cuộc phản công. Thái-Tông tiến quân lên đánh giặc ở Đông-Bộ đầu. Giặc chạy lên trại Qui-Hóa bị thổ dân ở đây chặn đón rất điêu đứng. Tinh thần của giặc rất khủng hoảng, trái lại khí thế của Nam quân bốc mạnh lên và đã chiến thắng ở nhiều nơi, giặc lại theo đường cũ dọc sông Thao rút về Tầu. Bấy giờ chúng không còn sức mạnh để đánh nhau và cướp phá dân gian nữa. Dân chúng thời bấy giờ gọi chúng ta là giặc Phật. Mông-Cổ tuy thua nhưng vẫn chưa bỏ ý chinh-phục nước ta nhất là trong giai đoạn này, họ vừa dứt được nhà Tống tức là thôn tính được toàn bộ Trung-quốc.

* * *

TRẦN - THÁNH - TÔNG (1258 - 1278)

Niên hiệu : Thiệu-Long (1258 - 1273)
Bảo - Phù (1273 - 1278)

Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1258) vua Thái-tông nhường ngôi cho Thái-tử Trần-Hoảng lên làm Thái-Thượng-Hoàng.

Thái-tử Hoảng lên ngôi tức là vua Thánh-tông, đổi niên hiệu là Thiện-Long, Thái-tông trị vì được 33 năm, làm Thái-Thượng-Hoàng 19 năm, thọ 60 tuổi.

Vua Thánh-tông tính tình thuần hậu, giàu tình cảm với anh em họ hàng.

Trong 21 năm Ngài ở ngôi, nước được yên vui, việc học được khai-triển mạnh. Hoàng-đệ là Trần-Ích-Tắc nổi tiếng là danh-nho đời bấy giờ, được cử ra mở trường dạy học, Mạc-đĩnh-Chi là Trạng nguyên sau này về đời Trần-Anh-tông cũng xuất thân ở nơi học đường do Ích-Tắc điều-khiển.

Bộ *Đại-Việt-Sử* gồm 30 quyển chép từ đời Triệu-Vũ-Đế đến hết đời nhà Lý được hoàn thành do Lê-Văn-Hưu năm Nhâm Thân (1272) và công việc này được khởi thảo từ đời vua Trần-Thái-tông. Mùa hạ năm ấy, Mông-Cổ dụ vua ta : « Xưa ta sai sứ sang thông hiếu, các người mê man không tỉnh nên năm ngoái ta phải xuất quân (1257). Quốc chủ các người chạy ra nơi đồng nội, ta sai hai sứ-giả đi chiêu an cho về (hai sứ-giả này đều bị ta giam giữ ở trong ngục, đến khi thả ra thì một người chết) các người lại trói sứ-giả. Nay ta đặc biệt sai người đến mở lòng dụ bảo : Nếu các người thề xin một lòng nội phụ thì quốc chủ phải thân hành sang đây. Ví bằng không chịu thì cứ bảo rõ cho ta biết... »

Vua Trần-Thánh-tông trả lời : « Nếu tiểu quốc thành tâm thờ đại quốc thì đại quốc sẽ đối đãi thế nào ? »

Sau đó vua Thái-tông sai Lê-Phụ-Trần sang sứ xin ba năm tiến cống một lần nhưng cuộc bang giao vẫn chưa đi đến chỗ dứt khoát vì thế tình hình đôi bên dĩ nhiên phải gay go. Mông-Cổ thì ỷ vào sức mạnh có thừa mà Trần-triều thì tin vào tinh-thần anh dũng và nhất trí của dân-tộc, nhất là quân Nam vừa thắng quân Bắc. Việc giao hiếu gần như bế tắc. Mông-Cổ sai sứ sang yêu sách hết điều này điều nọ, vua ta cứ lần lữa không chịu, nhất là việc sang chầu Nguyên-chủ, sau câu chuyện ngã ngũ ở chỗ nước Nam chỉ chịu sự tiến cống ba năm một lần mà thôi. Kể từ năm Quý Hợi (1263) điều kiện của việc tiến cống là :

1. Nộp nho sĩ, thầy thuốc, các người thông âm dương, bói toán, thủ công, mỗi hạng 3 người (kỹ-thuật-gia).

2. Về đồ vật nộp sừng tê, ngà voi, đồi mồi, vàng bạc, chu-sa, dầu tô-hợp, quang-hương, đàn-hương, trầm-hương, trân-châu, bông trắng, dĩa chén và các vật lạ.

(Thật là cả một sự khôn ngoan ! Mông-Cổ đòi các nhân vật cốt để biết về mỗi ngành dân trí của người Nam tiến đến bậc nào. Sau đó họ muốn hiểu nước ta có những sản vật gì quý báu. Họ nghiên-cứu các điều này để tùy tiện thi-hành dần chương-trình xâm-lăng và bóc lột của họ.)

Mông-Cổ đặt quan Đạt-Lỗ Hoa-xích tức là quan Chưởng-Ấn để giám thị các châu quận của nước Nam trong khi chưa thể đánh đổ hẳn được chánh quyền của Vương triều bản xứ. Vua chúa nhà Trần cũng hiểu rõ cái manh tâm của Nguyên chủ nên chịu nhận quan Đạt Lỗ-Hoa-Xích của họ giữa khi cần hòa hoãn tình thế.

Trong khoảng thời gian hòa hiếu này Trần-triều lợi dụng yếu tố thời gian tập luyện binh mã, chuẩn bị quân lương, tổ chức lại hàng ngũ thủy lục chư quân, biết rằng sớm muộn cuộc xâm lăng

của Bắc phương sẽ lại tái diễn. Sự nhận xét đó đã căn cứ vào chỗ người Mông-Cổ đã tung hoành từ Á qua Âu, làm bá chủ hai phần ba thế giới có lẽ nào chịu đấu dịu mãi với một nhược tiểu dân tộc, nhất là dân tộc này xưa kia đã nằm dưới quyền thống trị của giống Hán mà họ vừa mới khắc phục được. Cuộc áp bức bằng quân lực năm Đinh Tỵ (1257) đã không thành công, nhưng trên 20 năm Mông-Cổ được Trần triều thần phục, chịu nhận quan Giám trị nên Mông-Cổ nghĩ cứ lấy uy thế mà lấn dần, kết cục vẫn đi tới được kết quả mong muốn thì cần gì phải dùng binh đao, huống hồ binh đao đã rõ rệt vô hiệu lực. Con tính của họ như vậy kể cũng hợp lý. Trái lại, họ không ngờ rằng Trần-triều hay dân tộc Việt-Nam thuở đó đã chỉ quan niệm việc thần phục Nguyên-triều là một kế sách hòa hoãn với kẻ mạnh, một chiến lược lùi để tiến trong khi thực lực chưa sung mãn.

Quả vậy dưới Lý triều, dân tộc Việt-Nam độc lập trên hai thế kỷ, sau cuộc thắng trận của Lý-Thường-Kiệt, gươm đao lâu ngày không mó đến. Dưới đời mấy ông vua chót triều Lý, tổ chức kinh tế, quân sự, xã hội lại xao nhãng, Trần triều mới bột khởi đâu đã có nổi một thực lực vững chắc để chịu nổi một cuộc trường chiến với một dân tộc hùng cường nhất thế giới bấy giờ. Cái chước lùi để tiến của các nhà chánh trị đời bấy giờ quả thật là khôn ngoan. Trần-thủ-Độ và Trần-quốc-Tuấn hai linh hồn của cuộc kháng chiến, là cột trụ trong việc chống Nguyên đã nhìn thời cuộc rất sát và đã nhọc lòng xây dựng lực lượng về ba điểm trên đây. Ba điểm này nếu không phát triển đều thì chỉ còn nước cúi đầu nghe lệnh của kẻ mạnh.

Cuộc xô xát giữa đôi bên ra sao ?

Ba năm sau tức là năm Bính-dần (1266) thế ngoại-giao bắt đầu gay go giữa đôi bên cùng một nhịp. Năm đó, sứ Mông Cổ qua Việt Nam, Trần thánh Tông yêu cầu bãi bỏ việc đòi nho sĩ, thầy bói và các thợ khéo. Tháng chạp phái đoàn Dương An-Dưỡng và Vũ-Hoàn đưa sang nguyên Triều ba tờ biểu xin bãi bỏ các vấn đề này : tờ thứ nhất nói về việc cống phương vật. Tờ thứ hai nói về việc tuyển cống nhân tài. Riêng tờ thứ ba xin cứ để Nốt-Loát-Đan làm « Đạt-Lỗ-Cát-Tề » ở nước Nam (Đạt-Lỗ-Cát-Tề tức là Đạt-Lỗ-Hoa-Xích, tiếng Mông Cổ có nghĩa là quan trưởng giữ quyền hành-chính và quân-sự). Hồi đó quân lực ta chưa đủ mạnh nên phải tạm nhận khoản này.

Mông Cổ bằng lòng nhưng khoảng tháng 10 năm sau Đinh Mão 1267, Nguyên-chủ lại đưa ra những điều-kiện nặng-nề gồm 6 việc dưới đây :

1. Quân trưởng phải sang chầu
2. Phải gửi con em nhà vua sang làm con tin
3. Biên số dân
4. Nộp phu thuế
5. Chịu quân dịch
6. Đặt quan Đạt-Lỗ-Cát-Tề như cũ.

Các điều yêu sách của Mông Cổ trước sau đều bị khước từ khéo léo, bề ngoài có sự nhũn nhặn mà bề trong có sự cứng rắn, rút cục đều đưa Mông-Cổ đến chỗ bất mãn hết :

— Tháng 1 năm Đinh Mão (1267), Mông Cổ đòi trao trả hai tên lái buôn người Hồi-Hoạt để xét hỏi về việc Tây-vực.

Trần triều trả lời : « Một người là Ý-Tôn, chết đã lâu, một người là Bà Bà sau cũng ốm chết.

— Đối với việc yêu sách voi, ta thoái thác : « Cứ theo Hòa-Lâm Cát-Nhã, bệ-hạ (chỉ vua Nguyên) muốn cần dùng vài con voi lớn, những giống thú ấy mình mẩy xù xụ to lắm đi chậm chạp không bằng ngựa của Thượng-quốc, xin dâng cống chuyến sau ...»

— Tháng một năm Canh Ngọ (1270) Mông Cổ bắt bẻ vua Trần-Thánh-Tông tiếp chiếu không chịu lạy, không đãi sứ theo lễ vương nhân.

Vua Trần-thánh Tông trả lời qua Trung-thư-sảnh nhà Nguyên : «Bản quốc được thiên triều phong vương tước há không phải là vương nhân sao ? Sứ giả của thiên triều lại xưng là «vương nhân» đứng ngang với bản quốc thì e làm nhục phong thể triều đình, huống chi bản quốc trước đã tiếp chiếu chỉ bảo cứ để nguyên tục cũ (tháng chạp năm Canh Thân 1260, Mông Cổ do chính-sách mềm dẻo đã đưa chiếu thư nói : « Đối với quan liêu sĩ thứ phẩm mũ áo, điển lễ, phong tục nhất nhất cứ để nguyên vẹn... ») Hễ khi tiếp được chiếu lệnh thì để yên nơi chính điện, còn mình lui lánh ở chỗ nhà riêng, đó là điển lễ cũ của bản quốc.

« Còn việc đòi voi như có nói trong tờ dụ gởi sang trước đây, bản quốc sợ trái ý chỉ nên cứ nấn ná chưa dám thưa thực duyên cớ : Quân voi không nỡ lìa nhà, sai đi là một chuyện khó.

« Tờ dụ lại đòi nho sĩ, thầy thuốc và thợ thuyền. Nhưng khi bồi thần là lũ Lê-trọng-Đà vào bệ kiến, tấc gang gần bóng song oai nghiêm không thấy ban chiếu dụ bảo gì cả. Huống chi năm Trung-thống thứ tư đã được miễn rồi. Nay lại nói đến xiết bao sợ hãi, lạ lùng ! Vậy xin các-hạ nghĩ lại cho... »

Năm Tân Mùi (1271), Hốt-tất-Liệt cho sứ qua dụ vua Trần-thánh-Tông sang chầu. Vua Thánh-Tông gửi sang Mông Cổ bài biểu rất cứng sau đây :

« Sứ bộ ba năm một lần qua lại, đổi thay đi về mệt nhọc chưa được ngày nào nghỉ ngơi. Đến như Đạt-Lỗ-Cát-Tề do thiên triều cử sang nước tôi thì lúc về há chịu về không ». Huống chi kẻ được sang ấy làm gì cũng cậy thế, việc gì lớn nhỏ cũng lấn lướt đè nén nước nhỏ này. Ngài là thiên tử dầu sáng suốt ngang mặt trời, mặt trăng nhưng đâu dễ soi tới dưới bên trong chậu úp.

« Vả Đạt-Lỗ-Cát-Tề chỉ đáng thi hành với những nước « xấu xí nhỏ mọn » nơi mọi rợ ở biên giới, lẽ nào tôi đã được liệt vào bậc vương, đứng làm phên rậu một phương mà lại còn lập Đạt-Lỗ-Cát-Tề cai quản thì há chẳng bị các nước chư hầu cười ư ? Vì sợ mà phải cống, sao bằng vui lòng phục mà tự cống ? (Dịch theo nguyên văn chữ Hán).

(Về khoản này, vua Thánh-Tông xin đổi Đạt-Lỗ-Cát-Tề làm chức dẫn tiến sứ nghĩa là quan coi việc kiểm điểm đồ tiến cống, nghĩa là không có quyền gì nữa đối với nước ta.)

Vua Nguyên không chịu và biết rằng dùng mưu không xong lại xoay về giải pháp võ lực. Họ cho quan lại ở biên giới thăm dò địa thế nước ta và về phần nước ta cũng có sự phòng bị.

Năm Đinh Sửu (1277) Thái-Thượng-Hoàng mất ở Thiên-trường phủ (làng Tức-Mặc). Năm sau vua Thánh-Tông nhượng ngôi cho Thái-Tử Khâm rồi về ở Thiên-Trường. Thánh-Tông trị vì được 21 năm, làm Thái-Thượng-Hoàng được 13 năm, thọ được 51 tuổi.

* * *

TRẦN-NHÂN-TÔNG 1279 – 1292

Niên hiệu Thiệu-Bảo 1279 — 1284

Niên hiệu Trùng-Hưng 1285— 1293

MÔNG-CỔ GÂY HẤN LẦN THỨ HAI

Từ miệng lưỡi tới gươm đao :

Thái Tử Trần-Khâm thay vua Thánh-Tông lên ngôi tức là Trần-Nhân-Tông. Guồng máy chính trị và cai trị thuở đó vẫn quay đều nhờ ở Thái-Thượng-Hoàng và các quan triều thần nhiều người có tài trí. Mọi vấn đề dân sinh được ổn-định và sinh lực quốc gia mỗi ngày một dồi dào, do đó chúng ta mới có thể chống đỡ được ngoại xâm hai phen nữa sau này còn đáng sợ hơn cuộc gây hấn lần thứ nhất vào năm Đinh-Tị (1257).

Ngoài người Mông-Cổ luôn luôn qua lại hạch sách dưới đời vua Nhân-Tông, giặc Lào cũng thường sang quấy nhiễu ở nhiều miền lân cận. Sau này yên hẳn với Mông-Cổ vua Nhân-Tông đã hai lần ngự giá đi đánh Lào (1290).

Như trên đã nói sau 9 năm nhịn nhục từ 1266 đến 1275 dân tộc chúng ta có dần thực lực, thì Trần-triều bắt đầu ra mặt chống Mông-Cổ mỗi ngày một mạnh trên các công tác ngoại giao, yêu sách của họ bị khước từ hầu hết. Chúng ta đã dùng rất nhiều « lý sự » trong các biểu chương gởi qua triều Nguyên gần như để chọc giận họ, tuy nhiên liều thuốc đắng vẫn phải bọc đường.

Trong dịp này ta nhận thấy về văn học, dân ta bấy giờ cũng tấn tới nhiều, cứ xem bài hịch của Hưng-Đạo Vương Trần-Quốc-Tuấn và nhiều thi văn của Trần-quang-Khải, Phạm Ngũ Lão v.v... sau này trong cuộc chống Nguyên thì rõ. Những nhà văn học của chúng ta tỏ ra rất am hiểu và lãnh hội được nhiều tinh hoa của Trung-quốc về mọi ngành, rồi trong thi văn đã có những lời lẽ chải chuốt, tinh thần lại cứng rắn. Chữ nôm ra đời, thơ Hàn-luật rất thịnh hành trong công văn, tờ sức tuy vẫn còn dùng chữ Hán.

Năm Quý-Tị (1293) vua Nhân Tông nhường ngôi cho Thái-tử Thuyên rồi về nghỉ ở Thiên-Trường là nơi an-dưỡng của các vua chúa họ Trần bấy giờ.

Vua Nhân Tông trị vì được 14 năm, nhường ngôi được 13 năm, thọ được 51 tuổi.

Tháng chạp năm Mậu Dần (1278) Mông-Cổ cử bọn Sài-Xuân (có sách phiên âm lầm là Sài-Thung) sang hạch hỏi về 6 khoản đã đưa ra khoảng tháng 10 năm Đinh Mão (1267). Từ giờ phút này mũi nhọn của đôi bên đều đưa ra cả.

Sài-Xuân nói với vua Trần-Nhân-Tông : « Nước Ngài nội phụ hơn hai mươi năm, sáu việc qua vẫn chưa thấy tuân theo. Nếu ngài không sang chầu thì cứ việc tu sửa thành trì, chỉnh bị quân đội đợi chờ chiến tranh ».

Xuân lại nói « Thân-phụ ngài vâng mệnh lên làm vua. Ngài không xin phép đã tự lập, lại không sang chầu. Ngày khác triều đình trị tội thì Ngài sẽ trốn lỗi ấy vào đâu ? Xin Ngài nghĩ kỹ lại ».

Thái độ của Xuân rất kiêu ngạo (Sài Xuân là Lễ Bộ Thượng Thư trong triều Nguyên khi đó). Khi mới tới y cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương-Minh bất chấp luật lệ của Trần-triều là dù ai cao quý đến đâu mà qua cửa này cũng đều phải hạ mã. Nhân Tông cho quan đại thần ra tiếp, Xuân không thèm đáp lễ. Theo lệ cũ, vua Trần thết yến nhà Hành-Lang (Lang Hạ) bọn y không tới. Nhà vua phải sai tước Minh-Tự họ Phạm đưa thư xin lỗi rồi đổi chỗ đặt yến sang điện Tập-Hiền, mãi y mới chịu.

Vua Trần nói :

« Tiên quân qua đời, tôi vừa nối ngôi thấy thiên sứ đến khai dụ chiếu thư, tôi vừa mừng, vừa sợ. Trộm nghe chúa nhà Tống còn thơ ấu, thiên tử đoái thương còn phong cho công tước. Đối với tiểu quốc thế nào chẳng thương tình. Trước kia có dụ sáu việc nhưng đã miễn cho rồi... còn việc thân đi triều cận, tôi sinh trưởng ở nơi cung sâu không quen đi thuyền cưỡi ngựa, không hợp phong thổ, e chết ở dọc đường sá. Con em tôi từ chức Thái-Úy trở xuống đều thế cả ».

« Vậy khi thiên sứ trở về, tôi xin kính cẩn dâng biểu đạo đạt lòng thành và xin kèm theo các quý vật.»

Xuân cười nhạt phản đối :

« Chúa nhà Tống chưa đầy 10 tuổi sinh trưởng nơi thâm cung vậy mà cũng đến kinh sư được. Ngoài chiếu chỉ tôi không dám nghe mệnh lệnh nào khác. Chúng tôi đến đây cốt để vời ngài lên đường chứ không phải sang lấy quý vật ».

Tháng Một năm Kỷ-Mão (1279) sứ ta là Trịnh Quốc-Toản sang Tàu bị giữ lại tại nhà Hội-đồng. Bọn Sài-Xuân bốn người cùng một Sứ-giả của ta là Đỗ-Quốc-Kế đem chiếu sang dụ lần nữa « Nếu nhà Vua không sang chầu được, phải đúc người vàng thay mình, lấy hai hạt ngọc trai làm hai con mắt, ngoài ra phải tuyển nho sĩ, phương kỹ, tử đệ, thợ thuyền, mỗi hạng hai người để thay nhân dân. Bằng không chỉ có chiến tranh mới giải quyết được vấn đề...»

Năm Canh-thìn (1280) vua Trần-nhân-tông cử chú họ là Trần-Di-Ái (tức Trần-Ái) và Lê-Tuân, Lê-Mục sang thay mình. Nguyên chủ không chịu, lập Di-Ái làm An-Nam Quốc-Vương, đổi nước ta làm An-Nam Tuyên-Ủy, cử quan lại sang giám thị các châu huyện (Tân-Tị 1281).

Năm Nhâm-Ngọ (1282) Sài-Xuân làm An-Nam Tuyên-Ủy-Sứ Đô-Nguyên-Súy đem 1.000 quân hộ tống Di-Ái về nước đưa chiếu thư dụ mọi người trong tông tộc nhà Trần và quan lại trong nước.

Cuộc ngoại-giao từ đấy tan rã.

Trần-Triều cương quyết lấy sắt máu chống lại Mông-Cổ. Quân đội ta được lệnh đánh bọn Sài-Xuân. Sài-Xuân bị bắn lòi một mắt chạy trốn về Tàu, cái triều-đình bù-nhìn và Việt-gian kể từ Di-Ái trở xuống đều bị bắt và phải tội đồ sung làm quân lính.

Tháng Bảy năm sau (Năm Quý-Mùi 1283) Vua Trần-nhân-tông lại đưa thư sang đòi sứ giả của ta bị Nguyên giữ lại mấy năm trước (Trịnh-Quốc-Toản và vị quan họ Phạm tước Minh-Tự) qua Bắc-triều từ năm Kỷ-Mão (1279) Mông-cổ nhượng bộ.

Tháng 10 năm ấy sứ Nguyên Đào-binh-Trực đem tỉ-thư (quốc-thư có đóng dấu ngọc tỉ) sang dụ ta giúp binh lương và cho mượn đường để đánh Chiêm-thành. Sự thật đây chỉ là một gian kế để tấn công vào nước ta một cách bất ngờ.

Trần-triều vẫn dùng chước ngoại giao vì việc binh đao đối với ta chỉ là chuyện vạn bất đắc dĩ. Trung-lương đại-phu Đinh-khắc-Thiện và Trung Đại-phu Nguyễn-Đạo-Học đem phương

vật theo sứ Nguyên là Triệu-Chữ sang giao thiệp với Mông-Cổ, Trung-phụng Đại-phu Phạm-chí-Thành và Triều-thỉnh-Lang Đỗ-bảo-Trực đến sảnh (như dinh Thủ Tướng ngày nay) thu xếp mọi việc và đưa thư do vua Trần Thánh Tông đứng tên cho chức Bình-Chương để từ chối việc nài ép ta giúp binh lương kể trên. Vua Thánh Tông viết : «*Chiêm-Thành phụng thờ nước nhỏ đã lâu. Lão phụ tôi chỉ chăm vỗ về họ bằng đức tốt. Đến đời tôi cũng nối theo ý chí ấy. Từ khi lão phụ tôi quy-thuận thiên triều đến nay đã 30 năm, trước sau tỏ ra không dám hai lòng. Xin các-hạ thương tình mà xét thì hay lắm.*

«*Còn về việc giúp lương, nước tôi bé nhỏ, đất giáp với biển, ngũ-cốc sản xuất không nhiều. Từ khi đại quân kéo đi rồi (Đinh-Tị 1257) trăm họ phiêu dạt, thêm nỗi nước lụt, hạn hán, no bữa sớm đói bữa hôm, thật là cực khổ. Nhưng đối với mệnh lệnh của các-hạ đâu có dám trái nên nghĩ xin đến địa phận châu Vĩnh-An ở bờ cõi Khâm-Châu đợi để góp nộp.*

Kế đó lại dụ tôi đây phải thân hành đến cửa Khuyết nghe lời thánh dạy tận mặt. Việc ấy khi còn lão-phụ được thiên triều thương xót làm ngơ gác bỏ ngoài lòng.

Bây giờ lão-phụ đã mất, tôi ở tình trạng tang tóc, cảm thương đến nay hãy còn chưa lành mạnh. Huống chi tôi đây, sinh trưởng ở nơi hẻo lánh xa xôi, không quen chịu nắng rét, thủy thổ, nếu phải vất vả dọc đường thì tất uổng phơi xương trắng. Ngay những kẻ bồi thần nước nhỏ này mỗi khi đi lại còn bị cảm nhiễm khí độc, chết đến năm sáu phần mười. Các hạ cũng biết rõ rồi đấy (Các-hạ đây chỉ chức Bình-Chưởng ngang với Tể-Tướng hay Thủ Tướng). Vậy mong uốn lựa mà yêu thương nâng đỡ, tâu bày với thiên triều, hầu cho biết cái ý tham sống sợ chết của hết thảy họ hàng và quan lại bên tôi. Thế há chẳng những riêng tôi may được chịu ơn, mà sinh linh một nước nhỏ cũng được an-toàn. Xin kính chúc Các hạ được hưởng phúc trời lớn lao lâu dài nữa» (dịch theo nguyên văn chữ Hán của Hoa-Bằng).

Từ khi Sài-Xuân bị thương chạy về, thái độ Trần-Triều mỗi ngày thêm cứng rắn khiến Nguyên-chủ hết sức giận dữ. Việc đòi mượn đường và giúp lương đi đánh Chiêm-thành lại bị khước từ gần hết đã quyết định cuộc xâm lăng thứ hai của Mông-cổ. Đối với họ, đây là những hành động phạm thượng, không thể dung tha được và họ cũng không bao giờ tưởng tượng đến, sau khi năm châu bốn bể đã chỉ biết cúi đầu tuân theo mệnh lệnh của họ từ đầu thế kỷ thứ XIII (xin coi tờ chiếu để năm Chí-Nguyên thứ 28 (1291) của vua Mông-Cổ gởi cho Trần-Nhân-Tông dưới đây) mà nay còn có một nhược tiểu dân tộc dám chống lại họ.

Tháng tám năm Nhâm-ngọ (1282) niên hiệu Thiệu-Bảo thứ tư đời vua Trần-nhân-tông, biên thần giữ Lạng-Sơn là Lương-Uất cho phi ngựa trạm về báo : Nguyên chủ sai con là Thoát-Hoan tước Trấn-Nam-Vương cùng Hữu-thừa Toa-Đô, Tả-thừa Lưu-Thâm, Tham-Chính A-Lý và Ô-Mã-Nhi lót miệng bằng việc đi đánh Chiêm-thành đòi ta cho mượn đường, góp quân lính, cùng lương thảo (tháng 10 năm Nhâm Ngọ).

HỘI-NGHỊ BÌNH-THAN :

Tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1282) do các báo cáo tới tấp gửi về Thăng-Long, Trần-triều trước tình thế cấp bách liền họp các quan văn võ bên sông Bình-Than (thuộc huyện Quế-Dương, tỉnh Bắc-Ninh) chỗ sông Đuống nối với sông Thái-Bình. Nơi họp có tính cách bí mật vì đây là một hội-nghị quân-sự tối cao cần tránh tai mắt của địch quân.

Trong cuộc thảo-luận, các quan có người bàn không nên nghịch ý Mông-Cổ nghĩa là cho mượn đường và giúp lương. Có người bàn nên đem quý vật sang cống để cầu hoãn binh. Duy chỉ có Trần-Quốc-Tuấn và Trần-Khánh-Dư chủ chiến xin đem quân giữ các nơi hiểm yếu. Xin nhắc Nhân-huệ-Vương Trần-Khánh-Dư là tay tướng tài trước đó đã được khen thưởng trong cuộc kháng Nguyên năm Đinh-Tị (1257) sau phạm tội bị lột chức ra làm nghề bán than ở Chí-Linh (Hải-Dương). Lúc này quốc sự nguy nan, ông lại được mời ra dự bàn và giữ chức Phó-Đô-tướng-quân.

Một chuyện đáng chú ý trong khi hội nghị Bình-Than đang khai mạc, Hoài-văn-hầu Trần-quốc-Toản cũng thuộc số người theo hầu vua nhưng vì ít tuổi nên không được góp lời; Quốc-Toản lấy làm tức bực, tay đang cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết. Khi trở về Quốc-Toản họp gia-nô được hơn 1.000 người, tự sắm chiến thuyền và vũ-khí, kéo cờ đánh giặc.

Cuộc chiến đấu đã quyết-định vào tháng 10 năm sau (Quý-Mùi 1283) vua Trần-nhân-Tông thân đốc-xuất các vương-hầu, huy-động toàn thể quân-đội thủy lục được tất cả 20 vạn. Trần-quốc-Tuấn được tiến phong làm Quốc-Công Tiết-Chế thống-lãnh quân-đội toàn quốc.

Ngài tung ra lời hịch đầu tiên kêu gọi tinh-thần ái-quốc và lòng hy-sinh của các tướng sĩ vào tháng 10 năm sau (Giáp-thân 1284). Rồi một cuộc duyệt quân vĩ đại đã diễn hành tại Đông-bộ-Đầu tức là bến Đông-Tân, trên sông Cái nay gọi là Hồng-Hà, thuộc huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-Đông. Sau đó quân-đội của ta chia đóng các nơi cổ họng và then chốt như các miền biên giới (chẳng hạn : Lạng-Sơn và đường thủy bộ từ Vân Nam vượt qua Lao-Kay Phú-Thọ đổ xuôi. Miền Hải-Dương thì bến Vạn-Kiếp cũng cần phòng ngự. Đàng trong Thanh-Nghệ xét địch quân có thể đổ bộ ở đây để tiến ra Bắc, v.v... Đây là mấy con đường chính. Quả nhiên Nguyên-quân sau sẽ dùng cả mấy con đường này.

Các đại-tướng được phân phối trách nhiệm như sau :

— Trần-Hưng-Đạo đóng Tổng-hành-dinh ở Vạn-Kiếp (Hải-Dương để tiếp sức cho cả hai mặt thủy bộ đi các nơi)...

— Trần-Bình-Trọng đóng đồn trên sông Bình-than (Bắc-ninh).

— Trần-Khánh-Dư giữ mặt Vân-Đồn (Quảng Yên).

Việc binh tiến mạnh nhưng việc ngoại-giao vẫn tiếp-tục để hòa hoãn tình-thế và dò xem sự động tĩnh của địch. Sứ ta là Trần-Phủ lên đường tới Hành-Sảnh kinh-đô nhà Nguyên hồi tháng một tháng chạp Giáp-thân (1284) xin hoãn binh.

HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG

Cuộc xâm-lăng thứ hai của Mông-Cổ diễn vào ngày 21 tháng chạp năm Giáp-thân (1284) tức là ngày đó quân Mông-Cổ thực sự xuất toàn bộ quân đội qua dày đạp nước ta. Lần này họ huy động tới 50 vạn binh-sĩ đặt dưới quyền các danh tướng như : Tả-thừa Lý-Bằng, Bình-chương A-Thích, Bình-chương A-Lý, Hải-Nha. Tổng Chỉ-huy Mông-Cổ là Thái-tử Thoát-Hoan. Phụ-tá Thoát-Hoan có hai Thượng-tướng Ô-Mã-Nhi và Toa-Đô. Các lực-lượng của quân Nguyên bấy giờ đều hội tại Hồ-Quảng chia làm hai đạo : Lục quân tiến vào Lạng-Sơn do Thoát-Hoan dẫn đầu. Thủy-quân xuất phát từ Quảng-Châu theo Toa-Đô vượt biển tới Chiêm-thành. Dĩ-nhiên ai cũng hiểu cuộc xuất binh này của Nguyên-chủ đâu có hướng vào Chiêm-thành, mà đánh Chiêm-thành chăng nữa quân Nguyên có cần gì tới một lực-lượng lớn lao như vậy. Ngoài ra từ năm Đinh-tị đến năm Giáp-thân (1257-1284) tại Á-châu nói chung, Đông-Nam-Á nói riêng, chỉ có Việt-Nam là dám biểu qua thư lại, gây lộn ngoại-giao với Mông-Cổ mà thôi.

Đáng để ý một điều là vấn-đề tấn công Việt-Nam cũng là một sự lúng túng hay đắn đo đối với Nguyên triều vì tuy họ phải phẫn nộ từ năm Nhâm-ngọ (1282) sau khi Sài-Xuân bị bắn mù mắt chạy về mà hai năm sau quân Nguyên mới lên đường qua Việt. Hoặc giả họ chậm động binh là vì Trần-triều khéo trì hoãn bằng ngoại-giao để có đủ thì giờ chỉnh bị quân-sự, và bố trí các nơi hiểm-yếu chăng ?

Việc chống Mông-Cổ lần thứ hai này đã hết sức hồi hộp cho Trần-triều vì khi nghe tin đại quân Mông-Cổ họp ở Hồ-Quảng, vua Nhân-tông còn cố gắng điều đình một phen nữa nhưng thất bại. Rồi Thoát-Hoan cứ tiến quân trùng trùng điệp điệp vào Lạng-Sơn.

Tháng chạp năm Giáp-thân (1284) Thượng-hoàng (vua Thánh-Tông) cho triệu các bô lão toàn quốc tới điện Diên-Hồng để trưng cầu dân ý cùng hỏi mưu chước. Các bô lão đều đồng thanh xin đánh.

Nhân-tông thấy nhân dân một lòng, các văn thần võ tướng phần đông chủ chiến nên không do dự nữa.

Ngày nay người ta nhận thấy hội-nghị Bình-Than là một hội-nghị lập ra có mục-đích thăm dò không riêng ý-kiến quý tộc, vương hầu. Hội-nghị Diên-Hồng là hội-nghị toàn dân để quyết-định hòa với giặc hay chống giặc. Như trên đã nói, Trần-triều áp-dụng một chánh sách dân-chủ triệt để tuy xã-hội Việt-Nam thuở đó còn nặng tính chất phong-kiến về tổ-chức cũng như về hình thức. Phải chi chế-độ chính-trị của họ Đông-A bấy giờ là một chế-độ áp bức quần chúng, bóc lột nhân dân thì chắc chắn thái-độ

của nhân dân hắn sẽ rất thờ ơ, lạnh nhạt, hội-nghị còn bất thành là đàng khác.

Quân bản bộ của Thoát-Hoan đến cửa Nam-quan thì ngừng lại. Thoát-Hoan phái Bá-Tồng A-Lý mang thư qua nói: «Bản súy chỉ nhờ đường Nam-quốc qua đánh Chiêm-thành, chứ không có bụng gì đâu mà ngại. Nên mở cửa cho bản súy đi và đi đến đâu nhờ giúp ít nhiều lương thảo. Khi phá xong Chiêm-thành sẽ hậu tạ. Nhược bằng kháng cự thiên-binh, bản súy sẽ không dung tình, bờ cõi sẽ tan hoang, lúc đó có hối cũng đã muộn».

Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn nổi giận đuổi sứ Nguyên chia quân chặn hai địa-điểm cổng ngõ là Khả-ly và Lộc-châu thuộc Lạng-Sơn.

Cuộc tiến binh của nhà Nguyên gồm:

— Tây-Đạo là cánh quân do bọn Vạn-hộ-Lý La-Hợp-Đáp-Nhĩ (theo tài liệu *An-Nam chí-lược* nhưng chưa rõ tên một hay hai người), Chiêu-Thảo A-Thâm do huyện Khưu-Ôn (thuộc Lạng-Sơn) đột nhập vào đất Việt.

— Đông-Đạo do bọn Khiếp-tiết Tản-Lược Nhi, Vạn-hộ Lý-bang-Hiến vượt núi Khưu-Cấp (*An-Nam chí-lược* chép là Cấp-Lĩnh. *Sử-Cương-Mục* chua là phố Kỳ-Lừa thuộc Ôn-Châu tỉnh Lạng-Sơn) tràn sang, đại binh Thoát-Hoan nối theo.

— Quân của Toa-Đô tiến vào Chiêm-thành do thủy-đạo (trên đây đã nói).

Xem đường tiến quân của Mông-Cổ thì mặt trận phía Bắc quan trọng và đáng ngại hơn cả. Đại-quân của Hưng-Đạo-Vương phải hoạt-động kịch-liệt ở đây. Giặc không vượt được núi Khưu-cấp phải do ải Khả-lợi (hay Khả-ly) kéo xuống. Cánh quân Đông-Đạo của Tản-lược-Nhi lúc này vượt được ải Khả-lợi liền chuyển xuống ải Nữ-Nhi. Tại chốn này gián-điệp của ta là Đỗ-Vĩ bị chúng bắt được chém chết.

Hưng-Đạo-Vương chống nhau với Thoát-Hoan ngày 27 tháng chạp năm Giáp-thân (1284) ở ải Nội-Bàng. Thế giặc mạnh quá, Ngài phải chạy xuống đóng ở Vạn-Kiếp để chuẩn-bị cuộc phản công và truy-kích giặc vào khoảng mùa hè năm sau (Ất-Dậu 1285) thủy quân của Ngài đóng ở Bãi-Tân (Bãi-Tân là thượng-lưu sông Lục-Nam). Còn Thượng-tướng Trần-quang-Khải đóng quân ở Nghệ-An để phòng Toa-Đô phụ-trách mặt trận Tây-Nam đánh thốc lên (ra Bắc).

Quân Nam rút lui theo kế-hoạch dưới đây:

Tại trận tuyến Lạng-Sơn buổi đầu quân Nguyên ngừng lại do sự cản trở của Việt quân, sau hai ba trận không phân thắng bại. Ít lâu sau Khả-lợi và Lộc-châu thất thủ, Việt quân phải rút về Chi-Lăng. Hưng-Đạo-Vương cùng các gia-tướng là Dã-Tượng và Yết-Kiêu lui binh về Bãi-Tân để ra Vạn-Kiếp, xét không giữ nổi mặt trận Lạng-Sơn lâu hơn nữa và đã thấy có cơ bất lợi rõ rệt.

Vua Nhân-tông được tin Hưng-Đạo rút khỏi Lạng-Sơn liền xuống chiếc thuyền nhỏ ra Hải-Đông (tức là Hải-Dương), triệu Hưng-Đạo-Vương đến, Nhân-tông nói: Thế giặc lớn như vậy, chống với nó e dân sự sẽ tàn hại hay là hàng chúng để cứu lấy dân?»

Hưng-Đạo-Vương khẳng khái trả lời: «Bệ hạ vì lòng thương dân mà nghĩ như vậy nhưng tôn-miếu và xã-tắc thì sao? *Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi trước đã*».

Nhà vua được lời cương-quyết và trung-liệt ấy trở nên hăng hái.

Ở các nơi hậu tuyến, từ kinh thành đến các miền thôn dã có lệnh «*bỏ vườn không nhà trống*». Tại các cung điện và tòa Trung-thư chỉ còn lại những tờ chiếu thư, sắc điệp và các báo cáo về địch quân ngoài mặt trận gửi về, ngoài ra hết thảy đều phá hủy sạch (theo *Nguyên-sử*). Đây là kế *Thanh Dã* trong binh thư cũ có nói.

Khắp các nơi đều treo bảng cấm hàng giặc: «Phàm các quan huyện trong nước, hễ giặc đến thì phải liều chết cố đánh. Nếu đánh không nổi thì cho phép trốn ẩn vào rừng núi chớ không được đón hàng». Nguyên văn: «Phàm quốc nội quận huyện, giả hữu ngoại khấu chi đương tử chiến, hoặc lực bất địch, hứa ư sơn trạch đào thoán, bất đắc nghinh hàng (*Nguyên-sử* quyển 209, tờ 2b). Rồi Hưng-đạo-vương Trần-quốc-Tuấn lại nhóm họp một Hội-nghị quân sự tại Vạn-Kiếp.

Hội-nghị này được bầy ra để chỉnh bị lại hàng ngũ sau những cuộc thất trận ở Lạng-Sơn. Quân các lộ, các xứ tập họp lại và chiêu mộ thêm được đủ 20 vạn do các vương hầu đưa đến Vạn-Kiếp để tùy quyền điều-động của Hưng-Đạo-

Vương. Đây là các binh lính ở các xứ Bàng-Hà, Na-Sầm, Trà-Hương, Du-Sinh, Long-Nhân và các lộ Hải-Đông, Vân-Trà, Ba-Điềm của Hưng-Vũ-Vương Hiến, Minh-Hiếu-vương Uất, Hưng-nhượng-vương Tảng và Hưng-trí Vương Nghiễn. Trong các quân dân các lộ những người khỏe mạnh được lựa chọn làm quân tiền phong. Thế lực quân ta lại nổi to. Đáng chú ý ngoài quân-đội bấy giờ chỉ mới lấy ở các miền duyên hải và các lộ Đông-Nam, quân-đội từ Thanh-Hóa trở vào chưa phải tuyển đến. Về vấn đề này vua Nhân-tông đã có 2 câu thơ :

« *Cối-kê cựu sự quân tu ký*

« *Hoan-Diễn do tồn thập vạn binh.*

Nhân đây ta nhận thấy Hưng-Đạo-Vương và Trần triều đã áp-dụng kế-hoạch kháng Nguyên rất khéo léo và bình tĩnh. Trần triều hiểu rằng quân số của Mông-Cổ tới 50 vạn, ta không cần huy động ngay một quân số ngang với quân số của địch. Lý-do thứ nhất nước ta nhỏ, không đủ quân nhu lương thực để cung-cấp một lực-lượng quân-sự quá rộng lớn. Lý-do thứ hai ta thi-hành một cuộc trường kỳ kháng chiến thì không cần động binh quá nhiều ngay. Trong cuộc trường chiến này Nam quân hết sức tránh cuộc xung đột với địch phát xuất nhiều năng lực và quân số. Ta chỉ cần tấn công địch ở nơi nào địch quân yếu thế, hoàn cảnh bất lợi và có thể chiến thắng được chắc chắn, dễ dàng. Phương lược ấy có khoa học hay không ta coi những kết-quả mà Trần triều thâu hoạch được ở dưới đây sẽ hiểu.

Nhận thức rõ ràng chiến pháp và tình-hình của địch, Hưng-đạo-Vương cho phát hành ngay lúc đó cuốn « *Binh thư yếu lược* » do ngài soạn ra để các tướng sĩ áp-dụng lập tức trong các cuộc giao tranh. Nguyên tắc của cuốn « *Binh thư yếu lược* » đó đại khái như trên đây, tất nhiên còn nhiều chi-tiết nữa rất tinh-tế và thiết thực nữa.

Ngài lại đưa ra một bản hịch (bằng chữ Hán dịch ra quốc âm như sau này) để hiệu triệu nhân dân chống nạn xâm lăng :

« Ta thường nghe chuyện : Kỷ-Tín liều thân chịu chết thay cho vua Cao-Đế, Do-Vu lấy mình đỡ ngọn giáo cho vua Chiêu-Vương, Dự-Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ, Thân-Khoái chặt tay để cứu nạn cho nước, Kính-Đức là một chức còn nhỏ mà liều thân cứu vua Thái-tông được thoát vòng vây, Kiểu-Khanh là một bầy tôi ở xa mà dám kể tội thằng Lộc-Sơn là quân nghịch tặc. Các bậc trung thần nghĩa sĩ ngày xưa, bỏ mình vì nước đời nào không có ? Giả sử mấy người ấy cũng cứ bo bo theo lối thường tình, chết già ở xó nhà thì sao cho lưu danh sử sách đến nghìn muôn đời thế được ?

« Nay các ngươi vốn dòng vũ tướng, không hiểu văn nghĩa nghe những chuyện cổ tích ấy, nửa tin nửa ngờ, ta không nói làm gì nữa ; ta hãy đem chuyện đời Tống, Nguyên gần đây mà nói cho hay :

« Vương-Công-Kiên là người thế nào ? Tỳ tướng của Vương-Công-Kiên là Nguyễn-văn-Lập lại là người thế nào mà giữ một thành. Điếu Ngư nhỏ mọn, chống với quân Mông-Kha kể hàng trăm vạn, khiến cho dân sự đời Tống đến nay còn đội ơn sâu ? Đường-Ngột-Ngải và Xích Tử-Tư lại là người thế nào mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi, đánh được quân Nam-Chiếu trong vài ba tuần, khiến cho quan trưởng đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt. Huống chi ta cùng các người sinh ở đời nhiễu nhương, gặp phải buổi gian nan này, trông thấy những ngụy-sứ đi lại rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể-phụ, lại cậy thế Hốt-Tất-Liệt mà đòi ngọc lụa, ỷ thế Vân-Nam-Vương để vét bạc vàng ; của kho có hạn, lòng tham không cùng, khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau :

« Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa được lột da quân giặc, dẫu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa thì cũng đành lòng. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền, cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương có ít thì ta tặng cấp, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa. lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười, những cách cư xử so với Vương-Công-Kiên, Đường-Ngột-Ngải ngày xưa cũng chẳng kém gì.

« Nay các ngươi trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết

thẹn, thân làm tướng phải hầu giặc mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiến ngụy-sứ mà không biết căm; hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con, hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham về săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc đến thì cựa gà trống sao cho đâm thủng được áo giáp, mẹo cờ bạc sao cho dùng nổi cuộc quân mưu, dầu rằng ruộng lắm tiền nhiều, thân ấy nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ bìu con díu, nước này trăm sự nghĩ sao? Tiền đâu mà mua cho được đầu giặc; chó săn ấy thì địch sao nổi quân thù; chén rượu ngon không làm được cho giặc say chết, tiếng hát hay không làm được giặc điếc tai, khi bấy giờ chẳng những là gia quyến ta bị hại, mà vợ con của các ngươi cũng nguy; chẳng những là ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm về sau, tiếng xấu hãy còn mãi mãi, mà gia-thanh của các người cũng chẳng khỏi mang tiếng nhục. Đến lúc bấy giờ các ngươi dầu muốn vui vẻ, phỏng có được hay không?

« Này ta bảo thật các ngươi, nên cẩn thận như nơi củi lửa, nên giữ gìn như kẻ húp canh, dạy bảo quân sĩ, luyện tập cung tên, khiến cho người nào cũng có sức khỏe như Bàng-Mông và Hậu-Nghệ, thì mới có thể dẹp tan được quân giặc, mà lập nên được công danh, chẳng những là thái ấp của ta được vững bền, mà các ngươi cũng đều được hưởng bổng lộc, chẳng những là gia quyến của ta được yên ổn, mà các ngươi cũng được vui vẻ vợ con, chẳng những là tiên nhân ta được vẻ vang, mà các ngươi cũng được phụng thờ tổ phụ, trăm năm vinh hiển, chẳng những là một mình ta được sung sướng, mà các người cũng được lưu truyền sử sách, nghìn đời thơm tho, đến bấy giờ các ngươi dẫu không vui vẻ cũng tự khắc được vui vẻ.

« Nay ta soạn hết các binh pháp của các nhà danh gia họp lại làm một quyền, gọi là « *Binh-thư yếu-lược* ». Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo, thì mới phải đạo thần tử, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo, thì tức là kẻ nghịch thù.

« Bởi cớ sao? Bởi giặc Nguyên cùng ta, là kẻ thù không đội trời chung, thế mà các ngươi điềm nhiên không nghĩ đến việc báo thù, lại không biết dạy quân sĩ, khác nào như quay ngọn giáo mà đi theo kẻ thù, giơ tay chịu thua giặc, khiến cho sau trận Bình-Lỗ mà ta phải chịu tiếng xấu muôn đời, thì còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa. Vậy nên ta phải làm ra bài hịch này, để cho các người biết bụng ta. »

Bài hịch trên đây được Cử-nhân Nguyễn-văn-Bình dịch ra thơ như sau:

Xưa Kỷ-Tín liều thân chịu chết,
Cứu Hán-Vương thoát khỏi Hoàng-Dương,
Do-Vu cháu Sở-Chiêu-Vương
Dơ lưng đỡ giáo tìm đường cứu vua.
Kìa Dự-Nhượng thuở xưa người Tấn,
Từng nuốt than lận đận phục thù.
Kìa Thân-Khoái một tề phu,
Chặt tay theo nạn với vua nước Tề.
Quan nhỏ như Uất-Trì Kính-Đức,
Giúp Thái-Tông khỏi bước trùng vi.
Cảo-Khanh, quan ở biên thùy,
Già mồm chửi giặc không hề tiếc thân.
Bậc nghĩa sĩ trung thần từ trước
Từng quên thân cứu nước có nhiều.
Những người kia, nếu chẳng liều,
Chết suông như đám nữ lưu xó nhà.
Còn danh tiếng đâu mà chép lại,
Cùng càn-khôn truyền mãi không ngần.
Các ngươi dòng dõi vũ thần,
Xưa nay có hiểu nghĩa văn là gì:
Nghe câu truyện bán nghi bán tín,
Sự muôn năm chắc đến chi vay?
Này ta hãy nói cho hay,
Thử xem Tống, Thát truyện này ra sao?
Vương-công-Kiên người nào thế vậy?
Nguyễn-văn-Lập người ấy thế nào?
Điếu Ngư thằng bé tẻo teo,
Chống quân Mông-Cổ ồn-ào trăm muôn,
Khiến quân Tống thắng luôn mấy trận
Đến bây giờ dân vẫn hàm ân.
Ngột-Lang là tướng đốc quân,
Với tỳ-tướng Xích là nhân phẩm nào?
Ngoài muôn dặm quản bao nước độc,
Trong mấy ngày phá rối quân Nam,
Lòng vua Thát-Đát đã cam,
Đến nay lừng lẫy tiếng thơm nhường nào!
Ta với ngươi sinh vào đời loạn,

Vừa gặp cơn vận hạn gian nan,
Sứ Nguyên lai vãng bao lần,
Mọi nơi đường xá, muôn vàn nôn nao.
Triều đình bị cú diều soi mói;
Tể tướng thì lang sói rẻ khinh
Mượn oai Hốt-Liệt tranh giành,
Lấy bao của báu chưa đành lòng tham!
Cậy thế chúa Vân-Nam nạt nã,
Đòi bạc vàng hết cả kho ta,
Thịt nuôi hùm đói mãi a?
Sao cho thoát khỏi lo xa sau này?
Riêng ta đây hàng ngày quên bữa,
Lúc đêm thâu ngồi dựa gối kiêu,
Giọt châu tầm tã tuôn trào,
Như nung gan sắt như bào lòng son!
Chỉ những muốn moi gan lấy tiết,
Lòng những toan xé thịt vằm da,
Dù thân rầu với cỏ hoa,
Dù da ngựa bọc thây đà cũng vui.
Các ngươi vốn là người môn thuộc,
Được trông nom mọi việc binh cơ.
Áo không, ta cởi áo cho,
Cơm không, ta giúp cũng no đủ lòng.
Quan còn nhỏ ta phong chức cả,
Lộc ít thì ta trả lương thêm,
Đi sông, ta cấp cho thuyền,
Đi đường ta cũng lệnh truyền ngựa đi,
Cho cầm quân an nguy cùng lối,
Cho nằm yên vui nói cùng hàng.
So Vương-Kiên với Ngột-Lang,
Đãi chư tướng-sĩ mọi đường kém chi.
Nếu vua nhục, ngươi thì chẳng đoái,
Mà nước suy, ngươi lại làm ngơ,
Đứng hầu tướng giặc không dơ,
Nghe ca thết sứ vẫn trơ tráo ngồi,
Khi gà chọi, khi thời cờ bạc,
Cuộc vui chơi gỡ gạc đủ trò,
Ruộng vườn mưu sự ấm no,
Vợ con vui thú riêng cho một mình.
Ham lập nghiệp quên tình nhà, nước,
Mải đi săn nhác việc ngăn, ngừa.
Rượu chè hôm sớm say sưa,
Hát hay đàn ngọt, sớm trưa thỏa lòng.
Rồi lúc có quân Mông-Thát tới,
Cựa gà không chọc nổi áo da.
Những nghề cờ bạc tinh ma,
Phải đâu kế-hoạch của nhà cầm quân?
Ruộng nương nào đủ phần chuộc mạng?
Vợ con nào đủ cáng quân-nhu?
Của dân chuốc được đâu thù?
Chó săn đâu đủ sức xua giặc trời?
Rượu ngon khó làm mồi bả giặc,
Hát hay không làm điếc tai thù.
Bấy giờ chẳng xót lắm ru?
Vua tôi ta bị trói gô một đàn!
Tước ấp ta bị tan nát cả,
Bổng lộc ngươi cũng chẳng còn gì,
Gia-đình ta bị đuổi đi,
Vợ con ngươi cũng đến khi tan tành,
Tông xã ta, địch quân xéo dí,
Phần mộ ngươi cũng bị quật lên,
Đời ta khổ nhục liên-miên,
Các tên nhơ nhuốc lưu truyền mãi sau!
Nhà các ngươi cũng đều mang tiếng,
Không khỏi làm những tướng bị thua;
Các ngươi đang lúc bấy giờ,
Muốn mong vui thích như xưa được nào?
Lời ta nhủ thấp cao ngươi nhớ,
Phải coi nằm trên lửa là nguy,
Kiềng canh đưa cũng thổi xùy,
Luyện quân sĩ tốt tập nghề đao cung,
Khiến ai nấy nức lòng mạnh mẽ,
Sức Bàng-Mông, Hậu-Nghệ cũng ham,
Bêu đầu Hốt-Liệt cho cam,
Phơi luôn thịt chúa Vân-Nam bên đường,
Tước ấp ta chăn thường ấm chỗ,
Bổng lộc ngươi hưởng có trọn đời;
Gia-đình ta được yên vui,
Vợ con ngươi cũng no đời trăm năm,
Tông miếu ta nghìn năm hương lửa,
Tổ tiên ngươi muôn thuở cương thường.
Ta đây phỉ chí bồng tang,
Các người cũng được vẻ vang vô cùng.
Huy hiệu ta tôn sùng mãi mãi,
Tính danh ngươi ghi với sử xanh.
Bấy giờ vui thú linh đình,
Các ngươi dầu muốn buồn tênh được nào?
Này binh-pháp soạn theo đời trước,
Là «Binh-thư yếu-lược» ban ra,
Các người theo đúng sách ta,

Ấy là thần, chủ một nhà từ xưa.
Nếu bỏ sách thờ ơ lời dạy,
Ấy kẻ thù đã mấy đời nay,
Tại sao mà lại thế vầy ?
Là thù không đội trời này được chung.
Nếu các người lòng không biết hổ ?
Không coi điều «sát Lỗ» là cần,
Lại không vâng dạy luyện quân.
Ấy là quay giáo, bó thân ra hàng
Giặc yên rồi còn mang tiếng mãi,
Mặt mũi nào đứng với cao dầy ?
Muốn ngươi hiểu rõ lòng đây,
Vậy nên thảo bức hịch này cho nghe.

Bàn về bài hịch của Hưng-Đạo-Vương.

Bài hịch trên đây cũng như bài Bình-Ngô đại cáo dưới đời Hậu Lê sau này là những áng danh văn lịch-sử và chính-trị được nhân sĩ trong nước bình luận rất nhiều từ trước đến giờ.

Chúng ta nhận thấy :

Điểm thứ nhứt — Đại-Tướng Trần-Quốc-Tuấn nêu tấm gương trung-quân ái quốc của cổ nhân, kẻ lấy mình đỡ giáo cho vua (trường hợp Do-Vu cứu Sở-Chiêu-Vương) kẻ nuốt than báo thù cho chủ (trường-hợp Dư-Nhượng). Lại có những kẻ trong vòng tên lửa, xả thân cứu chúa, hoặc ở nơi xa xôi mà dám lên tiếng mắng kẻ quyền gian khi quốc sự lọt vào tay nghịch tặc.

Đại-Tướng Trần không phải chỉ dẫn sách một cách suông nhạt, kêu gọi lòng trung-quân ái-quốc một cách mơ hồ với tướng sĩ, thường là bọn người suốt đời sống trên mình ngựa đâu có phải là các nho sĩ để am tường sâu xa những điều lịch-sử, văn-hóa cổ kim. Họ là những con người thực tế không thể cảm được bằng những giáo-lý viễn vông. Đòi hỏi sự tận tâm hy-sinh của họ ư ? Triều đình phải có những bậc minh quân, lương tướng rõ rệt thương dân yêu nước. Bảo họ xả thân vì chúa chăng ? Hỏi nhà chúa đã lo chuyện cơm áo gia-đình họ chưa ? Nếu vua chẳng ra vua, chúa chẳng ra chúa thì ép sao nổi họ hết lòng chèo chống con thuyền quốc-gia giữa cơn giông tố ?

Họ có cái tâm lý của đại chúng mà mọi hoạt-động chỉ nhằm vào chuyện áo cơm. Muốn họ có một tinh-thần vượt trên chuyện áo cơm, than ôi chỉ là hoài công vô ích. Chúng tôi dám nói vậy do căn cứ sau Triều Trần 175 năm, tướng sĩ và con dân Việt-Nam đã thờ ơ với lời hiệu triệu chống xâm lăng của Hồ-quý-Ly khi các tướng Minh-Trương-Phụ, Mộc-Thạnh dùng võ lực tái diễn trò thống trị trên mảnh đất này. Bởi chỉ vì một lẽ rất giản dị, họ Hồ nắm quyền chính gần như không chính nghĩa hoặc không biểu dương nổi chính nghĩa trong buổi người dân Việt-Nam của thế kỷ XIII, XIV còn nặng lòng có khi như u-mê về cái thuyết tôn quân. Và điểm này chắc chắn hơn, con dân Việt-Nam còn giữ được nhiều cảm tình với một triều đại mà người khai sáng đã có công lao đánh đuổi xâm lăng ngót 200 năm trước.

Đại-Tướng Trần-quốc-Tuấn hiểu điểm tâm-lý đó nên phải đập vào óc, vào mắt họ những điều họ không chối cãi được. Đó là ơn vua, lộc nước, nghĩa là nhắc cho những điều họ đã được hưởng thụ : cơm áo, yên vui, an-ninh trật-tự từ gia-đình ra đến ngoài xã-hội, cho đến cả sự ngọt bùi cay đắng có nhau. Sự thật có thế không ? Nếu quả không có những điều ơn dày nghĩa nặng kể trên họ Trần đâu có thể nói những câu sau đây :

« ... Các người cùng ta coi giữ binh quyền
« cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo,
« không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì
« ta thăng thưởng, lương ít thì ta tặng cấp, đi
« thủy thì ta cho thuyền, đi bộ ta cho ngựa, lúc
« hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ
« thì cùng nhau vui cười, những cách cư xử so
« với Vương-Công-Kiên, Đường-Ngột-Ngãi ngày
« xưa cũng chẳng kém gì ... »

Lần kê cứu lịch sử, chúng ta thấy rằng vua tôi nhà Trần từ chốn triều đình ra tới nơi dân dã quả đã có những ngày thái bình thịnh trị yên ấm vui chơi, nắm tay nhau cùng nhảy múa, hát xướng cười đùa. Các vị vương hầu được quyền tuyển mộ quân lính để tập tành binh thư chiến lược trong khu vực thái ấp của mình. Nếu không có sự tin yêu nhau thì đâu có thể tự do hoạt động như vậy. Đối với vương hầu chiến sĩ chính sách đã khôn ngoan khéo léo, nhân có, nghĩa có, còn với dân chúng, tới thời nhà Trần chống Mông-Cổ, chúng ta cũng thấy rằng không có những điều hà khắc, bạo tàn. Tóm lại, ví dân không được no ấm yên vui, tướng sĩ không đồng lòng thì dưới Trần triều dân tộc Việt-Nam đâu có đủ lực lượng chống xâm lăng nhất là quân xâm lăng

Mông-Cồ đã từng san phẳng biết bao quốc gia hùng mạnh từ Á qua Âu.

Điểm thứ hai — Bài hịch của Hưng-Đạo-Vương đánh một đòn nặng về lòng liêm sỉ, vào tâm lý và quyền lợi, của mọi giai cấp tầng xã hội. Đại ý Ngài nói rằng : quân xâm lăng đến bờ cõi, nếu ta không chống lại sẽ bị nhục nhã từ vua quan đến thứ dân. Đường đường làm tướng ta phải hầu quân giặc, sứ của giặc đến ta phải thù tiếp yến tiệc rộn ràng, đứng trước họ ta phải còng lưng cúi đầu thật là bi thảm. Nếu quân dân chỉ lo lợi riêng, vui riêng với vợ con gia đình, cờ bạc, rượu chè, đàn hát, gà chọi thì rồi nước mất nhà tan, vua chúa và nhân dân sẽ bị tiêu diệt hết. Lúc đó giữ sao nổi thái ấp, đó là về phần vương hầu, còn dân gian cũng sẽ mất hết ruộng vườn tài sản.

Tiền của không mua được đầu giặc, chó săn không địch nổi giặc, cựa gà không đâm nổi áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không đuổi được giặc... một khi đã rơi vào vòng nô lệ là hết... hết không còn gì nữa mà tiếng xấu thì cùng chịu muôn đời. Vậy nên trên dưới phải một lòng, lo việc tập luyện quân-sự để chống giặc. Mỗi người phải là một Bàng-Mông, Hậu-Nghệ. Rồi đây quân giặc bị đánh tan, nước lại thái bình thịnh trị, nếu vương hầu giữ được thái ấp thì tướng sĩ vẫn còn bổng lộc công danh, quyền lợi tinh-thần vật chất của mọi người được toàn vẹn, vợ con được yên vui, tổ tiên được tiếp tục thờ phụng.

Điểm thứ ba—Hưng-Đạo-Vương kích thích tinh-thần tự ái của quân-nhân. Ngài đem những chuyện gần gụi xảy ra trước thời đó không xa. Đó là Vương-Công-Kiên tỳ tướng của Nguyễn-văn-Lập, giữ một cái thành nhỏ mà chống nổi giặc Mông-Kha đông hàng trăm vạn khiến dân-sự đời Tống còn đội mãi ơn sâu. Xích-Tử-Tư cũng chỉ một tiểu tướng vô danh mà dám xông vào nơi lam chướng đánh tan quân Nam-Chiếu trong ba tuần.

Như vậy Ngài gián tiếp nói với các Vương-hầu tướng sĩ rằng chức lớn quyền cao, lại được toàn dân ủng hộ mà chịu thua quân giặc sao ?

Với bài hịch trên đây còn phải chiếu hoàn cảnh của Việt-Nam dưới đời Trần để thấy rằng dân chúng được sinh sống vui vẻ, áo cơm đầy đủ, vua tôi có sự thân mật, từ triều đường ra ngoài dân chúng, trên dưới một lòng do đó chúng ta có một khí giới mạnh vô song đánh nổi được Mông-Cồ là tinh-thần đoàn-kết.

Lời hịch của Hưng-Đạo-Vương sau khi tung ra được hoan nghênh nhiệt liệt. Tướng sĩ ai nấy nức lòng quyết chí đánh giặc. Người nào cũng lấy chàm thích vào cánh tay hai chữ «Sát Thát» nghĩa là quyết tâm giết Mông-Cồ.

***

MÔNG-CỒ TẤN CÔNG TRÊN CÁC MẶT TRẬN

Ngày mồng 6 tháng giêng năm Ất-Dậu (1285) Ô-Mã-Nhi dẫn quân đánh vào căn cứ của ta ở Vạn-Kiếp và núi Phả-Lại. Quân ta thua chạy. Chiến trường cách Vạn-Kiếp 10 dậm.

Phòng tuyến mạn Đông-Bắc của ta cũng bị vỡ, quân Mông-Cồ từ Lạng-Sơn chuyền xuống và từ miền bề kéo vào như gió bão.

Ngày mồng 9 tháng giêng một trận đại chiến khai diễn ở Bài-Than (đây theo ANNAM chí lược. Nay không rõ Bài-Than ở đâu. Theo Hoàng-Thúc-Trâm có lẽ Làng Bình-Than, Huyện Quế-Dương, tỉnh Bắc-Ninh) Vua Trần thân đốc chiến trong trận này và dàn một số quân tới 10 vạn.

Ngày 12 tháng giêng, giặc đến Kinh-Bắc (Bắc-Ninh) tàn phá các vùng Võ-Ninh, Gia-Lâm, Đông-Ngạn rồi đóng tại Đông-Bộ-đầu trong khi đại quân của nhà Trần dựng trại ở mé Nam-Ngạn sông Cái (Nhị-Hà) để án ngữ. Tại đây giặc bắt quân ta thấy trên cánh tay có chữ «Sát Thát» cả giận giết hại rất nhiều. Tính ra từ bến Vạn-Kiếp giặc đến sát thành Thăng-Long có 1 tuần lễ, đủ hiểu thế giặc rất mạnh huống hồ giặc Mông-Cồ vốn quen áp dụng lối đánh nhanh chớp nhoáng mặc dầu quân ta kháng cự cũng ráo riết.

Để đối phó với quân ta đóng giữ ở phía Nam ngạn sông Nhị hà, Thoát-Hoan cho đại bác bắn tới tấp. Quân ta bỏ chạy. Mông-Cồ bắc cầu phao chuyền qua sông rồi kéo tới chân thành Thăng-Long hạ trại. Chiến thuyền của chúng ta bị lọt vào tay giặc. Nguyên-Súy Ô-Mã-Nhi, Chiêu-Thảo Nạp-Hải và Trấn-Thủ Tôn-Lâm-Đức cho phá hủy hết.

Trong dịp này, Trần - triều cử Đỗ Khắc Chung đi sứ để dò tình ý của giặc. Quân giặc

đem chữ « Sát-Thát » ra truy vấn. Ô-Mã-Nhi nói : « Đại quân từ xa tới đây, nước ngươi sao không trở giáo, cũng như đến yết kiến ta lại dám nghịch mệnh ta. Châu chấu đá xe rồi sẽ ra sao ?

Khắc-Chung trả lời « Hiền tướng không theo cái chước của Hàn Tín đi bình nước Yên, đóng quân ở đầu biên giới trước hãy đưa thư. Nếu không thấy thông hiếu mới là lỗi chứ ! Nay lại bức bách nhau, muông túng thì cắn, chim cùng thì mổ, huống chi con người ».

Mã Nhi doạ : « Đại quân mượn đường đi đánh Chiêm-thành, Quốc Vương nếu đến yết kiến thì bờ cõi được yên, một mảy tóc ta cũng không phạm. Nếu cứ mê man không tỉnh thì chỉ trong chốc lát núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ ra cỏ mục đấy » .

Khắc Chung đối đáp cứng cát không chịu khuất. Khi về đến trại bên ta vào giờ Mão ngày 13 tháng Giêng, giặc đuổi theo đánh nhau với quân ta (Toàn thư quyển 5 , tờ 45b, 46b, Cương mục quyển 7 tờ 33a, 34b).

Ngày 13 tháng giêng vua Trần giữ sông Cái không nổi rút theo dọc sông về phía Nam dựng lũy bằng gỗ chống lại. Vua Trần lại cho Nguyễn Hiệu đi xin hòa. Thoát Hoan không nghe rồi cho bắc cầu phao tiến qua sông vào thành Thăng Long. Thăng Long thất thủ. Quân Nguyên mở tiệc tại hoàng cung, một đạo đuổi theo vua Trần (Cương Mục quyển 7, tờ 35a).

***

a) Mặt trận đông nam.

Hưng Đạo Vương chuyền quân chủ lực về Thiên-trường rồi rước xa giá đi Hải Dương. Thượng-tướng Thái-sư Trần-Quang-Khải lãnh nhiệm vụ chặn Toa-Đô tại Nghệ An. Trần - Bình-Trọng ở lại giữ Thiên-trường. Chương Hiến-hầu Trần-Kiện cùng bọn Lê-Tắc và vài vạn quân giữ Thanh-Hóa. Tại trận-tuyến này giặc cũng rất mạnh.

Bên hàng ngũ Mông Cổ có Đại-vương Giảo Kỳ, Hữu Thừa Toa-Đô, Tả thừa Đường-Cổ-Đới, Chinh-Hắc-Đích từ Chiêm Thành tiến quân qua phủ Bố Chính (Quảng Bình ngày nay) Ô-Mã-Nhi ở ngoài bể đánh vào hợp thành hai lực lượng thủy bộ uy hiếp mặt trận Đông-Nam. Tình thế quân ta ở đây rất điêu đứng. Có điều đáng chú ý là từ Chiêm Thành ra tới Nghệ An quân đội của Chiêm và của ta gần như có sự đoàn kết để chống nhau với Mông Cổ. Cuộc đoàn kết này là lần thứ nhất và cũng là lần cuối cùng trong lịch sử Việt-Chiêm. Được ít ngày sau tại Nghệ An, Trần-Quang-Khải không chống nổi áp-lực thủy, bộ của giặc phải lui ra mạn ngoài. Ngày mồng Một tháng hai năm Ất-Dậu (1285) bọn Trần Kiện, Lê Tắc cùng gia quyến và quân bản bộ hàng giặc.

Ngày mồng 2 tháng 2 Giảo Kỳ phá được quân ta ở bến kinh Vệ Bố (thuộc Thanh Hóa) sau khi quân Kỵ của họ vượt được Kinh. Tướng của ta là Đinh-Xã và Nguyễn-Tất-Dũng tử trận.

Ngày mồng 3 tháng 2, Thoát-Hoan đánh được đạo quân của vua Trần ở Đại-Hoàng-giang. Đến lượt bọn Văn Nghĩa-hầu Trần-Tú-Viên và Văn-Chiêu-Hầu Trần-văn-Lộng đem cả nhà theo giặc.

Ngày mồng 6 tháng 2, Giảo Kỳ thống xuất bọn Trần Kiện đánh quân ta ở bến đò Phú-Tân. Tại đây, quân của ta do Trần quang Khải ở Nghệ An rút ra cũng tan vỡ, bị giặc chém mất hơn 1 nghìn người.

Để hòa hoãn trong khi tình thế quá cấp bách, Vua Trần-nhân tông sai Trung-hiếu-hầu Trần-Dương và quan hầu-cận Đào-Kiện đưa quốc-muội là An-Tư Công Chúa sang làm quà ngoại giao với Thoát Hoan.

Thoát-Hoan phái Thiên hộ họ Ngãi đến nói « Đã xin hòa thì chính nhà Vua phải tới thương nghị », vua Trần không nghe, một là vì e giặc có mưu gian, hai là chỉ cốt hoãn binh nhất thời.

Bảo-Nghĩa-Vương Trần Bình Trọng đóng ở Thiên Trường. Ngày 21 tháng Giêng năm Ất Dậu (1285) nghe thấy giặc đến bãi Tha Mạc (tức Thiên Mạc ở bên sông Cái thuộc Hưng Yên) liền đem binh ra đánh bị giặc vây bắt được. Ông tuyệt thực và nhất định chết. Thoát Hoan biết Ông là một danh tướng muốn trọng dụng nên hết sức vỗ về. Thoát Hoan hỏi Ông «Có muốn làm Vương đất Bắc không ? Ông quắc mắt quát» :

«Ta tha làm quỉ nước Nam, chứ không thèm làm Vương đất Bắc. Ta bị bắt thì chỉ có chết mà thôi, đừng hỏi nhiều !»

Thoát Hoan biết không thể đánh đổ lòng trung-liệt của Ông đành cho đem chém. Tin này

tới Trần-triều ai nấy đều động lòng thương cảm. Đời sau có thơ vịnh Trần Bình Trọng như sau :

Người cũng như người có khác ai ?
Nhưng mày râu chẳng thẹn râu mày.
Rơi vào cửa nhục không mang nhục,
Mắng sả người oai mới rõ oai.
Chớ cậy lên chân, chồn hình mặt,
Đừng trông xuống nước, cọp xuôi tay.
Gươm kề một nhát, đầu rơi xuống
Lấy máu tươi mà rửa hận cay. (Ý Nhi)

Mồng 9 tháng Ba, Bọn Giảo-Kỳ và Đường-Cổ-Đới đem chu-sư (thuyền chiến) đuổi theo, bổ vây ráo riết vùng cửa Tam-Trĩ suýt bắt được hai Vua lúc này đã dùng thuyền nhỏ do tướng Nguyễn-Cường hộ vệ chạy lên phía nguồn Tam-Trĩ (đây là xã Tam-Trĩ, châu Tiên-Yên, Tỉnh Quảng Yên) còn thuyền ngự bơi ra miền Ngọc Sơn thuộc châu Vạn Ninh tỉnh Quảng Yên có ý đánh lừa giặc. Quân Nguyên do thám biết thuyền ra Ngọc Sơn là thuyền giả liền đuổi theo đường thủy hướng cửa sông Tam-Trĩ. Hưng Đạo Vương phải đưa hai vua lên bộ đến làng Thủy Chú rồi lại tìm đường ra sông Nam-Triệu (tức Bạch-Đằng-Giang thuộc Hải-Dương) vượt qua cửa bể Đại-Bàng (thuộc huyện Nghi-Dương) rồi vào Thanh Hóa. Trong cuộc rượt theo vua Trần, giặc bắt được vàng, bạc, lụa và một số thanh niên nam nữ tôn thất nhà Trần.

Ngày 15 tháng Ba, bọn Chiêu-Quốc-Vương, Trần-Ích-Tắc, (con thứ của Vua Trần Thánh Tông, vẫn ngầm có ý cướp ngôi từng viết thư bí mật giao thông với giặc Nguyên do khách buôn ở Vân Đồn chuyển giao và đã yêu cầu Nguyên-chủ đem quân sang. Sau này Mông Cổ bại trận, Tắc xấu hổ ở lại đất Nguyên và chết ở bên đó) cùng lũ Phạm-cự-Địa, Lê-Diễm và Trịnh-Long đem gia quyến đi hàng giặc.

Về phần Trần Kiện cũng là thân vương nhà Trần lúc đó đang làm Trấn-thủ Nghệ An thấy Ô-Mã-Nhi ngoài biển tiến vào hợp lực với Toa-Đô đánh thành của mình, lại được tin Trần quang Khải bỏ mặt trận miền Nam (Nghệ An) mất ngay tinh thần. Y liền mang cả nhà ra hàng Toa Đô và được đưa về Yên Kinh Hưng Đạo-Vương được báo việc này giận lắm cho người đuổi theo bằng đường tắt tới Lạng Sơn, Trần Kiện bị bắn chết. Gia nhân là Lê Tắc cướp được thây đem chôn dấu ở gò Ôn Khâu rồi trốn qua Tàu. Sau Lê Tắc ở lại đất Tàu viết bộ An-Nam chí-lược hiện giờ Tàu và Nhật còn giữ được (cuốn sử này có luận điệu hoàn toàn Việt-gian). Đáng tiếc cho y cũng như Trần Ích Tắc là những danh nho đời bấy giờ mà đã quá thiếu nhiều liêm-sỉ.

Toa Đô thắng trận dễ dàng từ Nghệ An ra Thanh Hóa liền mở luôn cuộc chiêu an ở đây. Từ vùng Thanh Nghệ ra suốt khắp vùng Trung châu và dọc vịnh Bắc-Việt thế giặc rất to, chỗ nào đồn ải của quân Nguyên cũng san sát. Thành Thăng Long cùng các trọng trấn đều có cờ Mông Cổ bay phất phới. Do sự tàn phá của giặc tình cảnh các miền thôn quê của ta, xơ xác tiêu điều không bút nào tả xiết. Vua tôi nhà Trần đêm ngày lo sợ, duy một người vẫn vững tinh thần chiến đấu, vẫn tin tưởng ở tương lai, đó là Hưng Đạo Vương Trần quốc Tuấn. Rồi con người sắt đá ấy đã biết truyền cái hùng khí không phải là của 1 đại tướng mà của cả dân tộc Việt-Nam vào đám ba quân, giữa lúc ngọn cờ đang ngơ ngác.

* * *

b) Cuộc tổng phản công của Việt-Nam

Từ tháng tư khí hậu của miền Bắc-Việt trở nên gay gắt dưới ánh nắng sém da bỏng thịt, lại có những trận mưa bất thường đổ xuống làm phát tiết những khí độc nặng nề, oi ả khiến quân giặc ốm đau tật bệnh chết hại rất nhiều. Quân ta mặc dầu có nhiều phen đụng chạm với giặc nhưng theo thượng lệnh không được ham chiến, nhất là thế giặc còn rất mạnh và sung mãn về đủ phương diện.

Chiến sự diễn hành từ cuối năm Thân đến bấy giờ đã ngót năm tháng. Nhờ những sự lui tới quân có trật tự, có phương pháp theo một kế hoạch đã nghiên-cứu kỹ càng, quân chủ lực của chúng ta vẫn giữ được nguyên vẹn.

Dưới sức nóng « cháy mây hun đá » cuộc phản công bắt đầu. Về phía quân Nguyên, Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi điều khiển hai đại đội thủy lục phụ trách mặt trận miền Nam, trèo non lặn suối, vượt bao nhiêu chặng đường từ Châu Ô, Châu Lý (Thuận-Hóa ngày nay) qua Hoan-Châu (Nghệ-An) ra tới Ái Châu (Thanh-Hóa) vô cùng gian lao vất vả. Giai đoạn đầu như trên đã nói, Trần-

Quang-Khải phải rút khỏi chiến tuyến Nghệ-An, chuyền quân ra các mạn ngoài chiếm đóng các nơi hiểm yếu nhưng tại đây từ cuối tháng tư năm Ất-Dậu hai bên dằng co và cũng có khi lui và tiến. Toa-Đô đánh mãi không xong, lương thực cạn dần liền cùng Ô-Mã-Nhi xuống thuyền vượt bể ra Bắc để xét định lại chiến lược.

Đến đây ta thấy ở mặt trận miền Nam của Nguyên-quân bắt đầu nao núng vì lục-quân của Toa-Đô không thể từ Thanh Hóa bằng đường bộ tiến ra Bắc hợp với Thoát Hoan. Quân của Trần-Quang-Khải giữ vững trận tuyến, giặc phải dùng thủy đạo. Tin này được cấp báo lên vua Nhân-Tông. Chiêu-văn-Vương Trần-Nhật-Duật được cử làm tướng, Hoài-văn-Hầu Trần-Quốc-Toản làm phó cùng tướng quân Nguyễn-Khoái đem năm vạn quân đón bọn Toa Đô ở Tây-Kết. Riêng Trần-Nhật-Duật chờ giặc ở bến Hàm-Tử thuộc huyện Đông-An, tỉnh Hưng-Yên và tại một vài địa điểm ở Hải-Dương xét quân Nguyên sẽ phải đổ bộ.

Vì hiểu rõ tình trạng quân Nguyên mỏi mệt. cạn lương thực, ốm đau nhiều do lam sơn chướng khí, quân ta đánh rất hăng. Trong hàng ngũ của ta lại có bọn Triệu-Trung tướng nhà Tống xin tòng chinh, mặc áo đeo cung như Tống xưa kia càng làm cho địch hoảng sợ tưởng nhà Tống đã khôi phục được nước Tầu nên cho quân sang hỗ trợ nước Nam. Giặc thua to, bị giết rất nhiều Toa-Đô mang tàn binh chạy ra đóng ở cửa bể Thiên-Trường.

Hai vua Trần và Hưng-Đạo-Vương lúc này đặt bộ Tham-Mưu tại Thanh-Hóa, Trần-Nhật-Duật báo tin thắng trận. Hưng-Đạo-Vương bàn nên lợi dụng tinh thần hăng hái của quân sĩ và sự túng quẫn của địch đánh mạnh vào Thăng Long.

Mặt trận miền Nam tạm ổn vì Nguyên quân bỏ ra Bắc hết, thượng tướng Trần-Quang-Khải từ Nghệ-An ra xin và được phụ-trách việc khôi phục kinh thành. Trần-Nhật-Duật được lệnh chặn đường liên lạc giữa Toa-Đô với Thoát-Hoan.

Ngày mồng 3 tháng năm, hai vua Trần thắng trận ở phủ Trường-yên (Ninh-Bình) giết được rất nhiều quân giặc.

c) Việt-quân khắc phục Thăng-Long

Lúc này lục quân của Thoát-Hoan đóng ở thành Thăng-Long, thủy-quân tụ tập tại Bến Chương-Dương (thuộc xã Chương-Dương, huyện Thượng-Phúc tỉnh Hà-Đông) cuộc bại trận của Toa-Đô cũng không được báo về đến Đại bản doanh Mông-Cổ.

Trần-quang-Khải, Trần-quốc-Toản và Phạm-ngũ-Lão cùng Trần-Thông, Nguyễn-khả-Lập và Nguyễn-Truyền họp quân các lộ từ Thanh-Hóa vượt biển vòng ra đánh Thủy-quân Mông-Cổ ở đây. Thế quân ta mạnh quá địch phải bỏ chạy. Quân ta đổ bộ đuổi theo quân Nguyên về tới thành Thăng-Long (tính đường đi thẳng từ Thường-Tín tới Hà-Nội là trên 20 cây số) trong lúc này quân ta đã chia làm 2 cánh: một đánh vào mặt trước, một đánh vào mặt sau. Cuộc bố-trí và hành binh được mau lẹ nhờ chỗ Chương-Dương và Thăng-Long không xa nhau là bao nhiêu. Thoát-Hoan thấy thủy quân của mình thua chạy tới liền đem quân bản bộ ra trợ chiến. Quân ta càng đánh càng hăng, quân Nguyên phải bỏ thành vượt qua sông Nhị-Hà chạy sang đóng ở Kinh-Bắc (Bắc-Ninh). Việc khắc phục thành Thăng-Long tức là việc thắng trận Chương-Dương đã xẩy ra vào thượng tuần tháng 5 năm ấy (Ất-Dậu 1285) Hai vua Trần trở về Kinh-Đô ngày 6 tháng sau (theo Hoàng-Thúc-Trâm trong cuốn Trần-Hưng-Đạo).

Trần-quang-Khải dẫn quân vào thành, mở tiệc khao thưởng quân-sĩ rất là vui vẻ. Giữa tiệc rượu, Quang-Khải cao hứng ngâm bài tứ tuyệt sau đây :

Đoạt sóc Chương-Dương độ
Cầm Hồ Hàm-Tử quan.
Thái bình tu trí lực
Vạn cổ cựu giang-san.

Dịch Nôm.

« Cướp giáo bến Chương Dương,
Bắt Hồ cửa Hàm-Tử
Thái bình, gắng sức lên !
Non nước này muôn thuở. »

Được tin thắng trận ngoài Thăng-Long, Thượng hoàng và Nhân-Tông cất binh mã ra đóng ở Trường-An (Ninh-Bình).

d) Trận Tây-Kết và Vạn-Kiếp

Trong giai đoạn thứ hai của chiến-tranh, quân Toa-Đô sau khi đã bại trận ở Hàm-Tử-quan chạy về Thiên-Trường, thế mỗi ngày một quẫn và bị xa chủ-lực quân của Thoát-Hoan tới 200 dặm. Việc trao đổi tin tức bị quân ta ngăn chặn ráo riết nên hai cánh quân Nam Bắc của Mông-Cổ bị đứt hẳn liên lạc. Ngày 17 tháng 5 Toa-Đô dùng đường thủy tiến ra Thiên-Mạc mục đích hội với quân Thoát-Hoan để tiếp ứng cho nhau và mở một mặt trận mới không ngờ Thoát-Hoan đã chạy qua Kinh-Bắc.

Đến đây Toa-Đô thấy quân nhà Trần đóng khắp mọi nơi không sao tiến được phải lui về Tây-Kết (là một làng ở gần bờ sông Hồng-Hà, ngày nay không còn dấu tích, có lẽ chỗ này bị nạn sông lở chăng ?)

Sau hai trận đại thắng ở Chương-Dương và Hàm-Tử-Quan thấy lòng quân phấn chấn, Hưng-Đạo-Vương hạ lệnh phong tỏa các đường để hai cánh quân không giao tiếp được với nhau, Trần-Nhật-Duật, Trần-Quang-Khải đảm nhận việc này. Còn ngài tự lĩnh đại quân đánh thẳng vào lực lượng Toa-Đô trước. Chiến-thuật của ngài ở đây vừa tấn công địch vừa dùng kế phục kích để bắt các cấp chỉ-huy.

Trong giai đoạn này, sức quân ta trội rõ rệt, quân Nguyên không chống nổi, bỏ cuộc thủy chiến chạy lên bộ tính thoát ra biển nhưng tới sau một dẫy núi thì bị quân ta bao vây. Tại đây Toa-Đô trúng tên tử trận. Giặc chết và bị thương rất nhiều. Đầu tướng Toa-Đô bị chặt đưa về nộp vua Trần-Nhân-Tông. Trận Tây-Kết xẩy ra ngày 20 tháng 5 Ô-Mã-Nhi và Vạn hộ Lưu-Khuê đem tàn quân tất tưởi trốn vào Thanh-Hóa sau bị đuổi sát quá phải xuống một chiếc thuyền nhỏ mới thoát được về Tầu. Hai vua Trần rượt theo chỉ còn bắt được hơn 5 vạn binh sĩ. Cũng trong hôm ấy tại bến Đại-Mang, Tổng-Quản Mông-Cổ là Trương-Hiến xuống hàng. Thuyền chiến và khí giới địch thu được rất nhiều.

Khi thủ cấp Toa-Đô được đệ trình lên vua Nhân-Tông vua ngậm ngùi nói : Làm bầy tôi nên như người này ! Rồi ngài cởi áo ngự phủ vào đầu Toa-Đô cho quan làm lễ mai táng tử tế. Đây là một cử chỉ tỏ sự tôn trọng một dũng tướng hết lòng vì chúa có ý khuyến khích mọi người. Bề khác đầu Toa-Đô được bí mật tẩm dầu đem bêu ở các nơi xa để trưng uy thế của quân đội và thúc giục ba quân hoàn thành cuộc chiến thắng (Toàn thư quyển 5 tờ 49b 50a).

Quân Nguyên trong giai đoạn này liên tiếp thua trận ở khắp mọi nơi, phần không chịu được bệnh tật do mùa hè phát ra, Thoát Hoan sinh chán nản và quyết định lui quân, nhất là được tin hai thượng tướng Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi, một đã bị tử trận và một đã chạy thẳng về Tầu.

Bên Trần triều dò xét được tình trạng này liền chia quân đón các ngả xét địch phải rút binh qua. Tới đây việc tấn công quân Nguyên hoàn toàn bằng chiến thuật phục kích và truy kích. Dĩ nhiên địch chỉ có hai đường : đường thủy thì phải rút ra Vạn-Kiếp rồi theo đường bể mà về. Đường bộ địch chỉ có thể lần theo đường rừng núi rút về châu Tư-Minh. Lúc này địch từ Kinh-Bắc đã chạy qua Bắc-Giang.

Hưng-Đạo-Vương truyền Nguyễn-Khoái, Phạm-Ngũ-Lão dẫn 3 vạn quân phục trong các rừng sậy bên sông Vạn-Kiếp, Hưng-Võ-Vương Nghiễn và Hưng-Hiến-Vương Uy dẫn 3 vạn quân từ Hải-Dương tiến ra Quảng-Yên để phòng địch rút theo lối này về châu Tư-Minh. Còn ngài đem đại quân đuổi theo bọn Thoát-Hoan đóng ở Bắc-Giang đang chạy ra bến Vạn-Kiếp. Ở đây quân phục kích của ta ùa ra. Địch mất hẳn một nửa lực-lượng, một phần làm mồi cho cá. Lý-Hằng đi đoạn hậu cố hộ vệ Thoát-Hoan chạy về châu Tư-Minh (Quảng-Tây) bị trúng tên thuốc độc vào đầu gối bên tả chết ngay tại trận. Bên ta thiệt một tướng là Trần-Thiện (theo Toàn thư quyển 5 và Annam chí-lược quyển 4).

Thoát Hoan, A-Bát-Xích, Phàn-Tiếp cố đánh tháo thân giữa một hoàn cảnh vô cùng nguy ngập. Tỳ tướng là Lý-Quán thu nhặt được 5 vạn tàn binh, dấu Thoát-Hoan vào một chiếc ống đồng để lên xe bắt quân ra sức kéo chạy. Sắp tới biên giới châu Tư-Minh, họ gặp bộ đội Hưng-Võ-Vương Nghiễn và Hưng-Hiếu Vương-Uy. Lý-Quán tử trận, chỉ còn Thoát-Hoan, A-Bát-Xích và Phàn-Tiếp chạy thoát được về nước.

Cuộc xâm lăng của Mông-Cổ kỳ thứ hai này thất bại thật không ai có thể tưởng tượng được. Năm chục vạn quân và hàng ngàn dũng

tướng mới ngày nào ra đi hùng hồ tiến qua biên giới của ta, mạnh như sóng đại dương, rút cục một phần lớn đã bỏ xương từ Nam ra Bắc, tiêu ma hoàn toàn danh dự đoàn quân không hề biết có chiến bại từ Á qua Âu đầu thế kỷ thứ XIII (1206).

Có nên để ý đến một điều là từ cuộc kháng Nguyên thứ nhất xảy ra vào 1257, các dân tộc thiểu số cũng đồng tâm hiệp sức với quân dân chúng ta và góp phần xương máu bảo vệ nước non chung? Ngaykhi chiến cuộc đang khai diễn và khi Mông-Cổ lui binhqua trại Qui-Hóa, chủ trại là Hà-Bổng đem các người Mán cả phá được quân giặc (Cương mục quyển 6 tờ 22b).

Trong cuộc kháng địch thứ hai (1285) Phụ-Đạo-Tử huyện Phù-Ninh tỉnh Phú-Thọ (xưa được coi là miền Thượng Du) là Hà-Đặc tự động đem quân chống giặc.

Hà-Đặc giữ ở Trí-Sơn. Giặc đóng ở Cự-Đà. Đặc dùng mẹo lấy cót bó thành hình người to lớn, lấy áo khoác vào. tối đến những người giả này được đưa ra đưa vào như có cử động thật. Đặc lại cắm mũi tên to bằng đồng vào thân cây khiến giặc ngờ là quân ta có những người to lớn khỏe mạnh dị thường nên bỏ chạy. Đặc đại thắng đuổi theo giặc đến A-Lập, bắc cầu phao rượt theo đánh say sưa mãi rồi chết tại trận.

Em Đặc là Hà Cương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí và quần áo của giặc, trốn về dâng vua Trần. Quân ta liền dùng cờ và sắc phục của giặc, trà trộn vào trại Nguyên nhờ đó ta cũng nắm thêm được dịp phá giặc,

***

CUỘC THẤT BẠI CỦA MÔNG-CỔ LẦN THỨ BA

a) Nguyên quân tích cực phục thù.

Bọn Thoát-Hoan và đám tàn binh trở về Tàu đem tin bại trận lại cho Nguyên-chủ. Nguyên-chủ giận lắm muốn chém hết, các đình thần ngăn cản mãi mới thôi.

Bấy giờ tại triều Nguyên có việc đem quân đi đánh Nhật Bản. Nguyên chủ liền đình ngay việc này lại để dốc toàn lực mưu cuộc phục thù. Nguyên-triều truyền lệnh động binh ở ba tỉnh Giang-Hoài, Giang-Tây, Hồ-Quảng luyện tập ráo riết định đến tháng 8 sẽ theo đường Châu Khâm, Châu Liêm sang nước ta.

Quan tỉnh Hồ-Nam là Tuyên-Kha dâng sớ can lấy lý-do quân sĩ vừa đi trận xa về còn ốm đau, mệt nhọc cần phải nghỉ ngơi ít lâu rồi hãy định việc xuất chinh

Vua Nguyên nghe lời cho hoãn lại vài tháng. Trần-Ích-Tắc theo Thoát-Hoan về Tàu được ra ở Ngạc-Châu.

Tin quân Nguyên sửa soạn phục thù đến tai vua Trần-Nhân-Tôn tháng 6 năm Bính-Tuất (1286). Nhà Vua hỏi Hưng-Đạo-Vương :

« Thế giặc lần này hẳn phải lớn hơn trước là vì chúng cần báo cái thù bại trận, ta nên đối phó với chúng bằng cách nào ? « Hưng-Đạo-Vương tâu : — Nước ta thái bình đã lâu, nhân dân không biết đến việc binh cho nên khi quân Nguyên năm trước vào lấn cướp còn có kẻ trốn tránh, có kẻ hàng giặc. Nay nhờ oai-linh của tổ-tông và thần võ của bệ hạ, quân giặc đều bị quét sạch. Nay nếu chúng lại kéo sang thì nhân dân và binh-sĩ của ta đã quen việc chiến trận. Trái lại, giặc từ xa đến mỏi mệt, phần chột dạ sẵn vì cuộc bại vong của bọn Toa-Đô, Lý-Hằng, Lý-Quán vừa đây chắc không còn đầu óc để chiến đấu. Như vậy tôi tin rằng thế nào cũng phá được giặc và lần này chắc là nhàn hơn trước ».

Sau cuộc thảo luận, các vương hầu tôn thất được lệnh điều bát quân đội, kiểm soát quân-số và tu tạo vũ-khí, chiến thuyền vào tháng 10 năm Bính-Tuất (1286).

Mùa xuân tháng hai năm Đinh-Hợi (1287) Thoát-Hoan làm Đại Nguyên-Soái, A-Bát-Xích làm Hành-Tỉnh Tả-thừa, Áo-Lỗ-Xích là Bình-Chương Chính-sự, Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp làm Tham-Tri Chính sự dẫn 30 vạn quân sang ta gồm Mông-Cổ quân, Hán quân là quân lính tuyển ở Bắc-Bộ Trung Hoa sau khi nhà Nguyên đã diệt được nước Kim, Vân-Nam binh là lính tuyển ở Vân-Nam và quân của 3 tỉnh Giang-Tây, Giang-Hoài, Hồ-Quảng cùng Lê-binh ở bốn châu ngoài bể là Nhai, Quỳnh, Đạm, Vạn thuộc tỉnh Quảng-Đông riêng Lê-binh có 1 vạn 5 ngàn người vốn là dân duyên hải rất thạo thủy chiến.

Chuyến này nhà Nguyên lót miệng bằng việc đưa Trần-Ích-Tắc về làm vua nước Nam (Theo

Hoàng-Thúc-Trâm trong cuốn « Trần-Hưng-Đạo » Mông-Cổ xuất binh từ mồng 3 tháng 9 năm Đinh-Hợi (1287) khởi hành từ tỉnh Hồ-Bắc ngày 28 tháng 10, quân Nguyên đến Lai-Tân chia ra từng đạo :

— Đại quân của Thoát-Hoan đi đường Khâm-Châu, Liêm-Châu đến Châu Tư-Minh. Bọn Trương-Ngọc, Lưu-Khuê dẫn vài vạn quân, năm trăm thuyền chiến, 70 thuyền vận tải, chuyên chở lương thực, khí giới từ Khâm-Châu tiến phát.

— Trịnh-Bằng-Phi, Áo-Lỗ-Xích mỗi người dẫn một vạn quân đi đường bộ.

— Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp lĩnh thủy quân dùng đường biển vào nước ta.

— Vạn-Hộ Trương-Văn-Hổ tải 17 vạn thạch lương theo đường bể.

* * *

b) Việt quân bình tĩnh ứng chiến.

Tin tức từ biên thùy được tức tốc gởi về Thăng Long. Các quan xin tuyển thêm binh sĩ. Hưng-Đạo-Vương bình tĩnh hỏi : « Quân cốt giỏi chớ không cốt nhiều. Bồ-Kiên có trăm vạn quân mà có ích lợi gì đâu ? »

Ngài phân phát quân đội đi các nơi như sau :

— Trần-Nhật-Duật, Nguyễn-Khoái đem 3 vạn quân đón giặc ở Lạng-Sơn.

— Trần-Quốc-Toản, Lê-Phụ-Trần đem 3 vạn quân giữ Nghệ-An.

— Đại quân của ngài đóng ở Quảng-Yên trên ngọn Phú-Sơn (Ba lần có cuộc kháng chiến Nguyên thì hai lần đại quân của Hưng-Đạo-Vương thiết lập Tổng Hành-Dinh ở Vạn-Kiếp tức là địa phương Quảng-Yên để tiện việc điều động quân-đội đi các nơi. Căn cứ này có thể coi như trung tâm điểm của Quân-Lực Việt-Nam bấy giờ rất thuận về giao thông thủy bộ và để tiến lui.

— Tại biên thùy Việt-Hoa đối với châu Tư-Minh Hưng-Đạo-Vương cho đặt 3 đồn : Sa, Từ, Trúc biết rằng lục quân của Thoát-Hoan thế nào cũng xâm nhập địa phận cổng ngõ này.

— Tại sông Đại-Than (Hải-Dương) quân Nam cũng có đề phòng hải quân địch tiến vào.

Cuộc va chạm giữa hai quân : Ngày 11 tháng một đoàn chiến thuyền của Nguyên tới Vạn-Ninh (Móng-Cáy) Tướng của ta là Nhân-Đức-Hầu Trần-Da mai phục ở Lạng-Sơn (một ngọn núi ở miền Móng-Cáy) định đánh chèn phía sau giặc. Giặc biết được tin này ngay đêm ấy xuất toàn đội vây quân ta. Gần sáng quân ta bị đánh lui. Vài trăm quân của ta bị chết đuối và thuyền bị bắt vài chục chiếc.

Ô-Mã-Nhi thừa thắng tiến nhanh không nhìn lại thuyền lương theo sau chưa kịp, vì vậy đoàn hộ tống lương thực bị nghẽn.

Lục quân của Nguyên đến Lộc-Châu ngày 23 tháng một năm Đinh-Hợi (1287) lại chia ra như sau :

— Hữu thừa Trịnh-Bằng-Phi và Tham-Chính Xách La Đáp-Nhi do Ải Chi-Lăng đáp xuống.

— Thoát-Hoan dẫn đại quân do ải Khả-Lợi tràn vào sau đạo binh tiền phong của A-Bát-Xích.

— Hữu-thừa Ai-Lỗ từ Vân-Nam tiến quân đến Tam-Đái-Giang. Ngày 24 tháng một năm ấy, Cấm quân của ta giữ cửa Linh-Kinh. Hưng-Đức-Hầu Quán thắng trận ở đây bằng tên thuốc độc. Giặc chết và bị thương rất nhiều phải lui đóng ở cửa Vũ-Cao.

Ngày 28 Phán thủ thượng vi Nhân-Đức hầu Tuyên đánh thủy-quân Nguyên ở eo Dạ-Mỗ. Giặc chết đuối ở đây khá nhiều. Bốn mươi tên giặc, thuyền, ngựa, chiến cụ bắt được đều dâng lên vua Trần (Toàn thư quyền 5 tờ 52a-b).

Mồng 3 tháng chạp, quân Mông-Cổ đến Tứ-Thập-Nguyên. Lúc này vì thuyền lương của giặc bị nghẽn, Thoát-Hoan phải sai Ô-Mã-Nhi đốc thúc quân lính cướp bóc dân gian.

Ngày 16, Minh-Tự Nguyễn-Thức chỉ huy, Thánh-Dực-Dũng Nghĩa-quân kéo đến hợp với Hưng-Đạo-Vương để giữ cửa sông Đại-Than (lưu thông được ra biển).

Trong những ngày đầu cũng như các lần trước quân Mông-Cổ rất mạnh và hăng-hái. Quân ta phải lui về Vạn-Kiếp, Thoát-Hoan chiếm núi Phả-Lại và Chí-Linh rồi phái Trịnh-Bằng-Phi đem 2 vạn binh tấn công Vạn-Kiếp. Mặt khác Thoát-Hoan cử Ô-Mã-Nhi và A-Bát-Xích dẫn một cánh quân từ sông Lục-Đầu đánh xuống sông Hồng-Hà mục đích chiếm thủ đô Thăng-Long.

Ngày 23 tháng chạp, quân của Tham-Chính Phàn-Tiếp theo Thoát-Hoan đánh Bắc-Giang. Quân ta ngăn sông chống giữ không lại. Thủy quân Mông-Cổ vào được sông Cái, quân ta rút lui.

Mặt trận miền Đông hoàn toàn do địch kiểm soát. Giờ đây giặc tiến vào các vùng đồng bằng.

Ngày 28 tháng chạp bọn phản quốc Lê-Tắc cũng theo gót giặc Mông-Cổ quay sang nhưng đi sau vì phải lưu lại ở Châu Tư-Minh. Lê-Tắc dẫn bọn Lĩnh-Đô-Sự Hầu-Sư-Đạt, Vạn-Hộ họ Đạt, Thiên-hộ họ Tiêu, đem 5000 binh từ châu Tư-Minh lục tục tiến theo đại-quân Thoát-Hoan.

Chúng phá ải Nội Bàng (thuộc Lạng-Sơn) tiến chiếm sông Bằng (thuộc địa phận Cao-Bằng) ngoảnh lưng về phía nước ta mà bày trận.

Quân ta chống trả mãnh liệt : tên thuốc độc bắn như mưa, lửa cháy ngất trời. Đến canh năm giặc thua và tan vỡ. Hầu-Sư-Đạt tử trận, Quân đội bị lạc đường và vây hãm. Lê Tắc dẫn các tướng Nguyên chạy vì hắn thuộc đường. Con Trần-Ích-Tắc là Trần-Dục lên 9 tuổi được hắn cắp trên mình ngựa. Bấy giờ quân còn độ 60 tên, bọn Tắc liều mạng chạy được về Tàu suýt chết nhiều lần. Mỗi ngày họ phải chạy đến vài trăm dặm từ nửa đêm đến mờ sáng mới về tới ải Châu-Chiên là đất nhà Nguyên.

Ngày 29 tháng chạp A-Bác-Xích theo dọc bờ phía Đông sông Cái phá cửa Hàm-Tử. Vua Trần lui giữ ải Hải-Thị nhưng rồi cũng bị đánh bật ra.

Ngày 30 tháng chạp, trước khi mở mặt trận đồng bằng, Thoát-Hoan sai Hữu-Thừa Trịnh-bằng -Phi và Tả-Thừa A-Lý cùng Lưu Giang đem 2 vạn quân đánh Vạn Kiếp lấy làm căn-cứ. Ở đây lực lượng của đại quân Hưng-Đạo-Vương đã rút gần hết để về giữ Thăng-Long. Giặc đào hào đắp lũy bằng đá, gỗ ở hai núi Phả-Lại và Chí-Linh đặt đồn ải, chứa lương thực. Hai làng Bàng-Hà và Bà-Điểm hàng giặc.

Trong lúc này A-Bát-Xích và Ô-Mã-Nhi đang hợp binh vượt sông Cái liền vào Thăng-Long. Hưng-Đạo-Vương chống trả kịch liệt, xa giá tạm lánh về Hà-Nam. Ô-Mã-Nhi đuổi gấp hai vua Trần. Thượng-Hoàng và Nhân-Tông xuống thuyền chạy ra bể, vào Thanh-Hóa. Theo không kịp, Ô-Mã-Nhi đem quân quay lại phủ Long-Hưng, biết ở đây có Khiêm Lăng là Lăng-tổ nhà Trần cho khai quật nhưng không xâm phạm đến Tử-Cung (quan tài nhà Vua làm bằng gỗ Tử, gọi là Tử-Cung). Rồi do đường biển, Ô-Mã-Nhi đi đón thuyền lương của Trương-Văn-Hổ.

Mồng 4 tháng giêng năm Mậu-Tý (1288) Thoát-Hoan lui về căn cứ ở Bắc-Giang và Hải-Dương (Vạn-Kiếp, Chí-Linh, Phả-Lại) sau cuộc tấn công vô hiệu vào Thăng-Long. Hưng-Đạo-Vương tiến quân và đặt doanh trại trông thẳng về chiến tuyến của giặc. Thấy quân Nguyên rút, hai vua Trần lại trở ra Bắc. Mồng 8 tháng giêng, địch thua lớn ở cửa Đại-Bàng (Huyện Nghi-Dương tỉnh Hải-Dương) Địch chết đuối nhiều, Ta bắt được 300 tiểu thuyền.

* * *

c) Trận Vân Đồn

Mặt trận đồng bằng không đem lại những kết quả mong muốn, lương thực lại sắp cạn, thuyền lương do Trương-Văn-Hổ áp tải vẫn chưa thấy đâu. Thoát-Hoan liền ra lệnh cho Ô-Mã-Nhi cấp tốc đi tìm. Ô-Mã-Nhi tiến ra tới Vân-Đồn thì gặp phải sự cản trở của Nhân-Huệ-Vương Trần-Khánh-Dư. Vì tình thế lương thực nguy kịch đến nơi, Ô-Mã-Nhi phải cố đánh. Quân của Khánh-Dư bị bại, thuyền quân Nguyên vì vậy được thẳng tiến ra bể.

Nghe thủy quân Vân-Đồn bị bại. Thượng-Hoàng cho đòi Khánh-Dư về trị tội. Khi sứ đến, Khánh-Dư đang tính cuộc phục thù, đoán rằng quân Ô-Mã-Nhi đi rồi tất thuyền lương phải tới sau. Khánh-Dư xin khoan vài hôm để lập công chuộc tội. Quả nhiên ngày 11 tháng giêng năm Mậu-Tý (1288) thuyền lương của Văn-Hổ đến. Lúc nầy gặp Trương-Văn-Hổ, Ô-Mã-Nhi quay trở về giữ việc dẹp đường. Ô-Mã-Nhi nghĩ quân Nam ở Vân Đồn vừa bại ắt không còn khó khăn cứ việc ruổi thẳng. Khánh-Dư lặng lẽ để cho Ô-Mã-Nhi đi qua, cho thuyền lương từ từ tiến vào cửa Lục (Lục-Thủy-Dương là cửa biển gần Hòn-gay ở Đông Nam huyện Hoành-Bồ tỉnh Quảng-Yên) Tại đây thuyền lương mắc cạn. Quân ta phục sẵn ùa ra đánh, thuyền của địch bị đắm gần hết. Ta tịch thu và phá được rất nhiều quân lương và khí giới. Riêng Trương-Văn-Hổ chạy

thoát về Quỳnh-Châu (Quảng-Đông) bằng một chiếc thuyền nhỏ.

Khánh-Dư đưa tin thắng trận và việc cướp phá được thuyền lương của giặc về báo tiệp được xá tội. Thượng-Hoàng bàn với Hưng-Đạo-Vương thả một số tù binh về để Thoát-Hoan và binh-sĩ phải tuyệt vọng. Đây là một đòn chiến tranh tâm lý rất sâu sắc đánh vào tinh thần địch rất đúng lúc. Quả như lời xét đoán, quân Nguyên nghe tin lương thảo, khí giới bị phá hủy hết, ai nấy đều nôn-nao muốn trở về. Ý chí chiến đấu sụp đổ trông thấy.

*
* *

d) Trận Bạch-Đằng

Trần-triều đến giờ phút này đã hiểu rõ uy thế của mình và sự cùng quẫn của giặc.

Sau trận cửa Lục giặc thiếu ăn, đêm đêm lại bị đội kích phá đồn. Quân giặc kém ăn, kém ngủ không còn thiết gì ngoài việc chia nhau đi cướp bóc dân chúng. Thần-Nỏ tổng-quản là Giải-Nhược-Ngu bàn với Thoát-Hoan : « Quân ta ở đây thành trì không có, khí trời nóng nực, các chỗ hiểm yếu đều mất, kho tàng cạn sạch, chi bằng hãy rút quân về rồi hãy liệu kế khác. Thoát Hoan thấy Việt quân càng ngày càng mạnh cũng nản nói: Đất thì nồn gnực, khí thì ẩm thấp lương thiếu quân mệt...» Tướng hiệu trong thủy-quân bàn nên phá hủy thuyền bè rồi cùng nhau kéo bộ mà về. Thoát-Hoan toan nghe nhưng tả hữu can ngăn nên việc này bỏ đi. Sau đó Ô Mã-Nhi, Phàn-Tiếp được lệnh dẫn thủy-quân theo đường Bạch-Đằng-Giang, còn Trịnh-Bằng-phi và Trương-Quân làm hậu tập hộ vệ cho y chạy theo đường bộ.

Trong lúc giặc lúng túng thì quân ta được Hưng-Đạo-Vương phân phối đi khắp nơi để mai phục ở các ngả.

Mặt bộ, Ngài cho đào các hầm hố đánh bẫy ngựa. Quân phục-kích, truy kích có nhiệm-vụ cắt đường, phá cầu cống trên những lối đi giặc định chạy qua.

Mặt thủy ngài cho đóng các cọc sắt ở thượng lưu sông Bạch-Đằng trên phủ bè cỏ để đợi giặc (kế này được dùng đầu tiên vào năm 938 sau TL. trong kế-hoạch của Ngô-Quyền phá quân Nam-Hán) Nguyễn-Khoái phục binh ở đây chờ nước thủy triều lên thì ra khiêu chiến nhử giặc qua chỗ đóng cọc, chờ khi nước thủy triều rút quay lại phản công.

Phạm-Ngũ-Lão và Nguyễn-Chế-Nghĩa phục binh ở cửa ải Nội-Bàng (thuộc Lạng-Sơn) Việc bố trí xong, Hưng-Đạo-Vương hô quân sĩ trở xuống Hóa-Giang cùng thề : « *Trận này không phá được giặc, thề không trở lại khúc sông này nữa !* »

Sau lời quyết liệt này quân ta kéo thẳng tới sông Bạch-Đằng. Ngày mồng 7 tháng 3, chu sư Mông-Cổ rút đến Chúc-Động. Quân ta đổ ra công kích bị tướng giặc Lưu-Khuê đánh lui bắt được 20 chiếc thuyền. Ngày hôm sau Ô-Mã-Nhi cũng tới nơi. Hai bên sô xát. Quân ta giả thua bỏ chạy. Giặc tung hết lực lượng đuổi theo. Bấy giờ con nước rút xuống rất mau chóng. Nguyễn-Khoái nhử giặc đi khỏi chỗ đóng cọc một quãng xa, rồi quay thuyền trở lại đánh kịch liệt. Quân của Hưng-Đạo-Vương tiến đến. Giặc thấy ta mạnh quá rút lui tới khúc sông có cọc thuyền giặc mắc cọc chìm đắm hết. Trước thế nguy cấp Ô-Mã-Nhi phải cầm đầu toán lương binh ra nghênh chiến. Ngay lúc này, hai vua Trần cũng đến tung quân ngũ-doanh ra bốn mặt. Ô-Mã-Nhi thấy nguy liền thu nhặt binh thuyền định chạy nhưng không kịp. Quân Nguyên chết vô kể, mặt sông đỏ ngầu máu giặc. Bốn trăm thuyền của địch bị tịch thu. Nội-minh-Tự Đỗ-Hành bắt được Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp và Tích-Cơ, Lê-Ngọc đem đến dâng Trần-Thánh-Tông. Ngài cho cùng ngồi, ôn tồn nói chuyện mở rượu rót mời uống (Toàn thư quyển 5 tờ 54b).

*
* *

e) Việc truy kích Thoát-Hoan.

Thoát-Hoan nghe tin thủy quân tan vỡ vội vàng cùng bọn Trịnh-Bằng-Phi, A-Bất-Xích, Áo-Lỗ-Xích, Trương-Quân, Trương-Ngọc dùng đường bộ cấp tốc tháo lui. Đến cửa Nội-Bàng, Phạm-Ngũ-Lão đổ ra đánh, Vạn-Hộ Trương Quân với ba nghìn sĩ tốt cố sống cố chết để mở lối thoát cho Thoát-Hoan chạy qua cửa ải. Trong dịp này Trương-Quân tử trận. Giặc nghe nói quân ta đông như kiến từ ải Nữ-Nhi đến núi Khưu-Cấp và Đằng-Giang trên một trăm dặm càng hoảng sợ. Phía sau lại có quân đội đuổi theo, Thoát-Hoan

vội vàng sai A-Bát-Xích, Trương-Ngọc mở đường còn Áo-Lỗ-Xích đoạn hậu.

Quân ta chiếm đóng trên núi cao bắn tên thuốc độc xuống như mưa rào. Trương-Ngọc và A-Bát-Xích chết tại trận, các tướng sĩ bên Nguyên ngã gục ngổn ngang, thây chất thành đống.

Trịnh-Bằng-Phi hết lòng hộ vệ Thoát-Hoan lại nhờ Châu-Mục Châu Tư-Minh là Hoàng-Kiện dẫn đi đường tắt, Thoát-Hoan mới lần về được tới châu Tư-Minh. Áo-Lỗ-Xích nhặt nhạnh được ít tàn quân cùng về được tới Yên Kinh ít ngày sau.

Quân ta toàn thắng, Hưng-Đạo-Vương hội các tướng rước xa giá về kinh sư. Tới Long-Hưng, bọn tướng Nguyên là Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp, Tích-Lệ, Cơ-Ngọc, Sầm-Đoan... phải vào làm lễ hiến phù ở Khiêm-Lăng.

Nhận thấy giang san sau những ngày giông tố lại được vui tươi, Thượng-Hoàng có làm hai câu thơ để kỷ-niệm.

«Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
«Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

Dịch nôm :

« Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
« Non sông muôn thuở vững âu vàng.

* * *

f) Cuộc giảng hòa.

Nhà Nguyên dù thua trận luôn ba phen liền trong khoảng 30 năm nhưng uy thế trong ngoài vẫn mạnh lắm. Đối với Trung Quốc dù sao nước ta cũng là rất nhỏ. Chiến tranh liên miên chỉ hại cho nguyên khí dân tộc. Tránh voi không xấu mặt nào, Trần triều nghĩ vậy nên tháng 10 năm Mậu Tí (1288), sai quan Đỗ-Thiện-Thư sang sứ xin giao-hiếu như trước.

Nhà Nguyên tuy rất căm giận về cái nhục bại trận, nhưng cũng đã nản trước cuộc xâm lăng nước Nam nên đành chấp thuận việc thông hiếu. Nhưng trong cuộc giao thiệp mấy năm sau chiến tranh, Nguyên chủ vẫn có ý buộc ta một điều là vua Trần phải sang chầu rồi phái Thượng-Thư Trương-lập-Đạo qua Annam về việc này. Vua Nhân-Tông lấy cớ đang có tang không đi và sai quan là Nguyễn-Đại-Pháp thay mặt khất sang năm sẽ tuân lệnh. Năm sau nhà Nguyên không thấy vua Trần sang lại cử Thượng Thư Lương-Tằng và Lễ-bộ Thượng-Thư sang giục.

Nhân-Tông cũng không đi lại sai Đào-Tử-Kỳ đưa đồ vật sang cống. Nguyên Triều giận lắm giam Đào-Tử-Kỳ ở Giang-Lăng rồi cử Lưu-Quốc-Kiệt và các tướng sửa soạn binh lương. Trần-Ích-Tắc được đi theo và sẽ hội ở Tràng Sa. Giữa lúc này Nguyên-Thế-Tổ (Hốt-Tất-Liệt) mất. Nguyên Thánh-Tông lên ngôi bãi việc binh và sứ giả An-Nam cũng được tha về. Từ đó nhà Nguyên không gây sự với nước ta nữa.

Tháng hai năm Kỷ-Sửu, niên hiệu Trung-Hưng thứ năm (1289) Trần-triều cử Tòng-Nghĩa-Lang Nguyễn-Thịnh trao trả tù binh. Tích-Lệ Cơ Ngọc được về trước. Phàn-Tiếp phải bệnh chết được hỏa táng. Hai vợ lớn nhỏ được cấp ngựa đem nắm tro tàn của hắn về nước. Các đầu-mục khác cũng được lên đường. Duy Ô-Mã-Nhi trong mấy chuyến qua đây là không có nhiều hành động hung tàn, bạo ngược khiến người nước ta ai cũng đều ta thán. Chẳng những y cướp của giết người, đốt phá làng mạc, khai quật cả lăng tẩm vua Trần-Thái-Tông ở Long-Hưng (nay ở làng Thái-Đường, huyện Hưng-Nhân tỉnh Thái-Bình) là những việc dã man thường xảy ra trong các cuộc giao tranh giữa hai địch quốc, y còn cố lùng bắt hết sức ráo riết vua Trần-Nhân-Tông và Thượng-Hoàng. Trong quốc-thư hồi tháng 10 năm Mậu-Tí (1288) vua Nhân-Tông đã bộc lộ lòng hờn giận viên tướng này với Nguyên-chủ. Nhân-Tông viết : Tham-Chính nói bắn tin cho tôi biết rằng : « Ngươi lên trời thì ta cũng lên trời, người trốn xuống nước thì ta cũng lội xuống nước, người trốn lên núi thì ta cũng trèo lên núi... Rồi trăm khoanh hủy nhục không sao kể xiết !» (Nam Sử tập biên quyển 2, tờ 19b-20a) Sau đó Nhân-Tông theo mật kế của Hưng-Đạo-Vương hạ lệnh kết liễu đời viên tướng đại ác đó. Âu cũng là luật Trời « Hại người, người hại ».

Nội thủ-gia Hoàng-Tá-Thôn được cử tiễn Ô-Mã-Nhi về đường bể nhưng ngầm sai một vài thủy-thủ có biệt tài lội nước đang đêm đục thuyền : Ô-mã-Nhi chết đuối.

Việc này khiến cuộc giao thiệp giữa Nguyên và ta một thời rất gay go. Tháng ba năm Kỷ-

Sửu (1289) vua Trần phải gởi cho vua Chí-Nguyên bên Mông-Cổ một bức thư để biện bạch : «... Theo kỳ đã định đáng lẽ Tham-Chính Ô-Mã-Nhi cũng kế tiếp về sau. Ông ta muốn dùng đường Vạn-Kiếp và có dịp đến chơi nhà Hưng-Đạo để sửa soạn hành lý. Chẳng may thuyền đắm, Tham-Chính tầm vóc cao lớn, người chở thuyền của tiểu quốc vì cố vớt ông ta mà phải chết theo. Thê-thiếp và tiểu đồng của ông ấy cũng suýt đuối, may nhờ mình nhỏ bé nên cứu được. Tôi đã làm lễ hoả táng, nhờ đức Phật siêu độ cho ông ta rồi. Việc đó, thiên sứ Lang-Trung Lý-Tư-Diêu đã chứng kiến, Nếu có điều gì không kính cẩn thì vợ cả, vợ lẽ của Tham-Chính ở đây điều biết, che đậy sao được !... » (Nam sử lược biên quyển 2, tờ 24 a-b).

Sau người Nguyên cũng đành bỏ việc này không căn vặn nữa (Cương-Mục quyển 8 tờ 11a-b).

*
* *

BÌNH LUẬN VỀ CUỘC KHÁNG NGUYÊN CỦA HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG VÀ DÂN-TỘC CHÚNG TA

Như trên chúng ta đã nói vào đầu thế kỷ XIII Mông-Cổ tuy còn ở tình trạng bán khai trong giai đoạn lịch sử này, nhưng nhờ có tinh thần thượng võ, kinh nghiệm chiến đấu nhiều nên đã có dịp làm đảo lộn trật-tự thế-giới và trở nên một Đế-quốc hết sức cường thịnh. Đế-quốc này khủng bố các dân tộc, các quốc gia trên thế giới nhiều hơn hết từ xưa tới nay bằng chính sách sắt máu. Vậy mà đoàn quân viễn chinh của Thành-Cát-Tư-Hãn và Hốt-Tất-Liệt tới đây đã rơi rụng thảm thương đầu ghềnh cuối bãi máu đỏ chan hòa trên các giòng sông, xương trắng phơi đầy đồng nội thì phải hiểu sức kháng chiến của dân tộc chúng ta, tài chỉ huy chiến trường của Hưng-Đạo-Vương cùng các tướng lĩnh cao siêu đến bậc nào.

Xét dưới Lý-triều mọi quy mô chính trị, văn hóa, quân sự của dân tộc chúng ta chỉ mới qua giai đoạn phôi thai mặc dầu về văn hóa, bài thơ tiễn sứ (Lý-giác) ngay từ đời tiền Lê đã làm thán phục các tay văn tự Trung Quốc, cuộc bình Chiêm, phạt Tống của Lý-Thường-Kiệt đã làm Bắc-Triều phải kiêng nể, giật mình một thời.

Với hai thế kỷ liên tiếp nền nội trị và ngoại giao êm thắm, dân tộc chúng ta vượt qua được cái bệnh thiếu thời, dần dần trở nên cường kiện. Dòng họ Lý tàn, họ Trần nổi lên đảm nhiệm sứ mạng lịnh sử tỏ ra rất xứng đáng, mặc dầu lúc giao thời họ Trần đã dùng những thủ đoạn tàn bạo đối với con cháu nhà Lý, điều chỉ đáng trách về phương diện đạo đức, nhưng về mặt chính trị thì các hành động đó gần như là thông lệ từ trước tới giờ trên chánh-trường cổ kim.

Lý-triều tới tàn cục rõ rệt chỉ có vua hèn, tôi kém. Phải chi không có những cứu tinh dân tộc kịp thời xuất đầu lộ diện, hỏi dân ta có chống nổi cuộc xâm lăng dữ dội có một không hai trong lịch sử như cuộc xâm lăng của Mông-Cổ ? Xét như vậy ta thấy dân-tộc chúng ta bấy giờ tuy tiến bộ đã khá xa rồi nhưng nên thú nhận rằng vẫn chưa đủ điều kiện để đối phó với những biến cố lớn lao từng đào thải rất mạnh nhiều quốc gia còn văn-minh hơn chúng ta như các nước Tống, Hạ, Liêu, Kim thuở ấy trên đất Trung-Hoa, Ba-Tư, Nga, Ý, Thổ ở Tây-phương v.v... Giai cấp lãnh đạo trước vấn đề này quả đã đóng vai trò quan hệ hơn hết thầy và có một giá trị hết sức đặc biệt.

Từ năm 1257 đến 1287, ba chục năm dòng chúng ta phải đương đầu với ba cơn giông tố do nơi Mông-Cổ, ba phen lao lung, ba phen chúng ta chiến thắng. Cuộc chiến thắng đã dựa nương được vào nhiều điều kiện thực tế và tinh thần tốt đẹp, nếu không nước chúng ta đã bị san phẳng, lá cây ngọn cỏ cũng chẳng còn. Bọn Thoát-Hoan, Ô-Mã-Nhi đã chẳng từng tuyên bố và đã từng thi hành thật sự chủ trương tàn bạo nhất của chúng ở khắp chốn khắp nơi đó sao ?

Nhìn vào tổ-chức chính-trị đời bấy giờ thì Trần-Triều đã thiết lập một chính thể phong-kiến và tư-hữu (vua giữ địa vị độc-tôn, các tôn-thất chia nhau các địa vị vương hầu, được quyền tuyển-mộ quân-đội, có thái ấp và do các thái ấp nên sinh ra chế-độ nô, tì, hoành (nô-lệ) v. v...

Luật pháp rất là nghiêm ngặt, tuy vậy tôn giáo (Phật giáo) từ Lý qua Trần đã ảnh hưởng rất mạnh đến văn-hóa cũng như chính-trị nên nhà Trần biết lấy nhân hậu, lấy thân dân làm căn-bản. Có thể nói rằng chính sách thân dân và nhân hậu ấy còn chịu ảnh hưởng của riêng Lý-Triều nữa. Chính vua Thái-Tông năm Nhâm-Hợi (1251) niên-

hiệu Nguyên-Phong tự tay đã soạn bài Minh để khuyên bảo Hoàng Gia thi hành các điều trung, hiếu, hòa, tốn, ôn, lượng, cung, kiệm. Thuế khóa đời Trần xét ra nhẹ hơn các đời sau, thêm vào đó còn có những tổ-chức cứu-tế và xã-hội rất là chu-đáo, nhất là sau cuộc chiến thắng Mông-Cồ.

Tới khi Mông-Cồ tràn qua nước ta, hội nghị Diên-Hồng được thiết lập, triều đình kêu gọi sự đồng tâm nhất trí của Quốc Dân và nhường quyền cho các tầng lớp nhân dân định đoạt số mệnh của quê hương xứ sở. Tóm lại tuy Trần-triều có xây dựng chế độ phong-kiến, nhưng vẫn gần dân, thương dân và trong việc bảo vệ chánh quyền, thực ra họ Trần chưa hề áp dụng những phương pháp quá khắt khe, tàn nhẫn với nhân dân.

Về kinh-tế từ Trần triều khởi nghiệp năm 1225 đến 1290 mới có nạn đói, tức là trong ngót 70 năm, kinh-tế của dân tộc ta vẫn được sung túc vững vàng, nhờ vậy nước ta mới đương đầu được ba phen với giặc Bắc. Còn nạn đói năm Canh-Dần (1290) nếu đã xảy ra là vì cái hậu quả dĩ nhiên của ba cuộc chiến-tranh liên-tiếp.

Về quân-sự các nhà Chính-trị của Trần-triều đã rút được rất nhiều kinh-nghiệm trước manh tâm của thực dân Bắc-Phương nên đã có sự đề phòng cẩn thận. Thời bình thì có sổ Đinh, hộ-tịch khai trình, ghi chép rõ ràng, vô sự thì dân chúng được tiếp tục nông nghiệp, lúc có chiến-tranh cứ chiếu danh sách mà tổng động viên, bấy giờ người dân nào cũng là quân lính cả.

Bảy thế kỷ trước mà ta đã có phương pháp tổng động viên nhân lực và tài nguyên quốc-gia hợp-lý như vậy kể đã sáng suốt và tiến bộ lắm !

Lược qua 3 ưu-điểm trên đây, ta không lạ gì chuyện quân lính của ta nức lòng thích 2 chữ «sát-Thát» vào cánh tay để quyết sống chết với giặc. Ta cũng không lạ gì khi chạy ra Hải-Đông, vua Nhân-tông cùng tiểu tốt Trần-Lai chia nhau nắm cơm hẩm, sau khi lạc lõng từ sáng đến chiều lúc đường cùng, vận bĩ.

Tinh thần chiến đấu ấy, cảm tình giữa quân-đội và cấp chỉ-huy như cha với con đã tạo nên điều kiện chiến thắng là dĩ-nhiên.

Trên đây chúng ta đã kiểm soát hoàn cảnh xã hội và nhân tâm dưới đời Trần để xét nguyên nhân của cuộc chiến thắng. Bây giờ ta hãy coi cái tài điều binh khiển tướng của Tiết-chế thống lĩnh Trần-Hưng-Đạo.

Trong «Tôn-Ngô binh pháp» của Trung-quốc đã đề ra nhiều phương-pháp chiến đấu và định nhiều nguyên tắc hầu như bất di bất dịch qua không gian và thời gian cho nên ngày nay nhiều nhà quân sự có tiếng ở Á-Châu vẫn còn phải học hỏi và tuân theo. Binh pháp của Tôn-Ngô vì sao có giá trị đặc biệt như vậy ? Theo thiển ý, xã-hội Trung-quốc xưa kia dưới đời nhà Chu đã trải qua 600 năm loạn lạc liên miên. Bao nhiêu cuộc thi thố tài ba đã diễn ra trên các chiến-trường vĩ-đại của Trung-quốc (Bắc giáp Hung-Nô, Nam giáp biển Nam-Hải, Tây giáp Tây-Tạng, Miến-Điện. v. v...) Tôn-Ngô (Tôn-Võ-Tử và Ngô-Khởi) đã rút được nhiều kinh-nghiệm qua các cuộc tranh chấp của các đời trước mà làm ra bộ Binh-Pháp này. Rồi hai họ Tôn, Ngô khuyên người làm tướng lợi dụng 3 yếu-tố : *Thiên-thời, Địa-lợi và Nhân-hòa.*

Các nhà làm chính-trị, làm tướng súy muốn thành-công không sao bỏ được ba yếu tố đó.

***

ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA TA VÀ GIẶC

a) Kỹ thuật quân sự.

Trước khi bàn đến các yếu tố Thiên-thời, Địa-lợi, Nhân-hòa, chúng ta hãy phân tích những nhược điểm của chúng ta trên đây. Chúng ta đã chỉ thấy xã hội Việt-Nam từ Lý qua Trần có một nền tảng khá vững chắc nhờ có ngót ba thế kỷ tự do, độc lập (1010-1287). Nhưng nền tảng đó đâu đã vững bằng nền tảng của quốc gia Trung Hoa dưới các đời Đường, Hán Tống và nền tảng các quốc gia Trung Âu thuở đó. Nói cách khác chúng ta tuy có một chút vốn nhưng chút vốn ấy vẫn không có một nghĩa lý gì để đánh một canh bạc quá to. Vậy mà chúng ta đã thắng một con bạc đại phú thì hẳn người chơi canh bạc đó phải có nhiều thủ đoạn, mưu-trí lắm.

Khi quân Mông Cồ sang xâm lược nước ta lần thứ ba, Hưng-Đạo-Vương có bàn với vua Trần-Nhân-Tông (hồi tháng 6 năm Bính Tuất 1286) rằng :« *Nước ta thái bình đã lâu, dân không biết đến việc binh, vì thế, năm trước người* Nguyên

vào lấn cướp, hoặc có kẻ đầu hàng, hoặc có người trốn tránh...»

Lời nói này là sự thật, vì sau cuộc Lý-Thường-Kiệt đem quân phá Tống, triều Lý dài hai thế kỷ đến triều Trần nổi lên được vài chục năm, dân ta từ đó không biết có binh đao chỉ để thì giờ lo việc nông tang. Thẳng hoặc có những khi phải đem quân đi đánh Chiêm-thành hay dẹp các cuộc phiến động ở biên giới, việc binh thời đó cũng không có gì quan trọng và ráo riết hết, tuy Lý triều có để tâm săn sóc việc huấn luyện quân đội. Kỹ thuật quân sự, kinh nghiệm chiến trường, tinh thần chiến đấu xét ra cần phải do cuộc va chạm luôn luôn của sắt, của thép mới dồi-dào và thành một sức mạnh đáng kể. Nói tóm lại về Quân đội của ta dưới thời Trần chưa có gì đặc sắc hết nếu so với địch.

b) Quân số và quân nhu của ta

Trần triều tuy đã dự phòng chánh sách tận dân chi binh nhưng quân số của ta và cả quân khí rõ rệt vẫn không thể sánh được với Mông Cổ vì họ đã nắm được trong tay một cái kho nhân lực vô tận sau khi làm chủ nhân ông dân tộc Trung Hoa ngay thời bấy giờ cũng có ít nhất hàng mấy trăm triệu người. Đó là không kể các lực lượng họ có thể trích ra ở nhiều thuộc quốc khác của họ. Trần triều đưa ra 20 vạn quân trong ba phen thử lửa. Mông Cổ huy động trước sau 80 vạn tinh binh. Trong số 80 vạn quân này một phần là người Hán và một phần là Mông Cổ từng dẫm chân khắp cõi chiến trường Âu, Á, từng xông pha hàng ngàn trận. Quân đội như thế mới là đáng kể, và với một nhân lực hùng hậu đến thế thì mộng bá chủ cả Thế giới của nhà Nguyên đâu có phải là chuyện viển vông.

Trung-Quốc đã là cái kho nhân lực, nhân tài vô tận thì về mặt tài nguyên cũng vậy. Nếu họ muốn, họ có thể kéo dài cuộc chiến tranh mãi mãi. Bao nhiêu quân lính và các nhu cầu vật chất đã có các nước chư hầu cung đốn, không kể Trung quốc đi nữa, có thể cũng không bao giờ thiếu, cho nên ba phen Mông Cổ xuất binh dù thua mà hầu vẫn không hao tổn đến nguyên lực, uy thế của Mông Cổ trên thế giới thuở đó vẫn lan rộng và vẫn mạnh. Về phần ta, ba phen chiến tranh, người vật, non sông, thành quách ngửa, nghiêng tiêu điều hết cả nói. Tuy chúng ta thắng mà vẫn không tránh được những ảnh hưởng tai hại của chiến tranh, chẳng vậy vài năm sau, khi chiến cuộc kết liễu, nạn đói bùng ra khắp nước, đấy chẳng là hậu quả của cuộc kháng địch vậy sao?

Để kết luận chúng tôi cho rằng thực lực và binh đội đời Trần đầu thế kỷ XIII chỉ đủ cho chúng ta làm đàn anh các dị tộc miền Nam và miền Tây bán-đảo này mà thôi.

Trái lại với cái thực lực mỏng manh ấy, Trần triều đã giữ nguyên vẹn được bờ cõi lại đánh tan được ngót triệu quân Nguyên thì thật đã làm nên một sự nghiệp hết sức kỳ-dị trong lịch sử cổ kim.

c) Vấn-đề chiến-thuật và chiến-lược (Đổi nhược ra cường)

Đây là một dịp cho ta nhận xét tài làm Tướng của Trần-Quốc-Tuấn và khả năng của bọn Thoát-Hoan, Ô-Mã-Nhi, Toa-Đô, Phàn-Tiếp, Lý Hằng, Lý Quán... Mông Cổ chuyên dùng chiến-thuật «*Đánh mạnh đánh mau*» để làm điên đảo chiến trường. Phụ vào chiến-thuật này là một quân số đông đảo, can đảm phi thường, có biệt tài bắn cung cưỡi ngựa và xử dụng đại bác. Với chiến pháp «xuất kỳ bất ý» và với các lực lượng di sơn đảo hải của họ, xét lịch sử chiến đấu giữa Mông Cổ và nhiều dân tộc thế giới luôn mấy thế kỷ liền, chưa một dân tộc nào cầm cự được. Quả vậy, lực-lượng chiến-đấu và xung-phong của họ có thể nói là những trận cuồng phong không hề biết có chướng ngại.

Hưng-Đạo-Vương là một ông lang đứng trước một cơn bệnh hóc hiểm không thể dùng bạo phương để chế ngự. Từ mặt trận Đông Bắc (Lạng-Sơn đến Vạn-kiếp) qua mặt trận Đông Nam (Thiên Trường — Thanh, Nghệ) tuy Bộ Tổng Tham-Mưu của Vương có hạ lệnh ngăn giặc, nhưng không được ham chiến nghĩa là khi xét không đương đầu được với giặc thì phải rút lui, phải lẩn tránh ngay để bảo toàn quân chủ lực. Cuộc xung đột tại Lạng-Sơn và vài địa điểm lân cận chỉ cốt lợi dụng quân địch ở xa tới mỏi mệt mà đánh phá và gây thiệt hại cho họ một phần nào.

Phê bình nghệ thuật chỉ đạo chiến-tranh của Hưng-Đạo-Vương, Hồ-Hán-Sơn trên báo « Đời mới » kiểm điểm các trận đánh Mông-Cổ tỏ ý không tán thành việc Hưng-Đạo-Vương đã huy động đại quân hai phen tại Lạng - Sơn để ngăn giặc. Ở đây hai phen ta đã thua. Hồ Hán-Sơn cho rằng quân giặc đang đông, đang hăng mà dùng địa chiến thì không lợi bằng du-kích chiến, và thua trận ngay lúc đầu không khỏi tai hại cho tinh-thần Quân-đội.

Theo chúng tôi, du-kích chiến phải có cuộc vận-động chiến, tức là phải có nhân dân ủng hộ chiến-tranh. Nhân nhân địa phương vào thời đó thưa thớt, nên ta mất hẳn yếu-tố căn bản cho du-kích chiến. Hưng-Đạo-Vương chắc cũng thấu đáo tình trạng này. Ngài dùng đại quân giữ các ải Khả-lợi, Lộc-Châu, Chi-Lăng (thuộc Lạng-Sơn) và chống giặc không ngoài ý tuyên-truyền chiến-tranh, bất kể thắng bại, còn hơn là giặc tràn như nước lũ vào bờ cõi mà vua tôi, tướng sĩ đều bỏ chạy như gà non gặp cáo, hay lẩn lút nơi này, nơi khác sao cho lòng dân khỏi khủng khiếp, e sợ. Ta còn thấy việc rút lui nhanh chóng của quân Trần thì rõ rệt Hưng-Đạo-Vương không cố ý ăn thua với giặc bằng địa chiến, vậy địa chiến chỉ có tác dụng tuyên truyền hay vận-động chiến-tranh với nhân dân toàn quốc thì phải hơn.

Trong giai - đoạn đầu, nguyên-tắc chỉ đạo chiến-tranh của Ngài nằm gọn trong mấy chữ « dĩ đoản chế trường ». Với nguyên-tắc này phải dùng mưu hơn là dùng sức. Khi nắm được chỗ yếu của địch thì quân ít cũng có thể mở cuộc tấn công. Binh đội phải triệt để khai thác địa hình, địa vật.

— Phải làm sao cho giặc không thấy mình, muốn đánh không được đánh, để họ sẽ buồn nản và sinh lơ đãng.

— Khi quân địch rối loạn tinh-thần thì tập-trung ngay lực-lượng để tấn công và phản công. Tỷ-dụ : Trận Tây-kết có nhiều đạo quân như quân của Trần - nhật - Duật, quân Trần - quang-Khải, quân Trần-Quốc-Toản, quân Nguyễn-Khoái và đại quân của hai vua Trần cùng đến dự chiến. Quân Trần bao vây trước cho địch hết đường chạy rồi phóng ra hết lực - lượng để tiêu diệt. Toa-Đô đại bại và rụng đầu do cuộc phản công dữ dội này.

Khi thì đánh lẻ tẻ bằng những quân cảm tử, khi đột kích, phục - kích nhằm lúc địch chuyển quân hay kém đề-phòng, chiến trường luôn luôn có sự áp dụng các thế biến hóa bất thần, chiến-thuật, chiến lược cũng không theo hẳn một lối mà phải tìm cách thích hợp rất sát với hoàn cảnh.

d) Phá lương thực của giặc để phá tinh thần địch.

Hưng-Đạo-Vương lại rất quan tâm đến vấn-đề lương thực và quân-nhu của địch. Trong cuộc chiến-tranh tự vệ lần thứ ba, hai phen quân ta cố nhằm phá hủy thuyền lương của Mông Cổ và phá được thuyền lương thì khởi cuộc tấn công ngay. Tận lương vô kế, địch phải thua do cái đòn ác độc này đến nỗi phải cướp bóc lương thực của dân gian. Tuy sử không thấy chép Trần triều áp dụng chước « *Thanh dã* » (vườn không nhà trống) nhưng ta có thể thấy rằng nếu dân gian không dấu lương thực hay tiêu hủy thóc gạo thì quân-đội Mông Cổ đâu đã chóng kiệt quệ, khiến Thoát-Hoan phải hạ lệnh lui binh sau bốn tháng chiến đấu (cuộc chiến - tranh tự vệ bắt đầu từ mồng 3 tháng 11 năm Đinh Hợi (1287) và kết liễu và tháng 3 năm Mậu-Tí (1288).

Yếu-tố tâm lý là một điểm quan-trọng trong chiến-tranh. Các nhà tướng trong thời đại của chúng ta giờ đây mới biết đề cao vai trò của nó và đặt ra các kế hoạch tác động tinh-thần để thi-hành cuộc chiến - tranh tâm-lý bên cạnh cuộc chiến-tranh cơ-giới.

Trong cuộc xâm - lăng lần thứ nhất, Hưng-Đạo-Vương đã để ý ngay vào điểm này. Thấy giặc mạnh, Hưng-Đạo-Vương lùi nhưng ngó vào trận thế để tùy cơ ứng biến. Ít lâu giặc không quen thủy thổ, ốm đau tật bệnh sinh ra mỏi mệt phải rút về. Ngài biết thủy thổ, thiên thời ở nước ta là một mối nguycho giặc cần phải lợi dụng triệt để và cùng một lúc, Ngài hiểu sức mạnh ồ ạt của giặc vốn không có tính cách bền vững, lâu dài nên luôn luôn giữ được sự bình tĩnh.

Lợi dụng thiên thời, lợi dụng địa lợi chưa đủ. Khi giặc bị phá về lương thực quân-nhu, bế tắc về tiếp-vận phải đi cướp thóc gạo của dân ta để sống, Ngài liền thả ngay tù binh để báo tin thất trận của Trương-Văn-Hổ. Kết quả đã khiến từ Thoát-Hoan trở xuống ngã lòng, thoái chí.

Sau trận Chương-dương và Tây-kết, Hưng-Đạo-Vương thấy lòng quân hăng hái vì vừa thắng được những trận lớn, liền mở cuộc tổng phản công khắp nơi, dưới thủy và trên bộ. Đó là lợi dụng khí thế hay tinh thần Quân-đội đang lúc lên cao để tiến, đồng thời đem khí thế hăng hái để uy hiếp địch quân. Vương hiểu rõ ngoài khả năng vật chất phong phú, địch còn có một căn bản tinh-thần vững chắc. Xét lại cái phong phú vật chất không đáng sợ, Ngài cùng tướng sĩ chỉ cần tấn công ráo riết vào mặt tinh-thần nhất là giữa lúc địch đang bại trận liên tiếp. Giờ phút này sau những cuộc hăng máu bất lợi, địch nghiền ngẫm cuộc chiếnđấu của mình lại càng chán-chường thêm. Họ cảm thấy, họ chỉ là những con người máy bị đẩy đưa vào hết cuộc chiến-tranh này đến cuộc chiến-tranh khác, từ bao nhiêu năm. Tuy họ đã chiến thắng nhiều nơi (ngoài Việt-Nam) nhưng họ vẫn là công cụ, vẫn là nạn nhân của một chính-sách đế-quốc nhiều tham vọng. Nhiều kẻ trong bọn họ đã phơi xương trắng ở chốn quê người đất khách. Họ đâu phải là kẻ vô tri mà không nhìn thấy sự thật não-nề đó. Đến Việt-Nam thì họ biết mùi chiến bại, thân xác bị mỏi mệt, tật bịnh luôn luôn, đầu óc lúc nào cũng bị thảng thốt, các điều kiện chiến-đấu rất khó-khăn, trong lúc đó các đội quân kháng chiến như ma chơi, lúc ẩn, lúc hiện, lúc trùng trùng điệp điệp kéo đến ào-ạt bổ vây bốn phía làm họ trở mình không kịp, họ có hết lòng cũng không chống đỡ nổi.

Lúc này không cần đến tiếng địch của Tử-Phòng (biệt hiệu của Trương-Lương, là mưu thần của Hán Bái-công, đã dùng tiếng địch để giải tán đám tàn quân của Hạng Vũ bên bờ Ô-Giang) bọn người viễn xâm đó đã đủ mềm lòng vì chán chường, vì xa gia-đình, cố quận, vì chiến-đấu không lý-tưởng. Họ không mong gì hơn là chiến bại vì có chiến bại mới có cuộc bãi binh để ra về.

Nhất là quân Hán trong hàng ngũ Mông-Cổ, lại càng không muốn đánh nhau... Mông Cổ vừa đây đã chẳng dầy xéo tan nát quê hương của họ sao ? Quyền lợi của Mông-Cổ đâu là quyền lợi của Hán-tộc !

Đoàn quân ô hợp đó tóm lại đều có một tâm lý chung, là họ thấy bị lao thân vào một cuộc chiến đấu vô nghĩa nên luôn luôn họ sẵn sàng hành-động một cách tiêu cực nếu có dịp. Ngoài ra càng thua trận, họ càng sợ sệt nghĩ rằng khi các dân tộc trên thế giới bại trận, mà quân Việt nhiều phen thắng Mông Cổ hẳn là quân Việt tài giỏi vô cùng. Ngược lại Việt quân coi cuộc chiến là lẽ sống còn của toàn dân. Với cấp chỉ-huy, binh-sĩ khăng khít như da với thịt, cùng chia xẻ mối gian lao, cùng hướng theo một lý tưởng. Họ tin cậy ở chủ tướng như con đối với cha. Tin tưởng này căn cứ vào thời quá vãng đã có sự thân mến thành thực, nhiều phen nếm ngọt xẻ bùi. Họ luôn luôn nhớ đến lời Hịch năm Giáp thân (1284) của Hưng-Đạo-Vương giảng giải cặn kẽ vì sao họ phải cố gắng sống chết để đánh đuổi quân thù. Hai chữ «sát Thát» trên cánh tay há chẳng là biểu hiệu tấm lòng quyết tử đó sao ? Rồi họ thắng, thắng vì sức mạnh của chính nghĩa và chính nghĩa là sức mạnh vô song vô tận.

Thêm vào đó, bên cạnh sự thân ái giữa binh tướng của ta còn có một yếu-tố khác quan-trọng hơn là lòng yêu nước nồng nhiệt...

Việc binh phải kiêng nhất sự kiêu, đã kiêu tất không có đề phòng, và kiêu ngạo là thông bệnh của hầu hết của các tướng sĩ Mông-Cổ Vậy chính họ đã mở cửa để đón sự thất bại. Từ năm 1257, gươm giáo đã chạm nhau, lúc nào Trần triều cũng áp dụng lối vừa đánh vừa xoa, lại tỏ vẻ sợ sệt nữa để lừa quân Nguyên vào chỗ khinh địch cho có đủ thì giờ thi hành mưu chước và hạ những đòn chí tử. Cái trò gửi sứ-bộ qua Bắc triều hay việc cầu hòa trước hành-doanh Thoát-Hoan, Ô-Mã-Nhi thường diễn ra. Địch vẫn luôn luộn mắc phải.

đ) Lợi dụng lòng yêu nước của quốc dân

Mở lịch sử, ta thấy ngót 30 thế kỷ với họ Hồng-Bàng, dù ở tình trạng sơ khai ta cũng phải biết ít nhất thế nào là tự do, độc lập. Đến khi dâu biển đổi thay, ta bị nô lệ hơn 10 thế kỷ, nhục nhã đau khổ càng lắm, tinh thần quốc gia chủng tộc càng cao. Rồi họ Trưng, họ Triệu, họ Khúc, họ Ngô qua các nhà Đinh, Lê, Lý đem bao nhiêu xương máu tranh thủ, xây dựng và củng cố được độc lập, dân ta càng biết sâu xa hơn bao giờ hết, rằng độc lập, tự do là căn bản của đời sống dân tộc. Vì vậy lời hịch của Hưng-Đạo-Vương vừa tung ra, tiếng kêu gọi lòng ái quốc của Vua Trần giữa điện Diên Hồng được ngay dư âm khắp nước. Tiếng quyết chiến vang lừng 4 cõi, chữ «Sát Thát» nổi trên khắp mọi

cánh tay, cái hùng khí, lòng ham sống của cả một dân tộc trỗi dậy. Lợi dụng được lòng yêu nước thiết tha của quốc dân đến mức cuồng nhiệt, ấy Đại Tướng Trần Quốc Tuấn lại giỏi việc điều bát quân đội, thì cuộc chiến thắng phải là chuyện tất nhiên.

Sở-trường và sở-đoản của tướng sĩ Mông-Cổ

Việc bại trận của Mông Cổ ba phen ê-chề nhục nhã trong 30 năm ròng hẳn là phải có những nguyên nhân cụ thể, cũng như những cuộc chiến thắng của người Việt đâu phải là một điều may rủi, tình cờ.

Ai chối cãi rằng Mông Cổ không nhiều quân và quân nhiều không là một ưu điểm ?

Quân nhu, lương thực của họ, có thể nói là vô tận để theo đuổi một cuộc trường chinh, nhất là đối với một nước nhược tiểu như Việt Nam, thì cuộc trường chinh là một điều hết sức nguy hiểm, tai hại. Tất cả các ưu điểm này, chúng ta đã có dịp nói đến.

Còn chiến sĩ họ ? Họ từng đem quân reo, ngựa hí đi hầu khắp mọi nước dưới trời Âu, Á, bảo rằng chiến sĩ Mông Cổ kém tài, kém kinh nghiệm sao được ! Nhất là tại chiến trường Trung Quốc, họ đã có dịp thử tài, đọ trí với một dân tộc văn minh trước nhất trên thế giới đã sản xuất ra biết bao nhiêu danh tướng lỗi lạc tài ba từ hai ba mươi thế kỷ qua đến ngày nay, còn để lại cho hậu thế những binh thư yếu lược rất có giá trị. Sông núi Trung Quốc và cả các quốc gia khác cũng hiểm trở, kỳ khu chẳng là những lợi thế cho các anh hùng bản địa làm đất dụng võ sao ? Vậy mà bọn Thành Cát Tư Hãn và con cháu vẫn cứ thắng. Họ thắng bằng lối đánh mạnh, đánh mau, dốc toàn lực thẳng vào đối phương như trời long đất lở. Lối chiến trận lợi hại vô cùng này có lẽ đặc biệt nhất, riêng người Mông Cổ mới có từ đầu thế kỷ XIII, nếu ta để ý nhận xét tình trạng chiến tranh của các dân tộc trên thế giới.

Áp dụng được lối chiến trận này, điều kiện tối cần là phải có tinh thần thượng võ và lòng can-đảm đặc biệt. Quả vậy chiến sĩ Mông cổ là những con người thép, lòng can đảm hay tinh thần chiến đấu của họ thật là có thừa. Năng lực của họ lại mỗi ngày một tăng gia nhờ những cuộc chiến thắng liên miên trên hết nước này đến nước nọ. Họ tự cho mình là một giống người sinh ra để ngự trị các dân tộc trên thế giới bằng sắt và bằng máu và dưới con mắt của họ không một dân tộc nào đáng kể hết, cho nên lấy cường lực chống cường lực quả thật đối với Mông cổ là làm 1 việc tự sát.

Ngay cuộc chiến tranh năm Đinh-Tị (1257), Hưng-Đạo Vương đã nhận thấy các cái ưu nhược điểm của họ. Rồi do sự hiểu biết sâu xa các chiến Phấp cổ kim, Ngài tìm ra được cách đối phó có hiệu nghiệm.

Phải chi sang đến đất Việt sau một vài cuộc bại trận, quân thần vũ kia thay đổi ngay chiến thuật, chiến lược, không ỷ sức, cậy tài dùng chước tằm ăn lá dâu, ung dung thủng thẳng, không hà hiếp lương dân, không cần mau thắng lợi (đây là lời Hưng-Đạo-Vương bàn với vua Anh-Tông khi nhà vua đến vấn kế lúc Ngày sắp chết) thì tình thế đôi bên chưa biết sẽ thế nào và người Việt ta có giải quyết được cuộc xâm lăng cũng còn là muôn vàn lao khổ. Trái lại Mông Cổ cứ tự kiêu như nhà giàu cậy của, phung phí nhân tài, nhân lực, đến nỗi thua hết trận này trận khác, làm gì tướng sĩ chẳng đi dần đến chỗ nản lòng thoái chí. Thường tình con người ta mỗi khi thấy sức mạnh quen dùng của mình đang có kết quả bỗng trở nên vô hiệu dễ sinh thất vọng, nhất là qua tao này tao khác, tình thế bi đát. cứ tiếp diễn và kéo dài. Đoàn quân viễn chinh chính tông Mông-Cổ còn chán nản, thì các đoàn quân phụ thuộc người Hán trong bụng sẵn sự căm hờn lại càng rời rã như cát khô, cơm nguội.

Chúng ta ai mà không nghiệm thấy ba phen đoàn quân xâm lược sang Việt Nam. lúc vừa tới thời hùng hổ gớm ghê, nhưng sau một vài tháng gặp sự khó khăn, nhuệ khí buổi đầu tan dần như mây khói. Trước đây, sở dĩ bao nhiêu cuộc vạn lý trường chinh của họ thành công chỉ là nhờ chỗ dân bản địa không cầm cự được lâu dài, thiếu sự bền bỉ tinh thần và vật chất.

Việc thua trận của Mông-Cổ ở nước ta, ngoài chỗ do thiếu điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa, còn có thể tóm tắt do các nguyên nhân dưới đây và những nguyên nhân này là nguyên nhân nội tại không thể tha thứ được :

1) Từ tướng đến quân có tính tự kiêu, tự đại, vì khinh địch nên kém sự đề phòng mà phải thua trận.

2) Các Tướng lãnh không biết thay đổi chiến pháp để đối phó với các đặc-điểm địa phương.

3) Thua trận chóng sinh nản do thiếu đức tính kiên nhẫn.

4) Việc liên lạc trong Quân đội kém cỏi nên không biết tin tức của nhau để lo việc tương trợ, thành ra lực lượng bị phân tán.

5) Tổ chức tiếp vận không có lo xa, đến nỗi các thuyền lương bị cướp phá, vấn-đề tiếp vận bị ngừng ngay lại.

Có người phê bình rằng, nguyên nhân của sự khuyết điểm này do Quân Mông-Cổ bấy giờ còn ở trình độ bán khai, nên không biết lợi dụng kết quả của chiến tranh. Đáng lẽ họ cần phải lo bảo vệ các kết quả đó, tránh sự phá phách tài sản của dân bản địa thua trận, thì trái lại chính tay Mông-Cổ lại hủy hoại các chiến lợi phẩm trước. Đáng lẽ họ phải nghĩ rằng việc tiếp vận qua những chặng đường nghìn dặm từ Trung quốc tới đây đâu có nhanh chóng, sao bằng lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Bề khác, nếu không trông vào lương thảo của dân bản địa thì các đoàn tiếp tế quân nhu của chính quốc lúc nào cũng sẵn sàng ở bên này biên giới để phòng khi thiếu hụt.

Tóm lại, tướng lãnh Mông Cổ, ngoài cái tinh thần thượng võ và cảm tử đã yếu kém hẳn những ý thức cần thiết về chiến pháp và tổ chức chiến tranh trên phương-diện tinh thần và vật chất. Họ đã quen những cuộc chiến thắng dễ dàng rồi đã thất bại thảm thương mà ba phen vẫn không nhận ra nguyên nhân của sự thất bại, ỷ thị vào sức mạnh đã là một mối nguy, lại không nhận định được rõ ràng giá trị của đối phương và những sự khó khăn đặc biệt của chiến trường, trách gì chẳng bại vong thảm hại.

* * *

QUAN NIỆM LÀM TƯỚNG VÀ TIỂU SỬ CỦA HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG TRẦN-QUỐC-TUẤN

Với những trang trên đây, chúng tôi phân tách những ưu điểm và nhược điểm giữa ta và giặc cùng lối điều binh khiển tướng của đôi bên. Dưới đây chúng tôi xin kể vài nguyên tắc tổng quát trong phương pháp chiến tranh của Hưng-Đạo-Vương mà chúng ta không những thấy nó sâu sắc về mặt chiến thuật chiến lược, còn có giá trị đặc biệt về chính trị nữa. Với Hưng Đạo Vương, nghệ thuật đánh giặc là một chuyện, người làm tướng còn phải là nhà chính trị lỗi lạc, và chính trị phải dựa vào chính sách thân dân cùng tinh thần dân chủ.

Ngày 20 tháng 8 năm Canh Tí (1.300) Hưng Đạo Vương mất. Trước khi lâm chung, vua Anh Tông đến bên giường bệnh của Ngài, vừa để thăm viếng Vương vừa có ý vấn kế cho tương lai. Vua Anh-Tông hỏi:

«Rủi khi Đại Vương khuất núi đi rồi, giặc Bắc lại sang thì đối phó như thế nào?»

Ngài đáp:

«Xưa Triệu-Vũ-Đế lập quốc, vua Hán cho quân sang đánh. Triệu Vũ Đế cho dân đốt phá sạch quang đồng nội, không để quân địch cướp đoạt lương thảo, rồi đem đại binh ra châu Liêm, châu Khâm, đánh Tràng Sa lại dùng đoản binh đánh úp ở sau: đó là một thời». (Hưng Đạo Vương lầm ở chỗ này. Triệu Đà đóng đô ở Phiên-Ngung đem binh đánh thẳng Tràng-Sa, có lẽ Ngài tưởng rằng Vũ-Vương đóng đô ở nước ta).

«Đời Đinh, đời Lê lựa dùng được người hiền lương. Bấy giờ bên Bắc đang mệt mỏi suy yếu, còn bên Nam thì mới mẻ hùng cường, trên dưới đồng một ý, lòng dân không chia xẻ, đắp thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống: đó là một thời».

«Nhà Lý dựng nghiệp, quân Tống nhòm ngó bờ cõi, Lý-Triều dùng Lý-Thường-Kiệt đánh Khâm, Liêm, tiến đến Mai-Lĩnh: đó là việc có thể làm được.

«Trước đây Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi vây ta bốn mặt. Chúng ta vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước hợp sức chúng mới bị bắt đó là trời xui nên.

«Đại khái kẻ kia cậy trường trận, ta có đoản binh, lấy đoản chế trường, đó là thói thường của binh pháp. Quân địch ầm ầm tràn đến như lửa như gió, thế ấy dễ trị. Nếu nó dùng chước tằm ăn lá dâu, không cần mau thắng, không cướp phá

lương dân, thi hành nhân nghĩa, thì ta phải dùng lương tướng, xem tình hình mà liệu quyền biến như đánh cờ vậy. Nhưng phải tùy từng lúc mà chiến đấu, lựa hạng quân sĩ thân tín như tình cha con thì mới dùng được và phải nới lỏng sức dân đề làm cái chước rễ sâu, gốc vững. Đó la phương sách hay hơn cả.» (Toàn thư quyền 6, tờ 8b-9b, chương mục quyền 8, tờ 31a-32a).

Coi qua mấy nguyên tắc trên, ta còn thấy Hưng Đạo Vương đã nghiên cứu rất kỹ lịch sử chiến tranh từ thượng cổ giữa Bắc phương và chúng ta, những cuộc kháng Nguyên bằng lối dĩ đoản chế trường đã áp dụng nhiều lần kể từ Tây Âu Lạc chống quân Tần, Triệu-Vũ-Đế chống Hán, Triệu-quang-Phục tập kích quân Lương ở đầm Dạ Trạch v. v... Trong các cuộc chiến tranh này, các danh tướng trên đây đã khéo xử dụng các đặc điểm và ưu-điểm địa-phương nên thâu lượm được nhiều thắng lợi. Các danh tướng đời sau này cũng có nhiều người làm nên sự nghiệp rực rỡ trong công cuộc chống xâm-lăng không mấy ai bỏ qua các phương pháp lợi hại đó.

Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn chẳng phải là một vĩ-nhân riêng của nước Việt-Nam. Ngài có thể liệt kê vào hàng vĩ-nhân thế-giới trong thế kỷ XIII nữa vì Ngài đã cản đường quân xâm-lăng Mông-Cổ tại miền Đông-Nam-Á. Phải chi không bị chặn ngay tại bờ biển Bắc-Việt, ngọn cờ Nam-tiến của Mông Cổ chưa biết còn đi xa tới đâu nữa. Nếu nghĩ rằng vị đại anh hùng ấy chỉ có công giữ vững tự-do, độc-lập cho nhân-dân Việt-Nam, bảo-vệ chủ-quyền lãnh-thổ của Việt-Nam mà thôi, thì sự suy-luận sự-nghiệp anh hùng đó chẳng thiển-cận lắm sao ?

Trước sự nghiệp chói lòa sử sách ngàn thu của Ngài, người đời sau viết đến tiểu sử của Ngài không thể nào không chú ý đến vài điều đặc biệt về Ngài như sau :

Ngài tên húy là Quốc-Tuấn, con của An-Sinh Vương Trần-Liễu và bà Nguyệt, em là Vũ Thanh-Vương Trần-Doãn và là anh Thiên-cảm Hoàng-hậu vợ vua Trần-thánh-Tông (1258-1278). Ngài gọi Trần-Thừa (sau được tôn làm Thái-Tổ) bằng ông nội, Trần-Cảnh (vua Trần-thái-Tông) bằng chú ruột. Ngày sinh tháng đẻ của Ngài đến nay chưa ai được biết rõ rệt.

Năm Giáp-Thân (1284) là năm Thoát-Hoan sang xâm lăng nước ta lần thứ nhất Hưng-Đạo Vương tung ra lời hịch kêu gọi tướng sĩ đồng tâm hiệp chí đánh đuổi giặc nước. Ngài có câu : « Ta với các ngươi sinh ra ở buổi rối ren, lớn lên giữa lúc chật vật, chính mắt trông thấy sứ ngụy qua lại tới tấp trên đường...» Xét câu này đủ biết vào thời ấy nước ta gặp nhiều sự nhiễu nhương, trước cuộc khởi hấn của Mông-Cổ lần thứ I (1257). Hưng-Đạo Vương bấy giờ còn đang ở tuổi thanh xuân (khoảng trên 20 tuổi) và ngay khi đó Ngài đã giữ hết trọng trách về quân sự.

Qua tháng tư năm Tân-Hợi (1251) thân-phụ Ngài là An-Sinh-Vương Trần-Liễu mất mới bốn mươi mốt tuổi. Do đấy ta có thể ức đoán Ngài sinh vào khoảng năm Kiến-Trung thứ tư 1228 đến thứ bảy 1231.

Còn ngày mệnh chung của Ngài theo sử chép là ngày 20 tháng 8 năm Canh-Tí (1300) đời vua Trần-Anh-Tông (1293-1314). Vậy Ngài thọ độ 69 đến 72 tuổi. Theo Toàn thư quyền 5, tờ 17a-b sau ngày 15 tháng 2 năm Tân Hợi (1251). Quốc Tuấn tự do luyến ái rồi kết hôn với Thiên Thành Công-Chúa. Thuở nhỏ người ta đã thấy Ngài dung mạo khôi ngô, thông minh đĩnh-đạc, lớn lên xem rộng các sách nên đủ tài văn võ để làm những việc kinh bang tế thế sau này.

Đối với hoàng tộc nhà Trần, Ngài đứng vào hàng Thân Vương. Hồi tháng 10 năm Quý Mão (1288) do các chiến công kháng địch, Ngài được vua trần nhân Tông (1279-1293) phong làm Thượng Quốc Công.

* * *

MỘT VÀI ĐỨC TÍNH CAO CẢ CỦA HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG
hay là
QUAN-NIỆM TRUNG HIẾU CỦA NGÀI

Mở trang sử đầu tiên của họ Trần, ta thấy Thủ-Độ muốn giữ vững ngai vàng mới cướp được của nhà Lý, đã bày mưu hạ giá Lý-Chiêu-Hoàng để gả cho Trần-Cảnh. Rồi do chỗ Lý-Chiêu-Hoàng hạ giá, nhường ngôi cho chồng họ Đông A mới xuất hiện trên sân khấu chính trị Việt Nam ngót 2 thế kỷ. Sau 12 năm hương lửa Lý Chiêu-

Hoàng không con, Thủ-Độ liền đem vợ Trần-Liễu đang có mang gán cho Trần-Thái-Tông. Việc đảo lộn này đã ghi một mối thù đến chết vẫn không tan vào trong lòng Trần Liễu. Một thời vì chuyện này giữa 2 anh em Trần-Cảnh (Trần-Liễu với Trần-Cảnh là anh em ruột) có sự xung đột, chúng tôi đã có kể. Sau này dù hòa hợp nhưng mối hận trong lòng An-Sinh-Vương Trần-Liễu vẫn không khuây.

Lúc sắp chết Trần-Liễu trối trăn với Trần-Quốc-Tuấn như sau « Mai sau nếu con không vì ta mà lấy thiên hạ thì ta nằm dưới đất cũng không nhắm mắt được ».

Lời di chúc đó, Ngài không quên, nhưng trong bụng không cho là phải. Năm 1257 quốc gia lâm nguy, binh quyền nắm hết trong tay, Ngài đem lời Cha dặn hỏi thử bọn gia-thần là Dã-Tượng và Yết-Kiêu. Hai người này tỏ ngay lời can gián: « Làm việc ấy hẳn là giầu sang một thời đấy, nhưng sẽ mang tiếng xấu muôn đời. Đại Vương bây giờ đã chẳng giàu sang rồi ư ? Còn chúng tôi thà chết già làm gia nô hơn là làm quan không Trung, Hiếu »...

Trần-Quốc-Tuấn cảm động rớt nước mắt, chịu lời họ là phải. Có lẽ ngài nghĩ rằng, một việc tranh quyền thoán vị không hợp danh-nghĩa đều có hại cho dân cho nước hay cho nhân luân. Đối với vua Nhân Tông, trong là tình ruột thịt, ngoài là nghĩa vua tôi, con người trượng phu đứng trong trời đất đâu có thể hành động như vậy? Người ta tin mình trao hết binh quyền lúc thời bình còn chẳng nên bội phản huống hồ lợi dụng lúc giặc đến cổng ngõ mà trở giáo chẳng hèn lắm sao! Bên trong gây biến, bên ngoài quân xâm lăng tràn tới, miếng đỉnh chung chưa chắc đã nắm được mà cái họa thì đã sờ sờ trước mắt. Tội với tổ tiên, với quốc dân bao giờ rửa sạch ? Con người đã hấp thụ sâu xa đạo lý Khổng-Mạnh như Ngài không khỏi có sự suy xét như vậy, cho nên lời cản ngăn của hai kẻ thủ-túc lọt ngay vào tai Ngài.

Một hôm Ngài đem chuyện này ra hỏi ý Hưng-Vũ-Vương Quốc Hiến (Ngài có bốn con Hưng Vũ Vương Quốc Hiến, Hưng Hiếu Vương Quốc Uy, Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng, Hưng Trí Vương Quốc Nghĩa, một con gái đẹp duyên cùng Trần Nhân Tông và một nuôi lấy Phạm Ngũ Lão) Hưng Vũ Vương thưa — Ngay đối họ khác còn chẳng nên nữa là cùng máu mủ ruột già.

Bữa khác cũng về chuyện này, Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng đáp:

— Vua Tống Thái Tổ xưa chỉ là một ông nhà quê, vậy mà biết lợi dụng thời cơ nắm được thiên hạ. Ngài nổi giận tuốt gươm kể tội Quốc Tảng.

— Xưa nay kẻ loạn thần nghịch tặc toàn là những đứa bất trung, bất hiếu !

Nhờ có Hưng Vũ Vương khóc lóc van xin, Quốc Tảng mới khỏi chết. Ngài giận Quốc Tảng từ đấy cho đến khi sắp chết dặn lại khi nào Ngài chết, áo quan đã đậy nắp mới cho Quốc Tảng vào viếng.

Từ khi có sự hiềm khích giữa cha chú, Ngài giữ ý tứ hết sức. Trong khi chạy giặc Mông Cổ cùng hai Vua Thánh Tông và Nhân Tông, xưa nay Ngài có cái gậy đầu bịt sắt hình quả chuông mà lưỡi thì nhọn, Ngài liền vứt bỏ cái đót bịt nhọn ấy để tránh mọi sự nghi ngờ.

*
* *

TÌNH HỮU ÁI TRONG LÒNG ANH EM, LÒNG TRUNG DŨNG VÀ TÍNH THẬN TRỌNG CỦA NGÀI

Hưng-Đạo-Vương cùng Chiêu-Minh-Vương Trần-quang-Khải trước kia cũng có sự bất hòa (Trần-quang-Khải là con thứ ba của vua Thái-Tông vốn thông minh và có văn-học, được phong làm Tướng Quốc Thái-Úy tổng thiên hạ rồi thăng Thượng Tướng). Khi quốc-gia lâm nguy, hai người bỏ hết hiềm riêng hợp tác chặt chẽ để lo việc nước. Một hôm ngài ở Vạn-Kiếp về, Quang-Khải xuống thuyền chơi, nhân Quang-Khải vốn ngại tắm, ngài liền cho người đun nước trầm hương rồi cởi áo Quang-Khải dội nước, ngài đùa :

Thân thể Thượng-Tướng nhiều cáu ghét lắm xin phép cho tắm rửa.

Quang-Khải cũng đùa lại :

— Rất sung sướng được Quốc-Công tắm rửa cho.

Từ đấy, kẻ lo việc văn, người lo việc võ, chung vai đấu sức, đồng tâm hiệp chí nên đã giải quyết được cuộc xâm lăng Mông-Cổ.

Nước nhà bị giặc chà đạp, ngài tung ra lời hịch vô cùng lâm ly thống thiết : «... đến bữa ta từng quên ăn. Ban đêm ta dựa gối trào nước mắt lòng đau như cắt, giận không được nuốt thịt nằm da, ăn gan uống máu quân địch. Thân ta dù phải chặt làm trăm mảnh mà dính khắp cả đồng, thây ta dù phải chết đến nghìn lần mà bọc vào da ngựa, ta cũng sẵn lòng...»

Khi thế giặc đang mạnh, việc tàn phá của chúng hết sức tai hại, vua Thánh Tông có ý do dự về việc chống nguyên, hỏi ý kiến ngài về vấn đề này, ngài khẳng khái trả lời :

« *Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi trước đã* ».

Con người đó rõ rệt chỉ có một sống một chết với quân thù, nhưng lòng tin tưởng mãnh liệt đó không phải là vô căn cứ. Ngài hiểu hai bà Trưng là gái mà một tiếng hô thu phục được sơn-hà. Triệu Quang-Phục quân cô, thế yếu đuổi được quân nhà Lương. Lý Thường-Kiệt mặc dầu lực lượng Đại-Việt ta chóm nở dám đem quân phá đất Tống, bây giờ đây tinh thần dân-tộc mỗi ngày một tiến thì vững lòng bền chí ắt cũng có thể đuổi được quân thù ra khỏi bờ cõi. Lòng quyết tử, ý quyết chiến ấy đã được xây-dựng trên một thực tế của lịch-sử, nhưng phải có một nhận định bình tĩnh và sáng suốt mới nhìn thấy cái thực tế đó, nếu không, giữa khi lửa cháy ngất trời, quân Nguyên hung dữ như sài, lang, tung hoành bốn cõi, không tin chắc vào quá khứ oanh liệt của tiền nhân, lòng ái quốc mãnh liệt của dân nước, ai dám nghĩ tới chuyện chống giặc khi đó mạnh mẽ hơn ta trăm phần. ?

Trong trận Bạch - đằng - Giang, được tin Ô-mã-Nhi rút binh, ngài cùng quân sĩ trở xuống Hóa-Giang cùng thề « *Trận này không phá xong giặc Nguyên thì không trở lại sông này nữa* ».

Rồi mỗi lần quyết chiến, quyết tử là mỗi lần thành công, người đời nay do vận mạng dân-tộc, tự do của nòi giống há chẳng lấy đó làm nghĩ sao ?

Khi nước đã yên, cuộc thái bình thịnh vượng trở lại, ngài được vua Thánh-Tông phong chức Thượng Quốc-Công lại được quyền ban thưởng tước vị từ Minh-Tự trở xuống (duy có tước Hầu thì ban trước tâu sau).Tuy được đặc quyền này, ngài cũng chưa từng ban tước cho ai cả.

Đối với những người giàu có xuất tiền gạo giúp cho quân đội trước đây, ngài chỉ phong cho làm Giả-Lang-tướng mà thôi, nghĩa là tướng cho vay lương.

Như vậy ta thấy rõ ràng từ cuộc chống Mông-Cổ là một chuyện có quan hệ sinh tử cho đất nước đến việc triều đình, ngài hết sức thận trọng. Làm tướng ngài không nóng nảy, bồng bột là cái tật rất thông thường của hầu hết các quân nhân hay vì những khí khái hão làm lỡ việc quốc-gia. Giữ chức Thượng phụ trong triều đình, ngài không lạm dụng lòng tin cậy của vua, ban càn chức tước để gây bè đảng, những đức tính ấy thật đáng làm gương cho hậu thế.

LÒNG SÙNG BÁI CỦA NGƯỜI ĐỜI SAU ĐỐI VỚI NGÀI

Ngày 20 tháng 8 năm Canh-Tý (1300) ngài mất ở nhà riêng Vạn-Kiếp thọ hơn 70 tuổi, nhân dân xa gần xót thương như cha mẹ chết. Tin buồn này đến tai vua, Vua đang ngồi ở nhà tuyên thất khóc to lên rằng «Thượng Phụ là trụ thạch của nước nhà, mặc áo giáp, cầm mũi nhọn quét sạch bụi Hồ, lấy lại Thần Kinh, vỗ yên muôn họ, nay bỏ trẫm mà đi, tìm đâu được người lo dân, yêu nước như Thượng-Phụ ! »

Triều thần đều nhỏ lụy, hôm ấy có lịnh bãi chầu 10 ngày để tỏ lòng thương tiếc bậc vĩ nhân của thời đại. Nhân-Tông Thượng Hoàng và vua Anh-Tông truyền chỉ các quan mặc áo hiếu tức là áo để chở cha mẹ. Vua đi xe mộc, ngựa trắng, thân đến tận nơi trông nom tang lễ, đem đồ đồng liệm táng ở vườn An lạc, nay là một phần rừng An-Sinh, huyện Đông-Triều, tỉnh Hải-Dương. Tại đây Vua Anh-Tông làm văn bia sắc phong ngài làm : Thái Sư Thượng-phụ Thượng Quốc-Công, bình Bắc Đại Nguyên-Soái, long công thịnh Đức võ liệt hồng quân, nhân vũ Hưng-Đạo-Vương,» sai lập miếu ở Thiên-Trường và Vạn Kiếp để nghìn năm cúng tế. Ngay lúc ngài chưa mất, để kỷ niệm sự nghiệp vĩ đại của ngài, vua Thánh Tông tự làm bài văn bia ở đền Sinh-từ của ngài để thờ sống và ví ngài như Thượng-Phụ nhà Chu.

Ngôi đền thờ của ngài ở Vạn-Kiếp ngót bảy thế kỷ nay không ngớt khói hương do dân hai xã

Vạn-Yên và Dược-Sơn trông nom. Hàng năm vào ngày giỗ ngài, nhân dân xa gần đưa nhau đến chiêm bái đông như nước chảy. Vạn-Kiếp vì vậy đã một thành cái đài công cộng để toàn thể nhân dân tưởng niệm vĩ-nhân, ngoài ra dân ta còn thờ Ngài từng nhà, tôn ngài là Thánh như dân Trung-Hoa thờ Quan Vân-Trường. Chỉ khác ta thờ Hưng-Đạo-Vương để nhớ ơn 1 vị cứu quốc. Người Tầu thờ Quan công vì mến đức Trung-Nghĩa. Trong Nguyên sử mặc dầu chiến bại, người Nguyên chép tên ngài cũng kiêng tên húy mà gọi ngài Hưng-Đạo-Vương. Vinh dự thay!

Dân Trung Hoa từ trước tới giờ mỗi khi con trẻ quấy khóc thường dọa bằng bốn tiếng: «Hình Tầu Tài Vòong» (Hưng-Đạo-Vương) lại còn viết chữ này trên giấy đỏ dán ở đầu giường để trấn áp ma quỷ và cho trẻ con khỏi khóc đêm (theo báo Kiến quốc số 1 ngày 11/10/1949) một nhà báo Nhật năm 1945 qua Việt-Nam tìm đến Vạn-Kiếp viếng đền ngài thấy hai câu đối :

«Vạn-Kiếp hữu-sơn giai kiếm khí
«Lục đầu vô thủy bất thu thanh

liền cảm xúc viết bài thơ bằng Hán văn tỏ lòng ngưỡng mộ dưới đây :

Thanh kỳ biệt hữu thử giang sơn
Sản xuất anh hùng biểu thế gian
«Kiếm khí» do kinh Hồ lỗ phách
« Thu thanh » túc sái, thủy sàn sàn.

Dịch nôm :

Ở đây riêng có cảnh núi thanh-kỳ chung đúc nên trang anh hùng làm tiêu biểu cho thế gian. Cái hơi kiếm của ngài đủ làm cho giặc Mông-Cổ kinh hồn mất vía. Tiếng mùa thu hiu hắt, lạnh lùng, nước Lục đầu ào ào, dào dạt.

VỊNH HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG

Anh hùng cứu quốc sáng di luân
Hiển hách ngàn thu : Đức Thánh-Trần !
Gậy trúc lòng son thờ nhị Đế,
Cờ mao, dạ sắt khiến tam quân.
Ba phen giặc Bắc tan hồn quỷ,
Muôn thuở, dân Nam tựa bóng thần.
Núi Dược, sông Đằng thêm nổi tiếng,
Đều nhờ tài trí đấng Nguyên Huân.

Tăng Chi

CẢM ĐỀ VẠN-KIẾP

Này núi, này sông, này miếu lầu,
Những người thiên cổ bây giờ đâu ?
Mây xanh lớp lớp rơi sương lạnh,
Kiếm bạc đêm đêm nhả khí sầu.
Vạn Kiếp lập lòe tàn lửa trận.
Lục-đầu văng vẳng khúc ca thâu
Đâu hồn chinh khí đâu nay mất ?
Nhớ Đại Vương xưa đuổi giặc Tầu

Hồ Xanh

BẠCH ĐẰNG GIANG

Leo lẻo dòng sông nước tựa dầu,
Trăm ngòi nghìn lạch chảy về chầu.
Rửa không thấy thầy thằng Ngô chạy,
Giặt mãi lâng lâng khách Việt hầu
Nọ đỉnh Thái Sơn rành rạch đó
Nào hồn Ô-Mã lạc loài đâu ?
Bốn phương lẳng lặng kình như thóc,
Thong thả dù ta bủa lưới câu.

(Hồng Đức tờ 32a)

Bài đề Bạch-Đằng Giang trên đây là bài thơ làm thuộc về đời Hồng-Đức đối với thơ nôm đáng kể là loại khá cổ. Ngay từ đời Lê, ta đã thấy trong thơ nôm, văn khí mạnh mẽ, ý tứ thành thực, cú pháp đơn giản.

Tác giả có ý nói nước sông Đằng đầy máu quân Tầu trong như dầu, như mỡ. Sau này ta lại có câu «Đằng Giang tự cổ thủy do hồng» (Nước sông Đằng từ xưa vẫn còn đỏ như máu) cũng nêu lên một hình ảnh. Trăm dòng sông nghìn ngả đều chẩy về sông Bạch Đằng phát nguyên ở Lục đầu giang rồi mới chẩy ra bể) Tắm rửa bên sông không còn thấy bóng quân Tầu nào chạy. Giặt dũ được sạch bởi người Việt trước đã biết lo toan. Kia núi Thái sơn rành rành trước mặt: (gần sông Đằng có nhiều núi cao. nên mượn tên núi Thái-Sơn mà tả cảnh hùng vĩ) nào đâu là Ô-Mã-Nhi giờ lạc loài về phương nào ? Ngày nay bốn phương được yên ổn, giống kình im như thóc (tỏ ý quân Tầu sợ hãi nước ta nên phải im hơi và không dám quấy nhiễu nữa) những khi nhàn hạ tới sông này thả lưới chơi.

* * *

TRẦN THỦ ĐỘ VỊ THỦ TƯỚNG ĐẠI TÀI CỦA VIỆT-NAM

Họ Trần đóng một vai trò vô cùng quan hệ trên sân khấu chính-trị Việt-Nam đầu thế kỷ thứ XIII. Người đã gây dựng ra Trần-triều là Trần-thủ-Độ. Người đã biến một nước Việt-Nam rối loạn yếu hèn cuối đời nhà Lý ra một nước Việt-Nam hùng cường oanh-liệt nhất của Đông-Nam-Á Châu cũng là Trần-Thủ-Độ. Nhớ sự nghiệp của Trần-Quốc-Tuấn ta có nên quên Trần-Thủ-Độ không ?

Trần-Thủ-Độ sinh năm Giáp Dần (1194) niên hiệu Thiên-Tư Gia-Thụy đời Lý Cao-Tông năm thứ 9, cùng tuổi với vua Huệ-Tông và là cháu ruột Trần-Lý. Ông mất vào tháng giêng năm thứ bẩy (1264), niên hiệu Thiên-Long, thọ đúng 70 tuổi.

Đối với Trần-Thủ-Độ, các Sử gia xưa và nay hầu hết thường có rất ít cảm tình. Với các Sử gia đó, Trần-Thủ-Độ là kẻ đại gian hùng đã lợi dụng địa vị của mình mà ngấm ngầm lật đổ nhà Lý, một giòng họ đã cầm vận mệnh nước Việt-Nam trên 2 thế kỷ. Theo Trúc-Khê, ngôi vua nhà Lý từ Lý-huệ-Tông đã nghiêng ngửa rồi. Cứ xem xã hội Việt-Nam, khi nhà Lý sắp tàn thì bốn phương rối loạn, nhân dân điêu đứng, lầm than hết chỗ nói. Nước ta như cái nhà đã siêu lệch đến mấy phần. Đáng lẽ Huệ-Tông phải ra tay chèo chống, ông lại là kẻ bất tài vô trí, có thể nói là ngu dốt nữa. Chẳng vậy thế nước đã suy tàn, ông lại truyền ngôi cho 1 cô bé lên bẩy tuổi để rảnh thân đi tụng kinh niệm Phật. Nước ta bấy giờ đáng coi như vô chủ rồi. Sự vô chủ ấy là tự vua Lý lìa bỏ chính quyền, trốn tránh nhiệm-vụ. Trong khi ấy thì núi Tản sông Lô đành chờ đợi bất cứ một người nào miễn có tài an dân định loạn đem bốn phương về một mối, cứu trăm họ khỏi vòng binh lửa. Người có tư cách kinh bang tế thế đời bấy giờ chẳng phải là Trần-Thủ-Độ sao ? Với tài đảm của ông, ông rất có thể lên ngôi Hoàng-đế lúc này mà không đáng phải chịu lời dị nghị. Vậy mà ông để cái ngôi đại bảo cho người cháu lên làm chủ tể, còn mình chẳng quản gội gió tắm mưa, xông tên đột pháo để làm cho bốn bề thanh bình.

Nói cách khác Trần thay Lý, phải đâu ngôi ấy đang yên ổn vững vàng. Chính Thủ-Độ phải dùng vào đấy bao nhiêu tâm lực quốc thế vào đi đến chỗ Thái-Sơn, bàn thạch. Vậy việc Trần-Thủ-Độ lật đổ ngôi nhà Lý và dựng nghiệp Trần không có gì là đáng trách cả. Nó còn là một điều hợp với nhu cầu của tình thế nữa. Ta còn phải ca tụng thêm cái tài ba của bậc vĩ nhân ấy đã làm cho nước ta thống nhất dưới đời Kiến trung. Nhờ có sự thống nhất, nguyên khí của nước hao mòn sau mấy mươi năm loạn lạc mới được bồi dưỡng dần dần, nên sau mới đủ lực lượng chống lại quân Mông-Cổ là quân kiêu hùng nhất thế giới để giữ được nền độc lập cho dân tộc. Nếu không nhờ có sự thống nhất quốc-gia của Trần-Thủ-Độ, trong nước cứ kéo dài tình trạng rối ren, ly loạn thử hỏi quân Mông-Cổ sang cướp nước, người mình phỏng có cách gì mà chống lại được chăng ? Coi đó Trần-Thủ-Độ chẳng những không phải là người có tội trên lịch sử mà chính là người có công không riêng đối với triều Trần mà cả với nước Việt-Nam nữa.

Tuy nhiên Thủ-Độ có chỗ đáng trách là đã quá tàn ác với họ Lý. Nhưng nếu ta chịu khó so sánh rộng ra một chút, ta cũng có thể lượng xét cho ông. Cứ xem các nhà chính-trị trên thế giới xử trí với phe địch hay những người mà họ coi như là nguy hiểm nhiều khi còn nhẫn tâm gấp mấy lần hôm qua cũng như hôm nay.

Thêm vào đó, con người ra tranh đấu trong thời rối ren có khi phải thi hành những việc bạo liệt, gian hùng, mà chính mình bên trong cũng chẳng muốn. Ngoài ra cử đồ đại sự thường khó tránh cho hết được lỗi lầm nhỏ nhặt.

Luận sự nghiệp anh hùng mà bắt bẻ đến chỗ tỉ mỉ thì thật là quá khắt khe. Ta chỉ nên xét cái kết quả cuối cùng mà họ mang lại có lợi, hại gì cho dân, cho nước, cho đại cuộc mà thôi.

Có người còn chê Thủ-Độ ở chỗ độc tài, nhận định này quả là có đúng, nhưng ở vào một thời đại loạn, người anh hùng nào làm nên sự nghiệp mà chẳng phải có đức tính cương quyết ? Lại có người phê bình Thủ-Độ mưu-trí chẳng kém Richelieu, Mazarin của Pháp hoàng Louis XIII và Louis XIV hồi thế kỷ thứ XVII vì Richelieu, Mazarin cũng là những chính-trị gia ngang hàng lỗi lạc, một thời từng diệt trừ đảng phái đã giữ nhiều đặc quyền, canh cải tài chánh, chỉnh đốn binh đội, luật pháp, văn-hóa trong

nước vừa bảo vệ uy quyền tuyệt đối của Vương-triều, vừa xúc tiến cuộc tiến bộ của dân tộc.

Lời so sánh đó về đại cương có đúng một phần nào, nhưng Trần-Thủ-Độ có một điều đặc biệt hơn Richelieu và Mazarin vì ông chỉ là người xuất thân trong chốn bình dân, học hành hẳn không nhiều, thế mà làm đảo lộn được thời thế, phát động được cuộc canh tân quốc gia. Ông lại là người đi trước Richelieu, Mazarin bốn thế kỷ, có những sáng kiến rất sáng suốt như chính sách «*tận dân chi binh*» mà các nước Âu-Mỹ 200 năm vừa đây mới biết áp dụng. Như vậy sự nghiệp của ông rực rỡ hơn nhiều và phải kể là xuất chúng nữa. Còn về phương diện tài ba, nếu ta cân nhắc thì thấy Richelieu cộng với Mazarin mới thành một Trần Thủ-Độ.

Người đời sau chỉ biết ca ngợi Hưng-Đạo Vương người anh hùng thắng Nguyên từ 1257 đến 1288 mà quên người có con mắt xanh đã tiến cử và dựng nên bậc thanh niên hào kiệt đó và cũng con người tinh đời ấy đã chuẩn bị các điều kiện cùng hoàn cảnh tốt đẹp cho nhân dân Việt-Nam, ba phen chống quân xâm-lăng vô cùng nguy-hiểm sau này.

Đến nay 7 thế kỷ qua rồi, Trần Thủ-Độ còn để lại một lời khảng khái bất hủ trong cuộc kháng Nguyên giữa một tình thế gần như tuyệt vọng :

«*Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì bệ hạ đừng lo*».

Lời nói ấy thật là hưng bang. Phải chi ông quẫn trí như Thái-úy Nhật-Hiệu (Khâm-thiên Đại Vương) người đã hoạch cái kế «*nhập Tống*» xui vua bỏ nước chạy ra xứ ngoài thì tướng sĩ còn đâu tinh thần chiến đấu ! Nền độc lập của nước ta dựng được từ đời Ngô, Đinh chắc hẳn phải sụp đổ ngay từ năm đó, chẳng đợi quân Nguyên kéo sang hai chuyến nữa. Lời Nhật Hiệu đáng coi như là lời «*táng quốc*». May thay vua Thái-Tông sáng suốt không nghe.

Để kết luận, Trần Thủ-Độ đã tránh cho nước nhà một cuộc đô hộ hết sức đáng sợ. Trần Thủ-Độ đã tạo cho nước nhà một địa vị oanh liệt nhất ở Đông-Á và trên thế giới thuở bấy giờ. Các danh thần lương tướng cổ kim thiết tưởng chẳng mấy người hơn và chúng ta cũng nên lấy làm may mắn hồi thế kỷ XIII được sống dưới sự dìu dắt của vị thủ tướng tài ba lỗi lạc ấy.

BẢNG KÊ-KHAI NHỮNG PHẦN TỬ HY-SINH TRONG CUỘC KHÁNG NGUYÊN

NGÀY THÁNG	CHỐNG NGUYÊN	CHỨC TƯỚC	TÊN HỌ	NƠI BỊ BẮT HAY BỊ GIẾT
Đinh-Tị	1257	Phú Lương Hầu	?	Gần cầu Phú-Lỗ
Đinh-Tị	1257		Toàn dân Thăng-Long.	Thăng-Long (bi giet chet)
Nhâm-Ngọ	1282	Gián điệp	Đỗ-Vĩ	Gần ải Nữ Nhi (Lạng Sơn)
12/1 Ất-Dậu	1285		Quân sĩ thì thích chữ « Sát Thát »	Vũ-Ninh, Đông-Ngạn Gia-Lâm (Bắc-Ninh)
21/1 Ất-Dậu	1285	Bảo-Nghĩa-Vương	Trần-Bình-Trọng	Bãi tha mạc (Hưng-Yên)
2/2 Ất-Dậu	1285	Tướng quân	Đinh-Xa	Cửa Vệ Bố
2/2 Ất-Dậu	1285	Tướng quân	Nguyễn-Tất-Dung	Cửa Vệ Bố
2 Ất-Dậu	1285	Công Chúa	An-Tư (em gái út vua Trần-Thánh Tông).	Thăng-Long (bị dâng cho Thoát-Hoan)
5/5 Ất-Dậu	1285	Nghĩa-Dũng	Trần-Thiệu	Nam Sách Giang (Hải-Dương)
5 Ất-Dậu	1285	Phụ Đảo Tử	Hà-Đặc	A-Lạp (Phú-Thọ)
Đinh-Hợi	1287	Tướng Quân	Lê-Thạch	Tam đái giang (bị bắt)
Đinh-Hợi	1287	Tướng quân	Hà-Uổng	Tam đái Giang (bị bắt)
Mậu-Tí	1288	Tướng quân	Phạm-Trù	gần ải Nội Bàng (Lạng-Sơn)
Mậu-Tí	1288	Tướng quân	Nguyễn-Ky.	gần ải Nội Bàng (Lạng-Sơn)

BẢNG KÊ-KHAI NHỮNG KẺ PHẢN-QUỐC HÀNG MÔNG-CỔ

NGÀY THÁNG	CHỐNG NGUYÊN	TÊN HỌ	GỐC GÁC	
1/2 Ất-Dậu	1285	Trần-Kiện	Con tỉnh Quốc-Vương Trần-Khang.	Bị bắn chết ở trại Ma-Lạc sau bị đổi ra họ Mai.
1/2 Ất-Dậu	1285	Lê-Tắc	Tác giả An-Nam	Nếu tên này không ghi rõ án phạt tức là bị tội lưu hay tử hình vắng mặt.
3/2 Ất-Dậu	1285	Trần-Tú-Viên	Văn Nghĩa-Hầu	
15/3 Ất-Dậu	1285	Trần-Ích-Tắc	Con vuaTrần-Thái Tông.	Bị gọi là Ả Trần
15/3 Ất-Dậu	1285	Trần-Dục	Con Trần-Ích-Tắc	
3 Ất-Dậu	1285	Trần-Văn-Lộng	Cháu Trần-Thủ Độ.	Bị đổi ra họ Mai
3 Ất-Dậu	1285	Lê-Diễn		
3 Ất-Dậu	1285	Trịnh-Long		
Ất-Dậu	1285	Đặng-Long	Cận thần của Trần-Nhân-Tông	Bị chém
Ất-Dậu	1285		Làng Bàng-Hà Chí-Linh, Hải-Dương.	Cả làng bị tội đồ
Ất-Dậu	1285		Làng Bà Điểm Chí Linh Hải-Dương	Sai sử hoành (nô-lệ)
3 Ất-Dậu	1285	Phạm Cự-Địa		

NHÀ TRẦN
(sau cuộc chống quân Mông-Cổ)

1. TRẦN ANH TÔNG (1293-1314)
Niên hiệu : Hưng-Long

Nhà Trần kể từ vua Thái-Tông đến Anh-Tông là một giai đoạn cường thịnh nhất. Vua thời đáng liệt vào bậc thánh, bề tôi vào bậc thần nên đã lập được sự nghiệp bất hủ trong sử xanh. Về đời Trần chúng ta có thể chia ra làm 3 thời kỳ để đánh dấu tính cách đặc biệt của mỗi thời kỳ :

a) Thời kỳ thứ nhất (1225-1293).— Kể từ vua Trần Thái-Tông đến hết đời Trần Nhân-Tông là thời kỳ có nhiều cuộc tranh đấu, đối ngoại hết sức gian lao, oanh liệt và thâu được những thắng lợi vẻ vang.

b) Thời kỳ thứ hai (1293-1341).— Kể từ Anh-Tông đến Hiến-Tông, nước nhà được 48 năm thái bình thịnh trị, tuy thỉnh thoảng có vài cuộc quấy rối ngoài biên viễn.

c) Thời kỳ thứ ba (1341-1400).— Kể từ Dụ-Tông đến Thuận-Tông dần dần có nhiều việc lộn xộn từ triều đình ra ngoài dân dã, chính-sự đổ nát, giặc cướp lung tung. Tới Thiếu-đế Án thì ngai vàng của họ Trần bị sụp đổ hẳn, để nhường sứ mạng dìu dắt dân tộc cho một dòng họ khác.

Thay vua Trần Nhân-Tông là Thái-tử Trần-Thuyên tức vua Anh-Tông. Anh-Tông khác với các tiên vương ở chỗ tính tình phóng túng trong khi ra cầm vận mệnh quốc gia giữa lúc tuổi trẻ, nhưng nhà vua được điểm khả quan là có tinh thần cấp tiến, biết bài trừ các điều dị đoan, hủ bại. Có những đêm ngài lén ra ngoài hoàng cung để chơi-phiếm, một đôi khi bị kẻ vô lại phạm đến, Ngài lại hay uống rượu. Một hôm Nhân-Tông Thượng-Hoàng từ Thiên-Trường về Kinh, các quan đều có mặt ở nơi tiếp đón, duy chỉ có nhà Vua, lúc này đương say rượu nằm ngủ không ai dám đánh thức. Thượng-Hoàng giận lắm, liền truyền xa giá lập tức trở về Thiên-Trường và hạ lệnh cho các quan phải về đấy để

bận việc. Anh-Tông tỉnh dậy biết tin, sợ quá vội vàng chạy theo. Ra khỏi cung ngài gặp Đoàn Nhữ-Hài khi đó còn là học trò. Ngài mượn Nhữ-Hài làm ngay bài biểu tạ tội, rồi cùng Nhữ-Hài ngày đêm về tới Thiên-Trường. Thượng-Hoàng xem biểu xong, quở trách một hồi rồi tha tội cho Anh-Tông. Trở về Kinh, Đoàn Nhữ-Hài được phong làm Ngự-Sử trung tán và từ đấy Vua Anh-Tông không uống rượu nữa.

Theo cổ tục các Vua Việt-Nam đều lấy chàm vẽ rồng vào đùi. Vua Anh-Tông không chịu theo phong tục đó. Thượng-Hoàng có lần giục nhà Vua: « *Người nước ta vẫn vẽ mình để nhớ lấy gốc, nhà Vua phải theo tục ấy mới được* ». Bề ngoài Vua Anh-Tông vâng lệnh nhưng rồi Thượng Hoàng bận việc quên đi, ngài được dịp không cho vẽ nữa. Từ đấy trở về sau, các vua chúa của ta có lẽ cho ý kiến của vua Anh-Tông là hợp lý, nên cũng triệt bỏ hẳn tục xăm mình.

Vua Anh-Tông đau nặng, Hoàng-Hậu cho mời thầy tăng lễ cầu đảo xem việc sinh tử của ngài. Nhà vua cự tuyệt nói: « Thầy đã chết đâu mà biết được việc chết ».

Vua Anh-Tông ham vẽ, ngài làm được tập « *Thủy-Vân tùy bút* », khi sắp mất ngài cho đốt đi. Tóm lại vua Anh-Tông là một ông vua có hiếu, thông minh, nhờ vậy việc triều chính thuở đó được tốt đẹp. Dưới đời ngài, phép nước được nghiêm trang, văn học mở rộng, dân chúng no ấm, thật là một thời thịnh đạt. Các đại-thần đều là những người trung chính như Trương Hán-Siêu, Phạm Ngũ-Lão, Mạc Đĩnh-Chi, Nguyễn Trung-Ngạn...

Trong đời vua Anh-Tông, có mấy việc quan trọng đã xảy ra; Thượng-Tướng Trần-quang-Khải, người anh hùng thắng trận Chương-Dương mất năm Giáp-Ngọ (1294), Hưng Đạo-Vương mất ngày 20-8 năm Canh-Tý (1300). Về phía Tây-Nam nước ta, giặc Lào thường hay sang quấy nhiễu ở hai địa phận lân cận là Thanh-Hóa và Nghệ-An. Vua Anh-Tông mấy lần tự đem quân đi đánh dẹp. Quân Lào rút về nhưng lợi dụng được thế rừng núi hiểm trở, ẩn núp dễ dàng nên luôn luôn xuất hiện. Quan quân rút về thì họ lại sang cướp phá, mặc dầu có nhiều lần họ bị giết rất tàn hại. Sau đến Phạm Ngũ-Lão xuất binh, Thanh-Nghệ mới được yên ổn.

Với Chiêm-thành từ khi nhà Trần dấy nghiệp không phải động dụng đến binh đao. Vua Nhân-Tông sau khi đi đánh dẹp giặc Lào trở về liền đi tu tại chùa Võ-Lâm (chùa này lấy tên làng Võ-Lâm làm nơi dựng chùa, thuộc Phủ Yên-Khánh tỉnh Ninh-Bình) sau về Yên-Tử-Sơn (Quảng-Yên).

Năm Tân-Sửu (1301) ngài qua Chiêm-thành du lịch gặp Chiêm Vương Chế-Mân. Ngài hứa gả Huyền-Trân Công-Chúa. Sau khi ngài trở về, Chế-Mân cho sứ mang vàng bạc và các vật quí sang cống hiến cùng xin cưới. Triều đình nhiều người không tán thành cuộc tình duyên Việt Chiêm này, ý hẳn cho rằng dù sao Chiêm cũng là một nước thấp kém không xứng. Chế-Mân phải dâng 2 Châu Ô và Lý (gồm vùng đất từ Nam Quảng-Trị tới Bắc Quảng-Nam) để làm hôn-lễ. Bấy giờ Vua Anh-Tông và triều đình mới quyết định. Tháng 6 năm Bính-Ngọ (1306) Huyền-Trân mới lên đường.

Năm sau Trần triều thu nhận hai châu này đặt tên mới là Hóa-Châu và Thuận-Châu. Đoàn Nhữ-Hài được cử vào việc thiết lập guồng máy cai trị tại đây. Huyền-Trân cùng Chế-Mân xum họp chưa được một năm thì Chế-Mân tạ thế. Theo quốc tục Chiêm-thành vua chết, các phi-hậu phải lên dàn hỏa chết theo.

Anh-Tông được tin liền phái Trần Khắc-Chung mượn tiếng sang phúng điếu rồi lập kế đưa được Huyền-Trân về nước. Việc này có lẽ đã gây mối bất bình trong lòng người Chiêm nên Chế-Chí lên kế nghiệp Chế-Mân ít lâu thì có sự bãi bỏ lời giao ước cũ, dùng võ lực cướp lại đất đai đã dùng làm lễ cưới Huyền-Trân năm xưa, hoặc đã gây một tình trạng bất ổn ở địa phương này. Năm Tân-Hợi (1311), vua Anh-Tông cùng Huệ-Võ-Vương Trần Quốc-Chân và Nhân-Huệ-Vương Trần Khánh-Dư kéo ba đạo quân tới đất Chiêm. Nước Chiêm thua trận, quốc vương bị bắt đem về Annam. Vua Anh-Tông cử em Chế-Chí là Chế-Đà A-Bà lên thay. Chế-Chí bị giam lỏng ở Gia-Lâm tuy được phong làm Hiếu-Thuận-Vương và chẳng bao lâu thì mất. Vua cho hỏa táng và từ đó mối thù Chiêm Việt càng ngày càng sâu.

Năm Mậu-Thân (1308) Nhân Tông mất ở chùa Yên-Tử. Sáu năm sau, Anh Tông lên làm Thượng-Hoàng về nghỉ ngơi ở Thiên-Trường, đến năm Canh-Thân (1320) thì qua đời. Thái-Tử Mạnh lên ngôi vào năm Giáp-Dần (1314).

Vua Anh-Tông trị vì được 21 năm, thọ 54 tuổi.

***

Việc gả Huyền-Trân Công-Chúa cho Chiêm Vương có gì đáng cho ta suy nghĩ?

Theo ý chúng tôi, việc hôn nhân này có một lý do chính trị và lý do này quan trọng hơn cả, việc yêu sách hai châu Ô, Ri làm sính lễ chỉ là điều phụ. Khi Thượng Hoàng hứa gả Huyền Trân thì chỉ có vấn đề thắt chặt tình thân thiện Việt-Chiêm, đâu có đá động việc đem ả thuyền quyên đổi lấy cõi đất rộng vuông ngàn dặm. Sự thực vua Nhân Tông thấy Chiêm thành cho đến thời đó là một dân tộc hiếu chiến và cũng hùng cường, không kể từ đầu thế kỷ thứ nhất họ đã đem quân quấy nhiễu nước ta. Trong hai lần chót quân Mông-Cổ xâm lăng Việt-Nam một lần, Chiêm a-tòng với Mông-Cổ đánh thốc vào hậu tuyến của quân ta, một lần Chiêm thành hợp với ta chống lại Toa Đô, ngoài ra quốc thể Chiêm đã có những thời kỳ rất uy nghi, hiển hách, văn hoá Chiêm chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn cũng rất rực rỡ trong nhiều thế hệ, vậy Chiêm rất đáng kể là một vấn đề lợi hay hại và có ảnh hưởng đến sự yên nguy của nước ta. Gả Công-Chúa cho Chiêm vương lấy Chiêm làm phên dậu cho nước ta, ta sẽ bớt thêm một kẻ địch luôn luôn rình ta ở kẽ nách không phải không nguy hiểm. Đó là chính sách Nam thùy. Trong *Việt Sử Tân Biên* quyền 1, chúng tôi đã đề cập đến việc nhà Lý trước đây muốn bành trướng về Tả-giang đã gả nhiều công-chúa cho các Châu-mục thượng du Bắc-Việt. Nay Trần triều gả Huyền Trân chỉ là đi cùng một đường lối với tiền nhân, duy có khác chút ít là gả Huyền-Trân đã đạt được mục đích chính-trị lại còn phát triển thêm được lãnh thổ. Chống giữ biên thùy, dĩ-nhiên là phải có binh hùng tướng mạnh, thành rộng lũy cao, nhưng có khi trường thành không vững bằng má phấn, vậy lấy má phấn thay thế cho trường thành hay bảo vệ trường thành chẳng là thượng sách sao! Nếu ức thuyết này đúng, ai ai có thể bảo người xưa không sâu sắc? Còn chuyện đòi hai Châu Ô-Lý làm sính lễ chỉ là nhân dịp tốt để mở rộng cương vực, chớ không phải là vấn đề chính.

Người đời sau khen việc gả công chúa Huyền-Trân như sau:

Đổi trác xưa nay khéo nực cười,
Vốn đà không mất lại thêm lời.
Hai châu Ô, Lý vuông ngàn dặm,
Một gái Huyền-Trân đáng mấy mươi?
Lòng đỏ khen ai lo việc nước,
Môi son phải giống mãi trên đời.
Châu đi rồi lại châu về đó,
Ngơ ngẩn nhìn nhau một lũ Hời.

(Thái-Xuyên Hoàng-cao-Khải)

2. TRẦN-HIẾN-TÔNG (1329-1341)
Niên hiệu: Khai-Hữu

Vua Hiến-Tông lên làm vua mới 10 tuổi và ở ngôi 13 năm. Có thể coi triều đại Hiến-Tông gần như không đáng kể trên thực thế, vì mọi việc định đoạt đều ở trong tay Minh-Tông thượng-hoàng cả. Trong giai-đoạn này xảy ra hai việc xâm phạm bờ cõi:

a) Giặc Ngưu-Hống.

Vua Hiến-Tông lên ngôi chưa được bao lâu thì dân Mường Ngưu-Hống ở mạn sông Đà (giữa Sơn Tây và Hoà-Bình) nổi loạn, Thượng hoàng đem quân đi đánh dẹp. Người Ngưu-Hống ở trại Chiêm-Chiên đưa thư đến trá hàng. Đạo quân ta ở Thanh-Hóa tiến ra bị chúng phục kích ở giữa đường rừng núi nên phải thua chạy. Sau đại quân đánh dữ dội nhiều nơi, thanh thế lừng lẫy, giặc Ngưu-Hống phải rút cả vào các vùng lâm lũng. Giặc tuy thua nhưng vẫn không trừ dứt được. Sau này đến năm Đinh-Sửu (1337) Hưng-Hiếu-Vương trừ được tù trưởng của họ ở trại Trịnh-Kỳ, giặc Ngưu-Hống mới chịu yên hẳn.

b) Giặc Lào.

Giữa khi quân Ngưu-Hống quấy rối miền sông Đà thì giặc Lào cũng phá phách ở miền Thanh-Nghệ. Năm Giáp-Tuất (1384) Minh-Tông thượng-hoàng lại phải xuất chinh, Nguyễn-Trung-Ngạn làm Phát-vận-sứ được cử vào Thanh-Hóa trước để lo vấn đề lương thực, còn đại quân tiến sau. Uy thế nhà Trần còn mạnh nên

đại quân vào tới Kiềm-Châu (thuộc huyện Tương-Dương Nghệ-An) giặc đã bỏ chạy hết.

Nguyễn-Trung-Ngạn được cử làm bài bia trên núi để kỷ niệm chiến công này. Bài bia được khắc chữ to bằng bàn tay, ăn sâu một tấc vào đá đến nay vẫn còn xin dịch nôm ra như sau :

«*Chương-Nghiêu văn-triết Thái-Thượng-Hoàng là vua thứ sáu đời Trần nước Hoàng-Việt chịu mệnh trời nhất thống cõi trung hạ, trong đất ngoài bể đều cũng thần phục. Nước Ai-Lao nhỏ mọn kia dám ngạnh vương hóa ; cuối mùa thu năm Ất-Hợi, vua thân đem sáu quân đi tuần cõi Tây, Thế-tử nước Chiêm-Thành, nước Chân-Lạp, nước Tiêm-La và tù-trưởng các đạo Quì, Cầm, Xa, Lạc, tù trưởng rợ Bồn-man mới phụ và các bộ Mán Thanh-Xa đều mang phương vật đến tranh nhau đón rước. Chỉ có tên nghịch Bồng cứ giữ mê tối, sợ phải tội chưa lại chầu ngay. Cuối mùa đông vua đóng quân ở cánh đồng Cự thuộc châu Mật sai các tướng và quân rợ mọi vào tận nước, nghịch Bồng theo gió chạy trốn. Vua mới xuống chiếu lui quân. Bấy giờ là ngày tháng chạp nhuận năm Ất-Hợi, niên hiệu Khai-Hữu thứ 7, khắc vào đá.*»

Cứ như lời bia, việc dẹp giặc Lào bấy giờ có vẻ hống hách lắm, nhưng thực sự đại quân chưa ra khỏi đất loạn, tình trạng lại rối ren như cũ. Còn nói các Thế-tử Chân-Lạp, Tiêm-La v.v.. qua chầu cũng chỉ có tánh cách hành văn trang trọng trong một bài bia ký mà thôi. Thuở đó, ảnh hưởng của dân tộc chúng ta chưa lan tới hai nước này.

Qua năm sau, Thượng Hoàng lại đem quân đi đánh giặc Lào vì giặc lại sang cướp phá ở ấp Nam-Nhung (thuộc huyện Tương-Dương, tỉnh Nghệ-An) Kinh-lược-sứ tỉnh này là Đoàn-nhữ-Hài có ý khinh thị quân giặc nên kém sự đề phòng. Quân của ông qua sông Tiết-La thuộc ấp Nam-Nhung, thì bị sương mù. Phục-binh của giặc ùa ra đánh quân ta trong lúc bất ngờ, quân ta chạy xuống sông chết đuối rất nhiều. Chủ tướng họ Đoàn cũng bị vùi xác dưới nước.

Xét ra từ Vua Anh-Tông đến Nhân-Tông ,sau này tới Minh-Tông năm ba năm một lần, các vùng biên cảnh Tây-Nam nước ta bị giặc Lào những nhiễu. Giặc Lào chỉ cướp phá các miền này và không dám đi xa hơn vì không đủ sức như Chiêm-Thành, ngoài ra giặc biết rằng lìa khỏi miền rừng núi chúng mất lợi thế và sẽ bị tiêu diệt. Quan quân của ta đánh Lào gặp nhiều lam sơn thủy chướng, đường đi phải qua những nơi sơn cước gập ghềnh, việc tiếp vận lại khó khăn nên cũng dễ mất hào khí. Giặc Lào vì vậy không bao giờ trừ tiệt được và qua nhiều triều đại, đã làm các vua quan của ta hao người tốn của không phải ít. Nếu như các vua ta có ý mở mang lĩnh vực thì phong thổ và rừng núi Chiêm-thành còn chế ngự được, huống hồ đối với xứ Lào. Có điều này làm cho chúng ta ngày nay phải ngạc nhiên hay khó hiểu là các triều đại xưa luôn luôn bị nạn phá phách ở các vùng biên giới, lại không để tâm thiết lập những cơ-cấu phòng-thủ vững vàng ở các nơi này. Phải chi chúng ta có những bộ đội trú phòng đàng hoàng, mạnh mẽ, và có các viên Tổng binh hay Trấn-thủ chuyên-môn về biên viễn thì đâu đến nỗi các vua phải xuất chinh, binh tướng phải nối gót chồn chân trên những quãng đường sơn xuyên ngàn dặm. Kìa như các Châu Địa-Lý, Bố-Chính, Chiêm nhường cho ta nay co đi, mai dặng-lại thì đủ rõ. Bởi vấn đề này thuở đó không được đặt ra một cách nghiêm chỉnh, chính quyền của ta chỉ có thu hẹp ở miền Trung-Châu Bắc-Việt nên chúng ta chẳng phải chỉ bị nạn hao tổn tiền tài sanh mạng về các việc động binh mà vua chúa, tướng sĩ lại còn có khi tiêu ma cả danh dự bên sườn núi các hạt Thuận-Châu, Hóa-Châu sau này nữa (trường hợp Đoàn-Nhữ-Hải và vua Duệ-Tông chẳng hạn). Thiết lập các bộ đội trú phòng là một sự tốn phí cho triều đình ? Theo thiển ý, điều này chẳng đúng. Từ Thanh-Nghệ qua Thuận-Hóa, thiếu gì đất mới rừng hoang để khai khẩn, các vùng duyên hải là những kho ngư lợi vô tận. Chứng cớ sau này có Trịnh Nguyễn phân tranh, nạn nhân mãn ở vùng Trung-Châu sông Nhị bành trướng, tiền nhân của ta mới nghĩ đến vấn đề phương Nam và đã áp dụng mọi biện pháp thích nghi. Việc này đã đưa lại những kết quả tốt đẹp trong cuộc Nam Tiến về mọi phương diện khiến ta càng tiếc các tiền triều không lo tính sớm hơn các vấn đề phương Nam, giải quyết đồng thời vấn đề biên cảnh để đến mỗi thế-kỷ này, qua thế-kỷ khác dân tộc phải chịu bao nhiêu vất vả, nhọc nhằn cùng các việc quấy phá tai hại của quân giặc.

Một việc đáng chú ý ngay từ đời Minh-Tông đến Hiến-Tông đã có nạn đói khổ trong dân chúng, các nhà cầm quyền không mở mang được điều gì tốt đẹp về kinh-tế và xã-hội, tuy có việc

phát thuốc Hồng-Ngọc-Sương trị bách bệnh cho nhân dân, cấp tiền gạo cho người nghèo, lập tào thương tức kho thóc thu của dân để dùng vào việc phát chẩn năm Khai-Hữu thứ 8 (1336) theo lời đề nghị của Nguyễn-Trung-Ngạn.

Hiến-Tông làm vua đến năm Tân-Tị (1341) thì mất, ở ngôi được 13 năm, thọ được 23 tuổi.

⁂

NHÀ TRẦN

(Trên đường suy vong)

1. TRẦN - DỤ - TÔNG (1341 - 1369)

Niên hiệu : Thiệu-Phong (1341 - 1358)
Đại-Trị (1358 - 1369)

a) Việc giao thiệp với Chiêm-Thành.

Trong thời kỳ nước ta bạc nhược, Chiêm-Vương Chế-A-Nam qua đời. Con là Chế-Mỗ và rể là Bồ-Đề tranh nhau ngôi vua. Dân Chiêm theo Bồ-Đề. Năm Nhâm-Thìn (1352) Chế-Mỗ chạy sang ta yêu cầu giúp đỡ.

Năm sau (Quý-Tỵ 1353) vua Dụ-Tông cho quân đưa Chế-Mỗ về nước. Quan quân tới Cổ-Lũy (Quảng-Nghĩa) thì quân Bồ-Đề đánh bại phải chạy. Chế-Mỗ thất vọng chẳng bao lâu thì mất. Từ đấy Chiêm-thành khinh thường thực lực của ta nên hay đem quân đánh phá biên giới.

Năm Đinh-Tỵ (1267) đoàn quân viễn chinh của Trần triều do Trần-Thế-Hưng và Đỗ-Tử-Bình lãnh đạo qua Chiêm-thành đến đất Chiêm-Động (phủ Thăng-Bình tỉnh Quảng-Nam) bị quân Chiêm phục kích. Chiêm bắt được Trần-Thế-Hưng, Đỗ-Tử-Bình vội lui quân chạy về (Đỗ-Tử-Bình là tay đại nịnh thần dưới triều Dụ-Tông).

Trong khoảng 13 năm hai lần thua trận, nước ta mất hết tư-thế và uy-tín từ trong ra ngoài, vậy mà vua tôi vẫn ham chơi không hề lo đến việc khôi phục và canh cải chính sự. Trái lại lúc này, dân Chiêm trở nên hùng mạnh dưới sự lãnh-đạo sáng suốt của Chế-Bồng-Nga là một ông vua anh hùng, có tài chiến trận, giỏi việc chính trị. Năm Mậu-Thân (1368) người Chiêm đòi ta phải trả lại đất Hóa-Châu (tức Châu Địa Lý, Bố-Chính và Ma-Linh mất về ta dưới đời Lý năm 1103 và đời Trần - Anh - Tông 1307). Dĩ nhiên ta không nghe, họ chỉ còn cách một mặt họ xúc-tiến chính-trị nội bộ, một mặt thao luyện gắt gao binh đội. Từ đó quân Chiêm được lệnh tập tành ngày đêm cho quen với sự khó nhọc. Sau này giao tranh với ta, họ đặc biệt lợi dụng ưu-thế tượng trận, nghĩa là dùng voi để mở đường cho cuộc tấn công. Nếu tấn công không lại thì họ lại dùng voi để đoạn hậu tức là ngăn lối tiến của ta. Chiến pháp này có hiệu quả tốt qua nhiều cuộc thử thách nên người Chiêm tha hồ kéo nhau đến làm mưa nắng trên lãnh-thổ Việt-Nam.

b) Việc Dương-Nhật-Lễ.

Năm Kỷ-Dậu (1369) Dụ-Tông qua đời vì dâm dật quá nên không con. Triều-đình định lập Cung-Định-Vương là anh vua Dụ-Tông lên làm vua, bà Huệ-Từ Thái-Hậu phản đối nhất định lập con nuôi của Cung-tức-Vương là Dương-Nhật-Lễ (thế là bỏ họ Trần mà lập họ khác).

Nguyên trước đây có người kép hát Dương-Khương diễn vở tuồng «*Quả Đào-Tiên*» cho vợ thủ vai Tây-vương-Mẫu. Vợ Dương-Khương bấy giờ có mang hai tháng khéo điểm phấn tô son nên rất ưa nhìn. Cung-túc-Vương Dục là con vua Minh-Tông mê quá liền cướp lấy làm vợ đẻ ra Dương-Nhật-Lễ. Dụ-Tông mất đi để di-chiếu cho Nhật-Lễ nối ngôi (có lẽ là Dụ-Tông mê cậu bé như mê mẹ).

Nhật-Lễ lên làm vua được ngót hai năm (1396-1370) cũng tửu sắc, cũng yến ẩm suốt đêm ngày. Lại có ý đổi lại họ cũ là họ Dương, giết Thái-Hậu. Bấy giờ Cung-Tĩnh-Vương Phủ có mặt tại kinh thành sợ quá, vả lại có tính khí nhút nhát và không có ý tranh giành nên bỏ trốn lên mạn Đà-Giang. Các quan liền họp nhau bắt Nhật-Lễ giết đi rồi rước Cung-Tĩnh-Vương hồi trào. Cung-Tĩnh-Vương lên làm vua tức là Nghệ-Tông.

Trước vụ Nhật-Lễ vua Nghệ-Tông đã để lại một chuyện tức cười sau đây : như ta đã thấy ngay khi việc Nhật-Lễ xảy ra, Nghệ-Tông bỏ chạy các quan và tôn thất nài ông về kinh trừ loạn. Nghệ-Tông hết sức chối từ, sau cùng mới chịu nghe theo. Hào-kiệt xa gần đến phù trợ nên đạo quân phù nguy có thế mạnh khiến Nhật-Lễ nghe lời quan thiếu-úy Trần-Ngô-Lang (dự mưu với phái vua Nghệ-Tông) viết thư tạ tội và ra ngoài thành

đón vua. Nghệ-Tông lúc này cảm động ôm lấy Nhật-Lễ khóc rằng :

— Không ngờ hôm nay sự thế đến như vậy !

Cung-Tuyên-Vương Kính phải bực mình giơ kiếm quát :

— Trời phạt kẻ làm bậy, tội nhân sao dám nhiều lời ! Lúc này bệ hạ còn đem lòng nhân con trẻ ấy để ra làm hỏng việc lớn sao !

Nói xong, Cung-Tuyên-Vương cho bắt Nhật-Lễ giam vào một nơi. Nhật-Lễ bấy giờ mới biết Ngô-Lang lừa mình nên y cũng lừa lại Ngô-Lang đến rồi bóp chết. Hành động này đã làm các quan giận và quyết định thẳng tay với Nhật-Lễ sau đó Nghệ-Tông phải hạ lệnh đánh chết Nhật-Lễ và con là Liễn.

c) Việc giao-thiệp với nhà Minh

Trước năm Giáp-Tý (1387) nhà Minh đã yên vị trên toàn cõi Trung-Quốc bắt đầu nhòm ngó nước ta. Họ thường cho sứ-bộ qua lại, nay yêu sách thứ này, mai đòi hỏi thứ kia không ngoài mục-đích sửa soạn việc xâm lăng là thói thông thường của các triều-đại Bắc-phương từ trước đến giờ.

Năm Giáp-Tý, nhà Minh đòi ta nộp 5.000 thạch lương cấp cho binh đội của họ tại Vân-Nam. Năm sau ta lại phải đưa sang Kim-Lăng 20 tăng nhân, gỗ quý và lương thảo. Triều đình nhất nhất tuân theo, không hề bàn luận đến việc đối phó cương quyết như trăm năm trước.

Một hôm, Thượng-Hoàng Nghệ-Tông đến thăm nhà chí-sĩ Trần-Nguyên-Đán. Nguyên-Đán là một vị thân vương của nhà Trần thấy quốc-chính rã rời nên đã rút về ở ẩn khá lâu. Trong khi bàn việc nước, Nguyên-Đán bàn : «*Xin bệ hạ thờ nhà Minh như cha, coi Chiêm-Thành như con, quốc-gia mới có thể yên ổn mà hạ thần có chết cũng được ngậm cười nơi suối vàng...*» *(!)*

Thấy Quý-Ly là vị đại thần giữ nhiều uy thế trong triều bấy giờ, Nguyên-Đán liền kết thông gia với Quý-Ly để san xẻ miếng đỉnh chung. Qua lời nói và việc làm của Trần-Nguyên-Đán, ta thấy rõ cái tinh-thần bạc nhược của giai cấp lãnh-đạo đời Trần mạt không còn ai tính chuyện khôi phục chính tình, tu-chỉnh lại mọi lực-lượng quốc-gia để giữ vững bờ cõi và tìm đường tiến cho dân nước, trái lại chỉ có những ý-tưởng thoái bại là còng lưng vái lạy kẻ mạnh để cầu an cho qua ngày đoạn tháng. Trách gì họ Trần chẳng mất và họ Hồ được thay thế.

d) Chiêm-Thành cả phá Thăng-Long.

Năm Đinh-Tỵ (1377) vua Duệ-Tông Nam chinh rồi ngã gục trước thành Đồ-Bàn. Việt-quân đại bại, việc này làm tổn hại vô cùng thể-diện của nước ta. Thắng được quân ta tại nội địa, người Chiêm không bỏ lỡ cơ hội nhân ta đang suy bĩ, ngay tháng sau đem đại quân đánh thẳng vào Thăng-Long. Triều đình cho quân giữ cửa Đại-An (Hưng-Yên). Giặc dò biết được liền vượt qua cửa Thần-phù (Sông Chính-Đại, huyện Yên-Mô tỉnh Ninh-Bình) rồi cứ thế rầm rộ tiến vào Thăng-Long, Quân ta không giữ nổi, giặc thỏa chí cướp phá Kinh thành.

Tháng năm năm Mậu-Ngọ (1378) họ lại quấy nhiễu hai tỉnh Thanh-Hóa Nghệ-An. Nghệ-Tông cử Lê-Quý-Ly lĩnh thủy-quân và Đỗ-tử-Bình dẫn lục quân vào chặn đánh quân Chiêm đang hoành hành ở đây (Ngu-Giang, huyện Hoằng-Hóa thuộc Thanh-Hóa) Lê-Quý-Ly giữ vững được phòng tuyến và đuổi được giặc.

Năm Nhâm-Tuất (1382) Quý-Ly cùng tướng Đa-Phương lại xuất quân tiễu trừ quân Chiêm tại Thanh-Hóa. Quân nhà Trần giữ bến Thần-Đầu (Ninh-Bình). Quân Chiêm không có đường tiến vào kinh thành như mọi lần rồi bị đuổi ra khỏi Nghệ-An.

Sau trận Ngu-giang và Thần-Đầu, quân thế của ta bắt đầu vững cho nên ngay năm sau Thượng-Hoàng lại cử Quý-Ly đi chinh phạt Chiêm-Thành. Cuộc xuất binh kỳ này bất lợi. Thủy-quân vào tới cửa Nương-Loan bây giờ là huyện Kỳ-Anh, tỉnh Hà-Tĩnh) thì bị bão.

Nhiều chiếc thuyền bị đánh vỡ và đắm. Quân ta lại phải rút về. Việc này vào tháng giêng, thì tháng sáu cùng năm Chế-Bồng-Nga lại cử binh Bắc-tiến theo đường núi sấn vào đóng ở Quảng-Oai. Tướng của ta là Mặt-Ôn giữ châu Tam-Kỳ thuộc hạt Quốc Oai (Sơn-Tây) bị Chiêm bắt mất. Địa điểm quan-trọng này lọt vào tay giặc, Thượng-Hoàng cùng Đế-Hiễn phải chạy sang Đông-Ngạn (Bắc-Ninh) giao việc giữ kinh-thành cho tướng quân Đa-Phương. Tình cảnh thật là thảm bại.

e. — Đế-Hiển bị giết hay là một cuộc âm mưu trừ Quý-Ly thất bại.

Tháng 8 năm Mậu Thìn (Xương-phù thứ mười hai 1388) nhân có sao chổi hiện ở phương Tây, Đế-Hiển (có sách chép là Đế-Nghiễn 1377-1388) đã lâu khó chịu về việc Thượng-Hoàng tin dùng Quý-Ly bàn với quan Thiếu-Úy Thúc-Ngạc (là con Thượng-Hoàng Nghệ-Tông, anh họ của Đế-Hiển) và bọn Ngự sử đại phu Lê-Á-phu, tướng quân Nguyễn-Khoái, Nguyễn-văn-Nghê, Nguyễn-Khả, Nguyễn-bát-Sách, Lê-Lạc, học sinh Lưu-Thường... mưu trừ Quý-Ly. Vương - Như - Mai chầu học trong cung để lộ tin này ra ngoài. Quý-Ly hoảng sợ bàn với thủ-túc là Nguyễn-Đa-Phương và Phạm-cự-Luận. Đa-Phương khuyên Quý-Ly chạy ra ngoài núi Đại-Lại (huyện Vĩnh-Lộc tỉnh Thanh-Hóa) để lánh mình đã. Cự-Luận nói :

— Một khi đã ra ngoài thì khó sống sót.

Quý-Ly càng luống cuống nói :

— Hay là ta tự tận còn hơn chết về tay người ?

Cự Luận tiếp :

— Năm trước nhà vua dự giết Quang-Phục đại vương Húc (con Thượng-Hoàng Nghệ-Tông). Thượng-Hoàng hẵn còn căm, nay vua lại nghe lũ tiểu nhân sát hại công thần. Đại nhân nên vào ngay, tâu bày lợi hại rằng : Xưa nay chưa ai bán con nuôi cháu, chỉ có chuyện bán cháu nuôi con, đó là lời ca dao từ xưa vẫn có. Xong việc thì xin lập Chiêu-Định là tiện hơn cả (Chiêu-Định tên là Ngang con vua Nghệ-Tông) Quý-Ly nghe theo vào mật tâu Thượng-Hoàng và được như ý. Mấy hôm sau Nghệ-Tông nói thác là tuần du ngoài An-Sinh (Hải-Dương) sai vời Đế-Hiển vào, Đế-Hiển tới, Nghệ Tông truyền đem giam vào chùa Tư-Phúc.

Sau Thượng-Hoàng xuống chiếu như sau :

« Trước kia Duệ-Tông đi đánh Chiêm trở về, dựng con lên nối ngôi cha là theo đạo xưa vậy. Nhưng quan gia từ khi lên ngôi chưa hết tính trẻ con, giữ đức thông thường, thân với lũ tiểu-thần Lê-Á-Phu, Lê-Dữ-Nghị mưu hãm công thần, làm lung lay xã tắc nên giáng xuống làm Minh-Đức đại vương. Mà nước nhà không thể không vua, vậy rước Chiêu-Định-Vương Ngang vào nối mối lớn ! Bá cáo trong và ngoài đều cho nghe biết.

Lúc giải Đế-Hiển đi, bọn Nguyễn-Khoái, Lê-Lạc và đồng bọn muốn đem quân vào cướp vua, nhưng Đế-Hiển viết hai chữ « Giải-giáp » và khuyên mọi người đừng trái mệnh Thượng-Hoàng. Một lúc sau Đế-Hiển bị ôm xuống phủ Thái-Đường thắt cổ chết. Bọn Nguyễn-Khoái bị đày ra ngoài biên ải. Học sinh Lưu-Thường bị hành hình và để lại đời sau mấy vần tuyệt mệnh đầy khẳng khái sau đây :

« Tuổi tàn vừa đúng bốn mươi ba
« Bị giết vì trung chết cũng là... !
« Ôm nghĩa trọn đời lòng chẳng phụ
« Phơi thây nội cỏ thẹn gì ta !

Ngoài ra những kẻ dự cuộc âm mưu nhất là các tôn thất của Trần-Quang-Diệu (em ruột Đế-Hiển) Trần-Nguyên-Đĩnh (anh ruột của Nghệ-Tông là Cung-Tĩnh-Vương Nguyên-Trác) và Thiếu-Bảo Trần-Tông (Nguyên viện trưởng Lạc-Kha thư-viện ở cung Bảo-Hà trên núi Phật-tích Bắc-Ninh) đều bỏ chạy qua Chiêm - thành rồi đem quân về đánh lại. Nguyên - Diệu bị giết, Nguyên Đĩnh, Trần-Tông bị Quý-Ly hạ lệnh bắt liền dâm đầu cả xuống bè. Còn dư đảng là Trần-Khang tức là Trần-Thiêm-Bình chạy qua Luang-Prabang (Lào) sau này dẫn đường cho quân Minh sang chinh phục nước ta.

Còn nhân vật trong phe địch khó diệt trừ hơn cả là Trang-Định-Vương Thúc-Ngạc bởi Thúc-Ngạc là con vua Nghệ-Tông. Quý-Ly phải áp dụng một phương pháp khéo léo hơn. Trước khi Đế-Hiển bị bỏ, Quý-Ly vờ đề-nghị Thúc-Ngạc lên thay. Thúc-Ngạc không nhận, nhân đó Quý-Ly tâu với Nghệ-Tông.

— Quan Thái-úy (tức Thúc-Ngạc) từ ngôi lớn là người có đức lớn, xin gia phong cho xứng.

Nghệ-Tông liền phong Thúc-Ngạc làm Trang-Định-Vương. Ngạc nghe chuyện biết quỷ kế của Quý-Ly lấy làm sợ hãi. Quỷ kế đó là nâng cao kẻ địch để tỏ sự công bằng vì quyền lợi quốc-gia rồi sau này hạch tội sẽ không có vẻ là vì tư thù. Quả vậy, sau Ngạc bị Quý-Ly dèm pha luôn liền phải bỏ trốn ra Vạn-Ninh (Hải-Ninh thuộc Mông-Cáy). Quý-Ly xin Thượng-Hoàng cho Ninh-vệ tướng quân Nguyễn-Nhân-Liệt đuổi theo triệu về. Quý-Ly ngầm sai Nhân-Liệt đánh chết Ngạc rồi về man tấu Ngạc kháng mệnh và đánh sứ giả nên bị chúng

giết chết. Nghệ-Tông giận lắm truy giáng xuống làm Man-Vương.

* * *

TRẦN THUẬN TÔNG (1388 — 1398)

Niên hiệu : Quang-Thái

Đế-Hiền chết rồi, Thượng-Hoàng lập con út của mình là Chiêu-Định-Vương lên ngôi tức là vua Thuận-Tông.

Năm Bính Tý (1396) Lê-Quý-Ly buộc Thuận-Tông dời kinh đô về Tây-đô (Thanh-Hóa). Qua tháng ba năm sau, Quý-Ly mưu cho người đạo sĩ xui Thuận-Tông nhường ngôi và đi tu tiên. Thuận-Tông nhường ngôi cho con rồi qua cung Bảo-Thanh tại núi Đại-Lại huyện Vĩnh-Lộc tỉnh Thanh-Hóa.

Năm sau nữa Thái-tử tên là Án, lên làm vua, tức là Thiếu-Đế mới có 3 tuổi, lấy niên hiệu là Kiến-Tân. Lê-Quý-Ly tự xưng là Khâm-Đức hưng liệt đại vương lên làm phụ chính sai người hạ sát Thuận-Tông. Thiếu-đế-Án ở ngôi chưa được một năm thì bị giáng xuống làm Bảo-ninh đại vương vào tháng hai năm Canh-Thìn (1400).

Nhà Trần dứt từ đó, kể từ vua Thái-Tông đến Thiếu-Đế được 12 ông vua, dài 175 năm. Cơ nghiệp nhà Trần suy sụp do Dụ-Tông hoang chơi, Nghệ-Tông nhu nhược, hôn ám khiến nước mất kỷ cương, dân chúng nghèo túng cơ cực. Nước yếu, chánh sự loạn đã sinh ra cái nạn thù trong giặc ngoài. Một nhân vật thông minh lỗi lạc như Lê-Quý-Ly dĩ nhiên không thể khoanh tay thụ động.

Lúc này các phần-tử trọng yếu trong trào và ngoài quân-đội đều ngả cả về Quý-Ly hoặc là tay chân của họ Lê. Giặc dã nổi lên khắp nơi. Tại Thanh-Hóa Nguyễn-Thành tự xưng là Linh-Đức Đại Vương tung hoành ở miền Lương Giang, Nguyễn-Kị xưng Lỗ-Vương chiếm cứ Nông-Cống (Thanh-Hóa).

Đáng chú ý hơn cả là bọn Phạm-Sư-Ôn, một thầy chùa lãnh đạo đám tăng nhân, chiêu tập được vài vạn quân vô lại nổi lên ở Quốc-Oai (Sơn-Tây) vào tháng chạp năm Kỷ-Tị (Hiệu Quang-Thái thứ hai 1389). Phạm-Sư-Ôn có nhiều pháp thuật tiếm xưng hoàng-đế phong Nguyễn-Mại, Nguyễn-Khả-Hành làm Hành-khiển (Tể-tướng) chia quân làm ba vệ : vệ quân Thần-Kỳ, vệ Dũng-Đấu và Vô-Hạn đem quân hùng hổ tấn công vào kinh-đô.

Bàn về việc nổi loạn của Phạm-Sư-Ôn, người ta cho rằng cuộc nổi loạn này có tính-cách tôn giáo chống sự cải-cách của họ Lê sau vụ âm mưu của phong kiến và quý tộc do vua Đế-Hiền chủ trương năm Mậu-Thìn (Xương Phù thứ 12, 1388) Nhận xét này rất đúng, Lê-quý-Ly là một người có óc tự tín, mà óc tự tín của họ Lê đã đi theo sự sáng suốt về thực tế. Đạo Phật từ Lý qua Trần đã giữ được ưu thế gần như tuyệt đối nếu ta so sánh với tôn-giáo khác. Tới thời Trần mạt, xã-hội nước nhà suy bại, rối ren tôn giáo này cũng bị ảnh hưởng mà đi đến chỗ đồi tệ rồi mất dần hết phần tinh-túy. Người dân trong thời bấy giờ bị bắt lính, nay đi Đông, mai sang Đoài và đi dẹp giặc Chiêm, nhiều kẻ đã lợi dụng cửa Phật để trốn tránh món nợ công dân trong thời loạn. Vì thế mới có câu : «*Trốn việc quan đi ở chùa*». Như vậy tăng nhân dĩ nhiên không có tư cách đạo đức và cũng không hiểu triết-lý của tôn giáo là gì. Nơi cửa Phật đã chứa đựng hầu hết những kẻ hèn nhát, dâm ô, gian dối. Đối phó với bọn đội lốt thầy tu, năm Tân-Dậu (Xương-Phù thứ năm 1381) Quý-Ly sức Đại-Nạn thuyền sư động viên hết thảy các tăng nhân trong nước trên sơn lâm cũng như dưới đồng bằng phải nhập hết vào đoàn quân Nạm chinh.

Năm Bính-Tý (Quang-Thái 1396) Quý-Ly cho thi hành một cách quyết-liệt hơn nữa là tẩy uế thiền môn : kẻ tu hành phải trên 50 tuổi và phải qua một kỳ khảo hạch. Người nào thông hiểu kinh kệ được làm chức tăng-đường đầu mục, ở cấp dưới là chức trị-cung, trị-quán, trị-tư. Hạng chót là tu-nhân thị-giả lo việc đốt hương, giữ chùa, quét dọn. Những ai dưới 50 tuổi đều phải thải hồi nguyên quán để hoàn tục.

Việc loạn của bọn Phạm-Sư-Ôn lúc đầu rất có thanh thế và đã nhằm vào lúc vô cùng nghiêm-trọng nghĩa là lúc giặc Chiêm uy-hiếp quân ta ở Hoàng-Giang gần sát kinh-thành. Nghệ-Tông thượng-hoàng và Thuận-Tông phải lánh mình sang Bắc-Giang. Sư-Ôn vào đóng ở kinh-đô trong ba ngày sau lùi về Nộn-Châu (thuộc Quốc-Oai).

Đối phó với quân Chiêm, Đô-Tướng Trần-khát- Chân đang xuất toàn lực chống đỡ mặt trận Hoàng-Giang, vậy mà phải theo lệnh Quý-Ly chia một phần binh đội do Tả-Thánh-Dực tướng quân Hoàng-Phụng-Thế cầm đầu dùng đường sông Miệt Giang (khúc sông nối Hoàng-Giang vào Hát giang) về dẹp Phạm sư Ôn giữa lúc họ Hoàng đang cầm cự với tướng Chiêm là La-Khải. Phụng-Thế khai lòng sông cho thuyền tiến lên đánh úp được quân giặc. Bị đánh và bao vây bất ngờ Sư-Ôn, Khả-Hành và Nguyễn-Mại bị bắt và giết cả.

Cuộc nổi loạn này cáo chung thì từ đó oai quyền của nhà chúa đối với dân chúng và các nhà cầm quyền không còn mảy may nào nữa.

— Chế-Bồng-Nga tử trận.

Trên đây đã có nói vụ loạn Phạm-sư-Ôn bùng nổ, đồng thời với việc quân Chiêm tấn công vào nước ta từ Thanh-Hóa trở ra. Giai-đoạn đầu, quân Chiêm giữ được ưu-thế. Quân của Quý-Ly đóng ở Cổ-Võ, cắm cọc ngăn sông, giữ được 20 ngày. Giặc giả vờ rút quân nhưng bên trong cho thi-hành kế phục binh. Quý-Ly đem hết quân thủy bộ đuổi theo bị giặc ùa ra đánh giết, phá được quân ta rất nhiều. Quý-Ly chạy về kinh, tì tướng là Nguyễn-Đa-Phương và Phạm-Khả-Vĩnh ở lại chống nhau với quân Chiêm ở Ngu-Giang nhưng thấy thế giặc mạnh giả tảng dàn thuyền để đánh nhưng đến đêm rủ nhau rút lui hết.

Qua tháng một, giặc lại uy-hiếp ở mạn Hoàng-Giang, Đô-Tướng quân Trần-Khát-Chân được cử đi chống nhau với giặc. Vua tôi cùng khóc giữa lúc tiến quân. Khát-Chân đến Hoàng-Giang không tìm được căn-cứ thuận tiện liền đem quân xuống Hải-Triều (thuộc địa-phận Hưng-Nhân tỉnh Thái-Bình).

Tháng giêng năm Canh-Ngọ (1390) Chế-Bồng-Nga dẫn hơn 100 chiến thuyền lại gần địa-điểm của ta, để dò xét trận thế. Một tên đầy tớ của họ Chế bị tội trốn sang bên ta chỉ rõ thuyền của họ Chế đang đứng thị sát. Khát Chân liền cho tập-trung hỏa lực bắn vào thuyền của Chế-Bồng-Nga. Chiêm-Vương trúng đạn bị chết. Quân ta ùa ra đánh. Quân Chiêm bỏ chạy hết. Đầu Chế-Bồng-Nga được đem về dâng vua. Thượng-Hoàng tự ví mình như Hán-Cao-Tổ thấy đầu Hạng-Vũ.

Tướng Chiêm La-Khải cướp được xác Chế-Bồng-Nga, hỏa táng rồi thu quân về nước chiếm ngôi vua. Hai người con của vua Chế-Bồng-Nga chạy sang hàng nhà Trần được phong tước hầu.

Tháng chạp năm Giáp Tuất (1394) Thượng-Hoàng Nghệ-Tông qua đời, tính ra ngài trị-vì được 3 năm, làm Thượng Hoàng 27 năm thọ 74 tuổi.

Phê-bình Nghệ-Tông, tác-giả Việt-Nam sử-lược viết :

« Nghệ-Tông là ông vua rất tầm thường : chí-« khí đã không có, trí lự cũng kém hèn, để cho kẻ « gian thần lừa đảo, giết hại cả con cháu họ hàng, « xa bỏ kẻ trung thần, nghĩa sĩ, cứ tin dùng Quý-Ly « cho nhiều quyền thế, đến nỗi làm xiêu đổ cơ « nghiệp nhà Trần. Dầu rằng đến khi vận nước « suy, không có điều này cũng có điều nọ tựa hồ « người đã già không phải bệnh nọ thì cũng mắc « bệnh kia, nhưng cứ sự thực mà xét thì cũng vì « vua Nghệ-Tông cho nên cơ nghiệp nhà Trần mới « mất về tay Quý-Ly, mà cũng vì sự rối loạn ấy cho « nên giặc Minh mới có cớ mà sang cướp phá « nước Nam trong 20 năm trời ».

Lời phê-bình này chỉ căn-cứ vào những việc đã xảy ra theo điều tai nghe mắt thấy và có thể áp-dụng vào trường-hợp bất cứ một ông vua nào khi một vương-triều đến lúc suy mạt : đại khái mấy ông cuối cùng của nhà Lý cũng như mấy vị hoàng đế chót của nhà Trần cho tới sau này con cháu của vua Lê-Thái-Tổ đều cũng vì những chỗ bất tài, nhu nhược, hôn ám mà mất ngôi. Định-luật của lịch-sử cũng như công lệ của tạo vật không ra ngoài nguyên-tắc « *Ưu Thắng Liệt Bại* ». Thiết tưởng việc phê-bình những ông vua bất lực như vậy không khỏi là làm một sự nhàm thường. Quân chủ Việt-Nam về phương-diện tổ-chức và điều-hành cũng ảnh hưởng và mối tương quan của nó với đời sống của nhân-dân qua lịch trình tiến hóa của dân-tộc thế nào, chúng tôi sẽ xin bàn tới trong những trang sử dưới đây rồi do đó chúng ta sẽ thấy vì sao những ông vua cuối cùng của hầu hết các vương triều đã là nạn nhân của các chuyện đa đoan, bi-thảm.

CHƯƠNG VI

NHÀ HỒ (1400 – 1407)

(MỘT TRIỀU ĐẠI CÓ NHIỀU SÁNG KIẾN CHÁNH-TRỊ)

Nhà Hồ
chống quân Minh

I.— BỐI CẢNH XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI ĐỜI TRẦN MẠT

Nhà Trần đến cuối thế-kỷ XIV với Nghệ-Tông, Đế-Hiển, Thuận-Tông như không còn sinh lực nữa. Chính Thượng-hoàng Nghệ-Tông đã tuyên bố với Quý-Ly : « *Nay quốc thế suy nhược, trẫm thì già rồi, ngươi là thân tộc, ngày sau con trẫm có nên giúp thì giúp, không thì nhà ngươi tự làm lấy* » Tuy câu nói có thể là một lời để lấy lòng Lê-Quý-Ly sau khi Nghệ-Tông biết thực quyền của triều đại đã lọt gần hết vào tay Quý-Ly nhưng cũng cho ta thấy quả con cháu dòng họ Đông-A không còn khả năng đảm đương sứ mạng dìu dắt dân tộc Việt-Nam nữa.

Một nước mà chính sự suy bại ở cấp tối cao nhân dân đã lâm vào cùng quẫn và rối loạn ắt sẽ sinh ra nhiều biến-cố để đi đến chỗ thay trò đổi cảnh theo yêu cầu của Lịch-Sử. Một là nước đó sẽ bị mất với các cường lân hai là với cường thần. Sự-kiện này chỉ có sớm muộn mà thôi, bánh xe của Lịch-Sử không thể ngừng quay ở nơi này được và xã-hội Việt-Nam đương nhiên đi sang con đường rẽ dầu muốn hay chẳng ?.

Nhà Trần dài 175 năm.

Như chúng ta đã biết trên một thế-kỷ trước nhờ những minh quân lương tể như vua Thái-Tông, Thánh-Tông, Nhân-Tông, Anh-Tông v.v... với sự chỉ-đạo sáng-suốt, khôn ngoan của Thái-Sư Trần-Thủ-Độ, Hưng-Đạo-Vương Quốc-Tuấn, nước ta được phát đạt, phồn thịnh, dân chúng ấm no vui vẻ nhưng với Nghệ-Tông trở đi (1370-1372) thời đại vàng son không còn nữa. Dân tộc Việt-Nam bắt đầu sống chuỗi ngày u tối khổ cực.

Vì sao ? — Vì họ Trần dần dần xuống dốc do đám vua quan bất tài vô hạnh — Xã-hội Việt-Nam là một xã-hội nông nghiệp và dân chúng Việt-Nam đang ở trên đà phát triển thì đất đai mỗi ngày một thiếu hụt. Nhân khẩu lại tăng gia gấp bội mà không giải quyết được sự sống cho dân tất nhiên xã-hội Việt-Nam phải lâm vào chỗ bế-tắc, giải pháp cần nhứt bấy giờ là phải mở rộng đất đai để đối phó với nhu-cầu cấp bách của tình thế, hoặc bằng cách phân chia lại điền-địa, khẩn hoang rừng núi, hạn-chế quyền tư-hữu, bành trướng cương giới v.v.. thì từ Minh-Tông trở xuống không một ông vua nào thi hành được một chánh sách tốt đẹp khả dĩ đáp ứng được với tình trạng cùng quẫn đó. Một lối thoát bấy giờ tốt đẹp hơn cả là việc Nam-tiến, là việc di dân để tạo thêm nguồn sống cho đám bình dân thì Trần triều bó tay vì binh lực suy-nhược. Con đường này bị nghẽn tức là không kiếm nổi vị thuốc để cứu con bệnh trong cơn trầm-trọng. Vua chúa của nhà Trần trái lại còn đi ngược dòng : chính sự không ai màng tưởng, từ vua đến quan chỉ lo yến ẩm, ca hát và đánh bạc. Đã vậy Hoàng thân quốc thích và quan liêu thi nhau tranh chiếm hoặc bành trướng ruộng đất ngoài nhân-dân. Đám nông dân bị bóc-lột tới bước cùng phải nổi loạn. Óc phiến động của họ lại được khuyến khích do sự thất bại của triều đình trước mấy cuộc tấn công liên-tiếp của giặc Chiêm. Nước Việt-Nam trong giai-đoạn này xét ra ví chẳng mất về ngoại xâm thì cũng thay trò đổi cảnh vì nội-loạn. Ai mà

không thấy rõ sự trạng đó ? Huống hồ khi vua Dụ-Tông qua đời, bà Huệ-Từ Thái hậu còn u mê đến nỗi cương quyết nhường ngôi nhà Trần cho con một người đào hát, Dương-Nhật-Lễ.

Nếu Nhật-Lễ trong ngót hai năm (1369-1370) biết tổ-chức lực lượng và bè đảng, biết sắp đặt chánh sự thì ngôi nhà Trần hết cơ cứu vãn. Sự thật binh đội của các tôn-thất nhà Trần bây giờ không mạnh như trước nữa, chẳng vậy mấy phen giặc Chiêm luôn luôn vào ra đất nước ta dễ-dàng.

Tới Nghệ-Tông ông vua này lại càng hủ bại hơn. Do tính hèn yếu và hôn-ám ông trao mọi việc cho Qúy-Ly, thì rõ-rệt chính ông đã dọn đường diệt-vong cho họ Trần và Trần đáng mất ngay từ bấy giờ còn chi, chẳng với Qúy-Ly sau nầy thì cũng với họ khác.

Thời thế nhiễu nhương bao giờ cũng tạo nên những nhân vật phi thường để làm những việc hoán-cải mà nhân dân nóng lòng chờ đợi. Tỷ-dụ ở Pháp, nếu đời vua Lu-Y thập lục là lúc cái ác-quả của chế-độ quân-chủ, phong-kiến, tăng-lữ không tàn hại đến cực điểm, nhân dân Pháp không khánh kiệt, lầm than thì Cách mạng 1789 đâu đã bạo phát và mở đường sự-nghiệp cho Nã-Phá Luân đệ nhất. Đây là một định-luật tất nhiên của lịch-sử. Nó từng cảnh-cáo những nhà chính-trị qua máu và nước mắt, qua những tiếng vang của sắt của thép, qua tiếng gầm của súng của đạn. Những người say sưa danh lợi vẫn thường cứ mơ-hồ... Rồi có phải đâu một mình họ gánh hết những hậu quả bi-thảm !

Lê-Qúy-Ly bước lên sân khấu chính trị Việt-Nam như vậy không phải là điều lạ hay vô cớ. Con người đó tất nhiên phải xuất sắc, phải phi thường mới xoá bỏ lớp trò nảo-nề đã diễn ra quá lâu trên chánh trường Việt-Nam ở hậu-bán thế kỷ XIV.

II.— TIỂU-SỬ CỦA HỒ-QUÝ-LY

Họ Hồ đối với lịch-sử Việt-Nam chỉ mới nổi tiếng từ khi có Hồ-Quý-Ly xuất đầu lộ-diện.

Theo *Khâm-định Việt-sử*, Hồ-Quý-Ly là cháu bốn đời của Hồ-Liêm. Ông tổ của họ Hồ là Hồ-Hưng-Dật người tỉnh Chiết-Giang bên Tàu về đời Ngũ-Quý (907-959) trôi giạt sang Việt-Nam làm quan và lập ấp ở làng Bào-Đột phủ Diễn-Châu (nay thuộc huyện Quỳnh-Lưu tỉnh Nghệ-An). Đến đời Hồ-Liêm những người họ Hồ dời qua làng Đại-Lại thuộc tỉnh Thanh-Hóa. Quý-Ly làm con nuôi Lê-Huấn vì vậy đổi họ là Lê-Quý-Ly. Đến nay chưa tìm được một căn cứ nào rõ rệt để hiểu biết sự di-truyền về sinh-lý của dòng máu đã kết tinh những đức tính lỗi lạc và cương quyết của nhà chính trị đó. Quý-Ly sau này chiếm được ngôi của nhà Trần, lấy lại họ cũ, đổi tên nước là Đại-Ngu tuyên-ngôn rằng họ Hồ thuộc dòng dõi vua Nghiêu, Thuấn ngày xưa. Có lẽ người đời sau tin vào chỗ này mà cho rằng họ Hồ là người Tàu. Có thể người ta mắc lỡm thủ đoạn hoặc dân của họ Hồ để thiên-hạ phục mình là con cháu thánh thần (Nghiêu, Thuấn xưa kia được dân tộc Trung-quốc tôn sùng vào bực thánh) Nhưng đối với dân tộc Việt-Nam ta, dẫu Quý-Ly chẳng là người Tàu thì những nhân vật phi thường như Quý-Ly không phải là không thể có trong lịch-sử của chúng ta.

Xét các người chung quanh Quý-Ly, bên nội cũng như bên ngoại đều rất thông-minh, xuất chúng. Tỷ-dụ : Gia-Từ hoàng hậu (em họ Quý-Ly, vợ vua Duệ-Tông). Sử chép : Vua Duệ-Tông, đi đánh Chiêm không trở về bà gọt đầu đi tu. Vua Nghệ-Tông lập con bà lên ngôi (Đế-Nghiễn hay Hiễn). Bà cố xin bãi việc này không được sụt sùi khóc nói với những người chung quanh : « Con ta ít phúc không gánh nổi việc lớn lại đến mang họa vào mình thôi. Tiên quân ta xa vắng cõi trần, ta chỉ muốn chết theo, nữa là phải ở lại nhìn con mình lâm vào cảnh nguy hại... » Quả nhiên sau này Đế-Nghiễn bị bất-đắc kỳ-tử.

Sách *Nam-Ông Mộng-Lục* của Lê-Trừng (tức Hồ nguyên Trừng con của Hồ-Quý-Ly) in trong tập *Hàm phần lâu bí-cấp* xuất bản ở bên Tàu sau này chép là bà tổ Hồ-Quý-Ly là con Nguyên-Thánh-Huấn, một nhà văn trứ-danh dưới đời Trần Thánh-Tông và Nhân-Tông, tháng chạp năm Bảo-Phù thứ hai (1274) Nguyên Thánh-Huấn được cùng Nguyễn Sĩ-Cố làm Nội-thị học-sĩ đọc sách với thái-tử Khâm (tức Nhân-Tông) dưới quyền giáo thụ của Thiếu-sư Lê Phụ-Trần, sau làm đến chức Trung-thư Thị-lang nổi tiếng văn thơ được người đời bấy giờ gọi là Nam-phương thi-tổ. Quý-Ly có hai cô lấy vua Minh-Tông là con gái của quan Thái-y-phán Phạm Công-Bân rất giỏi nghề thuốc và công-minh chính-trực nổi tiếng đời bấy giờ.

Xin kể một chuyện về đức-độ và lòng chính-trực của Phạm Công-Bân sau đây :

Một hôm Phạm đang sửa soạn đi cứu một bịnh-nhân thường-dân bị bệnh thổ-tả rất nguy ngập thì quan Thái-Giám mang thánh-chỉ triệu vào cung chữa cho một cung-nhân.

Phạm hỏi :

— Bệnh gì ?

Thái-giám đáp :

— Bệnh băng huyết.

Phạm nói :

— Ngươi cứ về trước, ta sẽ tới sau.

Thái-giám không nghe vin vào mệnh vua mà đòi quan Thái-y đã ăn lộc vua phải chữa bệnh cho Hoàng-gia trước.

Phạm cương quyết nói :

— Bệnh cung-nhân bốc thuốc chậm một chút không sao. Nhưng bệnh tả nguy-kịch đến nơi, ta phải đi cứu ngay mạng người ta đã. Ngươi về tâu giùm như vậy. Thánh-thượng có điều gì ta xin cam chịu.

Nói xong, Phạm ra đi, sau mới vào cung. Vua trách là trái mệnh, Phạm điềm nhiên tâu :

— Ơn vua là tình riêng, cứu người là nghĩa chung và cứu bệnh như cứu hỏa nên biết trái mệnh là tội chết vẫn cứ phải đi, nay xin đem đầu đến chịu hình phạt của triều đình.

Vua Anh-Tông nghe ra khen họ Phạm biết nghĩa-vụ làm thầy thuốc nên tha tội và còn ban thưởng thêm nữa.

Tóm lại, ta chỉ có những căn-cứ cận-lai để biết Hồ-Quý-Ly đã sinh ra ở những dòng máu thông minh, cao-quý và những yếu tố này đủ tạo nên Quý-Ly thành một nhân-vật lịch-sử có những cá-tính hết sức đặc-biệt.

Cuộc đời chánh-trị của Hồ-Quý-Ly có nhiều điều hơn người đáng chú ý suốt trên 30 năm trên trường chính-trị :

Ông xuất thân là Chi-hậu chánh-trưởng, một chức quan hầu trong nội cung tháng 5 năm Tân-Hợi (Thiệu-Khánh thứ hai 1371) dưới đời Nghệ-Tông. Bước tiến trên hoạn lộ của họ Hồ nhanh như gió, chẳng bao lâu họ Hồ được thăng tới chức Đại-sứ khu-mật và được kết duyên với em gái vua là Huy-Ninh công-chúa, vợ góa của Tôn thất Trần nhân Vinh.

Tháng chín năm ấy, Quý-Ly được cử đi vỗ yên dân Nghệ-An được gia phong Trung-tuyên-quốc Thượng-hầu.

Tháng giêng năm Ất-Mão (Long Khánh thứ ba 1375), Duệ-Tông cử Quý-Ly kiêm chức tham mưu quân sự được toàn quyền định đoạt việc quân và xếp đặt thứ vị về võ, chỉ huy từ các tông thất trở xuống.

Năm Bính-Thìn (1376) tháng chạp, cùng Duệ-Tông đi đánh Chiêm, Quý-Ly đảm-nhận việc đôn đốc lộ Nghệ-An, phủ Tân-Bình, các châu Thuận-Hóa, vận lương-thực cho quân đội đến cửa bể Di-Luân (thuộc Quảng Bình).

Tháng giêng năm Kỷ-Mùi (Năm Xương-phù thứ ba 1379), dưới đời vua Đế-Hiễn (Nghiễn), Quý-Ly thăng chức Tư-không kiêm Khu-mật đại-sứ.

Tháng hai năm Canh-Thân (1380), Chiêm-Thành cướp phá mấy tỉnh đàng trong, Quý-Ly lĩnh thủy quân, Đỗ-tử-Bình lĩnh lục quân đi dẹp. Quý-Ly đại thắng quân Chiêm ở Ngu-giang (phân lưu sông Mã, nay thuộc phủ Hoằng-Hóa tỉnh Thanh-Hóa) Đỗ-tử-Bình cáo ốm trả binh quyền Quý-Ly giữ luôn cả lục quân với danh hiệu là Đô-Thống-Chế Hải-Tây-đạo.

Tháng ba năm Đinh-Mão (1386), Quý-Ly thăng chức Đồng-bình chương-sự (Tể-tướng) được Nghệ-Tông ban cho cờ kiếm đề câu : « *Văn-võ toàn-tài, quân-thần đồng-đức* ».

Tháng hai năm Giáp-Tuất (năm Quang-Thái thứ bảy 1394) dưới đời vua Thuận-Tông. Thượng hoàng Nghệ-Tông cho vẽ tranh Tứ-phụ gián-tiếp ca tụng Quý-Ly (tranh Tứ-phụ vẽ bốn người hiền đời xưa có tài-đức giúp vua giúp nước là : Chu-Công giúp vua Thành-Vương nhà Chu, Hoắc-Quang giúp vua Chiêu-Đế nhà Hán. Gia-Cát-Lượng giúp vua Hậu-chúa nhà Thục-Hán và Tô-Hiến-Thành giúp vua Cao-Tông nhà Lý.

Tháng hai năm Ất-Hợi (Quang-Thái thứ tám 1395) đời Thuận-Tông Quý-Ly lên chức cao hơn hết trong triều đình là Nhập-nội phụ chính Thái-sư Bình-chương quân-quốc trọng sự, tước Tuyên-trung vệ-quốc đại-vương.

Tháng ba năm Mậu-Dần (Quang Thái thứ mười một 1398) Qúy-Ly tự xưng Khâm-Đức-Hưng liệt Đại-Vương quốc-tổ nhiếp chính.

Xét cái niên-biểu trên đây, Qúy-Ly tiến nhanh không thể nói được và cũng không hề bao giờ bị giáng. Ông được Nghệ-Tông và các vua nhà Trần trọng dụng mặc dầu gặp nhiều-lượng phản-động rất mạnh mấy phen định lật nhào họ Hồ trên cái đài danh-vọng.

Ta hãy kiểm-điểm những công việc Quý-Ly đã làm để có một ý-niệm xác-đáng về nhà chính trị có nhiều sáng kiến và khả năng đó.

1) Cải cách chính-trị

Họ Hồ vừa bước chân vào trường chính-trị đã để ý ngay tới việc cải cách quốc-gia trên mọi địa điểm. Có nhìn vào chương trình cải-cách của họ Hồ từ năm 1374, mới hiểu tình-trạng nước ta vô cùng khó khăn và nguy-quẫn vào cuối thế-kỷ thứ XIV. Và cũng nhân đó ta mới thấy họ Hồ trong 27 năm tuy quyền khuynh thiên-hạ nhưng không hẳn được ngồi yên để hưởng công-danh phú-quý. Sự thật họ Hồ đã làm việc rất nhiều và rất có thiện-chí đưa nước nhà lên chỗ hùng mạnh, nhất là họ Hồ có con mắt tinh đời trước cái nạn cường lân, ngoại địch đang đe dọa trước mắt. Chỉ tiếc rằng trong 27 năm cầm chính quyền họ Hồ gặp nhiều trở lực nên các việc cải-cách đã có nhiều phen bị ngừng trệ và sau khi lên ngôi tuy nhà Hồ vẫn xúc-tiến các cuộc cách-mạng quốc-gia nhưng chưa được bao năm thì bị sụp đổ.

Đối với xã-hội Việt-Nam, một xã-hội hoàn-toàn nông nghiệp, xã thôn là nền tảng. Chế-độ và tổ-chức xã-thôn xuất-hiện từ đời Trần theo các nguyên tắc dân-chủ vì xã-thôn có những qui-lệ riêng do các phong tục, tập quán được nhân-dân tôn-trọng, công-nhận. Nó là ý dân ở từng địa-phương một. Nó đã đưa ra hình-thức một tiểu-quốc-gia trong một quốc-gia và đã xây-dựng được nền tự-trị của nó về kinh-tế, chính-trị cũng như văn hoá. Câu «*phép vua thua lệ làng*» đủ tỏ uy-tín của xã-thôn đối với nhân dân Việt-Nam cũng như đối với các nhà đương-đạo nhất là xã-thôn đại-tư-xã, tiểu-tư-xã) lại do các quan từ lục-phẩm trở lên là những người có học rộng tài cao cầm cân nảy mực. Cũng nhờ điểm này Xã-thôn có nhiều uy-quyền nên đã phát-triển được mọi sáng-kiến khiến nhiều tục lệ của xã-thôn được các nhà đương-đạo mặc nhiên kiêng nể.

Nhưng từ Nghệ-Tông, chế-độ xã thôn cũng vì hoàn-cảnh xã-hội đời bấy giờ mà sinh ra nhiều sự đồi tệ. Quý-Ly bỏ các ty-xã, tái lập Quản giáp cũ, để việc cai-trị bớt tính-cách phân quyền và tránh cho nhân-dân nhiều điều phiền-phức.

Vừa lên chức Khu-mật đại-sứ, Quý-Ly đã đi kinh-lý toàn hạt Nghệ-An xem xét tình dân, rồi tháng 8 năm sau xin chiếu bắt các lộ làm sổ trướng tịch.

Tháng tư năm Đinh-Sửu (Quang-Thái thứ mười 1397) triều Thuận-Tông, Quý-Ly đổi các lộ ra trấn.

— Thanh-hóa đổi ra Thanh-đô trấn.
— Quốc-Oai đổi ra Quốc-Oai trấn.
— Đà-Giang lộ đổi ra Thiên-Hưng trấn.
— Nghệ-An lộ đổi ra Tân-An trấn.
— Trường-An lộ đổi ra Thiên-quan trấn.
— Diễn-châu đổi ra Vọng-giang trấn.
— Lạng-Sơn phủ đổi ra Lạng-Sơn trấn.
— Tân-Bình phủ đổi ra Tân-Bình trấn.

Cai trị các trấn vẫn là các An-phủ chánh phó-sứ. Phủ đặt chánh phó Trấn-phủ sứ. Châu đặt thông- phán, Thiêm phán ; Huyện đặt Lệnh-úy, Chủ-bạ. Lộ coi Phủ, phủ coi Châu ; Châu coi Huyện. Lộ nào cũng phải lập sổ sách về việc đinh, điền, tiền, thóc, kiện tụng. Cuối năm phải đệ trình về Kinh để xét lại.

Tháng ba năm Canh-Thìn (Kiến-Tân thứ ba 1400), đời Thiếu-đế (lúc này họ Hồ đã thay họ Trần), Quý-Ly đặt chức Liêm-phòng-sứ ở mỗi lộ để bí mật kiểm-soát hành-vi các quan lại và dân tình không khác gì chức Thanh tra chính trị và hành-chính ngày nay. (Nhân đây cần nhắc lại rằng Quý-Ly rất nghiêm đối với những kẻ vi-phạm luật pháp và thượng lệnh. Tỷ-dụ : Trong trận Ngu-giang, Quý-Ly phái Thần-Vũ tướng quân Nguyễn-Kim-Ngao, Thị-Vệ tướng quân Đỗ-dã-Kha tiến đánh giặc Chiêm. Kim-Ngao thấy giặc mạnh quay thuyền trở lại. Tức thì Quý-Ly cho chém đầu Kim-Ngao để nghiêm quân luật trước sĩ tốt. Trận ấy quân ta thắng Chế-Bồng-Nga và từ đó Quý-Ly nắm cả quyền Thống-chế binh-vụ của Đô-tử-Bình như ta đã thấy).

Trước năm Bính-Tý (1396), theo đề nghị của Vương-Chu, Quý-Ly cho chỉnh đốn lại phẩm-phục của các quan :

a) Về áo :

Nhất phẩm mặc áo tím.
Nhị phẩm mặc áo đỏ tươi.
Tam phẩm mặc áo hồng.
Tứ phẩm mặc áo lục.
Ngũ, lục, thất phẩm mặc áo sắc biếc.
Bát, cửu phẩm mặc áo sắc xanh.

b) Về mũ :

Các quan văn từ lục phẩm trở lên đội mũ Cao-Sơn, võ từ lục phẩm trở lên đội mũ Triết-sung. Tôn-thất đội mũ Phương-thắng đen. Chức cao mà không có tước phong đội mũ Giốc-đỉnh. Thất phẩm đội mũ Thái-cổ, Tòng thất phẩm đội mũ Tân-Hoa ; Vương-hầu đội mũ Viên-du, Ngự-sử-đài đội mũ Khước-Phi (chưa khảo rõ được hình thức các thứ mũ). Do chỗ cải cách này ta hiểu về phẩm phục trước đời Quý-Ly chưa có thứ tự. Việc này tuy không quan trọng nhưng tỏ rằng Quý-Ly không những chỉ lo các việc lớn mà thôi.

2) — Cải cách quân-sự :

Ngay từ tháng 8 năm Quý-Sửu, Long-Khánh nguyên niên (1374), Quý-Ly đã cho sửa đổi lại việc quân, đóng nhiều chiến thuyền và tuyển mộ trai tráng chia làm ba hạng sung vào quân dịch. Để tránh việc ẩn lậu, Quý-Ly cho làm sổ hộ tịch ghi tên những người từ hai tuổi trở lên. Số người có thể động-viên từ 15 tuổi đến 60 tuổi hơn gấp mấy phần lúc trước.

Cũng ngày này năm sau đặt thêm quân-hiệu ; trước kia quân Túc-vệ chia làm bốn Thiên, bốn Thánh, bốn Thần nay đặt thêm các quân Uy-tiệp, Bảo-tiệp, Long-Dực, Thần-Dực, Diện-Hậu phân biệt bằng các màu sắc trên trán như sau :

Quân túc-vệ trán vẽ đen. Quân mới tuyển trán nhuộm tím. Thanh-Hóa, Nghệ-An, Tân-Bình. Thuận-Hóa đặt quân-hiệu riêng.

Tháng giêng năm Mậu-Ngọ (Xương-Phù thứ hai 1378) những người khỏe mạnh, am-hiểu võ nghệ được lựa làm vệ sĩ giám-đốc việc quân. Trần-Ngoạn được cử làm làm Quản quân Thiên-Đỉnh, Bùi-Hấp quản quân Thiên-Uy. Hoàng Phụng-Thế Quản quân Thánh-Dực, Trần-thế Đăng Quản quân Thần-dực, Bùi Bá Ngang quản quân Thần sách, Nguyễn Kim-Ngao quản quân Thần-Vũ. Trần Trung-Hiếu quản quân Bảo-Tiệp Trần-Bang quản quân Long-Tiệp, Lê mật-Ôn quản quân Hoa-Ngạch. Đỗ Dã-Kha quản quân Thị-Vệ. Nguyễn tiểu-Luật quản quân Thiên-Trường. Nguyễn Bát-Sách quản quân Thiết-Sang. Nguyễn văn Nghệ quản quân Thiết-giáp, Nguyễn Hồ-Lê quản quân Thiết-Liêm, Nguyễn Thánh-Du quản quân Thiết-Hộ, Trần quốc-Hưng quản quân Ô-Đồ.

Quý-Ly đặt thêm chức Đô-đốc, Đô-hộ, Đô-Thống, Tổng-quản, Thái-thú bên cạnh các An-Phủ chánh phó-sứ các lộ, các phủ. Hồi đó con trai Hồ Quý-Ly là phó-tướng Hồ-Hán-Thương lĩnh chức Đông-Đô Đô-hộ phủ ; Thái-Bảo Trần Nguyên-Hãng lĩnh Bắc-giang Đô-Thống phủ, Thiếu-Bảo Vương nhữ-Chu coi mọi việc quân Thiên-Trường phủ. Hành-Khiển Hà-Đức-Lân kiêm Thái-Thú Tân-An phủ.

Dưới đời Hồ Hán-Thương Nam-Bắc phân ra làm 12 vệ. Đông-Tây phân làm 8 vệ. mỗi Vệ có 18 đội, mỗi đội có 18 người. Đại quân có 30 đội Trung quân có 20 đội, mỗi doanh có 15 đội. Mỗi đoàn có 10 đội. Còn quân cấm vệ thì chỉ có 5 đội do một một đại tướng thống lĩnh. Tổng số quân bấy giờ có chừng 10 vạn.

Về thủy quân tại các ngả sông và các cửa bể, Quý-Ly hạ lệnh cho các địa phương đóng cọc gỗ để chắn đường tiến của giặc và cho sửa lại các chiến-thuyền theo lối mới gọi là thuyền Cổ-Lâu, thuyền lớn đóng bằng sắt ở trên có sàn đi, ở dưới cứ 2 người chèo cùng đẩy một dầm rất tiện cho việc chiến đấu (1405 - 1406).

Hồ đặt ra bốn kho quân khí tức là công-binh xưởng tuyển các thợ giỏi để chế-tạo chiến-cụ.

Đáng chú-ý, Quý-Ly rất lưu tâm từ lâu đến việc mở mang quân đội để bành-trướng thế-lực của mình và đề-phòng việc ngoại xâm. Quý-Ly hiểu rõ nhà Minh thế nào cũng có dịp động binh qua đất Việt dù chính sách ngoại giao của ta mềm dẻo đến mức nào. Tới khi nắm được hết quyền hành trong tay (1400) Quý-Ly thiết lập ráo-riết chế-độ quân-sự khắp nước biết rằng việc bang giao với Minh-triều, sớm muộn sẽ đứt đoạn chẳng vậy ông thường tỏ lòng thắc mắc với quần-thần : Làm thế nào có nổi trăm vạn quân để chống nhau với giặc Bắc ?

Xét các cuộc va chạm với Chiêm dưới thời toàn thịnh của họ, ta phải công bằng mà nhận năm Cảnh-Thân. (Xương Phù thứ tư 1380) Chế Bồng-Nga phải bỏ chạy và năm Canh - Ngọ (Quang-Thái thứ ba 1390), họ Chế phải bỏ mạng trên dòng Hoàng-giang là nhờ ở sự cải-cách binh-bị và quân-kỷ sắt thép của họ Hồ.

3) Cải cách kinh tế.

Các nhà trí thức khảo duyệt hành động của các nhân-vật lịch-sử cho rằng những cải cách kinh tế và văn-hóa của Hồ Quý-Ly cũng là một điều xuất sắc nhất từ xưa đến nay. Lời khen ngợi đó có đúng chăng ?

Thuở bấy giờ nhà chính-trị lọ Hồ đã đứng trước một Xã hội Việt-Nam đầy đói khổ, một chính-phủ với kho tàng rỗng tuyếch, cuộc khủng-hoảng tinh-thần vật-chất lan tràn từ triều đường ra tới các nơi dân-dã. Bằng cách gì, nhà chính trị đó xoay đổi lại thời-cuộc ?

Để cứu nạn đói, vì nạn đói sinh ra loạn ly, chính-sách quyên thóc được thi-hành. Ai có thóc cúng cho nhà-nước thì được phong tước tùy theo chỗ hằng tâm, hằng sản nhiều ít. Năm Kỷ mão (Long-khánh, thứ ba 1370) có chiếu bắt buộc các nhà giàu ở các Lộ phải nộp thóc cho nhà nước đổi lấy tước phẩm có thứ bậc.

Để tập trung các tài nguyên quốc-gia vào tay chính-phủ, Quý-Ly cho phát hành tiền giấy vào vào năm Đinh-sửu (1397) điều chưa hề có ở nước ta từ thượng cổ đến bấy giờ. Tiền giấy tiện lợi cho việc lưu-thông và thương-mại thế nào, ai nấy đều biết và ta cũng nên nhớ rằng các tư gia thuở xưa sợ loạn ly hay có thói tích-trữ và chôn dấu tiền bạc. Việc đó rất có ảnh-hưởng cho nền kinh-tế quốc-gia với bất cứ thời nào. Tiền giấy có 7 hạng :

— Giấy vẽ rêu bể ăn	:	10 đồng tiền
— Giấy vẽ sóng nước ăn	:	30 đồng tiền
— Giấy vẽ đám mây ăn	:	1 đồng tiền
— Giấy vẽ con rùa ăn	:	2 đồng tiền
— Giấy vẽ con lân ăn	:	3 đồng tiền
— Giấy vẽ con phượng ăn	:	5 đồng tiền
— Giấy vẽ con rồng ăn	:	1 quan

Ai làm tiền giấy giả phải tội tử-hình, tịch-thu tài-sản. Ai có một quan tiền thực đổi lấy 1 quan hai tiền giấy. Tiền đồng phải đem nộp kho đổi lấy tiền giấy. Người nào dấu diếm và mang tiêu sẽ phải tội như người làm tiền giấy giả.

Đồng thời với việc phát hành tiền giấy, Quý-Ly ban hành các đồ đo-lường (cân, thước, đấu, thúng) để dân gian có độ, mực nhất định trong việc buôn bán. Chức Giám-thị được đặt ra để kiểm-soát việc buôn bán và các điều-luật thương mại, cấm nhân-dân tự-ý tăng giá hàng và đóng cửa hàng, mục đích tránh nạn đầu-cơ, tích-trữ và giữ giá trị cho tiền giấy nhà-nước.

Năm Nhâm-Thìn (1401), có lập ra một thứ thuế đánh vào các thuyền buôn. Thuyền buôn chia làm ba hạng : Hạng nhất phải nộp mỗi chiếc 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan.

Việc buôn bán hồi đó cũng đã phát-đạt, mặc dù dân chúng vẫn chuyên về nông-nghiệp. Năm Mậu-Dần (1398), Quý-Ly hạ lệnh đo-đạc lại ruộng đất, hạn cho các quan lại địa-phương phải chu-tất việc này trong năm năm vì nhiều ruộng đất có sự ẩn-lậu. Các quan lộ, phủ, châu, huyện phải sức cho các điền chủ khai rõ số ruộng đất mình có, rồi biên họ tên vào tiêu-đề cắm trên thửa ruộng. Một hội-đồng gồm các quan địa phương thân đến tận nơi kiểm soát và đo lại lập thành điền-bạ. Thửa ruộng nào không có người khai sẽ lấy làm công điền. (Việc này tiếc thay chưa làm xong thì nhà Hồ đã mất). Do việc đạc-điền, Nhà-nước thâu được thêm tiền thuế và có thêm một số ruộng công để chẩn cấp cho dân nghèo.

4) Cải cách xã-hội.

Trong chương trình cải cách xã-hội, Quý-Ly còn đi mạnh hơn nữa. Đó là việc phân chia lại điền địa vào năm Đinh-sửu (1397) là năm Quý-Ly đã leo lên tới bậc chót của cái thang danh-vọng. Xét ra nếu Quý-Ly không nắm được ưu-thế tuyệt-đối về quyền-hành thì khó lòng mà thi hành được sáng kiến này.

Có lẽ ông đã nhận thấy chế-độ tư-hữu tài-sản của Trần-triều bành-trướng quá mạnh đã gây ảnh-hưởng tai hại cho đời sống của dân-tộc do nhân khẩu mỗi ngày tăng gia nhiều thêm ; Quý-Ly xét không có cách gì dẹp yên

các mầm loạn hơn là cách hạn-chế tư-sản để cứu vãn tình thế của đại chúng. Họ Trần trước đây đã khai sinh ra chế-độ nô, tỳ, hoành là một chế-độ nông-nô dùng vào việc đắp đê ngăn nước mặn để lập ra các trang trạicho các vương hầu. Những trang trại đó đã do mồ hôi nước mắt của dân nghèo mà có thì nay trả lại cho dân nghèo để họ có kế sinh-nhai. Theo tân sách, trừ các bậc Đại-vương và trưởng Công-chúa, không ai được cấy quá 10 mẫu ruộng. Số ruộng thừa phải nộp cho nhà-nước. Ngoài ra, ai có tội hay bị giáng. truất đều được lấy ruộng để chuộc tội, đủ hiểu họ Hồ đã áp-dụng mọi phương-pháp thích-nghi và rất rộng rãi để thâu lại ruộng đất cho dân nghèo.

Đi đôi với việc trên, việc sưu thuế cũng được sửa đổi lại. Mỗi mẫu tư-điền theo chế-độ cũ (thuế đinh có từ đời Trần) phải nộp ba thăng thóc. Mỗi mẫu dân nộp từ 7 quan đến 9 quan. Thuế định mỗi xuất nhất-luật phải nộp ba quan theo đề-nghị của Đỗ-tử-Bình, được thi-hành từ năm Mậu-Ngọ (Xương-Phù thứ hai, 1378).

Năm Nhâm-Ngọ (1402), họ Hồ định lại: ruộng tư mỗi mẫu phải nộp 5 thúng.

Ruộng dâu chia làm ba hạng: hạng nhất đóng 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan.

Thuế thâu tùy theo hoàn cảnh riêng của mỗi người. Hạng vô-sản và cô-nhi, quả phụ được miễn.

— Hạng có từ 5 sào phải nộp 5 tiền giấy.

— Hạng có từ 6 sào đến 1 mẫu phải nộp 1 quan tiền giấy.

— Hạng có từ 1 mẫu 1 sào đến 1 mẫu 5 sào nộp quan 5 tiền giấy.

— Hạng có từ 1 mẫu 6 sào đến 2 mẫu phải nộp 2 quan tiền giấy.

— Hạng có từ 2 mẫu 1 sào đến 2 mẫu 5 sào phải nộp 2 quan 6 tiền giấy.

— Hạng có từ 2 mẫu 6 trở lên nộp ba quan tiền giấy.

Xét việc sửa đổi sưu thuế này không có lợi cho dân, trái lại dân chúng phải đóng góp nặng hơn trước. Theo chế-độ cũ đã thi-hành đến năm Mậu-Ngọ (1378), thuế thân vẫn tính theo số ruộng: ai có 1, 2 mẫu ruộng mỗi năm phải đóng 1 quan tiền. Ai có 3, 4 mẫu phải đóng 2 quan tiền. Ai có 5 mẫu trở lên phải đóng 3 quan. Như vậy thuế cũ vẫn nhẹ hơn thuế mới. Có lẽ từ năm Mậu-Ngọ (1378) đến năm Nhâm-Ngọ (1402), việc áp-dụng đề-nghị của Đỗ Tử-Bình đã gây nhiều ác-cảm trong dân chúng nên Quý-Ly có ý cải-cách để thu-phục lại nhân-tâm.

Cũng theo một đường lối với việc cải cách điền-địa, Quý-Ly hạn chế cả việc dùng dân nghèo làm nô-lệ. Ông đã không dung việc lạm-quyền của giai-cấp phong-kiến, quý-tộc, quan liêu chia tay nhau tài-sản quốc-gia, lẽ tất nhiên ông phải bài trừ nốt việc bóc-lột sức lao-động của đám dân cùng đường lỡ bước trở nên tôi mọi.

Xưa kia các vương-tôn, hoàng phái được thu dụng rất nhiều đầy tớ, nay mỗi nhà quý-tộc chỉ được một số tùy theo phẩm-trật. Số thừa phải trả lại cho nhà-nước, đầy tớ được phân biệt bằng các dấu trên trán:

— Đầy tớ của nhà-nước vẽ hỏa châu.

— Đầy tớ của công-chúa vẽ dương dương.

— Đầy tớ của nhà Đại-Vương có một khoanh đỏ.

— Đầy tớ các quan nhất nhị phẩm có một khoanh đen.

— Từ tam phẩm trở xuống có hai khoanh đen.

Việc hạn nô này còn do một ý định sâu-sắc về chính trị nữa là giảm bớt thế-lực của các quý-tộc trung-thành với họ Trần hay đám hoàng phái có quyền-lợi sinh-tử với vương-triều.

Cứu vãn vấn đề dân sinh và nạn nhân mãn ở Trung châu sông Nhị bấy giờ đang rất nguy ngập bằng cách chia lại ruộng đất, họ Hồ có lẽ chưa thỏa ý vì cung nhường chưa đủ cho cầu nên họ Hồ lại di chuyển dân nghèo vào làm ăn các miền đất đai mà chúa Chiêm là Ba-Đích-Lại thua trận năm Nhâm-Ngọ (1402) phải dâng cho nước ta: (đất Chiêm-Động và Cô-Lũy). Quý-Ly chia hai nơi này làm 4 châu: Thăng,Hoa, Tư, Nghĩa, đặt lộ Thăng-Hoa để chi phối bốn châu. Chỗ giáp giới đất Chàm thì đặt ra trấn Tân-Ninh. Nguyễn-Cảnh-Chân được làm An-phủ sứ lộ Thăng-Hoa.

Dân nghèo được tổ-chức thành đoàn như quân-đội, đưa cả vợ con đi theo, chia nhau chiếm

hữu các nơi đất mới để khẩn hoang và lập nghiệp. Họ phải thích ở trên cánh tay tên châu mình trú-ngụ. Vấn đề trâu bò cũng được giải-quyết : Ai nộp nhà-nước trâu bò để cấp cho di dân đều được ban phẩm, tước.

Năm Quý-Mùi (1403) Quý-Ly lập Quảng-tế thự tức là bệnh-viện của Chính-phủ như ngày nay, để chữa bệnh cho mọi người. Nguyễn-Đại-Năng là một thầy chuyên-môn về khoa châm-cứu được cử ra trông nom.

Để giải-quyết nạn đói sau những vụ giặc giã, lụt lội hạn-hán, Quý-Ly cho lập ở mỗi lộ một kho thóc gọi là kho Thường-bình, theo kiểu kho của quan lại Tư-Nông đời Hán-Tuyên-đế (trước Tây-lịch) lấy tiền công mua thóc lúa lúc giá hạ rồi bán rẻ cho dân lúc khó khăn hoặc đem chẩn cứu cho dân cùng. Hơn nữa triều đình còn sức các lộ-quan kiểm điểm số thóc của các đại điền chủ rồi đứng ra bán cho dân, dĩ-nhiên nhà-nước định một giá hợp với hoàn cảnh của các người túng thiếu.

Ngoài ra ở các miền bể, triều đình cho đắp đê ngăn nước mặn để lấy thêm ruộng đất cho dân và khai thác các bến, các sông vùng Thanh-Hóa, Nghệ-An cho sự chuyên-chở, buôn-bán thêm sự thuận-tiện.

5) Cải-cách văn-hóa.

Nho-giáo và tư-tưởng của các hiền-giả Trung-quốc, từ Lý qua Trần được người mình hết sức suy-tôn. Chữ Nho giữ một ưu-thế đặc-biệt trong văn-học và trong các giấy tờ hành-chánh. Chữ Nôm dưới đời Trần mới chỉ được dùng đến trong các thi ca và ở giai đoạn sơ khởi mà thôi.

Cờ đến tay, Quý-Ly vốn có tinh-thần cải-cách và óc độc-lập, tự-tín liền đề cao vai trò của văn-chương quốc-âm và dám lật nhào cả những lý-thuyết bất khả xâm-phạm qua bao nhiêu thế-kỷ của các thánh hiền Trung-quốc.

Năm Đinh-Mão (Xương-Phù thứ 11, 1387), được Thượng-hoàng Nghệ-Tông ban cờ kiếm, Quý-Ly làm một bài thơ nôm để tạ ơn. Năm Kỷ-Hợi (Quang-Thái thứ tám, 1394), Hồ-Quý-Ly dịch thiên Vô-Dật trong kinh-thư là Thiên chép lời của Chu-Công ra quốc-âm để dạy vua Thuận-Tông. Năm Đinh-Sửu (1396) Quý-Ly dịch xong pho kinh-thi dạy các nữ quan hậu phi và cung nữ. Ông bỏ bài tựa của Chu-Hy ở đầu sách, để bài khác đại-ý nói sách ấy dịch và giải-thích theo ý kiến riêng của ông. Ông lại soạn ra sách Minh-Đạo (để sáng tỏ đạo Nho) dâng lên vua Nghệ-Tông năm Nhâm-Thân (Quang-Thái thứ năm-1391) đáng kể là một cuốn sách phê bình triết-học đầu tiên ở nước ta. Sách này gồm 14 thiên, khen Chu-Công hơn Khổng-Tử, tôn Chu-Công làm bực tiên thánh, Khổng-Tử làm tiên-sư và nêu 4 chỗ đáng ngờ :

a) Khổng-tử đến thăm nàng Nam-tử.

b) Khổng-tử hết lương ở nước Trần.

c-d) Công-Sơn Phất-Nhiễu, Phất-Bật mời Khổng-tử, Khổng-tử muốn đi.

Cũng trong sách này Quý-Ly kết tội Hàn-Dũ, một danh sĩ đời Đường đã bài Phật rất kịch-liệt là đạo nho (Nhà nho ăn trộm) và cho các hiền-giả đời Tống (như Chu-Mậu-Thúc hiệu Liêm-Khê, Trình-Hiệu, Trình-Di, Dương-Thì, Lý-Duyên-Niên, La-Trọng-Tố, Chu-Tử (tức Chu-Hy hiệu Hối-Am) học có rộng nhưng tài thường, không có tinh-thần thực-tế, chỉ chuyên nghề cắp lột văn-chương tư-tưởng.

Ông Chu-Thiên cho rằng chiếc roi mà họ Hồ đã quật vào mặt các hiền-giả kể trên có điều oan-uổng vì họ Hồ quá thiên về thực-hành mà quên mất điều quan-trọng là hoàn-cảnh thực tại nó chi phối các hiền-giả đó. Muốn sao ta cũng phục họ Hồ có một tinh-thần độc-lập, chịu suy xét, dám tự tin, dám hoài-nghi, không a-dua, tán bậy, nịnh sằng như đám nho-sĩ trước ông và sau ông chẳng riêng ở Việt-Nam. Nếu trong tư-tưởng-giới của ta hay Trung-quốc có nhiều nhân-vật lỗi-lạc như họ Hồ, có lẽ văn-minh, học thuật Á-đông còn rạng rỡ hơn nữa.

Năm Đinh-sửu (1387), Quí-Ly mở mang việc học hành và thi cử cũng trái lệ thường. Ông không chịu kén nhân-tài bằng lối khoa-cử mà bằng lối tuyển cử.

Họ Hồ đặt ra ngạch Học quan, xét việc học chỉ có tổ-chức ở Kinh-thành, mà ở các châu, huyện thì hoàn toàn thiếu xót. Nay sức cho các lộ Sơn-Nam, Kinh-Bắc, Hải-Đông mỗi phủ, mỗi châu phải đặt một viên Học-quan lo việc giáo-hóa thanh-niên. Nhà-nước trích ruộng công cung cấp một phần vào việc học, một phần vào đèn sách, một phần làm lễ sóc theo tỷ-lệ : phủ, châu lớn 15 mẫu ; phủ châu vừa 12 mẫu ; phủ,

châu nhỏ 10 mẫu. Các lộ-quan phải liên-lạc mật-thiết với các học-quan để xúc-tiến việc giáo-dục. Mỗi năm phải kén người giỏi tiến kinh để vua thân ra bài thi và tuyển lựa làm quan.

Năm 1395 tức năm Quang-Thái thứ 9, có lẽ việc tuyển-cử không thuận tiện nên Quý-Ly đành trở lại lối thi-cử dưới đây. Trước đó về việc thi không có định thể, nay Quý-Ly định lại làm tứ trường văn thể mà bỏ phép ám tả; trường đệ-nhất làm bài kinh-nghĩa có đủ mấy đoạn phá đề, tiếp ngu, tiêu giảng, nguyên đề, đại giảng, triết-kết, hạn từ 500 chữ trở lên. Trường đệ-nhị có thơ phú (một bài thơ đường luật, một bài phú cổ-thể) cũng từ 500 chữ trở lên. Trường đệ-tam ra chiếu, chế, biểu (chiếu dùng thể văn đời Hán, chế biểu dùng lối văn tứ lục đời Đường) Trường đệ-tứ thi văn sách hỏi kinh-sử hay thời vụ hạn 1.000 chữ trở lên. Ngoài ra cứ thi hương năm trước thì thi hội năm sau. Các thí-sinh trúng tuyển còn phải qua một kỳ văn sách nữa do chính nhà vua ra đầu đề để định trên dưới.

Đến năm Giáp-Thân (1404): là khi nhà Hồ đã ra đời việc thi lại sửa đổi. Họ Hồ đặt thêm một trường nữa thi viết và làm toán pháp. Đó là kỳ chung kết. Những người đã đỗ hương thí, sang năm phải qua bộ Lễ thi lại. Vượt được kỳ thi này mới được là Thái-học-sinh. Những người đỗ thi hương được miễn phu phen tạp dịch.

Những người thi lại trong bộ Lễ trúng tuyển được bổ chức nhỏ. Việc cải cách về thi cử này có lẽ đã phỏng theo lề lối của nhà Nguyên...

Đứng trước những việc cải-cách trên đây, ai đọc sử hay nghiên-cứu lịch-sử nước nhà đều nhận thấy Hồ Quý-Ly là một nhân-vật có kỳ tài, có óc thông-minh, thực tế lạ thường có đức tính cương-quyết và nhẫn-nại.

Trên khắp mọi địa điểm, không những ông có nhiều sáng kiến, ông lại có một tinh-thần cấp-tiến mạnh-mẽ nó làm ông xa hẳn những người đương thời.

Ngay khi bước chân vào chính-giới (1371), ông đã đem dần những điều hoài-bão của ông ra thi hành, mong xúc-tiến xã-hội Việt-Nam trên con đường mới thích-hợp với các điều-kiện dân-sinh và dân-quyền, có được vậy nhân-dân mới phát-triển tiến-hóa được.

Chủ-yếu của mọi việc cải-cách thuở bấy giờ không thể nào khác là hạn-chế quyền sở-hữu, chế-độ gia-nô, nông-nô của phong-kiến và phú-hào, thủ-tiêu các đặc quyền từ lâu đời xây-dựng trên sự đau khổ của nhân-dân, trên một nền tảng bất-hợp-pháp và bất-hợp-lý; đó là cả một cuộc cách-mạng đối với giai-cấp thống-trị. Trước ông và sau ông, chưa ai dám hành-động như thế. Thật táo bạo hết chỗ nói!

Ông tuy có biết cuộc cách-mạng quốc-gia ấy sẽ đưa lại cho ông rất nhiều kẻ thù nghịch nguy hiểm, nhưng ông vẫn cứ thẳng tay, riêng mình một thuyền, một lái. Ông đã thắng vì một số sĩ-phu cùng đại-chúng đã ủng hộ ông.

Xét việc phát hành tiền giấy, lập kho Thương-bình, Dân-y-viện (Quảng-tế-thự) việc kiểm-soát thóc lúa của nhà giàu, việc di dân vào lộ Thăng-Hoa, việc đắp đê ngăn nước mặn v.v...; người đời nay cũng phải tự thú rằng đi sau ông tới năm sáu thế kỷ, kể chi những kẻ đồng thời với ông. Ở các việc cải-cách trên đây, ai có thể nói rằng ông không có đầu óc xã-hội, có tài kinh-tế và thiện-chí đối với quốc-dân?

Xét việc tôn-trọng đặc-biệt chữ Nôm, bài-xích cả các hiền giả đời Tống, ta thấy không phải ông chỉ muốn thay đổi trật-tự của xã-hội Việt-Nam đang rối ren, suy-bại, Ông còn dám đảo lộn tư-tưởng-giới Á-Đông đời bấy giờ thì việc ông hắt đổ cái ngai mọt của họ Trần sau này có đâu là điều đáng lạ.

Tóm lại, ông làm cách-mạng trên khắp mọi lãnh-vực chẳng kiêng nể ai, tự-tín, tự-cường. Quý-Ly là nhà độc-tài ư? Sự độc-tài đó, theo chúng tôi, là điều cần-thiết và hợp-lý.

Thêm vào trong ngót 30 năm giữ quyền lớn, ông thâu lượm được nhiều thắng lợi, vượt được nhiều trở lực, xét ra vì tài của ông nhiều hơn là vì vây cánh trong cung cấm ở mấy bà Thái-hậu hay Hoàng-hậu là thân-thích. Những người này thật ra chỉ ngỏ cho ông một lối vào chính-giới, tạo cho ông ít nhiều điều-kiện thuận-tiện buổi đầu. Sau này bằng tài-trí và can-trường, ông tự xây-dựng con đường sự-nghiệp. Tài-ba lỗi lạc của ông đã đánh ngã được đối-phương về hàng ngũ

của ông nữa. (Đại-biểu phái phản đối phong-trào cải-cách bấy giờ, ngoài giai-cấp phong-kiến, quý-tộc còn Trạng nguyên Đoàn-Xuân-Lôi nguyên giáo-sư Trường Quốc-tử-Giám. Họ Đoàn đã đưa ra một bản kháng-nghị công-kích kịch-liệt công cuộc cải-cách của Quý-Ly. Sau này triều đình thiên về Tây-đô (Thanh-Hoá) có người dâng một con sâu hình dáng giống lá cây ai nấy đều cho là điềm lành. Đoàn làm một bài phú dài ba mươi tám trang, ca tụng tân triều đã gây nên đời thịnh-trị trong đó có dùng cả chữ «Kim-Âu» là tên Quý-Ly đặt cho núi Đại-Lại thuộc Tây-đô).

Bảo rằng vua Nghệ-Tông hôn mê nên chuyên dùng họ Hồ luôn ngót 30 năm cũng không hẳn xác đáng. Không riêng Nghệ-Tông, ngay các đại thần thuở đó có thể bị cái tài năng siêu-đẳng của Quý-Ly lung lạc, thì Quý-Ly làm mưa nắng ở triều-đường cũng là lẽ tất-nhiên, trừ những kẻ bị phong-trào cách-mạng quốc-gia đẽo gọt quyền lợi đến cội rễ.

Bằng tài như trên đã nói Quý-Ly chi-phối được nhân-tâm đã đành, họ Hồ lại dùng các thủ-đoạn chính-trị, uy-quyền như sấm sét trong tay nữa. (Đặt vây cánh trong cung-điện : cử các con riêng của các bà vợ góa Trần-Nhân-Vinh, Trần-Toan cai quản mọi việc trong cung, thân-mật với Tư-đồ Thượng-túc-hầu Trần-Nguyên-Đán rồi cùng kết thân-gia, lấy các đại-tướng là tay chân vào làm quan to trong triều như Phạm-Cự-Luận, Nguyễn-Đa-Phương và cắt cử các quan văn-võ ở các lộ cũng là những người thân-tín).

Rồi ảnh-hưởng một khi đã tràn ngập khắp trong ngoài, hoàn cảnh xã-hội lại thuận lợi, Quý-Ly cũng như nhiều nhà chính-trị cổ-kim Đông-Tây, liền đoạt ngôi của họ Trần, tự cho mình đầy đủ lý-do chính đáng.

* * *

CUỘC GIAO TRANH GIỮA NHÀ HỒ VÀ QUÂN MINH

Minh-Thành-Tổ cũng như các Hoàng-đế Trung-Hoa các triều trước rất muốn chiếm nước Nam, nên sau khi đã củng-cố được địa vị của Vương triều liền nghĩ ngay đến việc mở rộng đế quốc về phương Nam. Cơ hội tốt đã đến : Trần-thiêm-Bình một bề tôi nhà Trần trá xưng là con vua Nghệ-Tông, người duy nhất còn lại của họ Trần sang tố cáo việc thoán-đoạt của Quý-Ly và chỉ xin vua Minh xuất 5 ngàn quân đi «điếu phạt» là đủ. Bọn hoạn-giả Nguyễn-Toán lại tâu rằng nước Nam rất giầu thịnh và có nhiều sản vật quý, vua Minh lấy làm vừa ý lắm.

Tháng Tư năm Bính-Tuất (1406) vua Minh sai Đốc Tướng là Hàn-Quan và Hoàng-Trung đem 5.000 quân đưa Trần-thiêm-Bình về nước. Đến nơi địa-đầu giáp-giới, quân Minh đóng lại, Hoàng-Trung một mình đánh vào cửa Sầm-Kênh, đại tướng Phạm-nguyên Khôi, Chu-Bình-Trung của nhà Hồ bị tử trận. Ngay lúc đó tướng Hồ-Vấn đến tiếp chiến. Quân Minh thua và bị hai tướng Hồ-Xạ, Trần Đĩnh ngăn mất đường (Chi-Lăng) từ trước, Hoàng-Trung bèn sai Quan-y là Cao-Cảnh-Chiếu giải Trần-thiêm-Bình sang trại quân Hồ nói «Trước đây Thiêm-Bình nói mình là con vua An-Nam nên được đưa về nước. Nay từ lúc vào nước đến giờ không có một ai theo, rõ là có sự gian dối. Nay nộp Thiêm-Bình và xin mở đường cho về».

Hồ-Xạ ưng thuận, đem Thiêm-Bình về dâng công. Hán-Thương khen thưởng cho mọi người, duy trách Hồ-Xạ không bắt lấy Hoàng-Trung, còn Thiêm-Bình bị đem trảm quyết».

Sau việc nầy Hán-Thương lại cử sứ-bộ sang biện-bạch Minh triều rằng Thiêm-Bình giả mạo và xin thông cống. Đoàn sứ-bộ có Trần-cung-Túc, An phủ sứ Tam-Giang làm Chánh sứ, Mai-Tá-Phu thông phán làm Phó-sứ, bị nhà Minh giữ lại cả.

Được tin bọn Hoàng-Trung bỏ về, Thiêm-Bình bị giết, vua Minh quyết chí tiến đánh. Thành-Quốc-Công Chu-Năng được phong làm Đại tướng, Tân Thành-hầu Trương-Phụ, Tây Bình hầu Mộc-Thạnh làm Tả hữu phó tướng, Phong-thành-hầu Lý-Bân, Vân-Dương-bá Trần-Húc làm Tả-hữu tham tướng chia quân làm hai đạo xâm nhập nước ta.

Quân Minh đến Long-Châu thì Chu-Năng bị bệnh chết, Trương-Phụ lên thay, đi lối Bằng-Tường (Quảng-Tây) đánh vào ải Nam-Quan rồi theo hướng Tây-Bắc chuyển xuống sông Cái. Mộc-Thanh đi đường Vân-Nam, đánh cửa Phú-Lĩnh (thuộc tỉnh Tuyên-quang) theo

dọc Sông Thao mà xuống, hẹn nhau họp ở Ngã Ba-Hạc (Bạch-Hạc).

Một thủ-đoạn chính-trị lợi hại: Nhà Minh tiến quân vào nước Nam do những mánh khóe của bọn Việt-gian Trần-thiêm-Bình, Nguyễn-Toán, Bùi-bá-Kỳ bầy ra đã thả xuống sông những tấm ván có viết lời hịch đại ý nói rằng quân nhà Minh sang dẹp nhà Hồ chỉ có ý khôi phục lại dòng dõi nhà Trần và cứu nhân dân An-nam khỏi vòng đói khổ. Việc phản tuyên-truyền này có kết quả tai hại trông thấy. Quân sĩ của ta xem được bài hịch này nhiều kẻ nản lòng. Bọn Mạc-Địch, Mạc-Viễn, Mạc-Thủy (cháu trạng Mạc-đĩnh-Chi ở lộ Hải-dương) và Nguyễn-Huấn bất bình với Nhà Hồ, bỏ theo quân Minh trước và được trọng đãi. Nhờ có sự cộng tác của bọn này, nội tình quân dân nước Nam thời đó bị phanh phui hết thảy ra trước mắt quân xâm lược. Rồi quân Minh nhờ đó mà chiếm được ngay những thắng lợi buổi đầu. Căn-cứ vào lời Mộc-Thạnh bàn với Trương-Phụ quân Minh bấy giờ chưa vượt qua sông Nhị vì lòng sông có cắm cừ và chông chà. Sau đó như lời đã hẹn, hai cánh quân Bắc đều tập hợp cả trước Bạch-Hạc, rồi ở đó dĩ-nhiên họ phải đánh thành Đa-Bang là tiền tuyến và là một căn-cứ quan-trọng của nhà Hồ để tiếp ứng cho các đồn binh hai bên bờ sông Nhị-Hà. Quân Minh khác với quân Tống, quân Nguyên hơn hai thế kỷ trước, chỉ tiến vào nội địa nước ta bằng đường bộ, từ Thượng-du tràn xuống sông Nhị rồi đánh thẳng vào Trung-châu.

1) Thành Đa-Bang thất thủ.

Thành Đa-Bang đáng kể là kiên-cố do tường cao và hào sâu. Quân nhà Hồ ở đây rất đầy đủ và tính rằng quân Minh không vượt được qua sông Cái về phía Nam thì phải tìm cách đổ bộ ở phía Tây-Bắc sông Nhị. Sự dự đoán này rất đúng. Trương-Phụ tiến đến đây liền bàn với các tướng lợi dụng bãi cát rộng và phẳng phiu đóng quân, rồi ngày đêm hôm ấy, họ chia quân ra đánh mặt Tây-Bắc. Mộc-Thạnh đem Đốc-tướng Trần-Duệ (*Việt-Nam Sử-lược* chép là Trần-Tuấn) đánh mặt Đông-Nam đều dùng thang vân-thê ập vào thành mà leo lên. Quân Minh đánh ào-ạt vào thành, quân nhà Hồ chịu không nổi lui vào giữ thành. Sáng hôm sau, quân nhà Hồ đào đường hầm cho voi ra đánh. Quân Minh lấy vải vẽ hình sư-tử trùm lên ngựa, rồi dùng súng thần công bắn sả vào quân Hồ. Voi sợ chạy lùi lại, quân Minh tiến theo vào thành. Thành vỡ, các đồn ải dọc sông cũng vỡ theo. Tàn binh của nhà Hồ lui về Hoàng-Giang (khúc sông Nhị-Hà thuộc huyện Nam-sang, tỉnh Hà-Nam). Quân Minh thừa thắng, đốt sạch các đồn trại của nhà Hồ, và tiến về Thăng-Long (bấy giờ là Đông-đô) lúc này bỏ ngỏ. Quân Minh tha hồ bắt đàn bà con gái vơ vét của cải. Sau đó họ đặt ngay bộ máy cai-trị, bổ-nhiệm quan chức, chiêu tập lưu dân cùng phát-động chính-sách chiêu-an.

Sa-Đéc

Friday, March 4, 2016

2) Trận Mộc-phàm-giang.

Cuộc bại trận của nhà Hồ từ Sơn-Tây về Thăng-Long xảy ra vào tháng chạp năm Bính-Tuất (1406) năm sau (Đinh Hợi) tháng ba, phó tướng Mộc-Thạnh đem quân thủy lục tiến xuống Mộc-phàm (con sông này lấy tên Mộc-phàm vì chảy qua đó. Mộc-phàm thuộc huyện Phú-Xuyên, sông Mộc-Phàm tiếp với Hoàng-Giang) Quân Minh hạ trại ở hai bên sông. Hồ Nguyên-Trừng đem 300 chiếc thuyền tấn công vào quân Minh bị quân Minh chia làm hai cánh đánh ập lại. Nguyên-Trừng không chống nổi rút lui về cửa Muộn-Hải (thuộc huyện Giao-Thủy tỉnh Nam-Định).

Tại bến Bình-Than (huyện Chí-Linh tỉnh Hải-Dương) hai bên cũng gặp nhau, Đại Tướng nhà Hồ là Hồ-Đỗ và Hồ-Xạ cũng thua chạy chạy về Muộn-Hải hợp với quân của Nguyên-Trừng chạy sang cửa Đại-An (thuộc phủ Nghĩa-Hưng) ở đây lại xảy thêm một việc phản bội: bọn Thị trung Trần-quang-Chỉ, Trung Thư-lệnh Trần-sư-Hiền cùng với người sở-tại là Nguyễn-Nhật-Kiên âm mưu giết quan Trấn phủ rồi theo quân Minh.

Quân Hồ và quân Minh đánh nhau kịch-liệt suốt ngày đêm. Nguyên-Trừng cho đón Quý-Ly và Hán-Thương ở Tây-Đô ra Hoàng-Giang tính mở một cuộc phản công rộng lớn. Tại Muộn-Hải quân Minh bị ốm đau nhiều nên phải lui về bến Hàm-Tử, có ý đợi quân Hồ tiến lên.

* * *

3) Trận Hàm-Tử-quan.

Lực lượng thủy quân của nhà Hồ bấy giờ có tất cả là 7 vạn nhưng hư truyền là 21 vạn, và đúng như sự dự đoán của tướng Minh, cuộc phản công của Hồ tại bến Hàm-Tử sẽ diễn ra.

Nguyên-Trừng cùng Đỗ-Mãn chia quân như sau : Hồ-Xạ, Trần-Đĩnh đem quân đánh vào bờ bến Nam, Đỗ-Nhân-Giám, Trần-Khắc-Trang đánh vào bờ bến Bắc. Thủy quân của Đỗ-Mãn, Hồ-Vấn phụ trách chiến thuyền nối nhau dài hơn mười dặm kín cả mặt sông.

Minh dùng thế phục binh, dử quân Hồ vào sâu trong mặt trận rồi đem quân thủy bộ xông vào. Quân Minh đánh rất mạnh, quân Hồ thua, phải xin hàng, phần chạy xuống sông bị chết đuối rất nhiều. Được tin quân mình bị phục binh của địch đánh ráo riết, quân của Hồ-Xạ ở mặt sau không chịu tiến. Hồ-Ván phái người đến trách, bấy giờ Hồ-Xạ mới tiến lên nhưng cũng bại nốt.

Trong trận này đại quân của nhà Hồ tan rã gần hết. An phủ sứ Bắc-Giang là Nguyễn-Hy-Chu bị bắt, Hy-Chu chửi Trương-Phụ và bị giết chết. Còn Quý-Ly và Hán-Thương cùng một số người chạy ra bể lui vào Thanh-Hóa.

Quân Minh đuổi theo kịp đến Lội-Giang (là một con sông nhỏ ăn vào sông Mã) quân Hồ bấy mất hết tinh-thần nên không đánh mà tan. Giữa lúc nguy cấp, tướng Hồ là Ngụy-Thức nói : «Nước mất rồi, làm ông vua không nên chết vì tay người, nên tự đốt đi là hơn ».

Quý-Ly giận lắm cho chém Ngụy-Thức rồi chạy vào Nghệ-An. Tháng 5 năm ấy (1407) Quý-Ly và Hán-Thương đến cửa Kỳ-La (nay thuộc huyện Kỳ-Anh tỉnh Nghệ-An) Trương-Phụ cử Mộc-Thạnh dẫn lục quân, Liễu-Thăng lãnh thủy quân bằng đường bể đuổi theo.

Ngự-đạo được các kỳ lão ra yết kiến và tâu «Xứ này tên là Cơ-Lê, có núi tên là Thiên-Cầm, đó là điềm không lành xin nhà vua chớ lưu lại ở đây. (chữ Cơ Lê là trói họ Lê, Thiên-Cầm là trời bắt. Sự thật các kỳ lão đã cố ý nói trệch chữ Kỳ La ra Cơ Lê. Chữ Thiên-Cầm chỉ có nghĩa đàn trời, tương truyền ngày xưa vua Hùng-Vương đi chơi qua đây nghe tiếng sáo trời bởi gió hút qua các khe núi mà thành âm nên đặt tên núi là Thiên-Cầm).

Quý-Ly hiểu rõ tên sông núi Thanh Nghệ biết rằng bọn phụ lão nguyền rủa mình, giận lắm cho chém hết. Ít lâu sau quân Minh thủy bộ kéo đến nơi bắt được Quý-Ly ở núi Thiên-cầm, ngay hôm sau cũng bắt được Hán-Thương với con là Nhuế ở núi Cao Vọng thuộc về Kỳ-Anh. Các đại thần, tướng tá như Tả-tướng-quốc Nguyên-Trừng, Hữu-tướng-Quốc Quý-Tỳ em ruột Quý-Ly, cùng với con là Phán-trung-đô Vô-Cữu, Tướng quân Hồ-Đỗ, Phạm-lục-Tài, Nguyễn ngạn-Quang, Đoàn-Kích lần lượt sa lưới hết.

Tất cả những kẻ bại trận này đều bị giải về Kim-Lăng (Trung-quốc) và bị hạ ngục. Riêng Nguyên-Trừng và cháu là Nhuế được tha do Nguyên-Trừng giỏi việc chế tạo vũ khí đem súng tiến vua Minh được làm Công-bộ thị-lang.

Khoảng tháng 6 năm ấy (Đinh-Hợi 1407) quân xâm lược hoàn thành cuộc bình định, đặt ra 3 cơ quan Hành-chính là Ty-Đô chỉ-huy-sứ, Thừa-Tuyên bố-chánh-sứ và Đề-hình-án-sát-sứ làm căn bản cho bộ máy thống trị.

Các cơ quan này nằm dưới quyền kiểm soát của Đô-Đốc Lữ-Nghị và Thượng-thư Hoàng Phúc.

Nhân dân được miễn thuế 3 năm.

Việc Hồ Quý-Ly thua quân Minh đáng cho chúng ta suy nghĩ nhiều.

Họ Hồ như ta thấy không phải là kẻ bất tài, trái lại ông là một người rất thông-minh. Việc của ông làm trên phương-diện nào cũng hướng về quyền-lợi của đại chúng như vậy sao đại chúng không ủng hộ ông để ông phải thua quân xâm-lược. Đại chúng không ủng-hộ ông có lẽ ông đã làm một cuộc cách-mạng quá bạo dạn. Thứ nhất ông đã thẳng tay truất bỏ mấy ông vua bất lực trong khi người dân mọi tầng lớp vẫn còn nặng lòng với cái tinh thần tôn quân. Ông lại đổ máu khá nhiều với đám tôn-thất và đại thần đã gây ra cuộc đảo chính hụt chống ông, rồi những vụ bắt bớ, khủng bố còn kéo dài nhiều tháng, khiến máu chảy xương rơi khá nhiều làm cho dân chúng càng thêm hoang mang sợ sệt như sử đã chép.

Thứ hai : việc cải-cách điền-địa của ông đã đẽo gọt quá nhiều gần như phá sản giới địa-chủ đời Trần-mạt, do đó họ họp nhau lại thành một

đạo quân rất đông đảo để phản tuyên-truyền ông khắp dân gian.

Thứ ba : việc thâu lại tiền đồng và phát hành tiền giấy càng thuận-lợi cho cuộc phản tuyên-truyền của giới địa-chủ hầu hết là các công khanh, đại thần vẫn còn nhiều uy-tín. Dân chúng tất nhiên không ưa đổi tiền giấy và vào đầu thế-kỷ XV vì họ đâu đã có trình-độ khá cao để hiểu tiền giấy tiện lợi hơn tiền đồng trong thương-mại và nếu tiền đồng bị tích-trữ, chôn dấu, do dân sợ loạn-ly có thể làm cho nền kinh-tế, tài-chánh quốc-gia lâm nguy.

Riêng mấy điều này đã đủ làm cho người dân bất mãn nhất là những lớp người xưa hay giành giật được các đặc quyền, phải chi họ Hồ giải-thích được đầy đủ các chương-trình cải-cách quốc-gia của mình trên các điểm chủ-yếu :

1) Hạn-chế quyền tư-hữu để cứu bần cố-nông.

2) Hạn-chế chế-độ gia đồng, nông nô.

3) Việc di dân để cứu dân nghèo vào các vùng Đàng trong thừa đất thừa ruộng.

4) Việc lập các kho Thương-bình, Dân-y viện, kiểm-soát thóc lúa của nhà giàu v.v...

Riêng các điều này đã thấy tấm lòng của họ Hồ chỉ hướng về đại chúng tiếc thay đại chúng thiếu thông-cảm rồi khoanh tay nhìn quân xâm-lược ồ-ạt kéo vào đất nước.

Họ Hồ là một nhà chính-trị xấu số, ta chỉ có thể nghĩ như vậy mà thôi, lấy thành bại mà luận anh hùng nhiều khi không khỏi bất-công vô-lý đối với người xưa. Đáng giận hơn cả và đáng phải chịu trách-nhiệm làm mất nước đầu thế-kỷ XV là mấy kẻ bề tôi nhà Trần như Trần-thiêm-Bình, Bùi-bá-Kỳ, Nguyễn-Toán đã sang cáo tỏ nội tình nước Nam cho nhà Minh, đó là nguyên-nhân gần nhất nó làm nẩy nở ra cuộc xâm-lăng. Còn nguyên-nhân xa và sâu sắc nhất vẫn là sự sa đọa và bạc-nhược của con cháu họ Trần đã đưa ra sự suy tàn khiến nước nhà sinh rối loạn.

Tóm lại nước Việt-Nam lúc đó như cái nhà bị cháy, kẻ làm lỡ làng củi lửa là con cháu nhà Trần, người chữa cháy là Hồ-quý-Ly. Một bọn người u-mê về quyền lợi hay xuẩn-động về chánh-trị đã phá Quý-Ly. Nếu không có việc rước voi về dầy mồ, nếu sĩ-dân Việt-Nam thuở đó trông xa hiểu rộng, và nếu ông được rảnh tay một vài chục năm nữa để thi-hành xong cuộc cách-mạng, ai bảo ông sẽ không thành-công trên công cuộc cải-tạo quốc-gia ?

***

CUỘC THỐNG TRỊ CỦA NHÀ MINH

Sau khi lập xong nền tảng cho nền đô-hộ, bọn thống-trị Bắc-phương đã thi-hành ngay một thủ-đoạn hết sức lưu-manh, xảo-quyệt :

1) Chúng treo bảng kêu gọi con cháu nhà Trần để tỏ rằng chúng vẫn thành thực với chủ-trương *« Hưng Trần diệt Hồ »* đã nêu ra trước cuộc *« điếu phạt »*, dĩ-nhiên lúc này sĩ-dân Việt-Nam đã mở mắt ra rồi nên con cháu nhà Trần cũng như những người trí-thức có liêm-sỉ không ai chịu xuất đầu lộ diện.

2) Chúng liền triệu tập ngay một số bô lão đang bị huy hiếp tinh-thần như gà phải cáo đứng ra làm tờ khai : *« Con cháu họ Trần không còn ai nữa, xứ An-Nam vốn là đất Giao-châu cũ, nay xin thiên-quốc đặt lại thành quận huyện như xưa »*, rồi quân xâm-lược Minh chia nước ta ra làm 17 phủ : Giao-châu, Bắc-giang, Lạng-giaag, Tân-an, Kiến-xương, Phong-hóa, Kiến-bình, Trấn-man, Tam-giang, Tuyên-hóa, Thái-nguyên, Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa, Thăng-hoa và 5 Châu là : Quảng-oai, Hưng-hóa, Qui-hóa, Gia-bình, Diễn-châu và ở những nơi trọng-yếu họ thiết lập 12 đạo quan-binh để trấn giữ toàn quốc.

Bọn thực-dân Minh tỏ ra có nhiều kinh-nghiệm chánh-trị và người cầm đầu chánh-sách thuộc-địa của Minh bấy giờ là Hoàng-Phúc, một con cáo già hạng nhất đã biết áp-dụng những kế-hoạch cực kỳ khôn ngoan và nguy-hiểm dưới đây :

Cuộc bình-định thành-công rồi, y cho mở ngay cuộc đại xá, nghĩa là phóng thích các người bị bắt trong giới kháng-chiến kể cả đám quan liêu cũ của nhà Hồ. Bề khác y cho kiếm các người có danh tiếng, có học rộng, giỏi việc cai-trị, các người có tư đức, các trai tráng vũ dũng, các danh y, các thầy âm-dương, ban phẩm hàm và dùng vào các chức Tri-phủ, Tri-huyện, Tri-châu.

Một số người vong bản xu-mị thời thế, ham danh mê lợi chạy ra liếm gót giầy của chúng là Lương-nhữ-Hốt, Đỗ-duy-Trung, Nguyễn-Huân v.v... rồi làm đủ các công-tác hèn hạ và tàn nhẫn đối với các giới đồng-bào lúc đó. Trái lại mấy người có uy-tín đối với quốc-dân như Lê-Lợi, Lý-tử-Cấu, Bùi-ứng-Đẩu được ân cần mời mọc mà vẫn thoái-thác.

Tai hại không kém là Lữ-Nghị, Hoàng-Phúc còn mang hết những người tài tuấn và các sách đồ thư, truyện, ký, văn học của ta về Kim-lăng để chúng ta mất hết nhân tài và học-thuật do đó sẽ khó mà quật khởi sau này, ngược lại chúng nhập-cảng vào nước ta các sách Tứ thư, Ngũ-kinh, Tinh-lý đại toàn và lập Tăng-đạo-ty để truyền bá khắp nơi liều thuốc ngu-dân, hoặc chúng. Trong giai đoạn này bọn thầy âm-dương (thầy bói, thầy pháp, đạo-sĩ, tăng-đồ) được đắc thời và nhảy ra điều-khiển cả việc giáo-dục.

Sau cuộc gột rửa cái tinh-thần cố-hữu là căn-bản tính dân-tộc chúng ta, chúng còn làm cả chuyện di-phong, đảo-tục nữa : Chúng ra lệnh đàn của ta cấm không được cạo đầu, đàn bà con gái phải bận quần dài, áo ngắn đúng như dân chúng của Trung-quốc.

Thuế khóa định như sau : Mỗi mẫu ruộng phải nộp 4 thùng thóc. Mỗi mẫu phù-sa phải nộp 1 lạng tơ, mỗi cân tơ phải nộp 1 tấm lụa (?) Họ đặt quan lại đốc-thúc dân- phu khai các mỏ vàng bạc. Hàng năm, quan bản-cục và nội-quan được cử ra lập hội đồng xem xét lại rồi thu vét vàng-bạc và quý vật mang về Tàu.

Tại các miền duyên-hải, họ bắt dân làm muối và cũng có sự kiểm-soát gắt-gao. Muối làm được bao nhiêu cuối tháng phải nộp hết vào ty Đề-chưởng. Ai muốn buôn muối phải thương lượng với ty Bạc-chính (như Thương-chính bây giờ). Họ khám xét xong rồi mới được đem bán. Nếu làm muối lậu hay bán muối lậu tức là không có giấy phép phải tội rất nặng. Tại Vân-đồn, họ đặt một cơ sở kiếm hạt trai. Mỗi ngày, hàng ngàn người phải phạt lặn xuống đáy biển để mò ngọc.

Để kiểm-tra dân chúng (có lẽ vì lý-do chính-trị) họ phát những «*hộ-thiếp*» ghi tên tuổi, trú-quán của dân đinh đóng dấu vào giữa, một nửa vào mặt thiếp, một nửa vào cuống, nếu hai phần so không hợp với nhau, người mang thiếp sẽ phải đi sung quân (đi đày).

Ngoài chế-độ thuế-khóa, ta còn phải nộp các quý vật như : hồ tiêu, sừng tê-giác, voi bạch, quế tốt, hương-liệu, hươu trắng v.v...

Số thóc mỗi năm phải nộp về Tàu là 13 triệu 80 vạn hộc (mỗi hộc được chừng 60 lít). Voi, bò, ngựa 135.900 con, thuyền 8.700 chiếc. Quân-giới 2.539.000 chiếc đủ các loại.

Về việc cai-trị, các đơn-vị hành-chánh được đặt ra như sau : ở các xã thôn thì có *Lý* và *Giáp*. Cứ 110 *hộ* họp thành một *Lý* và mười *hộ* là một *Giáp*. *Lý* thì có Lý-Trưởng, *Giáp* thì có Giáp-Thủ cầm đầu và kiểm-soát. Ở các đô-thị thì gọi là *Phường* (khu phố ngày nay, tỷ-dụ ở Hà-nội có phường Đồng-Xuân, phường Thọ-Xương, v.v...) ở chung-quanh thành phố thì gọi là *Tương*. Ở mỗi *Lý, Phường, Tương* đều có sổ biên số đinh và sổ điền, trạch. Những người tàn-tật, cô-quả thì biên ra ở sau gọi là kỷ-linh. Đầu sách có cái địa-đồ. Những cuốn sổ này viết ra nhiều bản để ở các phủ, huyện, bộ Hộ và Bố-chính-ty. Cứ 10 năm lại làm lại loại khác để sửa-đổi vì số đinh-điền có sự thăng-giảm. Những người ra làm việc ở các cấp dưới như Lý-Trưởng và Giáp-Thủ thường bị đánh đập rất tàn nhẫn.

Lấy binh-lính thì theo sổ bộ. Ở những nơi gọi là vệ-sở thì mỗi hộ phải ba xuất-đinh. Từ Thanh-hóa trở vào có ít dân thì mỗi hộ chỉ lấy 2 xuất. Ở những chỗ không có vệ-sở thì lập đồn lấy dân-binh ra canh giữ.

Chính-sách đô-hộ kể đã chu-đáo và việc bóc-lột nhân-dân đến thế thật là cổ kim Á-Âu chưa bao giờ có. Đẳng cấp sĩ-phu và dân chúng Việt-Nam như tỉnh một giấc mơ dữ-dội. Có lẽ ngay cả những kẻ Việt-gian cũng âm-thầm hối tiếc thời quá-vãng, dầu sao cũng không đến nỗi khốc hại như vậy, trừ những kẻ có căn-cốt làm nô-lệ và bất-cố liêm-sỉ mới điềm-nhiên khoanh tay nhìn ngoại nhân chà đạp và hút máu mủ đồng-bào.

Nhân-dân đau khổ hết chỗ nói, nhất là khi bọn Lý-Bân, Mã-Kỳ đến thay Trương-Phụ. Có nhiều nơi cha bỏ con, vợ lìa chồng trốn vào rừng sâu, có nhiều người hưởng ứng tiếng gọi của hồn nước nên mới nẩy ra phong-trào phản-đế ngay hai năm sau ồ-ạt như lửa được gió thổi mạnh.



Một phần cổng thành nhà Hồ còn sót lại

GIAO-TRANH GIỮA NHÀ HỒ VÀ QUÂN MINH



CHÚ THÍCH

- Quân nhà Hồ tại Đông-Nam Trung-Châu.
- Các cứ điểm của Hồ.
- Đường tiến quân của Minh Vân-Nam và Quảng-Tây.

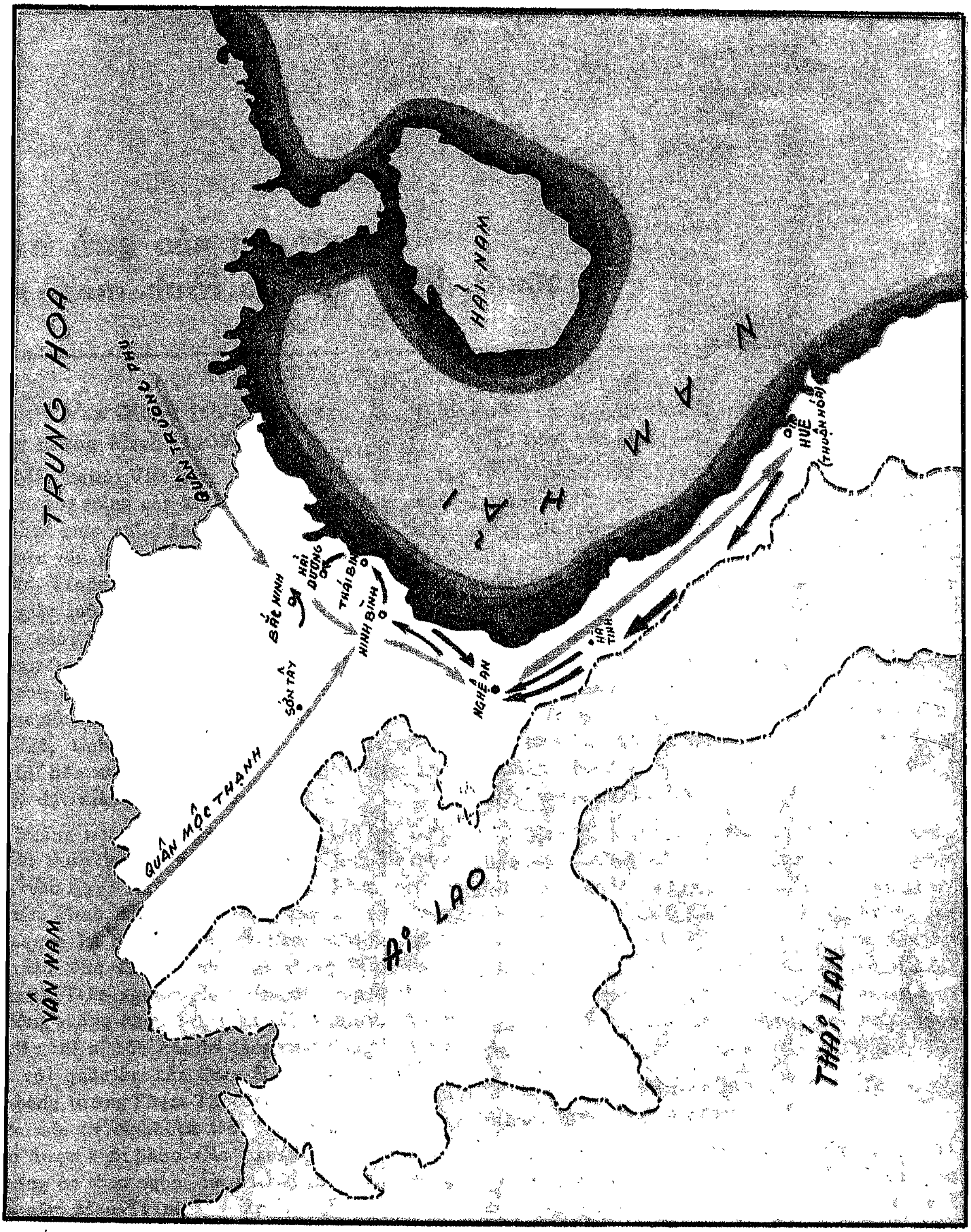
Quân Trương-Phụ vượt Nam-Quan tiến xuống Bắc-Giang, quân Mộc-Thạnh tiến xuống Tuyên-Quang, sông Thao cùng nhau họp tại Việt Trì, đánh Sơn-Tây rồi xuống Thăng-Long, phá được quân Hồ ở các căn-cứ tại Trung-Châu và miền Đông-Nam

CHƯƠNG VII

NHÀ HẬU TRẦN (1407 – 1413)

TRONG CUỘC THỬ THÁCH CUỐI CÙNG VỚI QUÂN XÂM LƯỢC

NHÀ HẬU-TRẦN CHỐNG QUÂN MINH



CHÚ THÍCH :

QUÂN HẬU TRẦN

QUÂN MINH

GIAI ĐOẠN I

Quân nhà Hậu-Trần xuất phát tại Ninh-Bình thua chạy vào Nghệ-An.

Đặng-Tất phản Minh từ Hóa-Châu tiến ra giúp Giản-Định ở Nghệ-An.

Thuận-Hóa, Tân-Bình, Nghệ-An Thanh-Hóa

GIAI ĐOẠN II

-Quân Qui-Khoách nổi ở Hà-Tĩnh đánh ra Nghệ-An.

-Trương-Phụ sang tiếp viện cho Mộ Thạnh thắng quân Trần ở Sơn-Tây, Nho-Quan, Hưng-Yên rồi đánh thắng

Phản ứng của dân-tộc Việt-Nam dưới chế độ Minh thuộc

Sa-Đéc
Friday, March 4, 2016

1.— Vua Giản-Định phát-động cuộc cách mạng chống Minh (1407-1409)

Máu người Việt hàng ngày đổ chan hòa mặt đất, xương trắng của kẻ hàm oan phủ khắp sơn-khê thúc-giục anh-hùng, hào-kiệt nước ta đứng dậy cứu vãn tình-thế. Một phong-trào cứu quốc nổi lên. Trong những kẻ nối giáo cho giặc, chạy theo giặc, một số cũng bị lương-tâm cắn rứt hoặc được thời-thế giác-ngộ, đã gia-nhập nhiệt-liệt phong-trào khi Giản-Định-Vương (tên là Quỹ) con thứ của vua Nghệ-Tông phất cờ khởi-nghĩa. Trước đó vua Giản-Định đang phiêu-bạt tại làng Yên-Mô, tỉnh Ninh-Bình, được Trần-Triệu-Cơ phụ tá liền xưng Hoàng-Đế để nối nghiệp nhà Trần, đặt niên hiệu là Hưng-Khánh.

Phong-trào khởi-nghĩa không thắng-lợi buổi đầu vì thực-lực còn non nớt, Giản-Định-Đế thua chạy vào Nghệ-An được Đặng-Tất, hàng tướng của nhà Minh, ứng-nghĩa. Họ Đặng lại giết luôn bọn quan lại Bắc-phương rồi đem quân ra Nghệ-An theo vua Giản-Định. Tại Đông-Triều (Hải-Dương), Trần-nguyệt-Hồ cũng triệu tập binh-đội tự-động chống nhau với quân Minh nhưng chẳng bao lâu thì bị bắt, các dư đảng chạy vào Nghệ-An hợp với quân lực của Giản-Định. Tại cửa Nhật-Lệ, hàng tướng Phạm-Thế-Căng bị Đặng-Tất giết được, rồi từ Nghệ-An trở vào ảnh-hưởng nhà Trần được khôi phục. Các người yêu nước bốn phương ùa theo ngọn cờ cách-mạng nên tháng chạp năm Mậu-Tí (1408) Giản-Gịnh hội-họp được quân Cần-Vương các đạo Thuận-Hóa, Tân-Bình, Nghệ-An, Diễn-Châu và Thanh-Hóa tiến ra Đông-Đô. Quân cách-mạng tới Trường-An (Ninh-Bình) được các sĩ-phu Bắc-Hà và các cố thần của tiền triều tiếp đón nhiệt-liệt.

Xét tình-thế có thể nghiêm-trọng, bọn quan-lại nhà Minh gởi báo-cáo về triều tới tấp, khiến Minh-Đế lại phải lo chuyện động-binh ráo-riết như buổi đầu. Mộc-Thanh được lệnh đem 4 vạn quân Vân-Nam sang. Quân Mộc-Thanh hiệp với quân-đội của Lữ-Nghị tiến đến Bồ-Cô (thuộc xã Hiếu-Cổ, huyện Phong-Doanh) thì gặp quân Trần. Một cuộc giao-tranh kịch-liệt đã diễn ra, Giảng-tự cầm trống thúc đại binh liều chết với giặc. Tinh-thần quân Nam lên rất cao. Đại-tướng Lữ-Nghị tử-trận. Mộc-Thạnh phải bỏ chạy về đóng ở thành Cổ-Lộng do quân Minh xây ở làng Bình-Cách, thuộc huyện Ý-Yên tỉnh Ninh-Bình.

Giản-Định muốn nhân lúc đại thắng thừa thế đánh ra Đông-Đô, nhưng Đặng-Tất chủ-trương đợi quân các lộ về đầy đủ sẽ mở cuộc tổng-phản-công một lượt. Chánh-kiến bất đồng, từ đó vua tôi bất-hòa, rồi Giản-Định nghe lời dèm pha bắt giết Đặng-Tất và quan Tham-mưu Nguyễn-Cảnh-Chân. Việc này có ảnh hưởng rất tai-hại tới tinh-thần binh tướng nên nhiều người sinh chán-nản và hàng-ngũ cách-mạng rời-rã dần.

2.— Vua Trùng-Quang nối tiếp cuộc kháng-chiến (1409-1413)

Sự vụng-về của Giản-Định đã gây ra sự chia rẽ trong các lực lượng kháng-chiến Việt-Nam đáng lẽ các lực-lượng này phải đoàn-kết chặt-chẽ hơn bao giờ hết. Đặng-Dung là con Đặng-Tất, Nguyễn Cảnh-Dị là con Nguyễn-Cảnh-Chân giận Giản-Định giết cha mình một cách oan-uổng liền đem

quân bản-bộ rút về huyện Chí-La (tức huyện La-Sơn thuộc Hà-Tĩnh) tôn cháu vua Nghệ-Tông là Quý-Khoách lên làm vua đặt niên hiệu Trùng-Quang. Trong giai đoạn này Giản-Định đang đánh nhau với quân Minh ở thành Ngự-Thiên thuộc huyện Hưng-Nhân. Quý-Khoách phái tướng Nguyễn-Súy lén bắt Giản-Định đưa về Nghệ-An tôn làm Thái-Thượng-Hoàng. Ý muốn của bọn Đặng-Dung và vua Trùng-Quang là thống-nhất cuộc kháng-chiến để khôi-phục đất-nước và họ khải giữ chủ-quyền hành-động vì không tin ở tài năng của Giản-Định và lũ phụ tá.

Được tin Mộc-Thạnh thua trận, quân cách-mạng đang đánh mạnh, nhà Minh lại cất thêm viện-binh qua nước ta đặt dưới quyền hai đại-tướng Trương-Phụ và Vương-Hữu. Lực-lượng của giặc Minh hùng-hậu hơn lực-lượng của kháng-chiến rõ rệt, ngoài ra Trương-Phụ lại có nhiều kinh-nghiệm chiến trận nên khi y sang nước ta tình-thế đôi bên thay đổi rất lẹ.

Quân kháng-chiến bấy giờ đang chia nhau đánh phá ở miền Đông (Hải-Dương), Giản-Định đem quân tấn-công hạt Ninh-Giang, Quý-Khoách đóng ở Bình-Than. Giản-Định gặp Trương-Phụ, bị đánh bại đem binh thuyền chạy về xuôi đến huyện Mỹ-Lương (giáp Sơn-Tây và phủ Nho-Quan) thì quân Minh đuổi theo bắt được, giải ngay về Kim-Lăng.

Quý-Khoách sai Đặng-Dung đến giữ Hàm-tử-Quan (huyện Đông-An, tỉnh Hưng-Yên) nhưng vì thiếu lương-thực nên không cầm-cự nổi lại phải bỏ chạy. Quân kháng-chiến bị nao-núng. Quý-Khoách đành rút hết binh-đội về Nghệ-An. Quân Minh lại làm chủ tình-thế trên toàn-cõi Bắc-Việt.

Do cuộc bại trận của phái phong-kiến mà nhân-dân thêm một phen nữa bị giặc Minh khủng-bố dữ-dội. Những người dự vào cuộc kháng-chiến, những người bị tình-nghi phản-nghịch bị chúng tàn-sát rất dã-man : xác chết chất cao như núi, ruột người treo lòng thòng trên các cành cây, đầu người đem nấu, làng mạc bị đốt, phụ-nữ bị hãm hiếp vô kể... Trong dịp này một số người Việt a-dua với chúng giết hại nhiều đồng-bào để được làm quan, rồi bọn cầu-tầu tha-hồ tung-hoành phi-chí. So-sánh với mấy thời Bắc-thuộc trước, cảnh địa-ngục của giặc Minh lập ra rùng-rợn hơn cả !

Năm sau Canh-Dần (1410) quân kháng-chiến lại tiến đánh Hồng-Châu được thắng-lợi rồi lại chiếm đóng Bình-Than. Nhân-dân hưởng-ứng với binh-đội nổi lên đánh giết quân giặc, nhưng quân kháng-chiến bấy giờ không có tướng tài nên chỉ là những đoàn quân ô-hợp, hiệu-lệnh bất nhất, lương-thực ít oi lại bị đánh bật về Nghệ-An như trước.

Thêm một phen nữa, Trương-Phụ lại tuyên-cáo tờ chiếu của vua Minh, lấy nhân-nghĩa cám-dỗ sĩ-dân Việt-Nam. Cùng ngày trong lúc này, quân Minh tiến vào Nghệ-An tiêu-diệt quân kháng-chiến. Lực-lượng của nhà Hậu-Trần đã suy-nhược quá nên đi dần đến thế bị-động. Quân-đội trước đây được 10 phần nay còn ba bốn, tai-hại hơn cả là chỗ lương-thực, vũ-khí thiếu-thốn. Biết rằng không thể thắng được quân Minh, Quý-Khoách đã từng cho người sang Tầu cầu phong với Minh-Đế. Sứ-giả bị giết và quân Minh càng đánh ráo-riết hơn. Quý-Khoách lại phái cả người đến xin hòa với Trương-Phụ. Người giữ cái sứ-mạng đi cầu-hòa với tướng Minh là Nguyễn-Biểu đã để lại một vài lời khảng-khái trong lịch-sử trước khi bị họ Trương hạ-sát. «*Chúng bay mượn danh-nghĩa đem quân đánh dẹp để khôi-phục họ Trần mà bề trong chỉ lo chuyện cướp nước, đặt quận huyện rồi vơ-vét của-cải, ức-hiếp nhân-dân, thật là đồ hung-bạo !*»

Được tin Nguyễn-Biểu tử-tiết, vua Trùng-Quang có bài văn-tế sau đây thương xót người trung-liệt.

Than rằng : sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền-tạo mờ mờ, sắc sắc, không không, bụi hồng-trần phơi-phới.

Bất công thù thiên địa chứng cho, vô cùng hận, quỷ-thần thề với.

Nhớ thuở tiên-sinh, cao dơ mạo (mũ) Trãi, chăm-chăm ở ngôi đài-gián, dành làm cột đá để ngăn dòng, tới khi tiên-sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ cán cờ Mao, bỗng trở gió vàng bèn nên nỗi.

Thói tinh chiên Hồ tặc chín hăm, gan thiết-thạch Tô-công dễ đổi.

Quan Vân-Trường gặp Lã-Mông, dễ xa cơ ấy mảng thấy chữ «*phệ tề hà cập*» dạ những ngùi ngùi, Lưu Huyền-Đức giận Lục-Tốn mong trả thù này, nghĩ đến câu «*thường đảm bất vong*» lòng thêm dội dội.

Sầu kia không lấp cạn lòng, thảm nọ dễ xây nên núi. Lấy chi báo chưng hậu đức, rượu Kim-tương một lọ vơi rơi, mượn chúc ba tuần, lấy chi uỷ-thửa phương hồn văn dụ-tế mấy câu, thăm-thẳm ngõ thông chín suối.

Tháng sáu năm Quý-Tỵ (1413) quân Minh đánh thành Nghệ-An. Thái phó nhà Hậu-Trần là Phan-Quý-Hữu ra hàng nhưng sau mấy hôm thì chết. Con Quý-Hữu là Phan-Liêu được Trương-Phụ cho chức tri phủ Nghệ-An muốn lập-công lớn, đã tố-cáo với Trương-Phụ các tướng-sĩ và thực-lực của Quý-Khoách và các địa-điểm kháng-chiến ở địa-phương, nhờ đó Trương-Phụ định được kế-hoạch tiến đánh Hóa-Châu. Mặc dầu giặc mạnh Nguyễn-Suý và Đặng-Dung đang đêm đem quân đánh vào đại bản-doanh của Trương-Phụ, đã lọt được vào thuyền của Trương nhưng không biết mặt Trương nên Trương trốn thoát được xuống một chiếc thuyền nhỏ.

Tuy vậy, quân kháng-chiến mỗi ngày một yếu, Quý Khoách cùng các thủ túc trốn vào rừng núi nhưng sau cũng bị bắt hết và bị giải về Yên-kinh. Trên đường đi nhà vua nhảy xuống bể tự-tử, còn bọn Nguyễn-Súy, Đặng-Dung, Nguyễn-Cảnh-Dị cũng đều tử-tiết hết.

Để kỷ-niệm họ Đặng có lòng trung-quân ái-quốc và anh-dũng phi-thường, nhân-dân lập đền thờ ông ở huyện Can-Lộc, tỉnh Hà-Tĩnh. Ngày nay, người ta còn nhớ một bài thuật-hoài của ông tỏ được tất cả cái tâm-sự não-nùng của một chiến-sĩ lúc vận cùng nước mạt.

Thế-sự du du nại lão hà !
Vô cùng thiên-địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà,
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch,
Kỷ độ Long tuyền đới nguyệt ma !

Dịch :

Việc đời bối rối tuổi già vay,
Trời đất vô cùng một cuộc say.
Bần tiện gặp thời lên cũng dễ,
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay.
Vai khiêng trái đất mong phò chúa,
Giáp gột sông trời khó vạch mây.
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.

(Phan-Kế-Bính)

Nhà Hậu-Trần thất-bại không là điều đáng cho ta ngạc-nhiên, vì kiểm-soát tình-trạng của mấy triều vua cuối cùng của giòng họ Đông-A, sự bất-lực của các nhà lãnh-đạo và sự kiệt-quệ của nhân-dân đời bấy giờ cho ta thấy rõ-rệt triều Trần không thể tồn-tại mãi trên sân-khấu chính-trị Việt-Nam. Sự thay trò đổi cảnh là việc tất nhiên phải xẩy ra theo yêu cầu của Lịch-sử.

Chú thích : —Trãi : mũ ông Ngự-Sử. — Đài-gián : quan Ngự-Sử. — Tinh-chiên : con khỉ, con chồn. — Hăm : dọa. — phệ tề hà cập : ăn năn hối cải. — Thường-đảm : nếm mật, ý nói khổ tâm trả thù. — Kim-tương : rượu quí. — Uỷ-thửa phương hồn : an-ủi hồn sầu của người quá cố.

CHƯƠNG VIII

NHÀ HẬU LÊ (1428 – 1788)

VỚI SỰ-NGHIỆP ĐẬP TAN CHẾ-ĐỘ MINH-THUỘC GIÀNH ĐỘC-LẬP

Cuộc chiến-tranh giải phóng dân-tộc đầu thế-kỷ XV của Việt-Nam

1) Giai-đoạn đầu của cuộc cách-mạng phản đế.

Nhà Hậu Trần quật-khởi từ 1407 đến 1413 thì hoàn-toàn thất-bại. Dân Việt-Nam như thua cay một ván cờ, thua cay không vì không đủ tư-cách chơi ván cờ quốc-sự, nhưng vì cuộc tranh-đấu để giành quyền sống của dân-tộc, để bảo-vệ đất-đai của tổ-tiên truyền lại từ ngàn năm đã gửi vào tay những kẻ lãnh-đạo bất tài nên đã thất-bại, may thay mỗi lần thất-bại thì các tầng lớp nhân-dân lại đoàn-kết chặt-chẽ hơn.

Thật vậy từ nhà Hồ đến nhà Hậu-Trần ngã quỵ trên đường tranh đấu nhân-dân Việt-Nam không hề ngưng tay để quân xâm-lăng thiết-lập dễ-dàng các cơ-cấu chính-trị, quân-sự, văn-hóa trên lãnh-thổ nước ta do đó 5 năm sau một nông-gia làng Lam-Sơn, huyện Thụy-Nguyên, phủ Thiệu-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa hiểu rõ lòng dân đã mạnh-bạo bước ra lãnh-đạo cuộc giải-phóng dân-tộc, rửa cái nhục bại trận của con cháu nhà Trần. Nhân-dân đã hưởng-ứng với lời hịch khởi-nghĩa của người anh-hùng áo vải đó trong khi đẳng-cấp quan-liêu, trí-thức thủ-thời nằm im như thóc. Hoặc giả nhân-dân không còn tin-tưởng gì nữa ở nơi họ vì một số xu-mị thời-thế chạy theo địch, một số đã tỏ ra bất-tài, bất-lực trong cuộc đấu-tranh. Lần này người được quốc-dân chọn mặt gửi vàng là Lê-Lợi và các đồng-chí phần lớn chỉ là những con người cơm rau áo vải nơi thôn-dã. Cuộc chiến-tranh giải-phóng dân-tộc trong giai-đoạn này so-sánh với các cuộc chiến-tranh trước đây, có tính-cách thuần-túy nông-dân hơn cả vì khi khởi-nghĩa, các lãnh-tụ đều xuất-phát nơi rừng ruộng. Lúc đó có thể nói rằng đẳng-cấp phong-kiến, trí-thức đã rút hết vào hậu-trường sân-khấu.

Lê-Lợi là nhân-vật thế nào vào thời bấy giờ?

Lúc thiếu-thời, ông đã thấy cảnh quốc-phá gia-vong như các sĩ-phu khác buổi ấy là nhà Hồ sụp đổ, giặc Minh hiếp-đáp đồng-bào, nên tuy là dòng dõi hào-trưởng giàu có ông đã nuôi chí khác người. Ông không chịu khoanh tay nhìn dân-tộc chết dần chết mòn và sống cái sống nhục-nhã của người dân mất nước. Ngoài kinh-sử, ông nghiên-cứu cả binh-thư, trận-pháp để ứng-dụng cái sở-năng của mình vào việc cứu quốc sau này. Ông dùng tiền bạc dư-dật trong nhà để thu-phục nhân-tâm, kết nạp hiền-sĩ khắp nơi nên nổi tiếng Mạnh-thường-quân một phương. Bọn quan Tàu nghe tiếng ông được nhân-dân mến chuộng, cho người đến dụ, có khi dùng uy-thế để dọa-nạt nhưng ông vẫn từ-chối.

Ông thường nói với những người thân tín rằng: «*Đại trượng phu sinh ra ở đời để phò nguy cứu khổ lưu tiếng lại nghìn năm sau, chớ đâu để làm tôi tớ người ta*» Một mặt ông chuẩn-bị gạo thóc và tiền bạc chờ ngày dùng đến.

Giữa vùng núi Lam-Sơn âm-u, hoang-dậm ông cùng một số đồng-chí là Lê-văn-An, Lê-Thuận, Trịnh-Khả, Bùi-Quốc-Hưng, Nguyễn-Xí, Lê-Sát, Lê-Triện, Trịnh-Lỗi, Lê-Ngân, Đinh-Lễ (Rồi sau có Nguyễn-Trãi và Trần-Nguyên-Hãn tìm đến ông ở Lội-Giang cùng chia xẻ cuộc gian-lao) ngày đêm bàn mưu tính kế đưa giống-nòi ra khỏi vòng nô-lệ.

Cuối năm (Đinh-Dậu — 1417) binh lương khí-giới đầy-đủ; ông chọn ngày khởi-binh vào sơ tuần tháng giêng năm Mậu-Tuất (1418). Vì cuộc bại trận của nhà Hồ và nhà Hậu-Trần chưa xa, lòng người còn hoang-mang, e-ngại, Nguyễn-Trãi phải lợi-dụng sự mê-tín của nhân-dân như Trần-Thắng cuối đời Tần (Trần-Thắng viết ba chữ Trần-Thắng-Vương vào mảnh lụa, giấu vào bụng cá. Quân-sĩ mổ cá thấy cho là trời đã định nên tin theo Thắng, nhưng sau Thắng cũng thất-bại) nhúng bút vào mỡ, viết lên lá cây trong rừng 8 chữ: «*Lê-Lợi vi quân, Nguyễn-Trãi vi phụ*», sau đó kiến theo vết mỡ ăn thủng lá thành hình 8 chữ kể trên. Nhân-dân cho là điềm thần-dị, đồn đại rất nhiều nên người ta theo mỗi ngày một đông.

Lê-Lợi phất cờ khởi-nghĩa xưng là Bình-Định-Vương, phong cho Nguyễn-Trãi chức Hàn-Lâm thừa-chỉ học-sĩ, ngày đêm ở trong quân-trướng bàn tính mọi việc và làm các văn-thư, từ-lệnh.

Lực-lượng của ta và Tàu buổi ấy chênh-lệch với nhau nhiều lắm. Tàu có tới 10 vạn quân đóng khắp mọi nơi xung-yếu. Quân của Vương có độ vài nghìn nên cuộc chiến-đấu rất là khó-khăn.

Bấy giờ tại bản-doanh miền Nam của Minh do Mã-Kỳ và Lý-Bân cầm đầu đóng ở Tây-Đô (Thanh-Hóa) nghe tin Lam-Sơn nổi quân cách-mạng liền đem binh đến đánh. Vì thực-lực còn mong-manh, Vương phải dùng thế du-kích và kế mai-phục nhiều khi được thắng-trận. Có lần Vương đóng quân ở Lạc-Thủy (Cẩm-Thủy, phủ Quảng-Hóa) để nhử giặc đến. Cùng năm ấy có trận đánh Lý-Bân ở Mường-Một. Đã có phen, Vương thua to phải bỏ cả vợ con cho giặc bắt để rút về Chí-Linh.

Tháng tư và tháng năm Kỷ-Hợi (1419) Vương tấn-công đồn chính và đồn Nga-Lạc (thuộc huyện Nga-Sơn, Thanh-Hóa) giết được tướng Minh là Nguyễn-Sao nhưng thế vẫn yếu nên lại rút về Chí-Linh là vị-trí chiến-lược chính và là nơi thủ-hiểm duy nhất của Vương bấy giờ (Chí-Linh là một ngọn núi thuộc tỉnh Thanh-Hóa). Có một lần giặc đem nhiều binh đội đến vây Chí-Linh, tình cảnh của Vương rất nguy khốn. Lê-Lai đã phải đóng vai Kỷ-Tín (Kỷ-Tín ngày trước chịu chết cho vua Hán-Cao-Tổ) mặc áo ngự bào giả làm Lê-Lợi cưỡi voi ra đánh nhau với giặc lừa cho giặc bắt. Quân giặc tưởng Lê-Lai là Bình-Định-Vương giết đi rồi yên trí lui quân về Tây-Đô.

Sau khi kế sách nầy thành-công, Vương thu tàn quân qua đóng ở Lư-Sơn (Phía Tây Châu Quan-Hóa) và cho người sang cầu-cứu Ai-Lao Trong năm ấy, nhiều người Việt như Tri-phủ Phan-Liêu ở Nghệ-An, Trịnh-Công-Chứng ở Hạ-Hồng, Lê Hành, Nguyên-Đặc ở Khoái-Châu, Nguyên-Đa-Cấu, Trần-Nhuế ở Hoàng-Giang, Lê-Ngã ở Thủy-Đường cũng nổi lên chống nhau với quân Minh.

Hồi tháng 9 năm Canh-Tí (1420) Vương đóng quân ở làng Thôi, tính xuống Tây-Đô phá giặc thì Lý-Bân dẫn đại quân đến, chúng bị ta phục-kích đánh thua liểng-xiểng ở Thi-Lang, Vương tiến đóng Lội-Giang là một vùng thuộc huyện Cẩm-Thủy bên sông Mã và Ba-Lậm, quân Minh phải đặt quân-đội giữ Nga-Lạc và Quan-Du để gìn-giữ Tây-Đô.

Tháng một năm Tân-Sửu (1421), quân Minh không còn dám coi thường lực-lượng của Bình-Định-Vương. Mấy vạn tinh-binh của tướng Minh là Trần-Trí chuyển đến Ba-Lậm hẹn cùng quân Lào hai mặt đánh ập lại. Quân ta theo lệnh của Vương nhân giặc ở xa kéo đến còn mỏi-mệt, liền mở cuộc tấn-công vào ban đêm. Giặc bị hại mất hơn một ngàn người. Trần-Trí tức lắm, sáng hôm sau xuất toàn lực giao-chiến với quân ta nhưng bị quân ta sắp sẵn thế phục-binh và đánh kịch-liệt quá, phải tháo lui. Trong lúc này ba vạn quân Lào giả-xưng sang giúp quân ta, nửa đêm kéo tới. Bình-định-Vương không ngờ họ có sự dối-trá nên thiệt mất một tướng là Lê-Thạch bị tên của giặc bắn chết. Tuy vậy, quân ta vẫn giữ vững được trận tuyến và mọi căn-cứ, quân Lào phải rút.

Năm sau (Nhâm-Dần 1423) từ đồn Ba-Lậm quân ta tiến đánh đồn Quan-Gia bị liên quân Minh-Lào đánh lối gọng kìm không cầm cự được phải chạy về giữ đồn Khôi-Sách. Giặc thắng-thế đuổi theo bao vây bốn mặt rất nguy-kịch. Vương bàn với tướng sĩ liều chết mở một đường máu rút về Chí-Linh phen nữa.

Xét ra, Bình-Định-Vương chạy về Chí-Linh. trước sau ba lần thật là điên bái. Với lần thứ ba này, quân-sĩ hao-tồn nhiều, lương-thực thiếu-

thốn. Hai tháng liền, binh-sĩ phải ăn rau cỏ, làm thịt cả ngựa voi, tinh-thần mỏi mệt.

Để khôi-phục lại nguyên lực. Vương bất-đắc-dĩ phải sai Lê-Trân đến xin hòa với giặc. Quân Minh ưng-thuận vì xét đánh không lợi và cố ý một thời chiêu dụ Vương. Vương đem quân về Lam-Sơn, bọn Trần-Trí, Sơn-Thọ thường cho người đem biếu Vương trâu ngựa, cá mắm cùng thóc gạo. Vương lấy vàng bạc cho Lê-Trân đem tạ. Nhưng sau có sự ngờ vực, giặc giữ Lê-Trân lại. Vương đem quân về Lam-Sơn, từ đấy đôi bên tuyệt-giao.

Năm Giáp-thìn, quân-đội đã đủ sức, lương thực đã dồi dào, Thiếu-úy Lê-Chích đưa ra vấn-đề đánh Nghệ-An để mở rộng khu-vực và lấy rừng núi hiểm-trở của địa-phương làm nơi nương tựa sau đó sẽ tiến đánh Đông-Đô. Vương chấp thuận kế-hoạch này rồi cho đánh đồn Đa-Cang do Lương-Nhữ-Hốt làm Trấn-thủ (Lương-Nhữ-Hốt xưa kia là tướng nhà Trần). Hốt bỏ chạy. Quân ta đánh tiếp đồn Trà-Long đi đến núi Bố-Liệp thì nghe tin đại quân của Trần-Trí, Phương-Chính kéo tới. Vương cho quân mai-phục các địa-điểm chém được tướng giặc là Trần-Tùng và 2.000 quân địch, bắt được 100 con ngựa. Bọn Trần-Trí bỏ chạy thì đồn Trà-Long bị uy hiếp, Tri-phủ Cầm-Bành chờ viện-binh không thấy. đành phải mở cửa đồn xin hàng...

2. Mặt trận miền Nam.

Bấy giờ Hoàng-Phúc đã về Tàu, Trần-Hạp sang thay nhận thấy tình-thế nghiêm-trọng liền tâu về Minh-Đế. Cho tới giờ phút đó, quân nhà Minh vẫn coi thường quân cách-mạng nên không thông-tin về Bắc triều. Minh-Đế xuống chiếu quở-trách bọn Trần-Trí đòi phải dẹp ngay cho xong « quân nghịch ».

Trần-Trí phải huy-động toàn quân thủy-lục giao-chiến cùng Vương trên trận-tuyến từ huyện Hương-Sơn (Hà-Tĩnh) đến mạn thượng-du Khả-Lưu trên Bắc-ngạn sông Lam-Giang. Ở đây quân ta dùng thế nghi-binh. Ban ngày Vương cho kéo cờ đánh trống, đêm đốt lửa, còn ở các nẻo đường quân giặc tiến qua thì có phục-binh chờ sẵn. Quân giặc bất-ngờ đi vào trận-địa bị bốn mặt quân ta đánh ập tới. Minh mất hai tướng : Chu-Kiệt phải bắt, Hoàng-Thành bị chém. Trần-Trí lui quân và giữ thành Nghệ-An. Thành này năm sau (Ất-Tị 1425) bị quân ta vây trùng-trung điệp-điệp. Thanh-thế của Vương bấy giờ lừng-lẫy, đi đến đâu cũng được nhân-dân đón rước náo-nhiệt và đem trâu bò thóc gạo cung-đốn vui-vẻ. Vương nghiêm quân-lệnh cấm binh sĩ phạm vào tài-sản của dân-chúng trừ những thứ gì thuộc về giặc Minh. Nhiều phủ huyện ra quy-thuận và xin tình-nguyện đem quân đánh thành Nghệ-An (tỷ-dụ tri-phủ Ngọc-Ma là Cầm-Qui giữ phủ Trấn-Định) Nghệ-An bấy giờ là điểm chính của cuộc tấn-công của Việt-quân.

Toàn cõi Nghệ-An chẳng bao lâu thuộc về ảnh-hưởng của Việt-quân, bọn Trần-Trí cố chết giữ lấy thành đợi viện-binh tới. Sau đó có Lý-An ở Đông-Quan đem quân do đường bể vào cứu, hợp vơi quân trong thành đổ ra cùng đánh. Quân Minh bị nhử đến sông Độ-Gia bị quân ta đánh tan. Trần-Trí chạy thoát về Đông-Quan còn Lý-An vào đóng trong thành lại bị vây như trước.

Nguyễn-Trãi bàn đem quân đi đánh các nơi khác có lợi hơn tập-trung toàn lực bao vây thành Nghệ-An, vì vậy Vương hạ lệnh cho Tư-Không Đinh-Lễ đem một đạo binh ra phía Bắc đánh Diễn-Châu. Tư-đồ Trần-Nguyên-Hãn, Thượng-tướng Lê-Nỗ, Chấp lệnh Lê-Đa-Bồ đem hơn 1000 quân tấn công phía Nam lấy Tân-Bình (Quảng Bình, Quảng-Trị) Thuận-Hóa (Thừa-Thiên, Quảng-Nam).

Tại Diễn-Châu, Đô-Ty của giặc là Trương-Hùng từ Đông-Quan kéo 300 chiếc thuyền lương vào bị Đinh-Lễ đón đánh. Thiên-Hộ Tưởng và 300 quân tử trận, Hùng bỏ chạy được. Quân ta cướp được các thuyền lương và đuổi giặc ra tới Tây-Đô. Nghe tin cánh quân Đinh-Lễ thắng, Bình-Định-Vương phái thêm 2000 tinh-binh cùng Lê-Sát, Lưu-Nhân-Trú, Lý-Triện và Bùi-Bị họp với Đinh Lễ đánh Tây-Đô. Tại đây giặc và ta kịch-chiến. Quân ta chém được 500 tên và bắt được rất nhiều tù-binh. Sau đó ta vây chặt Tây-Đô như Nghệ-An.

Đạo quân của Trần-Nguyên-Hãn và Lê-Nỗ tới sông Bố-Chính thì gặp giặc. Bọn Hãn tiến chiếm chỗ hiểm đặt phục-binh ở mặt sau. Hãn giả thua chạy. Tướng giặc là Nhâm-Năng thúc quân đuổi riết đến nơi có phục-binh thì Hãn quay lại mở cuộc phản công các ngả. Giặc tranh nhau chạy trốn, lăn xuống sông chết rất nhiều.

Giữa lúc này Vương cho Lê-Ngân, Lê-Bôi, Lê-Văn-An dẫn thủy-quân và 70 chiếc thuyền dùng đường bể vào tăng-cường cho đạo quân đang đánh Tân-Bình. Quân ta đuổi quân giặc vào tới Tân-Bình, Thuận-Hóa thế mạnh như chẻ tre, giặc không sao chống đỡ nổi.

Thế là từ Tây-Đô trở vào Nam, quân ta đã làm chủ trừ mấy thành lẻ-tẻ. Ở đây ta mộ thêm được mấy vạn binh-sĩ nữa để đưa ra mở mặt trận miền Bắc, Từ đấy quân ta mỗi ngày một mạnh, tinh-thần quân dân lên rất cao, các tướng tôn Vương lên làm : «*Đại-Thiên hành-hóa*» nghĩa là thay trời cứu dân và giúp dân để tăng thêm uy-tín đối với nhân-dân.

* * *

CUỘC TỔNG PHẢN CÔNG CỦA NHÀ MINH

Mặt trận miền Bắc

Ban trinh-sát của ta lúc này biết rõ giặc tập-trung hầu hết các danh-tướng ở hai nơi quan-trọng là Nghệ-An và Đông-Đô còn ở các đồn ải khác, lực-lượng của giặc rất mong manh. Vương liền tiến quân ra Bắc-Việt lập một trận-tuyến theo đường vòng cánh cung đánh vào các miền Thiên-Quan, Quảng-Oai, Gia-Hưng, Qui-Hóa, Đà-Giang, Tam-Đái, Tuyên-Quang là những căn-cứ giáp Thượng-du về hai phía Tây-Bắc. Trận tuyến này do Khu-mật đại-sứ Phạm-văn-Xảo, Thái-úy Lý-Triện khu-trách đón viện-binh của giặc từ Vân-Nam kéo xuống do đường thủy hay đường bộ.

Một trận-tuyến thứ hai kéo từ Khoái-Giang, Bắc-Giang, Lạng-Giang, Thiên-Trường, Kiến-Xương, Tân-Hưng, Ninh-Giang do Lưu-Nhân-Trú và Bùi-Bị điều-khiển phòng viện-binh từ Lưỡng-Quảng tiến sang và chiếm đóng miền Đông Nam trung-châu xứ Bắc. Thêm vào lực-lượng Đông-Nam có Đinh-Lễ và Nguyễn-Xí cùng đem một đạo-quân ra tiếp theo đánh thốc lên.

Tại đây. Lý-Triện lấy được Quốc-Oai và Tam-Đái rồi đánh xuống Đông-Quan nhưng bị thua trận phải rút về đóng ở phía Tây sông Ninh-Giang, khúc trên sông Đáy.

Tháng 9 hơn một vạn binh Vân-Nam kéo sang dưới quyền Tiết-chế của Vương-An-Lão. Lý-Triện bàn với Phạm-Văn-Xảo đem một ngàn quân đón đánh ở Tam-Ciang (Việt-Trì). Giặc bị giết và chết đuối ở đây rất nhiều. Còn Lý-Triện và Đỗ-Bí theo riết Trần-Trí, có ý không cho hai cánh quân mới cũ của giặc hợp nhất. Trần-Trí lại bị bại trận phen nữa và bị đuổi đến làng Nhân-Mục, mất một tướng là Lý-vi-Lạng và chết hơn 1.000 lính.

Hai cánh quân của ta thắng trận lại tập-họp làm một trở lại bao vây Đông-Quan. Giặc thấy thế mỗi ngày một nguy ở ngoài Bắc, nên Trần-Trí phải gửi thư gọi Phương-Chính ở Nghệ-An ra gần như đành phải hy-sinh mặt trận miền Nam để cứu lấy căn-bản ở miền Bắc. Phương-Chính được tin Đông-Quan nguy-ngập liền để Thái-Phúc giữ thành Nghệ-An vội vã xuống thuyền theo đường bể ra Thăng-long.

Từ giai đoạn này trở đi, chiến-thuật, chiến-lược của Việt-quân thay đổi hẳn vì lực-lượng và quân số của ta có thể dồi-dào như của địch. Tại các địa điểm sơn-cước dĩ-nhiên ta vẫn phải lợi dụng các nơi hiểm-trở để phục-binh đón giặc còn ở các miền đồng-bằng, ta mở các trận địa-chiến đại quy-mô do thế ta mới bao vây được giặc ở Đông-Đô, Tây-Đô và Nghệ-An là các căn-cứ quan-trọng và mạnh mẽ nhất của đối-phương. Lương-thực xung-mãn và bóng cờ «*Đại-Thiên-Hành-Hóa*» tới đâu nhân-dân các miền tự ý bảo nhau cung đốn trâu bò rượu thịt vừa để quân-đội dùng vừa để khao thưởng các trận đại thắng. Thật bõ lúc có lần hai tháng phải đào củ ráy, cắt măng vầu và phải giết voi ngựa để nuôi sống nhau trong những ngày đen tối ở Chí-Linh.

Phương-Chính vừa xuống thuyền ra Bắc thì Vương cho Lê-Ngân, Lê-Văn-An, Lê-Bôi, Lê-Thận, Lê Văn-Linh ở lại tiếp-tục vây chặt thành Nghệ-An còn ngài đem quân theo đường bộ truy kích Phương-chính. Ra đến Thanh-Hóa, Ngài cho đánh mạnh vào Tây-Đô nhưng giặc cố thủ, cuộc tấn công của ta không thâu được kết quả như ý muốn phải qua đóng ở Lội-Giang.

4) Chiến dịch Tụy-động — Chúc động

Bấy giờ vào cuối năm Bính-Ngọ (1426), cuộc kháng Minh của nhân-dân ta đã bước tới gần hết năm thứ 9. Từ 1418 đến năm đó là một giai đoạn đầy phù trầm, vinh nhục (ba phen nghĩa quân phải rút về Chí-linh, hết lương phải hòa với giặc

rồi quân ta lại gây được thực-lực đánh vào Nghệ-an và Tây-Đô hạ được Tân-bình (Quảng-bình) Thuận-hóa. Cuộc chiến-tranh tại miền Bắc Trung-Việt vào đến Thuận-hóa coi như gần xong và ưu-thế chiến-trường nghiêng rõ rệt về phía ta bởi giặc đã bị du vào thế thụ-động. Giữa lúc này Lê-Lợi nghĩ ra ý-kiến rất hay, một bề phong tỏa kỹ thành Nghệ-an là nơi có nhiều quân chủ-lực và tinh binh của giặc, một bề đưa thẳng một mũi dùi ra ngoài Bắc, đánh ráo riết vào thành Đông-quan giờ đó ở vào cảnh quân cô thế yếu.

Trong thời gian này giặc đã bắt đầu kính nể Kháng-chiến. Chúng phải co vào thế phòng thủ về chiến-lược, nên không dám ra khỏi các thành trì kiên-cố như Nghệ-an, Diễn-châu, Tây-đô (Thanh-hóa), Cổ-lộng (Nam-định), Chí-linh (Hải-dương) Xương-giang (Bắc-giang) Khâu-ôn (Lạng-sơn) Tam-giang (Việt-trì), Thị-cầu (Bắc-ninh), Điêu-diêu (Gia-lâm), Đông-quan (Hà-nội).

Chúng đỏ mắt chờ viện binh, từ chánh quốc sang.

Từ phút này chiến-trường sôi động nhất là miền Bắc và cũng là thời gian có những trận quyết định tình thế giữa ta và giặc.

Ba đạo quân đã xuất phát ra Bắc do các tướng hữu danh như Phạm-văn-Xảo, Lý-Triện, Trịnh-Khả, Lê-như-Huân và Đỗ-Bí; Bùi-Bị và Lê-Khuyển; Đinh-Lễ và Nguyễn-Xí. Trường hoạt động của họ là vùng đất phía Tây thành Đông-quan thuộc các tỉnh Hà-đông, Sơn-tây, Hưng-hóa...; phía Đông thành Đông-quan; vùng Nam-định, Thái-bình, Hải-dương, Hà-bắc, Lạng-sơn.

Mục-tiêu chánh-trị của ta là giải-phóng toàn bộ Trung-châu và Trung-du miền Bắc vừa tiêu-diệt địch vừa ngăn đón viện-quân của địch từ Quảng-Tây và Vân-Nam kéo sang.

Phạm-văn-Xảo và Lý-Triện đã đập tan được đạo quân cứu viện gồm hơn một vạn do Đô-Ty Vương an-Lão chỉ-huy khiến chúng phải chạy vào thành Tam-giang để ẩn nấp, như các đạo quân đã sang từ trước đang cố thủ trong các vị-trí.

Để cứu nguy miền Bắc nói chung, Đông-quan nói riêng đang nao-núng, quân Nghệ-an được gọi ra tăng-cường cho thành này.

Tháng 11 năm 1426, Minh-đế phái Vương-Thông mang đại quân sang cứu nguy cho bọn Trần-Trí. Về phía giặc nhiệm-vụ khẩn-yếu là phải tiêu-diệt các đạo nghĩa-quân vừa Bắc-tiến. Về phía ta Bình-định Vương đánh bại ngay viện binh vừa sang, giữ thế chủ-động chiến-lược, và phát-huy các chiến quả vừa thâu lượm được.

Rồi chiến-dịch Tốt-động — Chúc-động mở màn.

Ngày 5 tháng 11-1426 (tức mồng 6 tháng 10 Bính-Ngọ) Vương-Thông tung đại quân ra khỏi thành Đông-quan «*quân doanh nối nhau đến vài mươi dặm, cờ xí rợp cánh đồng, giáo mác sáng rực trời*». Mục-đích của chúng là đánh chiếm những yếu-điểm ta đang giữ ở phía Tây và Nam thành Đông-quan giải-tỏa cho thành này và cả thành Tam-giang đang bị quân ta vây hãm, lấy lại thế chủ-động về chiến-lược, mở rộng phạm-vi tiến đánh nghĩa-quân. Lúc này lực-lượng địch để lại ở Đông-quan giữ thành có độ hai hay ba vạn, còn chừng bảy, tám vạn đều tung hết ra trận địa.

Ba địa-điểm tập-trung và xuất phát của giặc là:

— Bến đò Cổ-Sở tức bến đò Phùng (Sơn-tây) nơi này là Tổng-hành-dinh của Vương-Thông có bắc cầu phao cho binh sĩ lưu-thông.

— Cầu Sa-đôi thuộc huyện Từ-Liêm (Hà-nội) do Phương-Chính từ cầu Yên-quyết tới chiếm đóng.

— Cầu Thanh-oai (thuộc Hà-đông) do Sơn-Thọ, Mã-Kỳ tiến từ cầu Nhân-mục đến.

Nhìn xa ta thấy giặc đóng theo hình tam giác, gốc từ Đông-quan vươn ra Sa-đôi, tỏa ra hai mặt Cổ-Sở và Thanh-oai, mỗi đỉnh tam giác cách nhau khoảng 20 cây số. Quân ta lúc này ở phía Nam hình tam giác, tuy số lượng không lớn bằng giặc nhưng có thể đã được tăng-cường và bổ-sung nhiều do sự tham-gia của thanh-niên, dân tráng địa-phương từ lâu rất căm hờn quân thống-trị (xuyên qua vụ nghĩa-quân ra Bắc ta thấy đâu đâu dân chúng cũng đón chào và tranh nhau đem trâu bò, gà lợn, dê rượu ra khao tặng).

Đạo quân xung-kích bấy giờ do Phạm-văn-Xảo, Lý-Triện điều-khiển vốn có sở trường về việc mở màn cho các chiến-dịch.

Đạo quân của Đinh-Lễ, Nguyễn-Xí cũng rất thiện chiến đóng ở Thanh-đàm (huyện Thanh-trì)

là lực-lượng dự bị cho chiến-dịch, bí-mật tập trung ở một vị-trí cơ-động.

Ai chỉ-huy chiến-dịch Tốt-động - Chúc-động?

Lê-Lợi lúc này đang đóng Hành-doanh ở Lỗi-giang có nhiệm-vụ chỉ-huy các trận đánh ở miền Trung, củng-cố và xây-dựng thêm thực-lực của mình ở địa-bàn này, lại cách chiến-trường miền Bắc trên trăm cây số, tất nhiên không phải là ông. Chúng ta không có tài-liệu ghi chép về sự việc này nhưng ta cần hiểu ai đã phối-hợp các đạo quân tham-dự chiến dịch để có sự điều-động hợp-lý, chỉ-huy thống-nhất, hiệp-đồng chặt-chẽ. Theo *Việt-Lam Xuân Thu* từ đoạn chép những việc trước khi xảy ra chiến-dịch Tốt-động — Chúc-động đến đoạn chép những sự việc trước khi xảy ra chiến-dịch Chi-Lăng, chúng ta thấy Nguyễn-Trãi, người luôn luôn đứng bên cạnh Lê-Lê lúc này lại không có mặt ở quân doanh Thanh-Hóa. Trái lại có một số dấu hiệu cho thấy trong thời gian này Nguyễn-Trãi đang hoạt-động ở ngoài Bắc. (*Việt-Lam Xuân Thu* là một tiểu-thuyết lịch-sử. Có người ngờ tác-giả của nó là Nguyễn-Trãi nên đã viết rất rõ về chiến-dịch này.) Nếu tin được như vậy thì Nguyễn-Trãi với cương-vị một mưu thần số một đã được Lê-Lợi phái ra Bắc để chỉ-đạo chiến-tranh ở đây.

Chiến-dịch Tốt-động — Chúc-động gồm 3 trận liên-tiếp với sắc-thái, tình huống sinh động cùng kết-quả khác nhau.

— *Trận thứ nhất là trận Tam-La* (1)
Trận này mở đầu cho chiến-dịch. Đối tượng tác-chiến của nghĩa-quân trong trận này là đỉnh tam giác đóng quân phía Nam của giặc : Đạo quân do Sơn-Thọ, Mã-Kỳ chỉ-huy đóng ở Thanh-Oai.

Giặc vừa tiến tới mục-tiêu đã định của chúng thì bị ngay nghĩa-quân tập-trung đánh lại rất mạnh tại cầu Tam-La. Dĩ nhiên là nghĩa-quân đã mai-phục sẵn ở đây chờ giặc đến. Lúc này chúng đã đóng ở Thanh-Oai bị quân ta dụ ra khỏi trại. Việc này xảy ra vào ngày 6-11-1426.

Trận địa phục-kích ở Sốm (tức Cổ-lãm hay Thắng-Lãm, Phú-Lãm, huyện Thanh-Oai). Giặc bị lọt vào vùng ruộng nước phục binh của ta nổi dậy đánh vào ngang sườn. Giặc bị đánh bất ngờ, chống không được phải bỏ chạy về Sa-Đôi nơi bọn Phương-Chính thiết-lập căn-cứ rồi cùng bọn Phương-Chính chạy về Đông-Quan. Ta truy-kích đến tận làng Mọc (cầu Nhân-Mục) thì trời sắp tối. Giặc bị chém hơn một ngàn ngay tại trận, bị bắt sống 500 tên, phơi xác dài vài mươi dặm. Lý-Triện thừa thắng truy-kích luôn cả đạo quân của Phương-Chính nhưng tên giặc này đã kịp tẩu thoát. Quân ta bỏ về vì xét không thể dùng chiến-thuật cường tập để hạ Sa-đôi bởi căn-cứ này khá vững, chỉ có thể nhử giặc ra ngoài mà đánh bằng lối mai-phục là hay hơn cả.

Về phía giặc thấy đạo quân của Sơn-Thọ, Mã-Kỳ bị tiêu-diệt, căn-cứ Thanh-Oai mất, kế-hoạch triển khai của Vương-Thông bị phá vỡ bước đầu và căn-cứ Sa-đôi bị trực-tiếp uy-hiếp nên đã lợi-dụng đêm tối rút toàn bộ về Cổ-Sở hợp với Vương-Thông chuẩn-bị một cuộc tổng-công-kích vào lực-lượng nghĩa-quân.

Trận Cổ-sở.

Sau khi thắng giặc ở Tam-La một ngày, Lý-Triện kéo quân đánh thẳng vào Cổ-Sở, nói đúng hơn là đánh các doanh trại ở ngoại-vi Cổ-Sở về phía trước tính gây khó khăn cho kế-hoạch tổng-tấn-công, giành quyền chủ-động của chúng. Bấy giờ Vương-Thông có ít nhất năm sáu vạn quân. Quân ta ít nên chỉ dùng nghệ-thuật tấn-công dụ giặc ra ngoài (điệu hổ ly sơn) mà đánh. Và tất nhiên ta phải dụ chúng sa vào chỗ hiểm mà ta đã có quân mai-phục. Lối đánh vận-động mai-phục vốn là sở-trường của nghĩa-quân từ 9 năm nay.

Chiến-lược này rất có hiệu nghiệm tại chiến-trường Cổ-Sở cho tới cả trận thứ ba : trận Tốt-động — Chúc-động. Đại quân của Vương-Thông vẫn bị nghĩa-quân nhử ra ngoài căn-cứ để tiêu-diệt. Xét ra tại trận Cổ-Sở nghĩa quân không mong ăn thua lớn với giặc mà chỉ mong đạt được một mục-đích khiêm-nhượng là quấy rối, là điều-tra và nghiên-cứu mọi cử-động của giặc hơn là tiêu-diệt.

Giặc cũng khôn ngoan nên cũng sắp đặt phục binh, đan tre làm lá chắn, bên trong gài chông sắt, giả cách bỏ lá chắn chạy. Voi của ta dẫm lên trúng phải chông sắt quân ta phải lui về Cao-bộ (thuộc Thanh-Oai).

1) Tam-La là : La cả, La-nội, La-khê làm nghề dệt lụa và vải.

Trận Tốt-động — Chúc-động

Trận này là trận cuối cùng của chiến-dịch xảy ra ngay sau trận Cồ-Sở. Thấy nghĩa-quân rút về Cao-bộ, Vương-Thông bèn phóng toàn bộ lực-lượng của mình đuổi theo quân ta xuống Cao-bộ. Giặc tập-trung ở Ninh-Kiều trước khi mở cuộc giao-tranh. Chúng chia làm 2 đạo, lợi-dụng trời tối bí-mật bao vây ta ở Cao-bộ. Vương-Thông vượt sông từ mặt Tây và mặt Bắc đánh thẳng vào phía trước Cao-bộ. Đạo phụ lén vòng xuống phía Nam đánh vào mặt sau Cao-bộ. Hiệu lệnh của chúng là khi nghe pháo nổ sẽ nhất tề đánh kẹp lại, bao vây và tiêu-diệt.

Nhờ bắt được gián-điệp của giặc, nghĩa-quân tương kế tựu kế. Bộ chỉ-huy chiến-dịch liền quyết-định quy-tụ ngay mọi lực-lượng để đối phó với giặc. Hai tướng Đinh-Lễ, Nguyễn-Xí chỉ huy lực-lượng dự-bị đang đóng ở Thanh-đàm đã điều ngay bộ phận chủ-lực của mình gồm 3000 quân tinh nhuệ và 2 thớt voi đang đêm tiến gấp về Cao-bộ hội sư với đạo quân của Lý-Triện.

Nghĩa-quân liền chia nhau đi đóng các địa-điểm thuận-tiện nhất ở vùng Tốt-động — Chúc-động (nay thuộc xã Tuy-an và Ninh-sơn, huyện Chương-mỹ, Hà-đông). Thế trận của ta là mai-phục và bao vây trên một qui-mô rộng lớn các nẻo hành quân của giặc.

Tờ mờ sáng (canh năm) nghĩa-quân cho nổ pháo đánh lừa giặc. Giặc tưởng cuộc tấn-công đã bắt đầu liền tranh nhau ồ-ạt tiến lên. Giặc đổ xô tới gần bờ sông, chúng đang còn nhốn-nháo thì quân ta áp tới đánh rất hăng, chỗ thì bao vây, chỗ chia cắt, phá vỡ toàn bộ đội-hình tiến công của giặc.

Bị đánh bất ngờ nên giặc hoang mang, hàng ngũ rối loạn, mạnh ai người nấy chạy sa cả xuống sông, xuống ruộng lầy, xéo lên nhau, bị giết không biết bao nhiêu. Tổng-binh họ Vương cùng một ít tay chân chạy thoát, Thượng-thư Trần-Hiệp và nội quân Lý-Lượng bị chém. Binh-sĩ bị bắt tới hai ba vạn (theo *Minh-sử*), sông Ninh-Kiều vì đầy xác giặc nên bị nghẽn không chảy được. Có thể nói toàn bộ đạo quân bảy tám vạn của Vương-Thông bị tiêu-diệt và sau đó nghĩa-quân tiến lên vây thành Đông-quan. Chủ-trương tiêu-diệt nghĩa-quân ở chiến-trường ngoài Bắc của địch thế là hoàn-toàn thất-bại. Và do thắng-lợi cực kỳ vĩ-đại này nghĩa-quân Lam-sơn đã chuyển giai-đoạn chiến-lược từ phòng ngự sang phản công và tạo điều-kiện cho chiến-dịch Chi-Lăng một năm sau để kết-liễu cuộc chiến, giành lại độc-lập cho đất nước.

Nhìn vào các diễn biến của các chiến-dịch, về phần nghĩa-quân chúng ta thấy Lê-Lợi cùng tướng sĩ đã thâu lượm được nhiều kết-quả đúng câu châm ngôn ; « *Sức mất nửa mà công được gấp đôi* » Về chiến-thuật ta thấy trong chiến-dịch Tốt-động — Chúc-động, nghĩa-quân đã nhằm vào nơi sơ-yếu nhất của giặc, lọt được vào vùng hoạt-động và đóng quân tập-kết của giặc là căn-cứ Thanh-oai đánh tan ngay được cánh quân Mã-Kỳ, Sơn-Thọ vào giờ phút đầu tiên. Sau trận Tam-La, thế giặc đang vững thành yếu, đang chủ-động thành bị-động. Vì vậy tại căn-cứ Sa-đôi quân Phương-Chính chưa bị đánh đã tan. Xét ra do bộ chỉ-huy chiến-dịch của nghĩa-quân đã chọn được mục-tiêu chiến-đấu trận đầu một cách thích hợp, lối đánh nhanh như chớp nhoáng khiến giặc bở vía nên đã mở ra được những thắng-lợi về sau cho toàn bộ chiến-dịch rất dễ-dàng.

Nguyễn-Trãi cũng có câu : « *Việc binh cốt mau chóng như thần, máy then mở đóng như bánh xe chuyển như đám mây bay, trong khoảng chốc lát, chợt nóng, chợt lạnh, thay đổi khôn lường (Quân trung từ mệnh tập).*

Cũng theo tinh-thần ấy trong chiến-dịch Tốt-động — Chúc-động, nghĩa-quân đã đánh lối bất ngờ liên-tiếp và gấp rút như vũ bão trên hai ba chục cây số, từ Cồ-sở chuyển về Cao-bộ rồi tập-trung để đi mai-phục chặn địch ở Tốt-động — Chúc-động — Nhờ chiến pháp thần diệu này địch trở mình không kịp, dễ mất bình-tĩnh, ta có ít mà như có nhiều, biến hóa vô lường.

Lê-Lợi còn đề ra một chiến pháp sau lối tốc chiến và kỳ tập là : « *Nhử người tới chứ không để người nhử tới* » cũng là một chiến pháp rất lợi hại đối với các nhà tướng cổ kim, tức là đánh giặc phải được bố-trí, phòng-ngự trước thì mình được làm chủ tình thế, có thế mới đưa đối-phương vào tử địa được.

Nghĩa-quân sau khi tiến đánh Cồ-Sở, vờ rút về Cao-bộ như thất lợi chỉ là dụ quân Vương-Thông đuổi theo để chúng bị tiêu-diệt gần hết ở Tốt-động — Chúc-động.

Nay có thể kết-luận về chiến-dịch Tốt-động — Chúc-động như sau : «Nghệ-thuật quân-sự đã đạt tới cao độ : dùng kế giặc để lừa giặc, chọn địa-điểm và thời-gian quyết chiến hết sức thuận-lợi, phán-đoán rất đúng các tình huống, cảnh giác trước mọi âm-mưu của giặc... Lấy sức yếu chống lại sức mạnh, đánh giặc thừa lúc không ngờ, đem quân ít chọi với quân nhiều, thường đặt phục binh bằng mưu mới lạ... tất cả đã tạo điều-kiện cho quân ta đại thắng và tiêu-diệt toàn bộ lực-lượng vĩ-đại của địch ».

5) Việt quân phong tỏa Đông-Đô.

(Một cuộc chiến tranh tâm lý)

Bình-Định vương đang đóng ở Lội-Giang (Thanh-Hóa) thì được tin mặt trận miền Bắc của ta thắng thế. Xét cần giải-quyết mặt trận này để kết-liễu mau lẹ chiến tranh vì lực-lượng của địch mười phần đã suy-nhược tới sáu bẩy và ta đã thu phục được gần hết các đất đai trong nước Vương liền tiến Đại-quân ra Bắc.

Tới nơi việc phân phối quân đội thủy bộ được dễ dàng vì địch đã rút hết binh đội vào thành Đông-Quan.

Bùi-Bị đem một vạn bộ binh bí mật đóng ở Tây-Dương-Kiều. Quân của Vương hạ trại ngay ở gần thành Đông-Quan. Thủy quân của giặc tan rã, các chiến thuyền bị ta tịch thu. Trần-Nguyên-Hãn được phái đem thủy quân và 100 chiếc thuyền ra tới Hát-Giang rồi thuận giòng sông Nhị xuống đóng ở bến Đông-Bộ-Đầu gây áp-lực sát vào thành Đông quan.

Từ khi Bình-Định-vương có mặt tại chiến-trường Bắc-Việt nhân-tài hào-kiệt ra đón chào và nô nức theo đánh giặc, Vương tùy khả-năng của mỗi người mà giao-phó trách-nhiệm.

Bấy giờ các tướng Minh ở nơi xa thấy Đông-Đô lâm vào cảnh cô-nguy và nền đô-hộ của họ không còn có tương-lai, nhiều kẻ chán nản mở cửa thành xin quy-phục theo lời chiêu hàng của Nguyễn-Trãi. Bình-Định-vương xét có thể lập được guồng máy chính-quyền để tăng cường tinh-thần chiến-đấu và lòng tin-tưởng của quân dân trong giai-đoạn chót nên chia ngay Bắc-Việt ra làm bốn Đạo :

1.— Tây-Đạo gồm trấn Tam-Giang, Tuyên-Quang, Hưng-Hóa.

2.— Đông-Đạo gồm trấn Thượng-Hồng, Hạ-Hồng, Thượng-Sách, Hạ-Sách, và lộ An-Bang.

3.— Bắc-Đạo gồm trấn Bắc-Giang và Thái-Nguyên.

4.— Nam-Đạo gồm Khoái-Châu, Lý-Nhân, Tân-Hưng, Kiến-Xương, Thiên-Trường. (tức là vùng Trung-châu)

Đối với Vương-Thông và các đại-tướng trong thành Đông-Đô, Bình-Định Vương cùng quan Hàn-Lâm thừa chỉ Nguyễn-Trãi xét họ đường đường là những thượng tướng thống nhiếp binh quyền của Bắc triều không thể dùng tờ lệnh chiêu hàng mà cần bàn hòa bằng lời thư khéo léo, mềm mỏng để giữ thể diện cho họ và Minh triều miễn sao họ rút về nước là hơn khỏi kéo dài chiến tranh và bớt sự hao tổn tài sản, tính mạng nhân dân. Nguyễn-Trãi liền viết thư cho Vương-Thông cương nhu đủ giọng, cởi buộc đủ cách.

Có khi họ Nguyễn không từ miệng cọp vào thành Đông-Quan và nhiều thành khác lấy lẽ lợi hại chiêu dụ các tướng của địch.

Thái độ của Vương-Thông và đồng bọn thế nào ?

Bên trong các tướng lĩnh Minh từ Vương-Thông, Sơn-Thọ trở xuống đều nhận thấy tình thế của họ lúc này là tuyệt vọng cũng muốn bãi binh nhưng lại thắc mắc về cái nhục chiến bại. Rồi sau họ cũng nhận việc giải hòa, và lục tờ chiếu của vua Minh niên hiệu Vĩnh-Lạc (1407) nói về việc khôi phục họ Trần để cùng Vương lo liệu cuộc bãi chiến. Bấy giờ có người tên là Hồ-Ông xưng là cháu ba đời của vua Nghệ-Tông trốn ở châu Ngọc-Ma. Vương cho đón về đổi tên là Trần-Cao lập lên làm vua, Vương xưng là Vệ-Quốc-Công. Sau đó Vương làm tờ só lên Minh-đế xin tôn lập Trần-Cao làm vua nước Nam và đính-ước với Vương-Thông gọi quân các nơi về họp ở Đông-Đô để sửa soạn việc hồi hương. Công-chuyện nhường như ổn thỏa thì bọn Việt gian phản đối. Chúng khéo nhắc chuyện giải hòa xưa kia giữa binh đội nhà Nguyên với các tướng nhà Trần đã xẩy ra một việc thiếu thành thực (khi Ô-Mã-Nhi về Tầu, Hưng-Đạo-Vương cho gia nhân ngầm đục thuyền, tướng Ô-Mã-Nhi phải bỏ mạng trên

Bạch-Đằng-Giang). Bọn Vương-Thông bấy giờ đang bị khủng hoảng tinh thần nên nghe bọn họ (Trần-Phong, Lương-Nhữ-Hốt...) Sở-dĩ mấy kẻ Việt-gian đó cố tình phá cuộc giảng hòa bởi chúng không những sợ mất địa vị lại còn lo nguy đến tính mạng của chúng cùng vợ con. Chúng sợ kháng chiến trừng phạt thì ít mà sợ đồng bào hỏi tội thì nhiều. Vì lẽ này Vương-Thông sinh gian dối, bên ngoài hòa-hoãn với Bình-Định-Vương bên trong ngầm sai người về Tầu xin viện quân đồng thời cầu cứu cả với Cố-Hưng-Tổ trấn thủ Quảng-Tây. Tháng 6 năm Đinh-Vị (1427) quân của Quảng-Tây tới cửa ải Phả-Lũy (thuộc Lạng-Sơn) bị các tướng của ta là Lê-Lưu, Lê-Bôi đánh tan. Giờ phút này Vương-Thông chỉ thúc thủ chờ viện binh chính-thức mà thôi.

Còn Việt-quân khắp mọi nơi đều giữ thế công và quân Minh giữ thế thủ bởi không còn tinh-thần và khả-năng mở các trận đại quy-mô nữa. Bình-Định-vương vừa đánh vừa tung hịch đi các nơi chiêu hàng những trấn thành đang nằm trong tình-trạng chờ đợi. Đầu năm Đinh-Vị(1427) bọn Thái-Phúc và Tiết-Tụ giữ thành Nghệ-An và Diễn-Châu mở cửa xin hàng.

Bình-Định-Vương tiến đóng Đại-bản-doanh ở Bồ-Đề một căn-cứ ở phía Bắc sông Nhị-Hà để chỉ-huy việc công phá thành Đông-Quan, Trịnh-Khả đánh cửa Đông, Đinh-Lễ đánh cửa Nam, Lê-Cực đánh cửa Tây, Lý-Triện phá cửa Bắc.

Trong lúc quân Minh suy-nhược, ta mất hai đại-tướng vì khinh địch. Lý-Triện giữ Từ-Liêm không đề-phòng cẩn-thận bị quân của Phương-Chính đánh lén tử trận. Đinh-Lễ, Nguyễn-Xí đóng ở Tây-Phù-Liệt (Thành-Trì) mang 500 quân tiếp-viện cho lực-lượng của Lê-Nguyễn bị quân Vương-Thông bao vây ở Mỹ-Động thuộc Hoàng-Mai. Hai tướng bị bắt. Riêng Nguyễn-Xí trốn thoát còn Đinh-Lễ bị giết.

Một mặt vây đánh ráo riết thành Đông-Quan, một mặt Vương thiết-lập quân-luật và thi-ân-nghĩa với dân chúng như sau :

— Cấm tả đạo (chuyện ma quỉ để lừa dối dân)

— Những dân bị loạn-ly phiêu-bạt được trở về nguyên-quán làm ăn như cũ.

— Vợ con và thân-nhân của những ai làm việc với giặc được phép lấy tiền chuộc tội

— Tù binh được đưa về Thiên-Trường, Lý-Nhân, Kiến-Xương, Tân-Hưng nuôi nấng tử-tế.

Đối với dân và địch thì như vậy, còn đối với các phần tử kháng-chiến có 3 điều răn này :

— Cấm lừng-khừng.

— Cấm khinh-mạn.

— Cấm gian-dâm.

Tướng-sĩ thuộc 10 điều quân-kỷ dưới đây :

1) Trong quân không được làm điều huyên-náo.

2) Tránh những tin đồn làm hoang mang lòng người.

3) Lâm trận thấy cờ phất, trống giục phải tiến.

4) Thấy kéo cờ dừng quân thì ngừng bước.

5) Nghe chiêng đánh hồi quân thì ngừng bước.

6) Giữ nghiêm hàng ngũ.

7) Phải lo việc quân trước việc gia đình.

8) Cấm ăn hối lộ về quân dịch và làm sổ sách mập mờ.

9) Phải công bằng trong việc thưởng phạt binh đội.

10). Tránh việc xâm phạm vào tài sản và tính mạng của dân.

Tướng sĩ nào phạm vào một trong 10 điều răn dạy cũng đủ bị tội chém. Nhờ có quân lệnh nghiêm ngặt như vậy dân chúng rất có cảm tình với quân kháng chiến và nhiệt liệt ủng hộ cùng tích cực tham gia tranh đấu.

Để hiểu rõ tình trạng giữa quân ta và giặc trong giai đoạn tổng phản công, cùng mánh lới của các nhà lãnh đạo kháng chiến thuở đó, xin coi các bức thư dưới đây của Ức-Trai tiên-sanh (biệt hiệu của Nguyễn-Trãi) có khi đã đem lại những kết quả vẻ vang không kém gì một trận thắng lớn.

Bức thứ nhất.

Thư gửi cho Vương-Thông, Sơn-Thọ và các tướng Minh.

«Tôi nghe điều tin là vật báu của nước. Người mà không có điều tin thì không còn làm được trò gì ! Trước đây tiếp được thư của các Ngài và các Ngài sai người ra ước sự hòa giải, tôi đã nhất nhất nghe

theo. Nay xem trong thành vẫn đào hào, đóng cọc, đắp lũy dựng rào, hủy đồ cổ để đúc súng đạn, sửa chiến khí. Như vậy các ngài định rút quân về kinh hay cố giữ các thành trì ? Chúng tôi biết hiểu thế nào bây giờ ? Truyện có câu « Bất thành vô vật » *nghĩa là không thành thực việc gì cũng hỏng. Nếu thực, Ngài giữ lời trước thì việc làm tưởng nên minh-bạch. Định rút quân thì rút quân ngay, định đóng giữ thì cứ hẳn ra mặt đóng giữ. Sao bề ngoài thì vờ vĩnh kết-hiếu, bề trong thì ngấm ngầm mưu toan ? Tưởng không nên có thái độ mâu thuẫn như vậy. Kẻ tiểu dân ngu nhưng mà tinh lắm. Tôi đâu mờ tối nhưng thật như lời Khổng-Tử nói : « Xem cách dùng, nhìn lối đi, xét chỗ đứng » như vậy sự thật hư đối với lòng người dẫu nhỏ bằng tơ tóc cũng không thể che đậy được ».*

Bức thứ hai

Thư đệ lên Quan Tổng-Binh Thành-Sơn-hầu :

«Bức thư bữa trước chưa thấy Ngài phúc đáp, người của tôi vào chực đợi cũng chẳng thấy về. Vậy câu : « Ngôn hành phải hợp nhất» *của đại nhân ngày trước nay đâu ? Tôi nghĩ đạo nước nhỏ đối với nước lớn phải kính sợ và nghĩ lời nói của đại-nhân ngày trước, nghĩa không nỡ tuyệt cho nên không ngại thư đi từ lại. Nếu chẳng được như lòng, không biết có phải tại tình-thế khiến vậy hay không ? Tôi trộm nghĩ cái kế của Ngài lúc này không gì hơn rút quân khải-hoàn, để cởi cái nạn can qua cho hai nước, để gỡ cái vạ báo hại cho quốc-gia, để vẹn cái nghĩa dựng hộ nước bị đổ, nối hộ dòng bị đứt, tỏ cái nhân của đấng vương giả coi bốn bể là nhà, trên không phụ sự ủy-nhiệm của triều đình, dưới không trái nghĩa xuất khổn của đại-tướng, khiến tên ghi sử sách chẳng tốt đẹp lắm sao ? Dữ kỳ theo vết xấu của Hán, Đường ham đất lớn, thích công to, sao bằng làm cái quân nhân nghĩa chỉ cốt vì dân mà đánh kẻ có tội. Nay Ngài không nghĩ đến điều đó, chỉ chăm đắp thành đào hào, ngày ngày lén mở cửa thành cho quân ra đánh cắp rơm củi, sao mà tự khổ đến thế ?*

« Đại nhân nếu bảo thành trì hiểm-cố có thể giữ để đợi chờ thì tôi nghĩ nước xa không cứu được lửa gần. Nếu bảo thành còn nhiều quân dũng cảm, muốn quyết một trận sống mái, thì tôi tưởng khi tôi còn ở Khả-Lam, Trà-Lân, các Ngài có hàng mấy vạn tinh binh mà tôi chỉ có mấy trăm quân tâm phúc tôi còn đánh tan đi được để thành cái thế chẻ nứa, huống nay tôi gồm thu Diễn, Nghệ, Thanh, Tân-Bình, Thuận-Hóa và Đông-Đô các lộ, quân tinh nhuệ có hàng mấy chục vạn, vậy cái kế sống mái có thể ngồi tính mà biết trước được rồi.

« Song nước thịnh hay suy, quan hệ ở trời, quân mạnh hay yếu, không cứ ở nhiều. Đại nhân thường đem việc họ Hồ ngày trước ra mà so ví. Tôi nghĩ việc ngày nay với việc ngày xưa khác nhau xa lắm. Họ Hồ dối trời ngược dân mà tôi kính trời thuận dân, lý thuận nghịch khác nhau là một. Quân của họ Hồ trăm vạn nhưng trăm vạn lòng, quân của tôi chỉ vài chục vạn nhưng hết thảy đều cùng một lòng, điều đó khác nhau là hai. Nay đại-nhân nếu : « không vì người mà bỏ lời nói phải » quyết kế rút về, sai người thân tín cùng với Sơn Đại-nhân (Sơn-Thọ) sang sông hội họp, tôi sẽ xin lui quân ngay về các miền Thạch-thất, Thanh-Đàm, Khoái-Châu để đợi xuất xử. Nếu không như vậy, tôi cũng chẳng biết làm sao được ».

Bức thứ ba

Thư kính cùng quan Tổng-Binh và các vị đại-nhân.

« Xưa nay người giỏi dùng binh là ở chỗ hiểu biết thời thế. Được thời và có thế thì mất làm còn, nhỏ hóa ra lớn. Mất thời và không thế thì trở mạnh ra yếu, đổi yếu làm nguy, chỉ ở trong khoảng trở bàn tay mà thôi. Nay các người không rõ thời thế, chỉ dối giả quen, há đủ nói chuyện việc binh được. Dạo trước trong mang gian dối, ngoài thác giảng hòa, đắp lũy đào hào, chờ quân cứu viện, tâm tình không tỏ, trong ngoài bất nhất, như vậy khiến ta tin sao được mà chẳng ngờ. Cổ nhân có câu rằng : « Kẻ khác có lòng, ta lường đoán thấy » *tức là thế đó. Ngày xưa nhà Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế bốn bề, quốc chính không tu, mình tan nước vỡ, nay Ngô đã mạnh đâu bằng Tần mà khe khắt hơn Tần nhiều, chẳng qua chỉ trong vòng một năm sẽ đến nối nhau mà chết hết. Đó là mệnh trời chứ chẳng phải sức người. Hiện nay xứ Bắc có kẻ địch Thiên-Nguyên bên trong có mối lo Tầm-Châu các xứ, Giang-tả một khu không tự giữ được, huống lại còn chực đi lấn chiếm nước khác nữa sao ! Bọn các người không hiểu sự thế bị ta đánh bại lại còn chực níu lấy Trương-Phụ để nhờ uy thanh như thế có phải là đại trượng phu không, hay chỉ là đàn bà thôi đó ?*

« Sự thế ngày nay, dù có thượng tướng đem quân đến đây quyết cũng chẳng làm được trò gì. Trương-Phụ có đến chẳng qua cũng để nộp mạng mà thôi.

«Ngày xưa vua Chiêu-Liệt nhà Hán là dòng sót lại của họ Lưu, Khổng-Minh còn giúp cho nghiệp lớn lại dấy lên được. Huống nay con cháu họ Hoàng Trần (1) mệnh trời thuận cho, lòng theo về, nước Ngô kia còn chịu đoạt làm sao được! Vả đời xưa các bậc hào kiệt chưa gặp thời thì ẩn náu, thấy cơ hội thì dấy lên, cho nên Y-Doãn chỉ là một gã thợ cày ở đất Sằn, Thái-Công chỉ là một chàng câu cá ở sông Vị thế mà một người làm đến vương tá, một người làm đến Đế-sư, vậy đó là người hào quý chăng? Là người bần tiện chăng? Lại như Mộ-Dung nước Yên, Thạch-Lặc nước Triệu, đó là người Trung quốc hay là người man rợ? Ta nghĩ nhời của nhà ngươi thật là nhời của kẻ tiện nhân man rợ, không phải là nhời của người Trung-Quốc.

«Nay các người thế cùng, sức kiệt, lính tráng mỏi mệt, trong không lương thảo, ngoài không cứu viện, bám víu lấy một khoảng đất, thoi thóp trong một thành chẳng phải là miếng thịt trên thớt, con cá trong chậu rồi sao? Vậy mà còn lừa dối dân ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Các kẻ trung thần nghĩa sĩ của nước ta trong khi cùng ách còn nếm mật nằm gai, không chịu đem lòng kia khác, huống chi ngày nay ai còn nghe những lời bất nghĩa của lũ ngươi. Chỉ e trong thành người Nam thì nhớ Chúa cũ, người Ngô thì không chịu được khổ sẽ cùng hại lũ ngươi rồi đem nhau ra hàng, như Trương-Phi, Lã-Bố ngày xưa bị hại bởi tay thủ hạ, ấy là cái lý tất nhiên đó.

«Nay trong thành từ chức Đô-Ty trở xuống đều tức giận lũ ngươi lừa dối, nhiều người vượt lũy ra ngoài báo cáo tình hình bên trong, kẻ bị khốn cực thì đâm chém lẫn nhau, không đợi phải quân lính của ta nữa. Ta ngồi suy tính cho lũ ngươi thì cơ vong có 6 điểm. Nước lụt mênh mông, tường đổ rào nát, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết, lính mệt, bại vong đó là một. Ngày xưa Đường-Thái-Tông bắt Kiên-Đức mà Thế-Sung phải ra hàng, nay bao nhiêu ải-quan hiểm trở đều có binh tướng ta đóng, viện binh nếu đến tất nhiên bị bại, viện binh bại, lũ ngươi còn trốn đằng trời, bại vong đó là hai. Nước ngươi binh khỏe ngựa béo nay còn để cả ở miền Bắc để phòng bị quân Nguyên, không rỗi đâu nhìn ngó xuống phía Nam được, bại vong đó là ba. Can qua bận rộn, chinh phạt rối ren, người chẳng sống yên, nhao nhao thất vọng, bại vong đó là bốn. Tôi gian chuyên chính, chúa yếu trị vì, xương thịt hại nhau, vạ khởi ở trong tường vách, bại vong đó là năm. Nay ta nổi dậy quân nghĩa, trên dưới cùng lòng, anh-hùng tận lực, quân lính ngày một tinh, khí giới ngày một tốt, vừa cày ruộng vừa đánh giặc, trong thành mỏi mệt tự phải diệt vong, bại vong đó là sáu.

«Ngồi giữa một mảnh thành con để chờ sáu cái cơ bại vong ấy thật tiếc cho lũ ngươi! Cổ nhân có câu: «Nước xa không cứu được lửa gần» *dù có viện binh đến đây cũng không cứu nổi sự bại vong ấy. Ngày xưa Phương-Chính, Mã-Kỳ chỉ chuyên làm sự hà-ngược, sinh linh lầm than, thiên hạ oán trách, nào đào mồ mả của nhà ta, nào bắt vợ con của dân ta, kẻ chết hàm oan, người sống bị khổ. Lũ ngươi là những người xét rõ sự cơ, hiểu sâu thời vụ, vậy nên chém lấy đầu Phương-Chính, Mã-Kỳ đem đến cửa quân dâng nộp. Như vậy trong thành sẽ khỏi cái nạn cá thịt, trong nước sẽ khỏi vạ đau thương, hòa hiếu lại thông, can qua xếp nép. Nếu muốn rút quân về, ta sẽ sửa sang cầu cống, sắm sửa tàu thuyền, thủy lục hai đường tùy theo ý muốn; quân ra khỏi cõi muôn phần đảm bảo yên ổn, không lo ngại gì, nước ta lại phụng cống xưng thần theo như lệ trước. Nếu không nghe lời ta như vậy thì nên sắm quân ra trận, giao chiến ở giữa bình nguyên để quyết một trận thư hùng xem tài hơn kém, không nên ngồi rũ một xó bắt chước cái điệu bộ của đàn bà nữa!»*

Bức thứ tư.

Trong khi Bình-Định-Vương hoạt động ở Thanh-Hóa Phương-Chính đưa thư kể tội. Vương sai Nguyễn-Trãi viết thư trả lời như sau:

«Bảo mày giặc dữ Phương-Chính! Đạo làm tướng lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm cành. Nay chúng mày chỉ chuộng lừa dối giết hại những kẻ vô tội, hãm người ta vào đất chết chẳng động lòng thương, trời đất không thể dong, người người đều giận. Bởi thế luôn năm đi chinh chiến chỉ thua lụn bại. Vậy mà không biết tự đổi lỗi còn đi bới hôi ra nữa, sau này hối lại còn kịp nữa sao? Huống nay nước xuân mới nhóm, lam chướng càng dầy, thế không thể chịu đựng lâu được. Vậy mà mày tay cầm đại binh, lần lữa không tiến, khiến quân sĩ nhuốm phải lam chướng mà chết, đó là tội lỗi của ai?

«Binh pháp nói rằng: «Bậc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bậc nghĩa-giả lấy ít địch nhiều.» *«Nay mày muốn đánh nhau thì nên tiến binh vào cùng ta*

---

(1) Chỉ con cháu nhà Trần ngày nay nối tiếp vẫn là thuận ý Trời và lòng Dân.

quyết sống mái một keo, đừng nên dùng dằng để khổ cho hai quân nữa!»

Bức thứ năm

Tháng 6 năm Bính-Ngọ 1426, quân ta đánh thành Nghệ-An giặc đóng kín cửa thành không ra nên ta có bức thư này :

« Bảo mày giặc dữ Phương-Chính !

« Ta nghe bậc danh tướng quý nhân nghĩa mà rẻ quyền mưu. Lũ mày thì quyền mưu còn chẳng đủ, huống chi nhân nghĩa. Ngày xưa thư mày gửi đến cho ta, thường cười ta náu núp ở chỗ núi rừng, không dám ra giao chiến ở đồng bằng đất phẳng. Nay ta đến đây, ngoài thành Nghệ-An đều là chiến trường cả, mày bảo đó là núi rừng hay đồng bằng? Mày đóng kín cửa thành ngồi xó trong ấy, có khác gì một mụ già không? Ta e lũ mày không trốn đâu khỏi cái nhục khăn yếm

« Phàm đồ việc lớn, lấy nhân nghĩa làm gốc, nêu công lớn lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có nhân nghĩa vẹn toàn công việc mới trôi chảy.

« Nước mày nhân việc họ Hồ lỗi đạo, mượn cái danh « thượng dân đánh tội » *để thỏa cái ý* « cướp của giết người » *lấn chiếm bờ cõi ta, hiếp đáp sinh dân ta, nặng thuế,* nghiêm hình, *bòn tro đãi sạn, dẫu kẻ tiểu dân ở chỗ thôn cùng ngõ hẻm cũng không yên thân mà sống, nhân nghĩa như thế ư? Nay dân oán, thần giận, nước mày lại gặp đại tang như thế mà không biết xét mình sửa lỗi lại còn kéo dài việc binh cách phương xa khiến quân lính phơi thây, nhân dân lầm cát. Ta e mối lo Quý-Thị không ở ấp Chuyên-Du mà sẽ xảy ra ngay bên kẽ vách» (1)*

Bức thứ sáu

Phương-Chính nhận được bức thư trên, mắng lại là muốn đánh nhau thì kéo quân xuống đồng bằng đất phẳng, nên ta đã trả lời bằng thư này :

« Bảo mày giặc dữ Phương-Chính!

« Xưa nay người giỏi dụng binh không chỗ nào hiểm cũng không chỗ nào không hiểm, không chỗ nào dễ cũng không chỗ nào không dễ.

« Được thua là ở tướng, chứ không phải là ở địa thế hiểm với dễ đâu, vào chỗ hiểm mà đấu, như hai hổ quần nhau ở trong cái hang không, khéo chọi thì thắng, vụng chọi thì bại, cho nên đất không có hình thường nhất định, chiến không thể thường nhất định, có gì là phân biệt hiểm với dễ đâu !

« Mày nếu không lui nên dẫn binh vào mà quyết chiến ».

Bức thứ bảy

Thư ngỏ với tướng hiệu, quan viên, quân nhân trong thành Bắc-Giang.

« Ta nghe người có Bắc-Nam nhưng đạo không kia khác, nhân nghĩa quân-tử chẳng phải là riêng có ở một nơi nào. Nước Nam ta tuy xa xôi ở cõi Lĩnh-Ngoại, nhưng vẫn có tiếng là một nước thi thư, những bậc tài thức trí mưu, không đời nào là không sẵn có. Bởi vậy phàm những công việc ta làm hết thảy đều noi theo lễ nghĩa, trên ứng với trời, dưới thuận với người.

« Dạo trước quan Tổng-Binh Thành-Sơn-Hầu từ sau trận thua ở Ninh-Kiều có sai người đưa thư ước sự giải hòa. Ta muốn trên hết lòng kính thuận với triều đình, dưới muốn giải nạn can qua cho hai nước, cho nên nhất nhất nghe theo cả. Hắn lại khuyên ta sai người dâng biểu cầu phong, bảo sau khi đệ biểu lập tức lui quân. Vậy mà biểu đã đi rồi, quân vẫn không lui lại còn bồi đắp rào lũy, sửa sang khí giới, tự lấy làm đắc kế, bội ước thất tín đến thế là cùng. Nay các nơi Thành-Hóa, Diễn-Châu, quân thủ vệ đã đều đến hết cả đây, phàm vợ con tài vật của họ không hề bị suy suyển mảy may nào cả. Ta nghĩ cái kế hơn hết của lũ ngươi bây giờ không gì bằng ra khỏi thành cùng quan Đô Đốc họ Sái quyết định việc về để khỏi chết uổng mấy nghìn tính mệnh ở trong thành.

« Ta thường xem những việc đắc thất của người xưa, như Bạch-Khởi nước Tần, Hạng-Võ nước Sở, giết kẻ đã hàng và bội ước. Ta quyết không khi nào lại làm như thế. Các người cứ khoan tâm, đừng nghi ngờ mà hỏng việc. Ngươi nếu bảo thành cao hào sâu, lương thực lại nhiều thì như Thanh-Hóa, Nghệ-An các thành không phải không cao, hào không phải không sâu, lương không phải không nhiều, binh không phải không mạnh, mà quan Đô-Đốc Sái, quan không phải không to, trí không phải không sáng, cũng còn phải tùy thời đạt biến để giữ toàn tính mệnh cho mấy vạn người. Vậy mà lũ ngươi lại còn muốn giữ lời bàn hư để mang lấy vạ thực há chẳng lầm lắm ư?

---

1) Câu này mượn lời cụ Khổng ý nói nhà Minh cứ để ý vào việc viễn xâm mà không lo nội-trị, họa biến sẽ xảy ra bên mình chưa biết lúc nào

« Và ta xem nước ngươi hiện nay trong có mối nguy biến tường vách, ngoài có kẻ cường địch Bắc-Nguyên, hoàng trùng đại hạn luôn năm, giặc cướp nổi như ong vậy, cái cơ tán loạn há chẳng đủ biết trước rồi sao. Bảo tri giả thường biết trước từ khi việc chưa đến nơi, cớ sao lũ người lại kiến cơ một cách muộn màng mà cố muốn tự khổ như vậy? Lũ người nếu chịu ra ngoài thành cùng ta hòa thân, ta sẽ coi lũ ngươi như anh em ruột thịt, chẳng những chỉ bảo toàn vợ con tính mệnh mà thôi. Không nghe vậy thì tùy lòng các ngươi, chỉ trong sớm tối sẽ gặp nhau có lựu la gì. Đến lúc bấy giờ các ngươi có hối lại cũng không kịp nữa, các ngươi nên nghĩ kỹ »

Bức thư thứ tám

Thư dụ thành Tam-Giang.

Thư ngỏ cùng tướng hiệu, quan viên, quân nhân trong thành.

« Chỗ đáng quý của các người quân-tử là ở chỗ thức thời đạt biến, lượng sức biết mình. Nay có kẻ lấy quả trứng chim để chống lại núi Thái, lấy càng bọ ngựa để cản lại bánh xe mà tự cho là sức có thừa, tưởng cũng tự ngu quá lắm. Lũ ngươi lấy một số vài ba trăm quân, giữ mảnh cô thành cùng ta đối kháng, phỏng có khác gì như thế. Thử nghĩ thành trì của các ngươi cao sâu không thấm với thành Nghệ-An, lương thực của các ngươi đầy đủ sao bằng thành Diễn-Châu, mà quân vũ dũng cảm tử lại lấy đâu nhiều như quân Diễn-Nghệ, quan tước của các người lại không lớn bằng Sái Đô-Đốc. Nay Diễn-Nghệ, Thuận-Hóa, Tân-Hóa, Tân-Bình, Tiền-Vệ, Thị-Kiều, Xương-Giang, Trấn-Giang các sứ-quân giữ thành đều mở cửa ra hàng. Dưới cây bồ-đề (bến Bồ-đề) Sái Đô-Đốc đã định ngày rút quân về kinh, phàm những quan quân và vợ con tài-sản đều không bị phạm đến mảy may nào cả. Vậy mà lũ ngươi cứ mê lú, không chịu tính xa, sao mà kiến cơ một cách chậm muộn như thế?

« Các tướng sĩ của ta ai cũng đều hăm hở muốn phá vào thành nhưng ta nghĩ thương số người vô tội trong thành vì các ngươi mà bị vạ lây, tiếng trống nổi lên, ngọc đá không còn phân biệt, bởi vậy viết mấy giòng chữ này gởi đến ».

***

GIAI ĐOẠN CHÓT CỦA CUỘC CHIẾN-TRANH GIẢI-PHÓNG DÂN-TỘC

1.— Trận Chi-Lăng :

Tin Vương-Thông bại lớn ở Tuy-Động : Trần-Hạp bỏ mạng, đại quân hao tổn rất nhiều đã chấn động cả triều Minh. Vua Minh liền phái Chinh-Lỗ Phó-tướng-quân An-Viễn hầu Liễu-Thăng, Tham-Tướng Bảo-định-bá Lương-Minh, Đô-Đốc Thôi-Tụ, Binh-Bộ Thượng-Thư Lý-Khánh, Công-Bộ Thượng-Thư Hoàng-Phúc, Thổ quan Hữu Bố-Chính-sứ Nguyễn-Đức-Huân lĩnh 10 vạn quân và 2 vạn con ngựa do đường Quảng-Tây tiến vào Việt-Nam. Một đạo khác do Chính-Nam tướng quân Kiềm Quốc-Công Mộc-Thạnh, Tham-Tướng Hưng-An-bá Từ-Hanh, Tân-Ninh-bá Đàm-Trung điều-động, gồm 5 vạn lính và 1 vạn con ngựa, đồng thời sang tiếp viện cho lực-lượng của Vương-Thông đang bị hãm tại Đông-Đô. Quân Liễu-Thăng tràn vào cửa Phả-Lũy (Nam-Quan) quân Mộc-Thạnh vượt qua cửa Lê-Hoa, tương truyền thuộc Tuyên-Quang.

Tin viện binh đến đã được mang ra thảo-luận rất sôi nổi.

Trái với ý kiến của nhiều tướng lĩnh, Bình-Định-Vương cho rằng dịp này đem hết sức mạnh để hạ Đông-Đô là hạ sách, mà đánh tan quân cứu viện được thì tất Đông-Đô không đánh cũng phải hàng. Như vậy là bắn một mũi tên được hai con chim.

Việc này được mọi người hoan nghênh, Vương liền hạ lệnh cho dân chúng các vùng Lạng-Giang, Bắc-Giang, Tam-đái, Tuyên-Quang, Qui Hóa tản-cư, áp-dụng kế thanh dã (vườn không nhà trống), các căn-cứ-điểm được sắp đặt kỹ càng để đợi viện-quân của đối-phương. Và quân giặc đến thì đánh ngay, bởi chúng được nhàn nhã sung sức tất có hy vọng chiến thắng ta dễ dàng.

Lê-Sát, Lưu-Nhân-Chú, Lê-Linh, Lê-Thụ lĩnh một vạn tinh binh và 5 con voi phục ở ải Chi-Lăng chờ quân Liễu-Thăng, Phạm-Văn-Xảo, Lê-Khả, Lê-Trung, Lê-Lý chia quân các nơi chặn giặc.

Tướng giữ ải Nam-Quan (Phả-Lũy) là Lê-Lựu (VN Sử lược chép là Trần-Lựu) thấy giặc

vừa đông vừa mạnh tự lượng không chống nổi rút về Ai-Lưu. Giặc tiến đánh Ai-Lưu, Lê-Lưu rút về Chi-Lăng. Giặc tiến đánh Chi-Lăng thì gặp phục binh của ta, Lê-Lựu ra khiêu chiến, nhử giặc đuổi theo. Nghe tiếng pháo hiệu nổ quân ta biết Liễu-Thăng và quân bản bộ đã vào đúng trận thế. Các tướng Lê-Sát Lưu-Nhân-Chú hô quân mai phục bổ vây chặt chẽ. Giặc hoảng hốt chen nhau, dầy xéo nhau mà chết. Liễu-Thăng cùng 100 quân kỵ chạy đến chỗ bùn lầy thì không tiến được nữa, bị chém ở núi Mã-Yên. Trận nầy khởi từ ngày 18 tháng 9 đến ngày 20 thì kết liễu. Chủ tướng chết cùng hơn một vạn binh-sĩ. Đạo quân tiếp ứng 3 vạn người của Lê-Lý vừa kịp đến, nhân cái đà thắng trận mà vây đánh quân Minh, chém được Lương-Minh ngày 25. Lý-Khánh lâm bước nguy kịch ba hôm sau cũng tự sát trong đám loạn quân. Phần còn lại có Hoàng-Phúc, Thôi Tụ đem tàn quân chạy về thành Xương-Giang (thành nầy xây ở xã Thọ-Xương, phủ Lạng-Giang) Nửa đường họ bị quân Lê-Sát đuổi kịp, đánh cho tơi bời. Thôi-Tụ liều chết chạy tới thành Xương-Giang thì thành nầy đã treo cờ của Việt-Quân. Chiếm được thành nầy là tướng Trần-Nguyên-Hãn. Thôi-Tụ đành phải rút lui ra ngoài đồng lập trại và đắp lũy để chống giữ.

Lúc nầy trời mưa bão, giặc không tiến được. Đêm tối Thôi Tụ cho bắn súng làm hiệu để quân trong hai thành Đông-Quan và Chí-Linh tới cứu, không biết rằng hai nơi này cũng đang lâm nguy. Bình-Định-Vương chia quân chặn hết các địa điểm thủy bộ từ cửa ải Mã-Yên, Chi-Lăng và Pha-Lũy. Trần-Nguyên-Hãn được đặc ủy chận đường vận lương của giặc. Thôi-Tụ, Hoàng-Phúc biết tiến thoái đều không có lối, xin hoà nhưng ngầm di binh đến thành Chí-Linh. Vương biết mưu gian cho Lê-Vấn, Lê-Khôi đem ba ngàn thiết quân (cảm tử quân) hợp với Lê-Sát, Lê-Lý xông vào chém được hàng vạn thủ cấp, bắt sống được Thôi-Tụ, và Hoàng-Phúc cùng rất nhiều tù binh. Thế là đạo binh của Liễu-Thăng chưa vào tới miền đồng bằng Bắc-Việt đã bị cái cảnh trúc chẻ ngói tan vô cùng bi đát.

Mộc-Thạnh đem quân tới cửa Lê-Hoa gặp các tướng Phạm-Văn-Xảo, Lê-Khả. Theo mật-lệnh của Vương, các tướng bố-trí quân mai phục nhưng không được vội giao chiến vì Mộc-Thạnh là một lão tướng giàu kinh nghiệm chiến-trường, không hành quân một cách xốc nổi, hẵn còn chờ xem sự thành bại của Liễu-Thăng.

Khi đạo quân của Liễu-Thăng bị diệt, Vương cho dẫn một viên chỉ-huy, ba viên Thiên hộ trong trong số tù binh, cùng sắc thư ấn tín của Liễu-Thăng đưa đến hành doanh của Mộc-Thạnh, Được trông rõ sự thật, bọn Mộc-Thạnh hết sức kinh hoảng bỏ chạy, bị các tướng Xảo, Khả đuổi đánh và cũng phá tan đạo quân này ở ngòi Linh-Thủy. Hơn một vạn quân Minh bị giết, ngoài những kẻ bị ngã xuống khe ngòi bỏ mạng không sao kể xiết. Mộc-Thạnh một người một ngựa trốn thoát.

2.— Quân Minh xin hòa giải.

Tới giai đoạn viện binh của Minh-triều bị đại bại, tinh thần của các đối phương còn lại ở các trấn thành càng xuống mạnh. Tướng lĩnh Minh xin quy phục gần hết chỉ còn lại 4 thành Tây-Đô, Cổ-Lộng (nền cũ của thành này còn ở làng Bình-Cách, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định) Đông-Quan và Chí-Linh vẫn ở trong tay giặc.

Đáng lẽ quân ta tổng tấn công các thành đó trong lúc quân dân của chúng ta đang thừa hăng hái, Bình-Định-Vương sai viên Thông-sự Đặng-Hiếu-Lộc dẫn Thôi-Tụ, Hoàng-Phúc và một số lớn tù binh cùng quả ấn song hổ và cờ, kiếm sổ sách đưa vào thành Đông-Quan. Trước đây bọn Vương-Thông thấy quân ta phô những khí-giới bắt được trong lúc hạ thành Xương-Giang và tuy nghe thấy viện quân thua to nhưng còn phân vân, nay được thấy hiển nhiên tình trạng của Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ thì tuyệt vọng và hoảng sợ hết sức. Bên ngoài chúng thấy Việt quân dựng đồn đắp lũy dự định công phá lại càng mất mật.

Mưu thuật này đạt được đúng kết quả mong muốn là đánh một đòn nặng vào tâm lý địch giữa lúc họ đang khủng hoảng tinh thần. Biết tình thế hoàn toàn đổ vỡ, Vương-Thông, Sơn-Thọ cử phái viên là Thiên-Hộ họ Hạ đến đại bản doanh của Bình-Định-Vương để nghị thành thực cầu hòa và xin mở đường cho chúng lui binh về nước.

Tướng sĩ và nhân dân tỏ ý không tán thành cuộc hòa giải, vì lòng người còn căm hận rất nhiều về sự tàn ngược trước đây của giặc Minh. Có người đề-nghị nhân dịp quân Minh xin hàng giết hết chúng đi.

Dư luận còn đang phân vân, Nguyễn-Trãi đưa ra ý-kiến dưới đây :

— Giặc Minh tàn bạo, nhân dịp này giết chúng đi là phải. nhưng nên nghĩ nước mình nhỏ, nước chúng lớn gấp mấy chục lần thì xung đột với chúng chỉ là sự bất đắc dĩ. Nếu mối thù ngày một thêm sâu, giặc mất thể diện lại kéo binh sang nữa thì cuộc chiến tranh biết bao giờ mới dứt được. Sao bằng chấp thuận cuộc hòa hiếu để tạo phúc cho sinh linh hai nước. Thả Vương-Thông và đồng bọn về, hẳn chúng không còn lòng nào trở sang nữa. Xem như bài biểu dấu trong thỏi sáp của y gửi về Minh-Triều, có câu : «xin thôi đừng vì một miếng đất hẻo lánh một phương mà làm nhọc nhằn quân lính đi xa muôn dặm. Bây giờ muốn đánh lại phải huy động đại quân như buổi ra đi, Đại-Tướng phải sáu bẩy người vào hạng Trương-phụ. Nhưng dù lấy lại được thì sự giữ sau này cũng khó lòng...«

Vương gật đầu khen phải, nói :« phục thù báo hận là cái thường tình của mọi người, nhưng bản tâm người nhân thì không muốn có việc giết người bao giờ, huống hồ người ta đã hàng mà còn giết thì lại càng không hay. Thỏa cái giận một lúc mà đeo cái tiếng muôn đời giết kẻ đầu hàng. Sao bằng cho muôn vạn người cùng sống để tránh cuộc chiến tranh cho đời sau lại còn được tiếng thơm lưu truyền sử xanh mãi mãi...»

Qua câu nói trên đây của Bình-Định-Vương Lê-Lợi, ta thấy rằng người xưa cũng quan niệm giết kẻ đã hạ khí giới là nhỏ mọn, tầm thường đối với đạo đức còn là điều bất nhân nữa. Ngoài ra các nhà chính-trị thuở đó cũng đã rõ sức mình, sức người nên trước đời bấy giờ cho tới sau này tiền nhân của chúng ta luôn luôn có thái độ dè dặt khiêm nhượng mỗi khi đuổi xong kẻ thù. Thái độ này thật là khôn ngoan lắm vậy.

Sau việc bàn luận này, Vương cho lập đàn thề ở phía Nam thành Đông-Quan, hẹn tháng chạp quân Minh phải về nước. Còn với dân chúng, Vương tuyên lời cáo dụ cho biết chiến-tranh đã kết liễu và nền độc lập của nước ta đã khôi phục xong.

Các tướng lãnh Minh còn lại ở các thành khi ấy là :

Tại Đông-Quan có Vương Thông, Mã-Anh, Lý-An, Trần-Trí, Sơn-Thọ, Mã-Kỳ, Phương-Chính. Tại Tây-Đô có Hà-Trung, tại Chí-Linh có Cao Tường.

Họ phải nộp lại cho quân ta bọn người Nam lính quan chức của nhà Minh cùng những binh dân bắt hiếp phải theo. Chúng ta sửa đường sá, cấp phát thuyền bè lương-thực cho họ tùy tiện hai đường thủy lục để hồi hương.

Sau ngày 21 tháng 11 năm Đinh-Mùi, Lê-Lợi cho sứ-bộ Lê-thiếu-Đỉnh và Lê-cảnh-Quang đi cùng một số tướng tá Minh bị bắt sang Trung-quốc cầu-phong. Sứ bộ mang theo chiếc Song hổ phù của Liễu-Thăng, hai quả ấn bạc của hai viên Thượng-thư, một bản danh sách ghi tên tuổi 280 viên tướng, 137 viên quan văn, 13.180 kỳ quân và 13.587 tù binh.

Ngày 12 tháng sau Vương-Thông tự động kéo quân về nước mặc dầu chưa nhận được chiếu bãi binh. Quân thủy có Phương-Chính, Mã-Kỳ chỉ-huy được cấp 500 chiếc thuyền. Quân bộ do Sơn-thọ, Hoàng-Phúc dẫn đầu được cấp đầy đủ lương thực, cỏ, ngựa, toàn bộ quan quân được tha về là 86.640 người. Tháng hai năm Mậu-Thân (1428) quân của Vương-Thông về đến Nam-Ninh mới gặp sứ-bộ của Trung-quốc do Lý-Kỳ và La-nhữ-Kỉnh mang lệnh của vua Minh về vụ bãi chiến.

Nhận-xét về chiến-cuộc đuổi Minh.

Theo các sự-kiện kể trên hai trận đánh lớn nhất đã quyết-định cuộc chiến thắng của dân-tộc chúng ta là trận Tuy-động và trận Chi-lăng. Trong hai trận này những danh tướng của địch đều có mặt. Ở Tuy-động Thượng-thư Trần-Hiệp và Nội quân Lý-Lượng rơi đầu, quân địch xéo lên nhau mà chạy, hàng vạn thây phơi trên mặt đất dài tới vài chục dặm. Trên sông Ninh-Kiều xác địch chết đuối nhiều đến nỗi làm nghẽn cả dòng nước, vũ-khí quân-dụng bị tịch-thu vô kể khiến sau đó Vương-Thông phải cho phá cả chuông Quy-điền và vạc Phổ-Minh là cổ vật rất quý của ta để làm chiến xa và đúc giáo mác. Sau này Nguyễn-Trãi đã ghi trong bài đại cáo thiên hạ :

« *Trận Ninh-Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm,*
Trận Tuy-động thây phơi đầy nội để thối ngàn thu.
Tâm phúc giặc Trần-Hiệp phải bêu đầu,
Sâu mọt dân Lý-Lượng cũng bỏ mạng».

Qua trận này ít nhất ta có thể khẳng-định rằng quân Việt ít mà quân giặc nhiều, ít lại thắng nhiều và thắng rất lớn mới đáng phục mặc dầu ta có thể hồ nghi con số quân ta đã được sử thần đời Lê đưa ra có phần quá đáng (*Đại-Việt sử-ký toàn thư, Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*). Và sau trận này tương-quan lực-lượng giữa ta và địch thay đổi và chênh-lệch rất nhiều, nghĩa là quân ta ở các nơi đổ về phía chiến-trường Đông-quan và trực chỉ Lạng-sơn đón đánh viện quân của giặc — Nhất là về tinh-thần, quân dân người Việt ta lúc này rất phấn-khởi còn địch đã chán-chường thất-vọng đến chín phần mười. Xét ra từ 1417 đến 1426 ta mới có một trận thắng lớn và oanh-liệt như vậy, oanh-liệt đến mức như báo-động cho ta một cuộc thành-công không xa xôi và cho địch một cuộc thất-bại hoàn-toàn gần cạnh nách.

Tuy-nhiên so với chiến thắng Chi-lăng năm sau (1427) thì trận Tụy-động phải nhường bước về tầm quan-trọng và chiến-lược. Quả vậy, ngày 26 tháng chạp năm Bính-ngọ (1426) vua Tuyên-Đức nhà Minh đã sai Thái-Tử thái bảo An viễn hầu Liễu-Thăng làm Tổng-binh, Bảo-định-bá Lương-Minh làm Tả-phó Tổng-Binh, Đô-Đốc Thôi-Tụ làm Tổng-binh mang 7 vạn quân sang tiếp-viện cho Vương-Thông đang bị nguy khốn trên đất Đại-Việt — Tháng ba năm sau (Đinh-Mùi 1427) Minh-đế lại gửi thêm 45.200 quân nữa tổng cộng là 115.200 tên.

Được tin viện quân của giặc sắp qua cổng ngõ, Lê-Lợi đã cương-quyết áp-dụng chiến-lược chặn đánh địch quân ngay từ ngoài biên-giới theo lối «*dĩ dật đãi lao*» (mang quân được nghỉ ngơi, thong thả đánh quân ở xa mỏi mệt tới), như vậy một khi viện quân bị diệt, bọn Vương-Thông ở trong thành Đông-Quan được tin sẽ mất mật mà ra hàng. Họ Lê không tán thành ý-kiến của các tướng-sĩ cho rằng lúc này nên đánh gấp thành Đông-Quan trước khi viện quân tới. Lê-Lợi nói : «bởi nghĩa-quân đã đánh thành này cả năm mà chưa hạ được. Sức quân có thể mệt, lòng quân có thể đã nản, nếu giặc tới, trong đánh ra, ngoài đánh vào, sự việc có thể sẽ rất bất lợi. Vậy cứ để thành Đông-Quan theo nguyên sự-trạng rồi dồn quân đánh viện-binh của đối-phương, lòng quân sẽ phấn-khởi hơn, đó mới là thượng-sách. Với kế-sách này ta làm một việc mà được hai cái lợi, thế mới là vạn toàn...».

Lê-Lợi còn giảng-giải cho ba quân : «Quân địch cậy mạnh lấn yếu, ỷ đông hiếp cô. Chúng đánh ta chỉ vì muốn lợi, chúng không có ý nghĩ cao xa (lý-tưởng) lại đi gấp ngày đêm hàng ngàn dặm. Thế là đúng như Binh-pháp đã dự liệu : «*Quân đi hàng trăm dặm mà chỉ vội nhằm lấy lợi thì viên thượng tướng tất phải kiệt quệ*». Bây giờ thừa cơ chúng mới tới, người ngựa còn đang bải hoải, ta lấy sức thong thả đón quân giặc đang nhọc nhằn, đánh phủ đầu cho chúng bạt vía kinh hồn thì làm gì chẳng thắng...».

Rồi một mặt trận lớn, được bố-trí nhử địch vào các nơi hiểm hóc tại Lạng-Sơn từ cửa Pha-Lũy đến Ải-Lưu và Chi-Lăng. Quân ta lui dần từ cửa ải địa-đầu đến vùng sình lầy và có rào lũy chống giữ từng quãng. Liễu-Thăng khinh địch đã tiến vào tử-địa, Lương-Minh theo sau cũng bỏ mạng, Lý-Khánh phải tự vận như ta thấy. Còn lại bọn Thôi-Tụ, Hoàng-Phúc vội vã bỏ chạy xuống Xương-Giang cũng bị giết hơn 5 vạn, bắt sống hơn 3 vạn, tướng tá cũng sa lưới hết. Mộc-Thạnh từ Vân-Nam kéo xuống đến ải Lê-Hoa thì nghe đại-quân của Liễu-Thăng tan vỡ gần hết mất tinh-thần luôn. Đạo quân của y bị bắt hơn một ngàn, bị giết hơn một vạn Mộc-Thạnh riêng chạy thoát.

Nay tính số ta thấy trong trận Chi-Lăng :

Bên giặc quân số đến 100.000, bên ta xấp xỉ chục ngàn. Giặc tổn thất từ Lạng-Sơn xuống tới Xương-Giang đến 80.000. Tại Tuy-Động và Trúc-Động chúng mất có 6 vạn. Vậy chiến-thắng Chi-Lăng đáng kể là vĩ-đại nhất trong suốt quá trình kháng-chiến chống Minh và trong khi thảo bài *Bình-ngô đại cáo* ta nhận thấy Ức-Trai miêu-tả khá nhiều về trận đánh này và bằng một giọng rất thống khoái.

Vì sao ? — Vì chiến-thắng Chi-Lăng đã là một nhát bút đập chí mạng vào đầu quân xâm-lược khiến chúng không còn ngóc dậy được và phải nhận mọi điều-kiện giảng hòa của ta. Vì chỉ có chiến-thắng Chi-Lăng mới đặt được Vương-Thông và quân Minh vào cái thế không hòa giải hay không đầu hàng thì sẽ không còn một mống trở về cố hương.

3) — Việc cầu-phong

Về việc cầu-phong, các nhà đương đạo thuở đó như trên đã nói, đã cố tránh sự mất thể diện cho Minh-triều nên đã đưa Trần-Cao ra làm bung-xung cho hợp với tinh-thần tờ chiếu của Vua Minh niên-hiệu Vĩnh-Lạc (1407). Minh Tuyên-Tông do lời báo-cáo của bọn quan-lại và tướng tá ở An-Nam về, cũng hiểu rõ địa-vị của Trần-Cao chỉ là một bù-nhìn, nhưng vì thất trận và thiệt hại quá nhiều binh mã nên đành giả mù giả quáng chấp-thuận việc cầu-phong cho êm chuyện, nhất là quần thần đều nhất tề tán thành cuộc bãi chiến với phương Nam.

Lễ-bộ thị-lang là Lý-Kỳ sang tuyên chiếu phong Trần-Cao làm An-Nam Quốc-Vương và bỏ tòa Bố-chính.

Tháng chạp năm Đinh-Vị, bọn Vương-Thông thất thểu về đến Long-Châu. Thấy tình trạng của binh tướng không sao gắng gượng được nữa, Minh-đế đành ban sắc dụ trả nước An-Nam và khuyên giữ theo lệ triều cống khoảng năm Hồng-Vũ ngày xưa.

Về phương diện tài liệu, chúng tôi cần chép bài chiếu cầu phong đại lược như sau :

« Khi Vua Thái-Tổ Cao-Hoàng đế mới lên ngôi, tổ tiên tôi là Nhật Khuê vào triều cống trước hết, bấy giờ ngài có ban thưởng và phong cho tước vương. Từ đó nhà tôi vẫn nối đời giữ bờ cõi, không bỏ thiếu lễ triều cống bao giờ.

« Mới rồi nhân họ Hồ thoán nghịch, vua Thái-Tông văn hoàng đế đem quân sang hỏi tội. Sau khi đã dẹp yên rồi, Ngài có hạ chiếu tìm con cháu họ Trần để giữ lấy giòng dõi cúng tế. Bấy giờ quan Tổng binh Trương-Phụ tìm chưa được khắp, đã xin đặt làm quận, huyện.

« Nguyên tôi lúc trước vì trong nước có loạn, chạy trốn qua xứ Lão-Qua, cũng là tìm chốn yên thân, không ngờ người trong nước vẫn quen thói mọi nhớ đến ân trạch nhà tôi thuở trước, lại cố ý ép tôi phải về, bất đắc dĩ tôi cũng phải theo.

« Dầu rằng trong khi vội vàng, bị người trong nước cố ép, nhưng cũng là cái tội không biết liệu xử. Mới đây tôi đã có xin lỗi trước hàng quân, nhưng không ai chịu nghe, bấy giờ người nước tôi sợ phải tai vạ, liền đem nhau ra phòng bị các cửa ải, cũng là một kế giữ mình.

« Ngờ đâu quan quân xa xôi mới đến thấy voi sợ hãi tức khắc vỡ tan. Việc đã như vậy, dầu bởi sự bất đắc dĩ của người trong nước cũng là lỗi của tôi. Nhưng bao nhiêu binh mã bắt được đều được thu dưỡng tử tế, không dám xâm phạm một chút nào.

«Dám xin Hoàng thượng ngày nay lại theo lời chiếu của vua Thái-Tông văn hoàng-đế tìm lấy con cháu họ Trần, nghĩ đến lòng thành vào triều cống trước nhứt của tổ tiên tôi ngày xưa mà xá cái tội to như gò núi ấy không bắt phải cái phạt nặng bằng búa rìu, khiến cho tôi được nối nghiệp xứ Nam, để giữ chức triều cống.

«Tôi đã sai người thân tín mang tờ biểu tạ tội và đưa trả ấn tín nhân mã tới chốn kinh sư, nay lại xin đệ tâu những danh-số ấy».

Ngoài tờ biểu này, sứ bộ là bọn các ông Lê-thiếu-Đĩnh, Lê-quang-Cảnh Lê-Đức-Huy, còn dâng các phương vật sau đây :

Hai người vàng để thay mình,

Một lư hương bằng bạc,

Một đôi bình hoa bằng bạc,

Ba chục tấm lượt,

Mười bốn đôi ngà voi,

Mười hai bình hương trầm.

Thêm vào đó ta còn nộp cho Minh hai cái dấu đài ngân, đôi hổ phù của Chinh-Lỵ phó tướng quân cùng sổ quân nhân mã đã bị bắt.

4 — Bài Bình-Ngô đại-cáo.

Giặc đã ra khỏi bờ cõi, công cuộc giải phóng dân tộc đến đây là thành công trọn vẹn. Bình-Định-Vương cử ông Nguyễn-Trãi làm bài tuyên cáo quốc dân tức là bài Bình-Ngô đại-cáo. Bài Bình-Ngô đại cáo là một áng danh văn chính-trị được ghi vào văn học sử nước nhà chẳng những người đồng thời của Ức-Trai tiên sinh phải khâm phục mà đến ngày nay văn-kiện này cũng còn được coi là một tác phẩm bất hủ. Trúc khê dịch ra văn quốc âm như sau :

Thay trời làm việc, Hoàng-thượng dạy rằng

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước vì khử bạo
Nước Đại-việt ta,
Nên văn-hiến cũ,

Non nước cõi bờ đã khác,
Bắc Nam phong tục vẫn riêng.
Cơ đồ gây dựng trải Triệu, Đinh, Lý, Trần.
Đế bá tranh hùng cùng Hán, Đường, Nguyên, Tống.
Tuy mạnh yếu từng khi có khác.
Nhưng hào kiệt chẳng thuở nào không.
Cho nên :
Lưu Cung tham công mà phải thua,
Triệu-Tiết muốn lớn càng mau mất.
Toa-đô đã bị chết ở cửa Hàm-Tử.
Ô-Mã phải bắt ở sông Bạch-Đằng.
Xét lại việc xưa
Hãy còn chứng rõ.
Gần đây nhân :
Họ Hồ ngang ngược,
Lòng người căm hờn.
Quân Minh thừa dịp hại dân,
Đảng ngụy mạnh lòng đem bán nước.
Hơ lũ đầu đen trên lửa bỏng.
Đầy phương con đỏ xuống hang sâu.
Dối trời hại dân, gian xảo đủ muôn nghìn lối,
Gây binh nhóm loạn, tàn hại trải hơn mười năm.
Nhân nghĩa vứt đi hoài, vũ trụ tưởng chừng muốn sập
Thuế mà vét cho đầy, núi khe sạch nhẵn như chùi.
Kẻ bị ép xuống khơi mò ngọc, cá nuốt sóng vùi.
Bẫy dân cạm đặt khắp nơi nơi
Vét lưới chăng từng chốn chốn.
Dẫu loài sâu bọ cỏ cây, không bề rảnh sống
Đến kẻ góa bụa cùng khổ, khó nỗi an thân
Míu mỡ dân chúng, nay xây mai dựng
Chốn châu-lý nặng nề sưu dịch
Trong xóm làng quạnh vắng cửi canh
Múc cạn nước Đông-hải để mà rửa sạch tanh nhơ
Đẵn hết trúc Nam-sơn, chẳng đủ biên ghi tội ác
Thần, người đều căm giận :
Trời đất chẳng dong tha.
Ta phát tích từ núi Lam-Sơn
Náu hình trong nơi hoang dã
Trước thù lớn làm ngơ không thể
Cùng giặc già chung sống được sao ?
Đau lòng não ruột đã ngoài mươi niên,
Nếm mật nằm gai, phải đâu một buổi !
Quên ăn, bỏ ngủ dùi mài các sách lược thao;
Xét xưa nghiệm nay, suy cứu mọi lẽ hưng phế
Đồ hồi chí định,
Thức ngủ không quên.
Giữa khi quân nghĩa nổi lên,
Chính lúc thế giặc đang mạnh
Buồn nỗi nhân tài còn ít ỏi,
Tuấn kiệt còn vắng thưa.
Chạy chọt sau trước không đủ người
Trù hoạch mưu mô càng thiếu kẻ.
Chỉ vì lòng cứu dân không nguôi nửa khắc;
Cho nên xe đãi hiền dành sẵn một bên.
Nhưng đợi người, người vẫn xa xăm
Mà việc mình, mình càng nóng sốt.
Giận tặc đồ chưa trừ khử được,
Buồn quốc bộ vẫn truân kiển hoài
Linh-Sơn lương cạn đến hàng tuần ;
Khôi-huyện quân không còn một toán.
Bởi trời muốn thử ta để trao nhiệm vụ,
Nên ta càng gắng chí để chống gian nan
Tụ tập các đám lưu dân, tay vác cần câu ra đánh giặc;
Gắn bó một lòng phụ tử, rượu hòa nước lã để khao quân.
Lấy yếu đánh mạnh, hoặc đánh lúc bất ngờ,
Lấy ít địch nhiều hoặc dùng quân mai phục.
Rút lại thì lấy đại nghĩa mà thắng được hung tàn.
Lấy chí nhân mà đè được cường bạo.
Dải Bồ-tát sấm ran chớp giật,
Miền Trà-lân trúc chẻ ngói bay.
Sĩ-khí nhân-thế càng tăng thêm,
Quân thanh nhân thế càng lừng lẫy
Một bọn Trần-Trí, Sơn-Thọ, nghe hơi mà bở vía,
Mấy gã Lý-An, Phương-Chính nhịn thở cầu thoát thân ;
Thừa thắng ruổi dài, Tây-kinh đã thu phục.
Thuận đường thẳng tiến, Đông-đô lại lấy về.
Máu Ninh-Kiều lênh láng thành sông, tanh trôi muôn dặm
Thây Tốt-Động (Chúc-Động) ngổn ngang đầy nội, nhơ để nghìn năm.
Trần-Hiệp (Hạp) là tâm phúc của giặc đã phải bêu đầu,
Lý-Lượng là sâu mọt dân ta cũng liền bỏ mạng.
Vương-Thông nhảy vào chữa cháy mà càng cháy,
Mã-Anh xông đến gỡ nguy mà càng nguy
Bó tay đợi chết, họ đã quẫn cùng,
Không đánh tự tan, ta dùng mưu thuật.
Vẫn tưởng chúng phải thay lòng đổi ý,
Không ngờ họ còn giở chuyện bày trò.
Vì ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,

Tham công-danh một buổi, để cười cho tất cả nhân gian.
Do đó thằng nhãi Tuyên-Đức (Vua Minh) nối giáo không ngừng.
Khéo sai thằng khốn Liễu-Thăng, đem dầu chữa cháy,
Đinh-Mùi tháng chín, Liễu-Thăng dẫn binh từ Khâu-Ôn tiến đến.
Năm ấy tháng mười, Mộc-Thạnh chia đường từ Vân-Nam kéo sang.
Ta đã đặt phục binh đánh cho giập đầu,
Sau lại dùng kỵ-binh, chẹn cho đứt cuối.
Ngày mười tám Liễu-Thăng bị đánh, sa cơ ở Chi-Lăng ;
Ngày hai mươi Liễu-Thăng bị thua, bỏ mạng ở gò Yên Ngựa (Mã-Yên)
Ngày hai mươi lăm, Bá tước Lương-Minh lâm nguy phải tử trận;
Ngày hai mươi tám, thượng thư Lý-Khánh cùng kế phải quyên sinh.
Ta đưa mũi nhọn rạch phăng,
Họ quay đầu giáo đánh lộn ;
Kế đó bốn mặt thêm quân để vây bọc,
Định đến trung tuần tháng mười sẽ diệt trừ.
Bèn tuyển những đội quân gấu hùm,
Và sai những bầy tôi nanh vuốt.
Voi uống khiến nước sông vơi cạn.
Gươm mài nên đá núi thủng mòn.
Một trận mà ngạc mồ kình phanh,
Hai trận mà chim tan thú giãn,
Tổ kiến lớn phá toang đê núng,
Trận gió to rung trút lá khô.
Đô-Đốc Thôi-Tụ quỳ gối xin thương,
Thượng thư Hoàng-Phúc cúi đầu chịu trói.
Lạng Sơn, Lạng-Giang thây chết nằm bề bộn,
Xương-Giang, Bình-Than, máu đỏ nhuộm lênh lang.
Gió mây đến nỗi bàng hoàng,
Nhật nguyệt ra chiều ảm-đạm.
Quân Vân-Nam bị ta chẹn ở Lê-Hoa, hồ đồ sợ bóng mà trước tự vỡ mật :
Quân Mộc-Thạnh bị ta phá ở Cần-Trạm, dầy đạp lẫn nhau mà chạy lấy thoát thân.
Lãnh câu máu chảy đầy sông, nước vang tiếng rú;
Đan xá thây trồng khắp nội, cỏ đẫm màu hoen.
Cứu binh hai đạo đã vỡ tan tành ;
Cùng khấu các thành đều cởi giáp hàng phục.
Tướng giặc bị cùm, van vì họ đã xin cho toàn mạng.
Thần võ chẳng giết, khoan - hồng ta cũng mở lượng hiếu sinh.
Bọn Tham-Chính, Phương-Chính, Nội-quan Mã-Kỳ trước được cấp năm trăm chiến thuyền, để vượt bể mà vẫn hồn kinh phách tán.
Lũ Tổng binh Vương-Thông, Tham-Chính Mã-Anh, được cấp mấy nghìn cỗ ngựa, đã về nước mà còn mặt xám mày xanh.
Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng,
Ta lấy toàn quân là hơn để nhân dân nghỉ sức
Chẳng những mưu kế đã sâu xa nhiều lắm,
Cũng là xưa nay chưa nghe thấy bao giờ.
Xã-tắc từ đây sẽ vững yên,
Non sông từ đây sẽ đổi mới
Càn-khôn đã bĩ mà lại thái,
Nhật-nguyệt đã mờ mà lại trong.
Đặng mở nền bình-trị muôn năm.
Đặng rửa vết thẹn-thùng nghìn thuở ?
Âu cũng do trời đất Tổ - tông linh thiêng đã lặng thầm giúp vì mới được thế.
Ôi !
Ba quân rong ruổi, hoàn thành công đại-định mừng nay
Bốn bể thăng-bình, bá-cáo lời duy tân từ đó.
Bảo khắp thiên hạ
Ai nấy đều hay.

Chúng tôi xin giới thiệu một bài dịch thứ hai về bản *Bình-Ngô đại cáo* của thi-sĩ Phi-Khanh bằng lối văn lục bát gián thất rất sát nghĩa và lột được tinh-thần áng danh văn trên đây để các bạn đọc được sống lại một phút hào-hứng với quá-khứ oanh-liệt của nước nhà.

Thường đã biết việc đời nhân nghĩa
Gốc nguồn cần cốt ở yên dân
Mà cờ reo, trống thúc quân
Chỉ là trừ khử bạo tàn mà nên.
Như nước ta Rồng-Tiên truyền đến
Vốn đã xưng văn-hiến từ lâu,
Sơn-hà cương-vực trước sau
Bắc Nam phong-tục khác nhau đã nhiều.
Xem như các tiền-triều vương-đế
Kể từ Đinh, Lê, Lý đến Trần.
Vinh-quang xây đã bao lần
Nước xưng Độc-lập cường lân phải gờm !
Muôn thu để danh thơm nòi giống
Cùng Hán, Đường, Nguyên, Tống một phương,
Dẫu rằng có lúc nhược cường
Song xem hào kiệt bốn-phương thiếu gì ?

Nên Lưu-Cung sợ uy mất vía
Triệu-Tiết nghe tiếng đã giật mình
Cửa Hàm, Toa hết vung vinh
Bạch-Đằng, Ô-Mã đành tình sạ cơ!
Xem xét lại từ xưa đã rõ
Lịch sử vinh chứng cớ đã đầy!
Tiếc trong nước độ mới đây.
Ngẫm xem chính sự, phiền thay họ Hồ!
Khiến muôn dân thán đồ oán hận
Để sơn hà thêm bận đau thương.
Quân Minh là lũ điên cuồng,
Kéo sang hút tủy, róc xương đồng bào.
Tàn ác chẳng bút nào tả được,
Lại lũ tà bán nước cầu vinh.
Rắp lo đời sống riêng mình,
Làm tay sai lũ giặc Minh tham tàn.
Dân đen sống muôn vàn cơ khổ
Đứa trẻ con còn đỏ không yên!
Oán hờn hơn một chục niên
Còn đâu nhân nghĩa, đảo điên đất trời!
Tiền thuế má vét thôi đà hết,
Lại bắt nào tìm vết hươu đen,
Lại nào thả lưới dò chim,
Lại nào xuống biển kiếm tìm ngọc châu.
Trên rừng rậm không đâu còn mỏ!
Loài côn trùng cũng khổ theo lây.
Điêu tàn muôn thức cỏ cây,
Điêu liên quan quả thảm thay bao người!
Loài quỷ sống uống tươi máu mỡ,
Bấy nhiêu ngày mà chửa đã no.
Xây nhà đắp đất đủ trò,
Chân tay nào phục dịch cho vừa lòng?
Phu vừa mới bắt xong lại bắt,
Lệ luật nào khe khắt gớm ghê
Bắt ra đi chẳng có về,
Bốn phương vắng lặng hết nghề cửi canh.
Tội ác, trúc trừng xanh không thể,
Ghi làm sao cho xuể thê lương,
Mênh mông sóng nước trùng dương
Không làm sao cọ sạch đường bẩn dơ!
Trời đất nào tha cho lũ ấy,
Nữa thần nhân thấy vậy mà yên?
Cho nên ta dấy nghĩa lên,
Núi Lam là chốn từng phen nương mình.
Lòng căm uất nghĩ tình sông núi,
Đã một thề không đội trời chung
Cùng phường độc ác tàn hung.
Quyết ra tay giữ non sông cõi bờ!
Chốc mười mấy nắng mưa đã trải,
Nỗi đau lòng dễ phải đôi khi,
Nằm gai nếm mật bao kỳ,
Bữa quên ăn uống chỉ vì hờn căm.
Sách lược thao bao năm ngẫm nghĩ,
Lẽ phế, hưng càng kỹ đắn đo
Đêm đêm trằn trọc canh giờ
Chỉ lo âu nỗi cơ đồ mà thôi!
Chính giữa lúc giặc trời đang mạnh,
Thời nghĩa kỳ vút cánh lên cao.
Phất bay theo tiếng gió gào,
Khơi bao uất hận, gợi bao khích lòng
Duy ngặt một điều trong buổi mới
Mấy băn khoăn là nỗi riêng ta!
Sớm mai mong lúc chiều tà
Mà nhân tài chỉ như là lá thu!
Tuấn kiệt sao thưa buổi sớm,
Chẳng ai cùng trên chốn ngược xuôi.
Ở nơi duy ác hiếm người
Chẳng ai cùng góp đôi lời bàn suy.
Đòi phen mảnh nhung y vùng vẫy
Chỉ nóng lòng về lấy Đông-Đô!
Nhưng qua mấy thuở đợi chờ,
Cỗ xe hư tả vẫn chưa ai ngồi.
Mà trông người thì người vẫn vắng.
Vẫn mịt mờ vẫn chẳng thấy ai,
Vẫn như trông vọng ra khơi,
Ngoài khơi chỉ có nước, trời mênh mông!
Thế là ta tự lòng lo cả,
Lại càng thêm vội vã như khi.
Trong giờ chửng nịch hiểm nguy
Cứu người mà có thể trì chậm ư?
Phần giận lũ hung đồ ngang dọc,
Phần thì lo việc nước khó khăn,
Chí-Linh, lương hết mấy tuần,
Lại như Khôi huyện, đội quân thiếu người!
Thì có lẽ sách Trời đã định,
Nặng giang sơn một gánh trao ta.
Bắt qua bách chiết thiên ma,
Trải xong vất-vả sẽ là thành công.
Nên ta vẫn một lòng son sắt,
Cố gắng liền bất chấp gian lao.
Quốc thù đã lấp trăng sao,
Quyết tâm rửa hận, ngại nào gió mưa!
Múa đầu gậy ngọn cờ phất phới,
Ngóng vân-nghê bốn cõi đan hồ.
Khao quân chén rượu đào-bồ,
Trỏ đường cứu nước reo hò xuất binh.

Khắp tướng sĩ một tình phụ tử,
Lòng ba quân tạc chữ đồng tâm.
Cho nên giặc mạnh gấp trăm,
Ta dù thế yếu vẫn cầm cự liên !
Chúng lại phải từng phen thất trận,
Mới hay khi căm giận tim gan !
Đem đại nghĩa thắng hung-tàn,
Lấy trí nhân đề thay quân bạo cường.
Trận Bồ-Đằng sấm vang sét dậy,
Miền Trà-Lân trúc gẫy tro bay.
Chiến công tướng sĩ đang say,
Tiếng Nam-binh lại càng lay vía thù !
Kìa Sơn-Thọ đã như mất mật,
Cùng Trần-Trí ngửa sấp chạy tan.
Lại loài Phương-Chính, Lý-An,
Vội tìm nơi đề được an thân hèn !
Đánh Tây-Kinh tan liền thế giặc,
Lấy Đông-Đô thu được cõi bờ.
Dưới Ninh-Kiều máu chẩy sô,
Bến Tụy-Động xác hung đồ khắp nơi.

Đầu Trần-Hiệp đã rơi khỏi cổ
Lại ruồi bâu thây của Lý-Lương
Vương-Thông hết cấp lo lường

Mã-Anh thôi cũng tắt đường cứu nguy !
Chúng nó đã lực suy trí kiệt
Đành bó tay không biết tính sao
Ta đây lòng rộng trí cao
Dùng mưu kế phạt lẽ nào chẳng xong !
Tưởng nó phải thay lòng đồi nhẽ
Biết luật trời, hiều lẽ tới lui
Ngờ đâu thế vẫn chưa thôi
Cố còn tìm lối kéo dài chiến chinh
Quen ỷ thế cậy mình là phải
Chỉ biết đi đồ lỗi cho người
Tham công bất quá một thời
Mà bầy trò đến muôn đời nhuốc nhơ !
Lại tên trẻ ranh như Tuyên-Đức
Phường tiều nhân có sức gì chăng !
Mà sai hai đứa Thạnh, Thăng.
Đem đồ chữa cháy lại bằng dầu bông !
Năm Đinh-Mùi giữa trong tháng chín,
Từ Khâu-Ôn, Thăng tiến binh sang.
Thạnh thì từ nẻo Vân-Nam,
Hai đàn hồ đói kéo tràn vào ta.
Trước thế nguy ta đà phòng giữ,
Tự điều binh ngăn lũ Bắc quân.
Mọi nơi hiềm yếu xa gần,
Lại sai tướng chẹn lương quân giặc trời.

Cho chúng tuyệt hết nơi tiếp viện.
Cho chúng thêm một chuyến lao đao !
Quân vây, ta đánh thúc vào,
Phá tan thế giặc khác nào chẻ tre !
Ngày mười tám trận Chi-Lăng ải,
Tên Liễu-Thăng đã phải cong đuôi.
Sống thêm đến buồi hai mươi,
Mã-Yên một trận, hết đời Liễu-Thăng.

Lương-Minh ngày hăm nhăm thiệt mạng
Lý-Khánh hôm hăm tám từ đời
Đao ta đang lúc sắc ngời,
Giáo quân giặc phải chịu lùi lại ngay !
Thêm bốn phía quân vây thành tắc,
Cùng hẹn ngày diệt giặc cường xâm.
Tướng binh nhất trí đồng tâm,
Ghi lòng thắng trận mười lăm tháng mười.
Khắp sĩ-tốt ra oai tì-hồ
Thần thứ cùng tỏ rõ trảo nha !
Nặng thù vì nước vì nhà,
Oan khiên ấy gợi tình đà mấy mươi !
Gươm mài đá, đá thời phải vẹt,
Voi uống thì sông hết nước sông !
Bao phen sôi giận đùng đùng,
Nên cùng quyết rửa cho xong căm hờn !
Đánh một trận sạch trơn kình ngạc,
Đánh hai trận tan-tác chim muông.
Gió to trút sạch lá vàng,
Kiến khơi tồ rổng sụt toang đê già.
Thôi-Tụ phải quỳ mà xin lỗi,
Hoàng-Phúc kia tự trói ra hàng.
Lạng-Sơn cho đến Lạng-Giang,
Thây phơi xương trắng ngập đàng ải quan !
Lại Xương-Giang, Bình-Than nơi đó,
Máu đỏ tươi nhuộm đỏ suối nguồn.
Ầm ầm thác đồ nước non,
Trùng trùng núi biếc táng hồn Bắc quân.
Gớm thay ! sắc phong vân cũng đồi,
Ánh hai vừng chịu nỗi mờ trong.
Binh Vân-Nam sợ run lòng,
Đến Lê-Hoa bị nghẽn không lối vào...
Quân Mộc-Thạnh làm sao nhớn nhác !
Bỏ Thăng thành tan tác chạy mau.
Thảm thay ! Suối máu Lãnh-câu
Ghê thay ! Đan-Xá đầu lâu đầy thành.
Quân hai mặt cứu binh sợ chết,
Đã cắm đầu chạy miết về xa.
Còn bao thành lũ khấu tà
Vội về cởi giáp xin ta cho hàng.

Bắt tướng giặc sai mang trị tội,
Nó đã quỳ tạ lỗi hôm xưa.
Vẫy đuôi phục lạy xin chừa,
Xét xem tình thực ta chưa nỡ nào!
Vả cũng thề lòng cao bất sát,
Nên cũng cho lũ mạt đường sinh.
Cho từ nay chúng thất kinh,
Để cho chúng biết Nam binh là gì?
Cấp Phương-Chính, Mã-Kỳ hai kẻ,
Thuyền năm trăm chiếc để hồi hương.
Thuyền ra đến giữa đại dương,
Mà lòng còn vẫn tưởng đương giữ thành!
Lại Vương-Thông, Mã-Anh hai đứa,
Cho vài ngàn cỗ ngựa lui quân.
Ngựa đã chạy khỏi Nam-quân
Mà mồ hôi vẫn toát chan khắp mình!
Chúng nó đã thật tình thú phục,
Sợ chết nên cúi nhục cầu hòa.
Xá chi ta chẳng buông tha?
Vả chăng muôn thuở đấy là lòng nhân.
Ta chỉ muốn toàn quân là cốt,
Trăm họ cùng sĩ-tốt nghỉ ngơi.
Thực là mưu kế sách trời,
Trước sau xem chửa có đời nào hơn.
Kể từ đây giang sơn mở mắt,
Kể từ đây xã tắc vững bền.
Nhật nguyệt hối lại minh liền,
Càn khôn hết bĩ đến phen thái hồi.
Nền vạn tuế xây đời chăn chắn,
Thẹn ngàn thu sạch nhẵn trơn trơn!
Cũng nhờ Trời, Đất, Tổ-tông,
Thực anh linh mới đã luôn phù-trì.
Than ôi! mảnh nhung y vùng vẫy,
Đại định nay đã thấy nên công.
Bốn phương tỏ rạng mây hồng,
Câu ca thái vũ ngoài trong vang lừng.
Hội vĩnh-thanh tưng bừng khắp chốn,
Sáo lạc hoan vang rộn từng mây.
Bình Ngô Cáo một thiên này,
Ngỏ cho dân nước đó đây biết cùng.

***

THỬ XÉT VÕ-CÔNG CỦA HƯNG-ĐẠO VƯƠNG VÀ CỦA BÌNH-ĐỊNH VƯƠNG

Từ Trần qua Lê, dân-tộc Việt-Nam trải qua hai giai-đoạn đánh đuổi quân xâm-lăng và thống-trị. Hai người anh-hùng dân-tộc đã lãnh-đạo nhân-dân chống ngoại xâm là Trần-quốc-Tuấn và Lê-Lợi.

Ai hơn, ai kém?

Cuộc chiến-tranh chống xâm-lăng và giải-phóng dân-tộc của hai vĩ-nhân lịch-sử nước nhà đã có những đặc-điểm gì khác nhau để ta phải ngẫm-nghĩ?

Hưng-Đạo vương ba phen chống quân Nguyên giữa lúc Mông-Cổ đang là một Đế-quốc đầy sinh-lực và nhuệ-khí, đang hùng-cường nhất thế-giới, làm chúa-tể trên 40 quốc-gia từ Á qua Âu, lớn là Trung-Hoa, Nga-La-Tư, Đức, Hung — nhỏ là Ba-Tư, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Kim, Liêu, Hạ v.v... Binh-đội Mông-Cổ là những chiến-sĩ nhà nghề rất thuần-thục lại can-đảm có thừa. Quân-số, võ-khí, lương-thảo, chiến-mã, chiến-thuyền vô tận.

Vậy thắng một lực-lượng đang làm bá chủ thế-giới bấy giờ, vị Đại-tướng của chúng ta phải là bậc kỳ-tài thế nào trong khi quân dân của ta quá ít ỏi, hèn kém, bỏ lâu việc chiến-đấu.

Vì vậy chiến-công của Hưng-Đạo vương rực rỡ tột-bực làm mờ cả sự-nghiệp của các hào-kiệt của các đời sau và đời trước. Nhưng nếu so-sánh Trần-Quốc-Tuấn với Lê-Lợi, nhìn vào sự thực thì ta thấy mỗi thời mỗi khác: xã-hội Việt-Nam dưới đời Trần và dưới đời Minh-thuộc khác hẳn nhau. Tuy cùng trên một lãnh-vực chiến-đấu (địa-hình địa-vật) nhưng hoàn-cảnh quốc-gia về kinh-tế, xã-hội, chính-trị, văn-hóa và tinh-thần nhân-dân không giống nhau chút nào. Hoàn-cảnh xã-hội, ai mà không nhận rằng rất có ảnh-hưởng cho cuộc chiến-đấu?

Nếu ta không xét kỹ, có thể chúng ta sẽ phê-bình một cách hàm-hồ sự-nghiệp của tiền-nhân. Đứng trước vấn-đề này, chúng tôi chỉ dám đưa ra một vài nhận-định khái-quát sau đây:

Chúng tôi nghĩ Hưng-Đạo vương chống Nguyên bằng một nước Việt-Nam đang lành-mạnh phong-phú, tinh-thần dân-tộc chưa hề qua một cuộc khủng-khoảng nào nhờ có trên hai thế-kỷ tự-do, độc-lập. Cái nhà Việt-Nam rõ-rệt trên thực-tế đối với bạo-lực của Mông-Cổ không vững chắc lắm như nhiều người đã thấy, nhưng trong giai-đoạn lịch-sử đời bấy giờ cái nhà ấy chưa bị đất động hay gió lay tức là còn nguyên-vẹn. Khi

cơn giông-tố tới. Hưng-Đạo vương một nhà tướng có tài, một chính-trị gia sâu-sắc đã khéo chuyển sức mạnh của gió đi hướng khác, nghĩa là về chính-trị và quân-sự Hưng-Đạo vương một lúc đã biết tập-hợp cùng lợi-dụng được hết thảy mọi yếu tố căn-bản của chiến-tranh là *Thiên thời, Địa-lợi, Nhân-hòa* để đánh giặc và thắng giặc; Hưng-Đạo vương đã dùng chiến-thuật du-kích, phục-kích, truy-kích đi đôi với chiến-lược «*Trì cửu chiến*» một cách khéo-léo nên chiến-pháp «*tốc chiến, tốc thắng*» của bọn Thoát-Hoan, Ô-Mã-Nhi, Toa-Đô đã đi tới chỗ tốc-bại. Họ tốc-bại vì họ không phát-triển được mọi ưu-thế của họ (quân-số đông, vũ-khí, lương-thảo sung-mãn, tài thiện-chiến, sự hăng-hái, can-đảm v. v...) rồi các nhược-điểm của họ (không quen thủy-thổ, không am-hiểu địa-hình, địa-vật, không có chính-nghĩa, binh-đội ô-hợp v.v...) càng ngày càng trở nên tai-hại cho họ ngoài việc công-phá dữ-dội của quân ta. Trái lại, quân ta càng đánh càng dẻo-dai, mạnh-mẽ; tinh-thần càng cao, lòng đoàn-kết càng chặt-chẽ. Đó là nhờ ở chỗ khéo xử-dụng mọi khả-năng cố-hữu của dân-tộc bằng cách kích-thích lòng yêu nước và gây tình thân-ái, và đoàn-kết giữa binh-tướng và nhân-dân.

Nhìn vào cuộc đánh đuổi quân Minh ra ngoài bờ cõi, ta thấy cuộc chiến-đấu với Mông-Cổ của Hưng-Đạo Vương đã xảy ra trước sau ba phen nhưng mỗi phen chỉ dài được năm bảy tháng. Trái lại, cuộc giải-phóng dân-tộc của Bình-Định vương họ Lê dưới thời Minh-thuộc đã dòng-dã 10 năm (1418-1428). Có phải Bình-Định vương thua tài kém trí Hưng-Đạo-vương chăng ?

Quyết rằng không !

Hưng-Đạo-vương và Bình-Định-vương trên đây đã nói, chiến-đấu trong hai hoàn-cảnh khác nhau. Một đằng điều bát quân-đội trong lúc dân-tộc đang lành-mạnh phong-phú, giặc lại mới xông vào cõi, chưa kịp xây-dựng nền tảng, cơ-sở. Trái lại, Bình-Định-vương dấy quân sau khi chế-độ thống-trị của triều Minh đã thiết-lập được bốn năm ròng, một cách vững-chãi, tỉ-mỉ và rất đúng phương-pháp chia để trị. Giặc đã tổ-chức đầy đủ các cơ-quan hành-chánh, các cơ-cấu quân-sự.

Cơ-quan hành-chính, tư-pháp hay nha-môn có tới 472 ty cai-trị 17 phủ, huyện, châu. Các thành-phố chia ra phường, tương. Ở các miền quê, giặc lập Lý (làng gồm có 110 hộ tức là nhà) và Giáp (gồm 10 hộ), Lý có Lý-Trưởng, Giáp có Giáp-Trưởng, như vậy một làng có tới 11 người để kiềm-soát, trông coi, chịu trách-nhiệm về mọi hành-động của nhân-dân. Ruộng đất có bản-đồ, sổ đinh, sổ điền, danh-sách gia-đình kê-khai đầy đủ mọi điều.

Để phòng xa việc loạn, giặc đặt 12 vệ-sở tức là 12 đạo quân-binh ngoài những đạo quân thường-trú ở các thị-trấn vì vậy binh-sĩ phải dùng rất nhiều. Mỗi gia-đình phải cung-cấp cho họ hai ba suất tùy miền đông người hay thưa vắng là điều xưa nay chưa từng có ở nước ta. Quân-đội nhiều, nha-môn lắm, đó là dụng tâm trói buộc dân-tộc bị trị cho thật chặt.

Trạm dịch cũng được đặt ở các nơi trên các ngả đường và nẻo sông để chuyển-vận tin-tức cùng giấy tờ.

Nhân-tài, trí-thức là những yếu-tố quan-trọng của việc trị loạn, giặc cũng hết sức lưu-tâm: những người học giỏi, hiếu-đễ, có uy-tín được trọng dụng hay đưa về Kim-lăng cho huấn-luyện chính-sách đô-hộ rồi được bổ làm quan. Thế là nhân-tài trí-thức người Nam bị giặc thâu lượm sạch.

Chưa hết ! giặc còn di phong hoán tục, nhồi sọ người Việt chúng ta bằng những cổ-thư của họ (dĩ-nhiên họ xuyên-tạc ý-tưởng của các tiền-nho, tiền-hiền) cho dân học cả nghề bói-toán, nghề phù-thủy mục-đích du-nhập các mê-tín quàng xiên theo chính-sách ngu-dân và cũng là để tiêu-diệt văn-hóa và tinh-thần cố-hữu của người Lạc-Việt chúng ta từ ngàn năm vốn được xây-dựng trên một căn-bản, tự-do, độc-lập, anh-dũng.

Văn-hóa Lạc-Việt đã bị thay đổi bằng cái văn-hóa nô-dịch; ảnh-hưởng của văn-hóa nô-dịch đã đưa con người bị trị đến chỗ nhẫn-nại, an-thường thủ-phận trong cái kiếp tôi tớ.

Ấy mới có 4 năm mà giặc đã tổ-chức tỉ-mỉ chu-đáo được đến thế đã đáng sợ chưa ? Nếu như cuộc Cách-mạng giải-phóng dân-tộc của ta chậm thêm chút nữa, hỏi đến bao giờ dân ta mới cởi bỏ nổi cái ách đô-hộ của Bắc-phương ?

Tóm lại, Bình-Định vương đã phải chống nhau với giặc trên bốn địa-điểm : văn-hóa, quân-sự, chính-trị, kinh-tế trong một lúc. Bình-Định

vương phải nhổ cây thực-dân, đế-quốc mà rễ đã ăn sâu bén rộng. Bình-Định vương chống với bọn giặc ở trong nhà đã biết rõ đường ngang ngõ tắt, chân tơ kẽ tóc. Khó-khăn hơn nữa, người nông-dân đất Lam-Sơn đã phải cướp lại dân trên tay gặc rồi đem đám dân vừa mới chiến-bại, vừa bị khủng-bố, đàn-áp đó chống nhau với giặc là một đế- quốc đang dồi-dào sinh-lực và quỷ-quyết trăm đường.

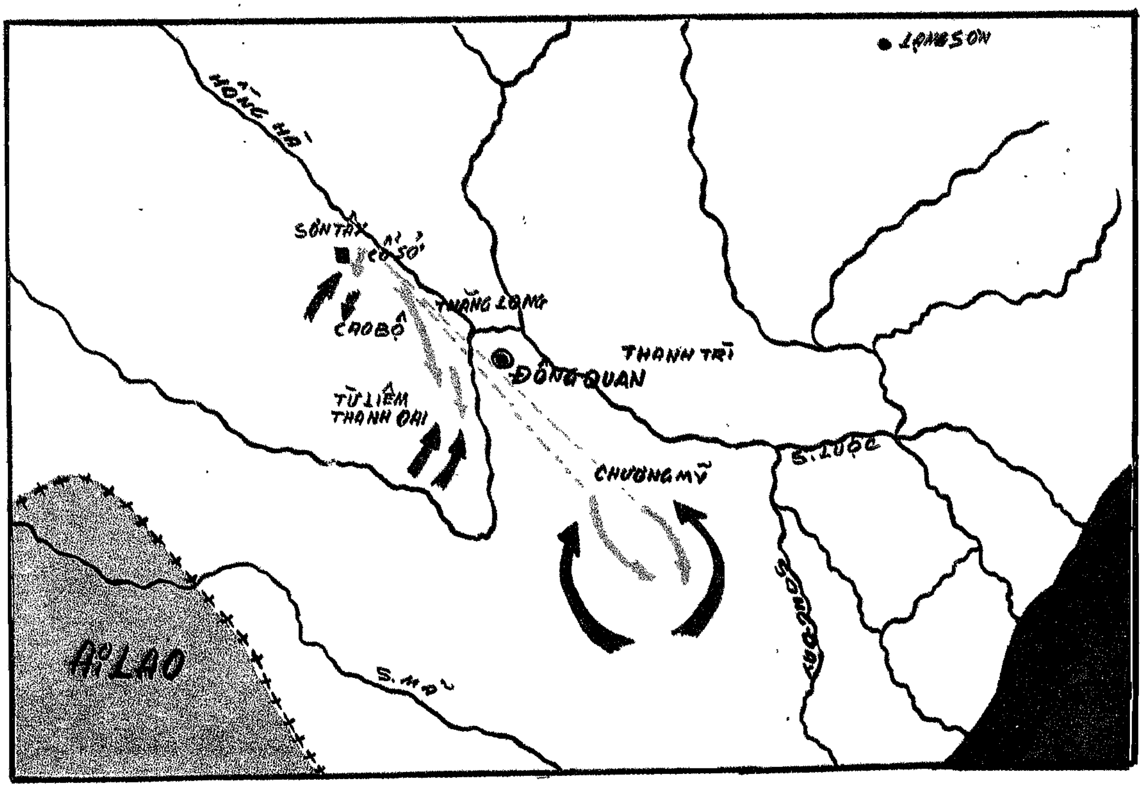
Trước cái vốn kháng địch vật-chất và tinh-thần của Hưng-Đạo vương (kho-tàng, binh-đội, quân-nhu, tướng-lĩnh, các tổ-chức chính-trị, quân-sự sẵn-sàng) có thể nói Bình-Định vương khởi-nghĩa bằng hai bàn tay trắng mà làm nên một sự-nghiệp bất-hủ. Thủ-đoạn chính-trị và phương-pháp hành-quân của hai đấng cũng tương tự như nhau chỉ khác ở hoàn-cảnh thuận-tiện nhiều ít nó chi-phối các điều-kiện chiến-đấu căn-bản.

Nếu bắc lên cân hai cuộc chiến-đấu chống xâm-lăng và giải-phóng dân-tộc, ta thấy rằng chiến-công của Bình-Định vương nếu không hơn thì cũng không kém chiến-công của Hưng-Đạo vương Trần-Quốc-Tuấn và có điều đặc-biệt nữa cuộc Lam-sơn khởi-nghĩa xét về tổ-chức và nhân-sự đã do nông-dân Việt-Nam lĩnh-đạo vì sĩ-phu, quý-tộc bấy giờ hầu hết như đã vắng mặt trên sân-khấu chánh-trị của chúng ta.

CHIẾN SỰ HẬU LÊ (Giai đoạn I)



CHIẾN SỰ HẬU LÊ (Giai đoạn 2)
(Trận Tốt-Động - Chúc-Động)



CHÚ THÍCH :

Trận Cổ-Sở : Quân Ta tiến đánh Cổ-Sở nhưng không kết quả rồi rút về Cao-Bộ.

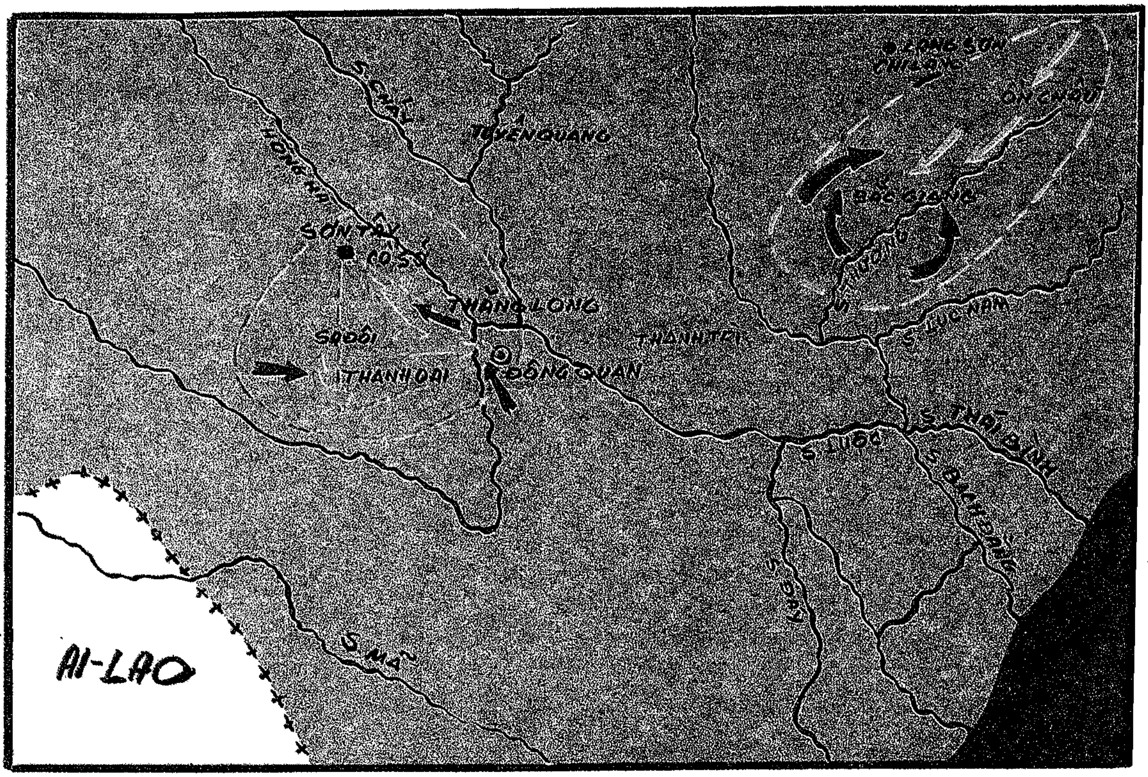
: Tổng Hành-Dinh của Vương-Thông ở Sơn-Tây bến Cổ-Sở Huyện Thạch-Thất.

: Quân Vượng-Thông tiến xuống huyện Từ-Liêm.

: Quân Lý-Triện, Đỗ-Bí tiến lên đánh – Tầu thua.

: Hai quân gặp nhau ở Tuy-Động gần sông Đáy quân Minh thua to chạy về Đông-Quan.

CHIẾN SỰ HẬU LÊ (Giai đoạn 2)
(Trận Chi-Lăng)



CHÚ-THÍCH :

Trận Thanh Oai : *– Sơn-Thọ, Mã-Kỳ đóng ở Thanh-Oai thua ở Cổ-Lãm chạy về Đông Quan, rồi lại chạy luôn về Cổ-Sở.*

Chiến dịch Chi-Lăng : *– Viện binh của Liễu-Thăng sang tới Lạng-Sơn. Chúng bị dụ tới Mã-Yên-Sơn, Liễu-Thăng bị sa lầy và bị giết. Tám hôm sau giặc chạy xuống Xương-Giang cũng bị đánh tan, các tướng lãnh bị bắt và bị giết gần hết.*

(mũi tên đen) *Quân ta*

(mũi tên xám) *Giặc Minh*

CHƯƠNG IX

NHÀ MẠC (1527 – 1667)

MỘT THẮNG LỢI NGOẠI-GIAO HI-HỮU

Cuộc chiến-tranh ngoại-giao giữa Mạc và Minh-Triều

1) Bối cảnh xã-hội Việt-Nam trước đời Mạc.

Đời Hậu-Lê bắt đầu với vua Thái-Tổ từ năm Mậu-Thân (theo tây lịch là năm 1428) đến vua Lê Uy-Mục (1504) thì mỗi ngày một suy tàn và càng trở về sau không có ông vua nào tỏ ra có tài trị dân và có đức thương dân. Họ thường say đắm tửu sắc lại còn làm những điều tàn ác vì thế giặc đã nồi lên như ong, rồi những sự thoán-đoạt cũng nẩy nở liên-tiếp. Dầu có thời trung-hưng, chánh-sự của triều Lê lại lọt vào tay cường thần thì xã-hội Việt-Nam vẫn đau khổ như thường. Hai hiện-tượng bi-đát đã xảy ra : dưới chế-độ của đời bấy giờ, nhà nước thâu sưu cao thuế nặng để lấy tiền đáp-ứng vào chỗ ăn chơi cung xa cực xỉ của nhà vua, bọn quan-lại cường-hào bóc-lột nhân-dân khiến họ bị vô cùng kiệt-quệ cùng túng rồi thôn quê kẻ chợ mất an-ninh, giặc cướp nồi lên khắp chốn. Đạo tặc đã là cái khổ nhưng nền quân-chủ đổ nát ấy còn đưa ra thêm một cái khổ khác nữa là sự tranh giành ảnh-hưởng và quyền vị của các ông chúa phong-kiến và ai nấy cũng đều lấy sự bảo-vệ dòng chính-thống ra làm tiêu-đề để huyễn-hoặc quần-chúng giữa khi họ đầy nhân-dân vào lò lửa chiến-tranh. Trong số các lãnh-tụ phong-kiến này riêng Mạc-Đăng-Dung tỏ ra thẳng thắn hơn cả là cái nhà Việt-Nam đang nghiêng ngửa không còn vá-víu được nữa ông ta đã giật đổ luôn để dựng lên một nhà khác. Ông ta không dùng các tiểu-xảo chính-trị, không lừa bịp nhân-dân. Ông coi vấn-đề thay trò đổi cảnh là điều khẩn-cấp bởi nếu những từng lớp lãnh-đạo cũng như nhân-dân không phản-ứng kịp thời, nghĩa là khoanh tay thụ-động thì nạn quốc-phá gia-vong sẽ nảy ra không với người trong nước thì cũng với người ngoại quốc. Chúng tôi muốn nói Trung-quốc luôn luôn đối với Việt-Nam là con cọp đói bao giờ cũng để ý rình mồi.

Việc gì đã khiến cho những người như họ Mạc thắc mắc rồi đi tới chỗ vén tay áo nhảy lên vũ đài ?

Vua Uy-Mục là con thứ của vua Hiến-Tông vừa bước lên ngai vàng (1505) đã giết bà tổ mẫu là bà Thái-hoàng thái hậu, hạ sát Lễ-bộ thượng-thư Đàm-văn-Lễ, Đô-ngự-sử Nguyễn quang-Bật là những người đã không tán-thành việc tôn lập một ông vua thiếu tài, thiếu đức.

Hàng ngày hàng đêm, Uy-Mục cùng cung nhân uống rượu có khi quá chén giết cả những kẻ đang cung-phụng cuộc hành lạc của mình. Ông còn thích các trò chơi đồ máu kiểu Lê long-Đĩnh là sai quân sĩ múa gậy đánh nhau chí-tử. Trong sự giao dịch với các triều thần, ông có tính phản trắc vì thế vua tôi nghi kỵ nhau cũng thêm nguyên nhân cho sự rối loạn chính-sự. Sứ Tàu phê-bình Uy-Mục-đế là « *Quỷ-Vương* ».

Mạc Đăng-Dung bấy giờ nhờ có võ-nghệ cao-cường do dịp này được trọng-dụng vào chức Đô-chỉ-huy-sứ để tổ-chức những lực-lượng võ-trang bảo-vệ an-ninh cho « *Quỷ-Vương* ». Giữa lúc này những kẻ công thần, những người lương thiện phải bỏ Uy-Mục mà đi, rồi một việc phải đến đã đến : Tháng chạp năm Kỷ-Tị (1509) người anh em con chú con bác của Uy-Mục là Giản-tu-Công tên là Oanh, cháu vua Lê Thánh-Tông, trước đây bị

giam đã vượt ngục về Tây-Đô (Thanh-Hóa) họp được các cựu thần đem binh về Thăng-Long bắt Uy-Mục và hoàng-hậu Trần-thị giết đi.

Cuộc đảo-chánh thành-công, Giản-tu-Công lên ngôi tức là vua Tương-Dực (1510).

Tương-Dực cũng không hơn gì Uy-Mục.

Ông cũng có cái tính trác-táng như người anh em của ông vừa đây. Ông bắt xuất hết của kho ra xây cái điện 100 nóc, dựng một cửu trùng-đài luôn mấy năm mới xong khiến bao nhiêu mồ hôi nước mắt của dân chúng đã phải đổ ra. Ông còn bắt chước vua Tùy Rạng-đế ngày xưa cho đóng các chiến thuyền để dạo Hồ Tây với hàng đoàn gái đẹp và phi-đạo đức thêm nữa là ông còn thông-dâm cả với các cung nhân của các tiền triều.

Các vị trọng thần như Nguyễn văn-Lang, Lương đắc-Bằng, Lê-Tung rất có nhiệt-tình với chánh-sự, can gián không nổi rồi kẻ già chết đi, kẻ trẻ thất vọng rủ nhau cáo quan về ở ẩn. Ở Kinh-Bắc một số người bất mãn với thời cuộc như Thân-duy-Nhạc, Ngô-văn-Tổng dấy quân ở Đông-Ngạn và Gia-Lâm, ở Sơn-Tây có Trần-Lâm, ở Tam-Đảo có Phùng-Chương và tại nhiều địa-phương khác cũng nẩy nở nhiều thảo-dã anh-hùng. Mạnh hơn cả và lợi hại hơn cả có Trần-Cao tại Hải-Dương, huyện Thủy-Đường, đã mang được quân về đến Bồ-Đề (bên kia sông Nhĩ-hà) uy-hiếp kinh-thành.

Sử cũ theo quan-niệm tôn quân cổ-hủ và lạc-hậu chép họ là giặc.

Mặc dầu mối loạn đã bùng cháy khắp nơi, Vua Tương-Dực vẫn không chịu mở mắt vì trước mắt ông chỉ có cung son gác tía, gái đẹp rượu ngon. Một cuộc đảo-chính thứ hai diễn ra: Quận Công Trịnh duy-Nhạc mượn tiếng đi dẹp giặc, đang đêm mang binh-sĩ trở lại hoàng thành, đột nhập cửa Bắc-thần giết được vua Tương-Dực. Ông vua này chết năm 24 tuổi, cầm quyền được 8 năm (1516).

Nối tiếp cuộc đảo-chính này là sự bất hòa giữa các lãnh-tụ phong-kiến. Trịnh duy-Sản hội các quan định lập con Mục-ý-Vương là Quang-trị mới lên tám — Võ-tá-hầu Phùng-Mại lại muốn lập Cẩm-giang-Vương tên là Ỷ cháu ba đời của vua Thánh-Tông cũng chỉ mới có 14 tuổi. Ông tướng vừa thắng-lợi trong cuộc hạ-bệ vua Tương-Dực còn đang nắm ưu-thế quân-sự và chánh-trị trong tay liền chém luôn Phùng-Mại giữa nghị-sự-đường rồi đưa Quang-trị lên ngôi theo ý muốn của mình.

Vẫn chưa yên, Trịnh duy-Đại là anh Trịnh-duy-Sản liền bắt vua xuất ngoại sau đó ba ngày nhưng vua Quang-trị vào đến Tây-kinh (Thanh-hóa) cũng bị giết.

Lúc này thêm hai nhân-vật kiệt-hiệt nữa xuất đầu lộ diện: Nguyễn hoằng-Dụ và Mạc đăng-Dung.

Nguyễn hoằng-Dụ là tướng vừa đây được mệnh-lệnh của triều-đình đem quân đi đánh Trần-Cao ở Bồ-đề, nghe bên kia sông tại kinh thành đang xẩy ra nhiều biến-cố liền mang lực-lượng của mình về đốt phá thủ-đô và bắt chém Vũ-như-Tô viên kiến-trúc-sư của vua Tương-Dực ở ngoài thành, một hành-động có tính cách tuyên-truyền hơn là thích đáng. Bọn Trịnh duy-Sản lại lập con Cẩm-giang-Vương (Ỷ) lên ngôi tức là vua Chiêu-Tông. Kinh thành lúc này đã ra tro bụi — Trịnh duy-Sản rước vua vào Thanh-hóa. Đế-đô bỏ vắng. Trần-Cao liền kéo quân sang chiếm đóng rồi xưng Vương.

Các quan lại họp nhau mang quân trở ra Đông-đô trừ Trần-Cao. Trong các tướng lãnh đi dẹp loạn lúc này có Trịnh duy-Sản, Nguyễn hoằng-Dụ, Trịnh-Tuy và Trần-Chân. Trần-Cao chống không lại quân triều liền rút lên Lạng-Sơn. Trịnh duy-Sản đuổi theo nhưng vì khinh địch bị tử trận. Giặc thắng lại quay về Bồ-đề. Trần-Chân phá được giặc bằng lối đánh tập hậu khiến Trần-Cao lại bị đẩy lui về Lạng-Sơn như trước rồi lực-lượng này mất tích dần trong bóng tối của lịch-sử.

2) Lê vong Mạc khởi.

Vẫn cái nạn vua trẻ đã gây nên tình trạng lủng củng giữa các triều-thần.

Vua Chiêu-tông còn quá ngây thơ, chưa biết gì trong nghề trị dân giúp nước nên các quan tha hồ kết bè kết đảng thao-túng chánh-quyền — Ý niệm quốc-gia trở nên quá nhẹ trong đầu óc những kẻ quyền cao chức trọng rồi bè đảng nhiều thì mâu-thuẫn cũng nhiều.

Bắt đầu là việc Hoằng-Dụ và Trịnh-Tuy.

Hai người đi đánh giặc xong trở về, mỗi người cát-cứ một nơi rồi mang quân đánh lộn. Vua ra lệnh cho họ ngừng chiến, họ bất tuân, triều-đình cũng chẳng trừng phạt nổi họ. Sau Trịnh-Tuy đến tăng-cường cho Trần-Chân, Nguyễn Hoằng-Dụ thua phải chạy vào Thanh-Hóa. (Lúc này vua Chiêu-tông đã trở về Đông-đô).

Việc thứ hai là vụ mưu phản của tướng Trịnh duy-Đại. Vụ này bị tiết-lộ, Đại và dư-đảng bị giết hết. Thấy tình-thế của mình bấp bênh như trứng để đầu đẳng trước sự hoành hành có tính cách kiêu-binh của bọn Trịnh-Tuy, Trần-Chân, Nguyễn hoằng-Dụ, vua vời Mạc đăng-Dung ra đối phó với thời-cục.

Mạc đăng-Dung được thư riêng của Hoằng-Dụ mang quân trở về thì tại triều một biến-cố thứ ba bùng ra : có người nói Trần-Chân mưu phản, vua mời Trần-Chân vào thành, đóng cửa lại và cho võ sĩ giết.

Nghe tin chủ tướng bị hại, bọn bộ-hạ của Trần-Chân là Nguyễn-Áng, Nguyễn-Kính xua quân đánh phá kinh thành, vua phải xuất bôn sang Gia-lâm và cho người vào Thanh kêu Hoằng-Dụ. Ông tướng này án-binh bất-động. Vua lại cho người sang Hải-dương triệu Mạc đăng-Dung lần nữa vì không còn ai để trông cậy.

Mạc đăng-Dung là nhân-vật thế nào ?

Mạc đăng-Dung là cháu bảy đời của Mạc đĩnh-Chi, Trạng-nguyên dưới đời Trần Anh-tông (1293-1314), quê ở Đông-Cao, một làng thuộc huyện Bình-Hòa, tỉnh Hải-Dương. Huyết-thống của ông như vậy đáng kể là cao-quý. Sau cha mẹ ông dời sang làng Cổ-Trai (thuộc huyện Nghi-Dương, tỉnh Kiến-An bây giờ). Đến thế-hệ của ông thì sa-sút nhiều nên gia-đình ông phải sinh sống bằng nghề chài lưới nhưng nhờ có chí lớn và sở-trường vũ-nghệ, họ Mạc thi đậu Đô lực-sĩ dưới đời vua Uy-Mục rồi trên hoạn-lộ, ông tiến bước dần đến tước Vũ-Xuyên bá. Ông thăng Vũ-Xuyên hầu dưới đời vua Chiêu-Tông và được giao giữ trọn binh-quyền của nhà-nước trong tay thuở ấy, sau vụ Hoàng Duy-Nhạc báo thù cho chủ (Trần-Chân) gây loạn ở Kinh-thành.

Theo một nguồn tài-liệu khác nói kỹ hơn, Mạc đăng-Dung thuộc dòng-dõi Cơ-Chất-Khiết tức là con cháu họ Cơ nhà Châu làm vua bên Trung-quốc. Gặp hồi suy-vong, nhà Châu mất nước, Cơ-Chất-Khiết về quận Trác-Lộc rồi ra làm Chấp-kích-lang với nhà Hán, có quân-công nên được tứ-tính là họ Mạc và được cai-trị đất Trịnh-Ấp. Ngày nay ở hạt Nhâm-Khâu, phủ Hà-Gián, còn có nơi gọi là Mạc-Châu, đó là chỗ phát-tích của họ Mạc. Về sau, con cháu của Mạc-Chất-Khiết đều hiền-đạt cả rồi dần dần di-cư về mé Nam Trung-quốc. Đến đời nhà Nam-Tống, họ Mạc ở đất Quảng-Đông rất thịnh. Rồi một chi họ Mạc ở Phiên-Ngung chuyển sang làng Lũng-Động, huyện Chí-Linh, Hải-Dương đến đời Mạc Hiển-Tích cũng phát-đạt.

Mạc Hiển-Tích đỗ Văn-học thủ-tuyển năm Bính-Dần, niên-hiệu Quang-Hựu triều Lý nhân-Tông, làm đến Thượng-thư.

Em Mạc Hiển-Tích là Mạc Hiển-Quan cũng đỗ Văn-học thủ-tuyển niên-hiệu Quang-Hựu, năm Kỷ-Tị, huynh-đệ đồng triều, sự-nghiệp rất là rực rỡ.

Sau năm đời đến Mạc đĩnh-Chi.

Mạc đĩnh-Chi hiệu là Tiết-Phu, người bé nhỏ, tướng mạo cực xấu nên người ta thường cho là hầu-tinh giáng thế. Mạc đĩnh-Chi thông-minh rất mực, đỗ Trạng nguyên năm Giáp-thìn niên-hiệu Hưng-Long đời vua Trần Anh-Tông, đi sứ Tàu có tài ứng-đối được phong : «*Lưỡng quốc Trạng-Nguyên*», rồi về nước làm quan đến Đại-liêu-Bang Tả-Bộc-Xa, tính rất thanh-liêm, sau xin từ chức về dạy học. (Nay ở xã An-ninh còn di-chỉ nền nhà học tức là Trạng-Nguyên cổ-đường. Làng Long-Động thờ làm Thành-hoàng).

Con Mạc-đĩnh-Chi là Mạc-Khán, Mạc-Trực đều đỗ Hương-Cống giữ chức Viên-ngoại-lang dưới đời Trần dụ-Tông (1341-1369).

Đến đời thứ tư, một chi sang đất Ma-Khê, huyện Thanh-Hà rồi lại phân sang làng Cổ-Trai, thuộc huyện Nghi-Dương. Ở Cổ-Trai hai đời thì sinh ra Mạc-đăng-Dung...

Trong việc thay trò đổi cảnh trên sân khấu chính-trị nước ta bấy giờ, ngoài việc Chiêu-Tông sa cơ bị giết, (1) còn lại Cung-hoàng, bà Thái-

---

(1). Năm Giáp-Thân (1524) Mạc-đăng-Dung vào đánh Thanh-Hóa. Trịnh-Tuy thua trận rồi chết, vua Chiêu-Tông bị bắt về giam ở Đông-Hà (thuộc huyện Thọ-Xương) rồi bị giết. Chiêu-Tông ở ngôi được 11 năm, thọ 26 tuổi.

Hậu cùng đám quan-liêu không thuận theo chiều gió mới cũng rơi rụng theo lẽ dĩ-nhiên. Những nhân-vật tuẫn-tiết bấy giờ có các ông Vũ-Công-Duệ, Ngô-Hoán, Đô-ngự-Sử Nguyễn Thái-Bạt, Lễ-bộ thượng-thư Đàm Thận-Huy, Tham-chính sứ Nguyễn Duy-Tường, Quan-sát sứ Nguyễn-tự-Cường, Bình-hồ-bá Nguyễn bá-Kỳ, Đô-ngự-sử Lại kim-Bảng, Hộ-bộ thượng-thư Nguyễn thiệu-Trị, Phó Đô ngự-sử Nguyễn Hữu-Nghiêm, Lễ-bộ tả thị-lang Lê vô-Cương hết thảy là những người có cơm dày áo nặng với cựu-triều. Những người này đã mắng chửi họ Mạc, hoặc ôm ấn nhảy xuống sông tự vẫn. Đây là một thứ phản-ứng tiêu-cực của những kẻ yếu thế hay thất thế, chỉ có thể có những hành-động tuyệt-vọng mà thôi. Một số người khác như Lê công-Uyên, Nguyễn-Ngã, Nguyễn thọ-Tường đã khởi binh ở Thanh-Hóa nhưng thất-bại. Sau có Lê-Ý nổi quân ở đất Mã-Giang mấy lần thắng được quân Mạc nhưng sau cũng bị tiêu-diệt vì khinh địch.

Sự kiện trên đây không đáng lạ, vì sự luyến tiếc một triều đại cũ đã gây ra sự chống đối một triều đại mới là lẽ dĩ-nhiên và thường luôn-luôn có trên lịch-sử, do mối liên-hệ về quyền-lợi vật-chất hay tinh-thần, mà một phần cũng do cái đạo-nghĩa chúa tôi :

« *Trung-thần bất sự nhị quân*
Liệt-nữ bất canh nhị phu »

Câu này thường hay được hiểu theo một ý-nghĩa cố-chấp.

Nhà Mạc bắt đầu từ năm Đinh-Hợi (1527) lấy niên-hiệu Minh-Đức. Mặc dầu bị một số cố-thần nhà Lê không tán-thành để giữ tiết-tháo, vừa cướp xong chính-quyền Mạc-đăng-Dung ra công thu-dụng các cựu-thần của tiền-triều, các con cháu các nhà danh-gia vọng-tộc và truy-phong cả những người tuẫn-tiết.

Theo *Minh-sử*, Mạc-đăng-Dung vừa lên làm vua, có ban bố 59 điều luật thuộc tân chính-sách để áp-dụng cấp thời về việc trị nước. Rất tiếc sử ta cũng như sử Tầu không nói rõ 59 điều của họ Mạc ra sao.

Chúng tôi nghĩ rằng những điều luật của họ Mạc đưa ra không ngoài việc thi khuyến khích ân và thị-uy đối với quốc-dân thuở đó, nghĩa là vừa để vỗ về trăm họ vừa là nêu cao chủ-trương sửa đổi chính-sự hầu chấm-dứt những sự rối ren, đổ nát từ 20 năm trước.

Đăng-Dung ở ngôi được ba năm thì theo lối họ Trần nhường ngôi cho con là Mạc-đăng-Doanh rồi về ở Cổ-Trai làm Thái-thượng hoàng. Tuy vậy, Đăng-Dung vẫn trực-tiếp điều-khiển quốc-chính, dầu không ngồi giữa triều-đình.

Năm Canh-Dần (1530) Mạc-đăng-Doanh lên ngôi lấy niên-hiệu là Đại-Chính. Doanh làm vua đến năm 1540 thì mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc-phúc-Hải. Hải lấy niên-hiệu là Quảng-Hòa.

Từ Mạc-đăng-Dung đến con cháu, triều Mạc vẫn theo đuổi những công-cuộc của nhà Lê và có nhiều thiện-chí trong việc trị-dân giúp nước. Trật-tự được phục-hồi dần, việc canh-nông được xúc tiến, việc thi-cử học-hành được tiếp tục mở mang ; Mạc lại cho đúc tiền sắt, tiền đồng để tiện-dụng trong việc mua bán. Uy-quyền của triều Mạc nhờ vậy mà thấu khắp cõi Bắc-Việt, trong khi này các lực-lượng đối-lập bị dồn hết vào Tây-đô, Nghệ-an, Thuận-hóa.

3) Một thắng lợi ngoại-giao hi-hữu.

(Vụ Trần Thiêm-Bình thứ hai trên lịch-sử Việt-Nam).

Trong lúc xã-hội Việt-nam đi dần đến chỗ ổn-định, thăng-bằng, người dân đang tu-tạo lại sự-nghiệp sau hai chục năm nước nhà lụn bại về mọi phương-diện, một bọn quan lại nhà Lê không thắng nổi họ Mạc đã dùng cái chước hèn-hạ nhất và cũng tai-hại nhất là sang lạy con cháu Minh-Thành-Tổ mang quân sang đánh Mạc. Họ chơi đúng cái vai trò vô-sỉ của bọn Bùi-Bá-Kỳ, Trần Thiêm-Bình đã làm hơn một thế-kỷ trước.

Tâm-lý của bọn trước thế nào thì với bọn sau cũng thế. Bài học lịch-sử trước đây đã ghi rằng : khi Minh cất quân sang đánh nhà Hồ có tuyên-ngôn dựng lại họ Trần, rồi khi Hồ bị diệt, Minh dở mặt lập ngay cuộc đô-hộ. Vậy với chuyến thứ hai này, con cháu Minh-Thành-Tổ sẽ tử-tế, nhân đức hơn ông cha chăng ?

Bọn Trần Thiêm-Bình chưa có kinh-nghiệm về cái dã-tâm của Bắc-phương còn tha thứ được

một phần nào, chớ bọn cố-thần nhà Lê ở thế-kỷ 16 không còn bào chữa tội lỗi vào đâu nữa.

Xét ra muôn đời bọn cõng rắn cắn gà nhà chỉ mờ mắt về cái lợi cá-nhân mà thôi, chớ đâu họ có tâm-huyết như Thân-Bao-Tư một lòng vì nước thật sự. Hoặc giả họ có trung thật thì đấy là cái thứ trung ngu-tối bởi họ không nghĩ rằng giặc Bắc một khi lọt được vào nhà thì khó mà ngóc đầu lên nổi; cái nhục 10 thế-kỷ vong-quốc trước và sau Tây-lịch, lại thêm cái nhục Minh-thuộc cuối đời Hồ dài trên hai chục năm (1407-1427) có thể quên tróng vậy ư ? Và từ đời Hậu-Trần đến đời Mạc khởi-nghiệp mới có 100 năm, tưởng những việc áp-bức bóc-lột, bạo hành của giống Hán dưới đây dầu kẻ kém trí nhớ đến đâu cũng chưa quên được. Giặc Bắc bắt dân ta những ngày mùa đông tháng giá lặn lội xuống biển sâu để tìm hạt châu, hàng đoàn người đói rách không cơm không áo mà vẫn phải vào rừng đầy hồ báo để kiếm hươu đen, chim trả, sừng tê. Chúng lại di-phong đảo-tục, sát phu hiếp phụ, thẳng tay moi gan thọc tiết các nhà cách-mạng, treo ruột người lên cành cây để khủng-bố nhân-dân... Than ôi, những hình-ảnh rùng rợn vô ngần ấy tưởng còn phải ghi-tâm khắc-cốt chứ! Nếu sống dưới chế-độ Mạc-đăng-Dung là khổ, hỏi so-sánh với cái dã-man tàn ác dưới chế-độ của giặc Minh đàng nào khổ hơn ?

Ngoài bọn người phản đối họ Mạc bằng những xuẩn-động này, một bọn người khác đàng hoàng hơn giữa thanh-thiên bạch nhật, tung gươm múa giáo, đo tài thử sức với họ Mạc bằng thực-lực riêng của mình, tuy còn phải khoác cái nhãn hiệu «*Phù Lê*» để có lớp vàng son của chánh-nghĩa. Đó là bọn Nguyễn-Kim, Nguyễn-Hoàng, Trịnh-Kiểm v.v...

Còn Minh-triều lần này, nghĩ-ngợi thế nào về vấn-đề Việt-Nam ? Cuốn An-nam *thời đại Quận-huyện chí* do tác-giả Lê-Chinh-Phụ viết : Theo *Minh-sử* cuốn 182 — Lưu-đại hạ truyện, từ vua Lê-Thái-Tổ đến Lê-Thánh-Tông, Việt-Nam là một nước hùng-cường đánh Chiêm dẹp Lào, có phen lại dám phạm biên-cảnh các tỉnh Quảng-Đông (Qnỳnh-Lôi) Quảng-Tây (Long-Châu Hữu-bình), Vân-Nam (Lâm-An, Quảng-Nam, Trấn-An) các tiền-triều Trung-quốc cũng làm ngơ. Đến đời vua Tuyên-Đức bấy giờ, triều Minh cũng không muốn gây sự với Việt-Nam nhưng Thái-giám Uông-Trực vốn được vua yêu muốn lập biên công, lấy chuyện Lê-Thánh-Tông trước đây không thành công trong việc đánh Lão-qua đã dâng kế-hoạch chiếm An-Nam (1)

Uông-Trực kiếm bản-văn kế-hoạch chiếm An-Nam (2) năm Vĩnh-Lạc đưa ra, Đại hạ-nặc không tán-thành, mật báo với quan Thượng-thư Du-Tử-Tuấn rằng : «Nếu dấy binh đánh An-Nam thì miền Tây-Nam Trung-Quốc không khỏi tơi bời trong khói lửa». Tử-Tuấn nghe ra liền bãi bỏ đề-nghị của Uông-Trực.

Vương-Miễn xưa kia phụng mệnh Minh-Đế qua khám xét việc rối ren do An-Nam gây ra tại Quảng-Đông trở về cũng xin động-binh để hạch-tội. Lê-Thánh-Tông liền bị giam vào ngục Cẩm-Y-vệ (thật đáng ngạc-nhiên là không thấy cuốn sử Việt-Nam nào nói đến vụ này). Đây là những sự việc đã xảy ra về quá-khứ.

Chiếu xét các việc trên đây ta thấy triều Minh rất kiêng nói đến vấn-đề biên-giới phương Nam (hẳn là do vang bóng các chiến-công diệt Minh của vua Lê-Thái-Tổ) rồi cái tâm-lý ấy đã hiện ra trong bài biểu của Đại-học-sĩ Từ-Phổ như sau :

«Chúng tôi được biết Hoàng-đế rất có lòng nhân, không phân biệt Di, Hạ. Nhưng trộm xét : *Xuân-Thu truyện* có nói đấng vương-giả không trị di-địch, vậy việc ngự di và trị nước không cùng, nước An-Nam tuy theo chính-sóc quan-chức nhưng vẫn là ngoại-di, cậy có thế hiểm hay chống lại thiên triều nhưng thường được các liệt thánh bỏ qua (!)

«Chúng tôi lại thấy trong *Tổ-huấn* chép : «Mọi rợ bốn phía đều ngăn sông cách bể, ở hẻo lánh xa-xôi, được đất của họ cũng không đủ tốn-phí, được dân của họ cũng chẳng đủ sai-khiến, nếu họ không lượng sức mà làm bậy, xâm-phạm biên-cảnh của ta chỉ chuốc lấy điều tai-hại mà thôi; còn ta đánh dẹp là điều không nên, e con cháu

---

(1) Việc này không đúng vì Vua Lê-Thánh-Tôn, trái lại có đánh Lão-Qua và thành-công. Uông-Trực đã nghe lầm hay cố ý đưa ra tin thất-thiệt để khuyến khích việc xâm lăng mà chính y cũng có nhiệt ý.

(2) Nước ta bị gọi là «An-Nam» kể từ đời Đường tới Minh, Thanh.

sau này cậy giàu mạnh, ham chiến-công nhất thời vô-cớ hưng-binh sẽ tổn hại sinh-mạng dân chúng. Lời khuyên bảo của liệt-thánh thật là quảng-đại, xác đáng cho vạn thế, huống chi ngày nay binh mã của ta mạnh yếu thế nào chưa rõ, hao tổn tiền bạc nhiều để chiếm mảnh đất không cỏ mọc chẳng là làm một việc vô ích thì lại càng không nên...»

Ngự-giao-ký quyển 8 chép :

Bọn Từ-Phổ coi nước An-Nam là ngoại-di, đất An-Nam không cỏ mọc, việc đánh An-Nam là vô-ích. Họ quên rằng từ đời Tống trở về trước Giao-Chỉ đã nội thuộc Trung-quốc hơn ngàn năm. Trong khoảng thời gian dài dằng-dặc này An-Nam chịu một chế-độ chính-trị, văn-hóa như các quận huyện đời Hán. Là một đại-học-sĩ mà không hiểu biết một thực-sự trong hơn một ngàn năm Lịch-sử há chẳng là điều quái gở sao ?

«Năm Hồng-Đức thứ 8 (?) tháng 6 mùa hạ, quan Trung-thư nói về An-Nam như sau :

Đất An-Nam ở tận phía Tây-Nam, gốc không phải là đất Hoa-hạ, phong-tục riêng biệt, nếu gọi là xứ mọi rợ thì các rợ khác khó sánh kịp, có thể nói trái lại, An-Nam là một nước văn-hiến nên lấy lễ-độ mà dẫn dắt...»

Nam-giao-ký quyển 3 viết : Đức Minh Thái-Tổ chửa từng có ý coi An-Nam thuộc các rợ. Lời *Tổ-huấn* mà bọn Từ-Phổ đã nêu ra là : « Mọi rợ bốn phương trong đó không có đất An-Nam là đúng, vả lại từ Hán đến Đường, trải qua các triều-đại khác đều cho đất Giao, Quảng là vùng đất phì-nhiêu, tại sao đời Minh lại quan-niệm Giao-Chỉ khác Hán, Đường ...? »

Ta có thể kết-luận rằng dưới đời Minh một số triều thần chán việc binh cách với Việt-Nam lại sợ trách-nhiệm bởi thuở đó nước ta đang hùng mạnh nên nói nước ta là đất cỏ không mọc được, người chẳng đủ sai khiến, của cải chẳng là bao nhiêu chỉ là để làm nản lòng tham của cái triều-đình vốn nặng đầu óc thực-dân, đế-quốc. Thực ra một số khá nhiều người Minh rất hiểu nước ta ở chỗ văn-hiến, kiêng nể chúng ta ở chỗ quật-cường và không dám xử với ta như các dân mọi rợ. Đó là điều vô cùng vinh-hạnh cho nòi-giống Việt-Nam.

Đến đời Minh Thế-Tông (1522-1566) con mắt của Bắc-phương lại bắt đầu dòm ngó về phương Nam vì họ biết nước ta đang có biến lúc ấy.

Năm Gia-Tĩnh 15, mùa Đông nhà vua sinh hoàng-tử, theo lệ thường ban chiếu cho các nước phụ-thuộc biết để mừng. Lễ-bộ là Hạ-Ngôn trình : « Nước An-Nam bỏ cống từ hai chục năm nay... », nhà vua có ý bất bình và có lẽ trong thời-gian này một số vong thần nhà Lê đã trốn sang Bắc-Triều cáo tỏ việc đảo-chính của Mạc-đăng-Dung nên nhà vua quyết-định xuất-binh « hỏi tội ». Vua ra lệnh cho Ngôn họp bàn với Binh-bộ để tổ chức việc xâm-lược; một mặt cho hai quan Cẩm-Y qua xét tình-hình Việt-Nam, một mặt sắc-chỉ cho quan trấn các tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam chỉnh đốn quân lương đợi ngày hưng sự. Các tỉnh Tứ-Xuyên, Hồ-Quảng, Phúc-Kiến, Giang-Tây cũng phải dự-trữ các thứ quân-nhu lương-thực để cung-cấp cho đoàn quân viễn-xâm.

Xin nhắc rằng trong dịp Vua Minh Thế-tông đem vấn-đề Nam-xâm ra thảo-luận, một số người đã không tán-thành công cuộc này, đó là Hộ-bộ thị-lang Đường-Trụ người Quỳnh-sơn dâng sớ trình bầy bảy điều không nên dụng binh mà chỉ nên dụng chính-trị với cơ mưu như sau :

1) Các bậc đế-vương trước không lấy cách trị Trung-quốc để trị các man dân cho nên không đánh An-Nam, điều này có ghi trong Tổ-huấn (1)

2) Vua Thái-Tông đã diệt Lê-quý-Ly (tức Hồ-quý-Ly), tìm dựng con cháu họ Trần không được mới đặt nước An-Nam làm quận, huyện để cai-trị, sau bị người bản-thổ quấy nhiễu làm hao quân tổn tướng nên đức Chương-Hoàng-Đế noi theo chí liệt-thánh mà không giữ lấy nước này nữa, ngày nay cũng nên nối tiếp việc cũ.(!)

3) Mọi rợ bên ngoài phân tranh là điều phúc cho Trung-quốc (tức là Trung-quốc được yên) như vậy họ lục-đục với nhau mặc họ, ta dây vào thêm hại người hại của, để lấy cái oai nhỏ mọn, cắt tâm phúc và tứ-chi, việc chỉ có bất lợi mà thôi.

---

(1) Tổ-huấn hẳn là những sách lược của các vua trước để lại cho đời sau làm kim chỉ Nam trong các vấn-đề nội-trị và ngoại biên.

4) Nếu bảo nước Nam gần Trung-quốc, nên lúc nước này có loạn mà dẹp đi thì hãy xét việc Mã-Viện Nam-xâm, tiến sâu vào tận Lãng-Bạc sĩ tốt chết quá nửa mà việc lập cột đồng trụ làm bờ cõi cuối cùng thì lại lập gần phủ-Tư-Minh (1) ngày nay. Người nước Nam nay hàng mai phản, mỗi lần đánh dẹp phải huy-động tới vài chục vạn quân, xuất tài lực luôn một hai chục năm mới được thêm mươi quận huyện thì chỉ là chạy theo một hư danh lại có khi thất bại nữa, vậy xin xét việc trước để làm gương.

5) Bảo họ Mạc không triều cống mà «Vấn tội» thì cũng không ổn (2) họ có mang phương-vật để dâng hoàng-đế nhưng quan trấn ngoài cõi lấy cớ tên họ không phù hợp với vương triều An-Nam đã được thừa nhận nên không cho vào, nếu đem điều đó ra trách thì lời không thuận.

6) Dấy quân tức là cần lương thực, binh sĩ, hiện nay Tứ-Xuyên lo việc thái mộc, Lưỡng-Quảng tuy có trừ-bị vài mươi vạn quân nhưng đã bị hao về việc Sầm-Mãng ở Điền-Châu, lại thêm phải khởi công xây-dựng nhiều việc lớn lao, số quân này bị trưng-dụng vào các việc đó, nay hưng binh thì nơi nào cung-cấp người và của ?

7) Miền Bắc hiện nay càng ngày càng mạnh, quân tướng ngoài biên luôn luôn làm phản, dầu phía Bắc có tạm yên nhưng khi Nam-xâm rủi có sự bất-chắc ai chịu lỗi đó ?

Rồi tác-giả bài sớ : «*Bảy điều không nên*» xin bãi bỏ việc đánh dẹp, cho rằng nếu được là cái may lớn cho thiên-hạ.

An-Nam truyện quyển 203 — *Phan-Trân truyện* chép : ngoài Đường-Trụ còn có quan thị-lang Phan-Trân dâng sớ can bị vua mắng quở, cách chức đuổi về. Con Trân là Đán làm Tổng-Đốc Lưỡng-Quảng cũng dâng sớ nói : «Mạc đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê cũng như nhà Lê cướp ngôi họ Trần vậy ; nếu Đăng-Dung chịu dâng biên nộp cống thì đối với quốc thể của ta nghĩ cũng đủ vậy».

Tuần-Án Ngự-sử tỉnh Quảng-Đông là Dư-Quang cũng có lời tâu về Minh-triều như trên cũng bị trách tội và tước bổng.

Xét ra các biên thần của nhà Minh không ai tán-thành việc đánh An-Nam, phần họ ở cạnh nước ta hiểu rõ hùng khí của nước ta, phần họ thấy sẽ phải vất-vả và tốn hại nhiều nếu chiến-tranh xảy ra tương lai lại sẽ rất bấp-bênh. Chỉ riêng vua Thái-Tông và lũ triều-thần bên cạnh ở xa không thấu-đáo sự thật nên không ngớt lòng than ; binh-bộ thượng thư là Trương-Toản tuy sợ phật ý vua Thế-Tông nhưng vẫn không đưa ra một quyết-sách nào. Rồi sau này người ta chỉ chờ có cơ-hội nào tốt là nêu ngay đề nghị bãi binh.

Minh sử quyển 103 cũng nói : Tuy có nhiều người can-ngăn vấn-đề đánh An-Nam bàn đi bàn lại hàng tháng, rút cục vua Minh Thế-Tông vẫn muốn nối chí Minh Thành-Tổ là chiếm nước Nam để làm quận huyện như cũ.

Rồi Bộ-Lễ ! và Bộ-Binh đã ra chỉ-thị cho các tướng lãnh viễn-chinh như sau :

— Nêu tội giết vua cướp nước của cha con Mạc-băng-Dung làm cớ hưng binh.

— Cừu-Loan làm đô-đốc, Mao-Bá-Ôn làm tham-tán quân-vụ phụ trách việc đánh dẹp.

— Hồ-Liên, bộ-hộ thị-lang và Cao-Công-Thiều đi đốc thúc quân-lương ở các tỉnh Vân-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây.

— Đô-Đốc Kiểm-sự Giang-Hằng và Ngưu-Hằng làm tả hữu tổng-binh được đặt dưới quyền xử-dụng của Cừu-Loan và Mao-Bá-Ôn.

Mùa thu năm thứ 19 đời Minh Thế-Tông đoàn quân xâm-lăng lên đường qua nước ta.

Quân đội của Cừu, Mao tới Nam-Quan ngừng lại. Họ cũng tung ra lời hịch như bọn tiền bối (3)

(1) Trồng cột trụ ở Tư-Minh là việc của Mã-Tổng con cháu Mã-Viện. Đường Trụ, nhầm ở chỗ này, còn chính cái cột đồng của Mã-Viện dựng thì ở giáp Lâm-ấp (Chiêm-Thành) ngày nay không còn dấu-tích đâu nữa. Xin coi Việt-sử Tân-biên quyển 1 đoạn nói về nhà Trưng.

(2) Nhà Mạc quả không có nạp cống. Hộ-bộ thị-lang Đường-Trụ nói vậy để tăng cường lý-luận của mình mà thôi. Trái lại Lễ-bộ Hạ-Ngôn cũng đã nói nước Nam bỏ cống từ 20 năm (trang 25)

Ngay sử của hai triều Lê, Nguyễn đối lập với nhà Mạc cũng không hề ghi rằng nhà Mạc có mở cuộc giao-thiệp với Tàu và xin nạp cống trước khi nhà Minh ra quân.

(3) — Tiền bối nói đây là Trương-Phụ, Hoàng-Phúc...

của họ chan chứa lòng thương dân An-Nam và họ Lê rồi hứa ai bắt được cha con họ Mạc sẽ được thưởng hai vạn lạng bạc và quan tước. Bề khác họ đưa thư cho Mạc đăng-Dung đòi phải đem sổ sách điền thổ sang nộp thì được tha khỏi chết.

Theo *Việt-Nam sử lược* (trang 273) : « Đến tháng 11 năm Canh-Tí (1540), Mạc Đăng-Dung thấy quân Minh sửa soạn sang đánh, sợ hãi quá chừng, bèn để Mạc-Phúc-Hải ở lại giữ nước, rồi cùng bọn Vũ Như-Quế cả thảy hơn 40 người, tự trói mình đề ra hàng, sang chịu tội ở Nam-Quan, lạy phục xuống đất đề nộp sổ điền-thổ và sổ dân-đinh lại xin dâng 5 động : là động Tê-Phù, động Kim-Lạc, động Cổ-Xung, động Liễu-Cát, động La-Phù và đất Khâm-Châu. Mạc còn đem vàng bạc dâng riêng cho nhà Minh... »

« Quan nhà Minh tuy làm bộ hống-hách nói đem binh sang đánh nhưng cũng sợ phải vạ như mấy năm bình-định ngày trước, và lại được tiền bạc của Đăng-Dung rồi, cái lòng vị-quốc cũng nguội đi cho nên mới tâu với vua Minh xin cho Mạc đăng-Dung làm chức Đô-Thống-Sứ hàm quan nhị-phẩm nhà Minh... »

Một sự-kiện cần được chú-ý đề hiểu rõ thái-độ của triều Mạc khi nhà Minh sai Cừu-Loan và Mao-bá-Ôn đem quân sang Việt-Nam vào năm Đinh-Dậu tức là năm 1537 (ba năm trước khi Mạc đăng-Dung thân gặp các đại-thần Minh triều) lúc nghe tin Minh dấy quân, triều Mạc chỉ cử một phái đoàn ngoại-giao do Nguyễn-văn-Thái cầm đầu. Sử không chép phái đoàn này thu xếp cách nào mà việc binh giữa Tàu và ta lại êm hẳn được ba năm rồi tới năm Canh-Tý (1540) lại thấy Minh đem lực-lượng võ trang sang ta.

Về phía Minh-đế, ta thấy có chi tiết này đáng kể : Minh-triều buổi đầu quả cương-quyết diệt Mạc đề cướp nước Nam nên năm Đinh-Dậu (1537) đã cử Đô-Đốc Cừu - Loan và Tán - lý quân - vụ Mao-bá-Ôn sang ta. Hai ông này thuộc loại danh-thần, danh - tướng của họ. Trước khi Mao lên đường, vua Minh đã tặng một bài thơ lời lẽ rất trang-trọng, đầy kính mến và khuyến-khích.

Nguyên-văn bài thơ đó như sau :

Đại-tướng Nam-chinh đởm khí-hào,
Yên hoành thu-thủy nhạn linh-đao.
Phong-xuy đà cổ sơn-hà động,
Điện-thiểm tinh kỳ nhật nguyệt cao.
Thiên thượng kỳ-lân nguyên hữu chủng,
Huyệt trung lân nghị khởi năng đào,
Thái-bình đãi chiến qui lai nhật.
Trẫm dữ tiên-sinh giải chiến bào.

Lược dịch :

Đại-tướng Nam-Chinh khảng-khái sao,
Lưng đeo sáng quắc nhạn linh-đao.
Gió lay trống trận sơn-hà động,
Chớp nhoáng cờ đồn nhật-nguyệt cao.
Trời thẳm kỳ-lân sinh giống sẵn,
Hang sâu kiến cỏ trốn đàng nào ?
Thái-bình khi chiếu đòi về nước,
Trẫm cởi dùm ông chiếc chiến bào.

Cừu Mao đem quân sang đóng gần cửa Nam-quan rồi cũng theo lối Trương-Phụ trước đây cho truyền hịch đi các nơi kể tội cha con Mạc đăng-Dung và hứa phong quan tước và thưởng hai vạn bạc nếu ai bắt được họ Mạc. Bề khác bọn tướng lãnh Tàu đưa thư sang cho Mạc đăng-Dung đòi nộp sổ sách ruộng đất và nhân-dân sang nộp sẽ tha cho khỏi chết.

Mạc đăng-Dung cho Nguyễn-văn-Thái sang sứ, ta đã thấy ở trang trên đây.

Việc ngoại-giao của nhà Mạc thành-công nghĩa là ngăn được cuộc binh-đao giữa hai nước cho tới tháng 11 năm Canh-Tí (540) quân nhà Minh mới tiến sang và sửa soạn cuộc xâm nhập vào nội-địa nước ta.

Lần thứ hai này có lẽ tình thế gay go hơn trước nên Mạc đăng-Dung thân cầm đầu phái-đoàn gồm cụ trạng Giáp-Hải, bọn Vũ-như-Quế cả thảy hơn 40 người lên cửa Nam-Quan.

Tương truyền Mao bá Ôn với cụ trạng Giáp-Hải của nhà mạc đã trao đổi thư ngầm dò xét thái-độ của nhau. Trên đường ngoại-giao Hoa-Việt, việc này gần như một thủ-tục đặc-biệt vốn có trước khi định-đoạt chiến hay hòa. Sử chép không rõ ràng cuộc chiến-tranh bằng miệng lưỡi và tâm-lý này đã xảy ra với phái đoàn Nguyễn-văn-Thái hay với phái-đoàn Mạc đăng-Dung, theo thiển ý có lẽ với phái-đoàn dưới thì đúng hơn.

Nguyên xướng của Mao bá-Ôn với thi đề : Vịnh cánh bèo (1).

Tùy điền trục thủy mạo ương châm,
Đáo xứ khan lai thực bất thâm,
Không hữu bản căn không hữu can,
Cảm sinh chi tiết cảm sinh tâm.
Đồ tri tụ xứ ninh tri tán.
Đãn thức phù thì ná thức trầm.
Đại đế trung thiên phong khí ác,
Tảo qui hồ hải tiện nan tầm.

Lược dịch :

« Ruộng nước lênh đênh nhỏ tựa kim,
« Nơi nơi trông thấy mọc nông mềm,
« Đã không cành cỗi còn không gốc,
« Dám có rễ mầm lại có tim.
« Nào biết nơi tan duy biết tụ,
« Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm.
« Giữa trời giông tố thình-lình nổi,
« Quét sạch ra khơi hết kế tìm.

Đại-biểu nhà Mạc đã trả lời :

Cầm lân mật mật bất dung châm.
Đới diệp liên căn bất kế thâm,
Thường dữ bạch vân tranh thủy diện,
Khẳng giao hồng nhật trụy ba tâm.
Thiên tùng lãng đả thành nan phá,
Vạn trận phong xuy vĩnh bất trầm.
Đa thiểu ngư long tàng nghiễn lí,
Thái công vô kế hạ câu tầm.

Lược dịch :

Vầy gấm khen dày chẳng lọt kim,
Lá liễu dễ mọc kệ nông mèm.
Mây bạc không cho soi thủy diện,
Ánh hồng đâu dễ dọi ba tâm.
Sóng dồn ngàn lớp không xô vỡ,
Gió rập muôn cơn khó đánh chìm,
Rồng cá ít nhiều nương dưới đó,
Cần câu Lã-vọng hết mong tìm.

Sau cuộc gặp-gỡ này Minh-triều bãi-binh và phong cho Mạc-đăng-Dung chức Đô-Thống-Sứ như đã nói và nhà Mạc nhường cho nhà Minh 5 động ngoài biên-giới Việt-Nam sự thực là động Tê-phù, Kim-bạc, Cổ-xung, Liễu-cát La-phù kể cả Khâm-châu. Ở việc này cóđiều sai lầm vì đời Lý đã định biên giới với Trung-quốc mấy trăm năm trước thì Khâm-châu là một địa-hạt lớn đã từ lâu thuộc về lãnh-thổ Trung-Quốc).

Có thể nói rằng đây là một thắng-lợi ngoại-giao đặc-biệt của nhà Mạc vì cùng đứng trước một trường-hợp mà nhà Minh đã quyết đánh nhà Hồ, trái lại, Minh đã lui quân và chịu thông-hiếu với nhà Mạc. Tránh được một cuộc chiến-tranh với một đại-cường giữa lúc trong nhà gặp cảnh huynh-đệ huých tường, nhân-dân bạc-nhược mà chỉ mất ít vàng bạc và 5 động biên-giới, quốc dân Việt-Nam và nhà làm sử hẳn không còn muốn đòi hỏi gì hơn nữa !

*
* *

VỤ ÁN MẠC ĐĂNG-DUNG

Mạc đăng-Dung là một nhân-vật chính-trị bị sử thần hai đời Lê, Nguyễn chỉ-trích rất nặng nề.

Theo cáo-trạng của Trần Trọng-Kim trong Việt-Nam sử-lược (trang 274) : « Mạc đăng-Dung đã làm tôi nhà Lê mà lại giết vua để cướp ngôi. Vậy là người nghịch-thần. đã làm chủ một nước mà không giữ lấy bờ cõi, lại đem cắt đất mà dâng cho người, ấy là một người phản-quốc. Làm ông vua mà không giữ cái danh-giá cho trọn-vẹn, đến nỗi phải cởi trần ra trói mình lại, đi đến quỳ lạy trước cửa một người tướng của quân nghịch để cầu lấy cái phú-quí cho thân mình và một nhà mình, ấy là một người không biết liêm-sỉ.

« Đối với vua là nghịch-thần, đối với nước là phản-quốc, đối với cách ăn ở của loài người là không có nhân-phẩm : một người như thế ai kính phục ? cho nên dẫu có lấy được giang-sơn nhà Lê, dẫu có mượn được thế nhà Minh bên vực mặc lòng, một cơ-nghiệp dựng nên bởi sự gian-ác hèn-hạ như thế, thì không bao giờ bền chặt được. Cũng vì cớ ấy mà con cháu họ Lê lại trung-hưng lên được ».

---

(1) Với đầu đề « Vịnh Bèo » Mao-bá-Ôn đã có ý khinh thị triều Mạc, hắn họ Mao muốn ví dân ta mỏng mảnh như cánh bèo mà Trung-quốc là giông tố. Giữa trời đánh tan cánh bèo biệt-tích như chơi. Mao không ngờ đại-biểu của triều Mạc trả lời họ một cách hào hùng, ngạo nghễ không kém. Ta có thể nghĩ rằng chính bài thơ họa vần này với cái hùng khí của nó đã làm cho Trung-quốc hoảng-sợ mà chịu bãi-binh và tất nhiên Mạc-đăng-Dung có mặt ở đó, để quyết-định thái-độ thì trạng giáp Hải mới dám cương-quyết ăn miếng trả miếng.

(2) Trong bài lược-dịch trên có chữ Liễu ở câu 2 thất luật và chữ Tâm ở câu 4 hơi ép vận. Vì trọng quyền của dịch-giả Lê-văn-Hoè nên chúng tôi phải để nguyên theo chính bản.

Xét bản cáo-trạng và cả lời luận tội của tác-giả V.N.S.L. ta thấy có vẻ dễ-dàng và quá giản-dị khiến ta ngạc-nhiên về lối suy-luận của họ Trần, một nhà nho kiêm cả tân học. Căn-cứ vào cuốn sử nào mà Trần trọng-Kim đã hạ những nhát búa quá nặng nề đối với nhà Mạc, một triều đại mà ta không thể phủ-nhận tinh-thần phục-vụ quốc-gia của nó ? Trên tuần báo *Đời Mới* năm 1951, ông Lê-văn-Hòe có viết một bài khảo-luận khá đầy đủ để thân oan cho Mạc đăng-Dung. Họ Lê đã tỏ ra có công tâm và sáng-suốt trong vụ này.

Theo ông Lê thì cả sử Tàu lẫn sử ta đã vô-tình hay hữu ý, hữu-ý có bề nhiều hơn trong việc miệt-thị đối-phương. Đó là cái thông-bệnh của một số sử-gia cận-đại ở nước ta mà các sử-gia Âu-châu gần đây cũng không tránh được ; sử Tàu đã chép hai Bà Trưng bị quân Đông-Hán bắt được xin làm tì-thiếp không xong rồi bị đem về chém ở Lạc-Dương, bà Triệu thị-Trinh thì bị gọi là Triệu-Ẩu (chữ Ẩu đã phô bày rõ sự hằn-học cục-cằn của sử-gia Tàu khi nói đến một nữ anh-hùng cách-mạng của một địch quốc).

Sử ta như *Việt-sử toàn-thư*, *Đại-Nam thực-lục* là những cuốn sử do chúa Trịnh sai chép từ đời Lê trang-Tông đến Gia-Tông.... đến sử của triều Nguyễn thì lại càng dễ hiểu. Họ Mạc đã thí vua Chiêu-Tông, đã đầu độc Nguyễn-Kim tổ phụ của họ Nguyễn, tóm lại Mạc là kẻ thù số một của cả Trịnh lẫn Nguyễn luôn từ 1527 đến 1592. Hai bên đều nhúng tay vào máu của nhau khá nhiều thì các sử-thần của Trịnh và Nguyễn há dám giữ mực vô tư chăng ? Dưới thời quân-chủ độc-tôn, phong-kiến tuyệt-đối, đa số các nho thần chỉ biết uốn mình theo giòng tư-tưởng của nhà vua, nhà chúa thì ta không lạ gì nếu họ Mạc bị bôi nhọ và sự-nghiệp ngót 150 năm của Mạc-triều bị lãng bỏ để lu-mờ với thời-gian.

Chúng ta hãy đi vào các chi-tiết : Mạc đăng-Dung bị buộc là nghịch-thần, vì giết vua cướp nước, cắt đất dâng địch, thiếu liêm-sỉ, nhân-phẩm, gian-ác nện không được bền vững lâu dài.

Ta hãy mở dần cuốn sử đời Hậu-Lê coi đoạn nói về các vua Túc-Tông, Uy-Mục, Tương-Dực, Chiêu-Tông. Ta thấy các ông vua này hầu vừa bước lên ngai vàng đã chém giết lẫn nhau, đồng thời sát hại cả các đại-thần. Dĩ nhiên việc này phải xảy ra vì mỗi ông vua hay ông hoàng thường có một phe nhóm riêng, do đó một khi có việc thay bậc đổi ngôi thì nhiều kẻ tay chân thành nạn-nhân của thời-cuộc.

Vua Uy-Mục còn giết cả bà Thái-hoàng thái-hậu (chết theo có hai đại-thần Đàm văn-Lễ, Nguyễn-quang-Bật).

Giản-tu-Công giết Uy-Mục để rồi làm bao nhiêu chuyện hoang dâm vô đạo khác, xây cất nhiều điện đài, phí-phạm công-nhu và nhiều sinh mạng.

— Có thể nói thời đó là một thời không đại loạn chăng ?

— Ai chịu trách-nhiệm đã gây các mối loạn này ?

— Các ông vua trên đây có còn xứng với địa-vị nguyên-thủ của mình nữa chăng ?

Hậu-quả của những hành-động trên đây là triều-đình từ đó bị một cuộc khủng-hoảng tinh-thần liên-miên và mãnh-liệt. Quan to, quan nhỏ hoang-mang, dân chúng cũng lo sợ, ai cũng thảng thốt sợ đến lượt mình bị lôi kéo vào các cuộc tranh giành ảnh-hưởng, địa-vị. Rồi các việc trên đây thành một cái rớp. Nó mở đường cho bao nhiêu cuộc phiến-động khác, bởi căn-nguyên : Thượng bất chính, hạ tác loạn.

Ngoài các kẻ bị chết, có kẻ chẳng oan, còn lại mấy nhân-vật khác không kém quan-trọng, đó là Trần-Chân, Mạc đăng-Dung Nguyễn Hoằng-Dụ v.v.. Là những nhân-vật có đầu óc, có khí cương-cường và cũng có cả quyền bính. Tất nhiên các con người ấy dầu muốn dầu không, đã phải có một thái-độ nào đối với thời-cuộc, chớ không chịu ép trong cái thế bị-động. Họ biết rằng nếu nằm ép trong cái thế bị-động thì chắc chắn phải đi tới chết uổng. Họ còn nghĩ rằng thời có loạn, anh-hùng mới có dịp thi-thố tài ba xây-dựng sự-nghiệp, những sự khó khăn là những chuyện thử-thách phải vượt qna...

Tâm-lý của những anh-hùng thời bây giờ là vậy ; đến phụ-nữ dưới đời Trần như bà Bích-Châu quanh năm ở trong chốn phòng the, khi thấy việc nước rối ren cũng điên đầu sốt ruột phải lên tiếng đòi canh-cải quốc-sự, cô gái chăn chiên Jeanne d'Arc ở nơi đồng-bãi của nước Pháp thời trung-cổ còn không khoanh tay nhìn các nạn

quốc-phá gia-vong thử thời, huống hồ những tu-mi, nam-tử. Nhiều nghĩa-sĩ, anh-hùng, vĩ-nhân hào-kiệt, đã xuất đầu lộ diện ở Trung-Hoa dưới đời Xuân-thu, chiến-quốc không ngoài lý-do này. Xã-hội đã loạn mà ta muốn sống trong cái thế tĩnh được sao !

Vì vậy Mạc đăng-Dung chẳng xuất-hiện vào giờ phút này tất nhiên cũng có kẻ khác bước ra để làm một cuộc cách-mạng triều-đình. Và nói cho cùng họ Mạc không ra tay cũng không xong vì vua Chiêu-Tông đã mật với Phạm-Hiến, Phạm-Thư hạ sát họ Mạc vừa trừ xong nhiều vụ loạn đời bấy giờ (loạn Trịnh-Tuy, Trần-Cao, Lê-Do, Hoàng-Duy-Nhạc v.v...) bởi dẹp xong các vụ loạn này thanh-thế của Đăng-Dung bốc lên như gió, dù Đăng-Dung muốn hay không muốn,

Tóm lại vào thời các vua Tương-Dực và Uy-Mục, Hoàng-gia đã suy-đốn, hôn-ám, vô-đạo, thác-sinh đủ mối loạn, trên không ra trên dưới không ra dưới, nghi ngờ mà giết nhau, hoang-mang mà hại nhau, người làm tôi không còn biết đặt chữ «*Trung*» vào đâu hết.

Tác-giả Nho-giáo cũng là họ Trần, đã từng giảng-giải rất rành-rẽ hai chữ *Trung* và chữ *trinh* giờ đây có lẽ đã quá thiên về lý-thuyết không nhìn vào các tội ác của mấy ông «*quỷ-vương*» nhà Hậu Lê nên đã khép Mạc đăng-Dung vào tội nghịch-thần.

Ông Lê-văn-Hoè trái lại, nói : «*Muốn họ Mạc cúc cung tận-tụy thờ các vua Uy-Mục, Tương-Dực thật là bắt Võ, Thang thờ Kiệt-Trụ*» Và triều Lê rối loạn hai chục năm rồi Mạc đăng-Dung mới bước lên sân khấu để thay trò đổi cảnh kể ra đã chịu nghe ngóng lòng người, xét-suy thời cuộc nên tới năm Đinh-Hợi mới tự lãnh vai trò hoán-cải chánh-sự, không thể bảo là vội vã và thiếu thận-trọng.

Ông Lê còn nói nếu giết vua là nghịch-thần bất kể trường hợp hữu-lý hay không hữu-lý thì lịch-sử của các quốc-gia hẳn chỉ có và chỉ nên có một dòng họ làm vua mà thôi chăng ? Lý-công-Uẩn cướp ngôi nhà Tiền-Lê, Lê-Hoàn thông với Dương-Hậu thay thế nhà Đinh, Trần thủ-Độ lừa dối một cô gái nhỏ (Lý-chiêu-Hoàng) xét họ Mạc cướp ngôi nhà Hậu-Lê còn đàng-hoàng hơn. Hạ sát vua Chiêu-Tông, Mạc chỉ có mục-đích hủy bỏ cái bình-phong mà các lĩnh-tụ phong-kiến đã dùng để che-đậy hành động mưu đồ vương bá của họ và còn vì lý-do bảo-vệ cho chính bản thân mình nữa.

Và đứng trên lập-trường nhân-dân, theo quan-niệm «*Dân vi bản, Dân vi quý, Quân vi khinh, Xã-tắc thứ chi*» thì lại càng vô lý nếu người ta muốn rằng đám vua quan ác bạo, thối nát đời bây giờ cứ đè đầu cưỡi cổ người dân mãi mãi.

Xin nhắc lại :

Không có họ Mạc ra đời thuở đó, thì trong nhân-dân cũng phải có một số người khác nhảy ra để thiết-lập trật-tự mới. Có bao giờ trong một quốc-gia chỉ có một dòng họ duy-nhất xứng-đáng để làm vua, còn những dòng họ khác chỉ đủ tư-cách làm thứ-dân mà thôi. Chỉ có những tôi-tớ của phong-kiến mới có luận-điệu tôn quân mù-quáng ngu-xuẩn như trên.

Đáng buồn cười là mấy nho-thần viết sử đã thiếu lý-luận và nhận-xét thực-tế cứ luôn luôn đem chữ *Trung* và *Trinh* ra đọc như kinh nhật-tụng, dạy người ta Trung, Trinh một cách bừa-bãi, bất kể Trung, Trinh phải tùy trường-hợp. Nói cách khác, cuộc sống của con người vô cùng phức-tạp, mỗi chặng đường đi phải có một quan-niệm xử thế riêng, đâu có thể lúc nào cũng Trung và Trinh một cách máy móc và phải chăng cái sở-học lạc-hậu của thời phong-kiến tai hại là ở chỗ này ?

Tác-giả Kim-Vân-Kiều là Nguyễn-Du cũng nặng về giáo-lý Khổng-Mạnh mà còn có câu :

«*Xưa nay trong đạo đàn bà*
«*Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường :*
«*Có khi biến, có khi thường*
«*Có quyền nào phải một đường chấp kinh...*»

Thì ta thấy tuy Nguyễn-Du không làm sách dạy người ta Trung, Trinh mà ông hiểu chữ Trung, Trinh rất là khoáng-đạt, tinh-tế và có lẽ vì thế nên đứng giữa triều Nguyễn sau này ông đã có cái tâm-sự :

«*Bó thân về với triều đình*
«*Hàng thần lơ láo phận mình ra chi...*»

Còn tác-giả V.N.S.L. đã vô-tình hay hữu-ý hiểu chữ «*Trung*» ở một khía cạnh gò bó, chật hẹp, lựa theo thời-thế mà kết tội Mạc đăng-Dung là «*thoán nghịch*» còn bởi lý-do nào khác chăng ?

Ngoài ra nếu chẳng là lầm lẫn thì ta thấy một số sử-thần đã sợ uy-quyền độc-đoán của vua nên không dám phát-biểu một cách thẳng-thắn quan-niệm Trung, Trinh, Hiếu, Nghĩa, e bị ngờ vực hay buộc tội là có manh-tâm, dị chí. Cũng có thể họ còn mềm yếu vì các thành-tích chói lòa của mấy ông vua Thái-Tổ, Thế-Tổ nên con cháu các ông ấy dầu xấu xa thế nào họ cũng cố bênh-vực. Họ quên rằng cái cảm tình đó trên thực-tế thường rất nguy hại cho quốc-gia dân-tộc hay làm như vậy là phản tiến-hóa của xã-hội.

Nay ngược lại chúng ta thử đặt giả thuyết « Nếu họ Mạc hết lòng phù trợ con cháu vua Thái-Tổ nhà Hậu-Lê thì sao? » Đó là một giả thuyết chúng tôi đã từng nêu lên trong chương bàn về Hồ-quý-Ly.

Một thời đại hỗn loạn như thời Tương-Dực-đế, Uy-Mục-đế, hoàng-gia cũng kéo bè kéo đảng các triều-thần tướng lĩnh cũng năm lòng bảy dạ, chẳng ai tin ai thì dầu Mạc đăng-Dung thiết-tha phò Lê diệt ngụy có được chăng? Mạc dẹp xong các mối loạn, quy phục được các lực-lượng phiến-động, tất nhiên uy-tín lên cao thì bao nhiêu kẻ ghét ghen xúm nhau dèm pha khiến họ Mạc dầu muốn hay không cũng phải bước từ thế thủ qua thế công, nhất là có sẵn phương-tiện trong tay. Nói cho phải ở địa-vị của họ Mạc, không ai làm khác hơn được.

Còn việc cắt đất cầu hòa của Mạc?

Để bãi một cuộc chiến-tranh với một cường-quốc trong khi dân mình yếu hèn và có nội tranh, Mạc phải cắt năm động Thổ, Mán vùng thượng-du, thật ra chưa là bao. Đây không hơn không kém là cái lối cũ Tần hiến ngọc báu và ngựa quý cho nước Ngu, Hán Cao-Tổ nhường đất Quang-Trung cho Hạng-Vũ khi xưa để hòa-hoãn với địch trong một giai-đoạn. Trong lịch-sử cổ kim Đông, Tây, chuyện này rất thường. Ngay gần đây, năm 1854, Nhật phải mở hải-cảng Hạ-Điền, Châu-Quan cho Mỹ-quốc, mở Deshima cho Hòa-Lan vào giao-thương và gượng gạo đón chào cả Pháp, Bồ-Đào-Nha cùng một dịp.

Năm 1876, Nhật mạnh sau cuộc Duy Tân, đến lượt Nhật bắt Triều-Tiên mở ba hải-cảng cùng đặt Ngoại-trị pháp-quyền. Trung-quốc với nhà Thanh gần đây phải cắt Hương-cảng cho Anh, nhường Mãn-Châu cho Nhật, đó là chuyện yếu phải nhường mạnh, có hiếm gì hôm qua cũng như hôm nay!

Về cận-đại, Nguyễn-vương (Ánh) cần được Pháp cứu-viện để đánh Tây-Sơn có cho giám-mục Bá đa-Lộc mang hoàng-tử Cảnh và quốc thư gồm 14 khoản trong đó có việc nhường cho Pháp cửa Hội-An, đảo Côn-Lôn và độc quyền thương-mại chỉ cốt xin có 1500 quân-sĩ và mấy chiếc tàu cùng súng ống đạn dược, như vậy, có là cắt đất dâng ngoại bang và rước giặc vào nhà không?

Nay so với việc nhường 5 động Thổ, Mán ngoài biên của họ Mạc để mưu hòa-bình cho đất nước, ai đáng chê trách?

Tóm lại trên trường chánh-trị quốc-tế, việc nhường đất để giảng-hòa, để bãi một cuộc binh-đao tai hại hơn, các nhà lãnh-đạo vẫn phải làm. Nhà viết sử không chiếu xét kỹ tình thế mà cứ hạ lời phê-phán gắt gao không khỏi có sự cố-chấp, nông-cạn đáng tức cười.

Trái lại, không lượng sức mình mà đưa cả một dân-tộc vào chiến-tranh đến nỗi mất cả xứ sở, chết chóc muôn ngàn sinh mạng, đó mới là xuẩn-động và đáng trách. Tại đây chúng ta cùng suy-tưởng: cái bại trận dưới đời nhà Hồ chưa đủ cho ta rút kinh-nghiệm sao? Nước ta dưới đời Uy-Mục, Chiêu-Tông có nên có một chính-sách găng trì với nhà Minh không? Nếu nói rằng không thì Mạc đăng-Dung nhường năm động ngoài biên là có ý-thức sáng suốt về thời-vụ và đó là một hành-động khôn khéo cần được tán thưởng.

Ngoài việc nộp năm động V.N.S.L. còn nói Mạc đăng-Dung cởi trần, tự trói mình trước cửa viên của địch có thật chăng? Sử nào chép chuyện này?

Chúng tôi e rằng việc này đã căn-cứ vào tài liệu « *An-Nam truyện* » quyển 231 có nói đến quyết-định của vua Minh thế-Tông là « Nếu cha con họ Mạc chịu trói và quy hàng thì sẽ tha tội chết ». theo chúng tôi đây chỉ là một cách nói mà thôi cũng như câu « Bó Giáo Lai Hàng » còn trên thực-tế miễn là có sự qui-thuận của đối-phương chớ có bao giờ người ta áp-dụng triệt-để hình-thức này. Trái lại, nếu người ta bắt được kẻ địch tự trói ra hàng thì kẻ đó khó mà thoát chết

(tỷ-dụ trường-hợp tướng Phạm-Ngô-Cầu giữ thành Thuận-Hóa cho họ Trịnh năm Bính-Ngọ (1786) thấy quân Tây-Sơn mạnh quá vội xe áo quan và trói mình xin hàng thì bị Nguyễn-Huệ đem về giết ở Qui-nhơn).

Nay xét tình-trạng và tâm-lý của Mạc đăng-Dung thuở đó có thể có chuyện tự trói mình trước cửa viên của Mao Bá-Ôn không ?

Chúng tôi quyết đoán rằng không, bởi vì lúc này trong nước có lực-lượng của vua Lê Trang-Tông và Nguyễn-Kim đang dấy động, bên ngoài thì quân Minh đang ngấp-nghé, họ Mạc dại gì mà nghe giặc tự cùng nguy-hiểm có thể tiêu-tan sự-nghiệp như chơi. Nếu bảo Mạc đăng-Dung là con người quỷ-quyệt thì con người đó có thể tin giặc để trói mình dễ dàng như thế chăng ? Chắc rằng không bởi nếu giặc dở mặt thì còn gì nữa !

Về việc này ông Lê-văn-Hòe viết như sau : «... Chính-trị quân-sự đâu có phải vì một việc «cởi trần trói mình» mà giải-quyết được, Mạc đăng-Dung và tướng Minh đâu lại ngây thơ đến thế ! ».

Qua Lịch-Sử, ta thấy người Việt rất nghi-ngờ đế-quốc Trung-Hoa và nghi-ngờ là phải, vì ta quên sao được, trước đây chuyện 5 người con của Sĩ-Nhiếp đã dại nghe lời Lữ-Đại, tướng nhà Đông-Ngô ra hàng rồi cả 5 anh em cùng quyến thuộc đều bị giết hết. Nhà Nguyên sau khi bãi chiến với vua Trần-Nhân-Tông đòi Nhân-Tông sang chầu vẫn bị kiếm cớ từ chối ; nhà Minh với vua Lê Thế-Tông, nhà Thanh với vua Quang-Trung sau này cũng đều bị phản-ứng cách này hay cách khác. Vua Lê Thế-Tông trong khi tranh-chấp với họ Mạc vào tháng 3 năm Bính-Thân (1596) bị nhà Minh mời lên họp ở Nam-quan một lần mang 10.000 quân, một lần mang đến 50.000 quân để tự-vệ. Vua Quang-Trung thì cho Phạm Công-Trị làm giả-vương thay mình sang triều-cận vua Thanh.

Tóm lại càng ở hoàn-cảnh của Mạc đăng-Dung bấy giờ sự nghi ngờ lại càng lớn. Do đó chúng tôi nghĩ rằng không có chuyện Mạc đăng-Dung tự trói mình để hàng giặc.

Một chứng có nữa về sự khôn ngoan của Mạc đăng-Dung là khi Mao Bá-Ôn đưa thư sang đòi Mạc nộp sổ sách ruộng đất, nhân-dân và chịu tội thì được tha chết như *Việt-Nam Sử-lược* đã chép, Đăng-Dung chỉ có phái bọn Nguyễn-văn-Thái lên Nam-Quan mà thôi, việc này xảy ra vào năm Đinh-Dậu (1537).

Phái đoàn Nguyễn-văn-Thái thành-công nên Bắc quân không tiến vào nội-địa nước ta nữa.

Rồi tháng 11 năm Canh-Tị (1540) quân Bắc lại sang. Lần này họ Mạc biết rõ tình ý của nhà Minh chỉ hư-trương thanh-thế mà thôi nên có thân lên gặp người Minh. Sự thực đôi bên cần giáp mặt nhau để cùng quyết-định mọi vấn-đề đã nêu ra ba năm trước mới có tính cách đại-cương và sơ-bộ mà thôi.

Một điểm khác, ngoài điểm tâm-lý của Mạc đăng-Dung trong việc đụng chạm với người Minh thuở ấy đã nói khá nhiều ở trên, còn thái-độ của Mạc-đăng-Dung cũng cần phải xét để hiểu Mạc-đăng-Dung có hèn như *Việt-Nam Sử-lược* đã nói không. Ta xem bài thơ xướng họa giữa Mao Bá-Ôn và cụ trạng Giáp-Hải nhà Mạc thì càng rõ. Kẻ xướng có vẻ kiêu-căng, người họa cũng không kém phần ngạo-nghễ.

« *Nào biết nơi tan duỷ biết tụ*
« *Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm*
« *Giữa thời giông tố thình lình nổi,*
« *Quét bạt ra khơi hết kế tìm !*
(Mao Bá-Ôn)

« *Sóng dồn ngàn lớp không xô vỡ*
« *Gió rập muôn cơn khó đánh chìm*
« *Rồng cá ít nhiều nương dưới đó !*
« *Cần câu Lã-vọng hết mong tìm !*
(Trạng Giáp-Hải)

Để kết-luận việc này chúng tôi nghĩ rằng tuy Trung-Quốc Xuân-Thu chiến-quốc vốn có phong-tục kẻ bại trận tự trói mình và trần vai áo ra hàng nhưng Mạc đăng-Dung không đến nỗi lâm phải nhục này. Vậy dầu sử Tàu có chép chăng nữa cũng chẳng đáng tin, và bàn rộng thêm ra nếu sự-kiện này có ghi trong sớ Tàu của Mao Bá-Ôn thì cũng chỉ là chuyện thêu dệt về phần Mao để vuốt-ve lòng tự-ái của triều-đình và để đề-nghị bãi-binh cho dễ. Bề khác đề-nghị này có thể còn nhắc thêm rằng «*Trung-quốc chưa hề bao giờ đắc ý ở phương Nam*» thì nay mở cuộc đao binh với An-Nam chưa dễ đã thắng lợi, nên dùng ân uy mà đối với họ Mạc

thì hơn. Thực ra nếu triều Mạc không đủ uy-thế, dân-tộc chúng ta không có một quá-khứ oai-hùng (sau cuộc điều tra của quân-đội Mao Bá-Ôn) thì đại-binh của Mao Bá-Ôn đang đóng tại Nam-Quan đâu có thể vì món vàng bạc hối lộ của Mạc đăng-Dung mà rút về quá dễ-dàng như vậy. Mao có thể một mặt bắt chém cả bọn họ Mạc ngay bấy giờ, một mặt tiến ngay binh vào nội dịa An-Nam với danh nghĩa «*phù Lê khử bạo*» để đền đáp lòng kỳ-vọng và trang trọng của Minh-đế đối với mình trước khi ra đi như ta đã thấy.

Xin coi bài thơ họa của nhà Mạc đã đáp lại bài nguyên xướng của Mao Bá-Ôn ở tận từng điểm đủ rõ, nếu Minh quá găng thì Mạc cũng dám đo gươm thử giáo. Chúng tôi cho rằng thái-độ của Mạc không hèn như người ta đã gán cho, nên lần đầu Mạc chỉ cử phái đoàn ngoại-giao Nguyễn-văn-Thái ra mắt quân Minh, sau này hiểu rõ thái-độ của các tướng lãnh nhà Minh, Đăng-Dung mới tự mình xuất-hiện để mở đường cho cuộc hòa-hiếu được kết-liễu tốt đẹp.

Một điểm chót cần phải xác-định về lời phê-phán của Trần Trọng-Kim cho rằng Mạc đã xây dựng sự-nghiệp trên sự tàn ác nên không bền.

Đấy là một lời ngụy-biện để cưỡng-bức sự thật hoặc rất trắng trợn, hoặc rất ngây thơ, Lê-văn-Hòe cho rằng người ta đã cố ý quên rằng nhà Tiền-Lê, nhà Hậu-Lý, nhà Trần và các Chúa Trịnh sau này cũng đi đường lối ấy. Các xã-hội phong-kiến bao giờ cũng gây ra những cuộc đảo-lộn ngôi vàng. Nó hư hỏng ngay từ nền tảng, khuôn nếp hay hệ-thống tổ-chức thì mối loạn là một tình-trạng thường-trực không sao tránh được, nếu không, làm gì có nhà Đường, nhà Nguyên, nhà Minh bên Trung-Quốc.

« Nếu cho rằng nhà Mạc đã làm việc ác thì Trần-Thủ-Độ âm-mưu với Trần-Thị (vợ vua Lý huệ-Tông) đem cháu trai vào cung nữ-chúa bầy cuộc hôn-nhân để chiếm ngôi nhà Lý. Thủ-Độ lại lấy vợ của Huệ-Tông là em họ mình, giết hết con cháu nhà Lý, ép vua Trần-Thái-Tông bỏ Chiêu-Hoàng lấy chị dâu là vợ Trần-Liễu, (anh ruột Trần-Cảnh) đã có thai ba tháng, ra lệnh cho con cháu họ Trần lấy nhau, các hành-động có gian ác không ? Vậy mà họ Trần còn làm vua được 175 năm.

« Nhà Tây-Sơn sau này dấy nghiệp lên trừ tham-nhũng của Trương-phúc-Loan, đạp đổ chế-độ đồi bại của hai họ Trịnh, Nguyễn ở miền Nam Bắc-hà, giải nạn xâm-lăng cho dân-tộc, oanh-liệt, đường-hoàng như vậy mà chỉ ở ngôi có 24 năm, có nói được là bền chăng ?

Nhà Mạc phát khởi từ năm 1527 đến 1667 mới tuyệt hẳn. Nhìn vào các việc mở mang văn-học chính-trị, kinh-tế, ta thấy họ Mạc cũng đã có nhiều thiện-chí với dân với nước và với sự lâu bền trên đây bảo rằng dân không theo, không mến sao được. Tiếc rằng nhà Mạc khởi nghiệp chưa lâu, trong nước đã có phong-trào qua-phân Nam-Bắc rồi nước Việt-Nam ở vào thế chân vạc (Trung-Nam-Bắc). Bắc thuộc Mạc, Trung từ Thanh tới Nghệ thuộc Lê-Trịnh, Nam từ Thuận-Hóa trở vào thuộc Nguyễn gây nên bao nhiêu cuộc lộn xộn để rồi cùng mang tội với quốc-dân.

Tóm lại cái án Mạc đăng-Dung cần phải xóa bỏ trên bộ quốc-sử của chúng ta để tránh một sự vu-hãm và thóa-mạ tiền-nhân một cách bất-công và vô-lý. Chúng tôi tin rằng các trí-thức và học-giả ngày nay xét việc hay bày tỏ sự việc không hàm-hồ như một số sử-thần của các thời phong-kiến vừa qua.

CHƯƠNG X

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

Những cuộc đổ máu mà nhân dân Việt-Nam không chấp nhận

Sa-Đéc
Friday, March 4, 2016

Nhà Mạc ra đời được 5 năm thì gặp phải sự đối lập của Nguyễn-Kim con Nguyễn-hoằng-Dụ. Nguyễn-Kim làm quan Hữu-Vệ Điện-tiền tướng-quân, An-thành-hầu một thời trốn sang đất Cầm-Châu (Ai-Lao) rồi tìm được con rốt của vua Chiêu-Tông tên là Duy-Ninh lập lên làm vua tức vua Trang-Tông.

Nguyễn-Kim có một người rể có tài thao lược tên là Trịnh-Kiềm sinh quán ở Sóc-sơn, huyện Vĩnh-lộc, phủ Quảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

Đến năm Canh-Tí (1540) cái triều-đình lưu vong này gây được một lực-lượng quân-sự về đánh Nghệ-An và 3 năm sau chiếm được cả Nghệ-An lẫn Thanh-Hóa.

Năm Ất-Tỵ (1545) hàng tướng nhà Mạc, nguyên Tổng-trấn Tây-Đô Dương-chấp-Nhất đánh thuốc độc khiến Nguyễn-Kim chết và từ đó ảnh-hưởng của triều-đình miền Nam lọt hết qua tay Trịnh-Kiềm.

Nước ta bấy giờ bị chia ra hai vùng : từ Thanh-hóa vào đến Thuận-hóa tức Đàng trong thuộc nhà Lê tức Nam-triều ; từ Thanh-hóa trở ra Bắc tức Đàng ngoài thuộc Bắc-triều do nhà Mạc cai-trị.

Năm Bính-Ngọ (1546) Mạc-phúc-Hải qua đời truyền ngôi cho con là Mạc-phúc-Nguyên, niên hiệu Vĩnh-Định. Hai năm sau (1548) vua Lê-trang-Tông cũng mất, thái-tử Duy-Huyên kế tiếp được 8 năm tức là vua Trung-Tông.

Trung-Tông mất, Trịnh-Kiềm muốn nhân con cháu nhà Lê không còn ai, thuộc dòng chính thống tính tự lập làm vua nhưng hỏi ý Trạng-nguyên Nguyễn-bỉnh-Khiêm là một nhà lý-số đại tài được khuyến-cáo không nên có dị-ý. Trịnh-Kiềm đành chịu lập cháu huyền tôn ông Lê-Trừ là anh vua Thái-Tổ, tên là Duy-Bang ở làng Bố-Vệ, huyện Đông-sơn, tỉnh Thanh-hóa.

Duy-Bang lên ngôi lấy niên-hiệu là Thiên-hữu (1556 — 1573) nhưng chỉ là một thứ bù nhìn trong tay Trịnh-Kiềm như mấy ông vua trước.

Nam và Bắc-triều cùng luyện-tập quân mã và bên nào cũng mong tiêu-diệt đối-phương để thống-nhất thiên-hạ. Trước sau 10 lần nhà Mạc sai chú là Mạc kính-Điển mang quân vào đánh nhà Lê (từ giai-đoạn này sử gọi là Lê trung-Hưng), lần nào cũng bất lợi phải trở về. Họ Trịnh mang quân đánh ra vùng Sơn-Nam (Trung-châu Bắc-Việt) cũng chẳng lần nào toàn thắng, riêng vào năm Kỷ-Mùi (1559) quân Đàng trong lấy được các tỉnh Sơn-tây, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Kinh-Bắc, Lạng-sơn và các huyện về phía Hải-dương nhưng rồi lại phải bỏ hết các nơi kể trên để về giữ Tây-đô vì lúc này Mạc Kính-Điển phái một đạo quân vào đánh Thanh-hóa rất gắt. Sau biến-cố này cả đôi bên đều ở thế chẳng ai thắng, chẳng ai bại cứ co đi kéo lại mãi.

Năm Canh Ngọ (1570) Trịnh-Kiềm mất. Hai con là Trịnh-Cối và Trịnh-Tùng giành nhau địa-vị. Mạc kính-Điển được tin liền mang 10 vạn binh vào đánh Thanh-hóa. Trịnh-Cối ra hàng rồi quân Mạc tiến vào chỗ vua Lê đóng là An-tràng. Lúc này vua Lê phong Trịnh-Tùng làm Tả Thừa-tướng chống nhau với nhà Mạc.

Mạc kính-Điền đánh mãi không có kết-quả phải rút quân về Bắc. Trịnh-Tùng từ giai-đoạn này trở đi nắm hết quyền bính, coi vua là một bù-nhìn như cha xưa kia khiến vua Anh-tông lo ngại phải bàn với Lê Cập-Đệ trừ họ Trịnh.

Trịnh-Tùng biết ý cũng tính giết vua và phe đảng của vua nên vua và bốn hoàng tử hoảng sợ bỏ chạy vào Nghệ-An sau bị quân của Trịnh-Tùng đuổi theo bắt được và giết hết. Trước lúc này Tùng đã rước được hoàng tử thứ năm là Duy-Đàm ở làng Quảng-thi, huyện Thụy-nguyên để tôn lập tức là Lê-thế-Tông (1573 — 1599) Vua mới lên 7 vào hồi đó.

Cho tới năm Quý-Tỵ (1583) là 10 năm sau, chiến-sự giữa hai nhà Mạc-Trịnh vẫn cứ nhùng nhằng nhưng họ Trịnh vẫn giữ vững được vùng Thanh-Nghệ, đoàn quân Nam-tiến được thua một vài trận rồi bỏ ra về. Nhưng mấy năm sau quân Đàng trong rèn luyện kỹ nên Trịnh-Tùng đổi thế thủ ra thế công: năm Tân-Mão (1591) Trịnh Tùng cho bố-phòng các cửa bể, các nơi hiểm và ngự dinh rồi mang 5 vạn binh ra Bắc.

Nhà Mạc cũng có 10 vạn quân dàn ngoài mặt trận và chính vua Mạc là Mạc-mậu-Hợp tự dẫn trung quân ra gặp Trinh-Tùng. Hai quân đánh nhau rất kịch-liệt Quân Mạc thua to. Quân Trịnh đuổi về tới gần thành Thăng-Long rồi ngừng lại ban-bố quân-luật. (cấm xâm phạm tài-sản, thực-phẩm, hãm-hiếp phụ-nữ, tư thù giết người) và cho quân-sĩ nghỉ ngơi ăn Tết.

Lúc này quân Mạc chia làm hai: một cánh dưới quyền vua Mạc vượt sông Nhĩ-Hà đến đóng ở làng Thổ-Khối. Một cánh do các tướng Bùi-văn-Khuê, Nguyễn-Quyện, Mạc Ngọc-Liễn và Trần-bách-Niên ở lại giữ kinh thành.

Quân Trịnh tấn-công, thành Thăng-Long thất thủ. Nhưng sau khi vào được thành và phá hủy-tan tành hào lũy, dinh thự, quân Trịnh vội rút về, có lẽ xét không giữ nổi và còn e quân Mạc phản-công.

Nhà Mạc lúc này bắt đầu suy.

Chánh-sự của Mạc-mậu-Hợp rất kém: say mê tửu sắc, bạc-đãi tướng-sĩ, trễ nải việc quân, hờ hững việc dân.

Sau này quân nhà Lê ra Bắc đánh liên miên và bắt được Mạc mậu-Hợp ở Bắc-giang (Phượng-nhỡn) mang về Thăng-long xử-tử. Con cháu nhà Mạc bấy giờ tuy còn lại hơn 100 người cố-gắng khôi-phục tình-thế nhưng cũng không được, đành rút lên đất Cao-Bằng ẩn náu. Tính ra họ Mạc đã chính-thức lãnh-đạo nước Nam được 65 năm (1527-1592) và rút chân ra ngoài chánh-quyền từ năm Đinh-Hợi (1592). Con cháu còn tồn tại ở Cao-Bằng một thời-gian dài hơn nữa kể từ Mạc-kính-Cung, đến Mạc-kính-Khoan, Mạc-kính-Vụ mới mất hẳn (1667).

***

Giai-đoạn Nam-Bắc triều đến đây chấm dứt thì từ nay nhà Lê tuy được hưng-khởi nhưng con cháu vua Lê Thái-Tổ chỉ là những chiếc bóng mờ như ma trơi trên sân khấu chính-trị Việt-Nam. Trịnh-Tùng cũng như cha thao túng chánh-sự không còn coi vua ra gì và công nhiên lập nên một chế-độ phong-kiến mạnh nhất ở nước ta trước cũng như sau. Ông tự xưng làm Đô-nguyên-súy, Tổng quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an-vương định cấp bổng cho vua được thu thuế 1000 xã gọi là lộc thượng tiến, 5000 lính làm quân Túc-vệ. Ngoài ra việc phong quan định tước, thuế khóa, quân dịch và mọi ngành hoạt-động của chính-quyền ở nơi ông hết. Lúc này việc bang-giao với nhà Minh cũng đã thu xếp xong vì trong ấm ngoài êm nên mọi người phải khiếp sợ mà theo về họ Trịnh, tuy vậy Trịnh vẫn không dám phế-truất vua Lê bởi e sự khó khăn với nhà Minh và với họ Mạc bấy giờ còn giữ đất Cao-Bằng sẽ lấy cớ «*Phò Lê thảo Trịnh*» mà tái-chiến.

Lúc này họ Nguyễn ở Thuận-hóa hôm qua tranh giành với họ Mạc nay thấy Trịnh chuyên-quyền cũng kéo cờ độc-lập ở miền Nam. Nước ta vì thế bị chia đôi rồi cuộc huynh đệ tương-tàn xảy ra vô cùng thê-thảm.

Đại biểu của họ Nguyễn lúc này là ai?

Nguyễn-Kim có hai con: Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng đều là các dũng tướng từng lập được nhiều quân-công trước đây. Uông được phong Lạng quận-công. Hoàng được phong Thái-úy Đoan quận-công.

Trịnh-Kiểm vốn có súy-đồ làm chúa-tể nước Nam thấy hai em rể đều là những kẻ sắc mắc nên có ý e ngại. Rồi Uông bị chết một cách bí-mật và khả nghi. Người ta nghĩ rằng kẻ hạ độc thủ không

ngoài chúa Trịnh-Kiểm. Hoàng thấy anh bị hại hoảng sợ vận-động với chị là Ngọc-Bảo xin vào trấn xứ Nam. Năm Mậu-Ngọ (1558) đời vua Anh-tông, Kiểm tâu vua chấp thuận nguyện-vọng của Hoàng. Bên trong ông ta coi đây là việc tống xuất Hoàng ra khỏi đất Thăng-long, cho Hoàng là một hiểm họa tâm phúc hay một cái rằm trong xương.

Hoàng vào Thuận-hóa lấy một số bà con người huyện Tống-sơn làm vây cánh và lính tráng là đám người Thanh, Nghệ được coi là thủ túc. Hoàng đóng trụ-sở tại xã Ái-Tử, huyện Đăng-xương tỉnh Quảng-trị.

Nguyễn là một dòng họ khôn ngoan, thực-tế lại có chí lớn và đức tính kiên-nhẫn. Ông bề trong cũng có mưu-đồ vĩ-đại chẳng kém gì ông anh rể nhưng trong lúc chưa có căn-bản vững chắc, bề ngoài vẫn biểu qua thư lại khéo léo với vua Lê và chúa Thịnh.

Trịnh-Kiểm vẫn không hết nghi ngờ.

Năm Kỷ-Tị (1569) Kiểm ra lệnh cho Hoàng tiến thêm vào miền Nam nghĩa là vào trấn cả hai vùng Thuận, Quảng (Thuận-hóa, Quảng-nam) và mỗi năm phải nộp về triều 400 cân bạc và 500 tấm lụa.

Nguyễn vẫn cố giữ sự hòa hảo này từ đời Trịnh-Kiểm đến đời Trịnh-Tùng nhưng đến Trịnh-Tráng và Nguyễn-phúc-Nguyên (tức chúa Sãi) thế giáo mộc giữa hai dòng họ Chúa ở hai miền Nam, Bắc dần dần hiển-hiện.

Năm Quí-Sửu (1613) Nguyễn-Hoàng biết rằng thực-lực của mình đã khá, trước khi qua đời dặn con thứ sáu là Nguyễn-phúc-Nguyên sử-dụng cho khéo cái thế đất Thuận, Quảng, Bắc có Hoành-sơn, Linh giang, Nam có Hải-vân và Bi-sơn đủ cho người anh-hùng vùng vẫy... ông còn tiểu-di cho kẻ thừa kế cái chính-sách thương dân, yêu quân để giữ vững sự-nghiệp cho con cháu muôn đời.

Dưới trướng của chúa Sãi lúc này có mấy nhân-vật kỳ-kiệt là Nguyễn-hữu-Dật, Nguyễn-hữu-Tiến, Đào-duy-Từ đã thừa vũ dũng, lại quyền mưu hơn người cùng xuất phát ở đất Thanh-hóa. Đào giúp rất đắc lực việc xây thành đắp lũy, rèn luyện ba quân. Xét ra lúc này Chúa Sãi và chúa Trịnh cũng ngang tài nhau và Thuận, Quảng tuy bấy giờ kém về lượng với Bắc-hà nhưng lại được trội về phẩm nên có thể nói tỷ-lệ về sức mạnh của hai dòng họ không chênh-lệch là bao nhiêu. Miền Nam đã đi tới mức tự tin nên đã dám ngang nhiên đối-thủ với miền Bắc kể từ giờ phút này.

Trịnh-Tráng rất nóng lòng khi được tin Nam-hà mỗi ngày một tiến-bộ về mọi phương-diện : đất đai bành trướng dần, quân-sự đã khởi sắc trông thấy, người và của được phong túc nên không bị tiêu-diệt sớm một ngày không xa sẽ trở thành đại họa. Nhưng dù sao Nguyễn vẫn thần phục nhà Lê (ít nhất về hình-thức) hai họ Trịnh, Nguyễn lại là chỗ thông-gia đời này qua đời khác (nhất là về sau này : Trịnh-Tráng lấy nàng Ngọc-Tú là con gái của Nguyễn-Hoàng. Vậy Tráng với Sãi vương là anh em rể, thì lấy cớ gì cho danh chính ngôn thuận để gây cuộc Nam-phạt ?

Trịnh-Tráng chỉ còn vin vào việc Nam hà vẫn lần khân về thuế má. Tráng sai Công bộ thị-Lang Nguyễn-duy-Thì và hoạn quan Phan-văn-Trị vào Thuận-hóa đòi lương thuế của triều-đình, dĩ-nhiên Nam-hà sẽ có thái-độ nào đó thuận-tiện cho việc xuất quân.

Rồi sứ-bộ trở về không. Tráng đánh nước cờ già dặn hơn nữa. Ông ta cho sứ-bộ quay lại Thuận-hóa yêu cầu chúa Sãi cho con ra chầu, nộp 30 con voi và 30 chiếc thuyền nói là để cống nhà Minh.

Chúa Sãi lại khước-từ tuy tiếp đãi sứ-bộ rất chu-đáo.

Trịnh-Tráng liền quyết-định.

Ông cử Đô-đốc Nguyễn-Khải và Thiếu-bảo Nguyễn-danh-Thế tháng 8 năm Bính-Dần (1626) mang 5.000 quân làm tiên phong còn mình đem đại binh và rước vua Lê đi đánh họ Nguyễn sau.

Đại-chiến lần thứ nhất (Đinh-Mão 1627)

Nguyễn-Khải và Nguyễn-danh-Thế đến Hà-Trung thì ngừng lại chờ vua Lê chúa Trịnh. Tổng-số quân thủy, lục, của Bắc-hà có tới 200.000 người. Nhìn vào con số này chúng ta thấy về phần Trịnh-Tráng có sự quyết-liệt đối với Nam-hà vì có động-viên toàn quốc con số binh-sĩ tiến vào Nam bấy giờ mới lên cao nhiều như vậy bởi bình thường quân đội thường trực

của miền Bắc chỉ có khoảng 50.000 mà thôi. Đây là những binh-sĩ sinh quán ở mấy tỉnh Thanh-Nghệ được coi là thân binh và đã tuyển dụng từ thời đánh Mạc, ngoài ra là lính lâm-thời lấy ở Trung-Châu Bắc-Việt mỗi khi các cuộc Nam-chinh cần đến. (Giáo-sĩ dòng Tên Tissanier ở Bắc năm 1663 viết rằng số lính Thanh-Nghệ kể trên thường nhật là lính cận-vệ coi giữ Hoàng-thành và cung phủ của vua Lê chúa Trịnh, trong đạo quân này có 500 con voi thành một đạo tượng-binh và 500 chiến thuyền sơn son thiếp vàng rất đẹp)...

Khi Sãi-vương được tin quân Bắc tiến vào, chúa liền huy-động quân-lực để chống lại. Chúa phong hoàng thân Vệ lãnh quyền Tiết-chế, Nguyễn-hữu-Dật làm Giám-chiến lục quân. Con đẻ của Chúa là Nguyễn-phúc-Trung chỉ-huy thủy-quân tiếp tay cho Nguyễn-hữu-Dật nếu cần đến.

Quân Bắc đến thì đóng ngay ở phía Bắc sông Nhật-Lệ thuộc hữu-ngạn. Quân Nam cũng cắm trại bên này sông.

Bắt đầu, kỵ-binh của Bắc do Lê-Khuê cầm đầu xông vào đánh quân của Sãi-vương tính gây một cuộc lộn xộn lớn nhưng quân Nam nhờ có đại-bác chống trả lại rất có hiệu-lực.

Quân Bắc liền rút về giữ các cồn cát nổi lên ở chỗ cửa sông để tránh hỏa-lực của quân Nam. Đêm đến quân Nam nhân nước thủy triều dâng tiến đánh úp trại của Nguyễn-Khải bằng đại-bác. Quân của Khải rối loạn thì Tráng đem viện-binh tới nên được bình-tĩnh trở lại, đánh chiếm được một phần quân-nhu của quân Nguyễn.

Quân Nguyễn rút lui rồi tung tượng-binh ra. Quân Trịnh hoảng sợ bỏ chạy để lại nhiều xác chết trên bãi chiến-trường.

Tráng vẫn còn ham chiến, chỉnh-đốn lại quân-sĩ ở một nơi xa đó và tính tái-chiến phen nữa.

Nguyễn-phúc-Dật và một tướng tùy thuộc là Trương-phúc-Gia liền lập mưu viết một lá thư nặc-danh gửi đến cho Tráng nói ngoài Bắc đang có cuộc chuẩn-bị dấy loạn của Trịnh-Gia và Trịnh-Nhạc là anh em của Tráng. Tráng sinh nghi lại thấy quân mình bị đẩy lui nhiều phen và bị thiệt-hại nhiều liền rút về hậu-tuyến.

Cuộc chiến-tranh này đã kéo dài được bốn tháng, xuất quân vào ngày đầu tháng ba dương-lịch, rút lui vào đầu tháng bảy. Nhưng Trịnh-Tráng về cũng kịp thời cho một việc, đó là vừa đúng lúc quân Mạc đang hoạt-động trở lại ở miền Trung-Châu. Chúa Trịnh đánh tan được ngay trong vài ngày do đó chúa về đến Đông-kinh được đón tiếp gần như những người thắng trận.

Một âm-mưu đảo-chính thất-bại.

Chúa Nguyễn-Hoàng mất năm Quí-Sửu (1613) trao quyền cho người con thứ 6 là Nguyễn-phúc-Nguyên (người con thứ năm thì còn ở lại Thăng-Long để làm con tin như trên đã nói. Bốn người đầu lòng đều đã chết cả).

Nguyễn-phúc-Nguyên được tôn lập tức là Sãi-vương nhưng anh em không phục, trong số này có Nguyễn-phúc-Hạp và Nguyễn-phúc-Trạch (con thứ bảy và thứ tám của Chúa) đang giữ chức Chưởng-Cơ và sau được thêm tước Quận-Công.

Tới năm thứ bảy đời Sãi-vương (1620) hai người này bí-mật giao-thông với họ Trịnh. Lúc này Trịnh-Tùng còn sống nhưng đã trao phần lớn chánh-sự cho Trịnh-Tráng. Đôi bên đã thỏa-thuận nếu cuộc đảo-chính ở Thuận-Hóa thành-công thì miền Nam sẽ chia đôi và Hạp cùng Trạch trấn giữ với danh-nghĩa của chánh-quyền miền Bắc.

Trịnh-Tráng lại cử Đô-đốc Nguyễn-Khải đem 5.000 quân đóng sẵn ở Nhật-Lệ đúng nơi xây thành Đồng-Hới bây giờ để nếu cần sẽ hỗ-trợ cho cuộc đảo-chính. Nhưng lúc đó Hạp và Trạch còn nghe ngóng chưa dám bạo-động ngay.

Được tin quân Trịnh có mặt bên kia sông Nhật-Lệ, Sãi-vương cho họp các tướng tá bàn cách chống cự. Hạp và Trạch có ý e ngại về Tuyên là cháu của mình. Tuyên là con thứ tư của Hà và Hà là trưởng-tử của Nguyễn-Hoàng. Y là kẻ khôn ngoan hơn cả trong bọn cận thần của chúa Sãi.

Hai người liền đề-nghị cử Tuyên đi đóng quân ở xã Ái-tử (lúc đó đang là Tổng-hành-doanh của chúa Sãi) lấy cớ rằng trong các tướng lãnh không ai có tài hơn Tuyên lúc này để đi đánh giặc.

Tuyên nghe lời đề nghị có ý nghi ngờ liền trình riêng với Sãi-vương : « Nếu cháu đi xa lúc này e sẽ có biến ở đây... »

Sãi-vương liền cắt Vệ là con thứ hai của Hà và là anh cả của Tuyên khi ấy giữ chức Chưởng-Dinh, cầm quân ra đón ngăn lực-lượng của Nguyễn-Khải.

Thấy cơ mưu của mình bị bại lộ, Hạp và Trạch đành ra mặt khởi loạn cùng với một số thủ-túc. Họ chiếm luôn một căn-cứ ở Ái-tử và đào hào đắp lũy chống lại chúa Sãi.

Chúa cho người đến khuyên dụ nhưng không xong đành cử Tuyên đi tiên-phong dẹp loạn còn chúa dẫn đại quân theo sau.

Hạp và Trạch thua trận và bị bắt sống, đem về nạp cho Sãi-vương. Trông thấy hai em, chúa Sãi khóc nói. «Các người được phong tước Quận-công, giàu sang chẳng kém ai, có gì thiệt thòi mà làm loạn ?»

Sãi-Vương muốn tha thứ nhưng các quan xin cứ lấy phép sửa trị kẻ có tội, sau đó cả hai bị hạ ngục, xấu hổ rồi chết.

Còn binh đội miền Bắc thấy việc không thành lặng-lẽ bỏ ra về. Đây là cuộc xung-đột đầu tiên để mở màn cho các cuộc động binh sau lớn lao hơn trong những giai-đoạn liên-tiếp không cách nhau bao nhiêu và đã kéo dài luôn ngót nửa thế-kỷ.

Sách *Việt-Nam khai-quốc* bàn về âm mưu đảo-chính kể trên viết : khi Sãi-Vương thấy Hạp và Trạch bị giải đến trước mặt, giận dữ hết sức và đòi chém ngay hai kẻ nghịch này. Nhưng các quan can ngăn một cách rất thảm-thiết. Luận-điệu này xem chừng có lẽ đúng sự thật hơn. Người ta ngờ rằng các nhà chép sử sau này của Nguyễn đã xuyên tạc sự thật để tô-điểm cho Sãi-Vương những tính-tình quá tốt đẹp và cao cả mà thật ra nhà chúa không có.

Còn hai người sau bị chết, chưa dễ đã vì đau buồn mà có thể đã phải chịu tội bí-mật trong ngục tối.

Binh Lực của chúa Trịnh năm Đinh-Mão (1627)

Vào những tháng đầu năm Đinh-Mão (1627) Giáo-sĩ A. de Rhodes đến Bắc-Việt với mục-đích gặp chúa Trịnh và vua Lê để thương-lượng việc truyền giáo. Lúc này đoàn quân viễn-chinh đã lên đường. A. Rhodes đã gặp chúa Trịnh trên đường thủy từ Thăng - Long đến Nhật-Lệ.

Cuộc gặp gỡ này vào tháng 4 năm ấy. Giáo-sĩ đã lấy làm ngạc nhiên về hạm đội hùng mạnh hết sức của chúa Trịnh và đã kể lại những điều trông thấy một cách rất hào-hứng trong thiên ký sự của ông.

Câu chuyện kể ra gần như có điều sai ngoa hay phóng đại vậy mà là chuyện thật theo sự nhận-định của Sử-gia Maybon sau khi đã đối chiếu với các sử-liệu Việt-nam do đó ta có thể có những ý-thức khá xác-thực về thủy-quân của miền Bắc hồi ấy.

Giáo-sĩ kể : « Chúng tôi trông thấy 200 chiến thuyền đóng rất đẹp sơn son thép vàng và được tô-điểm bằng nhiều màu rực-rỡ đi trước ngự-đạo. Trên các chiến thuyền này quân đội rất đông. Các chiến thuyền tiến lên rất có trật-tự, nghĩa là có hàng, có lối hẳn hoi, ngay ngắn đủ làm cho người ta phải khiếp oai về sự linh-động của nó. Rồi chúng tôi thấy Ngự-đạo gồm 24 chiến thuyền dễ phân biệt với các thuyền kể trên bằng những lớp vàng son lộng-lẫy, bằng cánh buồm vải nhỏ như lụa là màu đỏ. Nhà vua ngồi ở chiếc thuyền đi chính giữa.

« Chúng tôi ở trong qnân-đội ít lâu thì chúng tôi nhận thấy đội chiến thuyền đi sau ngự-đạo đông hơn đội chiến thuyền dẫn đầu. Còn những thuyền nhỏ đủ mọi cỡ thì nhiều không biết là bao nhiêu.

« Ngoài ra thuyền chở quân lương cũng lớn lắm và tới 500 chiếc, thuyền chiến đấu có tới 600 chiếc và ta có thể nghĩ rằng những chiến thuyền này còn lớn hơn các chiến thuyền của Âu-châu thời ấy,

« Mỗi chiến thuyền có 3 khẩu đại-bác, một đặt ở đằng trước, hai đặt ở đàng sau. Lính chèo mỗi bên mạn thuyền có 25 người. Chen lẫn vào đám thủy-thủ có nhiều chiến-binh.

« Tóm lại, theo như các võ-khí được trang-bị và sự mau lẹ của các chiến thuyền thì đến thủy-quân của Âu-châu cũng phải kính sợ thủy-quâncủa Việt-Nam bấy giờ ».

***

Đại chiến lần thứ hai (năm Canh Ngọ 1634)

Trận đánh này khai-diễn vào mùa Đông do Nguyễn-đình-Hùng, cháu của Nguyễn-ư-Kỷ (gọi bằng ông) Mục-tiêu là châu Nam Bố-chính đang do Nguyễn-Tịch coi giữ và đóng ở Dinh-Ngói.

Tịch bị tử trận, tất cả địa-phương này mất về quân Nguyễn. Trai-tráng ở đây bị quân Nguyễn xung vào làm lính được 24 đội, đổi tên cũ ra Dinh (ý-nghĩa của Dinh là nơi vua chúa ở — Năm 1626 đổi ra phủ. Sau này Dinh chỉ có nghĩa là một đơn-vị hành-chính mà thôi và đặt dưới quyền một quan Trấn-thủ. Dưới đời Võ-Vương sau này giang-sơn của họ Nguyễn chia ra làm 12 Dinh tức là tỉnh-bộ ngày nay).

Trương-phúc-Phấn được cử đến làm Trấn-thủ đầu tiên ở địa hạt này.

Đầu năm 1634 quân Bắc lại kéo vào.

Bia Trương-Kiều chép rằng : vào tháng 12 (31. 12. 1633 - 18. 1. 1634) Trịnh-Tráng họp quân thủy-bộ mở cuộc Nam-chinh.

Chúa Nguyễn cử Nguyễn-Hữu-Dật làm Đốc-chiến và Chưởng-cơ ra ngăn dịch. Quân Trịnh ngừng lại và giữ thế-thủ cách Đồng-Hới không xa.

Hữu-Dật ra lệnh tấn-công. Quân Trịnh yếu thế trở nên rối loạn, thiệt hại đến một nửa rồi bỏ chạy. Lúc này người con thứ ba của chúa Sãi tên là Ánh ngầm tổ-chức một cuộc đảo-chánh và có sự thông-đồng ra ngoài Bắc với chúa Trịnh.

Năm Tân-Vị (1631) con cả của Sãi-Vương là Kỳ-Trấn-Thủ ở Quảng-Nam chết. Ánh bấy giờ là Chưởng-cơ được thay thế cùng với em là Tứ (con thứ tám của chúa Sãi) giữ chức Tham-tướng (phó tướng), Sãi-vương không ưa Ánh vì tính kiêu-ngạo và bất nhất, lại có phần nghi ngờ nên đặt một Ký-lục tên là Phạm rất thân với người con thứ hai của chúa là Nguyễn-phúc-Lan (chúa Thượng) để dò xét Ánh.

Sau này nhờ có Phạm mà chúa Sãi biết Ánh có dị-chí. Về phần Ánh biết rằng không thể với vài trăm thủ-túc mà cướp được địa-vị của chúa nên Ánh phải nhìn về phía Trịnh. Nhưng Quảng - Nam xa, chỉ còn cách xin ra Quảng-Bình làm Trấn-thủ thì Ánh mới dễ giao-thông với Trịnh được. Do đó Ánh cử người ra điều-đình ngầm với Lý-Minh là văn-chức ở tỉnh Quảng-Bình vận-động nhân-dân đòi triệt hồi Trấn-thủ Tuấn là cháu chúa Nguyễn-Hoàng rồi xin cho Ánh ra thay. Sãi-Vương thấy dân kêu ca về sự hà-khắc của Tuấn nên tin lời và cho Ánh ra Quảng-Bình. Nhưng khi sắc-phong tới Quảng-Nam, Ánh lại vắng mặt bởi cuộc đi săn luôn một tuần lễ. Chúa giận nên cử Nguyễn-cửu-Kiều.

Ánh vẫn không thoái-chí cho Lý-Minh dò xét về Kiều. Lý-Minh nói Kiều nhút nhát, nếu quân Trịnh vào ắt sẽ bỏ chạy.

Ánh liền viết thư cho Trịnh nói cứ đem quân vào và khi nghe súng nổ, Ánh và đồ đảng sẽ nổi dậy.

Được lời, Trịnh-Tráng đưa ngay quân vào Nhật-Lệ. Nghe thấy Trịnh có mặt ở đây chúa Sãi liền mang quân cự địch.

Hữu-Dật là một chiến-lược-gia sành-sỏi vội cho đắp thêm về phía cửa Tùng một cái thành gọi là thành Cát dưới thành Đồng — Hới vài cây số về phía Nam, vì e rằng nếu Trịnh khôn ngoan biết đổ bộ ở chỗ này mà quân Nguyễn lại ra nghênh địch trước thành Đồng — Hới tức là tiến vào khoảng giữa sẽ bị cả hai nơi bắn rồn lại ắt hết đường thoái lui.

Về phần Trấn-thủ Quảng-Bình thì đã cho đóng cọc ở giữa sông để ngăn các chiến thuyền của Trịnh.

Khi quân Trịnh, Nguyễn đối diện nhau, Trịnh bắn đại-bác làm hiệu cho Ánh. Nhưng rồi Trịnh không thấy động tĩnh về phía Nam, quân chúa Trịnh sinh nghi, vội lùi lại nghe ngóng. Tình-trạng kéo dài luôn mấy tuần, chúa Trịnh rất bực tức.

Sau quân chúa Sãi tiến đánh, quân Trịnh thua bỏ chạy.

Trịnh đành mang quân trở về Bắc và để Nguyễn-khắc-Liệt ở lại giữ Bắc Bố-Chính.

Đại chiến lần thứ ba (Ất Hợi 1635)

Chúa Sãi mất năm Ất-Hợi (1635), Nguyễn phúc-Lan là con lên thay tức là Công-Thượng Vương và việc đầu tiên của chúa Thượng là tiến quân qua chiếm miền Bắc-Bố-Chính.

Theo Giáo-sĩ A. de Rhodes Bắc Bố-Chính bị quân Nguyễn chiếm vào năm 1640. Sự kháng cự

của quân Trịnh tại địa-phương này không được bền-bỉ rồi Trấn-thủ Nguyễn-khắc-Liệt bỏ chạy về Bắc, vợ con bị quân Nguyễn bắt làm tù binh Khắc-Liệt ra đến Thăng-Long thì bị Tráng bắt giam rồi để chết đói (xin nhắc Trịnh-Tráng lại là bố vợ của Nguyễn-khắc-Liệt).

Liệt-truyện và *Thực-lục* của nhà Nguyễn công-nhận sử-sự này, nhưng đưa ra ít nhiều chi-tiết khác.

Theo hai cuốn sách trên thì năm ấy là năm Canh-Thìn (1640) vào tháng 8 (16-9-1640), quân Nguyễn chiếm Bắc Bố-Chính. Thanh-đô vương Trịnh-Tráng phạt tử hình Trấn-thủ Nguyễn-khắc-Liệt. Trước đây Liệt có bí mật giao-thông với chúa Sãi, nhưng khi chúa Thượng lên thay quyền Liệt có ý nghi ngờ rồi xua quân quấy rối Nam Bố-Chính (đất thuộc quyền chúa Nguyễn). Chúa Thượng giận lắm họp các quan bàn mưu trừ Liệt.

Nguyễn Hữu-Dật nổi danh túc kế đưa ý-kiến bầy cuộc phản-gián giữa Chúa-Trịnh và Khắc-Liệt, xét rằng chúa Trịnh và con rề vốn không tin nhau. Nay Nguyễn gửi cho Trịnh một bức thư nói Khắc-Liệt vốn có tư thông với Nguyễn mà bề ngoài thì vờ có thái-độ quyết-liệt, ước hẹn khi quân Nguyễn đến đánh, Khắc-Liệt sẽ đem quân bỏ chạy. Rồi Nguyễn yêu cầu Trịnh mang quân vào mở cuộc ăn thua, sự thế sẽ đàng hoàng hơn và nên giết kẻ phản-thần ấy đi vì Nguyễn không thèm lợi-dụng một kẻ bất-trung. Bề khác quân Nguyễn qua sông Gianh (Linh-Giang) dụ khắc-Liệt đến hội kiến, Liệt đến Nguyễn cũng sẽ giết đi. Liệt có chạy thoát được ắt cũng sẽ bị Trịnh ngờ, mưu của Nguyễn vẫn là có kết-quả.

Mưu này được Công-Thượng vương cho thi-hành. Nhận được thư của Nguyễn, Tráng phái Thái-Ủy Trịnh Kiều đem 5.000 quân vào Bắc Bố-Chính để bắt Khắc-Liệt nhưng Trịnh-Kiều đến nơi thì giữa Khắc-Liệt và Nguyễn đã có cuộc giao tranh. Kiều cho là Liệt giả vờ, bắt Liệt đem về cho chúa Trịnh giết.

Thắng lợi trong truyện này rồi, Công-thượng vương càng có nhiều tham-vọng diệt Trịnh. Một hôm chúa ra cửa Thuận-An coi thủy quân luyện-tập không vừa ý liền bắt ba huyện Hương-Trà, Quảng-Điền và Phú-Vang thiết-lập khu huấn-luyện tại làng Hoàng-Phúc (bây giờ đổi là Hồng-Phúc thuộc huyện Phú-Vang). Người ta dựng ở đây một ụ đất cao 12 thước tây và dài hơn 60 thước tây để ngắm vào đấy mà bắn. Thủy-quân tập ráo riết luôn 7 tháng, chèo thuyền và bắn đại-bác rất là thành-thạo.

Vì quân Nguyễn lo chuẩn-bị chiến-tranh và đã chiếm một phần miền Bắc Bố-chính nên chúa Trịnh sốt ruột lại đem quân vào Nam tháng hai năm Quý-Tị (20-3 tới 17-4 1643).

Đại quân do Thái-Bảo Trịnh-Tạc và Trịnh Lê, hai con của chúa, cầm đầu với sự giúp đỡ của Thị-lang Nguyễn Quang-Minh, Tự-Khanh Phạm-công-Trứ (một sứ thần có tiếng của nhà Lê) và Nguyễn Danh-Thọ.

Hai quân gặp nhau ở Trung-Hòa (tức Mỹ-Hòa ngày nay) gần cửa sông Gianh về hữu-ngạn. Tướng Nguyễn là Bùi-công-Thắng chống không nổi bị bắt và bị giết (hay tử trận, chỗ này sử không nói rõ). Quân Trịnh thừa thắng tiến luôn vào cửa Nhật-Lệ.

Vào tháng 3 (18-4 tới 17-5-1643), chúa đem vua Lê Thần-Tông đến An-Bài lập Tổng-Hành-Dinh (An-Bài một làng cách sông Gianh về phía Bắc 4 cây số) chiến-sự bị ngưng ở đây vì trời nóng quá quân Trịnh bị bệnh dịch chết hại rất nhiều. Chúa lại phải trở ra về lưu lại 10.000 binh-sĩ để phòng-thủ chờ dịp tấn-công khác.

Hình như chuyến này chúa Trịnh chỉ mong đuổi quân Nguyễn ra khỏi vùng Bắc Bố-Chính mà thôi.

Quân Trịnh về Bắc được vài tháng thì vua Lê Thần-Tông nhường ngôi cho con cả là Duy-Hựu tức Lê-chân-Tông vào tháng 10 — hay tháng 11 năm 1643.

CUỘC GIAO-DỊCH GIỮA NHÀ LÊ VÀ TÂY PHƯƠNG

Trong những năm tháng này chúa Trịnh là Thanh-Đô vương có ý thất-vọng vì đánh mãi không thắng được Chúa Nguyễn liền nghĩ đến việc kêu gọi sự giúp đỡ của người Bồ-đào-Nha

Nhưng vận-động đã nhiều mà người Bồ-đào-Nha vẫn lừng khừng, trái lại tại miền Nam họ đã cộng-tác rất hữu-hiệu với các chúa Nguyễn.

Trịnh đành quay về phía người Hòa-Lan từ mấy năm trước đã được nhà Lê cho vào mở thương điếm ở đất Bắc và đôi bên giao-dịch với nhau đã thân-mật từ năm 1636.

Tháng tư năm 1637, đại-diện của Hòa-Lan là Karl Hartsinck đã tới Kẻ chợ, bằng chiếc tàu Grol do Thương-hội của Hòa-Lan ở Batavia gửi đến. Vua Thần-Tông và chúa Trịnh tiếp-đãi rất ân-cần. Nhưng khi nhà vua hỏi người Hòa-Lan có sẵn lòng giúp Bắc đánh Nam hay không thì Karl Hartsinck nói vấn-đề này lớn quá y không đủ thẩm-quyền để trả lời.

Ngày 24-1-1641, tàu Hòa-Lan lại nhổ neo từ Đài-Loan sang Bắc-Việt. Họ đến Kẻ chợ, gặp vua Lê trình lên một bức thư và nhiều tặng-phẩm của Caron là Giám-Đốc hãng Hirado, một thương-điếm của Hòa ở Nhật. Một người đàn bà Nhật đã làm thông-ngôn cho hai bên nói chuyện với nhau.

Với lần này, người Hòa-Lan cũng không cam-kết gì với nhà Lê và cũng không dám giúp đỡ gì. Họ chỉ muốn giao dịch riêng về thương-mại mà thôi, bởi họ e nếu dính líu và chính-trị thì quyền lợi của họ ở Thuận-Hóa sẽ bị thương-tổn tức khắc do sự hờn giận của chúa Nguyễn.

Rồi khi trở về Batavia (Hòa-Lan đã chiếm xứ này làm thuộc-địa từ cuối thế-kỷ XVI và lấy đây làm thủ-phủ để giải-quyết mọi vấn-đề ở Á-châu). Sứ thần Hòa-Lan đã mang theo hai bức, một của vua Lê, một của Thái-tử, hai bức thư này kể là hai văn-kiện ngoại-giao đầu-tiên của nước Nam đối với Tây-Phương và do văn-kiện này ta được biết hai họ Trịnh-Nguyễn bấy giờ tha thiết làm quen với Tây-Phương để lợi-dụng văn-minh khoa-học của họ hầu có những phương-tiện lợi-hại hơn để tiêu-diệt nhau.

Thư của Vua Lê được dịch đại-khái như sau:

«An-Nam Đại hoàng-đế ngự-trị toàn thể xứ Bắc thành-thực tỏ lòng biết ơn liệt-vị nhiếp-chính đại-thần triều-đình Hoà-Lan và kính gửi chút quà mọn biếu quí vị gồm có một khẩu súng trường kiểu riêng của bản quốc nạm vàng và 300 tấm lụa mộc hạng nhỏ tơ nhất.

Nếu bên quí quốc có những sản-phẩm quí giá thì bản-quốc có thể tiêu-thụ, xin quí vị cứ mua cho và ứng tiền giúp, chúng tôi sẽ xin thanh-toán sau và thâm tạ.

Chúng tôi thiết tha được mua các chất sơn đỏ, đen, đỏ sẫm, hổ phách các màu trắng đỏ và các loại vải lụa bóng nhiều mầu có kẻ hoa...»

Thư của Thái-tử để : «An-Nam quốc Thái-tử kính gửi Hoà-Lan đại-quốc thư này mục-đích kết-giao và yêu-cầu quý quốc giúp-đỡ theo tình huynh đệ. Chúng tôi ước ao rằng quí vị đối với chúng tôi cũng sẵn tình hữu-nghị và việc giao hiếu giữa chúng ta được muôn năm bền chặt. Trái lại nếu miệng nói một đằng mà lòng nghĩ một nẻo thì tình thân-hữu phải đi đến chỗ phai nhạt. Vì vậy trước đây chúng tôi không ngại muôn trùng sóng gió hiểm nguy gửi sứ-bộ theo tàu của các ngài đến thăm quý quốc và dâng chút quà mọn. Chúng tôi rất hài lòng được biết chút quà mọn đó được quý quốc hân-hoan tiếp nhận.

«Đại-diện của quý quốc là ông Conkebacker, giám-đốc thương-điếm đã trở lại xứ tôi mang các tặng-phẩm rất quý giá và đã cùng chúng tôi hội-nghị về các điều thương-mại. Ông ta là người rất thông-minh và hùng-biện, chúng tôi rất mến phục.

«Xưa kia chúng tôi đã phiền quý quốc giúp chúng tôi trừ kẻ nghịch, được quý quốc hẹn lời. Chúng tôi rất mừng, vậy mà đến nay lời hứa vẫn chưa thấy thực-hiện. Tuy vậy chúng tôi vẫn cảm-kích như việc đã thành.

«Quân Nam vừa khởi sự chống lại chúng tôi, chúng tôi tính trừng-phạt chúng sao cho đích-đáng. Chúng vốn là thần-tử của bản-triều, nay dám nghịch lại, thói bậy ấy không thể tha thứ được.

«Kèm theo thư này chúng tôi xin gửi ít quà mọn mong Quốc vương Batavia cùng chúng tôi tiếp-tục tình thân-mật giữa hai dân-tộc. Xin quý ngài giúp chúng tôi trong trường-hợp chúng tôi phải tranh chiến với một hai lân-quốc. Nếu do sự giúp-đỡ của quý ngài mà chúng tôi thắng được kẻ địch, quý ngài sẽ là ân-nhân tối-trọng của chúng tôi và ngàn năm tình hữu-nghị của chúng ta sẽ bền chặt.

«Tới đây chúng tôi xin ngừng bút, thư nói chẳng hết tâm tình và xin quý ngài nhận đây tấm lòng thịnh-ái của chúng tôi.

«Nếu ở quý-quốc có những sản-phẩm thiết-dụng xin mua dùm, chúng tôi sẽ xin nộp tiền lại đầy đủ và vô cùng biết ơn.

Dương-hòa năm thứ bảy, tháng giêng, ngày 13 (tức 22. 2. 1641)

Rồi một chiếc tàu Hòa-Lan rời bến Batavia ngày 15-5-1641 đến bờ biển Bắc-Việt vào ngày 10 6, lên tới Kẻ-Chợ vào ngày 19-6, Chúa Trịnh-Tráng nhờ chiếc tàu này (vì tàu đi Đài-Loan) gửi Thống-Đốc Đài-Loan là Paulus Traudenius người Hòa-Loan một bức thư nữa cũng để vận-động một cuộc viện-trợ quân-sự như sau :

« An-Nam, Đại nguyên-Soái thống-quốc chính sự Thanh-Đô Vương, kính gửi Các-hạ lời sau đây :

« Chúng tôi thành thực mong được kết-thân cùng dân-tộc Hòa-Lan, vậy có thư này lên Các-hạ và xin thân-ái chào Các-hạ. Được biết Các-hạ lòng khoan-hòa và trí thông suốt mọi vấn-đề, chúng tôi rất mến yêu và xin gửi một ngàn lạng tơ trắng và một ngàn lạng tơ vàng biếu Các-hạ gọi là có chút quà mọn để tỏ tình thân hữu giữa Các-hạ và chúng tôi. những mong tình bạn này sẽ muôn năm vĩnh-cửu. Chúng tôi ước ao các thương-thuyền của quý quốc luôn luôn ra vào mua bán ở nước chúng tôi vì chúng tôi đã được giao-thiệp thân-mật với vị Toàn-quyền của quý-quốc. Ngài đã hẹn giúp chúng tôi tiêu-diệt kẻ thù và chúng tôi tin rằng lời hứa này sẽ được thi-hành.

« Chúng tôi đã sửa-soạn ít tặng-phẩm và đợi tàu của quý quốc tới nhận để đem về Batavia do sứ-thần của chúng tôi chuyển-đệ qua sự trung-gian của Đại-Úy Hartsinck thường đi lại với chúng tôi. Vậy yêu cầu sang năm Các-hạ cứ cử ông này sang để hướng-dẫn nhân-viên của bản quốc đi Batavia. Ông đối với chúng tôi được coi như chỗ thủ-túc vì lòng ngay thẳng. Vậy chúng tôi khẩn nài Các-hạ thêm một lần nữa gửi ông qua chúng tôi để người của chúng tôi có thể tới bái-kiến quan Toàn-quyền...

« Xin Các-hạ chấp-nhận lời chúng tôi, chúng tôi xin thâm tạ và thành-thực chúc tình thân-hữu giữa chúng ta sông cạn núi mòn cũng không hết...»

Thư viết vào niên-hiệu Dương-Hòa, tháng 6 ngày 17 tức là ngày 24-7-1641.

Ngày 26-4-1643 hai chiến-hạm của Hòa-Lan có vào xứ Bắc. Đó là chiếc tàu Kievit và Nachtegaels. Chúa Trịnh-Tráng bấy giờ đang có mặt ở cuộc Nam-Chinh được tin liền viết thư bảo viên Giám-đốc thương-điếm Hòa-Lan ở Thăng-Long là Bronekhorst cho hai chiếc tàu này vào ngay trong Nam họp tại sông Gianh với Chúa.

Trước khi tàu Hòa-Lan tham-chiến (nếu hai chiếc tàu này không giúp chúa Trịnh thì cũng không về Batavia được vì đã qua mùa gió thuận) Bronckhorst nhiều lần đòi nhà vua và các quan đại-thần trả một số tiền nợ mua hàng là 4.725,10 florins (mỗi florin ăn 5 quan tiền của Pháp bấy giờ) nhưng chẳng ai trả cả. Và sở-dĩ họ phải giúp vua Lê, chúa Trịnh cũng là để mong thanh-toán nợ nần dễ dàng. Ngoài ra nhà vua lại đang phẫn-nộ với người Hòa-Lan, cầm tù năm kẻ vì đã bán vũ-khí cho họ Mạc, kẻ thù số một của nhà Lê lúc đó ở Cao-Bằng. Nếu không giúp thì cũng khốn-đốn.

Mặc dầu các lý-do kể trên hai chiếc tàu Hòa-Lan này cũng chưa dự-chiến vào năm 1643.

Nguyên ngày 14-8-1643, nhà vua trở về Bắc, ngài rất giận người Hòa-Lan nên trong thư gửi ngày 6-7 năm thứ 9 hiệu Dương-Hòa (tức là 19-8-1643) trước khi thoái-vị vào vài tháng sau, ngài rất phàn-nàn thái-độ của người Hòa-Lan với viên Toàn-quyền tại Batavia nói rằng ngài phải rút quân về vì hạm-đội Hòa-Lan không tới. Sự nhút nhát của người Hòa-Lan một thời đã thành chuyện cười cho quân Nam-Hà và dân-chúng xứ Bắc rất phẫn-nộ cho rằng cuộc Nam-chinh thất-bại vì họ. Người Hòa-Lan thấy không-khí căng-thẳng giữa họ và người Việt nên không còn dám ra khỏi nhà.

Sau vì không ẩn trốn mãi vào đâu được nên năm sau (1644) ba chiếc tàu Hòa-Lan (chắc là chiếc Kievit, Nachtegaels và Woekende Book đã phải tiến vào bờ biển của chúa Nguyễn.

Giáo-sĩ A de Rhodes kể rằng ba chiếc tàu này đến gần một cửa biển (không thấy nói tên cửa biển nào) thì hai chiếc bị đánh chìm, còn một chiếc chạy được về Bắc khiến chúa Thanh-Đô Vương phát ngán.

Theo *Thực-Lục,* việc này xảy ra vào năm Giáp-Thân (1644) khoảng tháng tư (từ 6/5 đến 4/6) tại cửa Nộn (Thuận-an) lính tuần các hải-phận thấy có ba chiếc tàu ngoại-quốc khả-nghi tới, liền trình lên chúa Thượng. Các quan đang bàn thì thế-tử Nguyễn-phúc-Tần gửi thư cho thế-tử Trung, ông hoàng con thứ ba của Sãi-vương đang giữ chức Chưởng-Cơ hẹn cùng đi đánh chiếc tàu lạ mặt ấy. Nhưng Trung thấy chưa có lệnh của Chúa Thượng nên không dám cử-động. Thế-tử liền thúc hạm-đội của mình tiến ra, Trung làm dầu

gọi lại không được. Đôi bên giáp chiến kịch-liệt, tàu Hòa-Lan thua bỏ chạy về phía Đông. Một chiếc tàu lớn ở lại đoạn hậu. Thế-tử cho thuyền của mình vây đánh và hỏa-lực tung ra rất mạnh. Viên thuyền trưởng hết cách chống đỡ phải tự đốt thuyền của mình mà chết.

Còn về phần Công-thượng vương khi nghe tin Thế-tử đã đi vội mang quân tiếp viện tới nơi thì việc đã xong. Chúa quở cả Thế-tử và Trung nhưng trong bụng hẳn rất hứng-thú.

Cuộc đại chiến thứ tư (Mậu-Tí 1648)

Năm 1647, Lê Chân-Tông ra lệnh cho các quan huy-động quân-đội vào tháng 6 (ngày 2-3-7) kiểm-soát những người lành mạnh, bổ-xung quân-số ở khắp các tỉnh.

Năm sau là năm Mậu-Tí (1648), chúa Trịnh-Tráng cử Lê-văn-Hiều giữ chức Đô-đốc (ở các sách khác nói là Trịnh-Đào) tước Tấn-quận công lãnh quyền tổng chỉ-huy quân-đội Nam-chinh.

Quân Trịnh tiến thẳng đến cửa sông Nhật-lệ, Tướng giữ căn-cứ này là Hoàng-Lễ đánh không lại vội xin tiếp viện của Trấn-thủ Quảng-Bình là Nguyễn-Cửu-Kiều.

Kiều cho tham tướng là Nguyễn-triều-Văn đi cấp-cứu nhưng Triều-Văn vốn hèn-nhát đi tới nửa đường thì ngừng lại, do đó quân Trịnh đi thẳng một lèo tới gần tỉnh-lỵ Quảng-Bình (bấy giờ đặt là Dinh) đóng ở tả ngạn sông Nhật-lệ trước làng Văn-La.

Quân Nguyễn ở đây do các đội Trương-triều-Lương và Trương-triều-Nghi đem quân cự địch, bị tử trận, ký-lục Thanh-Hội tới đánh cũng bại trận phải rút về bên kia sông.

Quân Trịnh thừa thế đuổi theo tới làng Võ-Xá (qua sông) là vào đúng giữa Quảng-Bình dinh, một phần tiến theo hữu-ngạn sông Nhật-Lệ, đến An-Đại (tức Long-Đại ngày nay) ngừng trước lũy Trường-Dục. Lúc này Văn-Hiều lập thành-doanh tại Nam-Bố-Chánh gần Dinh ngói.

Rồi thành Đồng-Hới và Dinh mười lọt vào tay quân Trịnh. Trấn-thủ Nam Bố-Chính là Trương-phúc-Phấn không thất-vọng trước những thắng-lợi liên-tiếp của quân Trịnh lui quân vào phòng-tuyến thứ hai do Đào-Duy-Từ xây từ 1630 tức là đóng binh trong đồn Trường-Dục để cự địch. Thành đắp bằng cát nên bị đại-bác của Trịnh bắn thủng toang, khiến quân Nguyễn kinh-khủng, mười phần tháo chạy đến sáu bảy. Phấn cứ điềm-nhiên thúc trống, phất cờ tiếp-tục trận đánh, cho quân lấy thuyền chở cát lấp lại các chỗ bị phá. Tên của quân Trịnh như mưa rào bắn vào chỗ Phấn ngồi. Nhờ có sự can-đảm và cố-thủ này quân tiếp-viện của Nguyễn kịp tới do Thế-tử Nguyễn Phúc-Tần cầm đầu (tức Hiền Vương sau này). Quân bộ có Nguyễn Phúc-Lộc giữ chức chưởng dinh, Tống hữu-Đại trấn-thủ Cựu-dinh và giám chiến Nguyễn-hữu-Dật chỉ-huy và thủy quân có Tham tướng Nguyễn Triều-Văn nhưng trận đầu vẫn dành thắng-lợi cho quân Trịnh.

Quân tiền-phong của Nguyễn đến An-Đại (trước đồn Trường-Dục) thì Dật bàn với Lộc chia nhau đóng các nơi hiểm-yếu biết rằng Bắc quân không thông-thạo địa-hình, địa-vật ở đây.

Cũng lúc này Thế-tử Nguyễn-phúc-Tần kéo đến Quảng-Bình, gần sát quân Trịnh lợi-dụng đêm tối tung tượng-binh bất thình-lình đánh vào trại Trịnh hồi canh năm. Nguyễn-hữu-Tấn phụ-trách chỉ-huy 100 con voi trong công-tác này. Thế-tử Nguyễn phúc-Tần đi sau với đại-quân. Quả nhiên quân Trịnh bị đánh bất ngờ bỏ chạy về Đồng-Hới thì bị quân Nguyễn đem thủy-quân chờ ở Cầm-La, chỗ đường bộ đi qua sông đón đánh chết hại rất nhiều.

Sử của Nguyễn-triều nói rằng trong các cuộc chiến-đấu giữa hai quân Nguyễn, Trịnh, qua nhiều trận đánh chưa trận nào ác-liệt bằng trận này khiến một câu ca-dao còn nhắc lại rằng:

« *Thứ nhất nguy hiểm lũy thầy,*

« *Thứ hai Võ-xá đồng lầy gớm ghê!* »

Bởi ở đây quân Nguyễn nhờ có ưu-thế của núi sông khiến quân Trịnh tổn thất vô kể.

Trong trận này, Trịnh còn bị bắt mất mấy tướng và vài ngàn binh-sĩ. Trịnh-Đào thấy tiền-quân của mình bại trận liền rút lui bị quân Nguyễn đuổi tới sông Gianh. Trịnh-Tráng nghe tin không hay cho mình vội cho Phạm tất-Toàn lĩnh hữu-quân tới đóng ở Tam-Hiệu gần chợ Ba-Đồn cố ý giữ Bắc Bố-chính và con đường về phía Tây để chặn quân Nguyễn tiến lên.

Nếu nơi này bị Nguyễn quân tấn-công thì có hai đạo quân của Lê-hữu-Đức và Vũ-Lương

yểm-trợ. Hai đạo này có vào khoảng 10.000 người, một đóng ở Hoành-sơn (đèo Ngang) tại miền Bắc Quảng-Bình có nhiệm-vụ giữ con đường phía Đông (quốc lộ số 1 ngày nay) một đóng ở Hà-Trung, phía Nam Hà-Tĩnh, lúc cần có thể dễ điều-khiển mọi việc trên cả hai con đường Đông Tây.

Quân Nguyễn thì có 3.000 người đóng đồn ở Võ-Xá theo lệnh của Nguyễn hữu-Dật.

Chiến-tranh tới đây thì ngừng lại do cái chết của Công-Thượng-vương cũng đi đốc chiến vào tháng hai năm ấy tức là lúc khởi chiến (23-2 đến 23-3). Công-Thượng-vương tới làng Trung-chỉ, cách Quảng-trị độ 10 cây số, vào ngày 25-2 thì bị bệnh (ngày 2 tháng 2 ta) đến ngày 18-3 thì tình-trạng của chúa quá nguy-kịch, nên phải đưa chúa về Thuận-Hóa bằng đường thủy, đến phá Tam-Giang thì Chúa mất trên thuyền, đúng ngày 19-3-1648.

Nguyễn-phúc-Tần lên thay tức là Hiền-Vương, bảy năm sau quân Nguyễn lại tái chiến với quân Trịnh.

*
* *

Quân-số trong một cuộc thao-diễn của chúa Hiền

Tháng 8 năm Mậu-Tí (1648), chúa Hiền mở một cuộc duyệt-binh rất long-trọng. Dưới đây cuốn thực-lục cho ta biết tỉ-mỉ các đơn-vị riêng biệt đã họp thành quân-lực của chúa Nguyễn vào giữa thế-kỷ XVII.

1) Trung hầu-cơ, gồm 10 thuyền có 300 người

2) Nội-bộ, gồm có 60 thuyền có trên 3280 người.

3) Tả-trung và hữu trung-cơ ; — Nội thủy = 58 thuyền và 6410 người.

4) Tả trung-kiên-cơ : 12 thuyền và 600 người

5) Hữu trung-kiên-cơ : 10 thuyền và 500 người

6) Hai cơ tả hữu trung bộ = (mỗi cơ có 10 thuyền tất cả có 4.150 người)

7) Cơ tiền trung-bộ : 12 đội (mỗi cơ có 5 thuyền gồm có 2.700 người)

8) 4 cơ tả hữu, tiền hậu được mỗi cơ có 5 thuyền tất cả có 1.100 người.

9) 4 đội tả, hữu, tiền, hậu thủy có 5 thuyền — mỗi đội có 2.100 người.

10) tả, hữu, tiền, hậu có 6 thuyền, mỗi cơ có hơn 2.100 người.

11) Tả Đinh bộ có 10 thuyền : 460 người

12) 4 đội tiền, hậu, tả, hữu Bính = 4 thuyền (mỗi đội có hơn 200 người)

13) Tả thủy cơ có 5 thuyền (hơn 200 người)

Tổng số có chừng 20.740 người.

Cơ : quân số lên xuống thất thường.

Đội : có quân số nhất định.

Trận đánh thứ năm (Ất-Vị 1655) tại Nghệ-An

Trước cuộc chiến-tranh mở vào tháng 6 năm ấy tức là 25-6 đến 22-8-1955, chúa Hiền có đem quân đánh Chàm chiếm đất của họ thuộc tỉnh Khánh-Hòa ngày nay (Nha-Trang) lập ra Dinh Thái-Khang.

Cửa sông Nhật-Lệ được phòng-thủ thêm về phía tả-ngạn bằng một cái đồn nhỏ nữa gọi là Sa-Chung hay là Chung-Phong. Việc xây-dựng này tỏ rằng chúa Nguyễn luôn luôn ra công phòng-thủ biết tình thế của hai miền Nam-Bắc vô cùng quyết-liệt.

Hai năm sau (Ất-Vị), cuộc xung-đột lại tái-diễn. Lê-văn-Hiểu ra lệnh cho Phạm tất-Toàn đem quân vượt sông Linh-Giang đánh vào Nam Bố-Chính. Chúa Hiền cử Nguyễn-hữu-Dật và Nguyễn-hữu-Tiến (Tấn) tiến lên đối chiến với quân Trịnh ở đây. Quân Trịnh bị đánh bất ngờ Phạm-tất-Toàn phải đầu hàng và Bắc-Bố-Chính đổi chủ. Quân Nguyễn liền chia ra đánh Hoành-Sơn. Quân của Hữu-Đức giữ không nổi bỏ chạy nhờ vậy mà quân Nguyễn đánh ra Dinh Hà-Trung. Lê-văn-Hiểu ra công cự địch nhưng cũng thua rồi chạy về An-Trường với Hữu-Đức. Nguyễn-hữu-Tiến đánh Thạch-Hà. Tham-Đốc của Trịnh là Đặng minh-Tác ra hàng, Văn-Hiểu và Hữu-Đức kéo quân về đóng đồn ở Đại-Nại cố giữ không cho quân Nguyễn đi xa hơn nữa.

Theo *Thực - lục, Liệt - truyện* và *Toàn - thư*, kế-hoạch đánh Trịnh của Nguyễn-hữu-Dật được bàn với chúa Hiền như sau :

« Từ 1643 đến giờ, quân ta chưa hề phạm tới miền Bắc sông Gianh. Nay chia quân đánh vào phía sau lưng để quân Trịnh ngờ rằng hai đạo quân này lúc cần sẽ tiếp tay cho nhau để chiếm lấy Bắc Bố-Chính. Văn-Hiều ở Hà-Trung hẳn nghĩ rằng quân Nguyễn chỉ có lo đánh Tất-Toàn mà thôi ắt sẽ đến tiếp-viện gấp cho Toàn. Lực-lượng giữ thành của Văn-Hiều hẳn không còn bao nhiêu thì nhân-dịp này tiền quân sẽ đánh Tất-Toàn bất-ngờ vào Hoành-Sơn (nơi này đang do Hữu-Đức trấn giữ) rồi chiếm nốt Hà-Trung bấy giờ gần như bỏ ngỏ.

Nhiệm-vụ đánh vào Hà-Trung sẽ trao cho hậu quân... » Trên đây ta đã thấy quân Nguyễn đánh Bắc Bố-Chính như thế nào, riêng hậu quân có những hoạt-động không kém quan-trọng để quyết-định tình thế của miền Bắc Bố-Chính bấy giờ. Bộ Tổng chỉ-huy của chúa Hiền cắt đặt như sau cho hậu quân :

Tướng Xuân-Sơn làm tiền phong điều-động bốn đội do Nguyễn-cửu-Kiều, Cai-cơ Cao bá-Phúc, Tống-Oai và Nguyễn-Nghĩa chỉ-huy (mỗi đội có từ 200 đến 500 người) đạo quân này do Nguyễn-hữu-Tiến làm tư-lệnh, có phận sự đánh vào Hà-Trung.

Rồi ở đây chiến-sự đã diễn ra như sau :

Ngày 22-5-1655, quân Xuân-Sơn chiếm đóng cửa Ròn cách sông Gianh 18 cây số về phía Bắc và cách Hoành-Sơn 10 cây số rồi tiến thẳng tới Hoành-Sơn, Hữu-Đức thua bỏ chạy về Lạc-Xuyên cách Hà-Trung 15 cây số về phía Bắc chiếm được vũ-khí và ngựa voi khá nhiều vì đồn này có tới từ 1.000 đến 5.000 quân. Rồi nhân cuộc thắng trận này, quân Nguyễn đánh luôn Hà-Trung cách đó độ 30 cây số về phía Bắc. Tại đây Văn-Hiều thân đốc chiến rất là hăng hái cùng với hai bộ-tướng là Trần-Bái và Kỷ-Thiệu. Quân Nguyễn đuối sức phải rút lui về Khe Bàn Thạch, may được Hữu-Tiến đem đại quân đến trợ-lực vừa kịp. Tướng Trịnh là Trần-Bái tử trận, tay Kỷ-Thiệu bỏ chạy rồi Dinh Hà-Trung lọt vào quân Nguyễn.

Văn-Hiều rút vào rừng núi tính đánh lạc đường quân Nguyễn bằng cách chạy qua thung lũng Ngàn-Sâu tháo về phương Bắc.

Hữu-Dật đã tự đoán sự-kiện này nên đã đặt một đội quân mai-phục ở núi Bàn-Thạch, Văn-Hiều vừa tới thì Hữu-Dật nhô ra đâm trúng tay trái của Hiều nhưng viên tướng Trịnh vẫn chạy được về tới An-Trường. Hữu-Đức cũng kịp tháo về tới đây. Hữu-Dật định nhân cuộc thắng trận này cố đuổi theo quân Trịnh, nhưng Hữu-Tiến cẩn-thận hơn bàn với Hữu-Dật rút về Hà-Trung và cho báo tiệp về chúa Hiền.

Vì chuyện này, chúa Hiền khen ngợi Hữu-Tiến không ham chiến là phải vì địch chưa yếu hẳn và khuyên Dật từ nay nên thảo-luận mọi việc với Hữu-Tiến nhưng hai người bắt đầu khó chịu với nhau từ đấy.

Tóm lại trong chiến-dịch tấn-công miền Bắc sông Gianh nhờ có mưu của Hữu-Dật mà quân Nguyễn đại thắng. Nhưng sau cuộc đại thắng này Hữu-Dật còn đánh được một đòn ly-gián vào chúa tôi họ Trịnh mà Lê-văn-Hiều sẽ thành nạn nhân.

Hữu-Dật gửi một bức thư cho Văn-Hiều khuyên ra hàng. Văn-Hiều khẳng-khái từ chối. Tuy vậy Dật vẫn bí-mật cho Nguyễn-văn-Phượng và em là Nguyễn-văn-Trường liên-lạc với quân do thám của Trịnh cho biết Hiều có ý về đầu Nguyễn. Đô-đốc của Trịnh ở đó là Sùng, liền báo tin cho chúa Trịnh, chúa tin ngay nên ra lệnh bắt giải Hiều về Thăng-Long. Hiều về nửa đường thì chết vì vết thương trong trận đánh ở Bàn-Thạch (Hà-Trung). Theo giáo-sĩ A. Launay trong cuốn *Histoire d'Annam* (trang 161-162) thì Lê-văn-Hiều bị oan tình nên đã uống thuốc độc tự vận. *Toàn thư* nói Hiều chết vào tháng 5 và sắc-chỉ làm tội Hiều ra vào tháng 6 lại có cả việc thu hết bằng sắc và chức tước. Dĩ-nhiên sách này không nói rõ mưu kế của Hữu-Dật.

Còn Lê hữu-Đức, Vũ-Lương và nhiều tướng-tá miền Bắc dự vào trận này cũng bị giáng-chức hay lột chức.

Rồi Thanh-Đô vương tháng 6 năm ấy cử Thái-bảo Khê Quận-Công Trịnh-Trượng làm Thống-lĩnh Kinh-lược đất Nghệ-An, Bồi-tụng Nguyễn văn-Trạc làm Đốc-thị, Nguyễn-Tính làm Phó Đốc-thị và 18 tướng tá đem quân vào miền Nam sông Lam-Giang để phục thù (tức là sông Cả bây giờ).

Đầu tháng 8 năm ấy tức là 31-8 đến 2-9-1655 Trượng đến Lạc-Xuyên cách Bắc Hà-Trung 15

cây số thì hạ đồn. Võ văn-Thiêm đem 50 chiến thuyền đóng ngay tại cửa sông Kỳ-la là thủy-đạo lên đến đồn Hà-Trung.

Thấy quân Bắc tới, Hữu-Tiến và Hữu-Dật bàn nhau lui binh về sông Giang, bí-mật đặt lục-quân phục-kích ở Lũng Bông, thủy quân giữ cửa Ròn. Nhưng quân Trịnh không mắc bẫy vì biết Hữu-Tiến và Hữu-Dật là hai danh-tướng của Nguyễn vốn nhiều thủ-đoạn.

Nhử địch không xong và đã hơn một tháng quân Trịnh không cử động, Hữu-Tiến và Hữu-Dật liền thay đổi chiến-lược được sự chấp thuận của Hiền-Vương, đi tấn công.

Đây là trận đánh thứ hai trong năm Ất-Vị (1655).

Nguyễn chia quân đóng hết các nẻo đường. Tiền-quân của Trương phúc-Hùng, Phù-Đương, Thuần-Đức và Khuê-Thăng đánh vào quân tuần-thám của Trịnh ở Hà-Trung. Quân Trịnh bị bại, quân Nguyễn tiến tràn vào Lạc-Xuyên, Trịnh-Trượng thua chạy.

Đại quân Nguyễn do các tướng Tống hữu-Đại, Xuân-Sơn, Phù-Tài quản đốc nghe Lạc-Xuyên hạ bị bại liền tiến đánh Lạc-Xuyên thượng cũng đại thắng và thu được nhiều voi ngựa võ-khí. Thủy-quân của Hữu-Dật tiến vào cửa Đơn-Giai (sông Vinh). Sau cuộc tấn công này, quân Trịnh rút cả về An-Tràng (tỉnh lỵ Nghệ-An ngày nay) rồi thiết-lập căn-cứ ở phía Bắc sông Lam-Giang từ Nghĩa-liệt đến cửa Đơn-Giai. Quân Nguyễn định tiến nữa, sau e đi quá sâu vào đất lạ bất lợi nên ở lại giữ Lạc-Xuyên.

Bảy huyện của Nghệ-An ở phía Nam Lam-giang về đầu quân Nguyễn. Xin nhắc tỉnh Nghệ bấy giờ chạy dài xuống tới sông Gianh và gồm cả tỉnh Hà-Tĩnh và miền Bắc Quảng-Bình. Bảy huyện kể trên là: Kỳ-Hoa, Thạch-Hà, Thiên-Lộc, Nghi-Xuân, La-Sơn, Hương-Sơn, Thanh-Chương tức là toàn bộ tỉnh Hà-Tĩnh và một phần Nghệ-An.

Trước tình thế nghiêm-trọng này, chúa Trịnh-Tráng lo ngại, ủy Tây-Định vương Trịnh-Tạc (con chúa) vô Nam tháng 9 năm ấy, Tạc mang đại quân vào Nghệ-An rồi đóng ở An-Tràng.

Rồi sau hai tháng, Thanh-đô vương lại kêu Trịnh-Tạc về để Hữu đô-đốc Ninh Quận công Trịnh-Toàn thay thế. Toàn là con út của chúa, một danh tướng tuy trẻ tuổi nhưng có nhiều khả-năng, đức-độ khiến binh sĩ rất mến phục. Một số tướng lãnh mới được cử ra thay những tướng lĩnh cũ đã thất trận mấy tháng trước đây trong dịp có viên tổng chỉ-huy mới.

Quân Bắc đóng ở An-Tràng từ tháng 9, qua tháng sau mới hoạt-động, tiến đánh Kỳ-Hoa. Hữu-Tiến rút quân của mình ra khỏi Lạc-Xuyên và tới đóng ở Hà-Trung, (có lẽ để nghe ngóng thực-lực của Trịnh). Nhưng đến tháng 11 quân Trịnh trở ra An-Tràng.

Vào tháng 12 (Ất-Vị) quân Trịnh đóng ở Minh-Lương và đánh huyện Kỳ-Hoa trước đã về hàng Nguyễn.

Hữu-Tiến đem quân đánh chiếm huyện Thạch-Hà đuổi được quân Trịnh, còn Hữu-Dật trong giai đoạn này lo làm binh-vận về phía quân-đội Bắc-hà, bên kia bờ Lam-giang.

Một số nhân-vật bất mãn với họ Trịnh như Mạc kính-Hoàng ở Cao-Bằng, Quận-công Danh-Phấn ở Hải-Dương, Phạm-hữu-Lễ ở Sơn-Tây đều hứa nếu binh-đội của Hiền-Vương vượt được qua Lam-giang, họ sẽ động binh hưởng-ứng Hải-Dương, sẽ kháng thuế để triệt lương quân-đội. Cao-bằng sẽ đánh xuống Lạng-Sơn, Sơn-Tây sẽ chiếm lấy thành của tỉnh này.

Tháng giêng năm Bính-Thân (1656) quân Nguyễn Bắc tiến đuổi được quân Trịnh tới sông Tam-chế thì bị một lực-lượng Bắc-hà đánh lui. Trận này quân Trịnh thắng khá oanh-liệt nên nhiều tướng lĩnh được thăng thưởng ngay lập-tức.

Tháng hai, Hữu-Dật tiến đến núi Hồng-Lĩnh (quân kéo từ Bắc xuống Nam qua hai huyện Nghi-Xuân và Thiên-Lộc) gặp quân Võ-văn-Thiêm đang cho thủy quân đổ bộ, hai bên giáp chiến. Quân Trịnh ở đây cũng như ở nhiều nơi khác lại rút về An-Tràng. Hữu-Dật và Hữu-Tiến tập họp các cơ-đội về Vân-Cát (huyện Thạch-Hà). Chúa Hiền cho đem vàng lụa đến khao thưởng.

Vào tháng Năm, Trịnh Nguyễn lại khởi chiến, Trịnh-Toàn mang quân đến Thạch-Hà. Đào quang-Nhiêu (trấn-thủ cũ của Nghệ-An) và Dương-Hồ đóng ở Đại-Nại, Hương-Bộc ở

ngoài thành (thành Hà-Tĩnh bây giờ) với bộ binh. Quận-công Thung, Lê sĩ-Hậu, Bùi sĩ-Lương đem thủy quân đóng ở Nam-Giới, cửa Sót. Võ-văn-Thiêm đóng ở Đơn-Giai (cửa sông Vinh). Bọn Hữu-Dật thấy quân Trịnh kéo đến cũng động-viên quân-đội thủy lục.

Thủy-quân của Nguyễn do Dương Trí kéo đánh cửa Nam-Giới do Quận-công Thung giữ. Tại đây một trận thủy chiến đã diễn ra, Quận-công Lý đến cứu viện. Về phần Hữu-Dật cũng đem bộ binh chạy tới tăng cường cho Dương-Trí đang ở giữa khơi, đánh quân Trịnh rất hăng đến nỗi thủy-quân Trịnh vừa bị thủy-quân Nguyễn tấn công mà trên bộ đại-bác của Nguyễn cũng nã xuống.

Quận-công Lý chạy được, Quận-công Thung bị bắt với ba chục chiến-thuyền, Phò mã Trịnh đến giải cứu bằng thủy-quân nhưng lại tháo lui vì hỏa-lực của Nguyễn dữ dội quá. Các tướng của thủy quân Trịnh là Lê-sĩ-Hậu, Bùi sĩ-Lương Nguyễn-hữu-Sắc, Thái bá-Trật cũng rút hết.

Hữu-Dật liền tiến đánh Trịnh-Toàn tại bến đò Hoạt-Độ, cố bao vây nhưng bị đánh lui phải bỏ về phía Nam-Giới thủ thế với Dương-Trí. Trong lúc này ở phía Nam cách đó không xa quân Nguyễn bị quân Trịnh đánh thua, tiền quân của Nguyễn do các tướng Phúc-Khang, Phù-Dương bao vây tướng Đào-quang-Nhiêu của Trịnh tại Hương-Bộc rất ngặt. Trịnh-Toàn liền đến cấp cứu. Toàn trao cờ lệnh cho Đốc-thị Dương-Hồ làm bùng cháy lòng ái quốc và trung-thành của y nên y trèo lên mình voi xông ra chiến-địa thúc quân đánh rất hăng, còn Toàn tự mình dẫn đạo kỵ-binh sát-phạt quân Nguyễn như vũ bão. Nhờ có viện-quân tới, Đào quang-Nhiêu mở rộng cửa thành đánh ra, quân Nguyễn bị đánh dồn dập cả hai mặt không chịu nổi phải thua chạy.

Tại Đại-Nại, quân Bắc cùng quân Nam cũng giao-tranh kịch-liệt. Quân Nguyễn cũng thua và mất một số lớn binh sĩ, voi ngựa và vũ-khí. Tướng Nguyễn là Nguyễn cửu-Kiều bị trọng thương ở trận này rồi chết (Kiều mất vào năm 58 tuổi là em vợ Sãi-vương vốn thuộc họ Mạc được đổi sang họ Nguyễn vì tín-nhiệm).

Bại trận luôn hai lần, quân Nam phải rút về Hà-Trung quân Bắc đuổi theo nhưng không dám vượt qua làng Tam-Lộng, huyện Cẩm-Xuyên.

Hữu-Tiến liền nghĩ ra một kế-hoạch là phục-kích quân Trịnh ở các thủy-lộ bằng thủy quân của mình ở Phù-Thạch thuộc huyện La-Sơn, Triều-Khẩn thuộc huyện Hưng-Nguyên, Việt-An thuộc huyện La-Sơn, lại cho Hoằng-Tín nấp ở sông Minh-Lương (huyện Thiên-Lộc) với một số chiến-thuyền còn đại quân của Hữu-Dật thì mai-phục ở làng Nam-Ngàn (La-Sơn). Xem cách bố-trí này của Hữu-Tiến, thì Tiến đoán Trịnh vừa thắng hai trận lớn ắt thừa thế sẽ từ Hà-Tịnh tiến vào Nghệ-An nên cho quân ẩn nấp ở các nẻo đường thủy chờ chặn đánh quân Trịnh. Thủy-quân của Nguyễn phần lớn bấy giờ đề ở Lam-giang.

Được biết Hữu-Dật đang có mặt ở Nam-Ngàn, Trịnh-Toàn cử hai tướng là Quận-Công Tào-Nham và Diễn-Thọ đi đánh. Đạo quân này bị rơi vào ổ phục-kích của Nguyễn và hai tướng bị chết về tay Đỗ-Tín. Còn Trịnh-Toàn qua Bình-Hồ (La-Sơn) gặp quân Hoằng-Tín cũng thiệt hại nhiều nhưng chạy được về An-Tràng.

Xét ra, đôi bên cũng không hơn kém nhau bao nhiêu. Quân Trịnh bấy giờ không tiến được hơn đành chỉ cố-thủ ở miền Bắc sông Lam mà thôi.

Tháng 7 năm 1656, Hiền-Vương do tin thắng trận của quân mình, tính đem binh lên Bắc Bố-Chính nhưng lại thấy quân rút về Hà-Trung nên cho rằng ngừng lại ở An-Trạch (Nam Quảng-Bình) thì hơn.

Hữu-Dật về hội-kiến với chúa Hiền ở đây kiểm-thảo ráo riết kết-quả của các cuộc hành-quân thấy rằng không đáng kể là khả quan, bảy huyện bên kia sông sẽ khó giữ nổi và thêm tốn phí nên giữ thế thủ là hơn rồi quyết-định xây-dựng trường-thành bên tả-ngạn sông Lam.

Hữu-Dật còn phê-bình việc cắt đặt các tướng tá không đúng nguyên-tắc vì đã đặt tình họ hàng, thân thuộc lên trên hết, khiến nhiều kẻ đã làm việc sằng bậy, cướp phá nhân-dân do đó lòng người ta thán, thà cấp riêng cho họ tiền bạc để họ sống còn hơn.

Trong những tháng chót của năm Bính-Thân (1656), hai phe Trịnh Nguyễn đều im hơi lặng tiếng.

Có lẽ người ta đã muốn dưỡng sức cho quân dân sau những trận giặc vô cùng khốc-liệt. Về phần Nguyễn, tuy thường thắng trận nhưng thực-lực của miền Thuận-Quảng rõ rệt không đủ để theo đuổi một chiến cuộc trường-kỳ. Về phần Trịnh đã bị bất lợi nhiều cũng xuống tinh-thần và cần phải cởi yên bỏ giáp, thêm vào còn do nội tình bối-rối nữa, vì Trịnh-Tráng lâm bệnh sắp thở hơi tàn, trong nhà anh em lại có sự nghi ngờ nhau nên Trịnh-Tạc đang hành-quân ở Nghệ-An đột-nhiên được gọi về Thăng-Long.

Trịnh-Tạc đã được phong Vương để thay Trịnh-Tráng nhưng giữa Trịnh-Tạc và Trịnh-Toàn có sự ghen ghét.

Tháng 5 năm ấy, con Trịnh-Tạc là Trịnh-Căn được phong Thế-tử mang chức Thái-Bảo, tước Quận-công, tháng sáu được cử vào Nghệ-An làm Thống-lĩnh bề ngoài để giúp Trịnh-Toàn nhưng bề trong là để kiểm-soát và chia xẻ quyền hành của chú. Rồi liên tiếp mấy tháng sau, nhiều mưu thần võ tướng được lĩnh chức mới gửi vào Nghệ-An trong đó có Trịnh-Đống.

Tháng 11 Bính-Thân (17-12-1656 — 13-1-1657), quân đội Bắc-hà chuyển động và tiến xuống miền Nam Lam-giang. Trịnh-Toàn đương ở Quảng-Khuyến tại huyện Thiên-Lộc; Trịnh-Căn cắm trại cũng ở huyện này, đào hào đắp lũy phòng nhau. Rồi Toàn có ý mang hết binh đội về An-Tràng, Trịnh-Căn lo ngại lui về đóng ở Phù-Long, huyện Hưng-Nguyên tình-thế rất là gay-go.

Chúa Hiền tiến quân lên Dinh-Trạm (Nam Quảng-Bình) rồi lên đến Dinh mười. Tại đây Chúa tiếp đón một vài nhân-vật đối-lập của Trịnh ở Bắc-hà là Phụng, con Phạm hữu-Lễ (Sơn-Tây) Văn-Tường và Hoàng-Sinh đã hứa hẹn sẽ tiếp tay cho Chúa nếu có cơ-hội.

Ngày 16 tháng 4 năm Đinh-Dậu (1657), chúa Thanh đô-Vương qua đời. Trịnh-Tạc liền thanh-toán ngay vấn-đề Trịnh-Toàn là cho người vào đòi Toàn về kinh. Một số thủ-túc của Toàn, sợ cháy thành vạ lây, chạy qua đầu hàng quân Nam.

Toàn chịu bó tay về Thăng-Long sau khi trao hết tướng sĩ cho Trịnh-Căn. Số phận của Toàn ít ngày sau là bị giam và chết trong tù.

Trịnh-Căn được thay Trịnh-Toàn làm chủ Nghệ-An.

Quân Nam bấy giờ vẫn tiếp tục giữ thế thủ. Tháng 6 năm ấy, Trịnh-Căn khởi chiến, chia ra ba đạo thuộc Lê thì-Hiến, Hoàng nghĩa-Giao và Đặng-thế-Công chỉ-huy vượt sông Lam vào mé trên gặp quân Nam ở địa-phận làng Nam-Hòa. Giai-đoạn đầu quân Bắc tiến thì quân Nam lùi, sau đó quân Nam phản-công. Trịnh-Căn thấy quân mình núng thế liền đến cứu viện cho Đặng thế-Công đánh ập vào sườn quân Nam. Thủy quân Trịnh đổ bộ kịp thời, quân Nam thua chạy. Nhưng tuy được, quân Trịnh vẫn rút về An-Tràng và khao thưởng tướng sĩ.

Tháng 9 năm Dậu, Trịnh-Căn phải Thắng-Nham đi chiếm Đồng hôn nhưng thấy vùng này ẩm thấp, e bị nước lụt nên sau quân Trịnh lại rời tới Thổ-Sơn-hạ. Quân của Hữu-Dật nhân một cơn mưa to gió lớn, nước sông dâng lên cao, tấn-công quân Bắc ở đây. Quân Bắc bỏ chạy.

Đầu năm Mậu-Tuất, Trịnh-Tạc gửi thêm tướng sĩ mới cho Trịnh-Căn.

Trận giặc này kéo dài khiến hai bên đều hao tổn mạnh. Tháng 5 năm Mậu-Tuất (1-30-6-1658) vua Lê Thần-tông phải ra sắc dụ kêu gọi nhân dân giúp gạo. Triều-đình tùy theo số gạo mà cấp chức tước.

Chúa Nguyễn cũng phải đứng trước sự khó khăn về quân lương mà từ xưa đến nay vẫn do các tỉnh miền Nam cung-đốn. Bấy giờ Hiền-Vương phải thiết lập ở phía Nam Lam-Giang (Nghệ An) một ty kiểm-tra dân số, phân làm ba hạng: hạng khỏe mạnh tức là hạng để sung vào cơ ngũ, hạng dân đinh là những người ở nhà có thể gọi nhập ngũ và thường dân, loại già yếu tật-nguyền. Ai cũng phải nộp thuế thân để nhà nước cung-ứng cho quân-đội. Việc thuế này làm dân chúng địa-phương bất mãn, Hữu-Dật phải cho người đi giải-thích. Chúa Hiền còn phải thi hành một đạo dụ đánh thuế ruộng ở 7 huyện Nghệ-An, cũng do nhu-cầu trên đây.

Tháng 8 năm Dậu, chúa ra lệnh tuyển các người có văn học ở Bắc Bố-Chính và ở 7 huyện bên kia Lam-Giang để trông nom các việc dân chính,

Dầu sao thì những việc thuế má ở Nghệ-An cũng đã làm cho dân chúng ở đây vỡ mộng vì họ thấy chính quyền mới chẳng cho họ một

lợi lộc gì, vì vậy nhiều kẻ lại trở về với chúa Trịnh.

Trong tháng cuối cùng của năm 1658, có mấy trận đánh như sau: một tù trưởng tại Quỳnh-Lưu tên là Lang-công-Cần dẫn một đạo quân Nam theo đường núi đến Dương-hợp (huyện Đông-Thành) đánh vào quân Trịnh nhưng bị đẩy lui trở về phía Nam. Cần tiếp tục ẩn-nấp để chống nhau với quân Bắc, sau bị Phạm-Thành và Đàm Cảnh-Giai bắt được, đóng cũi mang về Thăng-Long.

Tháng bảy, quân Nguyễn vượt Lam-giang đánh vào đồn của Nguyễn Hữu-Tá tại làng Mỹ-Dư, huyện Hưng-Nguyên. Tá cho rằng không đủ sức kháng cự đã bỏ chạy. Lê thì-Hiến vội xuất quân chặn quân Nguyễn làm cho địch chết đuối rất nhiều. Tá bị lột chức ngay lập tức vì đã tỏ ra hèn nhát.

Tháng Tám, quân Nguyễn trở lại đóng ở Bạch-Đàn và Nam-Đàn. Đào quang-Nhiêu ứng chiến. Sau trận đánh ở Đông-Thanh một tướng Bắc là Hoàng nghĩa-Chấn bị xử giảo vì không tiếp viện cho Quang-Nhiêu.

Cũng dịp này, Phạm-Phụng, con Phạm-hữu-Lễ ở Sơn-Tây vẫn làm gián-điệp cho quân Nguyễn báo Hữu-Tiến rằng tướng giữ đồn Vân-Khả là kẻ tham ác có thể đánh được. Hữu-Dật nghe lời, lựa hồi mưa lụt đánh tan được quân Trịnh nhưng lại rút vì đồn này xa căn-cứ của Nguyễn khá nhiều. Trịnh-Căn đợi quân Nguyễn rút, lại cho chiếm đóng đồn này trở lại.

Cuối năm 1658, Trịnh-Căn lại mở cuộc tấn công vào Tuần-Lê, quân Nguyễn đại bại.

Suốt năm 1659, Trịnh-Nguyễn không có hoạt động gì đáng kể. Qua năm sau, cuộc gây hấn diễn ra rất muộn. Quân Nam thấy mình không mạnh nên không tiến đánh. Quân Bắc cũng có chủ-trương đợi thời. Xem ra quân Nguyễn đến bấy giờ xa nhà đã lâu nên có ý nản muốn về. Hữu-Dật muốn động binh nhưng các tướng sĩ không tán-thành, Hữu-Tiến lại có ý bất mãn về những việc chúa Hiền thăng thưởng đặc-biệt cho Hữu-Dật...

Tháng 9 năm 1660 Hữu-Tiến đem quân vượt sông Tam-Chế đánh vào đồn Do-Nha. Binh sĩ đào ngũ rất nhiều, Hữu-Tiến phải trở về. (Xem thế đủ rõ tinh thần quân Nguyễn lúc này xuống cũng mạnh).

Trịnh-Căn thấy quân Nguyễn đóng ở Lận-Sơn di-chuyển sang sông Lam-Giang tính tới nửa đêm sẽ đánh vào quân Nguyễn. Nhưng tới Lận-Sơn thì quân Trịnh đã bị quân Nguyễn vây rất kỹ. Đại quân của Trịnh-Căn vội đến giải vây, quân Nguyễn phải lùi.

Đạo quân khác của Trịnh do Lê-Hiến và Mẫn văn-Liên gặp quân Nguyễn ở làng Tả-Ao. Mẫn văn-Liên tử trận nhưng quân Nguyễn phải bỏ Hoa-Viên về đóng ở Nghi-Xuân.

Quân chủ-lực của Nam-hà lúc này đều đóng cả ở đây. Hữu-Tiến và Hữu-Dật không đồng-ý với nhau về chương-trình hành-quân do sự đố-kỵ cá-nhân như ta đã thấy.

Giữa khi đó, Trịnh-Căn cho quân đánh làng An-Điềm và Phù-Lưu, quân Nguyễn bị thua. Nghe tin này Hữu-Tiến quyết định đem quân về nhưng hư-truyền đến tối 28 thì đem hết binh đội sang đánh An-Tràng, Hữu-Dật đi hậu tiếp. Nhưng Hữu-Tiến trái lại cho các tướng rút hết về Nam Bố-Chính không cho Hữu-Dật biết.

Đến khi bọn Hữu-Tiến đi hết thì quân Trịnh đã sang sông đánh vào đồn Khu-Độc, Dật phải dùng kế nghi-binh mới chạy thoát được về Hoàng-sơn thì gặp được quân Tiến.

Trịnh, Nguyễn kịp đuổi nhau đến đây, giáp-chiến một trận nữa chết hại rất nhiều. Sau đó, quân Trịnh đóng ở Kỳ-Hoa, quân Nguyễn đóng ở Nhật-Lệ. Bảy huyện thuộc vùng Lam-giang từ đấy lại thuộc về Bắc. Mấy tháng cuối cùng của năm Canh-Tý (1660) đã rất đen tối cho quân Nguyễn. Họ đã bị đánh lùi về vị-trí cũ là Nam Bố-Chính. Tinh-thần chiến-đấu bị suy giảm rất nhiều, quân dân đã theo hàng quân Nguyễn ở 7 huyện thuộc Lam-giang trước đây cũng bỏ Nguyễn theo Trịnh hết.

Hữu-Tiến tới đóng ở Đồng-Hới — Hữu-Dật thủ thế ở tiền-đồn Đông-Cao thuộc tả-ngạn sông Kỳ-Hoa phòng quân Trịnh đánh xuống Nam Bố-Chính.

Tháng chạp năm ấy, bốn đại diện của Triều-đình nhà Lê là Nguyễn quốc-Khôi, Nguyễn công-Bích, Phạm duy Chất và Nguyễn tôn-Lễ mang sắc

dụ vào Nghệ-An khen ngợi Trịnh-Căn và phong chức Khâm-sai Đại-thần thống lĩnh quân đội toàn quốc, Thái-úy Nghi Quốc-Công.

Tháng hai năm sau (Tân-Sửu), Trịnh-Căn về Thăng-Long để Đào quang-Nhiêu làm Trấn-thủ Nghệ-An kiêm cả quyền quản trị Bắc Bố-Chính, Lê-sĩ-Triệt, Hồ-sĩ-Dương và Trịnh thì-Tế lĩnh chức Đốc-thị giữ Hà-Trung và Kỳ-Hòa.

Tháng tư, có việc thăng-thưởng các tướng tá đã chiến thắng trong các trận đánh năm Tý. Đến đây, chiến-dịch Nghệ-An cáo-chung sau 6 năm ròng và thắng lợi mà Trịnh lượm được một phần nhờ ở tướng lĩnh Nam-hà bất hòa, một phần ở thực-lực Bắc-hà dồi-dào và sau cùng là chính sách thuế khóa của nhà Nguyễn đã làm cho nhân dân Nghệ-An thất vọng.

Còn nên nhớ điều nữa là do 6 năm chiến-đấu xa nhà, quân Nguyễn cũng đã mòn mỏi tinh thần khá nhiều.

Đại chiến lần thứ sáu (Tân-Sửu 1661)

Trịnh-Căn về Thăng-Long tháng hai năm Tân-Sửu, như trên đã nói, do hai cớ : Cớ thứ nhất là để hưởng-thụ sự chào đón tưng bừng của vua quan và nhân dân miền Bắc đối với người anh hùng chiến-thắng miền Nam. Cớ thứ nhì là để binh sĩ có dịp nghỉ ngơi sau 5 năm giao lao, mệt mỏi, rồi cuối năm năm Sửu, Trịnh lại khởi chiến.

Trịnh-Căn vẫn giữ chức Thống-Lĩnh ; Đào quang-Nhiêu làm Thống-Xuất, Lê-thì-Hiến và Hoàng-Nghĩa giao làm Đốc-Xuất, thêm 3 Đốc-thị là : Lê-sĩ-Triệt, Trịnh thị-Tế và Thân-Tuấn.

Lần này, chúa Trịnh rất khôn khéo, mời vua Lê Thần-Tông đi dự chiến để lấy thêm uy-Tín vì dân Hà-Tĩnh và Bố-Chính vừa đây nghiêng ngả theo Nguyễn. Vua đóng ở Phù-Lộ trên hữu-ngạn sông Gianh mà trước đây không lâu chúa Hiền đã có dịp đến hạ Tổng-hành-Doanh.

Quân Trịnh chia ra 3 đạo : thủy-quân đến đóng ngay tại cửa sông Nhật-Lệ. Bộ-binh qua sông Gianh tiến vào Nam Bố-Chính, còn đại-quân hẳn tùy sự điều-khiển của Thống-lĩnh mà chuyển dịch nên không thấy sử nói rõ đóng ở nơi nào.

Hữu-Dật được lệnh của Hiền cho lui về Phước-Lộc hạ trại ở Dinh Ngói.

Quân Bắc tiến theo đến làng Phước-Tự, cách Phước-Lộc bằng con sông Rào dinh.

Bộ Tổng-tham-mưu của chúa Hiền cho đắp gấp một bức thành bằng đất, bắt đầu từ làng An-Nan tiếp giáp bờ biển đến chân núi Châu-Thị. Thành này có tác-dụng bao lấy thành Đồng-Hới về phía Tây. Người ta đặt đại-bác ở đây rồi Hải-quân đối diện nhau chỉ cách có bức thành này mà thôi.

Trịnh cho một quan tham-mưu là Hoàng-Trung mang lọng vàng và hương án cùng vài tên lính đến dụ địch bằng một sắc-chỉ của vua Lê.

Tướng giữ đồn là Vân-Trạch không chịu tiếp sắc và bắn chết Hoàng-Trung rồi đôi bên nổi lệnh đánh nhau kịch-liệt tại tả-ngạn sông Rào Dinh.

Chúa Hiền cho lệnh rút quân tới phía sau thành Đồng-Hới để cố-thủ, vì rào lũy phía trước không đủ vững để che-chở cho quân đội.

Quân Trịnh lại tiến đóng tại làng Trấn-Ninh, phía Bắc thành Đồng-Hới, giữ con đường biển vào làng Chính-Thỉ (tức Trung-Ngãi bây giờ) gần phía Tây thành Đồng-Hới, như thế là Trịnh giữ cả đường đi vào miền núi.

Hữu-Dật lại rút về Vũ-Xá (Dinh Quảng-Bình tức lưu đồn).

Nhiều lần Trịnh muốn đánh mà không thấy quân Nguyễn ra mặt, sự thực Ngàyễn trốn đánh bởi không đủ sức chống trọi thì cứ kéo dài sự cố-thủ để quân Trịnh hao mòn về lương thực có lợi hơn. (Các vùng Nam, Bắc Bố-Chính vì là chiến-trường lâu năm nên quân-đội của đôi bên không nhờ được một thứ gì của dân sở tại).

Quả nhiên, sau một tháng quân Trịnh nao núng về điểm này, bấy giờ Hữu-Dật mới bất thần đánh vào hậu-tuyến của Trịnh trong một đêm tối.

Quân Nguyễn lại còn mặc cả quần áo Bắc để đánh bất ngờ vào trại của Quang-Nhiêu, giết được 100 người bắn súng lên trời, khua chiêng trống ầm ỹ như đang mở cuộc tổng phản-công quân của Quang-Nhiêu phải bỏ chạy hết.

Quân của Trịnh Căn cũng rút theo và quân Nguyễn đuổi đánh đến sông Gianh mới thôi.

Trong dịp này Hữu-Dật va Hữu-Tiến đắp thêm một cái lũy nữa là lũy Trấn-Ninh bên hữu-ngạn sông Nhật-Lệ, có ý ngăn thủy quân của Trịnh. Bên tả-ngạn đối chiếu với lũy Trấn-Ninh, Nguyễn xây thêm lũy Sa-phụ về đầu sông, tục gọi là Đồng-Cát.

Đại chiến lần thứ bảy (Nhâm-Tí 1672)

Tháng 5 năm Nhâm-Tí, tức là 10 năm sau Trịnh Nguyễn còn xô xát với nhau một lần nữa và lần này là lần chót.

Quân Bắc có 100 ngàn nhưng phao đồn có 180.000. Trịnh Căn làm Nguyên-soái coi thủy-quân, Lê Gia-Tông cũng có mặt trong trận đại chiến bên cạnh Tây-Vương Trịnh-Tạc.

Quân Nam lúc này có tân Nguyên-soái là thế-tử Thuần (tên lúc nhỏ là Hiệp) mới hai mươi tuổi, phụ-tá có Vệ-úy Mai-phúc-Lãnh, Ký-lục Võ-phi-Thừa làm Tham-mưu, Chưởng-cơ Trương phúc-Cang con thứ Trương-phúc-Phấn (đã nổi danh trong nhiều trận vào năm 1648) và Nguyễn-đức-Báu. Cang giữ chức Tiên-phong hữu-dực, Báu làm Tiên-phong tả dực. Ty tướng-thần lại lo liệu việc thâu thuế bằng tiền bạc hay thóc gạo để cung cấp cho quân-đội, xung vào ba kho ở Lai-Cách (Bắc Quảng-Trị) An-Trạch và Trường-Dục (Nam Quảng-Bình). Tượng-binh có năm đội mỗi đội có 150 con voi trận.

Tháng 7 năm ấy Thuần mang quân đến Quảng-Bình, Hữu-Dật trước đây giữ chức Chưởng Dinh được thay Hữu-Tiến đang làm Đồng-Xuất ở Lưu Đồn hồi tháng 6, nay được phụ trách giữ thành Sa-phụ (xây năm 1662)

Mỹ-Đức trấn-thủ Dinh Quảng-Bình nay được coi chính-lũy là phần chính của thành Đồng-Hới ở mạn Bắc sông Lệ-Kỳ.

Trương phúc-Cang được ủy giữ Trấn-Ninh để đón cuộc tấn công đầu tiên của Trịnh.

Triều-Tín. trấn-thủ Dinh Bố-Chính giữ thành Đồng-Hới về phía Tây. Thuần-Đức trấn-thủ Cựu Dinh giữ phần thành giáp núi Đầu-Mâu (cũng về phía Tây, chắc nơi này cần giữ ráo-riết hơn cả).

Thuận-Trung, cai-cơ đóng ở cầu Mũi Nại (nơi làm muối) ngay ở đầu ngã ba sông Nhật-Lệ và Lệ-Kỳ (sau này quân Nguyễn cũng đắp ở đây một cái lũy nhỏ gọi là Lũy Ngang vì lũy này chạy ngang theo thành Đồng-Hới ra sông, thành một phòng-tuyến thứ hai).

Tham-tướng Tài-Lễ lĩnh thủy-quân cho đóng một hàng rào cây lớn ở cửa sông để ngăn cản sự đột nhập của các chiến thuyền bên Trịnh.

Nhìn vào việc bố trí này, ta thấy thủy-quân và lục-quân của Nguyễn cố ý đóng liền nhau để tiện liên lạc và tiếp ứng.

Tháng 8, quân Trịnh kéo đến Bắc Bố-Chính. Giám-sát Nguyễn-Lũng đã được cử lại đây từ lâu để mộ một số dân quân địa-phương. Trịnh Căn qua sông Gianh hạ trại ở làng Thanh-Hà bên tả-ngạn và gần cửa sông Lý hòa rồi tung ra tại đây một bản tuyên cáo với nhân dân Thuận, Quảng nói ý nghĩa cuộc chiến tranh của miền Bắc là để đòi hỏi họ Nguyễn sự thần-phục vương-quyền chính-thống của nhà Lê, nhắc rằng đất đai các vùng Thuận, Quảng là đất đai của nhà Lê, đất đai này đã do nhà Lê và nhân dân Bắc-Hà đổ bao nhiêu sương máu mới dành được của Chiêm-Thành; nay chúa Nguyễn một bề chống lại nhà vua là bất trung, một bề chiếm miền Nam làm của riêng là làm một hành-động phản-nghịch. Từ Nguyễn-Hoàng đến con cháu ngày nay đã nghịch-mệnh triều-đình, mặc dầu được luôn luôn tiếp nhận những lời chỉ bảo họa phúc mà không chịu mở mắt, vẫn cứ xây thành đắp lũy, vẫn bắt dân chịu sưu cao, thuế nặng bắt phu, bắt tráng, khiến dân chúng bỏ cả việc học hành, thi thư, lễ nghĩa... Nay Triều-đình bất-đắc-dĩ phải động binh chỉ để trừng phạt kẻ có tội và trừ hại cho dân đến bao giờ thành-công trọn vẹn mới thôi...

Ngoài ra, bản tuyên-cáo này còn kêu gọi dân chúng trở lại qui thuận triều đình để được mọi điều khoan-hồng và những ai có công sẽ được trọng thưởng, mọi việc sưu-dịch sẽ giảm bỏ hết. Những người nguyên quán ở Bắc vì tội lỗi lánh vào Nam cũng được tha thứ và được ban phát chức-vụ v.v...

Bản tuyên-cáo này nếu thật ra có đến tai dân-chúng cũng chẳng được kết quả gì khả quan, vì ta thấy nhân-dân Nam Bắc, sau ngót nửa thế-kỷ

chìm đắm trong vòng máu lửa, đem tính-mệnh, tài-sản đóng góp cho chiến tranh đã quá nhiều mà chẳng được hưởng thụ gì nên họ chẳng ưa Trịnh thì cũng khó thương cả Nguyễn. Có lẽ họ đã có những phản-ứng khá rõ rệt ngay cả trong các hàng tướng sĩ, vì thế nên trong trận đánh 10 năm trước (Tân-Sửu), càng về những giai-đoạn chót, tinh-thần của đôi bên càng uể-oai khiến họ Trịnh cũng như họ Nguyễn phải tự-động bãi-binh. Đến trận đánh lần thứ bảy này các nhà Chúa càng nhận thấy sự-trạng khó khăn đó, rồi chẳng phải mở cuộc thương-lượng cũng tự ý xếp bỏ can-qua...

Và đây là những cuộc hành-binh cuối cùng: tháng 9: quân Trịnh tấn công vào quân của Triều-Tín tướng giữ thành Đồng-Hới được thắng-lợi. Tín liền áp-dụng chiến-thuật của Hữu-Dật năm 1662 là chuyển nhân-dân miền Nam Bố-Chính vào bên trong thành để khỏi vướng víu. Quân Trịnh dàn đánh phía Tây từ làng Chính-thi tới chân-núi phía Đông từ làng Phù-Xá, trên các chỗ cao nhìn xuống những bãi đất bằng của Đồng-Hới. Ở giữa bỏ trống vì có đồng nước nhưng sau cánh đồng nước đi vòng theo là chỗ cao-nguyên và để tập-hợp hai đạo quân, Trịnh đắp một cái thành lớn kéo dài từ chân núi ra tới bãi-biển. Ngày nay ai đi qua đường quan lộ, cách Phù-Xá hai cây số về phía Bắc còn thấy tàn-tích của cái thành đất này.

Ngoài ra, Trịnh-Căn còn cho tập-trung một ngàn chiến thuyền ở cửa sông Giang và sông Nhật-Lệ. Quân thủy bộ có thể hoạt-động cùng nhịp.

Chiến cuộc xem chừng gay go, quân Nguyễn phải đắp các mô bằng đất để đặt súng đại bác tại lũy Trấn-Ninh và bắt dân ở chân núi chặn giữ quân Trịnh ở các đầu sông, ngọn nguồn.

Chúa Hiền thấy lực-lượng quân Bắc quá hùng hậu, họp các quan tỏ ý lo ngại bàn nên đánh hay nên giữ.

Cai- cơ Tống đức-Minh nói: «Quân Bắc ở xa các căn-cứ quân lương, việc tiếp-tế chậm chạp, nên cố-thủ là hơn. Xin cho đào hầm hố nhiều để tiện ẩn nấp. Họ bị hao mòn sẽ sinh nản bấy giờ phản-công ắt có lợi...»

Trần đình-Ấn chủ-trương mộ thêm lính mới và phao đồn quân Nguyễn có tới 16 vạn, cho rằng quân Trịnh chưa dễ đã có tới 10 vạn.

Hiền-Vương nghe theo liền cho tuyển lính mới ở hai tỉnh Quảng-Bình và Quảng-Trị. Nếu ai ương-ngạnh sẽ do quân-pháp thẳng tay trừng phạt (sự kiện này tỏ rõ ngay tại đất Nguyễn bấy giờ đã có phản-ứng của nhân-dân đối với chiến-tranh).

Ngày 23 tháng 9 năm Ất-Vị, hai quân thủy lục lên đường để lại hai đạo phòng-bị hậu-tuyến và cửa Thuận-An, lấy dân quân năm quận miền Nam Quảng-Bình gồm tỉnh Quảng-Trị và Thừa-Thiên lập các đồn theo dọc bờ biển từ Đồng-Hới vào tới phía Đông kinh-thành Thuận-Hóa.

Cuộc phòng-thủ này bớt được phần lo ngại cho dân chúng.

Tháng 11, tướng Trịnh là Lê thời-Hiến dẫn quân đến trước thành Trấn-Ninh. Nguyễn Soái của Nguyễn là Hiệp vội tới Cừ-thôn và Hạ-Thôn thuộc thành Đồng-Hới. Ở giữa là bức thành chính dựng sau bức thành nhỏ ăn vào Mũi Nại. Bên tay trái tại chân núi là thành Đồng-Hới và thành Đầu-Mâu, ở bên tay phải trên hữu-ngạn sông Nhật-Lệ là thành Trấn-Ninh. Quân Trịnh tập-trung mọi năng-lực ở đây và cả bên tả-ngạn, có thành Sa-phụ, xét Sa phụ hơi xa cửa sông không đủ sức phòng-thủ, Hiệp cho một toán quân đóng ngay sông Nhật-Lệ và ở Sa-chung, Lê-thời Hiến ra lệnh xung-phong nhưng quân Trịnh bị đánh bật ra và thiệt hại nhiều. Tây-Vương Trịnh Tạc lúc này cũng thị chiến cho đòi một số tướng lãnh đến khiển-trách nghiêm ngặt.

Lê-thời-Hiến lại đem ba ngàn sĩ tốt xung-phong lần thứ hai. Quân Trịnh vừa đánh vừa lấp các hầm hố. Quân Nam trên thành vội bố-trí hỏa-lực và bắn xuống quân Trịnh đang leo lên thành đông như kiến.

Để tránh đạn của Nguyễn, quân Trịnh đào hầm hoặc đắp ụ rồi ẩn ở dưới hay ở đàng sau, đồng thời tung những diều có lửa bay lên đốt doanh trại của quân Nguyễn hoặc ném cả quả nổ có chất cháy.

Thành bị ba bốn lần nao-núng, suýt lọt vào tay quân Trịnh, tướng Nguyễn là Trương phúc-Cang thất vọng, tính rút quân ra khỏi thành về

giữ căn cứ Mũi Nại nhờ vào thế sông Lệ-Kỳ. Nhưng Hiệp không nghe đòi cứ kháng-cự kịch-liệt và sẽ cho viện binh đến giúp vì nếu quân Nguyễn rút, toàn-thể quân đội có thể thoái chí.

Sau Hiệp lại sai Hữu-Dật đi cứu Trấn-Ninh còn tự mình đem quân đến trợ lực cho Sa-Phụ.

Quân Trịnh biết Trấn-Ninh sẽ được cứu cấp nên cho 30 chiến-thuyền lọt vào sông Nhật-Lệ để ngăn quân tiếp viện. Quân Nguyễn cũng đoán được sự-kiện này, cho đặt đại bác đợi thủy quân Trịnh tiến vào sông thì bắn xuống.

Tại đây, thủy quân Trịnh bị hai phía đánh rập lại nên vừa tới thì bị tan vỡ ngay.

Còn Hữu-Dật tới Trấn-Ninh thì trời tối mù, phải lấy cỏ rác và cành cây làm đuốc để soi chiến-địa. Thấy quân cứu-viện của Nguyễn đến, quân Trịnh ngừng xung phong.

Quân Trịnh đã phá được một khúc thành chừng 30 trượng (120 thước), quân Nguyễn và dân chúng vội lấy cọc và ván dựng lên để che đậy suốt cả một đêm thì hôm sau địch lại tấn-công. Thành được hàn vá cẩn-thận nên không bị hạ và binh-sĩ đôi bên đều chết hại khá nhiều.

Đây là lời thuật của các sử-thần đời Nguyễn trong *Đại-Nam liệt chuyện, Đại-Nam thực-lục* v.v. còn sử-thần nhà Lê cũng nói rằng các cuộc tấn-công trên đây rất là gay go nhưng cho rằng trận đánh năm Nhâm-Tí (1672) phần thắng về quân Trịnh, rằm tháng 11 năm ấy thống suất Lê thời-Hiến tiến đánh đến chân lũy Trấn-Ninh. Các tướng Lương đăng-Quang, Võ tuấn-Tài đánh quân Nguyễn ở Đa-lân đốt phá được nhiều đồn ải, bắt được nhiều tù binh và võ khí mang về nạp cho Vua và Chúa Trịnh-Tạc.

Nhưng chiến-sự còn đang khai-diễn thì chúa Trịnh-Tạc về Bắc: tháng chạp năm ấy, thấy quân mình đánh lũy Trấn-Ninh mấy tháng trời không chuyển, thời tiết lại quá xấu (mưa lạnh buốt vì có gió Đông-Bắc) Trịnh Căn bị bịnh nặng ở Linh-giang. Lê Gia-Tông lui về Phù-Lộ, thuộc tả-ngạn sông Gianh. Sử-liệu này chứng minh quân Nguyễn bị đánh lùi nên vua Lê, Chúa Trịnh mới vào được tới miền Nam Bố-Chính, mà bị đánh lùi tất nhiên quân Trịnh có thắng.

Trước khi lên đường về Thăng-Long, Chúa để Lê-thời-Hiến ở lại làm Trấn-thủ ở Nghệ-An, Lệ-sĩ-Triệt làm Đô-đốc Hà-trung để giữ các căn-trọng-yếu vùng sông Gianh.

Từ đó sông Gianh là đường phân giới cho hai miền Nam-Bắc, chiến sự ngừng lại, cho đến năm Bính-Ngọ (1786) tức là năm 47 đời Lê-cảnh-Hưng nhà Tây-Sơn dấy nghiệp thì Nguyễn cũng vong mà Trịnh cũng mạt.

Có điều đáng buồn cười là sau cuộc đại-chiến năm Nhâm-Tí (1672) Trịnh và Nguyễn cả hai đều cho là mình thắng trận. Trịnh-Tạc tâu vua phong cho Trịnh-Căn tước Định-Nam Vương tưởng-lệ binh tướng, chúa Hiền về đến Thuận-Hóa cũng tế cáo trời đất, làm lễ tại nhà Thái-miếu và khao thưởng quân-sĩ, bãi thuế cho dân các vùng lâm vào cảnh khói lửa. Thực ra cuộc Nam-chinh của Bắc-hà giữ vững được tình-thế cũng đã vô cùng khó nhọc, gian-lao và Nam-hà cũng không thể tiến-triển hơn nữa bởi Nguyễn là một lực-lượng mới bột khởi so với miền Bắc.

CÁC VUA THỜI NAM BẮC TRIỀU

NAM TRIỀU

1) Lê trang-Tông (1533-1548) Niên-hiệu: Nguyên-hòa. Làm vua được 16 năm. Thọ: 31 tuổi.

2) Lê trung-Tông (1548-1556) Niên-hiệu: Thuận-bình. Làm vua được 8 năm. Thọ 28 tuổi.

3) Lê anh-Tông (1556-1573) Niên-hiệu: Thiên-hữu (1557) — Chính-tri (1558-1571) — Hồng-phúc (1572-1573). Làm vua được 16 năm. Thọ 42 tuổi.

4) Lê thế-Tông (1573-1599) Niên-hiệu: Gia-thái (1573-1577) — Quang-hưng (1578-1599). Làm vua được 27 năm. Thọ 33 tuổi. Trong đời ngài Trịnh-Tùng dứt được họ Mạc lấy lại đất Đông-đô (Thăng-long).

BẮC TRIỀU

1) Thái-tổ Mạc đăng-Dung (1527-1529) Niên-hiệu: Minh-đức.

2) Thái-tông Mạc Đăng-Doanh (1530-1540) Niên-hiệu: Đại-Chính (Trong lúc này nhà Lê trung-hưng ở Thanh-hóa).

3) Hiến-tông Mạc-Phúc-Hải (1541-1546) Niên-hiệu: Quảng-hòa.

4) Tuyên-tông Mạc-Phúc-Nguyên (1546-1561).

Niên-hiệu: Vĩnh-định (1547). Cảnh-lịch (1548 1553) — Quang-bảo (1554-1561). Hai miền Nam-Bắc đã bắt đầu có cuộc xung-đột nhưng không bên nào thắng bại

5) Mạc-Mậu-Hợp (1562-1592). Niên-hiệu: Thuần-Phúc.

(1562-1565 — Sùng-khánh
(1566-1567) — Diên-thành
(1578-1585) — Đoan-thái
(1586-1587) — Hưng-trị
(1590) — Hồng-ninh (1591-92)

Sa-Đéc
Friday, March 4, 2016

CÁC VUA VÀ CHÚA THỜI TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

LÊ KÍNH-TÔNG (1600-1619)

NIÊN-HIỆU: Thuận-đức—1600. Hoằng-định (1601-1619) Húy là Duy-Tân con vua Thế-Tôn, ngài làm vua đến năm Kỷ-Mùi (1619) bị Trịnh-Tùng bức tử, phải thắt cổ, trị-vì được 20 năm, thọ 32 tuổi.

TRỊNH

Bình-an-vương Trịnh-Tùng (1570-1620) Miếu-hiệu là Thành-tổ Triết vương. Tùng tranh quyền của anh, nối nghiệp Trịnh-Kiểm, đánh

NGUYỄN

Đoan quận-công Nguyễn-Hoàng (1600-1613) Truy-tôn là Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế (tục gọi là chúa Tiên-Hoàng là con thứ hai của Nguyễn-Kim

phá nhà Mạc lấy được Đông-đô sáng lập ra nhà Chúa nhưng vẫn tôn nhà Lê, mất năm Quý-Hợi (1623).

dựng-nghiệp ở Thuận-Quảng, đánh Chiêm-thành mở ra phủ Phú-Yên, qua đời năm 1613, thọ 89 tuổi.

Thụy quận-công Nguyễn-phúc-Nguyên (1613-1635) Truy-tôn là Hi-tôn Hiến văn hoàng-đế, tục gọi là chúa Sãi, con thứ 6 của Nguyễn-Hoàng. Họ Nguyễn cải ra Nguyễn-phúc từ đời chúa Sãi trở đi.

LÊ THẦN-TÔNG (1619-1643)

NIÊN-HIỆU: Vĩnh-tộ (1620-1628) Đức-long (1629-1634) Dương-hòa (1635-1643).

Huý là Duy-Kỳ, con vua Kính-tông ở ngôi đến năm Quý-Mùi (1643) rồi nhường ngôi cho thái-tử.

Thanh-đô vương Trịnh-Tráng (1623-1657) Miếu-hiệu là Văn tổ nghị-Vương nối nghiệp cha là Trịnh-Tùng đánh họ Mạc ở Cao-Bằng và Nguyễn ở Quảng-Bình.

Nguyễn-phúc-Nguyên chống họ Trịnh ở Quảng-Bình mất năm Ất-Hợi (1635) thọ 73 tuổi.

Nhân quận-công Nguyễn-phúc Lan (1635-1648) Truy-tôn là Thần-tông Hiếu-chiêu Hoàng-đế, tục gọi là chúa Thượng, con thứ hai của chúa Sãi chống Trịnh ở Quảng-Bình.

LÊ CHÂN-TÔNG (1634-1649)

NIÊN-HIỆU : Phú-thái.

Húy là Duy-Hựu, con vua Thần-tông làm vua được 6 năm thọ 20 tuổi. Được vua Minh đóng ở Quảng-tây sai sứ sang phong An-Nam quốc vương.

Trịnh-Tráng đánh họ Nguyễn ở phía Nam.

Nguyễn-phúc-Lan mất năm Mậu-Tí (1648) thọ 48 tuổi.

Dũng-quận-công Nguyễn-phúc-Tần (1648-1687) truy-tôn là Thái-tông Hiếu triết hoàng-đế, tục gọi chúa Hiền đánh nhau với Trịnh ở Nghệ-An, mở ra phủ Ninh-hòa và Diên-Khánh tức Khánh-hòa.

LÊ THẦN-TÔNG (1649-1662)

NIÊN-HIỆU: Khánh-Đức (1649-1652). Thịnh-đức (1653-57) Vĩnh-thọ (1657-1661), Vạn-Khánh (1662). Vua Chân-Tôn mất không người nối dõi, Thái-thượng hoàng trở lại ngai vàng và trị vì được thêm 13 năm thì mất, thọ 56 tuổi.

Tây Vương Trịnh-Tạc (1657-1682) con của Trịnh-Tráng. Miếu-hiệu là Hoàng-tổ Dương-vương, tấn công nhà Mạc ở Cao-bằng, đặt lệ vào chầu vua không lạy, đặt giường ngồi bên tay phải của vua.

Nguyễn-phúc-Tần (chúa Hiền).

LÊ HUYỀN-TÔNG (1663-1671)

NIÊU HIỆU : Cảnh-trị.

Huý là Duy-Vũ, con thứ hai của vua Thần-tông — mở cuộc thông-sứ với nhà Thanh, cấm đạo Gia-tô — làm vua được 9 năm thọ 18 tuổi.

Trịnh-Tạc

Nguyễn-phúc-Tần

LÊ GIA-TÔNG (1672-1675)

NIÊN-HIỆU : Dương-đức (1672-1673) Đức-Nguyên (1674-75) Huý là Duy-Hội con thứ ba của Thần-Tông, lên 2 tuổi thì Thần-tông mất. Trịnh-tạc đem về nuôi ở phủ chúa. Khi Huyền-tông mất không con, Trịnh tạc lập làm vua được 4 năm thọ được 15 tuổi.

Trịnh-Tạc

Nguyễn-phúc-Tần

LÊ-HI-TÔNG (1676-1705)

NIÊN-HIỆU : Vĩnh-trị (1678-80) Chính-hòa (1680-1705) Huý là Duy-hợp con thứ tư của Thần-tông. Khi vua Thần-tông mất, bà Trịnh-thị mới có thai bốn tháng. Gia-tôn mất không con — Trịnh-Tạc lập lên làm vua được 29 năm rồi truyền ngôi cho thái tử lên làm Thái-thượng-hoàng.

Trịnh-Tạc mất năm Nhâm-Tuất (1682) Định-vương Trịnh-Căn (1682-1709) — Miếu-hiệu là : Chiêu-tổ Khang-vương.

Nguyễn-phúc-Tần mất năm Đinh-Mão (1687) thọ 68 tuổi.

Hoàng-quốc-Công Nguyễn-phúc-Trăn (1687-

Làm Chúa được 28 năm thì mất, truyền ngôi Chúa cho cháu huyền tôn là Trịnh-Cương.

91) Truy-tôn Anh-tôn hiếu-nghĩa hoàng-đế, tục gọi chúa Nghĩa.

Lập phủ ở Phú-Xuân tức Huế ngày nay. Mất năm Tân-Mùi (1691) thọ 43 tuổi.

Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu (1691-1725) Truy-tôn là Hiến-tông hoàng-đế đương thời gọi là Quốc chúa — thôn tính hết đất của Chiêm và lấy được Gia-định, Hà-tiên của Chân lạp.

LÊ-DỤ-TÔNG (1706-1729)

NIÊN-HIỆU : Vĩnh-Thịnh (1706-1719) — Bảo-thái (1720-29).

Dụ-Tông huý là Duy-Đường, trị vì được 24 năm, bị Trịnh-Cương buộc phải truyền ngôi cho Thái-tử là Duy-Phương.

Mất năm Tân-Hợi (1731), thọ 52 tuổi.

TRỊNH

Trịnh-Căn mất năm Kỷ-Sửu (1709)

An-đô-vương Trịnh-Cương (1709-1729).

Miếu-hiệu là : Hi-tổ Nhân-vương.

Mất năm Kỷ-Dậu (1729)

NGUYỄN

Nguyễn-phúc-Chu mất năm Ất-Tị (1725), hưởng thọ 51 tuổi, được 146 người con.

Đỉnh-quốc-Công Nguyễn-phúc Trú (1725-1738)

Truy-tôn là Túc-tôn Hiếu minh Hoàng đế mở mang đất Gia-Định và bảo-hộ nước Chân-Lạp.

LÊ ĐẾ DUY-PHƯƠNG (1729-1732)

NIÊN-HIỆU : Vĩnh-Khánh

Trị vì được 3 năm, bị Trịnh-Giang vu cáo là tư-thông với vợ Trịnh-Cương nên bị bắt truất, giáng xuống làm Hôn-Đức-Công và bị giết năm Nhâm-Tí (1732)

TRỊNH

Trịnh-Cương mất

Uy-Nam-Vương Trịnh-Giang (1729-1740)

Miếu-hiệu là Dụ-tổ Thuận-vương Trịnh-Giang làm chúa xa xỉ và quá tàn ác, giặc dã nổi lên nhiều nơi.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc-Trú

LÊ THUẦN-TÔN (1732-1735)

NIÊN-HIỆU : Long-Đức

Húy là Duy-Tường, là con vua Dụ-tôn. Trước ngài đã được lập làm Thái-tử, sau bị Trịnh-Cương bỏ để lập Duy-Phương. Trịnh-Giang làm chúa lại bỏ Duy-Phương, lập ngài lên làm vua. Mất năm Ất-Mão (1735), thọ 37 tuổi.

TRỊNH	NGUYỄN
Trịnh-Giang	Nguyễn-phúc-Trú

LÊ Ý-TÔN (1735-1740)

NIÊN-HIỆU : Vĩnh-hựu

Húy là Duy-Thìn, con vua Dụ-Tôn. Trịnh-Giang bỏ con vua Thuần-Tôn mà lập ngài.

Năm Canh-thân (1740), Trịnh-Doanh buộc ngài phải nhường ngôi cho con vua Thuần-tôn và ngài làm Thái-thượng-hoàng

Mất năm Kỷ-Mão (1759), hưởng thọ 41 tuổi.

TRỊNH

Trịnh-Giang bị bỏ năm Canh-Thân (1740), làm Thái-thượng-vương. Trịnh-Doanh là em lên thay.

Minh-đô-vương Trịnh-Doanh (1740-1767)
Miếu-hiệu là : Nghị-tổ Ân-Vương.
Trịnh-Doanh dẹp loạn trong nước.

NGUYỄN

Nguyễn-phúc Trú mất năm Mậu-Ngọ (1738), thọ được 43 tuổi.

Võ-vương Nguyễn phúc Khoát (1738-1765)
Truy-tôn là Thế tôn Hiếu-võ Hoàng-đế.
Ông Nguyễn-phúc Khoát đánh Chân-Lạp mở thêm đất ở Gia-Định.

LÊ HIẾN-TÔN (1740-1786)

NIÊN-HIỆU : Cảnh-hưng

Húy là Duy-Đào, con vua Thuần-Tôn. Trị vì được 46 năm, hưởng thọ 70 tuổi.

TRỊNH

Trịnh-Doanh mất năm Đinh-Hợi (1767).
Tĩnh-Đô-vương Trịnh-Sâm (1767-1782)
Miếu-hiệu là : Thánh-tổ Thịnh-vương.

NGUYỄN

Võ-vương Nguyễn-phúc Khoát xưng vương hiệu năm giáp-tí (1744) và mất năm Ất-Dậu 1765)

Trịnh-Sâm dẹp yên giặc dã ở xứ Bắc. Lấy đất Thuận-Hóa và đất Quảng-Nam của Chúa Nguyễn. Vì say đắm nàng Đặng-thị Huệ nên bỏ con trưởng lập con thứ, gây nên mối biến loạn. Mất năm Nhâm-Dần (1782).

Tôn-Đô-Vương Trịnh Cán làm chúa được 2 tháng thì bị quân Tam-phủ truất đi mà lập anh Trịnh Khải

Đoan-Nam-Vương Trịnh Khải (1783-1786)

Bị Tây Sơn bắt, phải tự tử năm Bính-ngọ (1786).

Định-vương Nguyễn-phúc Thuần (1765-1777)

Truy-tôn là Duệ-tôn Hiếu-định Hoàng-đế.

Trong thời ngài làm chúa, Trương-phúc Loan chuyên quyền. Quân Tây-Sơn nổi lên đánh phía Nam, quân Trịnh đánh phía Bắc.

Sau quân Trịnh vào chiếm Phú-Xuân, Định-vương phải chạy vào Gia-định và bị Nguyễn-văn-Huệ là tướng Tây-Sơn giết, thọ 24 tuổi.

Nguyễn-vương Nguyễn-phúc-Ánh, tức vua Thế-tổ Cao-hoàng-đế nhà Nguyễn khởi-binh ở Gia-Định.

LÊ MẪN-ĐẾ (1781-1788)

NIÊN-HIỆU : Chiêu-thống.

Là cháu đích tôn vua Hiển-tôn, bị quân Tây-Sơn đánh thua phải chạy sang Tàu cầu cứu, nhà Thanh nhưng vẫn thất bại, lại phải trở sang Tàu, bị quan Tàu làm nhục, sau mất ở Yên-Kinh.

TRỊNH

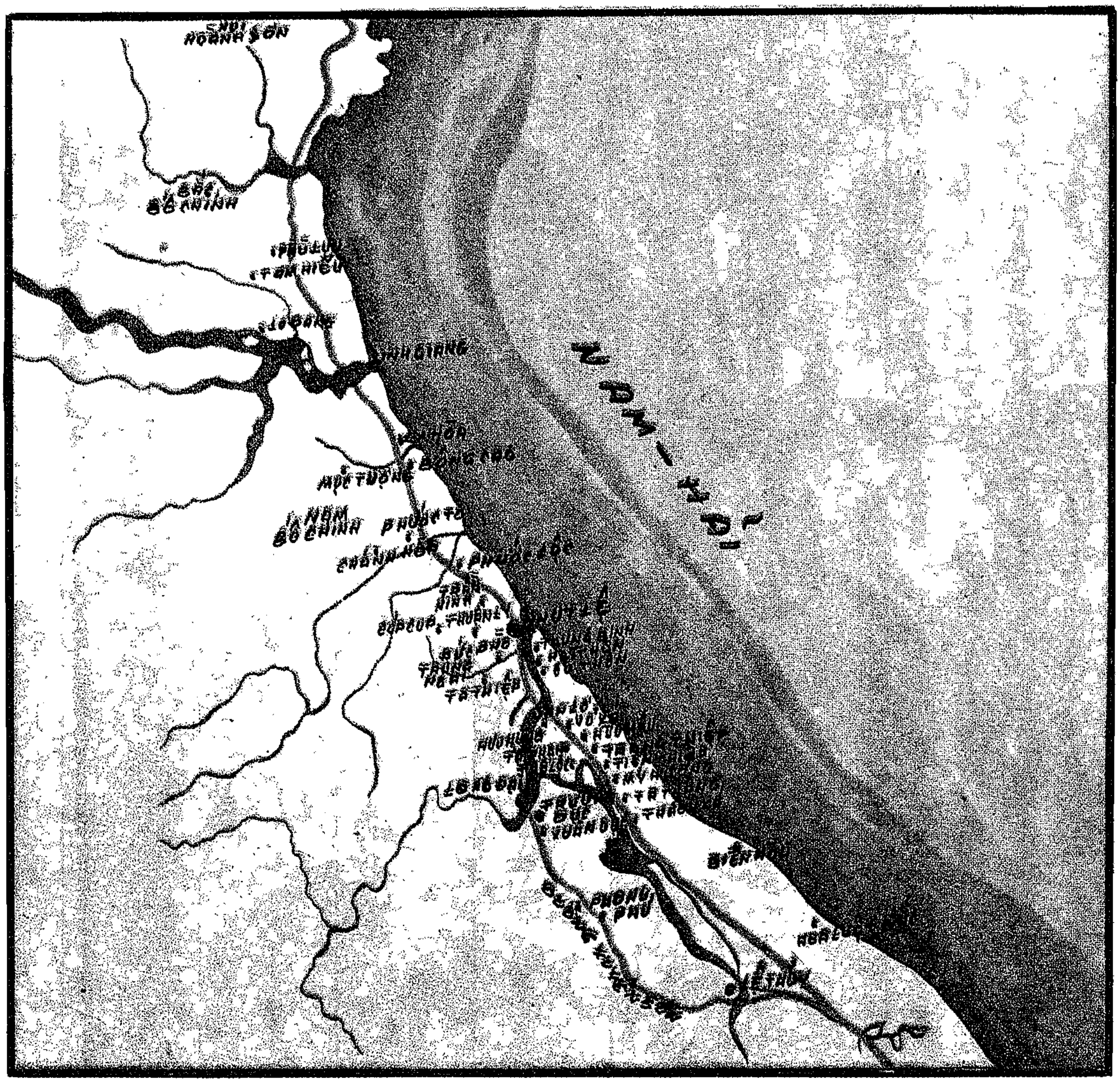
Ân-đô-Vương Trịnh-Bồng. Sau khi quân Tây-Sơn rút về Nam, đảng họ Trịnh lại lập Trịnh-Bồng lên làm chúa. Vua sai Nguyễn-hữu Chỉnh ra đánh. Trịnh-Bồng bỏ đi tu.

NGUYỄN

Nguyễn-vương Nguyễn-phúc Ánh khôi phục đất Gia-Định, và lập ra triều-đại Nguyễn-thị.

CHIẾN TRƯỜNG TRỊNH-NGUYỄN PHÂN TRANH

Từ năm Đinh-Mão 1627 đến năm Nhâm-Tý 1672



CHÚ-THÍCH :

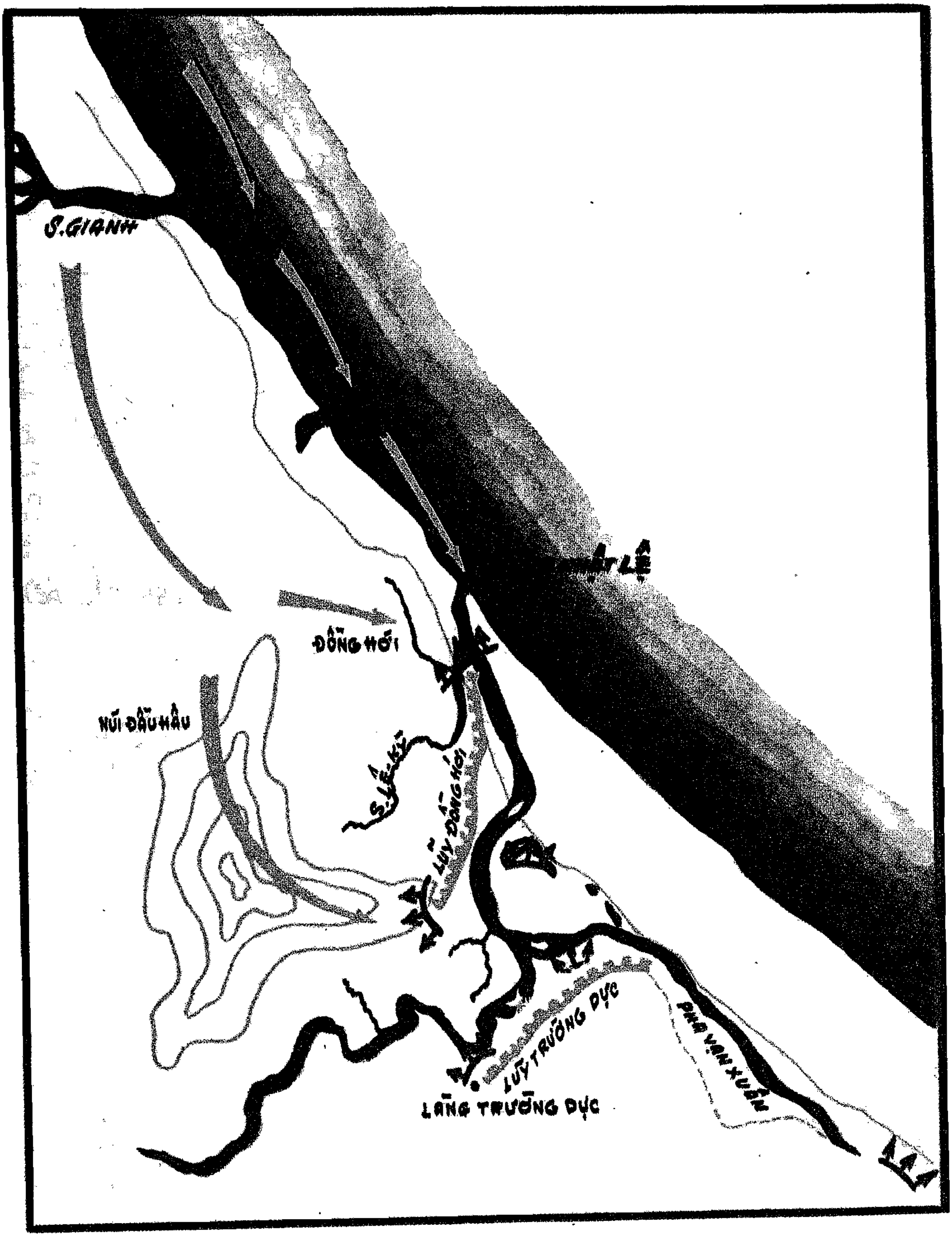
Sông

Đường

Thị Xã

Làng

LŨY THẦY (*Trịnh Nguyễn phân tranh*)



<u>CHÚ THÍCH:</u>

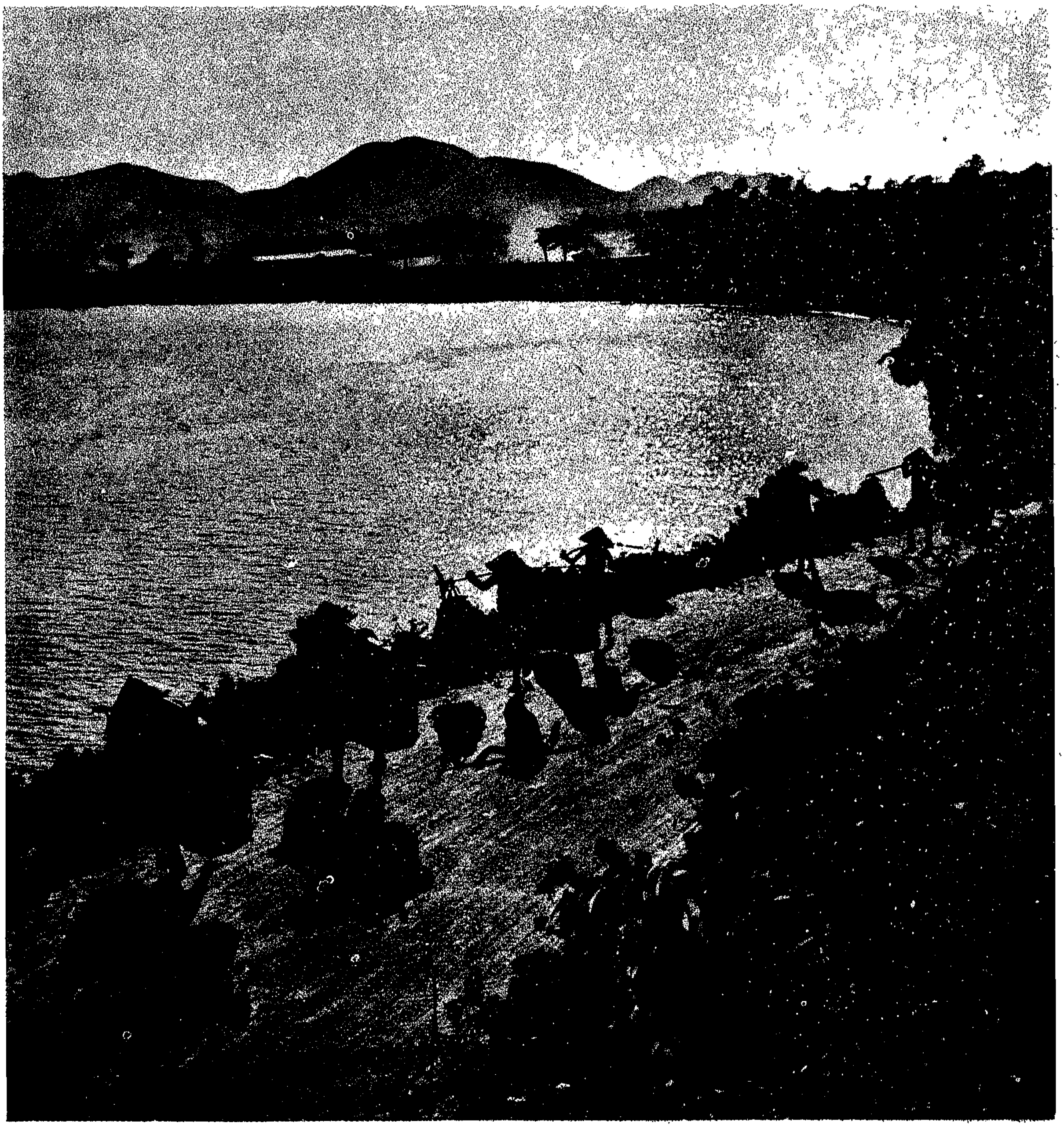
: Đường tấn công của địch.

: Cứ điểm phòng thủ của Nguyên.

CHƯƠNG XI

NAM TIẾN

(VÀ SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA DÂN-TỘC CHÚNG TA)



Trên đường Nam-Tiến

Chiêm, Lạp
trên đường Nam Tiến của chúng ta

Bàn về Nam-tiến là một công-cuộc mở đất nuôi dân từ năm bảy thế-kỷ trở về đây, chúng ta không thể phủ-nhận tầm quan-trọng vô-biên của nó. Từ đời Lý qua đời Trần, đến Hậu-Lê, nhờ sự yên ổn, vui hòa luôn bốn năm trăm năm, nhân-khẩu được tăng-gia mạnh khiến vùng Trung-Châu Bắc-Việt, xưa kia hoang-vu rộng-rãi là như thế mà nay đã thành ruộng ấp tốt tươi, nhưng lại cũng vì thế mà đồng-bằng Bắc-Việt đã trở nên mỗi ngày chật hẹp thêm về diện-tích canh-tác. Xưa kia đất nhiều, người ít, đến đầu thế-kỷ XV-XVI thì trái lại, đất bắt đầu trở nên ít mà người lại quá nhiều, như thế tất nhiên nguồn sống của dân ta mỗi ngày mỗi đi dần đến chỗ bế-tắc.

Trông thấy trước cái nguy-cơ đó từ lâu, nhiều triều-đại Việt-Nam chỉ còn có thể nhìn về phương Nam để giải-quyết vấn-đề nhân-mãn và kinh-tế nông-nghiệp của dân-tộc. Tiến về phương Bắc thì đụng-độ với Hán-tộc là điều cần phải tránh vì Hán-tộc quá lớn, quá đông, tiến về phương Tây, láng giềng Ai-lao chỉ có rừng với núi là những thứ không nuôi sống được người, chỉ còn một phương Nam là nơi đưa lại nhiều hứa-hẹn và có nhiều viễn-ảnh tốt đẹp.

Từ đời Tiền-Lê là thế-kỷ thứ X (980-1009) binh tướng Việt-Nam đã dẫm chân lên đất Chàm, vượt qua đèo Ngang vào tới Chà-Bàn do cái tiền án lịch-sử của Chiêm-Thành đối với dân-tộc ta (khi Chiêm còn đeo cái tên Lâm-ấp, từ năm Nhâm-Dần (102) đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán, Chiêm hay đem quân phá biên-cảnh của chúng ta) Người Việt thấy những mảnh đất bằng phẳng rộng mênh-mông còn bỏ hoang do dân bản-thổ ít năng-lực và ươn lười không khai-thác được bao nhiêu.

Từ Trần qua Hậu-Lê, người Việt lại bước sâu vào quá Hóa-Châu, Thị-Nại, Bình-Định lại càng thấy đồng ruộng phì-nhiêu bát-ngát hơn nữa.

Thiếu đất mà được đất, tất nhiên phải di-dân rồi từ thế-kỷ thứ X binh-sĩ Việt-Nam đi trước, nông-dân Việt-Nam đi sau, nhiều khi một phần bộ-đội được ở lại hợp-tác với nông-dân lập ra các dinh-điền, sát cánh nhau kẻ cầy người cuốc và bảo-vệ miền đất mới.

Thế là nguồn sống của con cháu người Lạc-Việt lại kéo dài, khơi rộng, khơi sâu, vượt núi rừng Thanh-Nghệ để đi dần vào tới chỗ cuối cùng của giải Hoành-sơn.

Đầu thế-kỷ XVII cuộc nội tranh giữa hai họ chúa Nguyễn, Trịnh hay là cuộc tình-cờ của lịch-sử lại thúc đẩy mạnh hơn bao giờ hết ngọn trào Nam-tiến.

Đoan quận-công Nguyễn-Hoàng vì không thể đội trời chung với anh rể ở miền Bắc, xin vào trấn thủ đất Thuận-Hóa. Đối với con người có đầu óc, khi yên-vị xong ở xã Ái-Tử ít lâu, ông liền nghĩ rằng việc ông vào đây không nên chỉ để tránh cái nạn gần lửa rát mặt. Bên trong Thuận, Quảng còn bao nhiêu ruộng đất mầu-mỡ của Chàm, ngon lành như vậy sao không thôn-tính nốt để gây dựng cơ-đồ rồi hùng-cứ một phương mà tùy thời tiến thoái ?

Dưới con mắt của nhà quân-sự: Thuận, Quảng có Hoành-Sơn và Linh-Giang, đó là một ưu-thế chiến-lược, quanh Thuận, Quảng ruộng đất có nhiều, chỉ cần đánh chiếm mà lấy. Nhân-khẩu tăng-gia thì quân sẽ đông sẽ mạnh, khi đó sẽ tính đến vấn-đề họ Trịnh...

Chiếm thêm đất của Chiêm-Thành.

Năm Tân-Hợi (1611), Hoàng xua binh vào đất Chiêm lấy đất lập ra phủ Phú-Yên chia ra làm hai huyện Đồng-Xuân và Tuyên-Hóa.

Việc đánh Chiêm không vất-vả, gian-lao như ngày xưa, vì từ hồi vua Lê Thánh-Tông mang đại quân vào đất Chiêm đến bấy giờ, Chiêm bị kiệt-quệ không sao ngóc đầu lên được. Đến khi họ Nguyễn vào hùng-cứ phương Nam, Chiêm-Thành vẫn không ra khỏi tình-trạng suy bại, rồi đôi khi có cựa quậy chỉ mua thêm sự thiệt-thòi mà thôi. Cũng nên nhắc rằng việc vua Thánh-Tông năm Canh-Thìn (1470), chia nước Chiêm ra làm ba (nước Hóa-Anh, Nam-Phan và Chiêm-Thành) quả vô cùng tai hại cho dân Chàm.

Chia để trị: Ai bảo người Việt giữa thế-kỷ XV đã chẳng tìm ra phương-pháp sâu-độc nhất của nghề thực-dân?

Năm 1653, chúa Chiêm là Bà-Thấm quấy phá phủ Phú-Yên bị chúa Hiền cử tướng Hùng-Lộc của ta đến đánh bại, phải dâng thư xin hàng. Lại thêm một dịp nữa cho người Việt mở rộng cương thổ: chúa Hiền lấy đất của Chiêm lập ra Thái-Ninh-phủ sau đổi ra Diên-Khánh (tức là Khánh-Hòa ngày nay) đặt dinh Thái-Khang giao cho Hùng-Lộc làm Trấn-thủ, còn từ Phan-Lang trở vào vẫn để cho Chiêm làm chủ.

Năm 1693 chúa Chiêm là Bà-Tranh bỏ việc tiến-cống bị Minh-Vương (Nguyễn phúc-Chu) sai Tổng-binh Nguyễn phúc-Kính (con Hữu-Dật) đem quân hỏi tội, bắt được Bà-Tranh với cận-thần là Kế bà-Tử và Tả trà-Viên cùng quyến-thuộc là Bà-Ân đem về Phú-Xuân.

Đất-đai của Chiêm còn lại bị chúa Nguyễn đổi ra làm Thuận-Thành phủ. Tả trà-Viên và Kế bà-Tử được lãnh chức Khám-lý và ba người con của Bà-Ân được làm Đề-đốc giữ Thuận-phủ.

Chúa Nguyễn lại bắt dân Chiêm thay y-phục, từ đó sinh-sống theo người Việt.

Năm sau (1694), Thuận-phủ lại bị đổi ra làm Thuận-thành-trấn và Kế bà-Tử được làm Tả đô-đốc để trị dân và thâu thuế cho chúa Nguyễn.

Năm Đinh-Sửu (1697) chúa Nguyễn đặt ra phủ Bình-Thuận lấy Phan-Rí và Phan-Lang (tức là Phan-Rang, làm huyện Yên-Phúc và huyện Hòa Đa). Thế là đất Chiêm-Thành từ đấy mất hẳn trên thực-tế sau khi các đại-thần và thân-nhân của Hoàng-gia Chiêm đã thành những công-chức của người Việt và uy-thế của Chiêm từ đó không còn mảy may nào nữa.

Như vậy họ Nguyễn đã tiếp-tục cuộc di-dân và thực-dân của các tiền-triều, nhưng ở đây có nên nói rằng giữa họ Nguyễn và các tiền-triều tuy cùng đứng trước một công cuộc, cùng thi-hành một việc, nhưng động-lực thúc-đẩy sự-việc có khác nhau? Các đời Tiền-Lê, Trần, Hậu-Lê thi-hành chánh-sách Nam-tiến là để giải-quyết nạn nhân-mãn ở đồng bằng Bắc-Việt, mở thêm nguồn sống cho dân-tộc, để tổ-quốc trở nên phú-cường. Với họ Nguyễn thì việc di-dân, mở đất là để xây-dựng củng-cố một địa-vị cho cá-nhân cho dòng họ để ít nhất sau này nếu không chống đối được họ Trịnh thì cũng « Nghênh-ngang một cõi biên thùy ».

Họ Nguyễn rất lưu tâm đến việc bành-trướng cương-thổ nên đã trù-liệu đủ mọi kế-hoạch để thực-hiện mục-tiêu kể trên. Nhưng xa hơn nữa, ngoài khu vực của Chiêm họ Nguyễn còn nhìn thấy nước Chân-Lạp tuy còn cách xa bởi một giải đất Chiêm khá dài từ Quảng-Ngãi vào tới Đồng-nai nhưng họ Nguyễn cũng mở cuộc thông-hiếu.

Xâm nhập đất Chân-Lạp

Tình-trạng nước Cao-Miên thuở đó gồm hai vùng Thổ Chân-Lạp và Thủy Chân-Lạp) bấy giờ hay bị nước Tiêm-La uy-hiếp. Trước 1620 đã hai phen người Việt vì tình hàng xóm, láng-giềng đã đẩy lui quân Tiêm cứu nước bạn.

Tình thân-thiện Việt-Miên còn khăng-khít thêm nữa: năm 1620 chúa Sãi lại gả một nàng công-chúa cho vua Chân-Lạp. Đó là công-chúa Ngọc-Vạn. Chàng rể là vua Chei-Chetta II (1618-1626) xưa kia đã sống trên đất Tiêm nhưng khi trở về nước lại rất ít cảm tình với người Tiêm, trái lại rất mặn-mà với dân Việt.

Lấy vợ Việt, Chei-Chetta II không ngoài ý muốn nhờ vả Việt những khi có quốc biến. Nhân

dịp này chúa Sãi đã điều-đình với vua Chân-Lạp, lập một dinh-điền chính-thức trên đất Chân-lạp, tại Mô-Xoài (gần Bà-rịa ngày nay)

Xin nhắc thêm ở đây một điều hết sức quan-trọng : Ngoài việc chúa Sãi xin mở đất chính-thức để dân của chúa làm ăn, khai-khẩn, trước đó trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh nhiều địa-phương lâm vào khói lửa hoặc mất mùa hay bị hạn-hán. một số nông dân của ta đã tự-động lẻn vào Nam canh-tác vùng đất hoang ở Biên-Hòa và Bà-Rịa. Có thể lời yêu cầu của chúa Sãi với Chei-Chetta II chỉ là để chánh-thức-hóa công việc của đồng-bào mình đã xông vào Chân-Lạp để canh-tác trước khi được sự chấp-thuận của vua Chân-Lạp và của người bản-thổ, vì thế nên Việt-kiều của ta đã có phen bị nhiều sự khó dễ. Sau này chúa Nguyễn phải lưu tâm dàn xếp với chánh-quyền Chân-Lạp để bảo vệ Việt-kiều là vì vậy.

Ngoài ra nhờ lúc Việt-Miên kết thân-gia, chúa Nguyễn lại đưa thêm một số lưu dân mới nữa thuộc vùng Quảng-Bình vào Chân-Lạp, thế là không còn bỏ sót một cơ-hội thuận-tiện nào cả.

Tóm lại Nam-tiến từ giai-đoạn họ Nguyễn cát-cứ miền Nam vừa là sự-nghiệp của nhân dân, vừa là sự-nghiệp của chánh-quyền trong tay con cháu Nguyễn Hoàng.

Việc Nam-tiến sau này có hai giai-đoạn thuận tiện cho người Việt xâm-nhập vào đất Chân-Lạp thêm nữa :

Giai-đoạn thứ nhất vào năm 1658

Việt-Nam lịch-sử giáo-trình của Đào-Duy-Anh chép rằng : « Năm 1658, vua Chân-Lạp là Nặc Ông-Chân (Ang-Chan) đem quân xâm-phạm biên-cương, chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Tần sai Nguyễn-phúc-Yên, Phó trưởng dinh Trấn biên (Phú-Yên) đem 3.000 quân sang đánh Nặc Ông-Chân ở Mồi-Xuy (tỉnh Biên-Hòa). Phúc-Yên bắt được Nặc ông-Chân đem về Quảng-Bình nộp cho chúa Nguyễn đương hành-quân ở đó, Phúc-Tần tha cho Ông-Chân, sai quân đem về nước, bắt phải xưng-thần nạp cống và phải bênh-vực người Việt đang làm ăn ở miền Mồi-xuy và Đồng-nai...»

C.M. Maybon cũng nói như Đào-Duy-Anh, hẳn đã là căn-cứ vào một số sử-liệu thiếu sự kiểm soát cẩn-thận. Theo chúng tôi thì sự-việc xảy ra như sau :

« Năm 1658, viên Đề-đốc Trấn-biên-dinh được lệnh của chúa Hiền đem 3.000 tử-sĩ chính-thức kéo vào đất Chân-Lạp là do lời cầu-cứu của chú cháu vua nước này sau khi vị tiên-đế quá đời, ngôi báu đã trở nên trò tranh-đoạt. Quân Việt bắt được vua Chân-Lạp là Nặc Ông-Chân đóng cũi đem về giam ở Quảng-Bình một độ nhưng rồi chúa Hiền lại thả về sau khi Ông-Chân chịu xưng-thần nạp cống. Chúa Hiền cho một đạo quân hộ-tống vua Chân-Lạp về nước và buộc thêm một điều-kiện là phải bảo-vệ người Việt làm ăn trên đất Chân-Lạp.

Theo tài-liệu của hai sử-gia C.M. Maybon và Đào duy-Anh thì có phần sai lầm, vì đến năm 1697, Nam-hà mới chiếm hết đất Chiêm-Thành, có lý nào vào năm 1658, Chân-Lạp lại có thể vượt qua Chiêm-Thành để phạm biên-cương của Nam-hà ? Đường bộ thì có Chiêm-Thành án-ngữ, mà đi đường thủy thì Chân-Lạp đâu có thủy-quân hùng-mạnh để đủ sức đến đánh phá ta về mặt biển (Các sử sách đều không đả-động gì đến việc Chân-Lạp có thủy-quân).

Trái lại binh đội của chúa Hiền đã vào bằng đường thủy để lập lại trật-tự ở Chân-Lạp và bắt Nặc Ông-Chân đem ra giam tại Quảng-Bình.

Giai-đoạn thứ hai vào năm 1674.

Năm Giáp-Dần (1674) Nặc Ông-Chân mất, Nặc Ông-Nộn (Ang-Non) nối ngôi, hoàng-gia Chân-Lạp lại lủng củng với nhau. Nặc Ông-Đài (Ang-Chei) là con dòng đích không nắm được ngôi báu nên qua cầu viện Tiêm-La về đánh Nặc Ông-Nộn.

Nộn sang xin chúa Hiền cho quân ở Dinh Thái-Khang vào giúp, sau đó Cai-cơ đạo là Nguyễn dương-Lâm và Tham-Mưu Nguyễn đình-Phái đem hai cánh quân vào đánh Nặc Ông-Đài ở Cao-Mên, phá được đồn Sài-Côn, rồi kéo tràn qua Nam-Vang (Pnom-Penh).

Nặc Ông-Đài bỏ thành Nam-Vang chạy rồi chết ở trong rừng, Nặc Ông-Thu (Ang Sor) là dòng con trưởng (em Ông-Đài) ra hàng quân ta và được làm Chánh quốc-vương đóng tại Long-Úc. Còn Nặc Ông-Nộn làm đệ-nhị quốc-vương đóng ở Sài-Côn hằng năm phải nạp cống.

Năm Kỷ-Vị (1679) bốn tướng của nhà Minh là Dương ngạn-Địch, Tổng-binh đất Long-Môn

(Quảng-Tây), Phó tướng Hoàng-Tiến, Trần thượng-Xuyên, Tổng-binh Châu-Cao, Châu-Lôi và Châu-Liêm (cũng thuộc Quảng-Tây), Trần an-Bình Phó-tướng, không chịu theo nhà Thanh đem 3.000 quân và 50 chiến thuyền đến cửa Tư-Dung xin nhập-tịch Việt-Nam. Chúa Hiền liền cho họ vào khẩn hoang đất Chân-Lạp. Bọn này vào dựng trại ở Gia-Định (đất Đông-Phố) và Biên-Hòa (đất Lộc-Dã) và Mỹ-Tho (thuộc-Định-Tường). Thứ vương Chân-Lạp phải chia đất cho họ.

Đám binh tướng Trung-quốc có nhiều năng-lực nên chẳng bao lâu nổi được sự-nghiệp, mở-mang được nhiều đồng ruộng, phố phường các nhà buôn ngoại-quốc ra, vào buôn-bán rất sầm-uất (các thương-gia Tây-phương có Bồ đào-Nha, Hòa-Lan, Pháp, Anh, Tây ban-Nha v.v... và thương-gia Á-châu có người Nhật, Tàu, Chà-Và, Xiêm v.v...)

Nhưng 9 năm sau, Hoàng-Tiến làm loạn ở Mỹ-Tho, giết chủ-tướng Dương ngạn-Địch rồi lập đồn ở Nam-Khê, đóng tàu chiến, đúc súng đồng, làm những việc cướp phá vào Oudong. Trong dịp này Tiến hợp-tác với Ông-Nộn để uy-hiếp vua Cao-Mên.

Vua Cao-Mên là Nặc Ông-Thu cũng đào hào, đắp lũy ở Nam-Vang, Gò-Bích và Ngã-ba Cầu Nam (Ba-Nam) rèn xích sắt và đóng bè chắn ngang cửa sông, tạo chiến thuyền, đúc súng đại-bác để phòng thủ. Ông-Thu còn cấm người Việt buôn bán ở Cao-Mên không được giao-thông về nước, e tiết-lộ các kế-hoạch chính-trị và quân-sự của mình. Rồi từ đó Ông-Thu bỏ cống cho rằng biến-cố này do chúa Nguyễn gây nên.

Trước sự việc kể trên chúa Phúc-Trăn (chúa Hiền đã chết năm 1687), phải lập-mưu giết được Hoàng-Tiến để bắt Chân-Lạp lại tiến-cống như cũ. Chúa bèn cử Mai Vạn-Long phó-tướng dinh Thái-Khang cùng với Thắng-Long và Tân-Lễ làm tả hữu vệ-trấn, Hoàng-Tiến làm tiên-phong đem quân đi chinh-phạt Ông-Thu. Bề ngoài thì như vậy, nhưng bên trong chúa Nguyễn quyết tâm tiêu-diệt Hoàng-Tiến bởi đã thấy rõ tính-cách lưu-manh của y. Rồi Hoàng-Tiến bị giết và Chân-Lạp lại trở về với chúa Nguyễn như cũ.

Sử của Maybon nói hơi khác một chút : không phải bọn Hoàng-Tiến đã chủ-động trong việc đánh phá vào giang-san của Thu mà chính Nặc Ông-Nộn đã lợi-dụng đám binh tướng lưu-vong người Trung-Hoa và một số quân Chàm để đánh Ông-Thu không phải để cướp đất mà để bắt người lấy của, đòi tiền chuộc nhưng về mặt quân-sự thì dầu được Liên-quân Tàu-Chàm giúp sức, Ông-Nộn vẫn bị đánh bại và phải rút về Sài-Côn. Việc Maybon chép xảy ra vào năm 1682.

Nhưng tới 1688 Ông-Nộn và bọn Hoàng-Tiến lại lủng-củng với nhau. Ông-Nộn cầu-cứu chúa Ngãi (chúa lên làm chúa bấy giờ vừa được ngót hai năm — chúa là con thứ hai của Hiền-Vương)

Cuối năm đó chúa Ngãi cho quân vào Nam tuyên-truyền là đem quân chỉ để đánh Oudong (La-Bích) cho bọn Tàu khỏi ngờ, sau đó bắt được Hoàng-Tiến và giết đi. Chúa lại cho triệt-hạ sào huyệt rồi gọi Trần Thượng-Xuyên ở Biên-Hòa xuống trao cho quyền kiểm-thúc quân phiến-loạn. Công việc không phải đến đây là hết vì ta còn thấy Việt-quân qua Nam-Vang. Nặc Ông-Thu biết không chống nổi xin hàng và xin nộp cống theo thường lệ.

Việt-quân liền rút về Sài-Côn. Ông-Thu đến thời hạn vẫn không thực-hiện lời cam-kết nên quân Việt lại trở qua Nam-Vang bắt được Ông-Thu đem về. Sách Pháp cũng như « *Gia-định thông giám* » nói Ông-Thu đã ra hàng chúa Nguyễn và nhường ngôi năm đó (1700) cho cháu rể là Nặc Ông-Yêm (Ang-Em), đến năm 1722 mới chết. Điều đáng chú-ý là sau những vụ lộn-xộn này tất cả lĩnh-thổ của Thủy Chân-Lạp lọt dần vào tay người Việt cho tới khi Nặc Ông-Nộn qua đời thì chúa Nguyễn không cho đặt người Mên làm quốc-vương ở vùng đất nầy nữa.

Năm 1698 chúa Nguyễn cho Nguyễn hữu-Kính (con Nguyễn hữu-Dật) làm Thống-soái vào thiết-lập các địa-hạt hành-chính tại Chân-Lạp, lấy xứ Đồng-Nai làm huyện Phúc-Long, đặt Biên-Hòa làm Trấn-biên-dinh và Gia-định làm Phiên-trấn-dinh, Sài-Côn đổi làm huyện Tân-Bình. Mỗi Dinh có một quan Lưu-thủ đứng đầu một quan Cai-bộ coi ngân-khố, một qnan Ký-lục coi hình-án, một lực-lượng quân-sự tinh-nhuệ gồm hai ngành thủy lục trấn đóng ở đây để thực-hiện và bảo-vệ chủ-quyền của người Việt ta. Thiết-lập xong bộ máy hành-chánh và quân-sự, chúa Nguyễn lưu-tâm luôn đến vấn-đề mở

mang nông-nghiệp do đó có việc kiềm-tra nhân-số. Bấy giờ ở Chân-Lạp, ta có chừng 200.000 dân (40.000 gia-đình) chúa liền cho chuyền thêm nhiều gia-đình lưu-dân từ Quảng-Bình vào làm ăn trên các miền đất bỏ hoang. Tính ra về đất-đai, ta mở rộng được ở đâythêm hơn một ngàn dặm. Những làng mạc, phố phường, thôn xóm chẳng bao lâu mọc lên như nấm rồi trở nên phong phú, đông đảo, biến cải các rừng sâu đồng lầy thành những trang trại đầy sinh-khí, hoạt-động. Rồi những đất-đai có lợi-tức được đo-đạc để đóng thuế. Sổ đinh cũng như sổ điền được lập ra phân minh, người Việt người Tàu đều phải chịu đóng góp mọi việc như nhau.

Nhưng cuộc Nam-Tiến không phải đến đây là hết, làn sóng thực-dân của người Việt còn tràn qua xuống miền Hậu-giang cho tới sát vịnh Tiêm-la mới thôi. Việc này đã được gặp cơ-hội rất may-mắn vào những năm cuối cùng của thế-kỷ XXII. Nguyên một người Tàu tên là Mạc-Cửu sinh-quán ở Liêu-Châu (Nam Quảng-Đông) cũng bất mãn với triều Thanh tìm đến sinh sống trên đất Mên. Mạc-Cửu qua đây vào năm thứ 19 đời vua Khang-Hy nhà Thanh tức là năm 1680. Xin nhắc lại rằng người Mãn-Châu cướp được nước Tàu tức là ngoại-tộc vào làm vua giống Hán đã là một sự nhục-nhã cho người Hán. Chính-sự của người Mãn dĩ-nhiên buổi đầu có phần khắc-nghiệt với dân bản-địa khiến họ đã phẫn-uất nhiều rồi, huống-hồ các nhà cầm quyền Mãn-Thanh còn thi-hành cả chính-sách di-phong, đảo-tục là bắt người Hán dóc-tóc, đeo bím đồng-hóa theo mình. Đây là một sự-kiện càng khiến cho người Hán bất bình thêm, nên số người trước kia làm quan với cựu-triều tủi-hổ phải di-cư qua đất Việt chúng ta (trường hợp của bọn Hoàng-Tiến, Dương ngạn-Địch, Mạc-Cửu v.v...).

Trên bờ vịnh Tiêm-La bấy giờ trong miền mà người Mên gọi là Préam và Mang-Kham, người Việt gọi là Phượng-Thành sau là Hà-Tiên, người Tàu gọi là Cancao (cửa sông), lân-cận Sài-Mạt ở cửa rạch Giang-Thanh có một khu khá thuận-tiện cho các việc buôn lậu của mọi tay giang-hồ, tứ-chiếng, Việt có, Tàu có, Mã-Lai có, Mên có. Mạc-Cửu nhắm thấy địa-điểm này tốt liền xin cư-ngụ và điều-đình với các nhà cầm quyền Mên, tổ-chức ngay một sòng bạc lớn để kiếm lời (nghề mở cờ bạc vốn là một sở trường đặc-biệt của người Tàu). Ít năm sau Mạc-Cửu thâu lượm được nhiều tiền bạc, chiêu-mộ các tay vong-mạng đến lập ấp, làm vườn, sau dựng được nhiều làng xã phồn-thịnh nhất là ở Kampot, đảo Phú-Quốc, Hà-Tiên, Rạch-giá và Cà-Mâu. Mạc-Cửu thấy thế của người Việt mạnh liền xin thuộc về chúa Nguyễn và được phong làm Tổng-binh Hà-Tiên.

Trong giai-đoạn này là giai-đoạn người Việt nắm hết ảnh-hưởng chánh-trị, kinh-tế ở Thủy-Chân-Lạp lại được người Tàu phụ-họa nhiệt-liệt, đáng lẽ người Mên phải lo tranh đấu, trái lại lúc này hoàng-gia Mên lại vô cùng chia rẽ, khiến thế nước đã yếu lại yếu thêm và càng dễ cho người Việt có nhiều thì giờ củng-cố và bành-trướng thế-lực. Nhưng cũng do các biến-cố của triều-đình Mên mà sự - nghiệp của Mạc-Cửu cũng suýt tan tành ra tro bụi.

Nguyên Nặc Ông-Thu năm 1700, có lẽ để hòa-hoãn với người Việt, đã tạm-thời rời ngôi cho em rể là Nặc Ông-Yêm (Ang Em) là người được chúa Nguyễn có cảm-tình. Năm sau Thu lại trở lại với ngai vàng nhưng đến 1702 lại thoái-vị, lần này thì Nặc Ông-Thu nhường vương-vị cho con đẻ của mình là Nặc Ông-Thâm (Thomo Racha) do đó năm 1714, Ông-Thâm cùng em là Nặc Ông-Tôn lấy quân Tiêm về đánh Yêm. Yêm chạy sang Gia-Định nhờ chúa Nguyễn và người Lèo đem quân sang vây thành Lovet (thành này ở Bắc Oudong và đã là kinh-đô của Mên từ đầu thế-kỷ 16) khiến anh em Ông-Thâm bị nguy-khốn luôn ba tháng, sau mới trốn thoát về Ayuthia (đất Tiêm). Do sự thắng-lợi này Ông-Yêm được trở lại Oudong và được Ông-Thu hứa sẽ truyền ngôi cho.

Nhưng năm 1715 mười lăm ngàn quân Tiêm-La lại sang tỉnh Battambang giúp Nặc Ông-Thâm về tranh ngôi với Ông-Yêm. Yêm không chịu thỏa-hiệp và trước thế mạnh của Việt, quân Tiêm-La thấy không có thể thắng lại rút về nước nhưng năm sau họ lại sang với Ông-Tôn do sứ-mạng của Ông-Thâm gửi về để xúi dân nổi loạn. Nặc Ông-Yêm liền cùng quân Việt chặn đón quân Tiêm. Ông-Tôn bị thương chạy trốn lên núi thuộc tỉnh Pursat chờ quân cứu viện của triều đình Băng-Cốc. Vua Tiêm-La nhất quyết đánh Mên cả hai mặt, vừa cho quân tiến về phía

Đông, vừa tự mình dẫn 3.000 thủy quân đánh vào Hà-Tiên. Mạc-Cửu chống lại rất giỏi nhưng vì không có thành-lũy nên không cầm-cự được lâu dài. Quân Tiêm vào đây cướp phá rất hại nhưng ít bữa sau hạm-đội của họ bị bão đánh tan, họ đành phải triệt-thoái.

Trong lúc này thì lục-quân của họ tới Oudong (La-bích) được nhiều người Mên quy phục. Yêm mang binh cự-địch nhưng rồi lại thôi và xin đầu hàng vua Tiêm-La và dâng nhiều vàng bạc. Quân Tiêm liền rút về. Kết-quả chính-yếu của những chiến-dịch trên đây là triều-đình Ayuthia được quốc-vương Nặc Ông-Yêm thần-phục và Yêm cũng hy-vọng rằng Tiêm-La có thể bảo-vệ được cái ngôi báu của mình lâu dài, bởi ngôi này luôn luôn bị anh em trong nhà giành-giật. Nhưng tiếc thay Tiêm đã không giúp nổi người Mên trong ước-vọng này rồi ta thấy hai phen quân Việt tấn-công (năm 1731 và 1732) vào đất Mên, quân Mên đại bại bỏ chạy, quân Việt vượt sông Cửu-Long lên tới Long-Hồ (Vĩnh-Long) lập nên hai tỉnh mới là Định-Tường và Long-Hồ.

Về phần Mạc-Cửu, sau khi bại trận đã trốn lên tỉnh Kampot, khi chiến cuộc hầu yên liền cử đại-diện đến Phú-Xuân xin qui-phục chúa Nguyễn, xét rằng Mên-hoàng không đủ sức che chở cho mình.

Chúa Minh-vương (1691-1695) tuy trên thực-tế chưa đặt được ảnh-hưởng gì ở vùng Hà-Tiên nhưng cũng chấp-thuận ngay lời yêu-cầu của họ Mạc, rồi họ Mạc thân-hành ra Phú-Xuân cảm-tạ chúa. Được yên tâm, Mạc-Cửu trở về, chuyến này ra sức tái-tạo cơ-đồ, đào hầm, đắp lũy, rèn quân, luyện tướng, dựng đồn trại ở các nơi hiểm-yếu, tuyển-mộ nhân-tài, đặt quan cai-trị, uy-thế lại bốc lên như gió. Năm Ất-Mão (1735) Mạc-Cửu tạ thế (mộ của Ông hiện nay còn ở núi Bình-San tỉnh Hà-Tiên) giữa lúc giang-sơn của ông đang trù-phú.

Mạc thiên-Tứ là con, lên kế-nghiệp được sự chấp-thuận của chúa Nguyễn và được cấp ba chiến thuyền lớn cùng được mở ra một xưởng đúc tiền kẽm cho dân tiêu. Rồi Tứ làm được nhiều công-tác đặc-biệt khiến một thời Hà-Tiên đã trở nên một tiểu-quốc gồm đủ mọi tổ-chức chánh-trị, kinh-kế, văn-hóa, quân-sự v.v... rất đáng cho ta khen ngợi.

Cao-Mên thuở ấy vẫn chưa dứt với tình-trạng rối-ren nội bộ. Con của Nặc Ông-Yêm là Nặc Ông-Tha (Sa-tha II) năm 1736 lên thay cha, đến năm 1747 bị các chú là Nặc Ông-Thâm, và Nặc-Tôn mang quân Tiêm-La về gây biến phải chạy sang Gia-Định cầu-cứu chúa Nguyễn (1738). Loạn quân chiếm được thành Nam-Vang rồi năm sau tràn lấn xuống cả Hà-Tiên. Chiến cuộc ở đây khá gay go. Quân Tiêm-La bị đánh lui. Võ-vương Nguyễn-phúc-Khoát (1738) được tin Mạc Thiên-Tứ thắng trận gởi lời khen ngợi nhiệt-liệt và phong cho Thiên-Tứ chức Đô-Đốc. Từ đấy quốc-vương Mên không còn dám gây chuyện với Hà-Tiên nữa. Nhưng Nặc Ông-Nguyên kế-nghiệp Nặc Ông-Thâm (chết cuối năm 1747) vì xâm lấn biên-cảnh của Việt-Nam nên đã phải trải thêm một cuộc binh-đao hết sức tàn hại nữa. Thực ra thì Tiêm-La lúc này đang lúng túng với cuộc xâm-lăng của Miến-Điện, Võ-vương nhân dịp này mở thêm lãnh-thổ về phía Cao-Mên thì phải hơn. Chúa phái một đạo quân vượt Tây-Giang đánh lui quân Mên rồi tiến vào thành Nam-Vang. Nặc Ông-Nguyên em của Nặc-Đôn phải trốn xuống Vĩnh-Long.

Năm sau Việt-quân họp ở Mỹ-Tho, 10.000 binh-sĩ được xuất phát nhưng bị quân Mên đẩy lui khỏi Tây-Ninh, Việt-quân phản-công lại và tiến được tới Nam-Vang, hạ được thành này. Nặc-Nguyên chạy qua nhờ Mạc-Thiên-Tứ điều-đình với chúa Nguyễn. Chúa thỏa-thuận nhưng đòi Mên-hoàng nhường hết cả miền Nam Gia-Định đến hạ-lưu sông Cửu-Long tới Mỹ-Tho tức là Mên mất cả hai quận Gò-Công và Tân-An xưa là hai phủ Lôi-Lạp và Tầm-Bôn. Năm 1757 Nặc-Nguyên mất. Chú là Nặc-Nhuận lên làm nhiếp-chánh xin thụ phong với Võ-vương chịu mất thêm vùng Bassac và Prea-Pateng (hai phủ cũ là Trà-Vinh và Ba-Thắc).

Nội bộ Mên lại lung-tung : con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn bị uy-hiếp chạy xuống Hà-Tiên. Mạc thiên-Tứ và Trấn-Thủ Gia-Định lại yêu-cầu Võ-vương can-thiệp, lần này Việt-quân lại đem Nặc-Tôn lên ngôi sau khi đã khôi-phục được trật-tự trên đất Chùa Tháp. Để tạ ơn chúa, Mên lại hiến đất Tầm-phong-Long (vùng Bắc Bassac). Còn Mạc thiên-Tứ thì được năm phủ là Hương-Úc, Cần-Bột, Trực-Sâm. Sài-Mạt và Linh-Quỳnh (Kampot và Kampong-Son). Họ Mạc liền xây thành đắp lũy ở

Rạch-Giá và Long-Xuyên. Các đất mới được phân chia thành các địa-hạt hành-chính lớn, nhỏ (phủ, huyện) rồi các quan người Việt đến cai-trị.

Còn chúa Nguyễn cũng cho thiết-lập ngay các thành-lũy ở Sa-Đéc và Châu-Đốc để củng-cố chánh-quyền của mình trong khi họ Mạc quản-trị một giải đất chạy dài tới vịnh Tiêm-La gồm Kampot và Cà-Mau. Thế là toàn diện Thủy Chân-Lạp (lục-tỉnh Nam-Việt ngày nay) thay thầy đổi chủ.

Theo trên, chúng ta nhận thấy người Mên lục-đục với nhau chỉ có lợi cho người Việt. Mỗi lần anh em, chú chậu giành nhau quyền-vị thì là một lần mất đất bằng cách này hay cách khác. Về phía Tiêm-La cũng xen vào nội-bộ Cao-Mên để trục lợi và giành nhau với người Việt, nhưng không thành-công, bởi họ không đủ sức mạnh để cản trở bước tiến của chúng ta.

Sau này Tiêm-La nhờ được một người lai Huê-Kiều là Trịnh quốc-Anh, người Triều-Châu hai đời cư ngụ ở đây, là xã-trưởng ở đất Mang-Tát (một quận miền Bắc) nổi lên cầm-quyền trong lúc Miến-điện bắt mất vua là Phong-vương và đánh bạt được hoàng-gia. Trịnh khôi phục dần được tình-trạng của quốc-gia Tiêm sau cuộc chiến-tranh hết sức tai hại với Miến-điện (Quân Miến đã chiếm được quốc-đô của Tiêm-La bấy giờ là Ayuthia vào ngày 8 tháng 4 1767. Rồi Trịnh-quốc-Anh lên làm vua, đòi Chân-Lạp phải xưng thần nạp cống. Vua Chân-Lạp là Nặc-Tôn không chịu, cho rằng Trịnh quốc-Anh không thuộc dòng chính-thống, tức thì Trịnh cho người mang Nặc-Nộn (từ lâu tá túc ở đất Tiêm) về làm vua Chân-Lạp. Quân Tiêm và Mên kịch-chiến ở Angkor nhưng quân Tiêm không thắng được Mên, phải trở về mang theo một số dân bị bắt làm tù-binh.

Tiện đây xin kể qua vài việc đã xảy ra trên đất Tiêm hồi quân Miến thắng thế. Hai con vua Tiêm là Chiêu-Thúy và Chiêu-sĩ-Khang trước biến-cố này đã chạy sang náu mình ở Hà-Tiên, Trịnh quốc-Anh biết bọn này ngày nào còn chưa bị diệt thì còn là mối hậu họa, nên tháng 10 năm Tân-Mão (1771). Trịnh đem binh sang vây đánh Hà-Tiên. Mạc thiên-Tứ chống không nổi phải bỏ chạy. Quân Tiêm-La đánh được thành Nam-Vang rồi đặt Nặc-Nộn lên làm vua Chân-Lạp nhất thời thành-tựu. Tháng 6 năm sau quân Việt được lệnh sang đánh quân Tiêm do Nguyễn cửu-Đàm lĩnh chức Điều-khiển. Quân Tiêm thua chạy về Hà-Tiên, Nặc-Nộn cũng lánh về Cần-bột. Nặc-Tôn lại về làm vua như cũ. Vua Tiêm tới Hà-Tiên liền cho tìm Mạc-thiên-Tứ đến giảng-hòa nhưng Tứ không chịu. Vua Tiêm liền bắt con gái Mạc-thiên-Tứ và Chiêu-Thúy về nước. Sau họ Mạc đành xin hòa với Tiêm. Vua Tiêm liền phóng-thích con gái Mạc còn Chiêu-Thúy thì bị đem giết, Mạc thiên-Tứ lại trở về quản-trị đất Hà-Tiên như trước.

Theo sử gia C B Maybon, chiến-cuộc giữa Tiêm-La và Việt-Nam diễn ra như sau : Mạc-thiên-Tứ chạy lên Long-Hồ là vùng thuộc ảnh-hưởng của quân-đội Việt-Nam, còn Nặc-Tôn khi thấy quân Tiêm tới gần cũng tìm đường lẩn tránh Trịnh quốc-Anh liền xua quân vào Nam-Vang, truất-phế Nặc-Tôn rồi đặt Nặc-Nộn lên làm vua Chân-Lạp. Nhưng cuộc chinh-phục này không được bền-bỉ vì Việt quân sau cuộc hành-binh bất ngờ của Tiêm-La, bị bỡ ngỡ một ít lâu rồi được lịnh tích-cực chống trả lại cuộc xâm-lấn của Trịnh quốc-Anh.

Nguyễn cửu-Đàm và Trần phúc-Thành do chúa phái đem quân-đội ở Khánh-Hòa và Bình-Thuận vào Nam. Đại-quân vượt sông Tiền-giang cùng một lúc hai cánh quân khác cũng được tiến theo để ủng-hộ, một đi lối Châu-Đốc bằng đường sông Hậu-giang, một cũng dùng đường thủy từ Rạch-giá tới. Hai quân xô-xát kịch-liệt tại Nam-Vang, Việt-quân thăng, chiếm được thành này. Trịnh quốc-Anh phải chạy xuống Hà-Tiên rồi rút về Bangkok. Nặc-Nộn cũng vội chạy xuống Kam-pôt khi quân Tiêm đại bại, còn Nặc-Tôn được trở về ngôi cũ.

Năm sau (1773) Mạc thiên-Tứ mở cuộc giảng hòa với Trịnh quốc-Anh và được Trịnh tán thành ngay và chịu lui binh, (quân Tiêm khi đó đang đóng ở Hà-Tiên). Quân Tiêm đi rồi, Hà-Tiên chỉ còn là một thị-trấn xơ-xác, hoang-tàn vì chiến-tranh đã làm dân chúng siêu-bạt đi nơi khác, nhà cửa bị đốt phá, ruộng đất tiêu điều không sao kể xiết. Tứ cho con là Mạc tử-Hoàng triệu-tập dân-chúng ở lại.

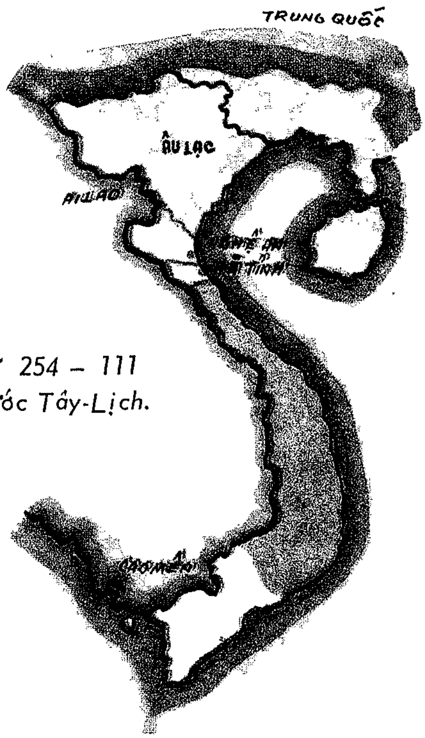
Nặc-Tôn tuy khôi-phục được địa-vị nhưng vẫn không yên lòng và có ý chán nản nhất là Nặc Nộn vẫn mưu việc chống đối. Muốn tránh những sự đau khổ cho nhân-dân do cuộc tranh giành của

Hoàng-gia, Nặc-Tôn cương-quyết nhường ngôi cho đối-thủ (theo sự ghi chép của sử Chân-Lạp) sau khi đã họp bàn với quần thần. Nặc-Nộn lên ngôi, đồng thời em cựu-hoàng là Nặc-ông-Thâm cũng được cử làm đệ-tam quốc-vương (việc này không có ghi trong Lịch-sử Việt-Nam). Tuy có sự sắp đặt chu-đáo này Nặc-Nộn cũng không đủ an tâm vì còn phải rèn quân luyện tướng phòng một ngày kia đối phó với quân Việt.

Lúc này nhà Tây-Sơn dấy nghiệp đánh phá nhiều nơi đang làm cho chúa tôi họ Nguyễn hết sức lúng-túng. Năm 1776 quan Trấn-thủ Gia-Định thương-lượng với Nặc-Nộn giúp sức đánh Tây-Sơn nhưng bị từ chối. (Theo Giáo-sĩ Leclèrc thì không phải Trấn-thủ Gia-Định yêu cầu vua Chân-Lạp giúp sức mà là Mạc thiên-Tứ, Đô-Đốc Hà-Tiên). Sau vụ này thì quân Việt đánh Nặc-Nộn liền nhưng thất bại. Trong khi Nặc-Nộn thoái-vị thì Huệ-vương lên thay Võ-vương mất vào năm Ất-Dậu (1765), đáng lẽ người kế-vị là thế-tử Nguyễn-phúc-Hiệu con thứ 9 của chúa, nhưng Hiệu vắn số từ 5 năm trước; con trưởng của chúa mất rồi thì người con thứ hai là Chương-Võ được cử vào chức-vụ cao-quý này. Chương-Võ trước đây cũng đã được dự chánh-quyền vài năm rồi. Nhưng một phe mạnh trong đám triều-thần của chúa đã truất-phế Chương-Võ, đặt một đứa nhỏ 12 tuổi tức là Định-vương rồi tuyên-bố bậy rằng việc này được thi-hành đúng di-chúc của tiên-chúa. Định-vương là con thứ 15 của chúa, mẹ là một cung-nhân được sủng-ái nhất. Rồi người ta lập Hội-đồng nhiếp-chánh gồm những đại-thần đã có sẵn chủ-trương này và đứng đầu là Trương-phúc-Loan. Trương từ đó đã thao-túng mọi việc đã thác sinh ra một chế-độ tham-nhũng, tàn-ác kinh-khủng khiến nhân-dân vô cùng oán giận.

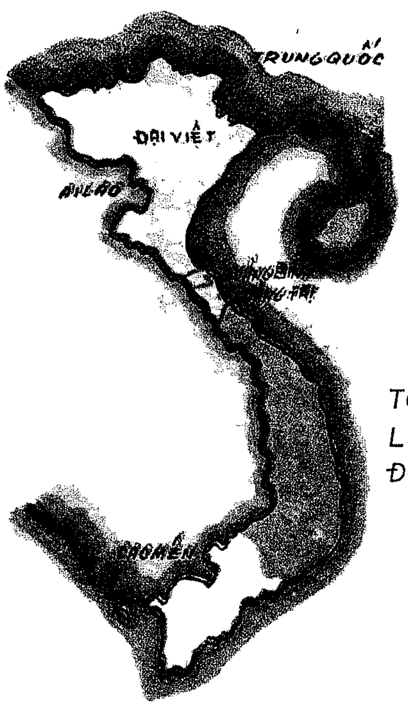
Được biết Nam-hà đang chìm đắm trong cảnh mục nát, suy-bại, tháng 10 năm Giáp-Ngọ (1774) Tĩnh-đô vương Trịnh-Sâm vội nắm lấy cơ-hội này đem quân vượt Linh-giang tiến thẳng được tới Phú-Xuân năm sau. Lúc này anh em nhà Tây-sơn cũng đang hoạt-động lật-đổ chánh-quyền của họ Nguyễn. Những chương dưới đây sẽ cho các chúng ta thấy rõ mọi chi-tiết về cơn gió lốc của thời-đại trong khoảnh-khắc đã làm rơi rụng ngai vàng, nghiệp chúa của ba dòng họ Lê, Trịnh, Nguyễn vào những năm chót của thế-kỷ XVIII.

NAM TIẾN



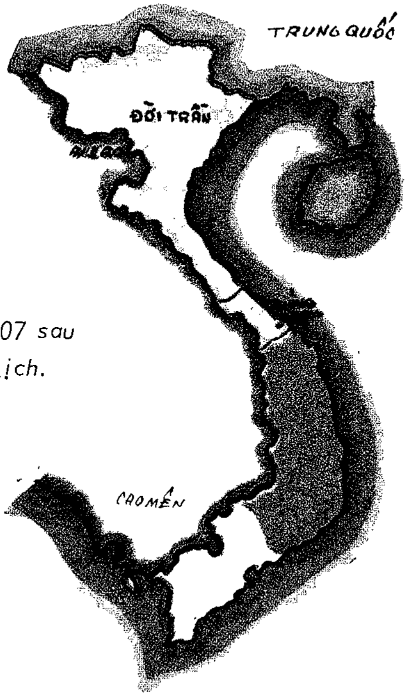
Từ 254 – 111 trước Tây-Lịch.

Âu-Lạc (Nước Phụ-Dung trong Đế-Quốc Nam-Việt dia thế giáp Lâm-Ấp tức Chiêm Thành là Quận Cửu Chân (Nghệ-Tĩnh ngày nay).



Lý Thái Tôn đánh Chiêm, chiếm được Quốc-Đô Phật-Thệ (1044) Lý-Thánh-Tôn được Chiêm dâng Địa-lý, Bố-chính, Ma-linh là 3 Châu hợp thành Tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị ngày nay.

Từ 1069 sau Tây Lịch (Quốc-hiệu Đại-Việt)



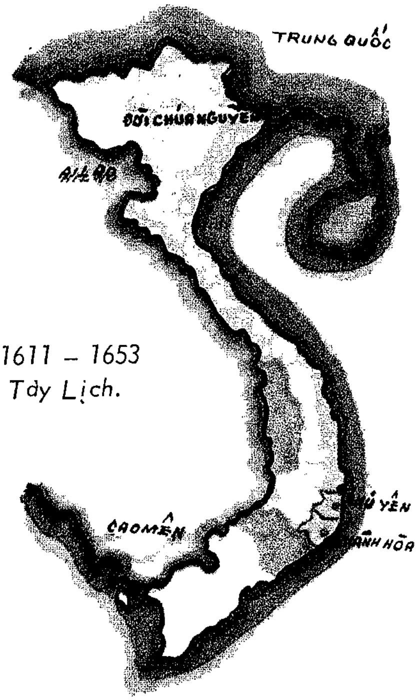
Từ 1307 sau Tây-Lịch.

Nước ta được thêm 2 Châu Ô và Ri do Chiêm-Vương Chế-Mân dâng làm lễ cưới Huyền Trân Công-chúa. Hai Châu này góp lại thành Tỉnh Thừa Thiên và một phần đất Bắc Tỉnh Quảng-Nam.



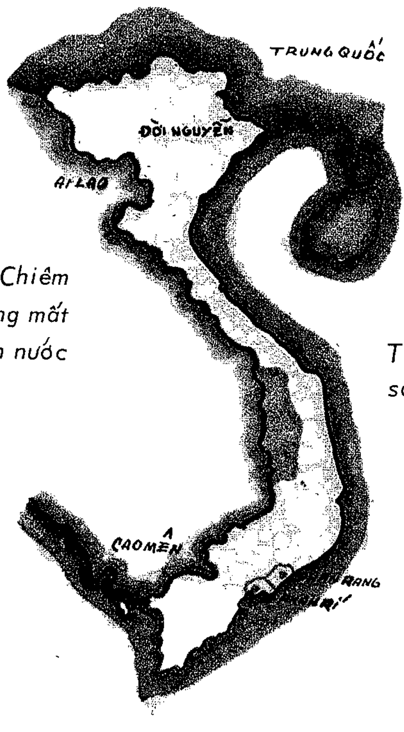
Nhà Hồ đánh Chiêm được đất Chiêm-Động (Quảng-Nam) và Cổ-Lủy (Quảng Nghĩa). 1470 Việt quân tiến đến Bình-Định dưới đời Lê-Thánh Tôn.

Từ 1402 – 1470 sau Tây-Lịch.



Từ 1611 – 1653
sau Tây Lịch.

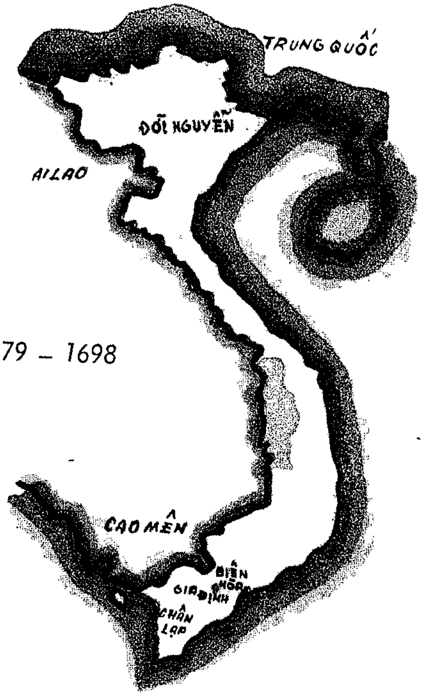
Chúa Nguyễn-Hoàng mở đất đến Phú-Yên chia ra làm 2 huyện Đồng Xuân và Tuyên Hóa.
Từ năm 1653 Chúa Nguyễn Phúc - Tần mở đất đến tỉnh Khánh - Hòa.



Phần đất còn lại của Chiêm là Phan-Rí, Phan-Rang mất nốt. Từ đó không còn nước Chiêm nữa.

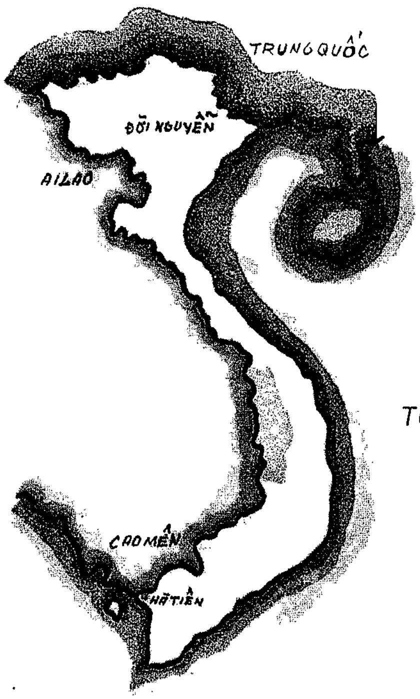
Từ 1693 – 1697
sau Tây Lịch.

Từ 1679 – 1698

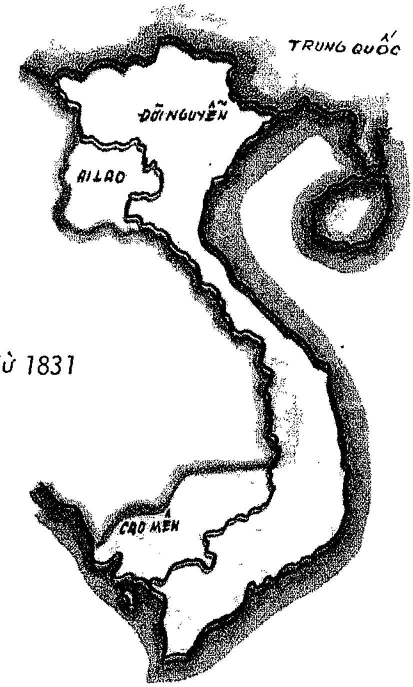


Ảnh huởng Việt Nam bao trùm các Tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định và tiến dần xuống miền Cực Nam Chân-Lạp.

Địa giới đất Việt tiến đến Hà Tiên nghĩa là toàn cõi Thủy Chân Lạp..

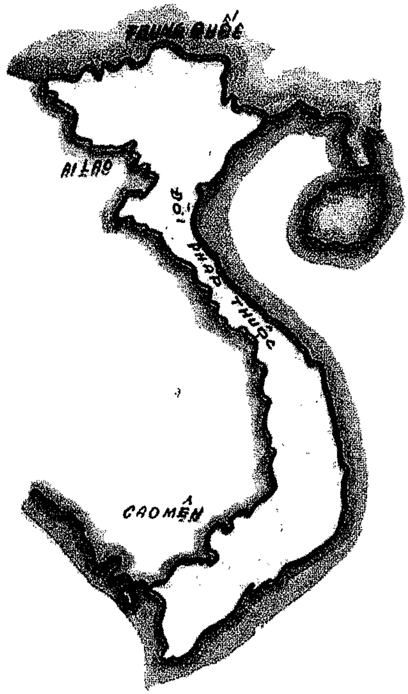


Từ 1708



Từ 1831

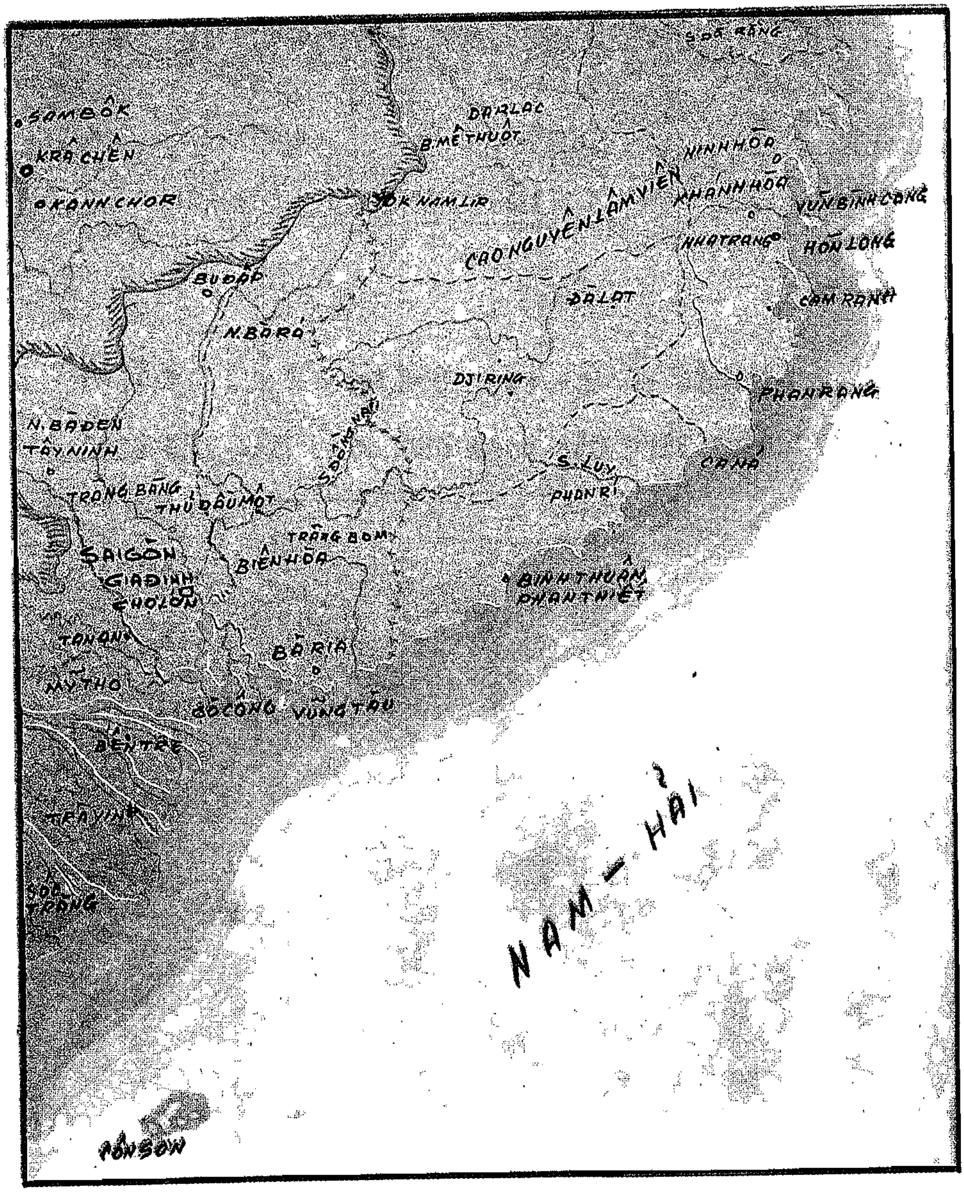
Dưới đời Nguyễn ảnh hưởng Việt-Nam tràn qua Mên Lào Hai nước này phải triều cống



Do sự can thiệp của Đế quốc Pháp lãnh thổ Việt Nam còn đúng như ngày nay nghĩa là không có sự chi phối nào hết qua Cao-Mên và Ai Lao.

Từ 1893

NHỮNG LÃNH THỔ DO NAM HÀ CHIẾM ĐƯỢC CỦA CHIÊM THÀNH VÀ CHÂN LẠP TỪ NĂM 1611 ĐẾN 1674



CHƯƠNG XII

NHÀ TÂY-SƠN (1778 – 1802)

VỚI VŨ CÔNG DIỆT XÂM LĂNG HIỂN HÁCH BẬC NHẤT TRÊN LỊCH-SỬ

Sa-Đéc
Friday, March 4, 2016

Một triều-đại chống ngoại-xâm oai-hùng bậc nhất trên lịch-sử. Keo vật cuối cùng của hai dòng họ Trịnh Nguyễn

Nước ta vào hậu bán thế kỷ XVIII từ Bắc-hà vào Nam-hà đã phát sinh nhiều biến-cố lớn lao, tựu trung những biến-cố đó không ra ngoài định-luật phù trầm, bĩ thái mà triều đại nào cũng phải trải qua chỉ có sớm hay muộn.

Tại Bắc-hà vua Lê Hiền-Tông vẫn là bù-nhìn của phủ Liêu (chúa Trịnh) và nhà vua đã cam phận luôn một lèo 47 năm làm một vị nguyên-thủ vô quyền, trước sự mỉa-mai của dân chúng. Đã có phen nhà vua tuyên-bố như để giải-thích thái-độ của mình trong hoàn-cảnh bị nhà chúa lấn áp : « Chúa phải có nhiều quyền mới trị nước an dân được. Mà giữ nhiều quyền là gánh nhiều trách-nhiệm nặng nhọc, ta được ngồi yên hưởng nhiều lộc trời thì còn mong muốn gì hơn ?... »

Quả vậy, lộc trời mà vua Hiền-Tông đã nói là thuế má một ngàn làng chúa cho thâu rồi nộp cho vua gọi là « *lộc thượng tiến* » để cung cấp cho hoàng-gia và số quân đội phục dịch, bảo-vệ hoàng thành.

Triều đình của nhà vua chỉ một năm họp đôi lần lo việc khánh tiết, thi-hành các thủ-tục lễ nghi thờ cúng các tiên-đế, hay tế trời đất quỷ thần. Còn cái triều đình của nhà Chúa mà người ta gọi là « *Phủ Liêu* » mới thực sự điều hành mọi công quyền. Hàng ngày trước khi có ánh sáng mặt trời các văn võ bá quan đều có mặt ở bên phủ Liêu để bàn việc. Dưới đời các chúa Trịnh-Tùng, Trịnh-Tạc, Trịnh-Căn, Trịnh-Cương các việc cai-trị, văn-học, kinh-tế, chính-trị, quân-sự có thể nói là khả-quan mặc dầu đã có vấn-đề Nam-Bắc-triều, sau đó là Trịnh-Nguyễn phân tranh cũng đã gây nên nhiều sự cơ-cực cho nhân-dân. Nếu như không có cuộc huynh-đệ huých tường này hẳn là cuộc sống của dân chúng có thể khả quan hơn nhiều.

Nhưng đến đời chúa Trịnh-Giang ngoài Bắc-hà (1738) cũng như đến đời chúa Vũ-vương ở Nam-hà (1753) Phong-kiến Việt-Nam bắt đầu xuống giốc, nghĩa là chánh-sự bại hoại, các giới cầm quyền từ cấp trung-ương đến các cấp tỉnh huyện, xã đã nảy mầm tham-ô và vô trách-nhiệm, do đó giặc cướp nổi lên như ong vì không chịu nổi sự bóc lột của vua quan và sự cùng túng của trăm họ đã thành một tình-trạng thường-trực

Các sử phong-kiến gọi họ là quân phiến loạn, là quân ngụy, bắt-đầu là Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cừ nổi lên tại làng Ninh-Xá, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương, Võ-trác-Oánh đóng quân tại làng Mộ-trạch, huyện Đường-an, tỉnh Hải-Dương, Hoàng-công-Chất, Võ-đình-Dung tại Sơn-Nam ; Nguyễn-danh-Phương, Nguyễn-Diên, Tế, Bồng ở Sơn-Tây, Nguyễn-hữu-Cầu ở vùng duyên-hải (Bắc-Việt), Lê-duy-Mật ở Thanh, Nghệ (từ Thăng-Long chạy vào). Kiệt-hiệt hơn cả là Nguyễn-hữu-Cầu tức Quận He trước kia là tùy tướng của Nguyễn-Cừ, sau khi Cừ bị bắt đã tự lập và đã đánh nhau với quân triều rất kịch-liệt luôn nhiều năm liền. Binh đội của Cầu nhiều phen tan rã nhưng chỉ mấy hôm sau Cầu lại kêu gọi ngay hàng vạn người theo rất dễ dàng chỉ vì với hai chữ « *Bảo dân* » Cầu đã nêu cao được chính-nghĩa của cuộc chiến đấu và sự thực Cầu làm loạn chỉ để cướp của nhà giàu chia cho người nghèo. Triều đình đã phải cử các danh tướng và đại tướng như Hoàng-ngũ-Phúc, Trương —

Khuông, Phạm-đình-Trọng hiệp nhau đánh Cầu luôn bảy tám năm ròng mới trừ khử được. (1751)

Địa-bàn của các cuộc loạn gồm cả miền Trung-du lẫn Trung-Châu xứ Bắc. Xét tính-chất của cuộc loạn là nhiều sĩ-dân chống chánh-quyền, họ không phải là những đám giặc cỏ, tầm thường đáng ghét.

Dự vào cuộc phiến động chung kể từ năm Mậu-Ngọ (1738) con có các ông hoàng Lê-duy-Mật, Lê-Duy-Trúc, Lê-duy-Quý con vua Lê-dụ-Tông và Lê-hy-Tông, đã âm mưu đảo-chính họ Trịnh nhưng thất bại, bị bắt và bị giết, riêng Duy-Mật chạy thoát vào Thanh, Nghệ nhưng tới năm Kỷ-Sửu (1769) thì hoàn toàn thất trận. Không chịu sống nhục-nhã dưới ách thống-trị của kẻ quyền thần, Duy-Mật trước cơ đồ tan rã cùng vợ con tự thiêu và chết một cách kiêu-hùng.

Trịnh-Giang, Trịnh-Doanh đã thất chính, đến Trịnh-Sâm, phong-kiến Việt-Nam tại xứ Bắc cũng vẫn tiếp-tục suy đồi và mầm loạn vẫn nhen-nhóm khi nơi này khi nơi khác, tỉ-dụ những vụ loạn ở Hưng-Hóa. Ở Kinh thành thì lại một có thứ loạn khác, đó là loạn nội bộ của phủ Liêu. Chúa Trịnh-Sâm say mê nàng Đặng-thị-Huệ (bà chúa Chè) đã bỏ trưởng lập thứ, đã dung-túng bọn kiêu binh (lính Thanh, Nghệ được vua Lê và chúa Trịnh quá cưng chiều) nên bọn này lộng hành quá mức tha hồ phá phách dân chúng và chánh quyền, không coi kỷ-luật quốc-gia ra gì lại chen chân cả vào quốc-sự do đó đã có việc kiêu binh phế Trịnh-Cán do chúa đặt lên ngôi khi sắp chết, lập Trịnh Khải và đổ máu giữa triều đường, bạo hành cả với các đại thần, quốc lão trong triều ngoài nội khiến thể-thống quốc-gia thảm hại hết chỗ nói.

Về phía Nam-hà người dân cũng không may mắn hơn, nghĩa là họ cũng là những miếng thịt trên thớt cho trăm dao xâu-xé. Đáng kể nhất là sau đời Võ-vương, sự mục nát của chánh-quyền Thuận-hóa đã quá mức tưởng-tượng. Quyền thần Trương-phúc-Loan là cậu vua thẳng tay thao túng chánh sự, khát máu khét tiếng, gian ác trăm đường, kết bè kết đảng để hà-lạm công-nhu lại còn hối lộ ngục thất rồi vàng ngọc, châu báu chất thành núi, vườn ruộng, nhà cửa, tôi tớ, ngựa, trâu đếm không kể xiết. Sử chép vào một năm lụt, Quốc-phó họ Trương sau khi nước rút đã phơi vàng đầy sân thì đủ hiểu. Dĩ-nhiên Quốc-phó giàu bao nhiêu thị dân nghèo bấy nhiêu và kẻ làm giàu cho Quốc-phó dĩ-nhiên là bọn tay sai từ trong triều ra tới ngoài dân chúng cấu-kết theo một hệ-thống khắp chợ cùng quê.

Chế-độ miền Bắc như vậy, chế-độ miền Nam như vậy đã tạo nên một yêu cầu lịch-sử hết sức bức thiết, đó là một sự thay trò đổi cảnh bởi lòng dân muốn thế, lòng trời muốn thế cho thoát cảnh lầm than, khổ cực.

Vậy sự xuất đầu lộ diện của ba anh em Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ, Nguyễn-Huệ đâu có phải là điều ngẫu-nhiên, một sự tình cờ !

Đã vậy vào năm 1765, 1773, 1774 nạn đói xảy ra, « *một chén gạo giá đến 1 quan, người chết đói đầy đường, người ta phải giết lẫn nhau mà ăn* » nhiều gia-đình đã phải tự sát để khỏi chết đói, nếu không thì tụ họp nhau đi ăn cướp. Giáo-sĩ Labartette đến thăm Thuận, Quảng hồi đó (1775-1779) nói chiến tranh và nạn đói đã lượm đi một nửa số dân của chúa Nguyễn và trong các nạn-nhân có cả giới quý-tộc, chẳng vậy giáo-sĩ đã gặp cả cha con một ông hoàng còn trẻ tuổi trước đây từng giữ địa-vị quan trọng cũng đến xin ăn ở nơi giáo-sĩ. Cha con ông rách rưới quá lắm...

Trên đây chúng ta mới thấy lý-do chánh-trị về hiện-tượng rối loạn và đau khổ của miền Nam ở nơi thượng-tầng kiến-trúc của xã-hội Thuận, Quảng, chúng ta cũng không thể quên rằng nếu phong-trào Tây-Sơn bột-phát còn do sự bất-bình của hai giới nông dân và thương nhân ở địa-phương nữa đối với chế-độ. Quả vậy, cuối thế-kỷ XVIII từ Bắc vào Nam đã có vấn-đề kiêm tính ruộng đất của các địa-chủ có thế-lực xuất-xứ từ nơi các phần-tử phong-kiến lập được nhiều quân-công đã được ban thưởng nhiều ruộng đất sau mỗi ngày một thêm sự lạm quyền lạm thế để bóc lột rồi đến bọn cho vay lãi cũng xây-dựng sự-nghiệp của họ trên mồ-hôi nước mắt của dân nghèo — Bọn này cũng thành một giai cấp tai hại cho đại chúng, một thứ ký-sinh-trùng không thua bọn vua quan bất tài vô đức. Thế-lực và ảnh-hưởng của chúng càng ngày càng lớn thì uy quyền của triều đình đối với chúng càng giảm sút đi cùng một nhịp.

Giới công-thương-nghiệp một thời được phát đạt do làm ăn buôn bán với các thương-thuyền ngoại quốc ở Hội-An (*Đàng trong*) và Phố-Hiến (*Đàng ngoài*). Họ vừa mọc mũi xủi tăm thì mầm phồn-thịnh của họ bị thui trột liền. Vì sao ? — Vì chánh-quyền lấy lý-do an-ninh quốc-gia, sợ họ giao-thông với giặc ngoài, e họ mua vũ-khí, súng đạn, thuốc nổ để kết bè đảng gây loạn nên chỉ có triều đình mới được giao-thiệp với ngoại-nhân mà thôi. Ngoài ra nông phiệp bị hạn chế, trở ngại, khó khăn thì công-thương-nghiệp cũng không thể không bị ảnh-hưởng bi thảm. Rồi hai thị-trấn dành riêng cho ngoại thương chẳng bao lâu trở nên hoang vắng.

Tóm lại nguồn sống căn-bản của nhân-dân Đàng trong cũng như Đàng ngoài đều bị bế-tắc, lẽ dĩ-nhiên khi ngọn cờ « *thế thiên hành hoá* » của bọn Nguễn-hữu-Cầu trước đây và tiếng thét của anh em ông Nhạc, Lữ, Huệ vừa cất lên sau này được ngay sự hưởng-ứng nhiệt-liệt của Đại-chúng. Tuy nhiên có điều khác là phong-trào nông-dân ngoài Bắc Hà tuy gồm nhiều lãnh-tụ nhưng thiếu thống nhất nên bị phong-kiến họ Trịnh đàn-áp được sau trên dưới mười năm. Còn phong-trào Nam-hà trong tay bộ ba Tây-Sơn có đoàn-kết chặt chẽ nên thành một sức mạnh rõ rệt đã đánh tan dễ dàng và mau lẹ chánh-quyền của họ Nguyễn. Đã vậy cùng lúc Tây-Sơn giật đổ cái nhà mục nát là cái Triều đình Nam hà, chúa Sâm cũng đẩy quân miền Bắc vượt sông Gianh vào gần như tiếp tay cho những người anh hùng áo vải đất Qui-Nhơn.

Anh em Tây-Sơn ở đâu mà ra, họ đã nắm được những điều kiện thuận-lợi thế nào ?

Trận cuối cùng của hai dòng họ Trịnh-Nguyễn đã diễn ra bi đát đến mức nào ?

Anh em nhà Tây-Sơn thuộc tầng lớp tiểu tư sản đời bấy giờ ở đất Bình-Định. Họ làm nghề buôn trầu cau với các dân Thượng dùng An-Khê thuộc tỉnh này sau đó ít lâu, người anh cả là Nguyễn-Nhạc vận-động được chức Biện-lại tại Vân-Đồn là một chức việc nhỏ chuyên thâu thuế ở địa phương.

Tổ tiên của Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ, Nguyễn-Huệ gốc gác bốn đời ở huyện Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An. Họ là con cháu Hồ-Qúy-Ly. Trong một trận phản công vượt qua sông Gianh của chúa Nguyễn năm 1653 - 1657, người ông là Hồ-phi-Khanh và gia đình đã bị bắt với nhiều tù binh mang vào huyện Qui-Ninh (nay là Hoài-Nhơn) ở Ấp Tây-Sơn thượng để khai khẩn ruộng đất. Sau họ Hồ dời xuống ấp Kiên-Thành thuộc huyện Tuy-Viễn.

Sanh ra anh em ông Nhạc là Hồ phi-Phúc.

Thuở nhỏ anh em Tây-Sơn theo học thầy Giáo Hiến thuộc loại nhân-sĩ đời bấy giờ. Họ học cả văn lẫn võ tuy không đến mức thật cao. Giáo Hiến là kẻ nặng lòng với thời-cuộc có người bạn là Trương-văn-Hạnh làm đến chức Nội-hữu (thuộc Tứ trụ đại-thần) của triều Võ-Vương bị Trương-phúc-Loan giết hại. Sợ cháy thành vạ lây, Hiến bỏ xứ Huế vào Qui-nhơn ở ấp Yên-Thái làm nghệ dạy học cho qua ngày. Ông căm hờn họ Trương, thương tiếc kẻ tri-kỷ nên thường trút bầu tâm sự với đám môn sinh, thứ nhứt là với anh em ông Nhạc mà ông thấy có nhiều khả năng hơn người. Ông đã ngầm ký thác hy vọng xoay chuyển thời thế để cứu dân cứu nước ở mấy tên học trò xuất chúng ấy khi thấy mình già tuổi yếu không còn đủ sức đội đá vá trời.

Một ngày kia ông rỉ-tai anh em Tây-Sơn : « *Tây khởi nghĩa, Bắc thu công* », đây là sấm truyền, các con có thể được ứng vào lời đó, hãy gắng lên ! Rồi lớn lên, anh em ông Nhạc nhớ lời thầy, lại thấy bằng mắt sự đau khổ của đồng-bào nên ý-chí chống chế-độ càng nảy nở mạnh. Tới khi ra làm Biện-lại, hàng ngày đụng chạm với bọn quan liêu, phong-kiến, Nhạc càng thấy sự thối tha của họ thì cái óc muốn nổi dậy càng thêm hăng say. Sau này Nhạc thiếu tiền thuế vì mang tiền thuế ra đánh bạc, hoặc đã lợi dụng tiền thuế để làm cách-mạng rồi trốn vào rừng mưu đồ đại-sự, sử nhà Nguyễn chuyên phỉ-báng các tiền triều khiến ta khó mà tin được. (*Dã sử*) — Có nên nhắc rằng ngay lúc đó, do lòng dân bất mãn với Quốc-phó Trương-phúc-Loan phong-trào đối-kháng chánh-quyền đã nổi lên khắp vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú, những người trai ngang tàng, khí-phách như anh em Nhạc, Huệ có thể ngồi yên được chăng ? (vụ loạn chống chánh-quyền bắt đầu từ năm Canh-Dần (1770), triều đình Huế phải sai Trần phúc-Thành vào đánh dẹp).

Vào năm sau (Tân-Mão 1771) Nguyễn-Nhạc đã tập hợp được khá nhiều đồng-chí, những đồ

đảng đầu tiên mà hầu hết là những tay giang hồ hảo hán, vong mạnh, phần theo vì cơm áo, phần vì óc phiêu lưu, cũng có người vì lý-tưởng, tỉ-dụ mấy nhân-vật khá giả như Nguyễn-Thung, Huyền-Khê (Vũ-tất-Thận) — Rồi ngọn cờ đào của Tây-Sơn được dong đi khắp các miền quê Bình-định, tới đâu cũng được đón chào và nhân-dân ùa theo đông-đảo như nước chảy khiến thế-lực của cuộc khởi nghĩa mạnh đến mức không gì chế-ngự được.

Quân Tây-Sơn hoạt-động có qui-mô thật sự vào tháng Tư năm Quí-Tị (1773). Họ tuyên-truyền đánh đổ chánh quyền, lập sự bình-đẳng, lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo. Các hào lý phải phục tùng, các nhà giàu cũng sợ mà theo, một số ngoan-cố bị giết. Họ đi từng toán năm ba trăm người buổi đầu ở các vùng sơn cước Qui-nhơn, Phú-Yên rồi tràn xuống đồng bằng. Trong số « *đồng minh* » của họ đáng chú-ý có nữ-chúa Chiêm-Thành tên là Thị Hỏa và một số dân Thượng các bạn buôn bán cũ của Nhạc trước đây. Vào cuối năm đó quân khởi-nghĩa đã kiềm-soát được khá nhiều địa-phương và các lãnh-tụ như Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Thung, Huyền-Khê đều xưng là Thượng sư hay trại-chủ. Trung tuần tháng 9 thành Qui-nhơn bị mất khi trời chưa sáng, Tuần-phủ Nguyễn-khắc-Tuyên trốn thoát ra Tam-quan không kịp mang theo gia quyến.

Quân khởi-nghĩa vào đóng ở Qui-nhơn, đặt 5 đồn quân (Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu) rồi cho lùng bắt các quan tham lại những về trị tội, thu sổ sách đem đốt, tuyên-bố bãi hết các thứ thuế má, phóng thích các tù-phạm. Dân chúng hoan hô họ nhiệt-liệt. Rồi Phú-Yên cũng đổi chủ. Quảng-Ngãi có sự kháng cự kịch-liệt của quan-quân nhưng bên trong cũng nao núng hết sức. Bấy giờ triều đình của chúa Duệ-Tông ở Phú-Xuân mới bắt đầu bị xúc-động thì ảnh-hưởng của bọn ông Nhạc đã tràn khắp miền Nam Trung-Việt.

Bảo rằng Nguyễn-Nhạc có nhiều cơ-trí, chánh-sách thân-dân của ông thực-tế và thành thực bằng sự chia của nhà giàu cho người nghèo nên ông đã thành-công mau như gió trên chặng đường đầu thì có đúng, nhưng đúng hơn nữa là sự thắng lợi của quân khởi-nghĩa phần lớn do sự thối nát của chế-độ Phú-Xuân thuở ấy và sự hôn-mê của đám vua quan nữa. Chẳng vậy khi nghe thấy phủ, thành bị giặc tấn công, Duệ-tông nói : « *Có quan-hệ gì điều đó !* ».

Nhưng đến lúc Quảng-Ngãi mất chúa n cho binh đội từ Huế tiến vào Quảng-Nam.

Tháng 10 năm 1773 sức mạnh của Tây-Sơn được tăng cường do sự gia nhập của hai bộ đội của Tập-Đình và Lý-Tài là hai đảng do thời thế nhiễu-nhương mà có. Quân tướng của họ đều là người Tàu, to lớn, cạo đầu, dóc tóc rất hung hăng. Khi ra trận họ uống rượu say, mình đề trần, cổ đeo bùa giấy vàng, giấy bạc, xông pha, liều lĩnh dễ sợ.

Nhưng sức mạnh đáng kể hơn nữa là ông Nhạc biết nêu ra chủ-trương tôn lập Hoàng-tôn-Dương là vị hoàng-tử dòng chính-thống mà Trương-phúc-Loan làm di-chúc giả gạt bỏ đi đề đặt Duệ-tông chú nhỏ ra tuổi lên cho dễ điều-khiển. Thế là ông dựng được một tấm bình phong lộng lẫy đề thu hút nhân tâm, biến một đám giặc, cướp thành một đạo quân có chính-nghĩa, có thể-thống. Ngược lại Trương-phúc-Loan và cái triều đình Phú-Xuân từ nay trước mặt dân chúng trở thành một lũ tiếm loạn, gian ác, phi-dân không bám víu được vào đâu hết nên đã bồng bềnh như sợi tơ trước gió. Cuộc khởi-nghĩa của Tây-Sơn tới đây qua giai-đoạn hai. Cuối tháng 10 - 1773 triều-đình gửi lực-lượng chính-qui vào Quảng-Nam, thủy bộ chia làm ba đạo đặt dưới quyền Chưởng-cơ Nguyễn-cửu-Thống, Nguyễn-văn-Sách và Tổng-nhung Tống-Sùng, tán lý Đậu-văn-Quang. Bên nghĩa-quân cũng có 3 đạo quân : đạo thứ nhứt là người Tàu của Tập-Đình, Lý-Tài, đạo thứ nhì là binh sĩ dân-tộc Thượng làm tả hữu cho đạo quân người Việt. Chiến trường là địa đầu các phủ Qui-nhơn và Quảng-Ngãi. Hai bên đánh nhau ba ngày liền, không bên nào thắng bại, nhưng vào ngày thứ ba, phút chót đạo quân Tàu thắng, hai tướng của triều đình là Quang và Sùng tử trận. Quân Tây-Sơn đuổi quân triều ra tới Quảng-Ngãi chiếm lấy tỉnh này trong khi quân của Chúa rút về trấn Quảng-Nam (bấy giờ gọi là Dinh Chàm). Quân khởi-nghĩa tiến nữa, cướp được một phần đất Quảng-Nam gần Đà-Nẵng thì tại Phú-Xuân người ta cuống cuống cả lên, tập trung quân đội giao Tôn-thất-Hương làm Tiết-chế, cô lập đèo Hải-Vân. Lúc đó là tháng 12-1773.

Trận kịch chiến giữa hai quân đã diễn ra tại Thiên-doa (Đà-Nẵng) từ ngày 22 đến ngày 27 tháng 12. Quân chúa Nguyễn đẩy lui được quân khởi-nghĩa về Quảng-Ngãi.

Đầu năm 1774 quân Tây-Sơn lại phải rút và quân của Chúa chiếm được hai phần ba phủ Qui-Nhơn, nhưng tại núi Bích-Kê (Qui-Nhơn) bọn Nhạc đã thắng một trận rất lớn vào ngày 1-2-1774 hồi 9 giờ tối bằng một cuộc đột-kích quân Chúa đang đóng ở sườn núi, một ngõ hẻm. Bị đánh bất ngờ, đường hành-quân lại chật hẹp, tiếng la-ó của địch càng gây thêm khủng-khiếp, quân Chúa bỏ chạy, voi dày xéo lên người, người dày xéo lên nhau đã làm chết hại hơn là bị địch giết. Quân Chúa bị tiêu-diệt hoàn-toàn, số tử thương lên tới 1600, khí-giới và voi bị tịch-thu rất nhiều và quân khởi-nghĩa lại chiếm lại được các nơi họ vừa mất. Bấy giờ Tây-Sơn lại trở ra Quảng-Nam và chiếm cứ các tỉnh miền Nam từ Phú-Yên vào đến Bình-Thuận. Họ cũng đã thử đánh vào Gia-định nhưng không thắng lợi, tuy vậy sau trận Bích-Kê thanh thế của họ đã lừng lẫy lắm.

Quảng-Nam nằm trong tay Tây-Sơn, triều đình Phú-Xuân dĩ-nhiên phải tìm cách đối phó bởi như vậy chính-quyền của Chúa và sinh mạng của hoàng-gia đã bị uy-hiếp sát sạt trên bộ cũng như dưới thủy. Ngày 4-3-1774 một lực-lượng đã gửi vào Quảng-Nam do Nguyễn-cửu-Thống anh rể của Chúa cầm đầu. Hai quân xô xát với nhau gần Đà-Nẵng, bất phân thắng bại qua 11 ngày, cuối cùng quân của Chúa phải rút. Tây-Sơn có ở đây 26.000 người. Thế là họ mạnh hơn Chúa, dĩ-nhiên vì họ mới nổi lên mà quân của Chúa bấy giờ là thứ quân già nua, cằn cỗi, mệt mỏi và ít tin-tưởng.

Qua tháng 5, Phú-Xuân lại phái 2 đạo quân và nhiều chiến thuyền, mỗi thuyền có ba đại bác và nhiều súng nhỏ. Quân Chúa thắng ngay trận đầu. Bị thiệt hại là quân của Tập-Đình còn phần quân người Việt đang đi cướp bóc các nơi nên không tổn thất bao nhiêu. Lúc này dân chúng đã oán trách quân khởi-nghĩa không có thái-độ đúng đắn như trước bởi không những họ đã cướp bóc còn đốt phá tài-sản của dân nữa trước giờ phút triệt-thoái.

Sau khi thua trận, Tây-Sơn tuy rút nhưng không đi xa nên quân Phú-Xuân phải vất-vả mất ngót một tháng mới trục xuất họ ra khỏi đất Quảng. Nguyên nhân sự thất bại của quân Tây-Sơn xem ra không phải là vì quân Chúa mạnh mà vì họ ham cướp bóc, quên phòng bị. Rồi họ lại trở lại đất Quảng. Lần này họ táo bạo hơn trước và chiến-lược của họ là cô-lập Phú-Xuân trên bộ và dưới nước khiến Phú-Xuân lâm vào nạn đói và thiếu mọi nhu-yếu-phẩm. Trước kia hàng ngàn thuyền chở thóc từ Gia-định đến tiếp tế cho Huế nay không chiếc nào lọt vào được cửa Thuận. Mạc thiên-Tứ chở lương đến cũng bị chặn và bị cướp ngay ngoài khơi Qui-Nhơn. Không thể khoanh tay ngồi chờ chết, lần này chính Duệ-tông cầm quân vào Quảng-Nam nhưng ra đến cửa Tư-Dung thì chúa phải trở lại bởi có tin quân Trịnh đã từ Bắc tiến vào. Việc đánh Tây-Sơn liền được trao cho Nguyễn-cửu-Dật là một tướng có nhiều dũng lược. Bằng kế nghi-binh, Cửu-Dật chiếm được kho Mỹ-thị, đẩy lui đối-phương về Thiên-Lộc là chỗ có sông, có khe. Tại đây Tây-Sơn cũng bị đánh bất thình lình thua chạy về Bạn-tân là nơi giáp Quảng-Nam, Quảng-Ngãi.

Cũng trong giai-đoạn này lực-lượng ngũ-dinh của Chúa từ Gia-định tiến ra do quan Điều-khiển Nguyễn-Cửu-Đàm, Trấn thủ Long-hồ Tống-phúc-Hạp, Cai cơ Nguyễn-khoa Toàn ra đánh lấy được Bình-Thuận, Diên-Khánh, Bình-Khang rồi trực-tiếp uy-hiếp Phú-Yên.

Vào mùa đông năm Giáp-Ngọ, ảnh-hưởng của Nguyện-Nhạc bị thu hẹp trong vòng hai tỉnh Phú-Yên và Qui-Nhơn. Còn Quảng-Ngãi lúc này cũng có vẻ bấp-bênh. Nhìn vào bản-đồ, người ta thấy rõ rệt Tây-Sơn đã bị kẹt giữa hai lực-lượng Trịnh-Nguyễn đáng lo ngại hết sức.

Nguyễn-Nhạc bị thúc-thủ chăng?

Con người đa mưu, túc trí ấy vẫn tìm được lối thoát có lợi, đồng thời từ giờ phút này một ngôi sao bừng sáng. Đó là Nguyễn-Huệ. người anh-hùng này sẽ thắng Nguyễn ở Gia-định, đập tan Trịnh ở Phú-Xuân và bước ra Bắc-hà, đuổi giặc Thanh như xua gà, dượt cáo lập nên sự-nghiệp hiển hách ngàn thu không riêng cho ông mà cho cả dân-tộc nữa.

Quân Bắc vào Nam.

Năm 1761, trước khi lên ngôi Chúa, Trịnh-Sâm đã đi đánh dẹp nhiều vụ loạn ở Hưng-Hóa. Ông còn đang nức lòng vì những cuộc chiến

thắng vừa qua thì đã được tin Nam-Hà đang lâm vào tình trạng suy sụp. Sự kiện này thức tỉnh chủ-trương thôn tính Nam-Hà là cái mộng duy nhất của tiền nhân ông đã vất-vả gian lao rất nhiều mà không thực hiện nổi sau 45 năm dài dằng dặc đổ bao nhiêu xương máu, trải bao nhiêu gian khổ.

Năm 1774 ông xua quân vào Trấn-Ninh.

— Có phải ông muốn lợi-dụng cuộc dấy loạn của anh em ông Nhạc, Huệ chăng ?

— Quả vậy, ông có ý này lại thêm một thân vương họ Nguyễn là Nguyễn-phúc-Vân, một nạn nhân của Trương-phúc-Loan đã thân hành ra tới Thăng-Long cáo tỏ hết tình quân dân Nam-hà lúc này đang rời rã như cành khô, củi mục, chánh-quyền Phú-Xuân đang lung lay từ gốc đến ngọn, do sự bột phát của phong-trào nông-dân Bình-định.

Trấn thủ Nghệ-an là Bùi-thế-Đạt cũng dâng sớ về triều Lê xin nắm lấy thời cơ. Đề-nghị này được ngay sự tán-thành của Việp quận công Hoàng-ngũ-Phúc và Xuân quận công Nguyễn-Nghiễm. (*tổ phụ của Nguyễn-Du tác-giả truyện Kim-Vân-Kiều*).

Rồi chúa Sâm liền cử Hoàng-ngũ-Phúc làm Thống-tướng, Bùi-thế-Đạt làm Phó, Phan-lê-Phiên, Uông-sĩ-Điền làm Tham-biện, Đoàn-nguyên-Thục làm Đốc-thị Nghệ-an. Các cấp chỉ-huy khác là Hoàng-phùng-Cơ, Hoàng-đình-Thể, Nguyễn-Lệ và Hoàng-đình-Bảo lãnh quân đội thủy lục của 33 Dinh và của các Đạo Đông-Nam, từ Thanh-hóa vào Nghệ-an. Quân số lên tới 36.000 người.

Bắc-hà hiểu rõ Nam-hà ít lâu nay bị nạn đói do mất mùa liên liếp mấy năm liền, dân-tình nheo nhóc nên chuẩn-bị mấy kho thóc để tự túc nghĩa là không tính chiếm thóc của địch ở các địa-phương sẽ vượt qua. Số thóc này được mua ở các trấn Bắc-Ninh, Sơn-Tây Hải-Dương rồi gửi tới Quảng-Bình, Hà-Trung, Động-Hải là mấy căn-cứ sát mặt trận.

Để trấn tỉnh nhân tâm ở miền ranh giới (Nam-Bố-Chính) Hoàng-ngũ-Phúc gửi thư cho viên Trấn-Thủ sở-tại nói rằng mục-đích của quân Bắc-hà vào Nam chỉ để trừ « *giặc Tây Sơn* » xong việc sẽ rút về ngay. Tới Hà-trung, Hoàng cũng cho chuyền một bức thư đến Huệ-vương cũng nêu lý-do như trên nhưng tướng Nguyễn ở đây đã được lệnh cản đường quân Trịnh. Tính ra quân Trịnh khởi xuất vào tháng 5 năm Giáp-Ngọ (1774) và thư đi thư lại của đôi bên đã gửi vào khoảng tháng 3 tháng 7, tháng 8 và tháng 9.

Vào ngày 3 tháng 11 Hoàng-ngũ-Phúc đã có mặt ở Bắc Bố-Chính, liền tiếp xúc với Tri-phủ Trần-Giai người của Phú-Xuân rồi Ngũ-Phúc cho quân vượt sông Gianh.

Hoàng-tử Thiệp trấn thủ Nam-Bố-chính và Ký-lục Bảo Quang xét không đủ sức đối phó lui về Đồng-Hới. Lúc này Hoàng-đình-Thể đã kéo quân đến thành Trấn-Ninh. Nhiều tướng tá Nam-hà ra hàng. Thành này bị phá liền sau khi Quảng-Bình bị bỏ ngỏ rồi quân Trịnh tiến vào Quảng-trị.

Vào đầu năm 1775, chúa Trịnh-Sâm thấy việc Nam-chinh được nhiều thắng lợi vội đem thêm quân vào tăng cường cho Hoàng-ngũ-Phúc. Quân của chúa chia ra 4 đạo : 1) Tiền quân trao cho Phạm-huy-Định, Hậu quân cho Trương-Khuông, Tả-quân cho Nguyễn-Nghiễm và Lê-bình-Chấn, còn đại quân do Chúa chỉ-huy. Chúa tới Hà-trung vào tháng 11 ta thì Hoàng đã đặt chân lên Hồ-Xá là Bắc Quảng-Trị.

Khẩu-hiệu tuyên-truyền lần này ghi thêm tên Trương-phúc-Loan trong mục-tiêu trừng-phạt. Triều-đình Phú-Xuân bấy giờ gần mất hết tinh-thần bởi cảm thấy mình quá yếu kém nên đã bắt họ Trương nộp cho quân Trịnh nhưng quân Trịnh vẫn không ngừng. Tuy nhiên để tránh sự xao-xuyến troug dân chúng binh đội Bắc-hà không có trưng cờ, đánh trống.

Lại một phen nữa Hoàng-ngũ-Phúc gửi thư cho Huệ-vương yêu cầu hợp tác trừ Tây-Sơn. Dĩ-nhiên chúa Nguyễn không chịu mắc lừa nên cử ngay hai hoàng-tử Thiệp và Đặng đem quân ngăn đối-phương ở sông Lương-hà.. Quân Nguyễn được đặt ở nhiều nơi hiểm yếu như làng Phúc-giang, phá Tam-giang, Thác Ma để chặn quân Bắc trên các ngả thủy, bộ nhưng bị quân Bắc dụ vào khoảng giữa đánh lối gọng kềm thua xiểng-liểng, tổn thất nhiều cả người lẫn voi, tướng lãnh bị bắt và bị giết không ít.

Tại các làng Bồ-Điền, An-Lỗ, Nguyễn có một phòng-tuyến mới, nay phòng-tuyến này rời

vào dọc theo Nam-ngạn sông Bái (Sông Bồ). Duệ-tông càng luống cuống trước tình thế mỗi phút thêm nguy ngập, sai Nguyễn-đức Chinh thống lĩnh cả thủy bộ chư quân. Chinh tuy có sức nhưng vô mưu lại hung hãn. Quân Trịnh tối 28 vượt sông Hiền sang tấn công đồn của Nguyễn-đức Chinh. Cùng lúc họ xuôi dòng xuống chiếm các đồn phía dưới. Toán khác ngược sông đánh vào các đồn trên. Thế của quân Trịnh mạnh quá tràn ngập mọi nơi, Đức Chinh lên voi chạy trốn không may voi ngã quỵ nên bị quân Trịnh đâm chết. Thế là quân Bắc ung-dung kéo vào thủ-đô của chúa Nguyễn.

Chúa Duệ-tông cùng các tướng Nguyễn-Cốc, Võ-duy-Nguy, Trương-phúc Dĩnh xuống thuyền với cung quyến vội-vã chạy trốn. Ở lại cầm chân Ngũ-Phúc cho hoàng-gia kịp đào tẩu có Tống Phúc-Đạm với số quân ít ỏi án ngự ở cửa Bắc. Bấy giờ là đêm 29 Tết, trời tối như mực, Duệ-tông rời bỏ nơi tổ tiên đã nhiều đời xây dựng, đi vào một tương-lai vô cùng mù mịt. Riêng Hoàng-tôn Dương đã chạy trước vào Đà-nẵng theo đường đèo Hải-Vân vì Quảng-Nam còn ở trong tay Nguyễn-Cửu-Dật là tướng có nhiều tài thao lược.

Được tin Hoàng-ngũ-Phúc chiếm xong được Kinh-đô của con cháu Nguyễn-Hoàng, chúa Sâm mừng lắm cho Nguyễn-Quý-Trại đem vàng bạc vào thưởng các tướng tá, binh-sĩ và cho Ngũ-Phúc tùy nghi hành động. Chúa trở về Bắc ngày 19 tháng giêng năm Ất-Mùi (1775) và Ngũ-Phúc ở lại với chức Trấn-phủ Thuận-hóa.

Đến đây có thể nói rằng cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh chấm dứt vĩnh-viễn. Lịch-sử Việt-Nam đi sang một chỗ rẽ rộng lớn để ghi một biến cố hết sức vĩ-đại : một triều-đại mới nổi dậy rất kiêu-hùng, hai dòng họ Phong-kiến trên hai thế-kỷ cực thịnh đến lúc tàn lụi.

Ngày cuối cùng của chúa Duệ-Tông

Sáng mồng 1 tết năm Ất-Mùi (1775) chúa Duệ-tông vào tới Đà-nẳng, nghỉ tại Cầu-Đê (gần đèo Hải-Vân) gặp Hoàng-tôn Dương và khẩn-cấp thiết-lập một hội-nghị quan-trọng ở đây. Một việc rất khả-nghi là chúa và các quan đại thần đã đặt Hoàng-tôn Dương làm thế-tử, gọi là Đông-cung giữ chức Trấn-phủ Quảng-Nam, Tổng lý nội ngoại binh dân sự vụ giữa một tình thế hết sức nguy ngập là quân Tây-Sơn và quân Trịnh đang do hai ngả tiến đánh Quảng-Nam. Chúa hạ lệnh cho Nguyễn-cửu-Dật chỉnh bị chiến thuyền để chúa rút vào Gia-định lấy cớ sẽ dùng lực-lượng Gia-định đánh vào Phú-yên hầu chia lực lượng địch hỗ trợ cho quân Cầu-Đê. Các tướng giỏi đều phải theo Chúa vào Nam, còn lại với Đông-cung chỉ có Tôn thất-Tịnh, Tônthất-Chất, Tống phúc-Đạm với binh sĩ không được tới một ngàn, lương thảo lại ít ỏi. Như vậy Quảng-Nam chống sao nổi cảnh nhà cháy hai đầu ?. Các nhà chép sử ngày nay có ý nghi ngờ Duệ-tông muốn hy-sinh Đông-cung để giữ địa-vị cho mình. Nhất là chúa bắt đi cả Nguyễn-cửu-Dật là tướng có nhiều bản lãnh đã làm cho Tây-Sơn e ngại — Người ta cho rằng Chúa có ý muốn cho Quảng-Nam sớm lọt vào tay Tây-Sơn cũng như việc đưa Hoàng-tôn lên ngôi thế-tử chỉ là vạn-bất đắc-dĩ để rồi Hoàng-tôn sẽ bị hy-sinh luôn ở đây.

Quả vậy, Duệ-tông đi chưa được bao lâu thì Nguyễn-Nhạc huy-động toàn thể quân-đội bao vây Đông-cung trên mọi ngả đường sau đó bắt được Đông-cung trên con đường bộ vô Nam và đem về Hội-An. Cũng trong giai-đoạn này quân Trịnh ào-ạt tiến vào Quảng-Nam. Tây-Sơn dàn trận tại Cẩm-Sa đánh nhau với quân Trịnh và thất bại nặng nề. Một số tướng tá của Nhạc chán nản bỏ sang hàng địch hoặc trốn tránh để chờ thời. Đáng tiếc cho Tây-Sơn là ở trong đám người ly-khai với ông có Chu-văn-Tiếp là một tay kiệt-hiệt đã theo ông từ buổi đầu sau này biết ông không thực lòng tôn lập Đông-cung nên bỏ ông và trở về căn-cứ cũ (Tiếp cũng sinh ở Qui-nhơn). Trường-hợp Đông-cung cũng vậy. Buổi đầu Nhạc nắm lấy Đông-cung chỉ dùng để lôi cuốn quần chúng mà thôi. Đông-cung biết chỗ Nhạc lợi-dụng mình để hiệu-triệu nhân-dân và lung-lạc sĩ-dân nên cùng mưu-sĩ Quý tìm cách trốn vào Gia-định. Thực ra Đông-cung bấy giờ cũng không còn quan-trọng đối với Nhạc nhiều như người ta tưởng — Nhạc thừa mưu trí để đối phó với mọi khó khăn do đó sau khi thử lửa với quân Bắc-hà tại Cẩm-Sa trong một trận ông xuất toàn lực, ông liền thi-hành chiến-lược « *Hòa Trịnh, phạt Nguyễn* ». Ông cho mang vàng lụa dâng Thống tướng họ Hoàng và nộp Trịnh ba phủ Quảng-ngãi, Qui-nhơn và Phú-yên, nghĩa là toàn bộ giang-san của ông.

Ngũ-Phúc cũng không mong gì hơn là được sự quy phục của Tây-Sơn nhất là lại bảo-toàn được trọn vẹn lực-lượng của mình ông liền ban chức Tiền-phong tướng quân Tây-Sơn hiệu trưởng cho Nhạc. Ít ngày sau Nguyễn-Huệ lại đuổi được tướng Nguyễn là Tống-phúc-Hạp vào Yên-cương, Nhạc lại cho người đến dâng công (*lấy được Phú-Yên*) Ngũ-Phúc bằng lòng hơn nữa rồi ban cho Huệ chức Tây-sơn hiệu tiền-phong tướng quân. Thế là từ nay Tây-Sơn được yen trí đề đối phó với Nguyễn.

Quảng-Ngãi lúc này xảy nạn đói và nạn dịch. Nhân-dân chết nhiều, quân Trịnh cũng bị hao quá nửa. Ngoài Quảng-trị lại có ít vụ nổi dậy của một bọn người tự xưng là tôn-thất nhà Nguyễn đánh phá các huyện Hải-lăng, Cam-lộ, Đăng-xương, Minh-linh cũng là một duyên-cớ thêm vào cho việc Ngũ-Phúc lui quân về Thuận-hóa. Một số tướng lãnh trong ban tham-mưu của ông không tán-thành việc triệt-thoái nhưng ông vẫn giữ vững ý-kiến, chúa Trịnh nghe theo. Tháng 10 năm Ất-Vị ông về kinh-đô Nam-hà sau vì đau phải trở ra Bắc và chết ở dọc đường. Còn một ít binh tướng của Nguyễn ở lại Quảng-Nam cũng bị Nguyễn-Nhạc tiêu-diệt nốt vào tháng sau năm ấy

Tây-Sơn tiến vào Nam

Trong khi Tây-Sơn còn luẩn-quẩn với chiến trường Nam-Ngãi, Tống-phúc-Hạp mang quân Gia-định ra lấy lại được các tỉnh cực Nam Trung-Việt (Bình-thuận, Diên-khánh, Bình-khang từ năm Giáp-Ngọ (1774) rồi ra đóng ở Vân-phong để tiến lấy Phú-yên — Tháng 5 Ất-Vị (1775) quân thủy bộ của Hạp kéo ra đóng ở Xuân-đài và Lâm-Áo rồi lấy được Phú-yên.

Nguyễn-Nhạc giả xin hàng rồi Nguyễn-Huệ yểm-kích quân Gia-định và giành lại tỉnh này. Quân Nguyễn rút và Lý-Tài được Nhạc giao cho chức Trấn-thủ. Lúc này Nhạc thành-công nhiều đã có ý ly tâm với các bạn cũ (Tập-Đình và Lý-Tài) nên Lý-Tài sau đó 3 tháng đã phản lại. Phú-Yên lại trở về với Tống-phúc-Hạp. Năm Bính-Thân (1776) Phú-Yên được trao cho Châu-văn-Tiếp và Trần-văn-Thức là hai tướng cũ của Nhạc.

Vào tháng 3, Nhạc tự xưng là Tây-sơn-Vương, phong Nguyễn-Lữ làm Thiếu-phó và Nguyễn-Huệ làm Phụ-chính, lấy Chà-bàn làm thủ-đô (Xin nhắc rằng Chà-bàn là kinh đô cũ của các vua Chàm xưa). Óc tự-chủ, tự-cường của Nhạc bắt đầu nảy nở mạnh do sự tự xưng kể trên và để bắt đầu cho kế-hoạch bình Nam phạt Bắc (diệt Nguyễn trong Nam, đánh Trịnh ngoài Bắc) Nhạc cử Nguyễn-Lữ làm Tiết-chế dẫn thủy binh vào đánh Sài-côn (Sài-gòn) và chiếm được thành này. Bấy giờ lực-lượng Ngũ-dinh còn ở ngoài Phú-yên dưới quyền Tống-phúc-Hạp nên Duệ-tông chỉ còn trông vào lực-lượng Đông-Sơn của Đỗ-thành-Nhân và quân Hà-tiên của Mạc-thiên-Tứ. Cuộc chiến đấu của Chúa rất gian lao, nhiều khi Chúa trốn chạy rất long đong phải gọi quân Phú-yên về cứu gấp. Sau nhờ ba ngàn quân của Đỗ cùng các tướng Nguyễn-huỳnh-Đức, Trần-Sức, Đỗ-Hoành, Võ-Nhàn, Đỗ-Bảng và bộ đội của Mạc, chúa lấy lại được Sài-côn. Quân của Nguyễn-Lữ trước khi bỏ thành đã đốt phá và cướp được 200 thuyền thóc về Qui-nhơn. Chúa trở lại Bến-Nghé chưa xây-dựng cơ-đồ được bao nhiêu thì có sự chia rẽ trong hàng tướng lĩnh : Đỗ-thành-Nhân cậy công hợm mình ghen tị với Lý-Tài, đôi bên cùng xuất quân gây lộn. Tai hại thêm nữa là vị lão tướng Tống-phúc-Hạp qua đời vào tháng 6 năm đó.

Dựa vào công đuổi được các tướng Tôn-thất-Quyền và Tôn-thất Xuân ra khỏi Quảng-Nam năm Bính-Thân, Nhạc cho Đỗ-phúc-Tiền đem lễ vật ra lót Trấn-phủ Thuận-hóa là Phạm-ngô-Cầu rồi cử sứ-bộ ra Bắc xin chúa Trịnh cho lãnh quyền cai trị hai phủ Thăng, Điện (Quảng-Nam), chúa Bắc-hà dầu muốn hay không đã chấp thuận đề-nghị này vào đầu năm Đinh-Dậu. Vấn-đề này xét ra có sự lợi hại đối với Phú-Xuân nên nó gây ra nhiều sự tranh luận dưới đời Hoàng-ngũ-Phúc, nhưng lấy được đất này lại là Nhạc mà sự kiêu-hùng của ông ta không phải là không đáng kể lúc này. Ý chúa phải nhượng bộ là vì vậy.

Thêm đất, thêm thế-lực, Nhạc rảnh tay bành-trướng ảnh-hưởng về phương Nam. Cơ-hội này đang rất thuận lợi bởi chúa Duệ-tông và Đông-cung có sự tranh giành địa-vị. Duệ-tông dựa vào quân Đông-Sơn, Đông-cung dựa vào quân Lý-tài, mà Lý-Tài với Đỗ-thành-Nhân thì không đội trời chung. Bọn Đông-cung, Lý-Tài mạnh hơn đã ép Duệ-Tông nhường quyền cho Đông-cung lên làm Thái-thượng-vương, Đông-cung tự xưng là Tân-chính-vương từ nay nắm hết quyền bính cho bõ lúc bị bỏ cô đơn ở Câu-Đê (Quảng-Nam) như ta

thấy. Rồi Duệ-tông trốn về Tam-phụ với quân Đông-Sơn trong đó có Nguyễn-Ánh con người sẽ khôi phục được dòng họ sau này (Lúc đó Ánh mới 16 tuổi) nhưng chúa đi không lọt. Lý-Tài bắt chúa về Sài-côn có ý triệt lực-lượng Đông-Sơn cho mất thần-tượng để lôi cuốn sĩ-dân thuở đó. Rồi Tân-chính-vương ra công tuyển mộ binh-đội và mở cuộc vận-động ra tới Quảng-Ngãi thì Tây-Sơn mang quân vào. Bấy giờ là tháng 3 năm Đinh-Dậu (1777).

Tướng chỉ-huy việc đánh Nguyễn lần thứ hai này tại miền Nam không phải chỉ có Nguyễn-Lữ mà còn có cả Nguyễn-Huệ, một ngôi sao bắt đầu sáng chói, một kẻ địch số một của dòng họ Nguyễn được các sử-gia của nhà Nguyễn sau này tuy ra công mạt-sát mà vẫn kính phục.

Quân Tây-Sơn dùng hai đường thủy, bộ.

Phó tiết-chế Nguyễn-cửu-Tuấn, Chưởng-cơ, Nguyễn-đại-Lữ đi đánh họ ở thượng đạo bị giết. Lý-Tài thua thủy-binh Tây-Sơn quanh vùng Sài-Côn. Tân-chính-vương đi nghinh chiến ở Trấn-biên không gặp địch. Sau nghe Tham-tán Nguyễn-đăng-Trường rút về Sài-côn lo việc chiến thủ. Về được mấy ngày thì đôi bên xô-xát tại Hóc-Môn. Bắt đầu quân Nguyễn thắng thì Tống-phúc-Thận từ Cần-giờ về tiếp-viện cho Sài-côn. Lý-Tài nghĩ quân Đông-Sơn nhân-dịp có giặc kéo đến phá mình liền cho giải-tán quân đội. Quân Tây-Sơn thừa dịp đuổi theo, Lý-Tài chạy về Tam-phụ bị quân Đông-Sơn giết chết.

Phúc-Thận ủng-hộ hai Chúa thoát nạn. Duệ-tông chạy đi Định-tường (Đằng-giang) Tân-chính-vương chạy quanh Gia-định (Tranh-giang). Nguyễn-Ánh mang 4000 quân Đông-Sơn đến, ảnh-hưởng lại trở về với Duệ-tông vì thế Tân-chính-vương phải ở lại Tranh-giang.

Duệ-tông đóng ở Tài-phụ.

Tây-Sơn đến đánh vào tháng 4 năm Đinh-Dậu (1777) Chúa thua chạy về Long-hưng (Định-tường) được Đỗ-thành-Nhân đến tiếp-viện rồi cả hai về Cần-thơ hội với Mạc-thiên-Tứ. Nguyễn-quân ở đây vẫn thấy mình yếu nên đã kêu gọi Chu-văn-Tiếp và Trần-văn-Thức dùng quân Bình-Thuận đánh vào phía sau quân Tây-Sơn để chia lực-lượng đối phương. Nhưng bọn Tiếp không nghe lấy cớ là quân ít, nhưng có thể là do họ không nặng lòng với Duệ-tông thì đúng hơn.

Lúc này Tân-chính vương bị đánh ở Tranh-giang phải lui về Định-tường, Mỹ-lũng (Vĩnh-long), Hương-đôi rồi trở lại Ba-việt. Duệ-tông cũng chạy long dong không kém giữa lúc Nguyễn-Huệ ung dung kéo cờ về Sài-Côn.

Vào tháng 7 mặt trận tràn khắp nơi từ Bình-thuận vào Lục-tỉnh. Trần-văn-Thức định tiếp-viện cho miền Nam tử trận. Nhiều tướng nãn lòng chạy dài, có kẻ tự-sát. Tân-chính-vương và 18 người thân tín bị giết. Còn Duệ-tông trú ẩn ở Trấn-giang không lâu rồi đi với Mạc-thiên-Tứ qua Cần-thơ, Kiên-giang tính nếu gặp nguy sẽ chạy ra Tân-dương-đảo (?) Tứ tính đi Quảng-Đông qua cầu cứu nhà Thanh sau khi bàn soạn với chúa nhưng chưa kịp lên đường quân Tây-Sơn đã đổ đến Long-xuyên bắt được chúa và Ngnyễn-phúc-Đồng anh cùng một mẹ với Nguyễn-Ánh đem về giết ở Sài-Côn. Tứ cùng Tôn thất-Xuân trốn được qua Xiêm.

Gia-Định được coi là yên.

Nguyễn-Lữ giao cả miền Nam cho Tổng-đốc Chu, Hổ tướng Hãn, Tư-khấu Uy, Điều-khiển Hòa, Cai-cơ Chấn, rồi về Qui-nhơn.

Nguyễn-Nhạc sau chiến thắng rực-rỡ này bước lên nấc thang cuối cùng trên đài vinh-quang. Ông xưng Đế lấy hiệu là Thái-Đức nguyên niên. Việc này xảy ra vào đầu năm Mậu-Tuất (1778).

Nguyễn-Ánh quật-khởi ở Gia-Định :

Tháng 10 năm Đinh-Dậu (1777) khi Duệ-tông và Nguyễn-phúc-Đồng bị bắt ở Long-Xuyên, Nguyễn-Ánh suýt nữa cũng chung số phận. May ông gặp được Giám-mục Bá-đa-Lộc ở gần đó dấu đi được. Sau khi ẩn nấp một tháng ở đây nghe tin đại quân Tây-Sơn trở về Qui-nhơn, Ánh liền trở lại Long-Xuyên, tụ tập tướng tá trung-thành là Đỗ-thành-Nhân, Tống-phúc Khuông, Tống-phúc Lương, Nguyễn-công-Đằng v.v...

Ánh đánh đuổi được bọn Tư-khấu Uy, Tổng đốc-Chu lấy lại được Gia-định.

Năm sau (Mậu-Tuất 1778) Ánh chính-thức nhiếp-chính nghĩa là thay Duệ-tông, bấy giờ ông mới 17 tuổi. Bốn tháng sau Tổng-đốc Chu trở lại cùng Tư-khấu Uy và các người đã quen biết Gia-Định. Họ chiếm được vùng trấn-biên, phiên-trấn và miền duyên hải.

Nguyễn quân phản công giết được Tư-khấu Uy ở Bến-nghé và quân Tây-Sơn thua lớn phải chạy về Bình-Thuận. Tại đây họ gặp Châu-văn Tiếp và Lê văn-Quân lại phải lui về Qui-Nhơn.

Nguyễn-quân được nghỉ ngơi vì Quân Tây-Sơn không vào, Ánh được dịp can-thiệp vào việc Chân-lạp : dẹp Nặc-Vinh, đặt con Nặc Tôn là Ấn lên ngôi rồi để Hồ-văn-Lân ở lại coi việc bảo-hộ.

Uy-thế của Ánh trở nên lừng lẫy.

Sang năm Canh-Tý (1780) Ánh xưng vương tổ-chức lại quân đội, chế-tạo chiến thuyền, gây-dựng thủy quân. Chúa đặt Tôn-thất-Dụ làm Chưởng trung quân Tiết-chế điều phát chư đạo bộ binh ở Bình-Thuận và cho triệu Châu-văn-Tiếp vào Gia-định lãnh chức Khâm sai đô-đốc chưởng cơ quan An-toàn dinh lệnh đại tư nông, điều phát-tướng sĩ binh dân chư sự vụ quận công. Mục-đích của chúa là chuẩn-bị đánh Qui-nhơn.

Mùa hạ năm Tân-Sửu (1781) Châu-văn-Tiếp ra đánh Diên-Khánh nhưng lúc này một biến-cố lớn đã xảy ra trong nội-bộ của Nguyễn-quân : Đỗ-thành-Nhân, vị đại tướng được nhiều sủng vinh nhất vì quá cậy công, lộng hành lập bè đảng riêng tây bị giết. Quân Đông-Sơn vì cảm tình với chủ bèn nổi loạn chống Nguyễn-Ánh. Biến-cố này đã dục quân Tây-Sơn trở lại Gia-định vào năm sau (Nhâm-Dần 1782). May thay bấy giờ Nguyễn-Ánh đã nghe Giám-mục Bá-đa-Lộc tuyển dụng một số chuyên-viên Tây-phương để tăng-cường lực-lượng và sau này diệt được kẻ thù vĩnh-viễn. Manuel là một thanh-niên Pháp được mời dự vai trò khá quan-trọng trong việc huấn-luyện thủy quân.

Mùa xuân năm Nhâm-Dần (1782), Nguyễn-Huệ dẫn mấy trăm chiến thuyền vào cửa Cần-giờ. Lực-lượng thủy-quân của Nguyễn tại cửa sông có 400 thuyền, 70 ghe lớn và chiếc tàu Bồ-đào-Nha do Manuel chỉ-huy. Trận đánh rất kịch-liệt. Bỗng một đại tướng của Ánh và một phần lớn ghe thuyền chạy sang hàng Tây-Sơn. Bọn phản-bội này là quân Đông-Sơn. Biết thế nguy đến nơi Nguyễn-Ánh rút quân về Thất-kỳ giang. Tây-Sơn đuổi ráo-riết cố trèo lên tàu mặc dầu bị lựu đạn ném đánh họ tan tành. Manuel cầm cự mãi sau thất bại phải châm lửa đốt thuyền rồi y chết trong lửa đỏ.

Chúa Ánh đến tiếp-viện, gặp Tây-Sơn ở Tam-kỳ giang. Chúa bình tĩnh chỉ-huy nhưng rồi cũng không chống nổi địch phải rút về Bến-Nghé sau qua Tam-phụ.

Lối đầu tháng 4, quân Bình-Thuận kéo vào Tam-phụ hỗ trợ chúa. Tam-phụ là đất cũ của Đông-Sơn có thể coi là đất thù của chúa Ánh nên chúa đi đâu cũng có thể bị nguy hiểm. May có Trần-xuân-Trạch và Nguyễn-kim-Phẩm đưa được chúa đến Lữ-phụ tức như giải vây được cho chúa.

Ánh tiến đến Tứ-kỳ giang.

Bất ngờ gặp Nguyễn-Huệ ở đây đánh đại bại chúa phải rút về Hậu-giang. Đến Kiên-giang chúa lại bị quân Chân-lạp đuổi do Chân-lạp bị áp-lực của Tây-Sơn sau khi Tây-Sơn đã vào được Sài-côn ít ngày. Vào tháng 5 năm ấy Nguyễn-Ánh cho một phái đoàn qua Xiêm cầu viện. Nhiều người đi qua Chân-lạp bị người Chân-lạp giết gần hết trừ hai kẻ chạy được qua Xiêm. Nhạc, Huệ thắng trận về Qui-Nhơn, trao việc cai-trị Gia-định cho hai tướng tá cũ của Đông-Sơn là Nhàn-Trập và Hộ-bộ Bá.

Bại trận lần thứ hai của Nguyễn-Ánh tại Gia-Định.

Nguyễn-Ánh là một con người có rất nhiều nghị-lực và kiên nhẫn. Ngay sau cuộc bại trận được một tháng như ta đã thấy ở trên đây, ông lại thu thập các tàn quân để tái chiến.

Đầu tháng 6 năm Nhâm-Dần tướng Hồ-văn-Lân đã khuấy động nhiều đồn Tây-Sơn quanh Gia-định, Long-hồ, Lật-giang và lượm được nhiều thắng-lợi.

Tháng 8, đại quân của Châu-văn-Tiếp chia ra nhiều đạo từ Bình-thuận kéo vào. Xin nhắc rằng cho tới bấy giờ Bình-thuận đã là một căn-cứ hậu-bị cho chúa Nguyễn, một hậu-cứ vững-chắc, dồi dào thực-lực về nhân sự cũng như quân-nhu, quân-dụng và lương thảo.

Quân Tây-Sơn thấy quân Bình-thuận kéo đến có phần nao núng. Tuy vậy bọn tướng Tây-Sơn là Nhàn-Trập và Hộ-bộ Bá vẫn ra nghinh địch, thua lớn phải bỏ chạy về Qui-nhơn.

Lúc này Nguyễn-Ánh cùng cung-quyến đang ở Phú-quốc. Ánh liền trở lại Sài-côn và làm chủ nơi thủ-phủ này được vài tháng. Dầu sao đánh

nhiều lại thua nhiều thì thực-lực cũng hao mòn nhiều, đó là tình-trạng của Nguyễn-quân.

Tháng hai năm Quí-Mão (1783) Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ lại lộ diện tại cửa Cần-giờ ngược dòng tiến vào như nước vỡ bờ. Bên Bắc-ngạn Tư-khấu Nnguyễn-văn-Kim dẫn đầu. Bên Nam-ngạn có Đô-đốc Lê-văn-Kế.

Nguyễn-Ánh và Châu-văn-Tiếp xuất toàn-lực nghênh địch nhưng vừa giao-phong quân Nguyễn đã thua lớn. Vì sao ? Vì hỏa công của quân Nguyễn phóng ra bị gió Đông-Bắc thổi ngược lại khiến lửa đốt cháy hạm đội của Chúa. Binh tướng của Ánh tan vỡ hết. Châu-văn-Tiếp chạy thoát được qua Xiêm cầu viện. Chúa Ánh chạy về Tam-phụ còn được một tướng đi theo là Nguyễn-kim-Phẩm và năm sáu kẻ thân tín cùng ngót một trăm lính tráng.

Quân Tây-Sơn lại vào đóng ở Sài-côn.

Ánh lại tổ chức đánh Tây-Sơn vào tháng 4 ở Công-tuyến cũng thua đậm mất luôn các tướng Nguyễn-đình-Toàn, Nguyễn-văn-Quý, Trần-đại-Huề và Binh-bộ Minh. Ánh chạy xuống Hậu-giang. Huệ đuổi theo rất gắt. Lính Nguyễn lội qua sông mà tháo thân bị chết đuối nhiều. Ánh cũng khốn-đốn tại Mỹ-tho rồi ra Phú-quốc. Tại đảo này chúa gặp Giám-mục Bá-đa-Lộc và Giáo-sĩ Castuera nhờ bàn mưu phục quốc, tính mượn Castuera vận-động với chính quyền Phi-luật-Tân giúp đỡ hoặc cho phép tá-túc ở Manila, nhưng ý định này chưa thực - hiện kịp thì quân của Huệ đã dò được chỗ trú ẩn của Ánh cho quân đến bao vây. Tình hình nguy ngập quá vì khó có đường trốn tránh may có Cai-cơ Lê-phúc-Điền chịu đóng vai trò Lê-Lai mặc áo Ánh ra đứng đầu thuyền chống nhau với tướng Tây-Sơn là Phan-tiến-Thận. Ánh được dịp này chạy được sang đảo Cổ-long, trong khi nhiều tướng Nguyễn bị bắt.

Tháng sau nữa lại có một cuộc bao vây của Tây-Sơn ở đảo Cổ-long. Quân Tây-Sơn do Phò-mã Trương-văn-Đa chỉ-huy quây ba lần lưới không ngờ gió bão nổi lên, sóng gió ầm ầm, trời tối như mực khiến nhiều thuyền Tây-Sơn bị chìm nhờ vậy Ánh trốn thoát sang đảo Cổ-cốt rồi lại về nương mình ở Phú-quốc. Trong thời gian đầy thất-vọng này ông được Bá-đa-Lộc nâng đỡ rất nhiều nhất là về phương diện tinh thần.

Lần này quyền bình - định xứ Đồng-Nai được trao cho Phò-mã Trương-văn-Đa và cả việc phòng thủ diện-địa. Các ngả sông và dọc biển được bố-trí lại rất cẩn-mật sau khi Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ rút về Qui-nhơn.

Tuy bị đánh thua tơi bời, hồ được yên chúa Ánh lại sục sạo để trở lại đất liền. Ánh cho Vũ-văn-Chính về Long-Xuyên chiêu mộ binh sĩ. Phó chiến Mỹ của Tây-Sơn đi tuần hành ngoài khơi bắt gặp được tướng của Ánh là Nguyễn-văn-Giảng, Nguyễn-văn-Uy, đuổi theo bọn này gấp. Ánh nhờ vậy chạy thoát vì thuyền Tây-Sơn đuổi không kịp, đây cũng là một vụ hụt chết của vị chúa trẻ tuổi nhất của dòng họ Nguyễn.

Tháng 10 năm Quý-Mão (1783). Ánh và các tướng hoạt-động ở Thổ-châu và Tân-châu gây dựng được một căn-cứ ở Tinh-phụ. Hai bên xô xát ở đây đến đầu năm Giáp-Thìn (1784). Thế của Nguyễn vẫn yếu nên đồn cuối cùng của họ ở Tân-hòa bị Trương-văn-Đa đánh tan, thầy trò Ánh hết đất dung thân tại quốc nội phải lưu vong qua đất Xiêm. Nhiều cựu thần của họ Nguyễn nản chí chạy theo Tây-Sơn, một phần tòng vong thì tinh thần cũng xuống rất thấp.

Tại Xiêm, Ánh được tin buồn về việc vua Xiêm Trịnh-quốc-Anh nghe lời dèm pha do một người tên là Giao nói rằng y có bắt được một bức thư ở Gia-định ra lệnh cho Mạc-thiên-Tứ và Tôn-thất-Xuân lúc này đang tá túc bên Xiêm tìm cơ-hội chiếm Vọng-Các. Vua Xiêm thẩm vấn Mạc-tử-Duyên (con Mặc-thiên-Tứ) rồi giết, Mạc-thiên-Tứ tự vận vì sự oan uổng này, Tôn-thất-Xuân cùng hơn 50 người đồng bọn cũng bị hạ sát. Trước vụ này còn một vụ khác đã làm cho vua Xiêm căm giận là việc một số thương gia người Xiêm ở Quảng-đông về qua Hà-tiên bị Lưu-thủ Thăng giết và cướp hết hàng hóa vì thế phái viên của Ánh là Tham và Tranh được gửi đến liền bị bỏ ngục.

Rồi Trịnh quốc-Anh bị giết (năm 1782), vụ oan uổng của bọn bề tôi chúa Ánh sau cũng được người Xiêm nhận ra nên khi Ánh đến Xiêm không còn bầu không khí nặng nề nữa. Vua Xiêm bấy giờ là P'hut Yodfa đã niềm nở đón tiếp chúa Ánh.

Ánh được giúp hai vạn quân và ba trăm chiến thuyền lại được hai em của vua Xiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương cùng trở về Gia-định góp phần chiến đấu.

Ánh đã hứa hẹn gì với Xiêm để được giúp đỡ tận tình như vậy ?

Vua Xiêm giúp Ánh có do lòng tốt hay có một sự vụ lợi gì nguy hiểm bên trong cho người Việt chăng ?

Điều này bí-mật không sử sách vào nêu ra được nhưng chỉ có chứng cớ rõ rệt là quân Xiêm qua Việt chẳng giúp gì đáng kể cho chúa Ánh mà còn tai hại cho uy-tín của chúa rất nhiều. Họ đã thừa dịp đi cướp bóc người Việt rất dữ-dội và nếu họ thắng trận thì xứ Đồng-Nai chưa chắc đã trở về với chúa Ánh. Ngày nay chúng ta phải kể họ có tính chất xâm-lăng không hơn không kém.

Tháng 7 năm ấy (1784) Châu-văn-Tiếp lĩnh chức Bình-Tây Đại Đô-đốc cùng anh em Chiêu-Tăng về mở cuộc giao tranh ở Kiên-giang. Quân Tây-Sơn cầm cự không nổi ở Trấn-giang còn bại cả ở Ba-thắc, Trà-Ôn và Sa-đéc. Hà-tiên được giao cho Mạc-tử-Sinh (con Mạc-thiên-Tứ) làm Tham-tướng kiêm binh dân sự vụ. Thanh thế của Ánh lại bắt đầu mạnh và lan tràn được ở nhiều nơi.

Lối tháng 10 một trận thủy chiến kịch-liệt xảy ra ở Bân-thiết giữa Chưởng-cơ Bảo của Tây-Sơn và Châu-văn-Tiếp. Lừa Tiếp đi xa căn-cứ, Bảo chặn đường rút quân nhưng Ánh tiếp cứu kịp. Bảo bị giết nhưng Tiếp bị thương nặng rồi thở hơi cuối cùng. Trong trận này có cả Trương-văn-Đa. Sau trận này Đa rút về Long-hồ để lại nhiều thuyền bè và mộc khí.

Thay Tiếp là Lê-văn-Quân được lãnh chức Khâm sai tổng nhung chưởng-cơ. Liền theo sự lừng lẫy của Nguyễn quân là sự cướp phá của quân Xiêm. Họ nhân dịp này làm giàu bằng cách thâu đoạt tiền của và xâm-phạm cả tính-mạng của dân chúng coi là chánh đáng hay hợp-lý để đền bù vào sự giúp đỡ của họ. Ánh rất uất-hận vì không chế ngự nổi họ và như thế là mất dân. Điều này từ trước tới nay Ánh rất lưu-ý.

Nhưng cuối năm (1784) quân Qui-nhơn vào tiếp viện cho Trương-văn-Đa. Mấy trận đầu tuy có Huệ vẫn bất lợi. Huệ đã có phần nản theo tâm-lý của kẻ đã quen chiến thắng. Một hàng tướng của Ánh là Lê-xuân-Giác hiến kế bố-trí mai-phục ở quãng đường Miệt-giang và Sầm-giang (Định-tường) rồi dụ quân Xiêm tới.

Quân của Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương phần thắng nhiều có ý khinh địch, phần ít am hiểu địa-thế nên đã tiến bừa đến rồi trên bộ cũng như dưới nước chúng bị quân phục-kích đánh tan tành, mười phần thiệt tới bảy tám chỉ còn vài ngàn tàn quân chạy tháo thân được qua Mên. Về phía Lê-văn-Quân cũng không tốt đẹp gì. Ánh lại trở lại với con số không rồi lại sang Xiêm vào ngày mồng một tháng 3 — Ất-Tỵ (9-4-1785).

Lần này ông cương-quyết thực-hiện việc nhờ Pháp do sự trung-gian của Giám-mục Bá-đa-Lộc. Vấn đề này đã từng được thảo-luận từ hai năm trước.

Tây-Sơn diệt phong-kiến miền Bắc

Trong những ngày tháng cuối cùng của năm Giáp-Thìn (1784) người ta có thể nghĩ rằng Tây-Sơn đã kiểm-soát hết Nam-hà vào tới Hà-Tiên (lực lượng Mạc bấy giờ đã tan rã hết) còn Nguyễn-quân tuy chưa bị hao hụt hoàn-toàn nhưng chỉ còn là một lực-lượng không đáng kể, phải đào-vong ra nước ngoài hầu như không có tương-lai nữa. Tại Thuận-Hóa tướng-lĩnh của Bắc-hà trước kia là bọn Bùi-thế-Đạt, Lê-quý-Đôn và Phan-lê-Phiên, nay là Tạo Quận-Công Phạm ngô-Cầu, trấn-thủ cũ của Sơn-Nam, tính hay mê-tín, nhu-nhược và tham-lam.

Năm Bính-Ngọ (1786), Phạm-ngô-Cầu cho Nguyễn-phú-Như vào dò xét nội-tình Tây-Sơn. Khi Phú-Như gặp Nguyễn-hữu-Chỉnh ở đây. Chỉnh là bạn cũ, hết thầy điều hay dở của Thuận-Hóa, Phú-Như cho lọt hết vào tai Chỉnh. Đã vậy, Bắc-hà lúc này lại đang bị nạn đói, dân chết như ngả rạ đến nỗi chúa Trịnh phải gán-ghép cho các nhà giàu lãnh các chức tước để có tiền chẩn-cấp.

Từ câu chuyện của biên-sinh Hoàng-viết-Tuyển về cuộc đảo-chính của lính Tam-phủ ở Thăng-Long, những lời cáo tỏ của bọn Nguyễn-phú-Như và Vũ vĩnh-Thành về nội-tình Thuận-Hóa cho tới việc tiến quân của Tây-Sơn ra Bắc-hà không xa là bao nhiêu.

Ngày 18 tháng 5 năm ấy, Huệ làm Long-Nhương Tướng-quân Tiết-chế Thủy-bộ Chư-quân, Vũ văn-Nhậm làm Tả Đô-đốc, Nguyễn-hữu-Chỉnh làm Hữu Đô-đốc, vừa do đường thủy, vừa đường bộ vượt Hải-Vân đánh vào đồn An-Nông. Tướng Hoàng nghĩa-Hồ cố chết chống đánh cho tới khi hết đạn, hết sức thì tự-vẫn.

Lúc này tại Thuận-Hóa một thuật-sĩ người Tàu do Tây-Sơn gửi đến dụ Phạm ngô-Cầu lập đàn chay, để cầu phúc. Tên này đã làm gián-điệp cho Tây-Sơn với nhiệm-vụ dò xét nội-tình Thuận-Hóa và mê hoặc chủ tướng. Sau đó, Tây-Sơn ập tới, giữa lúc Cầu đang mải cúng bái.

Trong dịp này, Cầu còn bị một độc-kế thứ hai nữa : Tây-Sơn cho lạc một bức-thư vào tay Cầu, trong thư có chuyện mật thông giữa Cống Chỉnh và phó-tướng của Cầu là Hoàng đình-Thể.

Thêm vào sự hoang-mang của Cầu, còn có mấy điều làm cho viên chủ-tướng thành Thuận-Hóa thêm chán-nản, đó là những hành-động kiêu-ngông, tàn-ngược của chư-quân đối với dân-chúng. Cầu biết lòng dân chẳng ủng-hộ thì cũng khó lòng chống địch nên cho rằng chỉ còn chước hàng là hơn cả.

Khi Tây-Sơn đã hiện ra trước cửa thành, Cầu cử Hoàng-đình-Thể cùng hai con ra đánh. Thể xông pha giết được vài trăm quân Tây-Sơn, nhưng khi hết đạn thì không được tiếp tế.

Thể liền quay trở lại định giết Cầu thì cờ hàng đã bay trên thành.

Hai con Thể vì bị trọng thương đã ngã gục ở chiến-trường.

Tỳ tướng Vũ tá-Kiên cũng tử-trận. Thể đành tự-vận trên mình voi cho khỏi nhục.

Trong trận này, theo «*Đại-Nam chính biên liệt truyện*», Tây-Sơn gặp một dịp may mắn đặc biệt là vách thành Thuận-Hóa kề ngay bên sông, cách mặt nước độ hai trượng, thủy quân của Tây-Sơn ở thấp bắn lên cao là cả một sự khó khăn. Rồi thình-lình, đại-bác Trịnh bắn xống, một chiếc thuyền của Tây-Sơn bị chìm, qnân Tây-Sơn đã có phần bối-rối.

Giữa tình thế này, nước sông bỗng dâng lên dữ dội, do mấy trận nước lũ đổ xuống dồn-dập, thuyền Tây-Sơn nổi lên cao ngang mặt thành. Cuộc cuộc tấn công của Tây-Sơn trở nên dễ dàng đại-bác lại khạc đạn như trước. Ta biết rằng các lực-lượng quân-sự đời bấy giờ đều có hỏa lực khá mạnh cả. (Trên đây đã có nói người ngoại-quốc mang đại-bác đến bán cho hai vùng Nam-Bắc và ở Phú-Xuân chúa Nguyễn đã có cả một xưởng đúc súng do Jean de la Croix điều-khiển).

Cuộc tấn-công của Tây-Sơn có kết-quả, Phạm-ngô-Cầu tự trói mình đến hàng Nguyễn-Huệ, nhưng cũng không thoát khỏi tử hình khi y đến Qui-Nhơn.

Các sử ta cũng như sử Pháp chép : Tây-Sơn vào Thuận-Hóa, quân dân ở đây bị sát hại rất nhiều, thây chất đầy sông làm nghẽn cả nước chảy. Xét ra, quân Bắc ở đây chỉ có tới vài trăm thôi, nhưng thường dân bị thiệt hại khá lớn vì Nghệ-An trước đó ít lâu bị mất mùa, số dân địa-phương này di-cư vào Thuận-Hóa để tránh nạn đói thì lại gặp nạn chiến-tranh. *(Đại-Nam chính-biên liệt-truyện*, tờ 19-quyển 30. *Cương-Mục tờ 16* quyển 46, *Lê-quý kỷ-sự* cũng công-nhận có sự trạng này *Cương-Mục* đưa ra chi-tiết Ngô-Cầu mở cửa thành, xe quan tài xuống hàng).

Phú-Xuân thất-thủ rồi đến lượt hai đồn Cát-Roanh, Động-Hải, một ở địa-phận Ái-Tử, huyện Đăng-Xương, thuộc tỉnh Quảng-Trị, một thuộc huyện Lệ-Thủy, thuộc Quảng-Bình, cũng bị hãm do quân của Nguyễn-Lữ. Tướng giữ hai đồn này thấy Thuận-Hóa mất cũng hết tinh-thần và bỏ chạy.

Tính ra, mảnh đất mà chúa Trịnh-Sâm vừa giành được của họ Nguyễn ít năm, tốn-phí khá nhiều công của và sinh-mạng. Nay sang hết tay anh em vua Thái-Đức một cách mau-lẹ, không ngờ.

Chiến-cuộc bắt đầu từ 18 tháng 5 (năm Bính Ngọ 1786) dồn dập và biến-chuyển mau chóng như vậy mà mãi đến mồng 3 tháng 6, triều-đình Bắc-hà mới được dịch-thư (1) do một người trốn khỏi Nghệ-An đưa ra.

Mặc dầu các nhà đương-cục cố bưng-bít sự thất-bại này nhưng chẳng bao lâu dân-chúng Đàng ngoài cũng biết hết, do đó giặc dã lại nổi lên như ong, nhất là ở vùng duyên-hải, triều-đình phải

(1) — Thư chạy bằng ngựa trạm.

cho quân đi đánh dẹp liên-miên mà vẫn không lập nổi trật-tự.

Quân Tây-Sơn thắng ở Thuận-Quảng nhanh tróng như thế nào, thì tình-trạng quân, dân, chính của họ Trịnh tại Thanh-Hóa là cả một lời giải-thích.

Đến việc Nguyễn-Huệ ra Bắc rồi diệt Trịnh sau một cuộc chiến-tranh chớp-nhoáng, cũng do những nguyên-nhân tương-tự.

Xin hỏi dưới đây xã-hội Bắc-Hà thuở đó bê-bối thế nào ?

Chúng ta hãy đi thẳng vào vấn-đề cơm áo của nhân-dân qua chế-độ thuế-khóa : Dưới đời Trần Thái-Tông (1225-1258) thuế đinh chỉ đánh vào những ai có ruộng đất tức là những người tư-sản bằng tiền và thóc. Người có một hay hai mẫu đóng một quan, có ba bốn mẫu đóng hai quan, có 5 mẫu trở lên đóng ba quan.

Thuế tư-điền phải nộp 3 thăng thóc, mỗi mẫu trồng dâu phải nộp 7 hoặc 9 tiền.

Nếu so-sánh với thuế-khóa đời Lê Trung-hưng thì thuế đời Trần rõ-rệt nhẹ vì dưới đời Trung-hưng ai ai cũng phải nộp thuế đinh từ một quan đến quan tám (giàu đóng nhiều, nghèo đóng kém đi một ít). Trong chương bàn về sự-nghiệp của họ Trịnh từ năm Kỷ-Dậu (1669) sử đã có ghi phép « *bình lệ* » theo phép này làng đã có bao nhiêu đinh thì cứ bấy nhiêu thuế mà nộp mãi mãi : chết không trừ, mới đẻ cũng đã phải chịu.

Từ năm, Kỷ-Hợi (1719) đến Tân-Sửu (1724) triều-đình đặt thuế công-điền, phép tô, thuế tuần-ty, thuế muối, thuế thổ-sản, đủ mọi thứ. Đã vậy nhân dân lại gặp luôn mấy năm loạn lạc, phải đi lính thú liên-miên, ở các nơi Kinh-thành, thị-trấn thì Kiêu-binh hiếp đáp; trên hàng quan lại, những người đứng-đắn chỉ biết có thở dài (1) (trước thời-cuộc, bọn lưu-manh chánh-trị kéo bè, kéo cánh, nào là phe bà Tuyên-Phi (Đặng thị Huệ) phe Trịnh-Khải, thật là đại loạn.

Nhưng cái tai-hại nhất vẫn là vấn-đề thiếu cơm áo, an-ninh và sự hỗn-loạn nơi đền Vua, phủ chúa ở chốn kinh-kỳ đã làm cho giới lĩnh-đạo mất hết thể-diện và uy-tín (2).

Sự kiện này đã dọn đường cho Nguyễn-Huệ vào thành Thăng-Long để chấm dứt một tình-thế đã trở nên ngạt thở và có thể coi đạo quân Bắc-tiến của nhà Tây-Sơn là đạo quân cứu tử cho tất những người dân thuở đó đang sống dưới thời Lê-mạt. Sử-thần của nhà Nguyễn không chép những điều này, nhưng ta có thể nghĩ như vậy, căn cứ vào cuộc thắng trận quá mau lẹ của Nguyễn-Huệ và việc tuần Trang, Ba Chúc nộp chúa Khải cho tướng Tây-Sơn.

---

(1) *Tang thương ngẫu lục* (tập dưới tờ 46) do tác giả là Tùng-Niên viết có nói về Bùi huy-Bích như sau :

Năm Nhâm-Dần (1782), đời Cảnh-Hưng (1740-86) Điện-đô vương (Trịnh-Cán) lên cầm quyền trong tuổi thơ-ấu, gần xa đều nao nao. Ngày 25 tháng 10, năm Nhâm-Dần (1782), binh Tam-phủ làm loạn, ủng-hộ Trịnh-Tông (Khải) con cả của cố vương (Sâm) ấy là Đoan-nam vương...

Bấy giờ kẻ dưới thì lăng-loàn, người trên thì suy-đốn, giềng mối triều-đình mỗi ngày một hư hỏng. Ông Bùi huy-Bích lo âu về nỗi ấy, thường hay than thở trong khi đứng ở triều-đình. Ông từng làm bài văn khóc ông Hồ sĩ-Đống, chức Quyền-phủ, có câu rằng : « Trên chốn triều-đình, các việc chính trị không ra sao, lại thêm nỗi nước lụt, sâu hoàng trùng ! » Tiểu-cao Nguyễn-văn-Mai trong « *Việt-nam phong-sử* » cũng nói : « Khoảng đời Cảnh-Hưng — Chiêu-Thống (1740-89), dân bị mất mùa, đói khổ, cha phải bỏ con, vợ phải xa chồng vì không nương nhờ được nhau...»

« Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, quyển 44, 33, 34, khảo về đời sống của nhân-dân buổi ấy viết : « Mùa thu năm Bính-Thân (1776), đại hạn, đồng ruộng cháy khô, nhà nông bỏ hết việc cày cấy. Dân nghèo tìm đến các nhà giàu mà cũng không có việc làm, do đó mà trộm cướp nổi lên như ong ».

(2) Theo « *Hoàng-Lê nhất-thống chí* » trang 42, thấy tình-thế quá hỗn-loạn, chính Trịnh-Khải cũng muốn diệt Kiêu-binh nhưng diệt không nổi. Sau Khải cho Tri-công-phiên Phạm quý-Thích làm bài Trách Cung-văn. Bài này có lẽ đã đọc trước miếu-đường để chúa nhận lỗi của mình không biết sửa trị việc nước. Ngay xưa mỗi khi có tai trời ách nước hoặc quốc-sự ngửa nghiêng, các vua chúa hay đưa ra những bản Tuyên-ngôn đọc trước lăng-miếu rất long trọng hoặc thông-cáo ra ngoài dân chúng để xè lỗi mình. Chúng tôi xin trích ra đây một đoạn để các bạn coi :

«...Hoàng-triều Cảnh-hưng từ thập ngũ-niên, tuế thứ Giáp-Thìn, nhị nguyệt kiến Đinh-mão, sóc Bính tứ, sơ thập nhật, Ất-dậu, tự tôn : Đại-nguyên súy tổng-quốc-chính Đoan-Nam Vương chi phụng tiên quân huấn hối, xử nhân thiên nghĩa chi vị năng ! Ôi ! thừa tiên đại cơ cần, dị đại đầu gian chi hạt xứng ! Dĩ chí bào trạch ức vạn nhân chi oán, tối nan chi kỳ phân hiểu ! Vĩnh duy chiêu mục thiên bách thế chi truyền, khủng bất kham ư phụ hạ.

Dịch ra Việt-văn :

« Nhớ lời dạy bảo đứng tiên quân làm sao mà ở Nhân theo Nghĩa. Nối việc cơ cần từ lớp trước, nào xứng đâu việc lớn lúc gian nguy ! Để đến nỗi vạn ức người oán giận, tới ngày nay vẫn chưa nguôi được mảy may ».

« Nối người xưa sợ chẳng được nào,
« Đỡ gánh trước lo không đủ sức ».

Tây Sơn thắng trận có cứu chữa được tình trạng này chăng ? Nhà chép sử ngày nay có thể trả lời ngay rằng dân Việt-Nam ta còn bạc phước từ đó đến cuối thế-kỷ XIX nữa.

Vào những ngày cuối tháng 5 năm Bính-Ngọ (1786), tin Huệ vượt Hải-Vân quan bay dồn-dập về Bắc-hà. Chúa Trịnh cho họp bàn tìm kế cự-địch.

Một hoạn-quan thân với chúa tiến cử tên Mãn là con nuôi, làm Đô-thống cầm quân để đối phó với Tây-Sơn, nhưng bàn luận hồi lâu, việc này lại bị bác bỏ.

Sợ chiến-tranh nhất là bọn quân Tam-phủ, nên mỗi khi bàn đến việc điều binh, khiến tướng chúng phá liền, Tỉ-dụ Nguyễn Lệ, cựu Tham-tụng, từ Nghệ-An ra đề nghị : «Lê-Hoàng và chúa rút đi Sơn-Tây để lợi dụng thế hiểm của các miền thượng-du Bắc-việt, kinh-thành, trao cho quân-đội giữ : Thủy-đạo từ Thường-tín (tức là từ bãi Tự-nhiên) đến Hưng-Yên sẽ rắc đầy chông-chà để ngăn cản chiến-thuyền của địch; dùng thủy-phỉ quấy hậu-phương của địch...

Kế-hoạch này có hiệu-lực, một phần ngăn bước tiến của Tây-Sơn, quan-trọng hơn nữa là để vua lánh xa, Tây Sơn sẽ không nắm được nhà vua để hiệu-triệu thần-dân (Lúc này Tây-Sơn đã tiến vào Sơn-Nam và tung ra lời hịch *Phù Lê, diệt Trịnh)*, sau đó họ sẽ tiến-thoái lưỡng nan, quân lương cạn dần; và triều-đình sẽ vận-động các thổ-hào miền Thanh, Nghệ dấy binh chẹn lối họ về...

Nguyễn-Lệ còn nói : *Đánh nhau với Tây-Sơn thì bại trông thấy vì không thể dùng được Kiêu-binh...*

Lời nói này càng chọc giận Kiêu-binh, chúng vu cho Lệ đưa kế-hoạch này là có ý rước giặc vào nhà, rồi rủ nhau tìm Lệ giết, may Lệ chạy kịp được lên Sơn-Tây.

Trước đó, nhiều kẻ có đầu óc thoái-bại bàn : «Thuận-Hóa không là đất của triều-đình, Triều trước đi chinh-phục là làm một chuyện phiền phức, thất sách bởi nay đặt thú-binh, mai chinh phạt, hao công tốn của. Bây giờ địch lấy được Thuận-Hoá cũng là cái may để khỏi phải đặt thú-binh và lo lăng khó nhọc. Miền trong chỉ cần có Thanh-Hoá vì đây có lăng- tẩm của các tiên-đế và có địa hiểm tiến thoái của ta. Nay địch chiếm được Thuận-Hoá đủ no nê rồi còn dám đâu đi xa hơn nữa...»

Người ta tán-thành ngay luận-điện này rồi từ đó không bàn đến việc ra quân nữa. Thật là một điều đánh xấu-hổ cho đám tướng-lãnh, đại thần thuở đó đã quá hèn nhát, hàng ngày hưởng lương cao bổng hậu tới hữu-sự thì ngụy-biện để lẩn trốn trách-nhiệm : *giặc đã tiến đến cổng ngõ mà dám nói chúng chẳng vào nhà, lại chẳng bố-trí cuộc giao-tranh, sửa soạn quân-đội và lo các việc phòng thủ.*

Chẳng qua kẻ nào cũng sợ Tây-Sơn như gà sợ cáo, nếu bàn đến việc đối phó ắt phải thân-hành ra trận hoặc anh em, con cháu phải dự chiến, ham sống sợ chết quá nhiều nên chúng chỉ biết lo giữ đầu giữ của, giữ vợ, giữ con, còn nước mất mặc nước, vua chết mặc vua. Một triều-đình gồm toàn những kẻ đốn-mạt như thế hàng-ngày dân đã chẳng được nhờ thì gặp loạn tất nhiên dân không mong gì hơn là sự sụp đổ của nó...

Việc phải đến đã đến !

Trước khi mở chiến-dịch đánh chiếm Bắc-hà và đã đồng ý về việc chinh-phục Bắc-hà, Huệ thảo-luận với Chỉnh hai vấn-đề : tình-trạng Bắc-hà, và lý-do của cuộc Bắc-tiến. Huệ nói « Bắc-hà còn nhiều nhân-tài không thể coi thường được »

Chỉnh trả lời : « Bắc-hà không còn nhân-tài, nào nữa, Chỉnh này đã đi rồi là hết, ông đừng ngại ».

Huệ mỉm cười tiếp : « Chính vậy, chẳng ngại ai mà chỉ ngại ông thôi ! »

Lời nói này làm Chỉnh giật mình và tái mặt rồi Chỉnh biết lỡ lời liền nói : « Tôi chỉ là một kẻ ngu muội, hèn mọn, vậy mà Bắc-hà không ai hơn tôi đủ rõ Bắc-hà bây giờ không có ai đáng sợ nữa. Tôi nói quá một chút cho rõ ý mà thôi ».

Huệ an-ủi Chỉnh rồi bàn rằng đi đánh phá một nước đã cố-cựu, không có danh-nghĩa thì cũng khó.

Chỉnh quả-quyết rằng không khó bởi Bắc-hà đã có vua lại có chúa, đó là một đại-biến cổ-kim chưa hề có. Họ Trịnh tuy bề ngoài là phù-chính, nhưng bề trong giữ đủ quyền thiên-tử lại hiếp

đáp nhà vua, lòng người bất mãn..., nay lấy danh-nghĩa « *Phù-Lê diệt Trịnh* » ắt thành-công.

Sự thực, Nguyễn-Huệ giờ phúc này đâu có lạ gì nội-tình Bắc-hà (nhân-sự, sự thất nhân-tâm của họ Trịnh, sự nghèo khổ của nhân-dân) chẳng qua bàn để dò ý Chỉnh và dù Chỉnh chẳng đề cập vấn-đề đánh Bắc-hà thì Huệ cũng đã nghĩ tới rồi. Đoàn quân bách chiến bách thắng của Long-nhương tướng-quân đang đầy hào-khí, có lẽ đâu tiến đến Thuận-Hóa thì ngừng lại !

Sau cuộc nói chuyện này, mọi công-tác được phân-phối như sau : Chỉnh đem thủy-quân làm tiên-phong vượt biển ra Bắc trước, Huệ mang hậu-quân ra sau, hai bên sẽ gặp nhau ở bến Vị-Hoàng (Nam-Định). Chỉnh sẽ chiếm kho lương ở tại đây rồi đốt lửa làm hiệu cho quân Huệ.

Còn Nguyễn-Lữ thì ở lại trấn giữ Thuận-Hóa việc cắt quân ra Bắc sẽ báo về Qui-nhơn cho « *vua Trời* » biết (1).

— Quân - Trịnh và Tây-Sơn gặp nhau ở SƠN-NAM.

Quân Tây-Sơn cả hai đạo thủô-lục rầm-rộ tiến ra Bắc-hà thế mạnh như gió bão.

Chỉnh ra cửa Việt-hải (sau này đổi ra Việt-An) rồi vào bến Nghệ-An, binh đánh Phá lung-tung khiến dân bản Trịnh xoa-xuyến vô cùng.

Tướng giữ thành Nghệ-An là Bùi thế-Tuy (con Bùi thế-Đạt) người làng Tiến-Lý (thuộc huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An) đốt doanh-trại bỏ trốn.

Tướng giữ thành Thanh-Hóa là Tạ danh-Thủy cũng chạy. Do không có sự trở ngại, quân của Chỉnh tiến dễ dàng tới Vị-Hoàng lấy được trăm vạn hộc thóc (mỗi hộc có chừng 60 lít). Việc này xảy ra vào ngày 6 tháng 6 Bính-Ngọ (1786). Chỉnh cho đốt lửa. Ngọn lửa từ Non Côi bốc lên khiến ở xa Huệ đang dẫn một ngàn chiếc thuyền theo gió Đông Nam tiến ra trông thấy, biết là Chỉnh đã thực-hiện được điều đã dự định. Và dĩ-nhiên quân-lực của Trịnh ở đây cũng đã biết trước khi thấy ngọn cờ Nam-hà phất phới.

Chẳng bao lâu, hai quân gặp nhau ở Vị-Hoàng, thế càng mạnh thêm. Triều-đình Bắc-hà được tin vô cùng sửng-sốt, vội cử Trịnh tự-Quyền thống-lĩnh 27 cơ hiệu ra ngăn quân Tây-Sơn.

Quyền đã loanh-quanh mất 10 ngày mới chuyển được quân đi khỏi thành Thăng-Long được 30 dặm, chúa Trịnh cử thêm Đinh tích-Nhưỡng là một danh-tướng về thủy-chiến (Nhưỡng là dòng dõi Đinh văn-Tả, chức Liễu trung-hầu, quê ở Hàm-gian, huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-Dương. Thời bấy giờ có câu : *Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng*).

Vùng Sơn-Nam đã trở nên bãi chiến-trường cho hai bên, trong khi dân chúng già trẻ, lớn bé hoảng-hốt bồng bế nhau đi lánh nạn. Bọn quan lại, văn cũng như võ, việc nước thì lo ít việc nhà thì lo nhiều, chỉ chú-ý đến việc chôn dấu của cải, gìn giữ vợ con, giữa lúc này khói lửa chiến-tranh bốc mù trời.

Trịnh tự-Quyền coi lục-quân đóng đại quân ở Kim-Động (thuộc Hưng-Yên, bên sông). Đinh tích-Nhưỡng đem năm vệ thủy-quân ở cửa sông Lục-môn về phía dưới tức là huyện Nam-Sang tỉnh Hà-nam là tỉnh giáp giới, dàn thành hàng chữ nhất. Năm vệ thủy quân là : Vệ tả, Vệ hữu, Ngũ hầu, Ngũ thiên, Ngũ trung-thạch.

Chương trung-hầu Đỗ thế-Dân, Trấn - thủ Sơn- Nam, đem bộ binh đóng ở đại-phận bãi Phù-Sa, huyện Đông-An cũng thuộc tỉnh Hưng-Yên.

Nước lụt bấy giờ mới cạn, gió Đông-Nam thổi không ngừng. Thuyền Tây-Sơn dương buồm thẳng tiến. Quân Trịnh nạp đạn vào súng Bảo-lân bắn ào-ạt. Quân Tây-Sơn lui vào bên sông chờ tối đến mới từ từ thả vào chục chiến-thuyền sang mặt trận của Trịnh có đủ binh-sĩ kẻ giáo, người kích. Quân Trịnh bắn như mưa để ngăn lại. Thuyền Tây-Sơn chìm dần trong im-lặng. Trời tảng sáng, nhìn ra Nhưỡng mới biết đã bắn hết đạn vào những thuyền không và lũ binh-sĩ kết bằng rơm của địch. Biết mắc mưu, Nhưỡng liền cho quân bỏ thuyền chạy lên cạn thì đại-đội thủy quân Tây-Sơn xấn đến, đạn bắn vèo-vèo như chuyển cả núi sông, các cổ thụ bên bờ cũng gãy đổ răng-sắc. Quân Trịnh cứ lùi. Quân Nam xông lên đuổi, quân Bắc chết như rạ. Hai cánh quân

(1) Vua trời là vua Thái-Đức. Hồi đó, quân dân Đàng trong đều gọi Nhạc vậy.

làm thế ỷ-dốc cho Nhưỡng của Trấn-thủ Sơn-Nam và của Trịnh tự-Quyền thấy thủy-quân đại bại, mất tinh-thần, liền tan vỡ ngay tuy chưa xung trận.

Từ đó Thủy-quân Tây-Sơn không gặp sức kháng-chiến nào đáng kể nữa liền tiến vào mãi Hiến-Doanh (Phố-Hiến tỉnh Hưng-Yên) Sử chép: Sơn-Nam thất thủ ngày 24 tháng 6, năm Bính-Ngọ (1786).

Đến mặt trận thứ hai của Trịnh bị tan vỡ.

Bọn Trịnh tự-Quyền và Đinh tích-Nhưỡng bại trận càng làm cho triều-đình Bắc-hà điên-loạn. Trong đầu óc đám vua chúa hèn yếu của Thăng-Long cũng như trong tâm trí lũ bề tôi bất-lực, lúc bấy giờ đều đầy những tư-tưởng thoái-bại, bạc nhược.

Ưu-binh và Nhất-binh (lính Tam-phủ) hàng ngày vẫn vỗ ngực khoe trung-thành với vua và chúa vì thuộc Quí-hương (1), bảo nhau mỗi nhóm rút đi một nơi. Ở lại đương đầu với quân Nam-hà chỉ còn quân Bắc: Nghĩa-binh cùng vài tướng-lãnh có liêm-sĩ và tiết-nghĩa! Thạc Quận-công Hoàng phùng-Cơ với 500 quân nghĩa-dũng từ Sơn-Tây về hộ-vệ Kinh-thành. Quận Thạc cùng 8 con (kể cả rể) đem binh ra đóng ở hồ Vạn-Xuân (2) dàn chu-sư (đội chiến thuyền) ở bến Thúy-Ái cũng thuộc huyện Thanh-Trì).

Chúa Trịnh đem hết tinh-binh ra ngoài cửa Tây-Long (3) bày trận dưới Ngũ-long-lâu.

Trận này khai-diễn vào ngày 25 tháng 6 năm Bính-Ngọ.

Quân Tây-Sơn thừa-thắng ở Sơn-Nam liền nuốt giải trường-giang (Nhị-hà), tiến lên bến Nam-Dư đánh bất-thần vào quân của Trịnh. Quả vậy, đại đội chu-sư của Nguyễn-Huệ tới nơi, thì tại bến Thúy-Ái quân Trịnh còn neo thuyền lên bãi chơi, chưa có phòng-bị gì hết. Tây-Sơn tới, quân Trịnh hoảng-hốt không kịp xuống thuyền nữa chạy tán loạn trong khi súng Cự-thuần của Nam-hà bắn như tưới.

Một kẻ can-đảm: Ngô cảnh-Hoàn, Quản Tiền-phong cơ của Trịnh, cương quyết ở lại chống địch rồi bị tử trận trên mặt sông Thúy-Ái (4). Tiền phong Cơ gục rồi mà Hoàng phùng-Cơ không hay. Đang khi Hoàng ăn cơm, quân Tây-Sơn đã vây chung quanh khiến Phùng-Cơ chỉ còn nước bỏ chạy, một đội quân Trịnh do Mai thế-Pháp cố chặn đường Tây-Sơn nhưng bộ thuộc tan-vỡ dần Pháp túng thế nhảy xuống sông tự-vẫn.

Trong trận này, 6 con của Quận Thạc bị trúng đạn chết cả, Quận Thạc thấy thế nguy đành kéo con trai là Hoàng phùng-Gia và con rể là Nguyễn-trọng-Thu, cùng vài chục binh-sĩ liều chết mở một đường máu chạy về Hưng-Hóa. Trong khi này, hồ Vạn-Xuân là mồ chôn hầu hết quân Trịnh.

Vượt được tiền-tuyến của Trịnh tức là sau khi đánh tan quân Hoàng phùng-Cơ, Nguyễn-Huệ rầm-rộ xông lên bến Tây-Lnông. Tiếng hỏa-hồ nổ ầm-ầm ghê-rợn, tiếng binh-sĩ hò hét và rên-rỉ, biến trận Tây-Luông thành một cảnh địa-ngục hỗn-loạn gớm ghê, máu chảy đầu rơi kinh-khủng.

Chúa Trịnh phất cờ lịnh, hò ba quân tiến. Quân Tây-Sơn như hùm beo thấy mồi, lăn xả vào địch như để nuốt chửng. Nhưng xông vào trận chỉ có quân Nam-hà mà thôi, còn quân Bắc-hà chẳng ai dám liều mạng. Tây-Sơn còn tung ra những ống thuốc súng, lửa cháy làm đỏ ngòm mặt trận. Hỏa-hổ đốt, voi của Trịnh bỏ chạy càng làm cho thế trận của Trịnh núng thêm. Chúa Trịnh liền thúc voi quay về vương-phủ thì trên cửa Tuyên-võ cờ Tây-Sơn đang phất-phới bay!

(1) Vua Lê, chúa Trịnh xuất thân ở Thanh-Hóa nên chỉ tin ở đám binh-sĩ Thanh-Nghệ-Tĩnh. Bọn họ rất được biệt-đãi, do đó mà giữa họ với quân tứ Trấn và dân chúng đời Trung-Hưng có sự chia rẽ. Gặp biến, sự thế lại càng bi đát. Kiêu-binh bỏ chạy trước và chạy đến đâu thì dân chúng giết đến đấy. Với đám quân dân nghịch nhau như nước với lửa, ngai vàng nghiệp chúa của Lê, Trịnh cũng đủ đổ rồi, cò kể chi những nguyên-nhân khác nữa.

(2) Hồ vạn-Xuân tức là đầm Vạn-Phúc thuộc huyện Thanh-Trì tỉnh Hà-Đông ở bên ngoài thành Thăng-Long.

(3) Tây-Long hay Tây-Luông cũng là một, xưa ở địa phận thôn Hậu-lâu, huyện Thọ-Xương, thành Hànội. Ở đấy có một ngôi đền của người Tàu thờ Quan-đế, ngoài cổng có biển đề: «Tây-Long cổ miếu», tọa lạc vào góc phố Hàng than và ngõ Hồng-Phúc ngày nay.

(4) Cái chết của Ngô cảnh-Hoàn để lại trên «*Văn học sử*» một nguồn thơ cho thời-nhân, đáng kể là bi thiết: Ái thiếp của Ngô là Phan thị-Thuấn, khi chồng chết vẫn tự-nhiên và ăn vận thường-phục. Người quen thuộc chê là kẻ vô tình, bạc nghĩa. Khi Tây-Sơn rút về Nam-hà, nàng mới mặc đồ tang, làm chay cho chồng bên sông Thúy-Ái, khóc suốt đêm rồi bơi thuyền ra giữa dòng tự-vẫn theo người chồng xấu số.

Lịch-sử ghi : Chúa Khải bỏ Thăng-Long sau cuộc bại trận hết sức bi-thảm vào ngày 26 tháng 6, năm Bính-Ngọ (1786). Chúa chạy trốn trên đường đi Sơn-Tây, dọc sông Hồng-Hà đến làng Hạ-Lôi, Tỉnh Phúc-Yên thì lộ tung tích Chúa bị tên Tuần Trang và Ba Chúc ở địa phương này bắt. Chúng bèn giải Chúa về Thăng-Long để lấy thưởng. Nhưng đã nhân đêm tối mò rút dao đâm cổ chết. Việc này xảy ra vào 28-6 năm Bính-Ngọ. Đây là một ông Chúa xấu số trong những ông Chúa xấu số nhất của họ Trịnh.

* * *

NGUYỄN-HUỆ GẶP VUA LÊ

Ngày 26 tháng 6, Nguyễn-Huệ cho báo trước sẽ vào yết-kiến vua Lê Hiển-tông, rồi hôm sau Huệ dẫn bọn Cống Chỉnh và các tướng-tá vào cung Vạn-thọ. Trước mặt nhà vua, chúa Tây-Sơn có những cử-chỉ hết sức khiêm-nhượng. Huệ nói việc quân Nam ra Bắc chỉ có ý phù Lê diệt Trịnh và thi-hành đạo trời. Trong cuộc hội-kiến giữa vua Lê và chúa Tây-Sơn, các cựu-thần lẩn trốn gần hết, sau vua Lê nghe lời Chỉnh cho đi tìm Phan lê-Phiên, Trần công-Sán, Uông Sĩ-Điển, đến lo việc thù tiếp vị thượng-khách.

Rồi ít bữa sau, dân chúng lại lục-tục kéo nhau trở về, chợ búa lại họp, các hoạt-động thường nhật lại tiếp-tục theo nhịp bình thường. Các quan liêu cũng dần dần hồi-triều gần đủ mặt. Sau đó có việc thiết đại lễ tại điện Kính-thiên để quân lực Tây-Sơn ra mắt đồng-bào Bắc-hà, đồng thời để tỏ rõ thái-độ chính-trị. Nguyễn-Huệ cầm-đầu các tướng, dưới bóng cờ quạt la-liệt từ cửa Đoan-môn hiên-ngang bước vào điện làm lễ ngũ bái, tam khấu rồi dâng lên vua Hiển-Tông sổ sách quân-dân. Lúc này, nhà vua đang đau và đã già yếu nhiều, nhưng cũng cố gượng chủ-tọa buổi lễ. Ngay bấy giờ, ngoài cửa Đại-hưng niêm-yết tờ chiếu thư « *Thống-nhất* ».

Qua hôm sau, vua Lê sai người sang phong cho Nguyễn-Huệ (Huệ trú tạm bên Trịnh-phủ) làm Nguyên-súy Dực-chính phù-vận Uy Quốc-Công. Huệ nhận rồi sai người vào hoàng-cung tạ ơn, nhưng trong lòng có ý bất mãn, nghĩ rằng triều-đình Bắc-hà lấy chức tước phong cho mình có ý lung-lạc và coi Huệ vào loại người không biết gì chăng. Cống-Chỉnh khéo-léo lắm mới làm cho Huệ nguôi giận và sang thảo-luận với vua Lê kiếm cách làm đẹp lòng người đang nắm trong tay vận-mệnh Hoàng-gia và Bắc-hà. Rồi người ta đi đến chỗ gả cho chủ-súy Tây-Sơn cô gái thứ hai mươi mốt của nhà vua là Ngọc-Hân Công-chúa bấy giờ mới 16 tuổi, nhan-sắc rất mặn-mà. Ngọc-Hân còn được gọi là chúa Tiên, được rèn cặp kinh-sử, tập-tành thơ-văn khá nhiều. Vào ngày mốt bệnh tình của nhà vua thêm trầm-trọng, rồi Ngài mất vào ngày 17 tháng 7 năm Bính-Ngọ (1786), sau 47 năm ở ngôi làm bù-nhìn cho họ Trịnh.

Do sự chấp-thuận của Nguyễn-Huệ, Hoàng-tôn Lê Duy-Kỳ được nối ngôi, lấy niên-hiệu là Chiêu-Thống.

Sau lễ đăng-quang cho Duy-Kỳ người ta gấp lo làm lễ thành-phục cho vua Hiển-Tông ở nội-điện. Lấy tư-cách là con rể, Huệ mặc áo trắng đứng bên tả dự lễ. Một tiểu-lại hơi mủm-mỉm cười khi hành-lễ, Huệ liếc mắt bắt gặp cho thế là khinh-mạn liền hạ lệnh chém ngay. Các triều-thần nhà Lê từ đấy len-lét sợ.

Rồi ngày 25 có lễ Ninh-lăng, Huệ đi hộ tang cho đến bến sông, lại sai Nguyễn-văn-Kỷ và Cống-Chỉnh đi hộ tống tới Bàn thạch-Lăng (thuộc huyện Lôi-Dương, tỉnh Thanh-Hóa. Các vua nhà Lê đều chôn hết ở đấy vì là nơi quê-hương). Cách cư-xử của Huệ đến thế thật là chu-đáo.

Trước khi cất quân ra Bắc-hà, Huệ sợ « kiểu-mệnh » nên theo lời của Nguyễn-hữu-Chỉnh đã gửi thư về Qui-Nhơn xin « *Đại cử Bắc phạt* ». Vua Thái-Đức có ý không bằng lòng vì Huệ chưa có lệnh đã tự-tiện xuất-quân, hơn nữa. Nhạc e Huệ thành-công thì lại khó kiềm-chế Huệ mai sau. Nhạc vội cho người ra Phú-Xuân, đòi đình-chỉ việc Bắc-tiến thì Huệ đã ra tới Thăng-Long và đã hạ được hết thảy mọi lực-lượng của Bắc-hà. Nhạc đành sửa soạn lên đường, biết rằng cử người ra gọi Huệ ắt không được.

Tháng 8 năm Bính-Ngọ, với 500 thân-binh và 100 con voi Trung-ương hoàng-đế Nguyễn-Nhạc lật đật ra Thăng-Long, tuyên-bố ra tiếp-ứng cho Nguyễn-Huệ để tránh mọi điều dị-nghị.

Lại một phen, cờ Tây-Sơn tiến ra Bắc.

Dân-chúng nôn-nao, hoang-mang vô cùng. Đó là cái tâm- trạng của một dân-tộc đã bị điều-

đứng nhiều về chiến-tranh hễ thấy cờ bay, quân đến là như gà thấy cáo.

Triều Lê được báo động. Quần-thần bàn với vua Chiêu-Thống : vua Thái-Đức tới thì dâng biểu xin hàng.

Sau bảy ngày đêm quân của Nhạc ra tới Thăng-Long, vua Chiêu-Thống mang bách-quan ra quỳ đón ở bên đường, còn mình thì thân đón ở cửa Nam-Giao. Vua Thái-Đức đi thẳng không đếm-xỉa đến vua quan Bắc-hà, chỉ cho người bảo vua Lê cứ về cung.

Tuy vậy, không đợi triệu, hôm sau vua Lê Chiêu-Thống cũng cùng các đại-thần lóp-ngóp sang nơi hành-doanh của vua Thái-Đức, Vua Thái-Đức nghe Chỉnh, thuận tiếp Chiêu-Thống theo lễ « hai vua tương kiến ».

Vua Lê chào mừng rồi ngỏ ý xin cắt đất khao quân, vua Thái-Đức gạt đi và nói rất chững chạc :

« Họ Trịnh chuyên quyền, chúng tôi đem quân ra đây chỉ có ý giúp nhà vua mà thôi. Nếu đất Bắc-hà của nhà Trịnh thì một tấc chúng tôi cũng lấy, mà của nhà Lê thì một tấc chúng tôi cũng không màng, chỉ mong nhà vua giữ vững kiền-cương rồi « *hai nước* » chúng ta đời đời giao-hảo ».

Trước sự dứt-khoát này, binh tướng Tây-Sơn hoan-hỉ, họ chỉ mong sớm được trở về với gia-đình. Trong dịp này, Vũ-văn-Nhậm vốn ghét Nguyễn-hữu-Chỉnh, liền bàn với Nguyễn-Huệ bí mật rút về Nam, bỏ Chỉnh lại cho dân Bắc-hà sửa trị.

Nói cho đúng, chẳng riêng Nhậm không ưa Chỉnh mà còn nhiều tướng-tá khác nữa, phần họ thấy chúa Tây-Sơn ngờ vực Chỉnh, phần họ cũng nhận thấy Chỉnh có nhiều thủ-đoạn nếu được trọng dụng mãi không khỏi có nhiều ảnh-hưởng bất lợi cho họ.

Nhậm đã nói một câu rất kích-thích :

— Chỉnh trước đây vì cùng đường mới chạy tới ta, nhưng đâu đã dứt tình với cố-quốc. Ta phí hàng vạn người để làm vây cánh cho y, chẳng dại lắm sao ! Người Bắc chẳng ưa y, ta kéo về để hắn ở lại cho dân Bắc thanh-toán hắn là tiện hơn cả. Chỉnh chết rồi, ta sẽ lấy lại Bắc-hà cho rảnh ».

Cho tới khi lên đường, anh em Tây-Sơn tỏ ra rất thuận-hòa và đối với vua Lê cũng rất chu-đáo. Thái-Đức còn sửa lễ vật vào yết Thái-miếu nhà Lê, và đối với Chỉnh suốt ngày 17 tháng 8 năm Bính-Ngọ, Huệ chuyện trò rất vui vẻ và không lộ ý sắp từ giã đất Bắc. Rồi giữa canh ba đêm ấy, quân Tây-Sơn lặng lẽ kéo đi, vét sạch của cải kho đạn Bắc-hà sau khi cho người đến bí-mật từ-giã riêng vua Chiêu-Thống.

Sớm hôm sau, Chỉnh mới biết tin hốt-hoảng cùng vài chục gia-nhân chạy ra bờ sông, cướp một chiếc thuyền buồm chèo gấp về Nghệ. Một số người kẻ-chợ đuổi lấy gạch đá ném theo. Chỉnh tự tay giết vài người mới đi thoát. Quân Huệ đến Nghệ-An thì Chỉnh cũng tới kịp. Huệ có ý bẽn-lẽn bên ngoài, mà bề trong thì rất khó chịu, nhưng cũng vỗ-về Chỉnh, Huệ nói :

« Người Bắc chưa thật lòng với ta, danh-tướng của họ như Đinh tích-Nhưỡng, Hoàng phùng-Cơ vẫn còn hoạt-động, đồng-thời theo dõi xem lòng dân đối hắn yêu ghét thế nào, cấp báo cho ta hay ».

Qua các việc đã xảy ra, chúng ta thấy ảnh-hưởng chính-trị của Tây-Sơn đã lan-tràn khắp nước ta từ Nam ra Bắc, do đó mà Thái-Đức tự xưng là Trung-ương Hoàng-đế, đóng ở Qui-Nhơn, coi giữ Quảng-Nghĩa, Qui-Nhơn, Phú-Yên và Nha-Trang ; Nguyễn-Huệ được phong làm Bắc-bình Vương, đóng ở Quảng-Nam, coi Phú-Xuân và khống-chế Bắc-hà ; Nguyễn-Lữ được phong làm Đông-định-Vương giữ Gia-Định, Bình-Thuận, Đồng-Nai, Balạt và Hà-Tiên.

Lại thêm một lần nữa, tuy bề ngoài nước ta thống-nhất nhưng thế chân vạc đã xuất-hiện trên bản-đồ chính-trị của nước Việt-Nam từ Cà-Mâu ra tới Phú-Xuân, riêng trong gia-đình họ Nguyễn Tây-Sơn, và dĩ-nhiên vì cái thế tam phân này mà chính-quyền của Tây-Sơn sau này sinh ra suy nhược lủng-củng.

Từ năm Đinh-Mùi (1787) lịch-sử Việt-Nam vẫn tiếp-tục ghi thêm nhiều biến-cố quan-trọng nữa. Bắc-hà vừa trải qua cơn khói lửa vô cùng kinh-khủng do cuộc xung-đột giữa Tây-Sơn và chúa Trịnh, nay lại có cuộc nội-tranh giữa hai đảng cùng dòng họ là đảng Trịnh-Lệ và đảng Trịnh-Bồng.

Mỗi bên được một số tướng-lĩnh văn-thần ủng-hộ : Trịnh-Lệ có Dương trọng-Tế từ Kinh-Bắc đem binh về Thăng-Long hiệu-triệu bách

quan, tự-tôn làm chúa Trịnh-Bồng có Đinh-tích-Nhưỡng và Hoàng phùng-Cơ từ Chương-Đức đưa về đế-đô.

Vua Lê Chiêu-Thống còn quá non nớt, bị bọn Bồng uy-hiếp nên phải phong Bồng làm Nguyên-súy Yến đô-Vương, kế tiếp chúa Đoan-nam Vương Trịnh-Khải.

Tại Cầu Muống (gần Khâm-thiên — Hànội) hai bên xung-đột với nhau. Lệ bại trận phải chạy về mạn Bắc.

Bồng lại theo vết xe cũ, thao-túng chính-quyền như các chúa trước và tình-hình chính-trị từ Thăng-Long ra ngoài dân dã các nơi xa xôi rất là lộn-xộn. Nhà vua sau khi Tây-Sơn rút về gửi thư đi khắp nơi triệu các cố thần dấy binh vào vệ. Trong dịp này một số hào-mục ở nhiều địa-phương cũng tuyển mộ binh sĩ lấy danh nghĩa vua Lê, trở thành quân-phiệt ; nhân-dân lại sống những ngày loạn-lạc rối-ren như cũ, thêm vào đó là nạn đói kém, dịch-lệ, càng tăng-gia cảnh lầm-than thê-thảm.

« *Đại-Nam-Việt-Sử ký* » trong trang 60-61 có viết : « Các xã thôn đánh nhau lộn bậy, chẳng ai can-thiệp, chỗ nào cũng xảy ra những vụ giết người cướp của. Năm ấy lại đại hạn, rồi bão, lụt.

« Đê-điều vùng Nam-định bị vỡ, hai huyện « Quỳnh-Lưu, Đông-Thành thuộc trấn Nghệ-An « đói khổ không thể tưởng-tượng được. Có xã « không còn ai, hoặc chết đói, chết bịnh hết.

« Không có thóc người ta ăn cả cỏ như « trâu bò, nhai cả rễ cây củ chuối sinh bịnh « dịch, chết lại dữ hơn.

« Bão lớn làm đổ nhà sập cửa, cây cối hoa « mầu đều tan nát hết. Nước biển tràn vào làm « hỏng lúa má, sâu keo (hoàng trùng) cũng phá « thêm, tai hại vô cùng. Vụ mùa năm ấy đã mất « mà thóc gạo năm trước còn ít nhiều thì giặc « cướp lấy hết, do đó mà xảy ra nạn đói kể trên. « Những nhà có tiền bạc cũng chết đói vì trong « dân chẳng có gì để bán cho nhau cả. »

Ta đã thấy xã-hội Việt-Nam đời bấy giờ thế nào trước hai điểm chính-trị và dân-sinh. Như vậy, dĩ-nhiên giữa sự đau khổ nghèo nàn, cơ-cực, nhân-dân phải tìm một lối thoát. Với vua nhu-nhược non-nớt như Chiêu-Thống, người dân có thể đặt-để những hy-vọng gì ? Với Trịnh-Bồng cũng lộng-quyền, cũng ích-kỷ tham tàn như các chúa trước, dân đã chán chường, lẽ tự-nhiên trong cảnh huống này dân chỉ còn tự cứu lấy mình, thì Nguyễn-Huệ buổi đó xuất-hiện trên sân khấu chính-trị Việt-Nam vừa đúng lúc lòng người đang mong-mỏi, khao-khát.

Từ khi Trịnh-Bồng cùng bè đảng ra mặt hiếp vua, vua lấy làm bực tức lắm, nên mật cho người vào Nghệ-An triệu Nguyễn hữu-Chỉnh.

Về phần Chỉnh, từ ngày không được theo sát Bắc-bình Vương Nguyễn-Huệ, Chỉnh đã thấy mình ở cái thế tiến cũng khó mà ở yên cũng dở, Chỉnh biết con người Nguyễn-Huệ cũng quỷ-quyệt cũng cơ-mưu ghê gớm, đã không tin thì tai họa chưa biết giờ phút nào. Đi thì mắc núi, trở lại thì mắc sông, Chỉnh đành ngày đêm lo tạo cho mình một lực-lượng để phòng thân, rồi thời thế xoay trở đến đâu thì lo liệu đến đấy. Từ ngày Huệ về Phú Xuân cũng là ngày Chỉnh ráo riết kiếm các tay lưu-vong, đãng-tử lập thành cơ-ngũ ngầm có ý chiếm hẳn Nghệ-An làm đất dụng võ.

Nhưng chẳng bao lâu sứ-giả của vua Lê Chiêu-Thống tới khẩn-thiết mời Chỉnh ra Bắc-hà yên dân trừ loạn, Chỉnh lúc này như đang ngồi trên lửa được vậy mừng rỡ vô cùng. Đây là cơ-hội cho « chim Bằng » cất cánh. Chỉnh liền bàn với người tay chân là Lê-Duật ở lại với Nguyễn văn-Duệ, còn mình dẫn quân-đội, phất cờ « *Hộ vệ* » kéo ra Thăng-Long.

Quân của Chỉnh tới đâu, quân Trịnh-Bồng bỏ chạy đến đó, Chỉnh ung-dung bước vào Thăng-Long, tiền hô hậu hét. Cái địa-vị cao quý của ông chúa cuối cùng họ Trịnh, một buổi mai đã sang tay chủ mới : Nguyễn hữu-Chỉnh.

Vua Lê Chiêu-Thống phong cho Chỉnh chức Bình-chương quân quốc trọng-sự, Đại tư-đồ Bằng trung-công để ân thưởng việc dẹp được kẻ cường thần.

Việc đầu tiên của Chỉnh tại triều Lê là chiếm đóng Trịnh-phủ làm Đại bản-doanh, xin phong cho con là Nguyễn hữu-Du làm « thế-tử » lập dinh ở phía Đông, cắt đặt tay chân vào các địa-vị trọng-yếu trong triều và ở các trấn. Sau này các quan

lại tâu vua Chiêu-Thống phong cho Chỉnh tước Nhất tự-công, được mở phủ và đúc ấn quân Võ-thành, viện khu-mật thuộc về cả đấy.

Từ đó, mọi việc Chỉnh đều quyết-đoán lấy, không hỏi ý vua Lê, rút cục về phần vua Lê tránh được nạn Trịnh-Bồng thì lại rơi vào tay Cống-Chỉnh, chuyên-quyền không kém gì chúa Trịnh.

Không khí chính-trị Bắc-hà lại nặng-nề như trước. Vua ngán, dân buồn, con thuyền quốc-gia vẫn bồng-bềnh trong cơn sóng dữ. Chỉnh dò xét biết nhiều người bất mãn với mình, bởi các quan có một số cáo bệnh về ở ẩn nơi rừng núi, hay đồng ruộng nên tìm cách mua chuộc bằng việc mở khoa thi, tuyển dụng nhân tài. Chỉnh bàn với Duy-Phiên xin vua cho mở các ân khoa, theo phép nhà Tống bên Tàu xưa kia. Bắt đầu có chế khoa; quan văn từ tam phẩm trở lên, biết ai là người khá thì cứ giới-thiệu lên. Người được cử sẽ vào trong Đền đối sách. Danh-sĩ trong nước nhiệt-liệt hưởng-ứng.

Bấy giờ Điện-thí có hơn 200 người dự. Chỉnh muốn thâu dụng cả, đến lúc tuyển-lựa chỉ có Trần bá-Lãm, Nguyễn gia-Cát hợp-cách. Chỉnh không hài lòng. Qua mùa Đông có Hội-thí ở lầu Ngũ-long, lấy bọn Bùi dương-Lịch cả thảy 15 người đỗ Tiến-sĩ.

Rồi trước những việc lộng-hành của Chỉnh, đã có phen Chiêu-Thống mưu với bọn cận-thần là Ngô duy-Quý với Nguyễn hữu-Chỉnh vào tiền-điện để đánh thuốc độc cho chết, nhưng khi vừa gặp Vũ-Trinh đem chuyện này ra bàn thì Trinh gạt đi, lấy lẽ đang có tin Tây-Sơn lăng-bức ngoài biên-thùy, triều-đình lại chưa ổn, lòng dân còn xao-xuyến, hãy còn cần Chỉnh làm móng vuốt, nhất là Chỉnh chưa có hình-tích gì gian-trá bất-tín. Chiêu-Thống nghe ra mới bỏ việc này đi, nhưng sau cũng có người tiết-lộ cho Chỉnh biết.

Chỉnh từ đó có ý chán nản, ít nhòm ngó vào việc nước mà hào kiệt ở các nơi lại rạo rực.

Mùa hạ Đinh-Mùi (1787) Dương Trọng-tế bị Chỉnh đánh bại, trước đây không lâu Dương hưng binh từ Kinh-Bắc sang Thăng-Long hiệu-triệu bách quan tôn Trịnh-Lệ lên ngôi Chúa. Thua trận, Trọng-Tế chạy qua Lạc-Đạo (đất thuộc Kinh-Bắc, huyện gia-Lâm) cùng với cháu là Dương-Vân, học trò của Nguyễn mậu-Nễ, mộ quân ở đây, đắp lũy từ làng Như-Kinh (nay là làng An-Xá, thuộc huyện Thanh-Miện, tỉnh Hải-Dương) đến làng Phú-Thị (cũng thuộc huyện gia-Lâm, Trấn Kinh-Bắc), Chỉnh cho Hoàng viết-Tuyển đem binh đi đánh và bắt được. Trọng-Tế bị đưa về Thăng-Long và bị giết ở nhà Thái-học.

Cùng năm đó Hoàng phùng-Cơ hồi tháng 8 cũng truyền hịch đi các nơi từ Sơn-Tây kéo quân về Thăng-Long. Chỉnh cử Nguyễn-Duật ra quân, còn mình thân xuất đại binh ứng-tiếp. Đôi bên gặp nhau ở làng Đại-Phùng (thuộc huyện Đan-Phượng, tỉnh Hà-Đông). Hoàng phùng-Cơ bị mắc mưu Nguyễn-Duật rồi bị bắt cũng đưa về kinh sư làm tội, vua Lê thương tình cho uống thuốc độc mà chết.

Cuối mùa thu, đến lượt Trịnh-Bồng được Đinh tích-Nhưỡng ủng-hộ mang quân từ Bắc-Ninh, Đông-Triều sang đánh Chỉnh. Nhưỡng là danh-tướng của Bắc-Hà thuở ấy, vậy mà cũng bị Hoàng viết Tuyển đánh bại.

Trịnh-Bồng chạy về hướng Đông-Nam rồi xuống ấp Bái-hạ (tỉnh Thái-Bình) sau lại thoát ra Yên-Quảng (Móng-cáy — Quảng-Yên) lên Lạng-Sơn rồi đây mất tích từ đó.

Trong giai-đoạn này Chỉnh rất được đắc chí nhưng dân luôn bị nạn binh-đao càng thêm đau-khổ, bởi vậy khi quân Bắc-bình Vương trở ra dân chúng Bắc-hà đã chán-ngán tình-trạng đời bấy giờ đến tột-độ rồi chỉ muốn những cuộc lộn xộn sớm chấm dứt cho yên, chẳng cần biết hậu quả của nó sẽ ra sao.

Giữa lúc Nguyễn hữu-Chỉnh đang sống những giờ phút vinh-quang nhất của đời ông thì Vũ-văn-Nhậm theo kế-hoạch của Bắc-bình Vương viết thư ra hỏi tội thông-đồng với Nguyễn-văn-Duệ. Khi ấy, Chỉnh đã hiểu rõ Nghệ-An đổi chủ rồi và cũng biết sức mình còn kém Tây-Sơn, vội viết thư trần-tình cùng Vũ văn-Nhậm.

Đại ý thư của Chỉnh gồm những lời sau đây:

« Chỉnh theo Đại-Vương (chỉ Nguyễn-Huệ chốc đã bốn năm hết lòng trung thành, khi Đại-Vương đang ở Bắc bất-ưng kéo về Phú-Xuân không cho biết, vậy mà Chỉnh cũng vội lên đường theo, như vậy trước sau Chỉnh vẫn quyết-tâm theo Đại-Vương mặc dầu người Bắc cố nài Chỉnh ở lại.

« Đại-Vương thử lòng Chỉnh thì nay Đại-Vương đã rõ. Tới Nghệ-An, Đại-Vương bảo Chỉnh ở lại bởi các tướng của Trịnh là Thạc, Nhưỡng vẫn còn hoạt-động phải lo trừ cho hết. Vì thế Chỉnh phải tuân lời. Nay Thạc đã dẹp yên, nhưng Nhưỡng còn vẫy vùng ở Hải-Dương, công chuyện còn dang-dở chưa kịp về hầu.

« Chỉnh ở lại Bắc-hà, kẻ yêu người ghét nên phao vu nhiều điều, còn khi Đại-vương về Nam, Chỉnh trở ra Bắc sau 10 ngày thì đâu kịp âm-mưu gì với Văn-Duệ ?

« Còn giữa Chỉnh với tướng quân, đồng sự với nhau đã lâu. nếu có điều gì hẳn cũng không sao che dấu được» .Mong mang tình ý thưa giùm lên Đại-Vương cho...»

Được thư Chỉnh, Nhậm cũng hồi-tâm, an-ủi Chỉnh và khuyên Chỉnh dẹp nốt Nhưỡng rồi về Nam để tỏ lòng ngay thẳng.

Rồi một hội-nghị quân-sự được nhóm tại Quảng-Nam đã nêu ra vấn-đề Nguyễn-hữu-Chỉnh. Giữa hội nghị, Bắc-bình Vương cáo tội Chỉnh theo gót họ Trịnh xưa kia và có ý phản rồi truyền lệnh cho Ngô văn-Sở và Phan văn-Lân ra Nghệ-An họp bàn với Vũ văn-Nhậm đem quân Bắc-phạt.

Nhưng trước khi hai tướng trên đây lên đường, Bắc-bình Vương tiểu-di rằng Vũ-văn-Nhậm là một tướng tài nhưng cũng không đáng tin lắm, phải canh chừng, mặc dầu là con rể của vua anh.

Tháng 11 năm Đinh-Mùi, đoàn quân bách-chiến của Tây-Sơn đã ra tới Thanh-Hóa.

Tướng nhà Lê, trấn-thủ Thanh-Hóa là Lê-Duật biết chống không nổi, vội thu quân về giữ Trinh-Sơn, và tại Bắc-hà mỗi ngày đến chín mười lần triều Lê nhận được tin báo về cuộc Bắc-tiến của Tây-Sơn.

Ngựa trạm chạy rầm-rập trên đường.

Thành Thăng-Long lại bị chấn-động như ngày nào.

Quang cảnh nhân-dân chạy loạn, già trẻ, lớn bé bồng-bế nhau nheo-nhóc, lại tái-hiện trong làn không khí đầy lo-âu gần như nghẹt thở.

Vua Lê nhóm họp các quan văn võ ngay tại phủ của Chỉnh. Mọi người đều tỏ vẻ băn-khoăn, riêng Chỉnh vẫn ung-dung, bình-tĩnh.

Sau một cuộc thảo-luận, Nguyễn-như-Thái được cử làm Thống-lĩnh, Ninh-Tốn làm Tham-tán quân-vụ cùng tiến quân vào Thanh-Hóa.

Tại đây quân của Lê-Duật đã bị quân của Ngô văn-Sở đi men núi, lén qua sông Tất-Mã (sông Mã) đánh tập hậu. Vậy mà lúc này Duật nhận được thư của Vũ văn-Nhậm nói sẽ qua sông nếu Duật không hàng thì bầy trận sẵn để đánh nhau. Duật chưa biết xử trí ra sao, quân Tây-Sơn do Văn-Sở điều-khiển đã ập tới.

Quân Duật phải bỏ chạy giữa đêm tối, đến Cao-Động lại thấy quân của Văn-sở đàng trước mặt. Lâm vào thế gọng kìm trước sau dồn lại, quân của Duật tan vỡ trong cơn hoang-mang, khủng-khiếp.

Khi đại-quân của Nguyễn như-Thái tới Châu-cầu thì được tin Lê-Duật tử trận rồi. Quân của Thái được hai vạn gồm nhiều chiến-sĩ tinh-nhuệ ở bản-đạo và các đạo khác.

Ninh-Tốn bàn đem quân giữ núi Tam-Điệp (đèo Ba-dội) lợi-dụng thế hiểm và chỗ cao, nơi này còn là hàng rào ngăn cách Đàng-trong với Đàng-ngoài. Giữ được địa-điểm này thì còn nắm được đất-đai từ Trường-Yên trở ra Bắc, trái lại, mất chỗ này, quân Tây-Sơn sẽ lọt được vào miền đồng-bằng Bắc-hà thì khó ngăn cản được họ.

Quân của Thái vội gấp rút đến giữ bến đò Gián-Khẩu, một phần lớn đi tắt đến bến đò Nghệ tính đánh vào phía sau quân Tây-Sơn, nhưng đến Điềm-xá thì gặp một lực-lượng Đàng-trong, Thái đại bại chạy đi Sơn-Minh.

Kế-hoạch của nhà Lê là chiếm trước đèo Ba-Dội thì khi quân Thái bắt đầu lên đường, quân Tây-Sơn thắng Lê-Duật xong liền vội đến chiếm ngay núi Tam-Điệp rồi.

Đã bất lợi ngay trận đầu, nay lại được tin quân Tây-Sơn cách mình chỉ có vài dặm, Thái hoảng-hồn không ngờ Tây-Sơn đã tiến nhanh quá sức tưởng-tượng. Một trận kịch-chiến xảy ra từ sáng đến trưa, đã cô-thế lại không có quân tiếp-ứng, Thái và binh-sĩ bị đánh tan-hoang, riêng Ninh-Tốn trốn được và thoát chết.

Tin Nguyễn văn-Thái, Ninh-Tốn đại-bại như đã đem lại một cơn sốt rét cho chính-quyền

Bắc-hà. Chỉnh đang ăn cơm phải buông đũa đứng dậy cùng con là Nguyễn hữu-Du tính việc.

Xét ra cho người đi gọi Tuyền ở Sơn-Nam, Thước ở Kinh-Bắc cũng không kịp với sự hành binh mau-lẹ của Tây-Sơn, Du liền tình-nguyện đi chống nhau với Vũ văn-Nhậm.

Vua Lê Chiêu-Thống cũng hoảng-hốt chạy sang trao cho Chỉnh cờ Tiết và cây Việt để Chỉnh toàn quyền đối phó với tình-thế.

Chỉnh vẫn làm ra vẻ cứng dắn để an lòng vua Lê, rồi thân mang ba vạn quân kéo xuống Hoàng-mai cắt Hữu-Du cầm Ngũ-Duệ cơ-quân đi trước.

Du đến sông Thanh-quyết thì ngừng lại, đắp lũy ở bắc ngạn sông ấy và dựng 18 đồn. Bấy giờ vào tháng chạp, đêm xuống càng rét nhiều, quân lính của Du đang đốt lửa sưởi thì quân Vũ văn-Nhậm đã tới, cứ nhằm chỗ có lửa sáng mà bắn như mưa.

Quân Du vỡ ngay lập-tức.

Du nổi hiệu thu quân chỉ còn độ một phần ba, phải lên giữ Châu-Cầu chờ viện-binh tới. Chỉnh ở Bình-Vọng (tức làng Bằng thuộc phủ Thường-Tín, tỉnh Hà-Đông) nghe báo quân Du thua vỡ, đang bối-rối thì Du chạy tới.

Chỉnh hạ lệnh rút về Thăng-Long để mời vua Chiêu-Thống sửa-soạn đi lánh nạn và cho gia-quyến của mình chạy sang Kinh-bắc.

Việc chạy qua Kinh-bắc trong ý của Nguyễn-hữu-Chỉnh là tính dựa vào Nguyễn cảnh-Thước một tướng dũng-lược đáng tin cậy và ở đây thành-trì kiên-cố, lại có sông ngăn cản, ít nhất cũng lợi về thế-thủ trong khi chờ gọi được quân Cần-Vương các nơi.

« *Cương mục* », quyển 47, tờ 15 b- 17a nói « Khi được báo tin thất-bại của quân Chỉnh, vua Chiêu-Thống bàn chạy về Thanh-Hóa do đường thượng-đạo phía Tây, tính nhờ địa-điểm và dân-chúng ở đây như trước thời Trung-hưng rồi cho đi mời Chỉnh, nhưng Chỉnh không tới (có lẽ Chỉnh không tán-thành kế-hoạch này bởi chạy về Thanh thì là bỏ hết Bắc-hà cho Tây-Sơn rồi còn gì nữa). Chỉnh cho Tham-tri chính-sự đến gặp vua nói nên qua Kinh-bắc bởi tại địa-phương này nhà Lê còn tướng Nguyễn cảnh-Thước là tướng dũng-lược, lại có thế hiểm để giữ nhau với Tây-Sơn trong khi chờ quân các trấn (Hải-Dương, Sơn-Nam, Thái-Nguyên, Sơn-Tây) tới, rồi sẽ hợp quân các nơi vào làm một thành một đạo binh lớn, lúc đó sẽ tùy thời-cơ mà đối phó. Vua Lê đành theo ý Chỉnh, tảng sáng hôm sau hoàng-đệ Duy-Lưu hộ-vệ hoàng-gia đi trước. Vua vào nhà Thái-miếu khóc lạy, bấy giờ các quân hầu chạy trốn gần hết.

Rồi vua Lê sang nhà Chỉnh. Chỉnh lạy khóc đón ngự-giá cùng gấp rút lên đường.

Chập tối Vũ văn-Nhậm đã kéo được quân vào thành Thăng-Long. Lúc này Chỉnh đã mang vua và hoàng-gia chạy được qua Kinh-bắc. Đến đây quân lính trốn hết quá nửa chỉ còn 430 người và 60 cỗ ngựa (phút cuối cùng Hữu-Chỉnh còn thu nhặt được vài ngàn binh để ủng-hộ vua qua sông Nhị-hà).

Bộ-tướng của Vũ văn-Nhậm là Nguyễn văn-Hòa được lệnh đuổi theo đám người bại trận. Tới núi Tam-tầng thuộc huyện Việt-Yên, tỉnh Bắc-giang quân Hòa theo kịp Chỉnh. Hòa chia quân làm hai đạo, một đạo đi vòng sau núi đánh tập-hậu, chiến-thuật này làm quân của Chỉnh rối loạn ngay.

Hữu-Du bị bắt và bị chặt đầu tại chỗ, còn Chỉnh đang phóng ngựa chạy thì bỗng ngã vật xuống vì ngựa bị thương.

CHÚ THÍCH

Cống Chỉnh tức Nguyễn-hữu-Chỉnh đỗ Hương-Cống (Cử nhân) đời Cảnh-Hưng là một nhân vật xuất-sắc cả về văn lẫn võ, sành chánh-trị và tài hoa. Trước đây Chỉnh làm gia thần và là mạc khách dưới trướng Hoàng ngũ-Phúc.

Ngũ-Phúc qua đời Chỉnh phục-vụ Hoàng đình-Bảo là con nuôi của Phúc cũng cầm quyền đại-tướng dưới triều Hiển tông. Vì nạn kiêu-binh Bảo bị giết vì cầm đầu phe Trịnh-Cán con bà Đặng-thị-Huệ. Chỉnh sợ vạ lây bỏ chạy vào Nam-hà và được đắc dụng bên Bắc-bình Vương Nguyễn-Huệ. Bởi có nhiều cơ-mưu Chỉnh bị Huệ nghi-ngờ, những người quanh Huệ lại có ý ghen ghét. Hoàn cảnh này đã đưa Chỉnh vào thế kẹt sau được vua Chiêu-Thống vời ra Bắc-hà, thế là dầu muốn hay không Chỉnh ở vào vị-trí đối-lập với Nguyễn-Huệ sau bị thua trận và bị giết.

Quân Tây-Sơn liền trói Chỉnh bỏ vào cũi mang thẳng về Thăng-Long.

Với dọng hách-dịch, Vũ văn-Nhậm kể tội Chỉnh từ chân tơ, kẽ tóc rồi vặn hỏi tại sao làm phản. Chỉnh không van nài, chỉ điềm-nhiên đáp gọn một câu : « *Chỉ vì cái thế như vậy* »

Rồi Nhậm ra lệnh, Chỉnh bị xé xác.

Tiếp theo vụ Chỉnh bị hạ là vụ Võ-văn-Nhậm tướng cũ của chúa Nguyễn, bị bại trận hồi tháng 5 năm Bính-Ngọ (1786) tại gia-Định, Nhậm đã toan tự vận cho vẹn tiết thì Nguyễn-Huệ dụ hàng bởi Nhậm đã từng làm Tiết-chế của Nam-hà tỏ ra là một tướng có tài. Huệ mang Nhậm về làm Tả tướng, rồi Nhậm được vua Thái-Đức gả con gái cho. Địa-vị của Nhậm như vậy đáng kể là tốt đẹp. Sau ít lâu anh em Tây-Sơn bất-hòa, Nhậm cố giữ thái-độ trung-lập nhưng vẫn không quên mình là rể của Trung-ương Hoàng-đế rồi trong khi có nội biến Nhậm đã có phen xin về Qui-Nhơn triều-kiến. Huệ tất nhiên không thuận lại còn đẩy ra Nghệ-An và trao cho sứ-mạng Bắc-phạt để trừ Cống Chỉnh. Nhậm đã thành-công như ta đã thấy rồi giữ vai chủ-tể tại Thăng-Long giữa lúc vua tôi nhà Lê lạc-lõng bốn phương trời. Cái công lớn này càng làm cho Huệ nghi ngại, nhất là bọn Ngô văn-Sở, phần muốn lập công, phần khó chịu về sự độc-đoán của Nhậm trước kế-hoạch thôn tính Bắc-hà, thường gửi báo-cáo mật về Phú-Xuân cho Bắc-Bình Vương. Những báo cáo này tất nhiên là những lời nói xấu hay vu hãm để thành bản án nặng-nề đối với Chế Nhậm.

Được tin của Sở, Bắc-bình Vương lập tức cho quân lên đường gấp, sau 10 ngày ra đến Thăng-Long. Bấy giờ là tháng tư năm Mậu-Thân (1788), vào canh tư một đêm khuya Huệ ập vào Tổng hành-dinh của Nhậm giữa lúc Nhậm đang ngủ say. Huệ cho võ sĩ đâm Nhậm chết ngay trên giường.

(*Về việc này* « Cương mục » *quyển 47 tờ 28 b-29 có nêu ra vài chi-tiết khác chút ít : « Huệ sai Văn-Nhậm ra Bắc nhưng vẫn nghi ngại, nên cử bọn Ngô văn-Sở và Phan văn-Lân làm Tham-tán để chia bớt quyền-hành của Nhậm rồi dặn rằng : « Nhậm là con rể của anh ta, ta và vua Thái-Đức có hiềm-khích, Nhậm tất không yên lòng ; nay hắn cầm đại-binh ra ngoài, chưa biết việc biến sẽ ra sao mà liệu trước. Ta không lo gì về Bắc-hà mà chỉ lo về Nhậm thôi... có thế nào phải cấp báo cho ta biết*).

« *Sau khi đã bình-định được Bắc, Nhậm tự ý đúc ấn-chương và làm việc một cách chuyên-chế, Sở liền vu cho Nhậm có ý phản nên Huệ vội-vã ra ngay Thăng-Long.*

« *Gặp Nhậm ra đón, Huệ vẫn không để lộ tình-ý lại còn vỗ-về, nhường ngựa cho cưỡi, nhường lọng cho che, nhưng vào đến hành-doanh, Huệ thét trói Nhậm và hỏi tội. Nhậm trả lời trôi chảy và tuy không tìm ra chứng-cớ về sự loạn-nghịch của Nhậm, Huệ vẫn quyết-đoán* : « Không cần phải biện-bạch nhiều, ngươi giỏi hơn ta thì ngươi không phải là người ta dùng được ». *Rồi Huệ cho chém luôn Nhậm và nhắc Ngô-văn-Sở lên làm Đại-tư-mã kiêm chức Trấn-phủ Thăng-Long.* »)

Giải-quyết xong vấn-đề Vũ-văn-Nhậm, Bắc-bình-Vương liền tập-họp các quan văn võ của mình và của nhà Lê để xây-dựng một tân chính-quyền. Ngài đề ra việc làm biểu liên-danh khuyến-tiến để có người thay vua Lê Chiêu-Thống nhưng ý-định này thất-bại bởi một vài cố-thần nhà Lê không chịu do lòng trung của họ đối với ông vua đang thất thế. Người có can-trường nghịch lại ý của chúa Tây-Sơn là Tham-tri chính-sự Nguyễn huy-Trạc. Bắc-Bình Vương đành xếp việc này lại để đặt bộ máy cai-trị ở bốn trấn.

Bốn trấn-tướng phụ-trách quân-sự tại Sơn-Tây, Kinh-Bắc Hải-Dương là Hòa-Nghĩa hầu, Lôi-Quang hầu, Nguyệt-Quang hầu và Hám-Hổ hầu. Bốn võ quan khác giữ Bộ Hộ, Ước-Lễ hầu giữ Bộ Lễ và Lộc-Tài hầu giữ Bộ Hình cũng là tay chân của Vương từ Phú-Xuân ra. Tất cả những người này đều thuộc quyền Đại tư-mã Ngô văn-Sở và dự cấp bộ Trung-Ương. Một số quan nhà Lê như Phan huy-Ích, Ngô thì-Nhậm, Vũ huy-Tấn, Trần bá-Lãm tuy danh cao vọng cả nhưng chỉ đóng vai phụ-thuộc trong bộ máy chính-quyền đời bấy giờ mà thôi.

Ở cấp phủ, huyện thì Vương cho đề-cử, nghĩa là theo lối giới-thiệu để có các quan cai-trị địa-phương gồm hai loại : văn-phân-tri, võ-phân-xuất. Còn những lại-viên thuộc các Ty thì tùy sự bổ-dụng của Ngô văn-Sở.

Chúng tôi nhận xét thấy ở đây có một chế-độ bán văn, bán võ hay một chánh-quyền bán

quân-sự do nội-tình Bắc-hà chưa yên hẳn, và cấp thống-trị tối-cao là Trung-ương thì hoàn-toàn ở tay các tướng.

Trước khi về Nam-hà, Bắc-bình-vương tuyên-bố một câu rất chính-trị : « *Mai kia ta vô Nam, thật không lấy Bắc-hà làm lợi. Tự-hoàng ngu-muội bị Cống Chỉnh lợi-dụng nên tự chuốc lấy vạ. Nay ta lập Sùng-nhượng công làm Giám-quốc để giữ việc thờ cúng nhà Lê. Song sợ Tự-hoàng tranh-giành với Giám-quốc, người nước lại đổ cho ta gây loạn nên phải để Đại tư-mã Ngô văn-Sở ở lại tạm ít lâu, sau này bốn phương yên-ổn ta sẽ triệu về...* »

Các cơ-cấu hành-chính và quân-sự thiết-lập xong thì Ngô văn-Sở cho quân đuổi bắt vua Chiêu-Thống khi ấy đang lang-thang bên Kinh-Bắc tính nhờ Nguyễn cảnh-Thước nhưng không xong ; nhà vua lại đến với Nguyễn trọng-Linh thổ-mục ở Bảo-lộc. Linh cho đắp một cái lũy ở phía Bắc sông Nguyệt-Đức nhưng lũy này cũng không đương nổi sự tấn-công của Tây-Sơn, Chiêu-Thống liền chạy sang Chí-Linh nương nhờ Trần quang-Châu và Lê-Ban mưu đánh lấy Hải-Dương làm căn-cứ nhưng cả bọn đều bị Tây-Sơn đánh tan. Chiêu-Thống chạy vào Nghệ-An, ra Thanh-Hóa rồi lại lẩn-khuất ở vùng Từ-Sơn, thật là gian-lao khổ-cực, không sao kể xiết.

Nỗi đau lòng của nhà vua đã được phô-bày trong hai câu gửi cho Trần danh-Án :

« XÃ-TẮC HỮU-HOÀI, THƯỜNG UẤT-KẾT
« GIANG-HỒ BÃO LỊCH, KHỔ LƯU-LIÊN. »

Hoa-Bằng dịch :

Xã-tắc ngửa nghiêng, lòng nghẽn thắt
Giang-hồ lay lắt, cảnh long đong.

Cuối cùng nhà vua hướng về đất Tàu mong nhờ Thanh-đình giúp mình hưng-phục. Đây là những hy-vọng cuối cùng.

Trong lúc này cung-quyến của vua Lê gồm có Thái-hậu, Nguyên-tử và bọn thị-thần Lê-Quýnh tất cả là 62 người chạy lên Cao-Bằng từ mồng 9 tháng 5, năm Mậu-Thân (1788) do quan Đốc-đồng Nguyễn huy-Túc hướng dẫn, vượt sông Phất-Mễ qua đất nhà Thanh, suýt bị quân Tây-Sơn bắt được. Tuần-phủ Tôn vĩnh-Thanh trình việc này lên vua nhà Thanh là vua Kiền-Long (1736-1797), Kiền-Long hạ lệnh cho quyến-thuộc vua Lê được tá-túc và cấp-dưỡng đầy-đủ trên đất mình. Nguyễn huy-Túc còn vận động lên Tả-giang binh-bị-đạo Lưỡng-Quảng Tổng-đốc Tôn sĩ-Nghị để Thanh-đình can-thiệp vào việc Việt-Nam. Về phía vua Chiêu-Thống cũng có phái-đoàn Lê duy-Đản và Trần danh-Án tới gặp bọn biên-quan của Tàu do cùng một mục-đích, dĩ-nhiên việc này cũng tới tay họ Tôn.

* * *

NGUYỄN-HUỆ CẢ PHÁ QUÂN THANH

Cũng như các triều-đại Hán, Đường — Tống, Nguyên, Minh, vua tôi nhà Thanh quan-niệm đất An-Nam là miếng mồi ngon, vùng đất lắm vàng nhiều bạc, súc-tích các quý vật, dồi-dào thổ sản đặc-biệt không có ở các phiên bang khác (ngọc trai, sừng tê giác, ngà voi đồi mồi, chim trả, các phương sĩ, thợ khéo v.v...) nên được tờ biểu của bọn biên thần gửi về vội quyết tâm ngay không bỏ lỡ cơ-hội ngàn năm một thuở.

Thanh-đế (*Kiền-Long*) liền cho huy-động binh mã bốn tỉnh miền Nam Trung-quốc là Vân-Nam, Quý-Châu, Quảng-Tây và Quảng-Đông kéo vào nội-địa đất Viết.

Vào tháng 10 năm Mậu-Thân (1788) việc chuẩn bị chiến-tranh được xúc tiến ráo riết. Cầm quyền Đại-tướng là Tổng-đốc lưỡng Quảng Tôn-Sĩ-Nghị mặc dầu y chỉ là một văn thần. Trước khi lên đường Nghị ban hành 10 điều quân luật để nêu cao tinh-thần kỷ-luật và chia các lực-lượng viễn xâm như sau :

Đạo thứ nhất do chính Tôn-sĩ-Nghị và Đề-đốc Hứa thế-Hanh chỉ-huy theo đường Nam quan đổ xuống.

Đạo thứ nhì do Đề-Tổng Ô-đại-Kinh điều khiển gồm binh-sĩ lấy ở Vân-Nam và Quý-châu từ Tuyên-quang tiến sang.

Đạo thứ ba do Tri-phủ Điền-châu Sầm-nghi-Đống từ Cao-Bằng vượt sang. Được tin viện quân Thanh tràn vào nội-địa Việt-Nam các biên tướng Tây-Sơn vội cho người về kinh cấp báo. Ngô-văn-Sở liền dùng kế hoãn binh bằng cách gửi cho Tôn-sĩ-Nghị một bức thư đứng tên Lê-duy-Cẩn (là hoàng-đệ được Tây-Sơn đặt ra thay Lê-Chiêu-Thống mà bên trong còn có ý chia bớt ảnh-

hưởng của vua Lê) trình bày rằng vua Chiêu-Thống hiện mất tích, mình phải lên thay, nay xin xưng thần nạp cống cho Thanh-đình và xin rước bà Thái-hậu trở về kinh-thành.

Thư này do một số văn võ quan và tôn-thất nhà Lê mang lên cửa Ải dâng cho Nghị.

Trong lúc phái đoàn ngoại-giao lên đường, Sở mở hội-nghị cùng các quan thân tín tìm cách đối phó. Tướng Vũ-văn-Dũng bàn dùng kế mai phục đánh quân Thanh. Ngô thời-Nhậm bác bỏ ý-kiến này nói rằng quân Tây-Sơn ở trên đất Bắc đang bị coi là kẻ địch không được lòng dân thì không thi-hành được chiến-lược này, Theo Nhậm nên rút về đèo Tam-Điệp và Biện-sơn để nghiên-cứu tình hình Bắc-hà chờ đợi Nguyễn-Huệ. Đây là lối đánh cờ, «*nhịn người nước trước*» rồi tấn-công sau, Sở đồng ý liền hạ lệnh cho quân mình ở các trấn rút về theo chủ-trương Nhậm đã đề ra.

Đang khi quân Tây-Sơn sửa-soạn lên đường thì Phan văn-Lân nổi máu anh hùng xin mang quân đi đón địch. Lúc này qnân Thanh tiến xuống đồng bằng Bắc-hà gặp quân Tây-Sơn đẩy lui được về Nam-ngạn sông Thọ-Xương... Tây-Sơn cắt cầu phao, họ làm bè vượt qua rồi lên bờ dùng đại-bác bắn theo quân ta. Hai ngày sau họ đã tiến tới chiến-tuyến sông Hồng-hà, quân ta lại bỏ chạy. Tại đây ta có đốn cây làm thành lũy rồi hai hôm sau nữa vào ban đêm lại có cuộc giao-tranh. Đề-đốc Hứa thế-Hanh chặn bắt được trên 30 chiến thuyền của ta và dùng các thuyền này chở được hai ngàn binh-sĩ xông đến đốt trại của ta. Quân ta bỏ chạy tán loạn, một số bị chết đuối, một số bị dân các làng bắt nộp cho địch, ngày 20 quân Thanh vượt sông Nhị-hà. Sự việc này xảy ra vào tháng 10 năm Mậu-thân (1788)

Sự thất bại của Phan-văn-Lân được giấu kỹ nhờ lúc đó quân-đội của Tây-Sơn đang triệt thoái dần khỏi Bắc-hà. Thua là bất lợi, nhưng cũng nhờ có sự thua trận này Tây-Sơn đã gây được sự khinh địch của giặc và hiểu biết được sức giặc mạnh yếu ở những phương-diện nào.

Ngày 20 tháng 11 quân Thanh đến hạ trại ở Yên-phụ (giáp thành Thăng-Long) được vua tôi nhà Lê tiếp đón rất trọng thể.

Ngày 22 Tôn-sĩ-Nghị làm lễ sách phong Lê-chiêu-thống làm An-nam quốc vương. Trong dịp này đoàn quân do Ô-đại-Kinh chỉ-huy từ Vân-Nam xuống đến Hưng-hóa và ngừng ở đây để làm thanh-viện cho những cuộc hành-quân dự-định về sau.

Tôn-sĩ-Nghị thấy việc vào đất Việt dễ dàng sinh kiêu căng cho rằng Tây-Sơn không có gì đáng sợ nên không cho quân đuổi theo. Bấy giờ vào cuối năm, Tết sắp tới. Nghị quyết-định ăn Tết sau, ra ngày mồng 6 mới xuất quân. Trong giai-đoạn này thầy trò vua Chiêu-Thống thác sinh ra lắm trò nhục nhã, tàn ác, lộn xộn và ươn hèn.

Ngày nào vua Lê cũng cùng Lê-Quýnh cưỡi ngựa sang chầu trực bên dinh Tôn-sĩ-Nghị, lúc thì được gọi vào bàn việc, lúc không có việc cũng phải chờ đợi có lệnh mới dám rút lui. Xét ra nhà vua bị đối xử rất là khinh bạc. Bọn kiều-dân Trung-hoa ở Kinh-Bắc, Phố-Hiến, ngay tại Kinh-thành (Hà-khẩu) xưa nay làm nghề buôn bán nhân có quân đội nước họ sang liên hợp đoàn làm đội quân thứ năm tiếp tay cho binh sĩ Thanh cướp tiền, giật bạc, hãm hiếp đàn bà con gái giữa đường, giữa chợ không còn kiêng-nể ai. Dĩ-nhiên vua quan nhà Lê đành cắn răng mà chịu. Bọn triều-thần của Chiêu-Thống cũng tỏ ra ti-tiện chia rẽ, thiếu khí-phách, tố-cáo nhau, làm tội nhau (Cận thần số một là Lê-Quýnh thì suốt ngày say mê tửu sắc) đáng lẽ họ tìm mưu nghĩ kế để thúc đẩy người Thanh mở cuộc tấn-công gấp vào quân Tây-Sơn. Bà Thái-hậu đã phải rầy la Chiêu-Thống về việc này nhưng Chiêu-Thống quá mềm yếu, bọn triều thần lại bất tài rồi chẳng ai làm được việc gì hết. Họ đều viện lẽ người Thanh chưa sẵn sàng, quân cần-vương không thể hoạt-động riêng. Nói cho đúng, họ là bọn người bám víu vào ngoại-quốc, thực-lực lại không có mảy may thì bọn Tôn-sĩ-Nghị có coi ra gì nhất là chủ-trương của Thanh-đình qua những chỉ-thị tối hậu là không gấp đánh Tây-Sơn. Họ chỉ can-thiệp bao giờ có lợi chắc chắn. Họ muốn để Chiêu-Thống và Nguyễn-Huệ quần nhau cho đã. Nếu Huệ thua thì đặt Lê lên. Nếu đôi bên ngang sức thì quân thủy của Thanh sẽ sang Đại-Việt hợp với lục quân, ngoài đánh vào, trong đánh ra. Huệ thua sẽ được chia đất từ Hoan, Ái trở vào, từ Hoan, Ái đổ ra giao cho Chiêu-Thống. Còn nhà Thanh sẽ kiểm-soát toàn bộ lãnh thổ nước ta. Tóm lại họ dùng thủ-đoạn «*dĩ nghĩa thủy như dĩ lợi chung*» và bắt cá hai tay.

Sau đó ít lâu, vua Lê nài nỉ nhiều, Tôn-sĩ-Nghị mới chịu cho quân của y đóng ít đồn ở Hà-hồi, Ngọc-hồi, Văn-điền, Khương-thượng, còn quân Cần-vương thì đóng ở tiền-tuyến (tại Gián-Khẩu là địa-điểm giữa hai tỉnh Hà-nam và Ninh-bình) thuộc vùng Sơn-Nam. Tướng trấn thủ ở đây là Hoàng-phùng Nghĩa.

Ngày 24 tháng 11 năm Mậu-Thân (1788) Ngô văn-Sở từ núi Tam-hiệp cho tin cấp báo về Phú-Xuân việc Tôn-sĩ-Nghị dưới danh nghĩa «*Cứu-Lê*» đem quân vào Việt-Nam khí-thế rất mạnh mẽ.

Bắc-bình-Vương tỏ ra rất bình-tĩnh chẳng khác chi Trần-quốc-Tuấn và Lê-Lợi trong dịp dẹp Nguyên và phạt Minh, giữa giai-đoạn lịch-sử vô cùng đen tối và nguy-ngập của nước nhà.

Ngài nói «Anh em cần gì phải hoảng-hốt chúng đến đây chỉ để mua lấy cái chết mà thôi!»

Rồi các tướng sĩ yêu-cầu Ngài hãy chính-vị hiệu để buộc lấy nhân-tâm, dương thanh-thế rồi sẽ tiến quân ra Bắc. Bắc-bình-Vương cho là phải, liền cho đắp đàn Giao ở Bàn-Sơn, phía Nam núi Ngự-Bình tế cáo trời, đất và làm lễ Đăng-Quang. Bắc-bình-Vương tự đội mũ miện, khoác áo hoàng-bào, tuyên-bố niên-hiệu Quang-Trung nguyên-niên để thay hai niên-hiệu Chiêu-Thống thứ hai và Thái-Đức thứ 11, vào ngày 25 tháng 11 năm Mậu-Thân. Thế là dân-tộc chúng ta có cả thảy ba vua trên giải đất Việt đặc biệt là hai vua tự-động đăng quang và một vua chịu thụ-phong với Tàu.

Từ-giã Bàn-Sơn, đoàn quân thủy-bộ của Bắc-bình-Vương như rồng cọp tràn đầy nhuệ-khí, rầm-rộ tiến ra Bắc-hà mạnh như thế chẻ tre, bạt núi. Ngày 29, đại quân tới Nghệ-An. Ở đây Vương cho lấy thêm lính mới, cứ ba xuất đinh lấy một, quân số cộng lại được 10 vạn và tượng-binh được vài trăm con.

Thân-quân Thuận, Quảng chia làm 4 doanh: Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Lính mới sung đi vào giữa.

Sau đó Bắc-bình-Vương ra trước mặt toàn-thể quân-đội cất lên mấy lời hiệu-triệu căn-cứ vào việc đang xảy ra trên đất nước:

«Điểm thứ nhất: Báo tin quân Thanh đã kéo sang nước ta với mục-đích cướp nước và hiện đang có mặt ở Kinh-đô Thăng-Long.

«Điểm thứ hai: Ta ở phương Nam, người Hán ở phương Bắc, trong vòng trời đất đã có sự phân-chia như vậy, đáng lẽ ai biết phận nấy đừng giành-giật quyền-lợi đất-đai của nhau. Bắc, Nam lại là hai giống khác-biệt mà từ đời Hán, đời Đường, người Tàu cứ liên-tiếp mang quân sang xâm-lấn, vơ-vét của-cải rất là tàn-nhẫn, dân ta không ai là không nghĩ tới sự quật-khởi để cứu nhà, cứu nước.

«Điểm thứ ba: Qua các đời Hán, Tống, Nguyên, Minh người nước ta, già trẻ như gái trai không ai chịu bó tay chờ chết, do đó mà có các cuộc khởi-nghĩa của hai bà Trưng, cuộc kháng Tống của Lê-Đại-Hành, cuộc bình Nguyên của Trần-Hưng-Đạo, cuộc phản-đế của Lê-Lợi. Chuyện xưa đã rành-rành chứng minh rằng chiến-đấu là lẽ sống và từ đời Đinh nếu dân ta cam-chịu làm nô-lệ hẳn đến ngày nay cũng chưa hết cái nạn Bắc-thuộc.

«Điểm thứ tư: Giặc Thanh quên việc cũ là sự thất-bại của các tiền-triều, nay lại tái diễn trò xâm-lược, chúng ta phải góp tài-sức, tuyệt-đối hy-sinh mới nên việc lớn. Những ai có lòng phản trắc sẽ bị trừng phạt nghiêm-ngặt không tha...»

Lời nói hùng-hồn và tha-thiết của Vương khiến chư-quân hết sức cảm-động và ai nấy đều tỏ ra rất hăng-hái.

Việc hành-quân của Tây-Sơn như ta đã thấy có điều hết-sức đặc-biệt mà các binh-gia cổ kim Âu-Á ít người làm được là áp-dụng chiến-thuật đánh mau, đánh mạnh, đánh bất-ngờ, nó có hiệu-quả khiến địch-thủ không kịp xoay-trở và bị đẩy ngay vào thế bị-động.

Trừ đám tân-binh, còn những thân-quân của Vương vốn được tập-tành thuần-thục đã lâu, chiến-đấu dẻo-dai, bơi lội giỏi, đi đứng rất nhanh, Vương nảy ra sáng-kiến để cuộc Bắc-tiến được cực-kỳ thần-tốc, cho hợp ba người làm một toán rồi lần-lượt thay phiên võng nhau (chắc hẳn lúc đó võng làm bằng tre, vì tre là thứ cây dễ có nhất ở nước ta và ở khắp xứ, võng lại là thứ dễ làm nhất vì rất đơn giản).

Nhờ có sự chuyền-vận tối-tân và kỳ-diệu này quân Tây-Sơn đi rất nhanh và đỡ cả sự mệt nhọc. Ngày 20 tháng 12 năm ấy, đại quân đến núi Tam-Điệp, nơi tiếp-giáp của hai tỉnh Thanh-

hóa và Ninh-Bình. Tư-mã-Sở và Nội-hầu Lân ra đón cùng xin chịu tội đã lui quân, vua Quang-Trung không quở-trách. Đáng chú-ý, trong lời của vua Quang-Trung lúc này có nêu ra vị-trí chiến-lược của thành Thăng-Long. Theo nhà vua quanh Thăng-Long là đồng bằng không có thế hiểm để giữ, bốn mặt đều có thể là chiến-trường, do đó năm xưa nhà vua ra đánh Bắc-hà, chúa Trịnh-Khải đã tan-tành sự-nghiệp. Nhà vua lại nhấn-mạnh rằng nếu không có mưu-kế lui binh khỏi Thăng-Long của Ngô-thờ-Nhậm thì ngoài giặcThanh đánh vào, trong người Bắc (1) làm nội công đánh ra thì khó mà xoay-trở được.

Ngài quay ra ủy-lạo Đại-tư-mã Sở và Nội-hầu Lân :

«Các khanh chỉ thạo nghề đánh giặc, nhưng cơ chế-thắng thì không phải ngón sở-trường nên trước khi về Nam ta để Ngô-thờ-Nhậm ở lại. Nhậm đã thi-hành được một mưu-kế rất có lợi. Còn việc đánh quân Thanh nay mai đã có sẵn kế-hoạch. Thế nào ta cũng quét xong bọn chúng chỉ hiềm Trung-quốc lớn gấp mười nước ta, kéo dài chiến-tranh với họ là điều tai-hại cho nhân-dân. Vậynay mai xong việc ta sẽ nhờ Ngô-thờ-Nhậm liệu lời nói khéo cho êm chuyện... » rồi với một giọng quả-quyết và sang-sảng, vua Quang-Trung tuyên-bố : «*chỉ nội mười ngày nữa ta sẽ đuổi hết được giặc Thanh !*». Ngoài ra Ngài còn cho biết việc quân Tây-Sơn không ham chiến ngay buổi đầu có hai : điều lợi bên trong khiêu mối tức giận của quân mình, bên ngoài làm tăng khí kiêu-căng của địch ! Có thế thì quân mình lúc được đánh sẽ đánh rất hăng, mà địch kiêu-căng, coi thường quân mình sẽ thiếu sự đề-phòng và chuẩn-bị dễ bị thua.... Và ngài hẹn một cách cả quyết với các tướng sĩ : «Bữa nay chúng ta ăn tết Nguyên-Đán trước (hôm ấy là 20 tháng chạp) sang xuân ta sẽ mở tiệc khai-hạ vào ngày mồng 7 ở Thăng-Long ! »

Cũng trong mưu kế nuôi lòng kiêu-căng của giặc lúc này Quang-Trung vừa cho gấp-rút tiến quân vừa cử một sứ-đoàn gồm 8 người theo Trần-danh-Bính đến gặp Tổng-đốc họ Tôn với ba đạo bẩm-văn (một của Lê-Duy-Cẩn, một của cựu thần nhà Lê, một của nhân-dân) bày tỏ sự tình phải thay nhà Lê và ngỏ ý «*Cung thuận*» với « Thiên-triều », đồng thời nhà vua lại nộp trả bọn tuần-dương binh của nhà Thanh có bốn chục người bị tướng Tây-Sơn bắt được khi còn đóng ở Thăng-Long. Tôn-sĩ-Nghị xé thư, giết Trần-danh-Bính và giam toàn-thể nhân-viên sứ-đoàn, lại truyền-hịch kể tội vua Quang-Trung và cho biết sẽ bắt nhà vua cùng đánh tới Quảng-Nam cho sạch cả gốc lẫn ngọn.

Kế-hoạch chiến-đấu của vua Quang-Trung.

Do lệnh hành-quân của nhà vua :

— Đại-tư-mã Sở và Nội-hầu Lân phụ-trách tiền-quân.

— Đại Đô-đốc Lộc, Đô-đốc-Tuyết lãnh tả quân kiêm thủy-quân vượt biển tiến vào sông Lục đầu. Tuyết có nhiệm-vụ tiếp-ứng tại miền Đông, Lộc đón đường chặn giặc Lạng-Sơn, Bắc-Giang ở hai vùng Phượng-Nhỡn và Yên-Thế.

— Đại-đô-đốc Bảo và đô-đốc Long lĩnh hữu-quân đánh vào các căn-cứ của giặc tại huyện Chương-Mỹ tiến ra làng Nhân-Mục rồi đến Khương-Thượng diệt quân của Sầm-Nghi-Đống đang đóng tại khu chùa Bộc cạnh Đống-Đa (các căn-cứ này đều thuộc tỉnh Hà-Đông và sát thành Thăng-Long trên dưới 10 cây-số) Đô-đốc-Bảo đem tượng-binh theo đường huyện Sơn-lãng ra làng Đại-Áng huyện Thanh-trì, Hà-Đông) tiếp-ứng cho hữu-quân về mặt tả.

Ngày 30 tết, quân Tây-Sơn vượt qua bến đò Gián-khuất (Ninh-bình) tướng nhà Lê, trấn giữ Sơn-Nam (Nam-Định) là Hoàng-Phùng-Nghĩa hoảng sợ rút lui về sông Nguyệt-quyết thuộc huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam. Bọn thám-tử của nhà Thanh cũng bỏ vía chạy về Phú-Xuyên (Hà-Đông) thì bị bắt hết. Giặc mất liên-lạc nên không biết chiến-cuộc đã xảy ra bất lợi cho chúng tại miền Nam trung châu xứ bắc thuở đó.

(Đáng chú-ý là trong lúc này ở Thăng-Long, Tôn-sĩ-Nghị nhận được thủ thư của Thanh-đình bảo phải đánh cho xong để rút quân về. Điều này có phần ngược với chỉ-thị mà Nghị nhận được trước khi lên đường. Có lẽ triều-Thanh đã suy xét lại cho rằng quân mình ở lâu sẽ gặp mùa xuân đầy chướng khí của Bắc-hà hay ngại

(1) Lời nhận-xét của vua Quang-Trung rất đúng vì lúc đó dân-tâm Bắc-hà chưa về hẳn với Tây-Sơn. Họ còn căm-giận là đàng khác bởi bị chịu khổ mãi vì chiến-tranh.

sự ngừng trệ còn nguy hại về mặt chiến-lược chăng. Cũng lúc này Nghị nhận được của Huệ một bức thư khi Huệ ra tới Sơn-Nam trong Huệ mắng Nghị là một văn-thần mà dại dột sang đây làm tàng để dấn thân vào chỗ chết. Nhưng Nghị có mặc-cảm nên cứ đủng đỉnh do lòng tự ái. Như vậy cuộc tấn-công của Tây-Sơn không phải là việc đánh bất ngờ đối với Nghị, còn hành quân chớp nhoáng đó là chiến-pháp sở-trường của Nguyễn-Huệ. Chính *Thanh đại thông sử* cũng nhận-xét như vậy...)

Mồng 3 tháng giêng năm Kỷ-Dậu (1789)! Nửa đêm giặc Thanh đang ngủ kỹ trong đồn Hà-Hồi, tiếng loa, tiếng trống bỗng nổi lên, tiếng gào thét thay-đổi nhiều giọng như của thiên-binh vạn-mã ập tới, gây nên một cuộc khủng-khiếp như trời sập long, đất sập lở. Quân Thanh không còn hồn-vía liền kéo ngay cờ hàng. Ở đây quân của Vương không tốn một mũi-tên, một hòn đạn, đàng-hoàng vào tiếp-thu quân nhu và khí-giới của giặc.

Ngày mồng 5!

Đầu trống canh năm, vua Quang-Trung cho quân-lương vào một khu và truyền lệnh đốt sạch để tỏ ý tử chiến với giặc. Ngài quấn chiếc khăn vàng ở cổ rồi xắn áo cưỡi voi đi đầu hô quân xung-phong vào phá đồn Ngọc-hồi; đi trước Ngài là đạo tượng-binh hơn một trăm con. Đạo tượng-binh này có hiệu-lực như đoàn thiết-giáp-xa, phá đồn trại rất mạnh. Quân Thanh ứng-chiến bằng kỵ-binh, nhưng ngựa gặp voi hoảng-sợ, rống lên chạy nhảy tán-loạn. Địch bị tan vỡ ngay hàng ngũ, vội-vã rút vào trong, cố giữ. Lũy của giặc có cắm chông sắt tua-tủa. Đạn của giặc trong đồn bắn ra như mưa. Quân ta vẫn hăng-hái tiến một cách cảm-tử. Để tránh tên đạn quân ta lấy 60 tấm ván gỗ, cứ 3 tấm ghép lại thành một bó, ngoài phủ rơm nhào với bùn, rồi 10 người khiêng một bó đi trước lưng đeo đoản-đao theo 20 khinh-binh tiến thành hàng chữ nhất.

Trời tối mịt, không trăng, không sao. Quân Thanh đốt thuốc súng khói mù-mịt bốc ra do gió Bắc thổi tới, quân ta mờ mắt, thế trận gần như ngừng lại rồi lát sau trời quay gió Nồm, gió lại tạt về phía địch. Đám quân có ván rơm liền lăn xả vào tiền-tuyến, quăng ván xuống đè lên chông, bọn có đoản-đao ùa theo, lướt qua làn đạn, phá cửa lũy tràn vào như thác lũ.

Tại đây hai quân đánh giáp lá-cà. Lớp này ngã, lớp kia xông tới. Sắt thép va vào nhau vang lên những tiếng lanh-lảnh, như gào-thét ghê-hồn, thân người ngã xuống như ngả rạ. Mùi thịt cháy lẫn với mùi thuốc súng và máu tanh-nồng, lộn mửa. Lửa đỏ rực góc trời. Người ngựa chỉ là những bóng đen nhào-lộn, lăn xả vào nhau vung gươm giáo đâm nhau tới-tấp như diễn một cảnh loạn xạ trong âm-ti, địa-ngục. Súng nổ rền động cả không-gian trong đêm dày-đặc. Muôn ngàn tiếng hò-hét, tiếng kêu khóc chen nhau giữa tiếng trống, tiếng loa, tiếng thanh-la gây nên một không-khí đầy khủng-khiếp rùng-rợn đè nặng xuống chiến trường. Cuộc chém giết mỗi lúc một thêm ác-liệt man-rợ cuồng-nhiệt. Quân Thanh chịu không nổi cắm đầu, cắm cổ chạy. Chính họ lại rơi vào các máy ngầm hay các nơi rắc chông do họ đặt sẵn từ trước. Địa lôi liền nổ lên ầm ầm, thây chúng tan ra như xác pháo. Đồn Ngọc-hồi thất-thủ.

Rồi đoàn quân chiến-thắng của ta hò-reo tiến thẳng về phía Thăng-Long hạ thêm được hai tiền đồn của giặc ở đây, là đồn Văn-Điền và Yên-Quyết. Giặc tổn thất quá nửa quân-số, tai hại nhiều nhất là về tướng-lãnh: Đề đốc Hứa-thế-Hanh, Tiên-phong Trương-triều-Long, Tả-dực Thượng duy-Thăng v.v.. bỏ mạng ngay tại mặt-trận. Cùng lúc này là lúc quân Tây-Sơn đang thắng ào-ạt, một đạo-quân do Đô-đốc Lang cầm đầu theo kế-hoạch, đã tiến đến Khương-thượng, vây kín đồn binh của Sầm-nghi-Đống, quân Bắc cố cầm-cự, nhưng khi kiệt-sức đến nơi vẫn không được tiếp-ứng người và đạn-dược. Chủ tướng họ Sầm thất-vọng, trốn ra một cái gò cao, thắt cổ tự-vẫn trên một cành đa, (Gò này gọi là *Gò Đống-Đa*).

Cuộc chiến đấu kéo dài suốt một đêm, tới sáng thì dứt. Tàn binh của giặc chạy tản-mát khắp nơi. Vua Quang-Trung đã liệu-trước, đặt sẵn quân từ Thanh-Trì sang Hà-đông chỗ thì đón đánh, chỗ thì nghi-binh, khiến từ làng Đại-Áng sang đến làng Quỳnh-Đô hàng vạn quân Thanh bị chết vì voi giày đạp hay bị phục-kích. Khoảng giờ Thân (4 giờ chiều) mồng 5 tết, vua Quang-Trung cùng đại-quân và 80 thớt voi ung-dung tiến vào Kinh-

Đô nhà Lê như lời hẹn từ 20 tháng chạp. Chiếc áo bào đỏ của người anh-hùng dân-tộc qua nhiều giờ quyết-chiến đã đổi ra màu đen cháy vì hơi khói của thuốc súng. Ngày hôm trước (mồng 4) Tôn-sĩ-Nghị được tin-báo cấp-tốc rằng các đồn Hà-Hồi, Ngọc-Hồi bị phá, đã cho Thang hùng-Nghiệp đi cứu, thì sáng sớm đã thấy phía Tây-bắc chìm trong khói lửa và tiếng súng vẫn nổ không ngớt. Kỵ binh đi do-thám về cho hay đồn Điền-Châu cũng đã bị hạ, quân Nam đang ầm-ầm kéo vào các cửa Ô. Nghị mất tinh-thần không kịp đóng yên ngựa cùng vài thân-binh vượt cầu phao trên sông Nhị-Hà chạy sang Bắc-Ninh. Quân đội các doanh cũng chạy theo chủ-tướng, xô đẩy nhau không còn chút gì là trật-tự. Cầu phao bị đè nặng, chịu không nổi rồi hàng vạn con ngựa bị hất xuống lòng sông, làm tắc cả dòng nước. Tiếng rên-than, kêu khóc vang cả một góc trời. Nghị chạy đến Phượng-Nhỡn nghe nói Tây-Sơn từ mặt Đông sắp tới chặn đánh, sợ quá. Mấy kẻ thủ-túc vất cả sắc thư, cờ hiệu, bài lệnh, ấn tín cho dễ thoát thân. Hai đạo quân của Vân-Nam, Qui-châu vừa sang tới Sơn-Tây nghe Nghị đại-bại cũng vội rút lui nốt.

Thế là chỉ trong 7 ngày chiến đấu ào-ạt, vua Quang-Trung đã tiêu-diệt được hai trăm ngàn quân Thanh nhanh như chớp nhoáng, Đây là một vũ-công oanh-liệt đáng sắp vào bậc nhất trong các vũ-công lớn lao của các danh-tướng cổ kim. Chiến-lược đánh quân Thanh của Nguyễn-Huệ có gì đặc-biệt ? Chúng ta thấy Đại-tư-Mã Ngô-văn-Sở và Nội-hầu Phan-văn-Lân được lãnh chức tiền quân và tiên phong là do những tướng này đã sống nhiều ngày tháng trên đất Bắc. Họ am hiểu địa-hình địa-vật hơn các người khác do đó họ có nhiệm-vụ mở cuộc tấn-công trực-tiếp vào lực-lượng địch. Đây là quân chủ-lực để đánh vào quân chủ-lực. Nguyễn-Huệ còn cử Hô-hổ-hầu đem hậu quân đốc-chiến và tăng-cường cho tiền-quân không ngoài ý-định muốn dốc toàn lực đánh vào điểm chính-yếu của Thanh là thành Thăng-Long và phải đánh cho được. Lúc này Tôn-sĩ-Nghị đóng Tổng-hành-dinh ở Kinh-thành.

Hữu quân của Tây-Sơn do Đại-đô-đốc Lộc và Đô-đốc Tuyết chỉ-huy vượt biển tiến vào sông Lục-đầu có nhiệm-vụ bao vây và tiếp-ứng vùng Đông và Đông Bắc trong hai tỉnh Hải-dương và Bắc-giang đóng ở Lạng-giang, Yên-thế Phượng-nhỡn là những nơi giặc bại trận phải chạy qua để rút về Tàu. Chạy bộ cũng phải qua đây, rút ra biển thì cũng phải tiến ra cổng ngõ này. Những vị-trí chiến-lược này được thấy rõ trên bản-đồ hành-quân.

Tả-quân của vua Quang-Trung chặn các vùng phía Tây thành Thăng-long. Cánh quân này có ngựa và voi xuyên qua huyện Chương-Mỹ chờ giặc rồi kéo lên làng Nhân-Mục (huyện Thanh-trì) thành một mũi dùi nhằm vào đồn Đống-Đa của Sầm-nghi-Đống. Chiến-trường ở đây là mấy huyện thuộc tỉnh Hà-đông giáp Thăng-long. Phụ-trách chiến-cuộc ở địa-phương này là Đại-đô-đốc Bảo và Đô-đốc Mưu. Nhìn tổng-quát ai cũng nhận thấy thành Thăng-long và quân Thanh bị bao vây chặt chẽ. Chủ-lực-quân của ta theo đường Quốc-lộ số 1 ngày nay từ Thường-tín, Văn-Điển đánh thốc vào Đại-quân của Tôn sĩ-Nghị đang tập-trung trong thành Thăng-long. Thắng được địch quân ta đánh tỏa sang hai bên. Trong khi đó hai đạo quân tả hữu đón địch trên hai ngả đường Đông, Tây, và Đông-Bắc đánh rập vào. Giặc bị kẹp ở giữa, tiến thoái không đường, nguy thêm nữa là họ đóng đông đảo ở vùng đồng bằng lại không am hiểu đường xá, không có chỗ trú ẩn nên khi thua đã tan tành gần hết. Tàn binh bị bắt không tên nào thoát, đa số xin hàng để được toàn mạng. Cộng số lại ta thấy quân Thanh bị bắt hay ra đầu thú có 840 tên, đủ rõ hai trăm ngàn quân Bắc tổn thất gần hoàn toàn.

Cuộc thắng trận của vua Quang-Trung vang lừng như tiếng sấm nổ đến nỗi lực-lượng Vân-Quý (Vân-nam và Quý-châu) đóng ở Sơn-tây vừa nghe tin đã hoảng hốt tháo lui mà về phía Lạng-sơn thường dân Trung-quốc dắt-díu nhau chạy trốn về phía Bắc tới mấy trăm dặm do sợ Việt-đánh qua ải.

Chiến-pháp của vua Quang-Trung là đánh thật mạnh và thật mau cho địch bở vía kinh hồn, không kịp thi thố một kế-hoạch. Đây là một cuộc tử-chiến ! Ngài đã tuyên-bố như vậy như Hưng đạo-Vương Trần quốc-Tuấn đã chỉ xuống sông Hóa thề phải thắng giặc hay là chết chớ nhất định không trở về tay không. Vua Quang-Trung trước khi xông vào thành Thăng-long cho đốt hết lương-thảo cũng có ý quyết-tử với địch theo ý-nghĩa kể trên, tức là thắng được giặc thì chiếm được lương của giặc mà sống, nếu thua thì lương

của mình đã không còn, chẳng chết vì tay giặc thì cũng chết vì đói. Lối này các danh tướng đời xưa đã từng dùng để tác-động tinh-thần ba quân.

Chủ tướng đã quyết sống mái với giặc, dĩ-nhiên binh-sĩ phải hăng-hái đổ giọt máu cuối cùng.

Quang-Trung không riêng là một nhà tướng sành chiến-lược quân-sự. Ngài sành cả khoa tâm-lý cũng như sâu sắc về chính-trị. Nói vậy để nhắc thêm rằng trước cuộc tấn-công vào quân Thanh, ngài đã viết thư cho Tôn sĩ-Nghị với lời lẽ rất mềm mỏng, nhún nhường có ý gây sự kiêu-căng cho Tôn do đó Tôn thẳng tay chém sứ-giả và xé thư cũng như y có phen tuyên-bố sau khi vào Thăng-long rằng chưa cần vội đánh quân Tây-sơn «*để cho chúng béo mập thêm rồi sẽ làm thịt*».

Sau này binh lửa đã tắt, trong cuộc bang-giao với Thanh-triều, Ngài vẫn dùng thủ-đoạn lấy chiến-thắng gây áp-lực rồi xoay vua Càn-long và lũ bề tôi như xoay con chong-chóng. Âu cũng là một dịp để trả thù cái dã-tâm của thực-dân Bắc-phương có một truyền-thống rất đáng ghét là giả nhân giả nghĩa đối với dân Việt-Nam kể từ các đời Hán, Đường, Tống về đến sau này.

Bằng cớ cụ-thể là trước chiến-cuộc vua Càn-long có gửi cho Tôn sĩ-Nghị một sắc-thư bị rơi trên đường bại tẩu của họ Tôn gần Phượng-nhỡn (Bắc-giang). Sắc thư ấy đưa ra kế-hoạch gian ngoan như sau :

«*... Nghe lời khanh trẫm đã cho binh ra khỏi ải nhưng đừng nên vội-vã, hãy truyền hịch ra oai, thả đám Lê-thần về trước chiêu-tập binh-sĩ phù Tự-Tôn rồi để họ chống nhau với Nguyễn-Huệ. Ta đợi họ thắng hay bại rồi định kế-hoạch.*

«*Nếu dân nước Nam còn nhiệt-liệt phù Lê, hết lòng chiến-đấu tất Nguyễn-Huệ phải thua. Tự-Tôn có cơ thắng đuổi theo Nguyễn-Huệ thì ta tiến-binh tiếp-ứng ắt sẽ thành-công mà ít hao-tổn.*

«*Nếu người trong nước chỉ có nửa phần giúp Tự-Tôn thì Huệ vẫn còn thế-vững, khanh sẽ viết thơ dụ-dỗ xem sao.*

«*Thủy-quân của ta đã từ Mân, Quảng* (1) *kéo ra khơi thì cứ tấn công Thuận, Quảng rồi cho lục-quân tiến lên ép Huệ vào giữa khiến trước sau đều bị đánh phải hàng phục.*

«*Được như vậy ta sẽ chia Thuận, Quảng cho Huệ về phía Nam ; Hoan, Ái đổ ra Bắc cắt đứt cho Lê Tự-Tôn. Ta đóng binh ở giữa quản-trị cả đôi bên, đây là chước thứ hai, trong khi chờ đợi biện-pháp thích-ứng hơn nữa...*»

***

CHIẾN-LƯỢC NGOẠI-GIAO CỦA VUA QUANG-TRUNG

Tin Tôn-sĩ-Nghị và hai chục vạn quân Thanh đại-bại ở Thăng-Long bay về đến Bắc-triều vua Kiền-Long và các đình-thần như điên, như dại. Lập tức họ Tôn được gọi về kinh để xét tội, đồng thời triều Thanh có ngay việc cử Phúc-khang-An làm Tổng-đốc Lưỡng-Quảng để huy động 50 vạn quân 9 tỉnh định ngày tiến xuống miền Nam. Khang-An trước cuộc vong-bại của Tôn-sĩ-Nghị và cuộc thắng-trận rất oai-hùng của Nguyễn-Huệ còn nóng hổi bụng dạ nào mà chủ-trương tiếp-tục chiến-tranh, nhưng trước khi đề-nghị bãi-bỏ cuộc binh đao Việt-Thanh, y liền phong văn hùng-khí của Nam-quân và tài dùng binh thần-vũ của vua Quang-Trung để lung-lạc triều-đình. Về phần vua Quang-Trung là kẻ chiến thắng, ngài rất am hiểu các sự-kiện ngoại giao trên lịch-sử giữa Việt-Nam và Tàu qua các tiền triều nên đã áp-dụng câu châm ngôn «*Hữu thế bất khả ỷ tận*» là không nên lạm dụng cái thế của mình do đó ngài cho người tìm đến ngay bọn tướng lãnh vừa bại trận mở cuộc giảng-hoà. Cùng một tâm-lý như Phúc-Khang-An, Tả-giang binh-bị-đạo Thang-hùng-Nghiệp được thư giảng-hoà của vua Quang-Trung có câu : «*Bộc tòng vô xâm biên phạm cảnh dĩ đắc tội vu thượng quốc*» (2) liền mật khuyến-dụ Tây-Sơn nên nhân dịp này vận-động thay-thế họ Lê, Nghiệp sẽ là người bí mật giúp đỡ.

Lần theo từng điểm trong mật thư của Thang hùng-Nghiệp, vua Quang-Trung cho Ngô-thời-Nhậm thảo tờ biểu và cử Phó-Đô-Đốc Hồ-hồ-Hầu đem sang Thanh-triều với hai sứ-giả nữa là Nguyễn-hữu-Chu và Vũ-huy-Phác, sứ đoàn đến

(1) Mân, Quảng là Phúc-kiến và hai tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây. Tỉnh Phúc-kiến vì ở sát bờ biển nên có nhiều người giỏi bơi lội thường được tuyển vào thủy-quân của mọi triều-đại.

(2) «Tôi không hề có ý xâm-phạm biên-giới để mang tội với thượng-quốc».

gặp họ Thang đưa ra tờ biểu của vua Quang-Trung đại khái như sau :

« ... *Tôi là Nguyễn-Quang-Bình ở khuất nẻo bên An-Nam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thánh giáo.*

Nguyên từ hai trăm năm tới nay, Quốc-Vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước vẫn do bầy tôi là họ Trịnh cầm nắm kịp đến Tuyên-Vương Lê-Duy-Chuyên (tức vua Hiển-Tông nhà Lê) tuổi già, tiền Phụ-chính Trịnh-Đống mờ tối, biếng nhác : binh kiêu, dân oán, việc nước rã-rời !

Tôi vốn là kẻ mặc áo vải ở Tây-Sơn, nhân thời-thế rối-ren mà nổi lên. Mùa hạ năm Bính-Ngọ (1786) cất quân ra dẹp họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

Năm ấy (Bính-Ngọ 1786) tiền Lê-Vương tạ thế (1), tôi lại phò lập Tự-Tôn là Duy-Kỳ (Chiêu-Thống) lên nối ngôi. Duy-Kỳ là người dâm bạo, không lo chính-sự nước nhà : Trong thì kỷ-cương nát bét triều-đình, ngoài thì gây hiềm-khích với biên-giới. Lại còn hãm-hại kẻ trung-lương, giết hại người đồng-tông là khác nữa ! Thần-dân trong nước chạy đến kể-lể với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ tàn bạo.

Tôi nghĩ nước này là nước đã được Thiên-triều phong cho, tôi đâu dám tự-tiện làm việc phế-truất ?

Mùa đông năm Đinh-Mùi (1787), tôi sai một viên tiểu-tướng đem quân ra hỏi tội những kẻ ở bên tả hữu giúp Kiệt làm xằng thì Duy-Kỳ lại sợ bóng, sợ gió, đang đêm chạy trốn, tự chác lấy cái lo vào mình.

Mùa hạ năm Mậu-Thân (1788), tôi tiến đến đô-thành nhà Lê, lại giao cho Duy-Cẩn, con tiền Lê-vương giữ lấy nước, coi việc thừa tự. Tôi từng sai sứ-giả sang gõ cửa ải, hòng đem hết nội-tình trong nước mà trình-bày.

Nhưng mẹ Duy-Kỳ đã sang Đẩu-áo-ải (có sách viết là « Khả-lưu-ải ») trước kể lể xót-xa với Tôn-sĩ-Nghị, Tổng-đốc Lưỡng-Quảng, rồi lăn-lưng cầu-cứu.

Sĩ-Nghị là kẻ đại-thần ở biên-cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn-do, dò tìm cái cớ tại sao Duy-Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng Đại-hoàng-đế, đợi ngài phân-xử để dẹp mối loạn.

Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời đàn bà (chỉ mẹ vua Chiêu-Thống), Nghị xé biểu-chương của tôi, ném xuống đất, làm nhục sứ-giả, xua đuổi về. Ý hắn muốn khua dân dấy-binh, tấn-công gây chuyện !

Mùa đông năm Mậu-Thân (1788), Nghị điều-bát huy-động nhiều quân kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi-phục nhà Lê, truyền-hịch đi khắp trong nước đổ tội cho tôi ! Hắn chực đánh Quảng-Nam, đào cây đánh rễ để trừ mối lo sau cho Duy-Kỳ ?

Tôi ở hẻo lánh tận tít chân trời, đường sá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn do ý Hoàng-đế sai làm hay do Tôn-sĩ-Nghị vì một người đàn-bà (mẹ vua Chiêu-Thống) xui-khiến, rồi mong kiêu-hãnh lập-công ở biên-thùy để hòng kiếm lợi lớn ?

Hay tin có binh-mã Thượng-quốc ra khỏi cửa ải, tôi nghĩ : tấc lòng « Sợ mạng Trời phục nước lớn » *của mình bấy nay đã bị kẻ khổn-thần ngăn-trở mà cái cớ Duy-Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mối binh tranh bùng ra thì tai-hại không phải là ít !*

Ngô-hồng-Chấn, viên tiểu-tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê-thành. Tôi sai nhóm hỏi ý-kiến họ hàng Lê-vương, văn-võ, thần-liêu và kỳ-lão cùng hào-mục trong nước, thì muôn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi.

...Bản tâm tôi không phải tham đất-đai và nhân-dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc tôi muốn từ-chối cũng không sao được.

Vì thế, tôi phải sai viên gia-tướng là Trần-danh-Bính cùng tám người sứ-thần đem ba đạo bẩm-văn của Duy-Cẩn, con Tiên-Vương, và của quần-thần cùng dân-chúng, đến gõ cửa tướng-doanh, khẩn-khoản nài-xin Tôn-sĩ Nghị hãy cứ đóng quân ở nơi quan ải, tra rõ nội-tình trước đây đã.

Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bọn tuần-dương binh Hắc-Thiệu-Tông bốn mươi người mà Ngô-hồng-Chấn (tướng Tây-Sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công-nhiên chống-cự đâu.

Vậy mà Tôn-sĩ-Nghị riêng nghe lời ton-hót, đặt-để của mẹ Duy-Kỳ, xoay hại Trần-danh-Bính,

---

(1) Vua Lê-Hiển-Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính-Ngọ 1786.

giết bọn tuần-dương binh (1), giam-cầm sứ-giả lùa quân vượt sông Nhị-Hà (2), thẳng tới Lê-thành (Thăng-Long). Tướng tá của tôi phải rút quân về Nam.

Tôn-sĩ-Nghị được thể, tàn-sát dữ quá! Hắn lại ra lệnh cho các quan nhà Lê lùng những tướng-sĩ của tôi ẩn-náu ở các thôn-trại bắt đem nộp. Ngày nào hắn cũng giết đến ba, bốn chục người! Chứa dồn lại có tới hàng nghìn mạng!

Duy-Kỳ nhân-dịp tốt ấy, tha-hồ chém giết những chức-viên sắc-mục (3) đã theo tôi, đến đỗi va phanh mồ cả những đàn-bà có mang không để xót giống lại! Cái ngón thâm-độc ấy còn gì quá-quắt hơn nữa?

Ôi, kể ra nhân-dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đỏ của triều-đình! Đại-Hoàng-đế là bực « cửu quá hóa thành », *há lại ưa viển-vông, ham công lợi, hoặc gây sự ngoài biên-cương, khiến hạng dân vô tội phải ra vào vòng tên đạn?*

Thế mà Sĩ-Nghị không biết lựa theo đức-ý bề-trên, lại đi giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cam-tâm một mạng tôi, lại còn chực bắt giết cho kỳ tuyệt vây cánh của tôi nữa! Hắn rao toạc lên tờ hịch, cốt dồn người ta vào chỗ chết mới nghe.

Ôi, cứ kể nhân-sĩ, giáp-binh ở một giải bờ biển này sánh với Trung-quốc, không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu trước, cọp dữ ở sau, lòng người sợ chết, tất ai cũng phải cố gắng, hăng-hái.

Tôi muốn tránh cái tiếng « ném chuột vỡ đồ », *bèn đem năm ba tên trai-tráng trong làng trẩy ra.*

Mồng năm tháng giêng năm nay (Kỷ-Dậu 1789) tôi tiến đến Lê-thành, những mong Tôn-sĩ-Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem ngọc lụa thay đồ can-qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo? Tôi nhũn-nhặn xin yết-kiến, nhưng Nghị không hề trả lời.

Qua bữa sau, quân Sĩ-Nghị xông-xáo đánh trước; vừa mới giao-phong đã đổ vỡ, chạy tan bốn ngả, xô đè lẫn nhau mà chết. Thây xác đầy nội, nghẽn sông! Còn những quân chạy trốn ra các thôn-trang ngoài thành lại bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn quanh thành, hắn không biết ngăn-cấm quân-gia để chúng hiếp gái, cướp chợ, làm cho nhân-dân căm giận đến tận xương-tủy!

Ngay bữa vào thành, tôi lập tức ngăn-cấm trong xứ: hễ thấy bại-binh chạy trốn, nhân-dân không được phép giết. Bọn tàn binh ấy được đưa đến đô-thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương-thực trong kho mà ban phát cho.

Trộm nghĩ: Binh đao vẫn là việc bất-đắc-dĩ của thánh-nhân. Đại Hoàng-đế thâm nghiêm ngự nơi cửu-trùng. Những truyện cường-trường, Tôn-sĩ-Nghị không hề tâu rõ từng việc một! Hắn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thế rối-ren đến thế.

Châu-chấu đá xe, tôi thật không dám, song, cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc-nhích làm gì thì liền bị kẻ khốn-thần hiếp-đáp không sao chịu nổi, nên hình-tích mới dường như chống cự.

Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở đi, thế đại đổi thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam thì Thiên-triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ lỗi nhỏ, lựa theo đạo trời, cốt giữ lòng rất công-bình, rất nhân-từ, mà vun xới cho cái cây đã mọc, mặc dầu có những chuyện như bọn Ô-mã-Nhi và Hoàng-Phúc đã làm bất lợi cho nước nhỏ này.

Nay lòng trời đã chán nhà Lê, con cháu họ Lê đốn kém, hèn-yếu, không được lòng dân theo về.

Tôn-sĩ-Nghị, vì tình nông-nổi, không thấu-suốt sự tình và lý-do, nên mới chực gây-dựng lại cho họ Lê ấy. Hắn gây mối binh-tranh, khiến cho sinh-linh phải cay-đắng, khốn-khổ! Hắn lừa dối bề-trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng.

Tôi đóng quân ở thành Long-Biên (Thăng-Long) nghển-cổ ngóng trông về cửa trời... Gọi có tờ biểu tạ tội và trần-tình này nhờ quan Quảng-Tây phân-trần Tả-giang binh-bị đạo (chỉ Thang-hùng-Nghiệp) chuyển tâu bày giúp.

Nép nghĩ: Đại-Hoàng-đế là bậc theo ý trời, ban trị-hòa, làm cành khô lại xanh-tươi, cây kiệt lại nẩy-nở. Xin Ngài lựa theo tự-nhiên, thứ cho cái tội đón đánh Sĩ-Nghị và xét cho tấc thành mấy phen đã gõ cửa đi. Dâng lời tâu-bày, xin ngài lập kẻ tư-mục để chăn-dân, dựng nước phên giậu để vững thế, ban ơn mệnh mới cho tôi làm An-Nam Quốc-Vương, đứng làm phiên-bình một phương, kính giữ các

(1) Bọn lính tuần-dương này là người của nhà Thanh. Chẳng hay khi vua Quang-Trung đã tha, giao trả Tôn-sĩ-Nghị rồi, tại sao Nghị lại giết chết đi? Có lẽ vì Nghị muốn gây sự với nước ta, nên mới làm việc khiêu-khích ấy để gieo ác-cảm giữa vua Kiền-Long và vua Quang-Trung chăng?

(2) Nguyên văn chép là sông Phú-Lương.

(3) Nguyên văn là « viên-mục »

chức phiên-mục, khiến cho bản-quốc có người cầm đầu cai-quản.

Tôi xin kính-cẩn sai sứ sang cửa cung khuyết, xưng-phiên, sửa lễ cống. (1) Lại sẽ xin đem số người (tù binh) hiện còn của nhà vua mà dâng nộp để tỏ tấc dạ rất thật này ».

(Tài-liệu này trích trong cuốn « *Quang-Trung Nguyễn-Huệ* » của Hoa-Bằng)

Vua Quang-Trung lại gửi tiến vua Thanh 10 dật vàng, 20 dật bạc (2) và cho Thang-hùng-Nghiệp 100 lạng bạc kèm một bức thư riêng với những lời lẽ không kém phần ngạo-nghễ, khiêu-khích tuy cũng có những câu nhún-nhường, mềm mỏng. Nhưng đọc từng dòng, xét từng ý thì ai cũng có thể nhận rằng sự nhún-nhường, mềm mỏng chỉ là bề ngoài mà thôi. Bởi trước khi đánh Tôn-sĩ-Nghị cùng 200.000 binh-sĩ bốn tỉnh miền Nam Trung-quốc, vua Quang-Trung đã chẳng tỏ ra hết sức nhũn-nhặn đó sao ? Rồi đến lúc đo gươm, thử sức thì Nam-quân đã đi trước. Nay các võ sĩ đã thượng đài, sở-trường, sở đoản của nhau đã biết, phần thắng lại chẳng về Bắc-phương, thái độ của người Nam rõ rệt không phải chỉ là dám hăm-dọa xuông mà thôi.

Nay xin lưu-ý bạn đọc thái-độ nhìn thẳng mặt kẻ thù, vung tay nói chuyện của vua Quang Trung với đại-diện Thanh-đình qua một đoạn của bức thư mà vua Quang-Trung đã gửi cho Thang-hùng-Nghiệp :

« ... *Ôi quân lính cốt hòa-thuận không cốt đông, cốt tinh-nhuệ không cốt nhiều. Người khéo thắng là thắng ở chỗ mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, nhiều hiếp ít. Vì bằng chút tình trước đây không được bày tỏ, Thiên-triều không chịu khoan-dung một chút nào, cứ muốn động-binh để tranh-chiến, thế là làm cho nước nhỏ không được phục-sự nước lớn thì bấy giờ Đại-quốc (chỉ nhà Thanh) có dạy bảo gì, tôi cũng chỉ xin theo ý thôi (ý muốn nói có muốn đánh nhau thì ta sẽ đánh cho mà coi).*

Nay có một tờ hịch của Tôn-sĩ-Nghị trong nói toàn là những lời lăng-loàn chọc tức, gây hấn, xin đính trình một thể... »

Đọc lời thư trên đây Thang-hùng-Nghiệp rụng rời, đổ đốt nói với sứ-giả : « Bây giờ hai nước không còn tính chuyện giao-tranh nữa mà sao lại đưa ra những giọng đầy khiêu-khích như vậy ? Muốn cầu-phong thì phải chủ-trương ôn-hòa chứ ! »

Rồi Thang-hùng-Nghiệp dấu bức thư của vua Quang-Trung để được êm thấm cho cả hai bên mà về phần y cũng muốn hòa-bình giữa hai quốc-gia để khỏi lo-lắng đến vấn-đề trách-nhiệm của kẻ biên-thần. Nói cách khác y không muốn đến lượt y phải chịu cái nhục như Tôn-sĩ-Nghị.

Có điểm ta phải thắc-mắc là khi chưa có cuộc chiến-tranh Việt-Thanh, lúc còn ngồi thảo luận ở núi Tam-Điệp, vua Quang-Trung đã bàn rằng sau này thắng trận thì Ngô-thời-Nhậm giỏi từ-lệnh nên liệu nhời ngoại-giao khéo-léo để vuốt giận vua tôi nhà Thanh, nay vào việc thì nhà vua lại có ý cương-cường, ngạo-nghễ là thế nào ?

Phải chăng, vua tôi nhà Tây-Sơn sau cuộc chiến-thắng vô cùng oanh-liệt vừa qua đã biết binh-tướng nhà Thanh mất mật, bay hồn rồi thì thả ra những lời khiêu-khích, hờn giận cho họ biết khí hào-hùng của con người phương Nam, bởi chưa chắc họ dám tái-diễn cuộc xung-đột ? Hoặc giả nếu họ có thái-độ bất-thường, ta xoa dịu vẫn có thể xong. Rồi sau này trong nhiều cuộc giao-thiệp khác vua Quang-Trung vẫn bắt thóp cái tâm-lý kiêng-nể của Bắc-triều và cứ luôn-luôn bày trò « *chơi trèo* » mà Thanh-đình cứ vẫn bóp bụng khứng chịu.

Quả vậy, cuộc bang-giao Việt-Thanh từ đây đã ghi lên nhiều trang kỳ-thú cho ta kết luận rằng chỉ có sức-mạnh mới giữ trọn vẹn được thể-diện cho cá-nhân cũng như cho quốc-gia, và việc bang-giao tốt đẹp nhiều hay ít là theo tỷ-lệ của sức mạnh giữa hai dân-tộc.

Rồi kết-quả trên thực-tế là 50 vạn binh mà Thanh-triều đã hạ lệnh động-viên ở 9 tỉnh miền Hoa-Nam được bãi-bỏ cũng như cái cờ « *Đề-đốc cửu tỉnh binh-mã* » của Phúc-khang-An chỉ để hư trương thanh-thế nhất thời mà thôi, nay cũng cho hạ nốt.

Người Thanh thấy giải-pháp hòa-bình vẫn hay hơn cả, một là vì Khang-An vận-động riêng với Các-thần Hòa-Thân (tay chân của vua Kiền-long cùng giống Mãn) để vua Thanh thấy rõ việc gây sự ở biên-thùy chỉ hại người, hại của mà sự thua-thiệt với dân Nam xét qua lịch-sử Hán-Việt

(1) Chuyến cống này các đồ phương-vật là 10 dật vàng 20 dật bạc.

(2) Mỗi dật là 24 lạng Tàu, đơn-vị cân lường xưa.

chẳng phải lần này là lần đầu (Hòa-thân đã tâu rằng : « *Từ xưa đến nay chưa một triều-đình Trung quốc nào đắc chí ở phương Nam, xin nhà vua coi cái gương đó...* » hai là vì cuộc chiến-tranh đã bày rõ cái thế của quân-đội Tây-Sơn không thể coi thường như các phiên-quốc khác được.

Khang-An còn đưa ra ý-kiến nên phong vương cho Nguyễn-Huệ, vì con cháu nhà Lê không còn đủ tư-cách làm chủ nước Nam nữa.

Nhưng để gỡ thể-diện, vua Kiền-long buộc vua Quang-Trung phải lập cho Đề-trấn Hứa thế-Hanh một đền thờ và xuân-thu tứ-tế viên tướng tử trận ấy. Ngoài ra vua Quang-Trung sang năm nhân-dịp Bát tuần khánh-thọ của vua Kiền-Long phải thân sang triều-cận. Còn mọi việc mong muốn khác của vua Quang-Trung đều được chấp-thuận hết.

Về phần vua Quang-Trung sau khi giải-quyết xong vấn-đề Bắc-hà cũng lên đường về Nam, trao lại mọi việc cho các văn quan, vũ-tướng là các ông Ngô-văn-sở, Phan-văn-Lân, Ngô-thì-Nhậm, và Phan-huy-Ích.

Núi Nùng, sông Nhị đồng nổi lên tiếng hoan-ca tiễn đưa người anh-hùng dân-tộc về Thuận-Hóa.

***

SỰ NGHIỆP CỦA TRIỀU-ĐẠI TÂY-SƠN

Nói đến nhà Tây-Sơn ta thấy chỉ nên đề cập đến sự-nghiệp của vua Quang-Trung nhiều hơn mà thôi. Chính ở vua Quang-Trung mới có những điều đáng nói. Còn Nguyễn-Nhạc, ông chỉ có những hoạt-động khả-quan buổi đầu, nghĩa là ông có công mở ra phong-trào đánh đổ chế-độ mục nát của các chúa Nguyễn ở Nam-hà. Em kế tiếp ông là Nguyễn-Lữ chỉ là cái bóng mờ giữa hai ông Nhạc và Huệ về vũ công cũng như về chánh-trị. Lại nữa, ông Lữ chết sớm trong khi mười mấy năm sau, Trung-ương hoàng-đế chỉ lấy cái tiểu-triều của mình làm vui, nặng chủ-trương cầu-an hưởng lạc hơn là diệt thù (diệt Nguyễn-Ánh) và kiến quốc.

Nhưng Nguyễn-Huệ tức Quang-Trung hoàng-đế thì khác hẳn. Người em thứ ba của nhà Tân-Nguyễn này có tài chí lớn, có mộng bá vương nên bên cạnh các vũ công đánh Đông dẹp Bắc còn có chủ-trương lập quốc với các qui-mô vĩ-đại để không thua các tiền triều trong các mục-tiêu phục-vụ quốc-gia.

Vậy Quang-Trung hoàng-đế đã làm những gì ?

Quang-Trung lên ngôi từ 1788 đến 1792 thì mãn phần, chánh-quyền trong tay ngài vì thế không được dài lâu là bao nhiêu. Đã vậy trong 5 năm đó ngài ít có khi được ngơi tay, rảnh trí để lo việc nội-trị nếu ta bàn đến việc nội-trị trên mọi lãnh-vực.

Triều-đại Tây-Sơn cách chúng ta tuy chẳng xa nhưng vì ngắn ngủi tất nhiên sự-nghiệp của nó chưa được phong-phú lắm, huống hồ sử-sách ghi chép về triều-đại này cho đầy đủ tất nhiên là điều mà triều Nguyễn vừa qua chẳng muốn, dầu có lớn lao cũng chẳng ai dám cầm bút để biên soạn chu đáo. Đến nay ta chỉ được biết ít nhiều công việc của nhà Tây-Sơn qua mấy cuốn chính-sử, dã-sử sơ sài và bút ký của các nhà truyền-giáo ngoại-quốc.

Điều chắc-chắn mà không ai có thể cãi là sự-nghiệp chống xâm-lăng, phục Mên, Lào, đuổi Tiêm-La và thống-nhất Nam-Bắc của Quang-Trung cũng đủ làm cho vị anh-hùng áo vải cờ đào đó thành vĩ-nhân bất tử và được thế đã là quá nhiều tương-đối với khoảng thời-gian tại-vị quá ít ỏi. Các vị anh-quân, danh tướng của Lịch-sử cổ-kim, của bất cứ một dân-tộc nào có khi suốt đời mới làm được một hai việc trong từng ấy năm việc cũng còn là hết sức hiếm.

Một điều nữa là con người Nguyễn-Huệ tuy ít học nhưng phải một khối thông-minh lỗi-lạc phi thường mới có nhiều thần-mưu, quỷ-kế về chiến-lược, chiến-thuật, lại có cả những sáng-kiến đặc-biệt về chính-trị, văn-hóa và kinh-tế khiến ta phải cảm mến.

Việc chính-trị.

Việc chánh-trị vua Quang-Trung tuy là kẻ múa gươm trên mình ngựa mà lấy được thiên-hạ nhưng quả ngài còn là một nhân-vật kỳ-kiệt của Việt-Nam. Ngài khác người nhiều nghĩa là thường thường người ta chỉ giỏi về một mặt hoặc giỏi việc quân-sự thì ít khi lại sành cả về chánh-trị và ngược lại.

Ngay khi giải-quyết xong, nội-loạn ngoại-xâm, ngài cho định lại quan-chế từ cấp Trung-

ương ra đến các trấn, về võ cũng như về văn xuống đến hạ tầng cơ sở là cấp xã. Ngài đổi Thăng-Long ra Bắc-thành chia miền Trung-châu xứ Bắc ra làm hai : Sơn-Nam thượng trụ sở đóng ở Châu-Cầu (Hà-nam) và Sơn-Nam hạ, trụ sở ở Vị-hoàng (Nam-định) ngoài hai trấn này còn năm trấn khác là Sơn-Tây, Kinh-Bắc, Hải-Dương, Phụng-Thiên, Thanh-Hóa ngoại. Miền thượng-du có trấn Lạng-Sơn, Hưng-Hóa, Thái-Nguyên, Yên-Quảng, Lạng-Sơn, Cao-Bằng và Tuyên-Quang gọi là ngoại-trấn. Mỗi trấn có Trấn thủ, Hiệp-trấn. Dưới Trấn là Huyện, bên văn có Phân tri, bên võ có Phân xuất và có tả hữu quản-lý. Dưới Huyện có Tổng do Tổng trưởng và Xã trưởng trông coi làm các sổ sách Đinh, Điền. Đinh chia làm ba bậc. Điền chia làm ba hạng rồi tùy giá-trị mà nộp thuế bằng tiền và gạo.

Ngài tính rời Phú-xuân ra Nghệ-an là điểm trung-tâm để tiện khống-chế hai miền Nam-Bắc về việc này ngài đã ủy cho Nguyễn-Thiệp là một nhà nho nổi danh uyên bác thiết lập cơ-sở làm nơi xuất phát ảnh-hưởng chánh-trị và quân-sự của triều-đại gọi là Tân đô hay Phượng-hoàng trung-đô dự bị thay cho Phú-Xuân.

Ngài chấn chỉnh thuế khóa, nông chính cho dân đỡ bị phiền hà về việc xâu-dịch và khuyến khích việc tăng-gia sản-suất bởi nước ta thuở ấy ly-loạn quá nhiều, dịch-lệ lan tràn nên đã bị cái nạn đinh tán điền hoang khiến nguyên-lực quốc-gia hao mòn rõ rệt.

Năm Quang-Trung thứ tư, nhờ có chính-sách ưu-ái nhân-dân, cái việc xá thuế, giảm tội được ban hành. Nguồn sống của dân phục hồi được nửa phần so với thuở thanh bình trước. Đó là nhận-xét của người ngoại-quốc (ông Crawfurd chẳng hạn) đã có mặt ở nước ta thuở bấy giờ và như vậy sự sống trở lại của nhân-dân đáng kể là khá mau...

Trong việc sử-dụng nhân-tài ngài cũng rất sáng suốt, khôn ngoan. Đối với người hiền-đức ngài lấy lễ tân sư mà đãi, nghĩa là vừa coi là khách vừa coi là thầy, tỉ-dụ đối với Nguyễn-Thiếp ngài tôn làm phu-tử. Vì thế ngài đã qui tụ được trước và sau những nhà khoa bảng hữu danh như Trần-văn-Kỷ, Ngô-thời-Nhậm, Phan-huy-Ích v. v... Những vị này đã tận tâm giúp đỡ ngài.

Việc văn-hóa.

Về văn-hóa. Ngài ra lệnh trọng dụng chữ *Nôm* trong các văn thư, chiếu, chỉ, biểu, sắc và cả trong khoa cử. Ngài cho mở các trường học đến khắp thôn, xã, mượn các đình chùa làm cơ-sở giáo-dục — lập ngạch học—quan bằng các ông Cử, ông Tú và các nho sĩ hữu danh và hữu hạnh tại chỗ. Việc phổ thông giáo-dục đây cũng phải được kể là một sáng kiến, một tiến bộ bởi trước đây các tiền triều chưa hề lo liệu cho dân nghèo về vấn đề này. Trong dân gian đã có lời oán than như sau :

« *Con vua thì lại làm vua*
« *Con sãi ở chùa chỉ quét lá đa.*

Lời thống trách giai-cấp phong-kiến này xét ra rất đúng.

Việc dùng chữ Nôm tỏ nhà vua có một ý-chí độc-lập, muốn cởi bỏ cuộc đô-hộ tinh-thần của Bắc-phương từ ngàn năm trước. Việc này chưa tiến mạnh nhưng đáng kể là một sáng-kiến của ngài bởi đời trước chưa hề dùng tiếng Nôm trong các giấy tờ Hành-chính, nhất là các chiếu, chỉ...

Đối với việc thờ-phượng, tín-ngưỡng vua Quang-Trung cũng có những nhận-xét rộng rãi không như dưới các vương triều Trịnh-Nguyễn trước đây. Giáo-sĩ Le Roy gửi thư cho Blandin ngày 18-7-1793 khen rằng dưới triều vua Quang-Trung việc tôn-giáo được tiến-bộ. Nhưng các kẻ lạm-dụng đạo-giáo, trốn việc quan đi ở chùa bị hoàn-tục cả đống. Thật ra hiện-tượng này thời nào cũng có vì vậy cuối đời Lý, nho thần Đàm-Dĩ-Mông đã lên tiếng than phiền « *tăng đồ nhiều hơn dịch-phu toàn-quốc* », Hồ-quý-Ly dưới đời Trần mạt ra lệnh khảo-sát các sư mô, đến ngài, ngài cũng chấn-chỉnh Phật-giáo để tẩy uế thiền-môn...

Việc quân-sự

Về tổ-chức binh-chế đời Tây-Sơn ta thấy Tây-Sơn cũng như nhiều triều-đại trước lập ra Ngũ quân : Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu. Đó là 5 đạo quân trong hồi đánh nhau với nhà Thanh. Ngoài ra nhà vua còn nhiều đội-quân đặc-biệt khác lấy hiệu là : Tả-bật, Hữu-bật, Ngũ-chế, Kiến-thành, Thiên-cán, Thiên-trường, Thiên-sách, Hồ-bôn, Hổ-Hầu, Thị-Lân, Thị-Loan. Ta có thể đoán Ngũ-quân là năm đạo quân căn-bản và 11 đội-quân sau đây là những đội-quân đặc-biệt

để tăng-cường cho Ngũ-quân và thường được cử đi bình-định hay chiến-đấu ở các địa-phương. Chỉ có khi nào mở cuộc chiến-tranh đại quy-mô mới xử dụng đến cả Ngũ-quân. Ngũ-quân và 11 đội quân trên đây hợp lại thành quân chủ-lực của quốc-gia.

Còn ở các phủ, huyện thì quân Tây-Sơn chia ra thành từng Đạo, Cơ, Đội : lấy Đạo thống cơ, Cơ thống đội, có Võ phân-xuất cầm đầu.

Dưới triều Tây-Sơn vì đánh ngoại-xâm là một việc hết sức quan-trọng, đã có phen chính-quyền tổng-động-viên đinh tráng từ 15, 16 đến 60 tuổi.

Tinh-thần chiến-đấu của binh-đội Tây-Sơn theo nhận-xét của một nhà truyền-giáo ngoại-quốc, rất là cao. Người lính nào cũng gan-dạ, thuần-thục, một chống nổi mười nên đánh đâu thắng đấy.

Nghe lời Ngô-thời-Nhậm, vua Quang-Trung theo chính-sách nhà Chu, nhà Hán lấy người đồng-tính làm tay chân để giữ vững địa-vị và chánh-quyền do đó ngài phong cho con cả là Quang-Toản làm Thái-tử, Quang-Thùy làm Khanh-công lĩnh Tiết-chế Bắc-thành thống-xuất thủy-hộ chư-quân. Quang-Bàn làm Tuyên-công, lĩnh Đốc-Trấn Thanh-Hóa kiêm Tổng-lý quân-dân-chính.

Bên cạnh ba vị hoàng-tử này còn các huân-thần, danh-tướng giúp sức.

Việc ngoại-giao :

Trong mọi việc xúc tiếp với triều Thanh, ngài có những cử-chỉ cứng dắn, biết tiến biết lui nên đã nâng cao được giá-trị của quốc-gia Việt-Nam trước một nước lớn xưa nay quen cậy mình có nhiều tướng mạnh binh hùng hiếp chế các nước nhược tiểu.

Về việc thụ phong, vua Quang-Trung đã không chịu ra Thăng-Long theo như điều đã định trong điển lễ đã có từ lâu đời giữa Bắc-triều và Nam-triều. Ngài thoái-thác bằng nhiều lý-do : đường xá cầu cống từ Phú-Xuân ra Thăng-Long chưa kịp tu-bổ e chậm trễ ngày đón sứ và làm lễ.

Ngài xin lui cả ngày ấn-định cho việc làm lễ thụ-phong. Gần đến ngày lễ, ngài lại kiếm cớ rằng cuộc hành trình ra Bắc bị ngăn trở vì có trăm chiếc thuyền « lạ » trưng cờ Thanh, có vũ-khí hình như đang đánh phá miền duyên-hải khiến ngài phải trở về Phú-Xuân rồi ngài ủy con trai là Nguyễn-quang-Thùy và đại-thần Ngô-văn-Sở ra Thăng-Long đón Sắc. Đã vậy trong một công-văn đệ lên vua Thanh ngay trong dịp này ngài không úp mở ý của ngài về việc kể trên :

« Thành Thăng-Long từ khi nhà Lê suy mạt cũng mất hết vượng khí, núi Tản-Viên thì bị lở, sông Phú-Lương bị cát bồi, gia dĩ sau nhiều vụ tao loạn thành quách cung-điện bị hoang-tàn dân cư cũng siêu tán gần hết. Còn thành Phú-Xuân của Cựu-Nguyễn (chỉ họ Nguyễn) nay sang tay tiểu-phiên được vỗ-trị, tuy xưa là chỗ mọi rợ mà nay cũng đã trở nên thuần lương, đông đảo. Tứ dân đến ở quy-tụ, sầm uất hơn cả các xứ khác ... Nay xin cử thân tử và các thân thần ra Thăng-Long, khoảng mười lăm ngày nếu có khỏi sẽ xin tiếp sứ cùng vô thành Phú-Xuân để tuyên thị sắc-thư và ngự-thị, cáo thành điển-lễ...

Việc cống người vàng có từ đời Hậu-Lê do quân của Lê-Lợi giết Chinh-lỗ phó tướng An-viễn-hầu Liễu-Thăng ngày 18-9 năm Bính-Ngọ (1427) sau cuộc giảng hòa nhà Minh buộc Việt-Nam phải cống người vàng để thế-mạng cho viên đại tướng tử trận. Đến thời vua Quang-Trung ta có quốc-thư phản-kháng lấy lẽ rằng các tiền triều giết tướng của Bắc-quốc thi-hành lệ này còn có lý, nay nhà Tây-Sơn phải tiếp-tục trả cái nợ đó thì không đúng lẽ huống hồ các đời Đường, Ngu, Tam-đại đến Hán, Đường chưa hề làm thế, xin bỏ qua. Kết-quả nhà Thanh nhượng bộ.

Vua Quang-Trung sau khi đuổi được đại binh của Tôn-sĩ-Nghị về Tàu đã ra lệnh rèn luyện và tăng-cường quân đội để Bắc-tiến vào 10 năm sau do đó khi ngài thấy lực-lượng của ta đã khá mạnh liền tìm cách khiêu-khích nhà Thanh. Ngài cho Đại Đô-đốc Vũ-văn-Dũng mang thư sang Thanh-đình cầu-hôn một vị công-chúa và xin phục hồi hai tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây để chọc giận vua Càn-long Ngài chỉ đợi vua Càn-long khước từ là sẽ mang quân đánh thốc vào đất Tàu. Nhưng trái với điều dự-định, vua Càn-long và triều-đình của ông thấy Nam-phương đang có nhiều hùng-khí nên đã nhận lời. Tiếc rằng hôn lễ đang được dự-trù thì người anh hùng đất Bình-định sớm lìa cõi thế.

Việc kinh-tế.

Ngay sau chiến-tranh với nhà Thanh, cuộc bang-giao được êm đẹp, ngài lo ngay việc Kinh-tế, và ở nước ta chấn-hưng kinh-tế là chấn-hưng nông-nghiệp, có làm việc này mới tăng-gia được mức sản-xuất cho các tiểu-nông đã từ lâu không phát-triển được năng-xuất do sự bóc lột của các địa-chủ gồm quan-lại, phú-nông như ta đã biết. Liền với chủ-trương này là sự tận-dụng diện-tích canh-tác và sức lao-động của nông-dân. Nông-dân sống được ắt có ảnh-hưởng tốt trực-tiếp đối với công-thương-nghiệp. Trong chánh-sách nông-nghiệp, ngài giải-quyết ruộng đất bỏ hoang của bọn phong-kiến phản-động cùng lúc với nạn lưu-vong phiêu tán. Mùa-màng nhờ vậy *« trở lại phong đăng »* sau một thời gian vài năm. Vấn-đề này nhắc chúng ta việc khi có cuộc vận-động khởi-nghĩa Tây-Sơn đã có vấn-đề quân điền và truất hữu ruộng đất của bọn quan lại và cường-hào bất-lương để chia cho nông dân. Khi chánh-quyền của Tây-Sơn thành hình thì công cuộc phục hồi quyền-lợi của các bần-cố-nông được đẩy mạnh nhiều hơn. Tuy-nhiên chánh-sách này vẫn bị hạn chế một phần bởi trên tinh thần của chánh-sách thì rất tích-cực nhưng vì chánh-quyền còn quá mới mẻ nên nhà cầm quyền Tây-Sơn bấy giờ chưa thể thẳng tay với các địa-chủ để tránh sự phản-động của chúng. Sự hạn chế này đã ra ngoài ý muốn của nhà vua. Nói vậy để hiểu rằng vua Quang-Trung vẫn còn phải dùng một số người cũ của tiền-triều nên phải nương tay đối với họ, nghĩa là bọn này vẫn được giữ nguyên những ruộng đất *« thủ đắc bất hợp pháp »* từ lâu đời. Nhà vua vốn xuất thân nông dân rất muốn đi xa hơn nữa, nhưng tạm thời chưa thể làm hơn được nhất là đối với Bắc-hà ảnh-hưởng của nhà vua chưa sâu rộng như ý muốn sau các vụ diệt Trịnh, giết Chỉnh và Nhậm sau đó là việc đuổi Thanh. Ngài chỉ mới lập lại những gì có sẵn và chưa thể thẳng tay đàn áp đến gốc ngọn những mầm mống chống-đối. Xem như việc ngài ủy Nguyễn-Thiệp xây dựng Phượng-hoàng trung-đô tại chân núi Dũng-quyết ở khoảng giữa Vinh và Nghệ-an để chánh-quyền đặt được vào trung-tâm điểm quốc-gia cho dễ kiểm-soát hai miền Nam, Bắc, lại tuyển lựa nhân tài mới thì đủ rõ ngài có con mắt trông xa đâu chỉ loanh-quanh với những gì hư-hại, chật-hẹp.

Với các nhịp tiến của nông công-thương ngài mở rộng cửa quan để dọn đường cho việc buôn bán với các nước ngoài hầu sức sản xuất xã-hội được ra khỏi chỗ bế tắc nếu ta nhớ rằng với chánh-sách của hai chánh-quyền Trịnh, Nguyễn việc ngoại thương của nhân-dân bị hạn chế quá mạnh từ thế-kỷ 17 qua thế-kỷ 18. Ta có thể coi việc này là một sự tiến-bộ, một sáng kiến rất đáng kể bởi phái-bộ Tây-Sơn đã qua Tàu xin được mở chợ ở Bình-thủy (Cao-Bằng) ở ải Du-thôn (Lạng-sơn) và Nam-Ninh, thuế má cũng được miễn.

Các đức tính đặc biệt của Nguyễn-Huệ

Qua các chánh-sách kể trên chúng ta thấy con người Nguyễn-Huệ thế nào ?

— Ông có chí lớn không ?

— Ông có biết dùng người không ?

— Tinh-thần dân-tộc của ông thế nào ?

Dĩ-nhiên phải lấy việc để xét người, việc hay bao nhiêu thì giá-trị của con người cũng lớn bấy nhiêu. Nhìn một cách tổng-quát, con người của vua Quang-Trung từ khi bước chân lên vũ đài cho tới ngày ngài tận số thì ta thấy ngay Nguyễn-Huệ là kẻ có nhiều hoài bão lớn lao, trong đầu óc của ngài không chỉ có việc quét sạch bọn phong-kiến Nguyễn-Trịnh rồi làm chủ giải đất từ đèo Hải-Vân ra đến Thăng-Long, ngài còn muốn có cả xứ Đồng-nai để thống-nhất toàn bộ nước Việt-Nam, và ngang tàng hơn nữa là ngài còn mong làm chủ cả Trung-Quốc.

Năm 1786 sau khi đem quân ra Bắc phạt Trịnh thì ngài đã thực-hiện được cái mộng thống-nhất từ hai năm trước. Vì miền Đồng-nai trên thực-tế đã về tay ngài rồi nếu ta nhớ rằng ngài đã đánh tan hơn hai vạn quân Xiêm xâm-lược và Nguyễn-Ánh phải chạy như gió ra nước ngoài ẩn-nấp sau chánh-quyền Vọng-Các. Trên giải đất này tuy có cái đế-quốc của Trung-ương hoàng-đế, anh của ngài nhưng sự hiện-diện của nó cũng không ăn nhằm gì với chánh-sách thống-nhất của ngài trên phạm-vi thực-tế. Cái đế-quốc này không hơn không kém chỉ là một thái ấp để ông Nhạc an-dưỡng tuổi già. Ngài đã quan-niệm như vậy nên năm 1789 trong tờ chiếu lên ngôi ngài viết : « Vào nghìn dặm đất ở cõi Nam đều thuộc về ta hết » (Hàn các Anh hoa). Sau việc này ngài còn sửa soạn đẩy biên giới miền

Bắc của giống nòi Đại-Việt qua bên kia hai tỉnh Quảng-đông và Quảng-Tây nữa.

Đây là một chuyện phiêu-lưu, lãng mạn chăng ?

Có thể ! nhưng việc lớn thành-tựu ở đời thường xuất-phát ở chỗ phiêu-lưu, lãng-mạn đâu có hiếm. Có lẽ ngài nghĩ rằng các dân Hung-nô, các Rợ Nhung, các Tây, Bắc-địch của Hán-Tộc, trình-độ còn man mọi mà từng vào Trung-quốc đè đầu cưỡi cổ con cháu Hoàng-Đế thì có lẽ nào giống Việt ta lại chịu hèn. Nếu nghĩ như vậy thì dự-định đánh Tàu của Quang-Trung không hẳn là một cuồng vọng, một tư-tưởng viển-vông, nguy hiểm. Ngoài ra Ngài còn muốn ở cái nước Việt-Nam thống-nhất ấy có một kỷ cương mới, nhiều sắc-thái mới để tiến-bộ hơn tiền triều- mặc dầu nó vẫn ở trong phạm-trù của chế-độ phong-kiến.

Tỉ-dụ : Nước Việt-Nam mà ngài mơ ước phải độc-lập về kinh-tế, độc-lập về văn-tự, vẻ-vang về chính-trị với một nền nông, công, thương, nghiệp tự-do luôn luôn được chánh-quyền khuyến-khích từ trong nước ra ngoài nước.

Ngài muốn mọi người dân phải có mặt trong cuộc chiến-đấu, trong việc dựng nước nên kiểm-soát gắt-gao việc binh-dịch và thúc-đẩy nhân-dân tăng-gia sản-xuất. Những kẻ trốn việc quan đi ở chùa, những kẻ chạy lính, đồng cốt quàng xiên phải hoàn tục, quan lại phải là kẻ có tài, có đức v.v....

Muốn quốc-gia sung-túc tiền bạc thì ngoại-thương phải được mọi sự dễ-dàng, việc học được quảng bá mà vì cần nước nhà có thi, thư, lễ, nghĩa như xưa ngài cho Sùng-chính-viện phiên dịch Tứ-thư, Ngũ-kinh ra chữ Nôm làm căn-bản cho việc giáo-dục. Vậy có thể kết luận rằng Ngài là ông vua đầu tiên rõ rệt có thành tâm san phẳng những bất công xã hội muốn mọi tầng lớp nhân dân cùng tiến như nhau trên mọi lãnh vực quốc gia kể cả về luân-lý, đạo-đức.

Nhưng chí lớn phải có những người tài giỏi giúp vào mới đạt được. Vua Quang-Trung nghĩ việc nước bề bộn khó khăn, một mình đương chẳng nổi nên Ngài đã kêu gọi sự cộng-tác của nhiều người. Trong tờ chiếu lên ngôi Ngài nói : « *Nghĩ đến cái nhà to, không phải sức một cây gỗ mà chống đỡ được — thái bình không phải mưu lược của một kẻ sĩ mà nên... ta tự nghĩ đức bạc, tài hèn không bằng cổ nhân mà đất đai rộng như thế, nhân dân đông như thế, yên lặng mà nghĩ để thống nhiếp, run sợ như cầm cái roi mục kìm sáu con ngựa vậy...* »

Vì có ý-kiến này suốt quá-trình hoạt-động quân-sự và chánh-trị, Ngài luôn luôn lo việc tuyển-mộ nhân-tài mà buồn thay ở nước ta, cuối thế-kỷ 18 hầu hết các kẻ sĩ trước sự rối ren của thời-cuộc thường bị cột chặt vào cái chủ-nghĩa tôn quân hay trung quân một cách mù-quáng — Họ không quan-niệm quyền lợi của trăm họ trên quyền lợi của một họ vì thế Đàng ngoài chỉ biết họ Lê, họ Trịnh — Đàng trong chỉ thấy có họ Nguyễn là chính thống, chính nghĩa. Điển hình cho lớp người cổ hủ, cố chấp u-mê này ở Đàng ngoài là Trần-công-Xán, Phạm Thái, ở Đường trong là Nguyễn-đăng-Trường. Ngay đến cả Nguyễn-Thiếp là kẻ được coi có đạo cao, đức trọng, được liệt vào hàng phu-tử mà cũng chỉ ngả về vua Quang-Trung sau khi thấy ngài quét sạch quân xâm-lược và thấy thầy trò vua Lê-chiêu-Thống là bọn bất tài, nhiều tiểu-khí và ít liêm sỉ đã làm cái trò cõng rắn cắn gà nhà suýt nguy hại cho đại cuộc. Nếu không có vua Quang-Trung cứu vãn thì nước mất là điều chắc chắn rồi. Lại khi quân Thanh nhập Việt, bọn người này đã hy sinh thân thế họ cho những vua chúa ích-kỷ, ngu muội, vô dụng mà vẫn cho rằng lập trường của mình thích đáng.

Nhưng một loại kẻ sĩ khác thức thời hơn và thái-độ dứt-khoát hơn là Trần-văn-Kỷ, Ngô-thời-Nhậm, Phan-huy-Ích, Nguyễn-huy-Lượng v.v... đã phục-vụ chánh quyền mới hết mình và cũng được nhà vua tin dùng triệt-để. Với con mắt xanh Quang-Trung đã tìm ra họ, khai thác được tài-năng của họ vừa có lợi cho ngài vừa có lợi cho quốc-gia — Chứng cớ là trước khi rời Bắc-hà lần thứ hai để về Phú-Xuân, Quang-Trung đã đặt Ngô-thời-Nhậm vào vai trò cố-vấn cho Ngô-văn-Sở và Phan-văn-Lân, nếu không, với tinh thần hiếu chiến lại hoạt-động trên mảnh đất thiếu cảm tình của dân chúng, hàng vạn quân của Tây-Sơn có lẽ đã tan tành với lực-lượng đang đầy nhuệ khí của Tôn-sĩ-Nghị vừa kéo sang Việt-Nam. Rồi khi ngài đem quân ra Bắc diệt Thanh, đến đèo Tam-điệp đã đoán ngay ra kế rút quân về đây là của Nhậm. Sau đó ngài còn xử-dụng rất đích đáng họ Ngô trong trận giặc ngoại-giao với vua tôi nhà

Thanh xét Ngô có thừa khả-năng uyết-phục được đối-phương bằng cách lui tới phải thời có lợi cho việc quân quốc. Viên Bộ trưởng ngoại-giao này quả đã thành-công rực-rỡ và gây được một sự hòa hảo tốt đẹp không thể tưởng-tượng được giữa ta và nhà Thanh như chưa bao giờ có trên lịch-sử.

Với người mới là Ngô thời-Nhậm mà ngài còn biết giao nhiều công-tác quan-trọng huống hồ với những người cũ là bọn Ngô-văn-Sở, Trần-quang-Diệu, Vũ-văn-Dũng, Đô-đốc Mưu, Bảo, Tuyết v.v... Và cũng nhờ có vị chủ tướng tinh đời, biết sở-trường, sở-đoản của mỗi người nên các tay chân của ngài đều lập được những chiến công lớn trong việc tiêu diệt Trịnh, lật đổ Nguyễn và xua đuổi quân Xiêm, quân Thanh sau này.

Đặc biệt hơn nữa, vua Quang-Trung còn là vị vua đầu tiên dám dùng phụ-nữ làm tướng và vị nữ-tướng Bùi-thị-Xuân (vợ Trần-quang-Diệu) quả xứng danh là hổ tướng đã làm cho quân Nguyễn khiếp oai bà Thiếu-phó trên các chiến-trường nhất là vào những ngày tàn của nhà Tây-Sơn.

Nhà chánh-trị và quân-sự đại tài Nguyễn-Huệ đã có trí lớn, biết dùng người lại còn đức tính nữa là rất tự tín. Ngài đã nói với các tả hữu cuối năm Mậu-Thân (1788) khi ra Bắc đánh quân xâm-lược Thanh tại núi Tam-điệp : « Ta đến đây, tự đốc việc quân, đánh hay giữ đã có kế sách cả rồi chỉ trong 10 ngày là quét sạch quân giặc... cứ ăn Tết tạm trước đi, vào mồng 7 ta sẽ mở tiệc khai hạ tại Thăng-long, các người thử ngẫm lời ta xem có đúng không ! » Thế rồi mọi việc xảy ra như ý muốn của mọi người và chưa tới 10 ngày : quân Thanh bị phá tan tành và quân của Quang-Trung vào ăn Tết tưng-bừng tại cố-đô xứ Bắc.

Về việc trừng phạt Nguyễn-hữu-Chỉnh và Vũ-văn-Nhậm, Quang-Trung nói là làm và làm được trong khi Chỉnh, Nhậm có hàng vạn binh sĩ trong tay vì thế binh tướng của ngài có lẽ đã tin ngài như thần thì ngài đánh đâu được đấy là chuyện tất-nhiên, ngài dắt họ đi đâu họ cũng hăng hái là phải — Binh tướng tin tưởng lẫn nhau phải chăng là một yếu-tố rất quan-trọng để mang lại những chiến thắng ?

Người ta còn nhận xét ở Ngài một tinh thần dân-tộc cao-độ; ngài đã từng nêu ra những chứng-minh của lịch-sử để thuyết phục binh tướng dưới quyền mình đúng luận điệu của Nguyễn-Trãi trong bài Bình Ngô đại-cáo : « Như nước Đại-Việt ta đất văn hiến xưa, bờ cõi núi sông đã riêng, phong tục Bắc-Nam cũng khác. Trải Đinh, Lê, Lý, Trần dựng nền độc lập cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều làm chủ một phương...», tại Nghệ-an ngài nói : « *Trong vòng trời đất chia theo phận sao Dực, sao Chẩn ; Nam, Bắc vẫn riêng một non sông... Từ Hán về sau, họ cướp đất đai ta, cá thịt nhân-dân ta, vơ vét của cải, nông nỗi ấy thật là khó chịu. Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Lê-đại-Hành, đời Nguyên có Trần-hưng-Đạo, đời Minh có Lê-thái-tổ. Các ngài không đành bó tay ngồi nhìn quân ngoài tàn bạo nên phải thuận lòng dân, ý Trời dấy quân nghĩa, tiêu-diệt chúng. Rồi Nam Bắc đâu lại phận đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh đến nay chúng ta không phải cái khổ Bắc-thuộc nữa...* »

Con người thuộc lịch-sử đến như vậy lại được hun đúc dồi dào khí thiêng của sông núi, truyền thống anh dũng của tiền nhân thì làm gì chẳng thừa hùng khí diệt xâm lược Xiêm, Thanh phá phong-kiến Trịnh, Nguyễn như ta thấy. Có phen ngài nói với Nguyễn-Thiếp :

— Ta không muốn khi dùng một thứ gì cũng phải mua của người Tàu ! »

— Ta muốn lấy chữ Nôm làm văn tự chính thức ! Phải dịch Tứ thư, Ngũ kinh ra Nôm cho dân học ! Nhìn về phương Bắc, ngài tuyên-bố với ba quân mười năm sau nước giàu dân mạnh có sợ gì người Tàu ! Mùa Xuân năm Kỷ-Dậu (1789) Thăng-Long được chứng-kiến trận đánh oai hùng tột độ của con người giàu tinh-thần quốc-gia đó qua tiếng reo của lửa, của sắt thép vang lừng lên như tiếng gào thét của đại-dương sóng cồn vạn dặm. Tiếng gào thét của sắt thép, của bão lửa thêm một lần nữa trên lịch-sử Việt-Hán là tiếng đòi sống hùng, sống mạnh, sống hiên ngang của một dân-tộc còn cay đắng với kỷ-niệm ngoại thuộc một ngàn năm.

Ngoài những đức-tính quý-báu kể trên con người Nguyễn-Huệ còn có những nét rất đáng yêu là vui vẻ, hay khôi hài, yêu thơ văn, trọng

nhân tài, khẳng khái bất khuất, nhờ vậy ông đã gần gũi nhân-tài, hiểu biết nguyện vọng của họ rồi được họ cảm mến, ủng hộ hết mình,

Đã là thiên tài quân-sự, chánh-trị lại được lòng dân tích-cực quy phục nên vua Quang-Trung đánh đổ chế-độ phong-kiến của chúa Nguyễn đã từng tồn tại hai thế-kỷ, chế-độ họ Trịnh họ Lê dài trên dưới ba trăm năm lại phá tan quân xâm-lược Xiêm và Thanh như trở bàn tay từ lưu vực sông Cửu-Long ra tới đồng bằng sông Nhị. Trong thời gian hai mươi năm ròng ngài chỉ biết có chiến-thắng liên-tiếp, điều này ta chưa thấy danh tướng cổ-kim, Đông, Tây hiển-hách được như vậy. Nã-phá-Luân sau ngài vài chục năm (cuối thế-kỷ 18) cũng có một sự-nghiệp tương-tự, nghĩa đánh Đông, dẹp Tây, đặt vua này, phế vua kia (Quang-Trung hạ sát hai chúa Nguyễn (Nguyễn-phúc-Thuần, Nguyễn-phúc-Dương), khiến Trịnh-Khải phải tự sát, tôn lập Lê-Duy-Kỳ, Lê-Duy-Cẩn, trừng phạt Nguyễn-hữu-Chỉnh, Vũ-văn-Nhậm) thật là oai-hùng không sao nói cho hết được.

Nhưng có nên nói rằng do sự thành-công rực rỡ và liên tiếp nói trên, đức tự tín, tự cường của nhà vua đã dần dần biến thành tư tưởng chủ quan tự cao, tự đại tai hại lớn sau này không riêng cho ngài mà cho cả triều-đại và đại cục của xứ-sở.

Hai việc quan-trọng rất đáng tiếc về vấn đề này đã xảy ra sau đây:

Sau khi diệt Trịnh ở Bắc-hà (1788) Quang-Trung trở về Phú-Xuân thì có sự bất hòa với Trung-ương hoàng-đế chỉ vì vấn-đề ông Nhạc đòi chia của cải và quý vật tịch thu được ở phủ chúa Trịnh. Thực ra Quang-Trung đã phân phát hết các chiến-lợi-phẩm cho các tướng sĩ nên ngài không thỏa-mãn được ý muốn của vua anh. Dầu sao Ngài cũng không nên để cuộc huynh-đệ tương tàn xảy ra làm cho máu đổ luôn ba tháng ròng. Nếu Nhạc hao người tốn của rất nhiều thì lực-lượng của Quang-Trung cũng tổn thất tới một nửa khiến phải bắt lính rất gắt (theo lời giáo-sĩ Doussain, thư viết ngày 6-6-1787). Việc này đã buộc Lữ rút quân về Biên-hòa, Phạm-văn-Tham trở lại Sài-Côn rồi thế lực của Tây-Sơn bị chia rẽ, suy yếu trông thấy khuyến khích Nguyễn-Vương kiên tâm chiến-đấu và tổ chức quân-đội đáng-lẽ anh em nhà Tây-Sơn đoàn-kết hơn bao giờ hết tiến về Gia-định diệt cho sạch sẽ bọn con cháu cuối cùng của dòng Nguyễn-Phước.

Năm 1792 vua Quang-trung sai người làm biểu sang Bắc-Kinh cầu hôn và xin đất (hai tỉnh Quảng-Đông và Quảng-Tây) để dò thái-độ của vua Càn-Long và nếu bất đắc như nguyện nhà vua sẽ lấy cớ hưng binh (*Đại-Nam chính biên liệt truyện sơ-tập quyển 30 tờ 42b*). Ý-đồ này chưa kịp thực-hiện thì Quang-trung bị bạo bịnh mất ở Phú-Xuân (1). Nếu ông không tận số một cách bất-ngờ, hẳn *Lịch-sử Việt-Hán đã có thể xảy ra những biến-cố hết sức lớn lao hay-dở chưa biết đến thế nào.*

Những nhà viết sử ngày nay khi bàn về Quang-Trung trên thân-thế và sự-nghiệp gần như đồng ý với nhau khen Quang-Trung là kiểu mẫu

---

(1) Vũ-văn-Dũng lúc này có mặt ở sân điện của vua Kiền-long được tin đệ nhị sứ đoàn Việt-Nam báo hung tín về vua Quang-Trung đã chết ngất. Tỉnh dậy ông có bài thơ khóc Quang-Trung như sau:

Bố y phấn-tích ngũ niên trung,
kim cổ thi vi sự bất đồng.
Thiên vị ngô hoàng tăng nhất kỷ,
Bất ư Đường, Tống thuyết anh hùng.

Anh-Hợp tạm-dịch:

Năm năm dấy nghiệp tự thân nông,
Thời trước thời sau khó sánh cùng.
Trời để vua ta thêm chục tuổi,
Anh hào Đường, Tống hết khoe hùng.

(2) Giữa lúc nhà Thanh và Việt-Nam có cuộc chiến-tranh xảy ra thì nhà Thanh đang toàn thịnh. Các vua chúa nhà Thanh tuy là dị-tộc mà rất tinh thông Hán-học, tỉ-dụ vua Khang-Hy là ông vua thứ ba của triều Mãn đã làm giàu cho văn-học Trung-hoa rất nhiều. Do ông mà có bộ *«Khang-Hy tự điển»* một thứ Bách khoa đại tự điển và *Tứ khố toàn thư* là những sách có một giá-trị quốc-tế ai cũng khâm-phục.

Võ công của triều Thanh cũng hết sức oanh liệt.

Vua Càn-Long đã ba lần xua quân đánh Nga ở Ấn-ba-đình cả ba lần những đội kỵ-mã tinh nhuệ Cao-gia-Sách, U-Kiên của Nga đều đại-bại. Nga phải ký hòa-ước nhường khu vực đó cho Mãn-Thanh để quân-đội khỏi bị tiêu diệt. Cũng dưới đời ông vua này Tây-Hạ, Tây-Liêu, Tây-Tạng phải thần phục Trung-quốc.

Vua Càn-Long trị vì được 50 năm. Khi quân Thanh xuống đánh nước ta Càn-Long vừa đúng 80 tuổi. Nửa thế-kỷ điều binh khiển tướng, đem Trung-hoa lên bậc Đại-Cường, Càn-Long chỉ có thua một lần, đó là thua người anh hùng áo vải đất Qui-Nhơn.

một người trai có chí lớn, khí phách ngang tàng mà người công-dân của quốc-gia nào cũng phải khao-khát được như thế thì nước mới hùng dân mới mạnh, nhiên-hậu ngước mắt nhìn thiên hạ không xấu hổ. Nhưng người ta chê Quang-Trung cũng như vua anh của ngài còn có một số tiểu-khí nên đã xâu xé nhau ở một vài quyền-lợi không đáng kể (tiền bạc, quý vật, đất đai) rồi ai nấy đều tự quan-trọng-hóa vai trò của mình đáng lẽ phải đồng tâm nhất trí để hoàn thành cuộc thống-nhất và bình-định xứ sở thì nhà Tây-Sơn đâu có thể ngắn ngủi trong vòng ba kỷ.

***

NGUYỄN-ÁNH QUẬT KHỞI TÂY-SƠN SUY TÀN

Năm 1789, Nguyễn-Ánh trở lại Gia-định sau khi bắt được Thái-bảo Phạm-văn-Tham của nhà Tây-Sơn. Ông cố tình dùng Gia-định làm bàn đạp để tiến ra miền Trung và nhận thấy sự chia rẽ của anh em nhà Tây-Sơn sẽ mang lại cho ông những hy-vọng lớn lao nhất về tương lai.

Nhờ được Giám-mục Bá-đa-Lộc vận động ngoại-viện Pondichéry (Ấn-độ) sang tới Paris, mặc dầu Hiệp-ước Versailles thành hình rồi yểu vong, Vương vẫn được một số chuyên viên và kỹ-thuật-gia Tây-phương đến giúp đỡ để tổ-chức quân đội thủy lục, xây thành đắp lũy, mua bán và chế tạo tàu bè vũ khí.

Số người ngoại-quốc đa số là người Pháp đến giúp Nguyễn-Vương buổi đầu tới 300, sau có nhiều người bỏ đi vì lương hạ hay vì không ưa thích các quan lân cận Vương, nhưng đáng kể hơn cả là :

— Théodore Lebrun, Olivier de Puymanel đã xây thành Gia-định.

— Jean Marie Dayot sĩ quan thủy quân được đặt làm Khâm sai Cai đội quản chiến tàu Nhị-Chích, trí-lược hầu.

— Philipe Vannier coi hải quân được chức Cai-đội Chấn thành hầu dưới quyền Dayot.

— Julien Girard de l'Isle Sellé lãnh chức Cai-đội Long hưng hầu.

— Guillaume Gouilloux lãnh chức Phó Cai-đội Oai-dũng-hầu.

— De Forçant lãnh chức Cai-đội và được đặt tên là Nguyễn-văn-Lăng với tước Lăng-đức-hầu.

— Jean Baptiste Chaigneau, được đặt tên là Nguyễn-văn-Thắng lãnh tước Thắng-toàn-hầu.

— Laurent Barisy một sĩ-quan hải quân đã đóng vai trò quan trọng về việc tuyển quân và vận lương.

— Jean Marie Despiaux y sĩ riêng của Nguyễn-Vương v.v...

Vương cho đắp lại thành Gia-định theo kiểu Vauban rộng rãi kiên-cố, tổ-chức các Bộ, các quan chức từ Trung-ương ra tới các tỉnh. Vương phát triển nông-nghiệp, khuyến-khích việc học đặt các ngạch thuế, mở các khoa thi, lập nhà Văn-miếu tại Trấn biên và Phiên trấn. Một vài sáng kiến đáng khen là Vương đặt hình phạt đối với những kẻ lạm quyền, lạm thế xách nhiễu dân chúng và mở hộp thư dân ý cùng nghiêm khắc trừ các việc gian manh, cờ bạc, đồng bóng, phù thủy.

Năm 1790 ông cho binh-sĩ lợi-dụng thì giờ chưa có chiến tranh khai khẩn ở Vàm-cỏ lập ra các trại đồn-điền và cho dân lãnh trủng đất hoang ba năm mới phải nộp thuế lại còn được mượn trâu-bò và điền-khí.

Đây là một kế-hoạch tích lương phòng loạn.
Về việc buôn-bán, Vương khuyến-khích người ngoại quốc mang vào miền-Nam những nguyên-liệu chiến-tranh sắt, gang, kẽm, lưu hoàng, tùy theo nhiều ít chánh-quyền sẽ cho phép mua gạo theo tỷ-lệ ai bán cho chánh-quyền nhiều các đồ kể trên thì được mua nhiều gạo để đem đi. Tỉ-dụ nhập cảng 100.000 cân sẽ được liệt vào hạng nhất, sẽ miễn hết thuế cảng và được vuất cảng 300.000 cân gạo...
Nhìn vào các tổ-chức quân-dân tại Gia-định thuở đó ta thấy Nguyễn-Vương quả là một nhà quân sự lỗi lạc mà cũng là một nhà chánh-trị rất thực-tế, nhìn xa biết rộng, lại thêm đức-tín cần-cù nhẫn-nại đúng là con người để làm các việc lớn ở đời nên sau này Vương thành-công cũng là phải.

Đáng lẽ để đối thủ với kẻ địch lợi hại như vậy nhà Tây-Sơn phải có chánh-sánh ngoài ưu-ái nhân-dân, trong tinh-thần đoàn-kết, trên dưới một lòng, trái lại chỗ nào cũng có sự chia-rẽ, tranh-dành và ích-kỷ nên không tồn-tại được lâu dài.

Sau khi sắp đặt được mọi qui-mô tại Gia-định và đã nghỉ-ngơi được khá đầy đủ hơn một năm, đến tháng tư năm Canh-Tuất (1790) Nguyễn-Vương tính đến việc xuất quân, sai Lê Văn-Câu đem 5.000 quân thủy bộ ra đánh Bình-Thuận. Võ-Tánh và Nguyễn văn-Thành nhân thế quân mình đang mạnh kéo luôn ra Diên-Khánh (Nha Trang). Tại đây, Thành và Tánh không đồng quan-điểm chiến-thuật chiến-lược với Câu nên không tuân lệnh xét rằng không đủ sức đi vào đất địch. Nguyễn-Vương phải rút hai người về Gia-Định và lưu Lê Văn-Câu ở lại giữ Phan-Rí. Câu đem quân ra Phan-Rang xây-dựng ba đồn và chia quân chiếm đống các yếu-điểm của miền này. Mùa hè năm đó, quân Tây-Sơn trở lại rất đông, phá hai tiền đồn của Câu. Câu phải tháo lui. Nguyễn-Vương hạ lệnh Câu cứ ở lại cầm cự và sẽ cho tiếp-viện, Vương sẽ đích thân dẫn thủy quân ra cấp-cứu, nhờ vậy Câu được giải vây không phải là không vất-vả.

Tuy được thắng lợi ít nhiều, Nguyễn-Vương thấy lưu nhiều binh sĩ ở đây việc tiếp-tế sẽ khó khăn và trong dịp gió mùa Đông-Bắc quân Tây-Sơn kéo đến thì khó chống đỡ, ngoài ra quân Nguyễn chưa đủ sức rãi nhiều trên đất địch. Do quan điểm này, quân Nguyễn chỉ dựng hai đồn ở giáp giới khu vực của nhà Tây-Sơn mà thôi.

Cuối năm sau, vào tháng chạp (5-1 — 8-1-1791) quân Tây-Sơn lại đuổi quân Nguyễn ra khỏi Bình-Thuận một cách dễ dàng vì lực lượng của họ còn đang mạnh lắm.

Theo bức thư của Liot đề ngày 8-1-1891 mà giáo-sĩ Cadière đã ghi chép thì việc Nguyễn-Vương rút quân ra khỏi Bình-Thuận là thất sách. Giám-mục Bá-đa-Lộc, tác-giả bức thư này, phàn nàn Nguyễn-Vương có tính rụt rè vì quá thận trọng, mà ngay cả đám người Âu-Châu lúc ấy giúp Nguyễn-Vương cương quyết hơn thì đã thành-công sớm hơn nhiều. Sự chần-chừ của Vương chỉ có hại.

Còn cuộc hành-quân đầu-tiên này xét ra là vô kết-quả, tuy vậy trong năm 1791, Nguyễn-Vương đã lợi-dụng được thời-gian tương-đối yên-ổn để sửa đổi lại chính-sự, nhân-sự, khuếch-trương các việc đồn-điền, giải-quyết nạn đói xảy ra vào mùa hè năm ấy bằng việc miễn thuế, lấy thóc công chẩn-cấp cho dân nghèo, định giá thóc của nhà giàu buộc phải bán cho người khó, đặt thể-lệ về sự làm ăn sinh-sống của những người Hoa-Kiều và Minh-hương, đặt phép thi-cử, cải-cách nền tư-pháp, bài-trừ nạn cho vay lãi, định lễ nghi và tế bái trời đất, ban thưởng các chiến-sĩ bỏ mình ngoài trận mạc, xuân thu nhị kỳ hương khói tại Khổng-miếu hòng bảo-vệ lấy những tập-tục và truyền-thống các đời trước đã bị bỏ quên vì chiến-tranh.

Về quân-sự, Nguyễn-Vương cũng cho xét lại các vấn-đề : thể-lệ tuyển-mộ tân-binh, định ngày tháng thao diễn binh-đội (vào tháng giêng và tháng 10) đóng tàu chiến, dựng y-viện cho quân đội và cũng trong năm này Nguyễn-Vương mua thêm quân nhu vũ-khí hai kỳ của ngoại-quốc và thăng-thưởng binh tướng, phong tước cho các người Âu-Châu.

Để tránh nạn đói hoặc mùa-màng thiếu hụt, Nguyễn-Vương còn cho người bí-mật ra miền Trung đặt vè để phổ-biến trong dân-gian lòng tưởng nhớ họ Nguyễn và khích-động sự căm hờn Tây-Sơn về các chuyện bắt sâu, gọi lính. Tỉ-dụ câu :

Lạy trời cho cả gió nồm
Cho thuyền chúa Nguyễn rong buồm chạy ra.

Rất có thể là do thủ-đoạn của chúa tôi họ Nguyễn đặt ra để tuyên-truyền cho lực-lượng miền Nam hơn là do lòng hoài Nguyễn của nhân-dân khi mà họ chưa quên chế-độ hư-hèn của triều đình Vũ-Vương và chế-độ Trương-phúc-Loan vừa đây. Ngay tại Đồng-Nai năm ba năm trước đây còn xảy ra những vụ chống lại chúa Nguyễn không ngoài vấn-đề thuế khóa, bắt lính, bắt sâu khiến Chúa đã trở nên dè-dặt, do đó mà quân của Chúa không mấy khi phải đánh những trận quá rộng lớn như binh-đội Tây-Sơn. Công-tác tuyên-truyền này còn có mục-đích dụ-dỗ dân hai vùng Phú-Yên và Bình-Thuận kéo về khẩn-hoang đất-đai ở Đồng-nai.

Thị-Nại bị tấn công lần thứ nhất.

Cho tới 1792, lực-lượng chúa Nguyễn đã được tích-cực xây-dựng về mọi mặt. Nhưng Nguyễn-Vương vẫn chưa dám tin có thể thắng được Tây-Sơn và nên mở những cuộc tấn-công đại qui mô.

Trên đây đã nói lần đầu tiên Lê-Văn-Câu ra quân rồi quân Nguyễn lại rút về chỉ đóng một hai đồn ở nơi giáp giới địa phận của Tây-Sơn. Sự-kiện này đã cho ta thấy chúa Nguyễn có một thái-độ chờ thời và rụt-rè, thái-độ này còn được biểu lộ trong một cuộc giao-dịch với Tiêm-la : chúa nói với sứ-thần của Tiêm rằng : rất có thể Nguyễn-Huệ đem quân vượt qua đường Lào và Cao-mên để đánh miền Nam, thủy-quân của Huệ cũng sẽ lần theo hải-đạo đến Côn-Lôn và hoạt-động tại Tiêm-la, Hà-Tiên tới chiếm đóng Long-Xuyên Kiên-Giang rồi hợp với bộ-binh ở Sài-Côn... Câu chuyện này có ý nhắc Tiêm-la chuẩn-bị quân-lực để cứu-viện cho mình và Tiêm cứu Nam-Việt sẽ là tự cứu. Việc này không thấy sử sách của ta chép nhưng căn-cứ vào thư của Giáo-sĩ Le Labousse (Tài-liệu của Giáo-sĩ Cadière, trang 27 cho ta thấy có những câu dưới đây đáng làm cho ta tin ít nhiều là có sự xác thực : « Vào tháng hai 1792 trước ngày chúng tôi phải rời bỏ các con chiên và để tránh kẻ địch (Tây-Sơn) họ kéo tới vài chục ngàn quân do đường Lào và đàng-hoàng tiến vào tới Cao-mên. Người Mên cũng tính theo họ, mà về phần Nguyễn-Huệ sẽ cùng hải-quân ập vào các cửa bể miền Nam để chặn đường rút lui chúa Nguyễn. Nếu dự-định này được thi-hành thì nhà vua và chúng tôi chỉ còn chờ chết. Nhưng nhờ ơn trên, việc này không thấy thi-hành nên chúng tôi thoát được cơn giông-tố nguy-hiểm vô cùng ấy, hoặc do Tây-Sơn e ngại các chiến-hạm của người Âu-châu đang đóng đầy ở cửa sông Sài-Côn do việc buôn bán, hoặc vì hai đạo quân của vua Tiêm-la cho qua đã ngăn chúng lại tại Cao-mên... »

Tại Qui-Nhơn bấy giờ, Nguyễn-Nhạc cũng cho đóng nhiều chiến-thuyền ở cửa Thị-Nại rõ ràng để Nam-chinh.

Sự-kiện này càng tăng-cường lý-luận của phe chủ-trương mở cuộc tấn-công để dục chúa Nguyễn cương-quyết hoạt-động. Cho tới bây giờ, Chúa còn nghĩ rằng hãy nghe ngóng kỹ hơn nữa. Nhưng rồi chúa Nguyễn cũng phải nghe theo một phần nào phe chủ chiến, nghĩa là lợi-dụng vụ gió mùa (gió thuận) kéo quân ra đánh nhau với Tây-Sơn bằng hai đường thủy, bộ. Từ đó hàng năm quân Nam tiến ra như trên đã nói, chiếm được vài cứ-điểm rất dễ-dàng, đóng đồn ải ở những nơi thuận-lợi, rồi gặp mùa xấu tiết lại rút về Nam. Do đó dân chúng gọi là « Giặc mùa ». Hành-động này về phần miền Nam có ý tỏ cho Tây-Sơn biết rằng mình không hèn, và cũng để cho các tướng-sĩ của mình khỏi nản lòng.

Đầu năm Nhâm-Tý (1792), vào tháng ba, khi gió mùa (gió Nam) thổi mạnh, chúa Nguyễn lại khởi-hấn. Bình-thuận lúc này dĩ-nhiên là bãi chiến-trường liên-miên cho cả đôi bên và binh đội của Nguyễn-Vương bấy giờ có đủ người Việt, người Miên, người Tiêm và người Pháp, rất hăng hái và có kỷ-luật, nhưng đáng lưu-ý một điều là Nguyễn-Vương hết sức hạn chế việc bắt lính, sự-kiện này trái hẳn với nhà Tây-sơn. Nguyễn-Vương e rằng bắt nhiều lính thì sẽ mất nhiều người làm ruộng khai-hoang, chắc chắn ít nhất từ năm 1792-1799 số binh-sĩ của Vương không lớn lắm, do đó việc chiến-tranh cũng giảm thiểu đi, việc rải quân tại các đồn ải xa xôi cũng vậy. Nhưng Vương giữ lại các binh-sĩ chuyên môn chiến trận vì họ đã thuần thục trong nghề thì có ít cũng như có nhiều. So sánh với quân Tây-Sơn, quân Nguyễn có nhiều phẩm hơn lượng, phần cấp chỉ-huy tinh-nhuệ, quân-đội được tổ-chức và rèn luyện theo đúng lề lối của Âu-Châu. Bộ-đội của Vương lại có những pháo binh và những binh-sĩ bắn trái phá rất tài, trong khi quân Tây-Sơn chỉ có ít súng trường, gươm, giáo. Về súng tay của Tây-Sơn thì năm người mới có một khẩu và lại thường không được tập-tành chu-đáo ; Về đại-bác tuy có một số nhưng chỉ trang-bị ở các chiến thuyền mà thôi, còn bộ-binh thì không được dùng. Thủy-quân của Nguyễn-Vương có Dayot, Vannier điều-khiển là những tay lành nghề rõ-rệt xuất-sắc hơn hải-lực Tây-Sơn.

Trận thủy chiến ở cửa Thị-Nại giữa hai quân đã minh-chứng sự-trạng này.

Cuộc tấn-công của Nguyễn-quân vào cửa Thị-Nại được diễn-hành như sau : tướng của Nguyễn có Nguyễn-văn-Trương, Nguyễn-văn-Thành, Dayot, Vannier, De Redon, D'Auray, Olivier de Carpentras, được lĩnh một lực-lượng thủy-quân quan-trọng ra Qui-nhơn để đánh bất-thần vào thủy-quân của Tây-Sơn. Tây-Sơn đã tập-trung ở đây hết thảy những chiến-thuyền lớn của mình nên có thể nói rằng những tướng lãnh cừ-khôi nhất về thủy-quân của Nguyễn đều đã xuất trận. Nguyễn-Vương cũng lên đường

vào tháng 7 với một hạm đội nhỏ, có tàu Pháp đi hộ-vệ.

Theo C.B. Maybon, thủy-quân Nguyễn Bắc tiến vào tháng sáu, khoảng 19-7 — 17-8-1792. Nguyễn-văn-Thành làm Tiên-phong. Thuyền được gió thổi mạnh đi mau lẹ. Đến Thị-Nại, quân Nguyễn đổ bộ ào-ạt chiếm được các doanh trại của Tây-Sơn và đốt sạch. Chiến-thuyền của Nguyễn xông được hết vào trong quân-cảng. Binh tướng của Tây-Sơn bị đánh bất thình-lình bỏ chạy để lại vũ-khí và tàu bè rất nhiều. Sau vài giờ, thủy-quân Nguyễn được làm chủ chiến-trường nhưng Nguyễn-Vương thiếu kinh-nghiệm nên đã không biết hưởng-thụ triệt-để những chiến-lợi-phẩm. Vương hạ lệnh đốt hết mọi thứ, chỉ để lại 5 chiến chiến-hạm võ-trang đầy-đủ và 20 chiếc thuyền có tay chèo cùng bốn năm chục tàu chiến khác cỡ nhỏ. Khi lửa cháy rực trời, Nguyễn-Vương mới thấy nhiều thuyền có tay chèo trên dát vàng đỏ chói rất đáng tiếc, muốn cứu nhưng đã muộn. Thần hỏa lại thiêu đứt cả ba kho đầy tiền bạc, quân-trang và gạo nước.

Phần vẻ-vang trong cuộc chiến-thắng này phải dành nhiều cho Olivier. Ông này dẫn một chiếc chiến-hạm đi đầu, xông vào căn-cứ của địch ngót một giờ trước toàn-đội một cách rất ung-dung, hiên-ngang tiến thẳng đến chỗ quân Tây-Sơn. Chiến-hạm của ông bị bắn như mưa rào, ông vẫn không nao-núng khiến Nguyễn-Vương và binh-sĩ phải ngạc-nhiên và thán-phục vô cùng. Họ liên-tưởng đến đám người Bồ-đào-Nha giúp các tiên-chúa trước đây nếu đem so-sánh còn thua xa viên tướng Pháp về can-đảm.

Barrow kể lại rằng : « Nếu đêm hôm ấy, Nguyễn-Vương mạnh bạo hơn một chút cứ đánh thẳng vào thành Qui-Nhơn, thành này bấy giờ cách căn-cứ hải-quân có bốn năm dặm, có lẽ đã bắt được chúa Tây-Sơn một cách dễ-dàng. Nguyễn-Nhạc đi săn vắng lúc cuộc thủy-chiến bùng ra, sau một ngày mới trở lại. Vị Hoàng-đế này như bị sét đánh ngang tai vì tất cả lực-lượng hải-quân của ông xây-dựng từ bao nhiêu năm một lúc đã tan ra tro bụi. Giờ đây, Hoàng-đế của chúng ta chỉ còn chín chiếc thuyền buồm nhỏ đủ để đi chơi mà thôi. Người phá được sự-nghiệp của Hoàng-đế lại là một ông hoàng nhỏ tuổi đào vong khốn-khổ xưa kia... »

Rồi cũng vào cuối năm 1792 một biến-cố vô cùng quan-trọng đã xảy ra : Đó là việc vua Quang-Trung tận số giữa cái tuổi 40 đầy sinh-lực, đầy hứa-hẹn và đang hiền-hách như sấm vang lửa dậy từ trong nước ra ngoài. Con lớn của Ngài mới trên 10 tuổi là Nguyễn Quang-Toản lên thay, lấy niên-hiệu là Cảnh-Thịnh. Bùi Đắc-Tuyên là cậu ruột được cử làm Thái-sư Phụ-chính. Sau này vì một cựu hiềm giữa anh em và con cháu nhà Tây-Sơn, sự tranh-giành ảnh-hưởng giữa các tướng-lãnh, đại-thần, nhà Tây-Sơn đi dần đến chỗ suy-bại rồi bị tiêu-diệt hẳn.

Thị-Nại bị tấn-công lần thứ hai.

Năm Quí-Sửu (1793) vào tháng tư (10-5 — 7-6) Nguyễn-Vương để Đông-Cung Cảnh (Thế tử Cảnh được xách lập ngày 1-5.) Vương đặt thầy giảng dạy và xem-xét mọi lời nói cử-chỉ của Đông-Cung để sau này có đủ tư-cách và phong-độ một vị đế-vương. Các quan phải hàng tháng làm tờ biểu để trình lên Nguyễn-Vương về việc này. Tại Gia-Định, Tôn-thất-Hội được lãnh lục-quân, Nguyễn-văn-Trương và Võ-di-Nguy được chỉ-huy thủy-quân. Vương cũng có hạm-đội và có Phò-mã Võ-Tánh đi theo. Về phía người Âu-châu có Dayot và Vannier điều-khiển một số thuyền chiến lớn. Olivier và một số người Âu-châu trông coi pháo đội.

Thủy-quân của Vương tiến đánh Bình-Thuận. Vương ra tới Nha-Trang vào đầu tháng (8-6-6-7-1793). Tại đây thấy quân Nguyễn mạnh, Tây-Sơn rút lui. Vương cho một số quân ở lại chiếm giữ căn-cứ này chờ Tôn Thất-Hội kéo tới, quân Nguyễn thừa thế đánh thốc lên nữa. Quân Tây-Sơn bỏ chạy hoặc ra hàng nên hai phủ Diên-Khánh và Bình-Khang đổi chủ rất mau lẹ. Vương chiếm được nơi nào lập ngay nền hành-chánh thiết quân-luật để an-lòng dân (binh-sĩ, tướng tá nào phạm vào tài-sản và sinh mạng của nhân-dân đều bị xử-tử). Vương cũng cho dân nộp thuế theo như nhà Tây-Sơn (không thâu nặng hơn) để có lương thực cho quân-đội, chắc dân phải nộp bằng thóc gạo, thực phẩm.

Lúc này về mặt bộ, Tôn Thất-Hội cũng đánh được phủ Bình-Thuận và được lệnh phối-hợp với thủy-quân để đánh lên Phú-Yên và Qui-Nhơn. Tại Phú-Yên, quân Nguyễn không bị sức cản trở nào đáng kể trong khi hạm-đội vào tới

cửa Xuân-Đài rồi tiến thẳng lên Kinh-đô của Nguyễn-Nhạc (cửa Thị-Nại).

Xét ra từ lúc xuất binh đến lúc đánh vào căn-cứ của thủy-quân Tây-Sơn là Thị-Nại, quân Nguyễn chỉ mất có một tháng mà đã lấy được nửa phần giang-sơn của Nguyễn-Nhạc đủ rõ quân-lực của Trung-Ương Hoàng-đế nhà Tây-Sơn bấy giờ yếu ớt quá rồi. Hoặc ta có thể nói rằng quân-lực của Tây-Sơn vẫn như cũ, trái lại quân Nguyễn nhờ có sự cải-tổ do tay người Âu-châu đã tiến vượt bực nên quân Tây-Sơn không theo kịp. Quan-niệm chiến-lược, kế-hoạch hành quân phù-hợp với nhau, vũ-khí chiến-thuyền lại tối-tân và nhiều hơn, đó là không kể về tinh-thần quân Nguyễn trên dưới nhất trí. Về điểm này Tây-Sơn thiếu sót hẳn. Yếu-tố này tiếc thay lại là yếu-tố căn-bản.

Nguyễn-Vương phái Võ-Tánh công phá các tiền-đồn đang làm phên dậu cho Thị-Nại. Các tiền-đồn này phá xong, Thị-Nại mất. Nguyễn-Nhạc trước sự tấn-công mãnh-liệt của quân Nguyễn cử thái-tử Nguyễn-Bảo làm đại-tướng lĩnh những đạo quân tinh-nhuệ nhất, có tượng binh yểm-trợ. Nhưng Bảo vẫn đương không nổi phải rút vào thành. Quân Nguyễn đuổi theo thì vấp vào một phòng tuyến khá mạnh-mẽ và khá dài của Tây-Sơn. Tuy vậy quân Nguyễn vẫn vượt được các trở-lực, nhờ ở sự chiến-đấu đầy hy-sinh của các tướng khác như Nguyễn văn-Thành, Tôn thất-Hội và Lê-văn-Duyệt. Số chiến-lợi-phẩm bắt được của Tây-Sơn ở trận này là 35 khẩu đại-bác, 30 chiến thuyền, 3 cặp voi trận, một kho gạo và một kho cá khô. Qui-Nhơn lúc này lâm-nguy trông thấy mặc dầu bên ngoài còn một số đồn ải bao quanh và trong thành còn 10.000 binh-sĩ. Đáng lẽ cuộc hành-binh của Nguyễn quân phải mở hết tốc-độ cho xong thì có sự bất đồng ý-kiến giữa Chúa và các cán-bộ quân-sự Âu-châu.

Bọn này chủ-trương dốc toàn-lực đánh thành nhân thế quân đang mạnh. Chúa cho rằng ngày nào quân Tây-Sơn cũng đến xin hàng thì sớm muộn Qui-Nhơn cũng phải mở cửa ra đầu hết do đó mà suốt tháng 9, tình-thế đôi bên vẫn nhùng-nhằng rồi lại trở nên bất-lợi cho Nguyễn-quân do hết mùa gió thuận.

Nhân Nguyễn-quân không đánh thành gắt-gao, Nhạc cho người về Phú-xuân xin viện quân của vua Cảnh-Thịnh. Việc này xảy ra vào tháng 8 năm ấy.

Nguyễn Quan-Toản sai Thái-Ủy Phạm Công-Hưng, quan hộ-giá Nguyễn văn-Huấn, quan Đại-Tư-Lệ Lê-Trung và quan Đại-Tư-Mã Ngô văn-Sở đem 17.000 binh và 80 con voi đi vượt núi đèo vào cứu cấp Qui-Nhơn. Thủy-quân có quan Đại-thống-Lĩnh Đặng văn-Chân mang 30 chiến thuyền vượt hải-đạo tiến vào như vũ bão.

Thấy viện binh của địch khá mạnh, Nguyễn-Vương sau ít cuộc xô xát chống không nổi phải bí-mật rút về Diên-Khánh, bỏ các đồn đã chiếm được. Vương rút khỏi Thị-Nại để đi Xuân-đài, sắp đặt kế-hoạch mới cố giữ lấy Phú-Yên vì có thể quân Tây-Sơn sẽ trở lại nơi này. Vương cho Olivier tu sửa thành Diên-Khánh (Khánh-hòa ngày nay) làm hào, lũy, cất kho chứa binh-lương tính giữ địa-điểm này lâu dài. Xong việc Vương trở về Gia-định, và để Nguyễn văn-Thành ở lại giữ Diên-Khánh, Nguyễn-Hoàng-Đức giữ Bình-Thuận. Nhưng đến tháng 11, theo lệnh của Nguyễn-Vương, Đông-Cung-Cảnh và Giám-mục Bá-Đa-Lộc, Phạm-văn-Nhân, Tống-Phúc-Khê lại ra tăng-cường cho Diên-Khánh.

Nội-bộ Tây-Sơn chia rẽ

Trong khi cuộc giải-vây thành Qui-Nhơn có kết-quả là đẩy lui được quân Nguyễn ra khỏi địa-phương này, một việc rất không hay đã xảy ra trong nội-bộ của Tây-Sơn.

Đoàn quân Phú-xuân tiến vào thành thì bị ngừng là vì cửa đóng kín như bưng. Các tướng lĩnh của Nguyễn Quang-Toản có ý bất-bình tuyên-bố xin vào thành để bái kiến Trung-Ương Hoàng-đế và chỉ trở về sau khi được bái-kiến. Họ còn thanh-minh đến đây với tính-cách bạn chớ không phải là thù. Nhưng nếu họ bị coi là có manh-tâm thì họ sẽ cương-quyết đối phó.

Cực chẳng đã, Nhạc phải cho mở cửa thành đón đoàn quân chiến-thắng, biết chống cũng chẳng nổi. Nhạc mời các thượng tướng vào, tuyên-bố xin tự ý rời ngai vàng để sống như một kẻ dân-dã. Bọn Phạm Công-Hưng bề ngoài nói là không dám có thái-độ nào và mời Nhạc ngồi để họ làm lễ triều bái nhưng trong khi này đại quân của Quang-Toản đã nghênh-ngang đóng vai chủ, chiếm đoạt nhiều cơ sở trong Hoàng-

thành của Nhạc. Con người già yếu ấy uy-thế chẳng còn, kho tàng bị vét sạch không dám một lời kháng-cự rồi chỉ còn uất lên mà chết. Nhạc qua đời vào tháng 9 năm ấy, tức là một hai tuần sau khi quân Nguyễn rút, và quân Phú-Xuân vào thành. Xin nhắc rằng quân Nguyễn Bắc tiến vào tháng 8, sự việc này xảy ra vào tháng chín thì rõ-rệt Nhạc buồn nản về thái-độ của các tướng Phú-Xuân. Nhưng có nên qui tội này cho Quang-Toản như vài sử thần của triều Nguyễn chăng? Lúc này Quang-Toản còn quá non nớt, việc gì cũng do Thái-sư Bùi Đắc-Tuyên và bè đảng quyết-định. Hành-động của bọn tướng-tá Phú-Xuân đối với Qui-Nhơn phải coi là một cuộc tranh-chấp bắt nguồn từ lâu năm khởi đầu ở lòng tham và sự ghẻ lạnh giữa anh em nhà Tây-Sơn thì trách gì những kẻ dưới chẳng lợi-dụng thời cơ để lấn áp kiếm lợi. Lại nữa, lực-lượng của Trung-ương Hoàng-đế yếu ớt quá, chẳng đủ đương đầu với miền Nam cũng có thể là nguyên-nhân thứ hai cho Phú-Xuân có một thái-độ bất thường và không đẹp. Có lẽ họ đã nghĩ rằng về vị-trí chiến-lược, Qui-nhơn là cổng-ngõ vào Phú-Xuân, nếu Qui-nhơn lọt vào tay chúa Nguyễn thì mặt bộ Phú-Xuân đã mất một phòng-tuyến ở địa-đầu, vậy chiếm lấy Qui-nhơn cũng là để bảo-vệ cho Huế còn hơn là để Nguyễn-quân đánh chiếm được, sẽ nguy-hiểm và bất lợi cho họ. Việc này không phải là không hữu lý.

Các nhà chép sử của nhà Nguyễn đã căn cứ vào việc này mà nhục-mạ, mỉa-mai các lĩnh-tụ của triều Tây-Sơn, thiết-tưởng nên chỉ-trích họ vào sự việc khác thì đúng hơn.

Sau khi Nguyễn-Nhạc qua đời, vua Cảnh-Thịnh liền phong cho Nguyễn-Bảo là con của Trung-ương Hoàng-đế tước Hiếu-Công, cho ăn lộc một huyện gọi là Tiểu-triều, rồi cử Lê-Trung và Nguyễn-văn-Huấn ở lại giữ thành Qui-Nhơn.

Xin nhắc khi quân Nguyễn đánh ào-ạt vào cửa Thị-Nại, vua Tây-Sơn sai Thái-tử Nguyễn-Bảo ra cầm-cự. Tuy không thắng-lợi nhưng Bảo cũng tỏ ra là người có tài làm tướng, có dũng-cảm và rất được lòng binh-sĩ.

Quân Nguyễn rút xuôi, Nguyễn-văn-Hưng đem quân Phú-Xuân với một lực-lượng 40.000 người đánh xuống Phú-Yên. Bấy giờ là tháng 3 (31-3 — 28-4-1794) quân Nguyễn ở đây tháo lui vì không đương nổi. Nguyễn-Vương cho tiếp-tế lương-thực và gửi viện quân ra Diên-Khánh. Đông-Cung Cảnh và Giám-mục Bá-Đa-Lộc đang giữ thành này.

Tháng giêng năm Ất-Mão (1795) Trần-quang-Diệu mang 15.000 lục-quân và khoảng bốn năm đạo thủy-quân Phú-Xuân ào-ạt đánh vào Diên-Khánh. Tuy quân Nguyễn đẩy lui được cuộc tấn-công thứ nhất nhưng thành này vẫn rõ-rệt nằm trong thế nguy. Vì quân Phú-Xuân đông gấp bội lại rất có tin-tưởng ở nơi mình nên họ gắng-sức đánh thành. Nguyễn-Vương phải vội-vã đem chu-sư ra cứu khiến thủy-quân của Phú-Xuân bỏ chạy về Qui-nhơn. Lục-quân của họ cũng vội rút về Phú-Yên, thế là Diên-Khánh được giải-tỏa. Quân Nguyễn thừa dịp đuổi theo bắt được 3.000 tù-binh. Trong trận này Olivier chỉ-huy pháo-binh.

Nguyễn-Vương đem thủy-quân ra tới Thị-Nại. Trong khi này Đông-Cung Cảnh cùng Giám-mục tiến đến Phú-Yên uy-hiếp quân Phú-Xuân cả hai mặt thủy, bộ, thắng được nhiều trận ở đây, cắt đứt được nhiều đạo quân địch, tịch-thâu được kho thóc gạo nhưng đạo-qu[illegible] của Phú-Xuân vẫn chưa bị nao-núng.

Thời tiết lúc này bất lợi cho quân Nguyễn, ngoài ra quân Nguyễn thấy mỏi-mệt nên Nguyễn-Vương rút chu-sư về cửa Xuân-Đài, và ra lệnh cho Đông-Cung Cảnh bỏ những căn-cứ đã chiếm được ở Phú-Yên. Vương cũng trở về Diên-Khánh và cho sửa lại thành này trước đây ít tuần đã được Olivier xây-dựng theo kiểu Vauban với một số dân công bốn ngàn người làm suốt ngày đêm và mất một tháng. Hẳn là thành này đã bị quân Phú-Xuân phá-hủy vừa đây.

Ít bữa sau Nguyễn-Vương rút về Sài-Côn, lưu Võ-Tánh ở lại coi thành Diên-Khánh.

Xét ra từ năm 1793 đến 1794 chiến sự đôi bên đã đi đều nhịp, có gió mùa Tây-Nam thì quân Nguyễn tiến ra, quân Phú-Xuân rút lui. Có gió mùa Đông-Bắc thì đến lượt quân Phú-Xuân trở vào, quân Nguyễn tháo lui, đôi bên cùng bị thiệt hại ít nhiều nhưng vào cuối năm 1794 quân Phú-Xuân tỏ ra hăng hái và quyết-liệt hơn.

Tháng 10 năm ấy (24-10 — 22-11-1794) phú-Xuân đem rất nhiều quân vào và chiếm được hoàn-toàn Phú-Yên trước đây lọt vào tay Nguyễn-quân rồi tiến xuống phủ Bình-Khang và chặn được viện-binh của Nguyễn từ Bình-Thuận kéo ra. Chẳng bao lâu Diên-Khánh cũng bị vây rất gắt. Phú-Xuân cho đắp lũy cao và đặt đại-bác bắn rất dữ vào thành.

Võ-Tánh phải cố lắm mới phái được một liên-lạc-viên ra ngoài báo tin cho Nguyễn-Vương tình-thế tuyệt-vọng của thành và nói rằng mình và toàn-thể quân-sĩ quyết chết chớ không hàng địch (việc này vào tháng chạp âm-lịch, tức ngày 23-11 — 21-12-1794).

Nguyễn-Vương trả lời Võ-Tánh cùng quân-dân trong thành rằng cố-thủ để chờ viện-binh, khi đó địch sẽ lâm vào thế nội-công ngoại-kích.

Không những lúc này quân Phú-Xuân hãm thành Diên-Khánh mà thôi mà còn tiến sâu xuống Bình-Thuận. Sức cản trở của Nguyễn quân không có hiệu-quả.

Nguyễn-Vương hoảng sợ ra lệnh trừng-phạt các tướng lãnh đã rút lui trong đó có cả Lê văn-Duyệt, Nguyễn văn-Thành. Lễ sinh-nhật của Vương, việc mở khoa-thi đầu tiên ở Gia-Định cũng bị bãi-bỏ, nhưng Vương tích-cực thâu gạo, muối để vào kho và cử Olivier qua Ấn-Độ mua thêm đại-bác, đặt Đông-cung Cảnh trông nom Gia-Định để Vương lo việc xuất-chinh. Tháng hai (19-2 — 20-3-1795) nhờ mùa gió thuận quân Nguyễn tiến ra — Tôn-Thất-Hội được cử đánh Bình-Thuận, một số thuyền quân gồm các thuyền nhỏ đã thắng được một đơn vị Hải-quân Phú-Xuân : 7 chiếc thuyền địch bị bắt, một bị đắm, các thuyền khác bỏ chạy.

Tháng ba, Vương ra tới Nha-Trang.

Lê-văn-Duyệt và Nguyễn-văn-Thành lúc này đã được ân-xá được lệnh lập các đồn ải theo dọc bờ biển, nổ súng báo tin cho Võ-Tánh ở trong thành biết.

Mặc dầu viện-binh đã tới nhưng vài tháng sau mặt trận mới chuyển dịch, trong lúc này quân của Nguyễn trong thành Diên-Khánh đã bị mệt nhoài vì những cuộc tấn-công, pháo-kích do quân Phú-Xuân ở những lũy cao đắp quanh thành đánh vào liên miên.

Sự-kiện này tuy sử-liệu Pháp không nói rõ, nhưng qua các sử-liệu Việt thì ở đây cũng như ở nhiều chiến-địa khác ta thấy Nguyễn-Vương rất dè dặt, không muốn có những trận đánh đại quy mô hay táo bạo để hà-tiện lực-lượng của mình chờ khi địch chán nản hay suy yếu mới phản-công.

Rồi đến tháng 8 quân Nguyễn mới đánh mạnh, phá được nhiều đồn ải bên ngoài của Phú-Xuân sau đó quân Phú-Xuân phải rút về thiệt-hại khá lớn. Tính ra thành Diên-Khánh đã bị vây hãm chín tháng liền. Vào được thành Vương khen thưởng và ủy-lạo các tướng-sĩ nhiệt-liệt về cuộc cầm-cự được lâu dài này.

Trên đường về, quân Phú-Xuân còn bị chặn đánh phải luồn rừng núi mới thoát, bỏ lại nhiều xác chết, voi ngựa và vũ khí.

Trong lúc này nội-bộ của Phú-Xuân có xảy ra nhiều biến cố quan-trọng : Các đại-thần, tướng lãnh khuynh-loát và hãm hại nhau. Trước cuộc rút lui của quân Phú-Xuân vài tháng, Thái sư Bùi-Đắc-Tuyên bị bắt bỏ ngục. Nguyên từ khi vua Quang-Trung tạ-thế, vua Cảnh-Thịnh còn thơ ấu, Thái-sư Bùi-Đắc-Tuyên nắm giữ hết quyền hành và tác-yêu, tác phúc quá đáng nên bị nhiều kẻ oán ghét,

Năm Ất-Mão (1795) Tuyên phái Ngô-văn-Sở ra Bắc-Hà thay Vũ-văn-Dũng về Phú-Xuân, Dũng đến trạm Hoàng-Giang gặp quan Trung Thư-lệnh Trần văn-Kỷ bị tội đày ra đó. Kỷ đang căm Tuyên nên xui Dũng : « Thái-sư ngồi trùm cả thần dân, cho ai sống thì được sống, bắt ai chết thì người ấy phải chết. Con người ấy chuyên quyền độc đoán không khỏi thành cái nguy-cơ cho nhà nước, ông nên tìm cách trừ đi cho sớm ! ».

Dũng vốn kính trọng Trần văn-Kỷ xưa nay lại thêm đang giữ chức lớn ở Bắc-Hà mà bị thay thế lòng Dũng cũng bất mãn nên khi tới Phú-Xuân liền mưu với Nguyễn Văn-Huấn và Phạm Công-Hưng nửa đêm đem quân ập vào phủ Thái-sư bắt luôn Bùi Đắc-Tuyên ; đồng thời Huấn vào Qui-nhơn bắt cả con Tuyên là Bùi Đắc-Trụ lại cho người mang thư ra Bắc-Hà truyền cho quan Tiết-chế Nguyễn Quang-Thùy (em Nguyễn Quang-Toản) giải Ngô Văn-Sở về Phú-Xuân.

Kết cục bọn Bùi Đắc-Tuyên bị dìm xuống sông chết hết với bản án mưu phản-nghịch. Vua

Cảnh-Thịnh chỉ còn biết gạt nước mắt mà thôi. Trần Quang-Diệu đang vây thành Diên-khánh được tin này hoảng sợ nói với các tướng tá rằng: «Lúc này các đại-thần hại nhau, chúa-thượng lại quá mềm yếu, trong không yên thì đối phó thế nào được với người ngoài!..»

Rồi Diệu giải-vây mang quân về Phú-Xuân Căn-cứ vào tài-liệu này thì có thể rằng không phải Nguyễn-Vương đã giải-vây nổi cho thành Diên-khánh bấy giờ mà chính việc bất-hòa kể trên trong nội-bộ của Tây-Sơn đã là nguyên-nhân thúc-đẩy Diệu bỏ Diên-khánh về nghe ngóng hay cứu-vãn tình thế của Phú-Xuân.

Diệu về tới Qui-Nhơn thì Nguyễn Văn Huấn ra tạ tội. Diệu giận lắm đi thẳng về Phú-Xuân, đóng quân ở An-cựu bên này bờ sông Hương. Vũ Văn-Dũng cùng e-ngại Diệu chống mình nên cùng Nội-hầu Tứ mang quân bản-bộ giữ mé bắc sông, ỷ mệnh vua ra đối phó với Diệu. Vua Cảnh-Thịnh sợ hãi phải cho quân ra khuyên-giải cả hai bên và mời vào triều mở cuộc giảng-hòa.

Rồi người ta sắp đặt lại các địa-vị trọng-yếu, lập ra tứ trụ đại-thần với các nhân-vật sau đây: Trần Quang-Diệu làm Thiếu-phó, Nguyễn Văn-Huấn làm Thiếu-bảo, Võ Văn-Dũng làm Đại-tư-đồ, Nguyễn Văn-Danh hay (Nguyễn Văn-Tứ) làm Đại Tư-Mã. Một thời kỳ Trần-Quang-Diệu bị dèm pha rồi mất hết binh quyền. chỉ còn tước vị ở trong triều mà thôi. Xét tình-hình chung, bấy giờ vua Tây-Sơn quá ít tuổi, không điều-khiển nổi việc nước, các quan lớn nhỏ chỉ biết tranh-giành ảnh-hưởng với nhau, chỉ lo sao cho vợ con được yên ấm, tiền bạc được dồi-dào, còn việc quốc-gia thì chểnh-mảng. Việc quốc-gia nói đây là việc đối phó quân Nguyễn đã mạnh về tổ-chức về quân nhu, vũ-khí, lại hơn rõ rệt về chỗ tinh-thần nhất-trí là một yếu-tố lợi hại hơn cả. Tóm lại, lúc này tướng-lãnh đại-thần nhà Tây-Sơn vì lủng củng trong nội-bộ mà quên ngoại-địch nhờ vậy Chúa Nguyễn càng được khích lệ và thêm nhiều tin-tưởng về tương-lai. Thực ra, cuộc thành-công của Chúa còn có thể sớm hơn nếu Chúa có ý-thức tranh-thủ thời-gian.

Nguyễn-Vương đánh Qui-Nhơn lần thứ ba.

Năm 1796, chạy trôi yên-lặng, miền Nam hoàn-bị thêm các kế-hoạch chiến đấu. Tây-Sơn, theo những điều kể trên, đã trở nên một bộ máy bị tê-liệt chờ ngày đào thải.

Nhưng qua năm sau là năm Đinh-Tị (1797), Chúa Nguyễn lại chuẩn-bị cuộc tấn công thành Qui-Nhơn. Tôn Thất-Hội ở Diên-Khánh được gọi về giữ Gia-Định, Lê Văn-Duyệt ra thay. Đông-cung Cảnh cũng mang binh thuyền theo ra.

Giáo-sĩ Le Labousse ngày 25 tháng tứ 1797 viết rằng: Chúa Nguyễn đã mang ra Qui-Nhơn một đạo binh lớn để đánh một trận quyết-liệt. Thủy-quân của Chúa gồm tới 600 chiến thuyền, hai chiến-hạm lớn do các tướng Pháp điều-khiển, 40 chiến-hạm bản xứ không kể các tàu nhỏ dùng vào các việc vận-tải linh-tinh rất nhiều. Quân-số thủy bộ có tới 40.000 người.

Bề khác, Nguyễn Văn-Thành và Võ-Tánh cũng tiến ra Phú-Yên nhưng đại quân của Nguyễn-Vương ra đến Qui-Nhơn thì thấy cuộc bố phòng của Tây-Sơn ở đây rất chu-đáo nên bỏ ra Quảng-Nam. Nhưng vài tháng sau quân Nguyễn lại phải rút lui về Gia-Định do thiếu-thốn quân-nhu. Nguyễn Văn-Thành và Đặng Trần-Thường được cử ở lại giữ Diên-Khánh. Nhưng trong dịp quân Nguyễn còn ở Quảng-Nam, Olivier chế được ít hỏa-pháo đốt được nhiều kho binh-lương của Tây-Sơn trên bộ và làm họ khốn quẫn ở nhiều nơi khác khiến họ phải cầu-cứu lực-lượng Qui-Nhơn. Chúa cho người khuyên Nguyễn-Bảo liên lạc với Chúa để cùng tấn công Qui-Nhơn. Về vụ đánh thành Quảng-Nam, A. Schreiner chú thích rằng lúc này Tây-Sơn dồn hết lực-lượng vào Qui-Nhơn nên Quảng-Nam không đủ phòng bị, bên Nguyễn dò biết nên phá được một số quân-nhu và chiến-thuyền của Phú-Xuân ở đây trước khi rút về Gia-Định. Các việc này đã xảy ra vào mùa hạ năm Đinh-Tị (1797).

Theo sử Pháp trong cuốn les Institutions annamites, của A. Schreiner, mấy việc xảy ra vào năm 1797 có ít nhiều chi-tiết khác nhau đáng chú ý mà chúng tôi không thấy ở sử ta là sau những chiến-dịch liên tiếp vào những năm 1793-1794-1795, quân Nguyễn tấn-công Tây-Sơn vô hiệu-quả, Chúa Ánh trở về Sài-Côn. Đầu năm Mậu-Ngọ (1798) Tiểu-triều mời Chúa ra và xin gia-nhập hàng ngũ của Chúa bởi xét mình không đủ sức cầm cự lâu dài được với Phú-Xuân.

Chúa vội-vã ra ngay nhưng tới nơi thì Phú-Xuân đã chiếm lại được Qui-Nhơn và hạ sát xong Nguyễn-Bảo. Thế là cuộc tấn-công lầu thứ tư của Chúa cũng thất-bại như các kỳ trước.

C. B. Maybon đưa ra thêm vài chi-tiết nữa : Trong khi quân Nguyễn thắng lợi ở Quảng-Nam, Đông-cung Cảnh thi-hành đúng kế-hoạch thì quân Tây-Sơn có những phản-công lẻ-tẻ. Tại Bình-Thuận, dân Mường nổi lên chống Nguyễn nên quân Nguyễn bị cầm chân ở đây, việc tiếp-tế lương-thực bị Tây-Sơn và thời-tiết ngăn chặn. Trong tình thế này, Chúa Nguyễn đang ở Quảng-Nam thấy chỉ còn đủ lương cho 5 ngày đành hạ lệnh lui binh. Lúc này, Nguyễn Văn-Thành được cử ra đánh Phú-Yên đã nhờ chỗ quân Tây-Sơn rút ra cứu viện Quảng-Nam mà thắng lợi, chiếm được Phú-Yên. Chúa cũng cho Thành kéo quân về Nam nốt xét rằng không giữ nổi căn-cứ này lâu dài. Rồi Chúa nghỉ-ngơi ở Diên-Khánh luôn hai ngày ; lúc đó là tháng 8, sau lại về Sài-Côn. Đông-cung Cảnh và Giám-mục ở lại giữ Diên-Khánh như cũ. Tháng sau, Nguyễn-Bảo chiếm được Qui-Nhơn cho người vào xin qui-phục Chúa, nhưng quân Nguyễn chưa kéo tới Qui-Nhơn Bảo đã bị giết và thành Qui-Nhơn lại trở về với Phú-Xuân. Quân Nguyễn đành chỉ có nước rút lui.

Nguyễn-Vương đánh Qui-Nhơn lần thứ tư

Tháng ba năm Kỷ-Vị (1799) Chúa Nguyễn chỉnh-bị xong mọi vấn-đề binh-lương, quân-đội lại ra đánh Qui-Nhơn thì Giám-mục và Đông-cung Cảnh theo Chúa xuất-chinh. Thế-tử Hi, con thứ hai của Chúa ở lại cai-trị miền Nam.

Hậu-quân Võ-Tánh, Hữu-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức đem quân lên bộ đóng ở Trúc-Khê. Khâm-sai tiền-quân chưởng-cơ Nguyễn Văn-Thành đem một đạo lục-quân gồm pháo binh và tượng-binh ra đánh Phú-Yên và có nhiệm-vụ tiến lên tiếp ứng cho Võ-Tánh. Đông-cung Cảnh mang tả-quân ra hỗ-trợ Chúa và tiến thẳng đến Thị-Nại. Tháng tư thủy-quân của Nguyễn vào cửa biển này, đến tháng sau thì Qui-Nhơn bị vây rất nguy-ngập. Phú-Xuân hoảng-hốt phải cử Trần Quang-Diệu và Vũ văn-Dũng đem binh vào cứu. Đến Thạch-Tân, bọn Diệu và Dũng bị quân của Nguyễn Văn-Thành chận lại.

Theo A. Schreiner, trong khi đánh thành Qui-Nhơn lần thứ tư này còn có ba đạo binh khác của Nguyễn tiến ra do đường bộ ngoài đạo binh lớn đang vây thành này mà tổng-chỉ huy là Giám-mục Bá-Đa-Lộc. Đạo thứ nhất có sự tăng-cường của quân-đội Lào tiến đánh Thanh-Hóa; đạo thứ nhì quét cả đồn ải men theo miền duyên-hải ; đạo thứ ba dùng đường tắt xông vào Qui-Nhơn. Đạo quân cuối này phải liên-lạc với quân đổ bộ rồi các vị-trí quan-trọng chống giữ Qui-Nhơn bị quân đội Lê-Văn-Duyệt và Võ-Tánh đánh được cả. Quân Phú-Xuân (của Diệu và Dũng) xuống cứu thì bị chặn lại.

Trong trận đánh Qui-Nhơn lần thứ tư này (1779) theo C.B. Maybon, Chúa Nguyễn sai sứ sang Tiêm-La yêu cầu vua Tiêm cử một Đại-tướng đem liên-quân Tiêm-Mên-Lào sang giúp, qua thượng-đạo Nghệ-An xuống hợp sức với cánh quân của Chúa từ phía Nam ra đánh thúc lên. Nguyễn-Vượng kể cho vua Tiêm biết rằng : « Hiện nay quân Tây-Sơn rất yếu, tướng-lãnh đại-thần đang xâu-xé nhau. Cơ hội thuận-lợi vô cùng và trời đang có ý diệt họ ». Vua Tiêm-La nghe theo đề-nghị trên đây và cất quân sang. A. Schreiner nói là quân Lào tức là đạo quân của Tiêm-La chăng ?

Việt-Nam sử lược trang 397 nói rằng Chúa Nguyễn sau vụ đánh Qui-Nhơn lần thứ hai năm Đinh-Tị 1779 không có kết quả thì trong trận đánh thứ ba có cho sứ-giả từ Gia-Định sang Tiêm-La xin quốc-vương nước ấy đem quân đi đường Vạn-Tượng hoặc sang đánh Thuận-Hóa hoặc sang đánh Nghệ-An để chận viện-quân Bắc-Hà vào. Sứ-giả dùng vào việc này là tướng Nguyễn Văn-Thụy. Chúa còn phái cả Binh-Bộ Tham-tri Ngô nhân-Tĩnh sang sứ nhà Thanh để do thám mọi việc...

Một chuyện khá ngộ nghĩnh xảy ra trong trận đánh thành Qui-Nhơn năm Kỷ-Mùi (1799) về phía Tây-Sơn được kể ra như sau.

Quân của Vũ Văn-Dũng vào cứu Qui-Nhơn không tiến được nữa phải ngừng lại tại Chung-xá. Đêm tối, có nai trong rừng chạy ra. Một tên lính trông thấy reo ầm lên « Con nai ! Con nai ! »

Quân Tây-Sơn có lẽ lúc này đang tinh-thần bất-định nghe lầm ra là « Quân Đồng-Nai » vội hoảng hốt bỏ chạy. Quân Nguyễn thấy hàng ngũ

Tây-Sơn rối loạn liền thừa dịp truy-kích ráo riết, quân Tây-Sơn thua to.

Tướng Trấn-thủ thành Qui-Nhơn là Lê Văn-Thành không thấy viện binh tới, lương-thực trong thành lại cạn sạch đành phải mở cửa ra hàng. Quân Nguyễn vào chiếm đóng, chúa Nguyễn đổi tên thành là Bình-Định từ đấy.

Được tin mất Qui-Nhơn triều-đình Phú-Xuân lại cử đại-binh vào Trà-Khúc (Quảng-Ngãi) tính tái-chiếm địa-điểm này. Nhưng lúc ấy thời-tiết bất-lợi, không có gió cho thủy-quân tiến nên quân Phú-Xuân rút về, Nguyễn Văn-Giáp ở lại Trà-Khúc, Trần Quang-Diệu và Vũ văn-Dũng đóng giữ Quảng-Nam.

Về phía Nguyễn, sau khi chiếm được Qui-Nhơn, Nguyễn-Vương về Gia-Định để Võ-Tánh và Ngô Tòng-Chu ở lại trấn giữ thành này.

Trong hai năm 1798 — 1799 bên Gia-Định có nhiều tin buồn : Tôn-thất-Hội mất. Hội là một tướng có nhiều giá-trị rất được quân-đội kính-nể.

Ngày 9-10-1799, hồi 10 giờ 30 sáng, Giám-mục Bá-Đa-Lộc cũng tạ-thế, thọ được 57 tuổi, sau mười năm chiến-đấu tận-tụy cho Chúa Nguyễn chỉ có mục-đích âm thầm là tạo nên một ông Hoàng-đế có cảm-tình với Công-giáo để có thể khuếch-trương đạo Công-giáo và ảnh-hưởng của nước Pháp trên bán-đảo này về tương-lai. Mộng lớn chưa thành thì vị tu-sĩ quân-nhân này qua đời.

Nguyễn-Ánh rất đau buồn, mất Giám-mục là một vị cố-vấn quân-sự, chính-trị rất có tài và một người bạn chí-thiết đã nhiều phen vào sinh ra tử với nhau. Chúa cho mang xác Giám-mục từ Diên-Khánh về Gia-Định, chôn cất hết sức trọng-thể gần nơi nhà cũ của Giám-mục là cuối đường Trương-minh-Giảng, giáp trường bay quân-sự Saigon ngày nay. Giám-mục được truy-phong Thái-tử Thái-phó Bi-nhu Quận-Công.

(Xin nhắc Giám-mục và Đông-Cung Cảnh được cử ra Nha-Trang sau chiến-dịch Qui-Nhơn vô hiệu-quả, từ tháng 12-1798 theo kế-hoạch Chúa đã nghiên-cứu vào mùa đông tháng trước tại Sài-Côn).

* * *

Tây-Sơn phản-công tại Bình-Định

Tháng sau (tháng một năm Kỷ-Mùi) Trần-quang-Diệu và Vũ-văn-Dũng quyết-định giành lại thành Qui-Nhơn bằng hai lực-lượng thủy bộ : Diệu điều-khiển bộ-binh. Dũng đánh mặt biển ; Quân-nhu vũ-khí của thành Bình-Định còn đủ dùng cho một năm.

Quân-số của Phú-Xuân không thấy sử-sách nói là bao nhiêu nhưng hình như khá lớn nên mới bao vây nổi thành Bình-Định cả hai bề thủy, bộ.

Căn-cứ vào một bức thư của Giáo-sĩ Le Labousse th' số-quân của Võ-Tánh, tướng giữ thành này không nhiều, nhưng thủy-quân giữ mặt biển nếu có chăng nữa cũng yếu lắm vì vài ngày sau khi chiếm được Bình-Định một trận bão lớn đã đánh tan thủy-quân của đôi bên. Các chiến thuyền của Nguyễn bạt cả ra ngoài đảo Hoàng Sa (Paracel) Hải-Nam và ra cả vịnh Bắc-Việt. Còn thủy-quân của Phú-Xuân do bão táp thổi sau lưng chỉ thiệt nhẹ mà thôi. Chúa Nguyễn vì vậy phải lui về Đồng-Nai và để Võ-Tánh ở lại giữ Bình-Định.

Buổi đầu, Phú-Xuân nhử quân Nguyễn ra ngoài nhưng Võ-Tánh không chịu. Diệu bèn cho đắp nhiều lũy cao, cho xây cả hải đồn, có súng đại-bác ở phía đông và phía tây cửa Thị-Nại để bắn rót vào thành và để phòng-ngự thủy-quân của Nguyễn ở ngoài tiếp cứu. Bấy giờ Phú-Xuân có hai chiếc tàu lớn và 100 chiến-thuyền nhỏ ở ngoài bến.

Phú-Yên lúc này do sự phản-bội của một tướng Nguyễn lại trở về với Tây-Sơn. Những bộ đội trung-thành với chúa Nguyễn rút cả về Diên-Khánh. Tây-Sơn liền mộ quân và sửa sang lại thành này rồi giao thành cho viên tướng đã qui-hàng.

Chúa Nguyễn được tin lấy làm e-ngại lắm cho chuyển hết lương-thực ở Bình-Thuận về Sài-Côn, tổ-chức 5 đạo tượng binh, kêu gọi 5.000 lính Tiêm-la và tăng-cường các đội quân khác, đóng sáu chiếc tàu lớn và 100 chiến-thuyền nhỏ.

Ở đây Le Labousse rất khen ngợi tài đóng tàu của người Việt theo kiểu Âu-Châu : Bốn chiếc chiến-hạm làm xong không quá ba tháng có thể mang được 26 khẩu đại-bác, có chiếc mang tới 36 khẩu và trên ba trăm thủy-binh.

Năm Canh-Thân (1800), cả Phú-Xuân lẫn Gia-Định đều tăng-cường binh-lực. Như ta đã biết, thành Bình-Định bị quân Phú Xuân uy-hiếp rõ-rệt. Võ-Tánh chỉ cố thủ thì đủ hiểu. Ngoài cửa Thị-Nại, Phú-Xuân cũng bố-phòng cẩn thận.

Còn chúa Nguyễn cũng gắng gỏi hết sức. Đông-cung Cảnh ở lại Sài-Côn, Thế-tử Hi cũng dự vào việc chỉ-huy quân đội trong chiến-dịch Bắc tiến. Vannier (tên Việt là Nguyễn văn-Chấn) điều-khiển tàu Phượng-phi (Le Phénix), Chaigneau (Nguyễn văn-Thắng) điều-khiển tàu Long-Phi (Le Dragon) và Lê văn-Lăng (De Forçant) tàu Bằng-Phi (L'aigle). Ba tướng này thuộc Trung-quân.

Theo Giáo-sĩ Le Labousse quân của Chúa Nguyễn có tới 8.000 người thiện-chiến ; thủy quân của Chúa thì vượt hẳn thủy-quân của các nước Âu-Châu đồn trú tại Ấn-Độ bấy giờ. Ngoài 4 chiến-hạm do ba sĩ-quan chỉ-huy và một do chính Chúa điều-khiển, Chúa còn 40 chiếc làm theo kiểu bản-xứ trong đó có 5 chiếc mang được mỗi chiếc 46 khẩu đại-bác 18 còn các chiếc khác mang được 20 và 26 khẩu. Các chiến-thuyền chèo bằng tay có tới 100 chiếc lớn và 200 chiếc nhỏ để chiến đấu trên các mặt sông.

Le Labousse cho rằng lực-lượng này mà do các sĩ-quan Âu-Châu trông nom thì có thể nói là vô-địch và chính lực-lượng này đã giúp Chúa khôi phục được cơ-đồ của ông cha.

Tháng tư, Chúa ra tới Nha-trang (24-5 — 21-6-1800). Thế-tử Hi ở lại Diên-Khánh và Chúa cho đánh Phú-Yên. Tại đây Phú-Xuân đã dựng tới 80 cái đồn kiên-cố, nhưng bị phá hủy khá nhiều. Tướng Nguyễn văn-Thành cầm quân ở địa-phương này đã lập được nhiều thành-tích. Rồi Nguyễn dựng được nhiều kho quân lương tại Xuân-đài để tiếp-tế cho bộ-đội của mình.

Xin chú-ý trong chiến-dịch này có liên-quân Mên, Lào tham-gia. Sử sách Việt-Nam gần đây mới nhận như vậy.

Theo sử của C.B. Maybon, một lực-lượng Lào-quân khá quan-trọng xâm-nhập vào Nghệ-An dưới sự lãnh-đạo của tướng Nguyễn văn-Thụy và Lưu phúc-Tường để đánh úp quân Tây-Sơn. Được tin này, hai tỉnh Thanh-hóa và Hưng-hóa cũng nổi lên nhiều cuộc biến-động khiến quân Tây-Sơn ở các vùng biên-giới bị cầm chân, nghĩa là không đi tiếp cứu được những nơi đang bị Nguyễn quân tấn-công. Hơn thế nữa, Bắc-hà náo-động còn phải kêu quân Đàng-trong ra tiếp cứu, thế là thêm một sự phiền-nhiễu cho Tây-Sơn. Chúa Nguyễn trái lại còn được viện-quân của Cao-Miên có tới 20 cặp voi trận. Chúa trao cho Nguyễn văn-Thành xử-dụng. Miền Nam bấy giờ được mùa. Đông-cung Cảnh sau vụ gặt cứ 10 xuất đinh tuyển lấy 3 để sung vào quân-ngũ được thêm khoảng 10.000 người, đóng thêm 50 chiến-thuyền.

Sử Pháp cho rằng chính-quyền miền Nam đã có những sự cố-gắng như trên thì Tây-Sơn chống lại làm sao được. Xét kỹ, ta thấy lúc này dân tình khổ-cực vô cùng. Bên nào đến các vùng bị chiếm đi chiếm lại như Phú-Yên, Bình-Thuận cũng đòi dân phải nộp thuế theo lệ cũ, mới tháng 10 dân đã phải lo trước thuế năm sau. Một cổ đôi tròng, người dân không còn biết kêu đâu nữa.

Mặc dầu quân Nguyễn đã chỉnh-bị kỹ-càng và phong-túc như vậy chúa Nguyễn vẫn không thể giải vây cho thành Bình-định. Quân thế của Võ-Tánh ở đây mỗi ngày một nguy. Viện quân bằng bộ-binh không sao lại gần được, thủy-quân mấy phen tấn-công vào cửa Thị-Nại đều vô hiệu.

Chaigneau viết cho Barisy rằng : « Trước đây chưa trông thấy địch (Tây-Sơn) và thủy-quân, tôi có ý khinh thường, nhưng bây giờ mới biết là mình lầm. Thật vậy, quân của Tây-Sơn đã là một phòng tuyến không sao vượt được. Bấy giờ thời-tiết lại xấu, binh-sĩ bịnh-tật nhiều, lính Gia-định và Cao-Mên phải trả về nguyên-quán, những quân-tướng về hàng trước đây là trở lại với chủ cũ, tình-thế thật nguy vô cùng... »

Từ ngày có những cuộc hành-binh thường niên, ta thấy lần này là lần thứ nhất, chúa Nguyễn mới nhất định ở lại tiếp-tục cuộc chiến-đấu đáng lẽ quay về Sài-Côn như mọi khi.

Hai tướng Nguyễn văn-Thành và Lê văn-Duyệt thúc quân tiến, tuy đến gần được thành mà vẫn không giải-tỏa nổi. Tình-trạng này kéo dài luôn một năm khiến chúa Nguyễn vô cùng bực tức. Rồi một hôm, Chúa tính ra rằng hiện nay bao nhiêu lực-lượng của Tây-Sơn đều tập-trung ở quanh và trước thành Qui-Nhơn. Như vậy lực-lượng tại Phú-Xuân không mạnh, nên đánh

chiếm nơi này để gây ảnh-hưởng địch sẽ mất tinh-thần ; nhưng tiến ra Phú-Xuân, thì hãy phá thủy-quân của Tây-Sơn ở Thị-Nại đã, kẻo ra tới Phú-Xuân quân Gia-định sẽ bị đánh cả hai mặt thủy-bộ ép lại thì nguy. Khi đã thắng tại Phú-Xuân, Chúa quay lại cứu Qui-Nhơn có lẽ dễ-dàng hơn vì đầu óc của địch bấy giờ sẽ nao-núng.

Kế-hoạch của chúa Nguyễn lúc đó tương-đối là táo-bạo vì trước đây mỗi lần chiến thuyền của Gia-Định tiến vào thì bị đại-bác ở ba chiến-hạm lớn và ở hải-đồn của Tây-Sơn bắn ra tới tấp. Quân Gia-Định lại phải rút và bị tổn thất nặng nề.

Ngày 15 tháng giêng năm Tân-Dậu (1801), các chiến thuyền của Chúa đang thao diễn ngoài khơi, có các tướng Võ-di-Nguy, Nguyễn-văn-Trương, Lê-văn-Duyệt, De Forçant, Vannier và Chaigneau ở quanh Chúa vào lúc chiều tà. Chúa bỗng nảy ra ý cho các chiến thuyền tiến gần cù-lao Hàn (Đảo Hòn đất). Chúa ra lệnh cho Lê-văn-Duyệt đem 1.200 quân túc-vệ đổ bộ lên bãi cát. Đoàn người này lặng lẽ tiến đến gần hải-đồn của Tây-Sơn mà không ai biết. Hồi 10 giờ rưỡi, Chúa đã đến vị-trí của địch còn cách độ 1/3 tầm súng đại-bác. Tiền đội Nguyễn bấy giờ có 62 chiến thuyền chở đại-bác được lệnh tấn-công ba chiến-hạm lớn đầu tiên của Phú-Xuân bằng cách phóng hỏa và cắt các giây buộc neo mục đích gây hoang-mang cho toàn đội.

Cuộc tấn-công này lại được cái may là gió và nước triều bấy giờ đang nổi mạnh. Đúng 10 giờ 30, Nguyễn Văn-Trương bắn phát đại-bác đầu tiên để ra lệnh tấn-công khắp mọi nơi.

Hai mươi sáu chiến-thuyền chèo phóng lửa đốt sạch mọi vật trên bãi cát. Đạo binh 1.200 người của Nguyễn, lưỡi lê tuốt trần nấp ở các hầm hố dưới cát, vừa đánh vừa bắn đại-bác lên bờ.

Quân Phú-Xuân bị đánh bất thình-lình bị rối loạn ngay chết hại khá nhiều.

Đồn Tây-Sơn ở Tam tòa-Sơn tức là ở bên tay phải cánh quân tấn-công chuyển một hỏa-lực kinh-khủng xuống các thuyền chèo tay của Nguyễn-Vương khi đó vào đúng tầm súng. Võ di-Nguy bị một phát đạn bay đầu liền làm cho bộ đội của Nguyễn hoảng hốt ngừng lại. Lê Văn-Duyệt liền cho chém ngay viên tướng đã thiếu can-đảm rồi đốt thuyền để tiến tới chỗ có các chiến-hạm của Phú-Xuân đang đậu gần núi về phía Đông cho đốt phá tơi bời và mau lẹ.

Lúc ấy Lê văn-Trương cũng đã phá xong 3 chiếc chiến-hạm của Tây-Sơn đậu bên ngoài, tiến vào giữa hai cánh quân địch đang vận chuyển để tiếp cứu các chiến-hạm. Quân Tây-Sơn ở hàn trong bỡ-ngỡ vì không ngờ quân Gia-Định có thể lọt vào được nhanh chóng và dễ-dàng như vậy. Họ nghi có kẻ làm nội-công cho Gia-Định, nhất là lại có vài đồn trên bộ đã mất vào tay Nguyễn. Nguyễn Văn-Trương cho đốt cả vài chiếc thuyền chở đại-bác của mình nữa. Phú-Xuân tưởng chính thuyền của họ bị tấn-công càng bối rối thêm. Quân Gia-Định lúc này chỉ còn nước tiến vào, ra cũng chết. Họ phải liều. Đêm ấy lửa và tiếng đại-bác đã gây nên một quang cảnh hết sức khủng khiếp, rùng rợn.

Đến 4 giờ sáng, các chiến-hạm của Phú-Xuân đều ra tro, thuyền lớn thuyền nhỏ đến quá trưa mới tắt lửa. Bấy giờ là 28 tháng 2.

Tính ra quân Nguyễn chết mất 4.000. Phú-Xuân thiệt tới 20 ngàn và mất hết cả hải-đội rất đáng kể là hùng mạnh : thuyền buồm bị tiêu tới 1.800 chiếc, 600 khẩu đại-bác đủ cỡ và nhiều quân-nhu, vũ-khí, vàng bạc của binh-tướng Tây-Sơn rơi xuống đáy biển hết. (Con số này do sử Pháp chép theo sử ta có thể không đúng lắm vì sử của nhà Nguyễn thường hay đề cao bản triều nên ta chỉ có thể tin rằng có trận đánh trên đây và quân Nguyễn thắng mà thôi).

Sau cuộc xung đột này, cửa Thị-Nại mất về tay Chúa Nguyễn và Chúa cho báo tiệp khắp mọi nơi. Cả triều-đình Mên và Tiêm cũng hay tin và Võ-Tánh ở thành Bình-Định cũng rõ sự thể và được lệnh cố thủ chờ Chúa phản-công giải cứu. Về phía Tây-Sơn, Võ-văn-Dũng phải bỏ mặt biển về hợp với Trần-quang-Diệu phòng ngự mọi nơi trên bộ.

Tuy Chúa được vui mừng về cuộc thắng-trận vào đầu năm Tân-Dậu nhưng trước đó vài ngày Chúa phải chịu 2 cái tang vô cùng đau đớn : ngày 20 tháng 3 năm 1801, Chúa được tin Đông-Cung Cảnh lên đậu mùa chết (Cảnh bấy giờ mới 22 tuổi và có hai con), lúc ấy Chúa Nguyễn đang ở ngoài mặt trận không thể dự đám tang con được. Tháng sau (21-5-1801) lại đến Thế-tử Hi

cũng mất ở Diên-Khánh, được đem về chôn cất ở Gia-Định. Hi là con thứ hai của Nguyễn-Vương.

Nguyễn - Vương đánh Phú - Xuân

Quét xong thủy-quân Tây-Sơn ở Thị-Nại, vẫn theo kế-hoạch đã định, Chúa Nguyễn cho một phần thủy-quân gồm có một số tàu Pháp đặt dưới quyền tướng Nguyễn-văn-Trương và tháng ba âm-lịch (13-4 — 12-5-1001) Trương báo tin thắng trận lớn ở Quảng-Nam. Chúa gởi thêm cho Trương 1.000 binh-sĩ, 30 chiếc thuyền để tăng-cường vị-trí vừa chiếm xong.

Nhưng lúc này Bình-Định mỗi ngày một kiệt-quệ, lương-thực quân-nhu cạn dần và sức kháng-chiến cũng không còn nữa.

Chúa được tin liền ra lệnh cho Võ-Tánh và Ngô-tòng-Chu bí-mật trốn ra khỏi thành để trở về với Chúa nhưng Tánh từ-chối trong thư rằng : « Tinh binh của Tây-Sơn ở cả Qui-Nhơn, nên lợi-dụng lúc này đánh Phú-Xuân thì lợi hơn ... ».

Chúa liền để Nguyễn-văn-Thành ở lại chống nhau với Trần-quang-Diệu và Vũ-văn-Dũng cùng đặt một phần quân-lực giữ cửa Thị-Nại. Ngày 5 tháng 6 năm 1801, Chúa Nguyễn dẫn tàu và thuyền ra khỏi bến (Thị-Nại) hợp với Nguyễn-văn-Trương tại cửa Hàn sau đó hai ngày.

Ngày 9 tháng 6, theo lời thuật của Barisy : khoảng 4 giờ sáng, quân Nguyễn lên đường thẳng tới Phú-Xuân. Chúa Nguyễn dẫn cả lục-quân và thủy-quân tiến ra. Tám giờ sáng ngày 11 thì quân Gia-Định đã vào đến cửa sông Hương cách tiền-đồn của Phú-Xuân một tầm súng.

Quân Gia-Định chia làm hai : Cả thủy-quân có sáu chiến-hạm, (kể cả tàu của Chaigneau, De Forçant, Vannier) và 36 chiếc thuyền chở đại-bác hợp lại đặt dưới quyền chỉ-huy của Nguyễn Văn-Trương đánh vào cửa hữu phía Tây thành này. Chúa Nguyễn đánh vào cửa Đông (tức cửa Ông) có Lê Văn-Duyệt phụ-tá và 45 chiếc thuyền chèo tay, 300 thuyền buồm chở đại-bác và 15.000 quân đổ bộ.

Ngày 12, hồi 5 giờ sáng, chiến thuyền của Nguyễn theo đúng kế-hoạch hành binh chia thành ba đạo tiến vào thành cửa Ông. Tới nửa tầm súng đại-bác thì quân Nguyễn bị đại-bác ở ba hải-đồn bắn ra. Lòng sông bấy giờ lại có nhiều chướng ngại-vật như cây cọc cắm đầy rẫy, nước lại thấp nên thủy-quân Gia-Định không tiến được. Thấy vậy, quân Phú-Xuân bắn kịch-liệt thêm, quân Nguyễn được lệnh nhảy xuống nước đổ-bộ. Mặc dầu lửa đạn sáng rực trên đầu họ thủy-sư của Nguyễn cũng bắn trả lại được và pháo-đội của thủy-quân Nguyễn vượt được chướng-ngại-vật để xông vào cửa Tư-Dung.

Phò-mã Tây-Sơn là Nguyễn-văn-Trị bấy giờ đem mười vạn quân ra lập đồn ở núi Qui-Sơn đánh lui được 33 tiền đội Gia-Định. Đứng trên thành, Trị thấy quân Nguyễn bị lúng túng và rối loạn liền xông xuống thì bị chúa Nguyễn cử Lê-văn-Duyệt và Lê-Chất đem gấp hai đạo thủy-quân đánh tập hậu trong khi Trị và quân bản bộ mới ra khỏi vị-trí được độ tám chín trăm thước. Bề khác một vài đội cảm-tử của Nguyễn bằng súng có lưỡi lê nhảy lên bờ chặn đường khiến quân bên ngoài và trong đồn của Trị không còn liên-lạc được với nhau. Hai quân đánh nhau rất kịch-liệt ; quân Nguyễn vây được Nguyễn văn-Trị và bắt sống.

Tiền-tuyến của thành Phú-Xuân bị phá vỡ, quân Gia-Định ào-ạt kéo vào lấy cửa Thuận-An làm một đầu cầu. Bấy giờ Tây-Sơn có bảy chiếc tàu thuộc đạo thủy-quân gồm 65 chiếc tàu ở Bắc-Hà cho vào đậu ở đây vài hôm trước (chiều mồng 10) các tàu khác cách tàu Gia-Định chừng hai dặm.

Ngoài ra riêng Phú-Xuân có 10 tàu và chiến thuyền chèo tay và nhiều thuyền chở đại-bác đầy binh-lính. Đôi bên trông thấy nhau bằng những ống viễn-kính.

Mười giờ sáng tiền đội trọng-pháo của Nguyễn cho tướng Phan-Đức (Fan Vienk) tiến lên vừa tới tầm trọng-pháo của Tây-Sơn. Hạm đội của Phú-Xuân được đại-bác trên đồn yểm-trợ bắn xiên qua xiên lại.

Thủy-quân Nguyễn vẫn cứ từ-từ đi vào một cách dò-dẫm vì lúc này nước sông cạn. Pháo-đội trên sông của Tây-Sơn cũng bắt đầu hoạt-động, có tất cả là 27 chiếc thuyền. Rồi hai quân gặp nhau. Quân Gia-Định vẫn không bắn phát nào chỉ tiến sát vào thuyền của Phú-Xuân. Một cuộc kịch-chiến nhưng ngắn ngủi bùng nổ, máu lửa đổ ra vô vàn. Đạn trên đồn và trên mặt sông bắn đi bắn lại tưới tấp không còn phân biệt chỗ nào là quân mình và quân nghịch. Rồi 5 phút sau cờ vàng bay (cờ Gia-Định) thay vào chỗ cờ đào (cờ

Tây-Sơn) thì ra trong khoảng thời gian thủy-quân xô-xát với nhau, một cánh quân Gia-Định đã nhảy lên bộ tấn công sát lá cà các thủy đồn của Phú-Xuân.

Buổi trưa thì cuộc giao-phong ngừng ở khắp mặt trận. Lửa còn cháy đỏ ở các tàu của Phú-Xuân. quân Tây-Sơn còn đang chạy dài trên bãi cát đối diện với chỗ thủy-quân Gia-Định đóng. Ba giờ sau chúa Nguyễn vào được bến sông Hương và từ sáu giờ chiều, Chúa cho thiết quân-luật để tránh những hành-động vô kỷ-luật có hại cho dân-chúng. Binh đội đều phải xuống nghỉ-ngơi hết ở dưới thuyền. Tám giờ sáng hôm sau, mồng ba tháng năm, năm Tân-Dậu (ngày 15-6-1801) Nguyễn-Vương vào thành-nội sau 26 năm cách biệt chốn đế-đô. Vua Cảnh-Thịnh vào lúc này đã trốn khỏi bỏ lại cả ấn-tín và sắc-phong của triều Thanh. Nhà Vua vừa đây cũng đã cố-gắng chiến-đấu nhưng khi thấy thủy quân đại-bại ở ngoài thì binh tướng còn lại ở bên trong đã bỏ chạy hết.

Nguyễn-Vương cho Lê-Chất và Nguyễn văn Trương mang quân đuổi theo nhưng vua Cảnh-Thịnh đã đi xa rồi : Lê-Chất dẫn bộ-binh, Nguyễn văn-Trương dẫn thủy-quân ra chặn ở Linh-giang không cho Tây-Sơn ra Bắc. Phạm văn-Nhân giữ cửa Thuận-An. Ở Nghệ-An, Nguyễn văn-Thụy và Lưu Phúc-Tường liên-lạc với quân Vạn-Tượng (Ai-Lao) bao vây, đóng giữ các địa-điểm chiến-lược. Ở Thanh-Hóa thổ-hào Hà Công-Thái, ở Hưng-Hóa có Phan Bá-Phụng nổi lên quấy nhiễu, hưởng-ứng với lời hiệu-triệu của chúa Nguyễn. Ở các trấn Bắc-Hà các đạo-trưởng và tín-đồ Thiên-Chúa giáo cũng nổi lên làm hậu-thuẫn cho họ Nguyễn. Nhà Tây-Sơn bị rối ren khắp chốn và đã tự thấy khó lòng ứng phó nổi với tình-thế.

Trong khi Phú-Xuân lâm nguy vào tay Gia-định, Trần quang-Diệu, Vũ-văn-Dũng sai quân ra cứu viện bị Lê-văn-Duyệt ngăn chặn lại tại Quảng-Nam. Quân cứu-viện đành phải trở về Qui-Nhơn.

C.B. Maybon nói rằng : Quân hãm thành Qui-Nhơn ra cứu Phú-Xuân, vì muốn tránh gặp quân Nguyễn nên tìm lối đi xuyên qua rừng núi họ bị dân địa-phương đánh lạc đường rồi bị rơi vào vị-trí của Lê-văn-Duyệt. Một phần phải đầu hàng và một phần bị đánh tan vỡ.

Bọn Diệu, Dũng thấy Phú-Xuân thất-thủ càng ra công đánh thành, có lẽ do ý nghĩ cần phải nắm được một cứ-điểm làm đất dụng võ.

Lúc này nạn đói lan rộng trong thành (1), tinh-thần quân dân xuống thấp vô cùng đã gây nên một áp-lực đối với Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Chu. Sau khi viên tướng văn và viên tướng võ hội ý với nhau thì Trần quang-Diệu nhận được bức thư của Võ-Tánh yêu cầu cho quân dân trong thành được toàn mạng vì họ không có tội gì, còn mình làm tướng xin chết dưới cờ.

Rồi Võ-Tánh cho làm một cái lầu bát-giác, dưới đổ thuốc súng, trên phủ cỏ rơm, ăn mặc lễ-phục đàng hoàng trước khi tự đốt mà chết. Quan Hiệp-Trấn Ngô-Tùng-Chu cũng kết-liễu sự-nghiệp bằng chén thuốc độc ít phút trước đó.

Quân Phú-Xuân vào thành, Diệu theo đúng lời khẩn cầu của Võ-Tánh không sát hại một ai và cho mai táng Võ-Tánh cùng Ngô-Tùng-Chu tử tế, Dũng bố trí lại mọi nơi, chỉnh bị lại hàng ngũ khiến Nguyễn văn Thành phải e ngại. Quân Phú-Xuân xuống đánh phá cả Phú-Yên khiến Nguyễn-Vương phải hạ lệnh lấy quân từ Gia-định đem ra để tăng cường cho miền này.

Cuộc bình-định dưới mắt của Nguyễn-Vương bấy giờ thành-công sớm muộn là tùy tình trạng của binh tướng nhà Tây-Sơn đang chiến-đấu từ Phú-Yên ra tới Quảng-Nam, còn từ Phú-Xuân ra tới sông Gianh, Vương không lấy làm lo ngại lắm. Qui-Nhơn lúc này là căn-cứ cuối cùng quyết-định tình thế chiến-tranh giữa đôi bên, quân lực của Vương phải lưu lại ở đây nghĩa là không đi xa ra ngoài miền Bắc và theo tài liệu Pháp (Nouvelles lettres édifiantes VIII trang 84) Nguyễn-Vương lưu quân ở tại miền Trung còn lý-do thứ hai là phòng hai danh tướng nhà Tây-Sơn có thể tiến vào đánh Sài-Côn, Gia-định nếu Vương tiến ra Thăng-Long thì quay về có khi đã lỡ.

Lúc này quân Tây-Sơn vẫn chiến-đấu ở nhiều nơi. Tại chân núi Thân-Dậu thuộc miền Nam Hà-Tĩnh, gần cửa Ròn, 7000 quân Gia-định rơi vào độc kế của Tây-Sơn và bị tổn thất quá nửa. Viên chỉ-huy bị chúa hạ-lệnh xử quyết.

(1) Quân lương trong thành cạn sạch, quan Gia-định phải giết cả voi ngựa để ăn...

Đạo quân này thuộc về bộ đội của Nguyễn văn Trương.

Chiếm được thành Qui-Nhơn, Trần quang-Diệu sai đại đô-đốc Trương-phúc-Phượng và Tư-Khấu Định, đem quân ra đánh Phú-Xuân bằng đường thượng đạo nhưng nửa đường xét không đủ quân lương mà trở về thì vi lệnh Đại-Tướng, Phượng đành ra hàng quân Nguyễn còn Định đánh thua chạy và chết trong đất Mường.

Về miền Nam, Diệu cử Lê văn Điềm vào đánh Phú-Yên cũng vô kết-quả. Như trên đã nói rõ kế-hoạch hành-quân của Gia-định thì ta thấy quân tinh nhuệ và các danh-tướng của Đồng-Nai đều bao quanh thành Qui-Nhơn, nơi định-đoạt số phận của triều-đại Tây-Sơn. Lê văn-Duyệt và Lê-Chất đóng giữ vùng Nam-Ngãi (Quảng-Nam và Quảng-Ngãi) đánh vào Bình-Định. Nguyễn-văn-Thành từ cửa Thị-Nại tiến thẳng từ miền bể vào bên trong. Còn Tống Viết-Phúc ở phía Nam kéo lên. Thế là Qui-Nhơn một lúc bị áp-lực của ba đạo quân Gia-định đang thừa khí thế.

Bọn Diệu, Dũng cố giữ thành Qui-Nhơn chờ viện binh của Bắc-hà.

Vì e quân Thăng-Long vào cứu Qui-Nhơn chúa Nguyễn lại có một kế-hoạch khác thi-hành ở vùng Bắc Phú-Xuân, tức là thiết lập một vị-trí chiến-lược để cản trở quân Bắc từ Đồng-Hới ra tới Quảng-bình. Cuối tháng bảy năm ấy, chúa ra Đồng-hới thăm lũy Trấn-ninh duyệt lại binh sĩ và phân phối đi các nơi để gìn giữ các điểm trọng yếu từ Quảng-Trị ra tới Linh-giang. Chỗ nào cần chúa cho đặt các ổ trọng-pháo. Và tại sông Gianh, chúa để một hạm đội có lục-quân yểm-trợ và gọi thêm các đạo quân khác tới tăng-cường cho Quảng-bình, kiểm-soát ráo-riết các cửa biển và đường qua rừng núi. Các đạo binh mới tuyển-mộ ở các tỉnh được thao dượt luôn và sẵn-sàng để chiến-đấu. Các kho lương thực được chuẩn-bị đầy đủ.

Bị đánh bật ra khỏi Phú-Xuân, vua Cảnh-Thịnh và một ít tàn binh ngày đêm chạy gấp ra Bắc-hà, mảnh đất đã mang khá nhiều kỷ-niệm oanh-liệt của cha mình, mười sáu năm trước.

Đến Thanh-hóa, nhà vua cho người ra Thăng-Long đòi em là Quang-Thùy gởi một lực-lượng vào hộ-vệ, nhà vua ra tới Thăng-Long vào ngày cuối cùng của tháng 5 năm Tân-Dậu (1801)

Việc đầu tiên của vua Tây-Sơn là đổi niên-hiệu ra Bảo-Hưng để cầu may, truyền hịch đi các trấn lấy binh, chỉnh đốn lại bộ máy quân dân, định lại phép tắc trị dân, sửa nước, tự mình kiểm-soát việc thi cử v.v... cố-gắng khôi-phục tình-thế. Tháng 8 (8-9 — 7-8-1801) Nguyễn quang-Thùy được cử đem quân vào Nghệ-an. Đến tháng 11 (6-12 — 2-1-1802) quân đội bốn trấn được non tất cả 3 vạn người được lệnh vượt sông Linh-giang. Thủy-quân của Tây-Sơn có 100 chiếc thuyền vào giữ cửa Nhật-lệ. Trong đạo binh cuối cùng này của nhà Tây-Sơn có bà Bùi-thị-Xuân, vợ Thiếu-Phó Trần quang-Diệu dẫn 5.000 quân bản-bộ và đã đóng vai đại-tướng trong cuộc hành-quân vào lũy Đồng-hới. Tây-Sơn chia binh ra như sau :

1) Một đạo binh đánh vào Trấn-ninh.

2) Một đạo tấn-công đồn trại của quân Nguyễn ở chân núi Đầu-mâu.

3) Một đạo chiến-thuyền tiến vào cửa sông Gianh với mục-đích tiến vào Nam nếu được cơ-hội tốt.

Tháng 12 năm Tân-Dậu (4-1 — 2-2-1802), Nguyễn-Vương qua sông thấy thế quân của vua Tây-Sơn mạnh. Nguyễn-văn-Trương lúc này mang chức Chưởng-trung quân Bình-tây Đại-tướng-quân cùng với Tống-phúc-Lương và Đặng-trần-Thường đang đóng binh ở Linh-Giang phải lui về Đồng-Hới.

Nguyễn-Vương liền mang chủ-lực-quân ra tiếp-ứng, sai Phạm-văn-Nhân và Đặng-trần-Thường giữ mặt bộ, Nguyễn-văn-Trương giữ mặt biển.

Ngày 1 tháng giêng năm Nhâm-Tuất (3-2-1802), Nguyễn-quang-Thùy vây đánh lũy Trấn-Ninh, quân Gia-Định chống trả rất mạnh và đẩy lui được quân Tây-Sơn. Thành Đầu-Mâu cũng bị quân Bắc-Hà tấn-công rất gắt và tìm cách leo vào thành. Trong thành đạn bắn ra như mưa, quân Tây-Sơn bị thiệt-hại lớn ngay chặp đầu. Cảnh-Thịnh toan ra lệnh lui binh, nữ tướng Bùi-thị-Xuân không chịu, thúc quân đánh vào quân Nguyễn hăng-hái và can-đảm lạ thường. Bà ngồi trên mình voi xông xáo trên chiến-trường từ sáng

sớm đến chiều tối. Thế trận chưa nghiêng ngả về bên nào thì có tin thủy-quân của Tây-Sơn đã bị Nguyễn-văn-Trương phá tan ở cửa Nhật-Lệ.

Nhưng chính lúc này, quân Nguyễn cũng đã tính tháo lui thì về mặt thủy ở của Nhật-Lệ quân Tây-Sơn yếu thế vì thiếu tàu chiến, lại thêm tướng Nguyễn-văn-Kiên ra hàng. Tin này đến tai vua Cảnh-Thịnh và các tướng tá khiến mọi người thất vọng. Riêng Bùi-thị vẫn hăng-hái truyền cho một đại-đội khác đến thay cho bọn hèn nhát bỏ chạy. Quân Nguyễn trong thành bắn ra như mưa rào. Quân Tây-Sơn được lệnh ào-ạt trèo tường vào Trấn-Ninh. Nữ tướng giành lấy dùi trống thúc liên hồi. Nếu trận đánh cứ tiếp diễn luôn 2 tiếng đồng hồ nữa thành Trấn-Ninh sẽ mất, Nguyễn-Vương và tướng tá bấy giờ đã hoảng-hốt, vội cho thủy-quân vượt sông Linh-Giang đánh bọc hậu có ý chia lực-lượng của nữ tướng họ Bùi hầu mở được một đường máu để thoát thân. Nguyễn-quang-Thùy nhát gan thấy thế tướng nguy liền lui binh. Được một lúc Bùi-thị-Xuân mới biết, sự kiện này làm những đạo quân còn đang chiến-đấu nao lòng, đa số binh tướng xin bà Bùi cho rút lui, tệ hơn nữa họ bỏ cả vũ-khí đạn-dược để rút. Cuối cùng, thế chẳng đừng, nữ tướng họ Bùi cùng một số quân riêng giữ vững hàng ngũ hộ vệ vua Cảnh-Thịnh rút về phương Bắc, để Nguyễn-văn-Thận ở lại giữ Nghệ-An. Thắng xong trận này, Nguyễn-Vương về Phú-Xuân để sắp đặt việc tức-vị.

Còn ở khu-vực Linh-Giang, Đồng-Hới, lại vẫn Đặng-trần-Thường, Nguyễn-văn-Trương và Tống-phúc-Lương tiếp-tục chiếm đóng địa-phương này như trước.

Tình-trạng của binh tướng nhà Tây-Sơn trong thành Qui-Nhơn lúc này cũng bối rối hết sức ; hằng ngày bọn Trần-quang-Diệu, Võ-văn-Dũng được tin thế quân Phú-Xuân suy nhược thêm. Cuộc bại trận xảy ra khắp nơi ai nấy đều có ý nản. Họ giữ thành ròng-rã hai năm liền nên quân-nhu lương thực cũng cạn dần chẳng bao lâu nữa cũng sẽ lâm vào cảnh ngộ của Võ-Tánh và Ngô-tùng-Chu trước.

Cho tới bấy giờ, Phú-Yên vẫn tiếp-tế cho Qui-Nhơn nhưng khi quân Nguyễn lấy được Phú-Xuân thì Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-văn-Thành được vào bao vây và phá các tiền-tuyến của Qui-Nhơn. Rồi lại đến lượt chính quân Tây-Sơn bị hãm thành. Hơn một tháng đầu năm Nhâm-Tuất (tháng hai) họ bị tật bệnh và thiếu thốn. Trước nguy cơ này, Trần-quang-Diệu nhờ một đêm tối đặc, bí-mật ra lệnh cho hết thảy binh tướng (3000) và 150 con voi lặng-lẽ tiến lên đường thượng đạo qua Ai-Lao rút ra Nghệ-An hội với Tây-Sơn.

Khi quân Gia-Định biết, đuổi theo thì bọn Diệu, Dũng đã đi xa rồi Lê-văn-Duyệt được gọi về Phú-Xuân còn Nguyễn-văn-Thành ở lại trông coi thành Bình-Định. Theo vài sử-gia Pháp, Trần-quang-Diệu lúc này ở Qui-Nhơn với một đạo quân khá mạnh, nên Diệu đã có ý mở một mặt trận vào Gia-Định tức là đánh vào hậu-tuyến của Nguyễn-Vương để giải-tỏa cho quân-lực của mình ở miền Bắc. Kế-hoạch chưa kịp thực-hiện thì Bùi-thị-Xuân có thư vào gọi Diệu ra để cứu-vãn tình-thế. Thăng-Long bị đổi chủ hai ngày, Diệu mới ra tới Nghệ-An. Giáo-sĩ Bissachère, nói nếu Diệu ra kịp, chưa dễ thành Thăng-Long đã lọt vào tay quân Gia-Định mau lẹ như vậy vì Diệu là một tướng rất có tài, người Âu-Châu nào cũng đều rất kính-phục.

Nguyễn-Vương lên ngôi (31-5 Nhâm-Tuất)

Tháng 5 năm Nhâm-Tuất, họ Nguyễn cho lập đàn tế cáo trời đất rồi thiết triều để các quan chào mừng và lấy niên-hiệu là Gia-Long năm thứ nhất (1802). Từ khi khởi binh ở Gia-Định đến nay khôi phục được Phú-Xuân, chiếm lại được Linh-Giang, có thể nói rằng họ Nguyễn đã giành lại được nguyên vẹn đất đai của ông cha thuở trước.

Nhưng trên thực-tế bấy giờ ai cũng thấy đại-cục thuộc họ Nguyễn rồi, việc thu phục nốt miền Bắc rõ rệt chỉ là chuyện thời-gian.

Ưu thế đã nắm được trong tay, họ Nguyễn lên ngôi, xưng đế không còn phải úp mở với chiêu bài «Phù Lê» nữa. Thật đúng câu : cờ đến tay ai người ấy phất.

Giờ đây họ Nguyễn chỉ còn hai việc : Diệt-trừ nốt tàn-lực của Tây-Sơn, chính-thức-hóa địa-vị của mình với Trung-quốc. Họ Nguyễn liền đưa ra hai bản tuyên-ngôn, một để thông-cảm với quốc-dân, một gửi cho quân-đội đại-ý nói rằng nhà vua đem quân ra Bắc để trừng-phạt phiến-loạn và ra mắt sĩ dân đất Bắc. Chiến-tranh

ở đây là do mục-đích đem lại trật-tự và hòa-bình cho quốc-gia, dân-tộc. Binh-sĩ phạm vào vụ cướp bóc, giết người sẽ bị xử tư ngay lập-tức. Lê-văn-Duyệt và Nguyễn văn-Trương được phong chức Đại-Tướng : một coi lục-quân, một coi thủy-quân, hợp thành đại binh tiến ra Thăng-Long. Dĩ-nhiên vua Gia-Long là Tổng-chỉ-huy đoàn quân Bắc-chinh này.

Quân Nguyễn do hai đường thủy-bộ cùng kéo ra vào ngày 20 tháng 6 dương-lịch. Duyệt có Lê-Chất phụ-tá lĩnh tiền đạo và đi trước ngự đạo, vượt sông Gianh không gặp trở-lực nào. Cuộc đụng độ đầu tiên của hai quân xảy ra tại cửa Ròn phía Nam tỉnh Hà-tĩnh, Quân bộ của Nguyễn tiến lên đóng ở Hà-Trung, quân thủy vào cửa Hội-thống rồi lên đánh phá đồn lũy của Tây-Sơn.

Được biết tiền-quân thắng trận, vua Gia-Long cũng vượt sông Gianh và vào nghỉ ở Hà-Trung (tháng 6 âm-lịch).

Quân bộ lại vượt sông Cả (Lam-giang) chiếm được nhiều quân-nhu, lương-thực và chiến thuyền của Tây-Sơn và tới Nghệ-an một cách dễ-dàng. Trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn văn-Thận bỏ thành chạy ra giữ cửa Tiền-lý ở Diễn-châu. Ngày 3 tháng 7 năm 1802, vua Gia-Long tới Nghệ-an. Một tướng Tây-Sơn ra hàng nộp 150 con voi trong khi đại quân ra tới Thanh-hóa. Tại đây một người em của Nguyễn quang-Toản là Quang-Bàn bị bắt. Trần-quang-Diệu đến Châu Qui hợp, xuống Hương-Sơn thì biết tin Nghệ-an đã mất. Quân-sĩ của Diệu bỏ cả rồi mấy hôm sau vợ chồng Trần quang-Diệu đều bị bắt cả, Võ văn-Dũng cũng bị dẫn đem nộp cho chúa Nguyễn trên đường về Nông-Cống (Thanh-hóa).

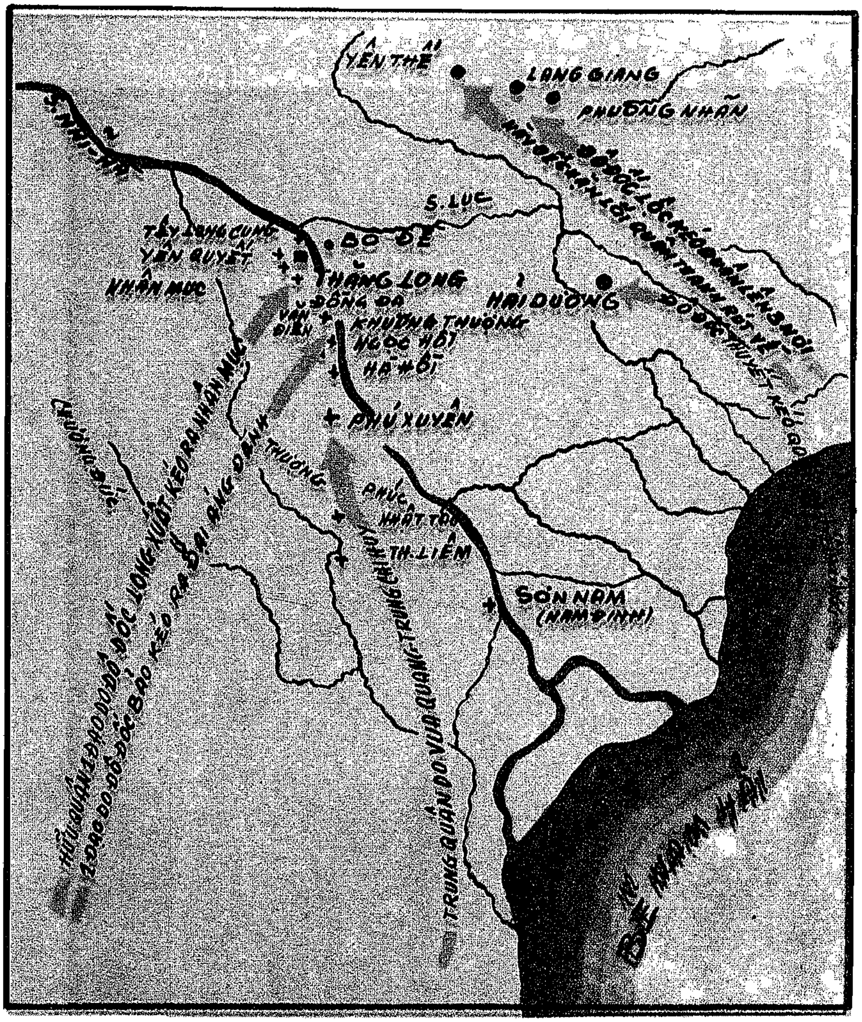
Vua Cảnh-Thịnh cùng hai em và vài tướng tá vượt qua sông Nhị-hà, tính trốn lên vùng Thượng-du cũng bị dân đóng cũi nộp cho quân Nguyễn.

Ngày 13-7, vua Gia-Long ra tới Thanh-hóa sau ba ngày đường bộ, mừng-rỡ được thấy quê-hương nên đã ban lệnh xá thuế và tạp-dịch cho địa-phương này.

Lê văn-Duyệt ra Bắc, thủy-quân của Nguyễn văn-Trương song hành lần theo sông Nhị-hà tiến vào nội-địa vùng Sơn-Nam-hạ, vượt sông Vị-hoàng (thuộc tỉnh Nam-Định ngày nay). Nguyễn văn-Trương hủy-diệt được một thủy-đội của Tây-Sơn trên khúc sông này rồi ngừng lại để chiếm thành.

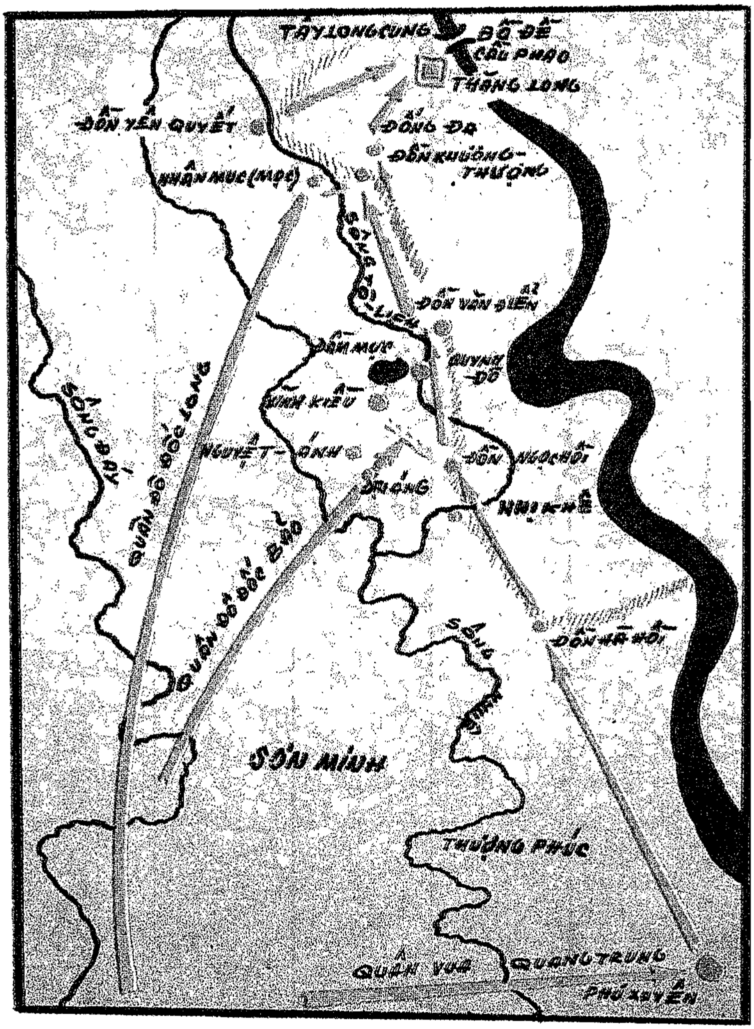
Bộ-binh của Duyệt trên đường tiến vào Thăng-Long cũng dẹp nhiều tàn quân của vua Cảnh-Thịnh. Thực ra lúc này quân Tây-Sơn đã mất hết tinh-thần chiến-đấu, đánh ít hàng nhiều hoặc tự-động bỏ hàng ngũ mà trốn nên việc hành quân ra Bắc không có gì hào-hứng cả. Quân Nguyễn tới đây gần như chỉ để làm một việc tiếp thu mà thôi. Còn quan lại của nhà Tây-Sơn lúc này cũng bỏ chạy hết và dân chúng không có phản-ứng gì hết. Họ điềm-nhiên trước sự sụp đổ của một triều đại tuy đã viết nên những trang sử sáng ngời về đối-nội cũng như đối-ngoại nhưng đã để lại không ít thì nhiều những kỷ-niệm về sự tàn-ác. Bàn cho phải vì quyền-lợi của dòng họ, của triều đại, phong-kiến ở Việt-Nam hay ở các nước khác, bất kể tập-đoàn nào vẫn thường không thể tránh được những hành-động bạo-liệt mà trước sau nhân-dân vẫn là nạn nhân, hôm qua cũng như hôm nay. Sự thiệt-hại dân phải gánh chịu có khi không kém đối với các cuộc xâm-lăng của những dị-tộc. Đáng buồn thay !

QUÂN NAM RA ĐÁNH GIẶC THANH

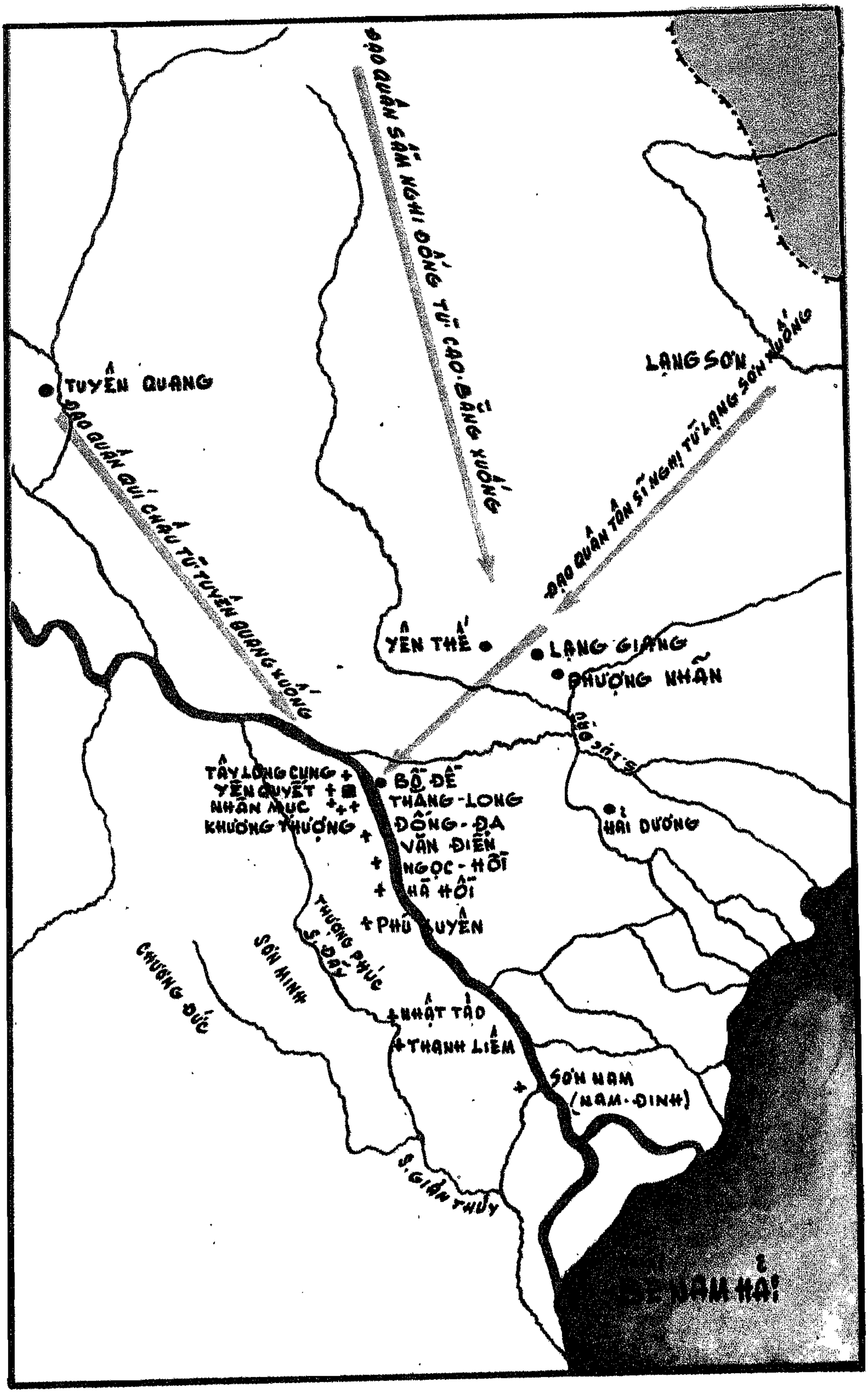


Các đạo quân Nam kéo ra

NGUYỄN HUỆ ĐÁNH THANH



VIỆT THANH CHIẾN SỰ (1789)



KẾT LUẬN

Triều-đại Tân-Nguyễn theo như trên đã sụp đổ hẳn.

Dòng họ Cựu-Nguyễn được khôi phục.

Luôn 30 năm ròng những biến-cố chánh-trị đã xảy ra liên tiếp thành kinh nghiệm, những bài học chánh-trị vô cùng quý giá cho những thế-hệ hôm qua cũng như hôm nay trên đất nước này.

Anh em con cháu của nhà Tây-Sơn bị thất bại dĩ-nhiên phải do những nguyên-nhân sâu-xa, cụ-thể, sự thành-công của dòng Nguyễn-phước cũng không phải là chuyện tình cờ may rủi. Nay chúng ta hãy tổng hợp những lý-do thành bại của đôi bên để trình bày vấn-đề.

Để bắt đầu, ta phải kể đến cuộc vận động quần chúng đấu tranh của anh em ông Nhạc, Huệ. Cuộc vận động này có tính chất cách-mạng ở một giai-đoạn chánh-trị chín mùi vì chế-độ Trương-phước-Loan liền mấy năm chót đã làm cuộc sống của nhân dân trở nên bế-tắc và ngạt thở. Hoàn cảnh xã-hội Nam-hà không khác gì tình trạng một con bệnh tới thời-kỳ hết sức trầm trọng. Nó đòi hỏi bạo phương hoặc để đủ hiệu nghiệm trị cơn bịnh đang rất ngặt nghèo hoặc nếu bạo phương không trị nổi thì cũng là một dịp cho bệnh trạng xoay sang thế khác nghĩa là chết luôn vì hết sức gắng gượng. Sự thực, về chánh-trị, ta thấy chẳng bao giờ một quốc-gia một dân-tộc bị tiêu-diệt hẳn, muốn sao nó vẫn có một sức sống tuy bị hao mòn dần rồi hoàn cảnh bi thảm đó sẽ tạo ra những anh hùng, những hào kiệt để phù nguy cứu khổ. Tỉ-dụ qua 14 năm Minh-thuộc trước đây, trước sự bóc lột tàn nhẫn đến xương tủy của bọn quan lại Tàu nhân-dân Việt-Nam đến lúc cùng mạt thì có Lê-Lợi Nguyễn-Trãi ra đời, dưới thời chúa Duệ-tông quá mục-nát thì có anh em các Ô. Nhạc, Huệ xuất đầu lộ diện là lẽ tất nhiên như một quy-luật, một định-lý của lịch-sử. Không có Nhạc-Huệ tất phải có những người khác để đưa dân ra khỏi chốn cát lầm.

Nhân-dân cấu tạo lịch-sử.
Nhân-dân thi-hành quy-luật của lịch-sử.

Nhất là nhân-dân Việt-Nam đã từng chứng nghiệm với người ngoài cũng như với người trong nước nếu đã bị áp bức thì bộ máy áp-bức nào cũng phải đánh đổ. Vì lẽ này khi ngọn cờ đào của anh em nhà Tây-Sơn vừa phất lên với khẩu hiệu « thế-thiên hành hóa — lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo » *là muôn người như một vùng lên như gió. Chế-độ của Trương-phúc-Loan trước sức mạnh của nhân-dân đã mong manh như sợi tơ mành cầm cự sao nổi với cơn bão táp.*

Rồi được sự ủng-hộ và đồng tình của nhân-dân, Tây-Sơn đánh tan Cựu-Nguyễn và xâm-lược Tiêm-La do chúa Nguyễn-Ánh rước về. Tây-Sơn còn đạp đổ cả bộ máy phong-kiến Bắc-hà trong tay hai họ Lê-Trịnh đã bền bỉ luôn mấy thế-kỷ, thống-nhất được đất nước tuy sự thống-nhất chưa được ổn định trăm phần trăm.

Sau những chiến công chớp nhoáng và oanh-liệt này Tây-Sơn lại đuổi được hai mươi vạn quân thực-dân Tàu dưới sự điều-động của vua tôi nhà Thanh như đuợt đàn gà lũ cáo. Tóm lại sự thành công của Tây-Sơn thật là rực rỡ, vì nó theo đúng sở nguyện của nhân-dân. Tiếc thay, giữa lúc hùng khí Việt-Nam đang dâng lên như làn sóng đại dương, vua Quang-Trung, cột trụ của nhà Tây-

Sơn vắn số. Đây là một biến cố kết sức quan-trọng nó đã quyết-định chín phần mười số phận của một triều đại. Có một vài người nghĩ rằng Quang-Trung mất đi, rồi đại cục của Tây-Sơn đổ vỡ, chẳng hóa ra nhân-dân chỉ biết có Quang-Trung mà thôi chăng? Chánh-nghĩa của Tây-Sơn mất theo Nguyễn-Huệ sao?

Theo chúng tôi thì tới giờ phút cuối cùng, Nguyễn-Huệ còn tượng trưng cho chánh-nghĩa vì ông đã thật sự phục-vụ quyền lợi của nhân-dân.

Đánh đổ bọn Trương-phúc-Loan là dẹp tan bọn tham-nhũng Nam-hà, đuổi quân Tiêm-La là trừ khử quân xâm lược.

Hạ dòng họ Trịnh, phế vua Lê cũng là trút bỏ cho nhân-dân những tai ách nặng-nề kéo dài từ mấy thế-kỷ. Nhất là do chiến công cuối cùng Nguyễn-Huệ đã phá tan quân Thanh thì nhân-dân lại càng hoan nghênh ông vì người Việt-Nam nào mà quên được cái thù truyền kiếp với Bắc-phương?

Ông mất đi quả không còn ai nối tiếp ông để biểu dương chánh-nghĩa. Con ông là vua Cảnh-Thịnh còn ít tuổi, mọi việc đều do các đại thần giành nhau nắm giữ. Dân mất tin tưởng, mất thần tượng, thêm vào đó họ chịu khổ liên miên về việc thuế khóa, binh dịch thì lòng họ càng thêm chán ngán. Vậy vai trò của Nguyễn-Huệ rõ rệt hết sức quan trọng đối với thời cuộc đời bấy giờ.

Nay ta gác bỏ vấn-đề chánh-nghĩa mà bàn về tài năng, mưu lược của Nguyễn-Huệ. Nếu so sánh qua các trận đánh giữa Huệ và Ánh, ta thấy Huệ hơn Ánh rất nhiều. Hai người chiến-sĩ ấy đã va chạm với nhau trong nhiều năm, vàng thau đã qua lửa đỏ, ai mà chẳng thấy? Như vậy nếu Nguyễn-Huệ không vắn số thì Nguyễn-Ánh có thể nào được ung dung lâu dài để tuyển-mộ các chuyên-viên Tây-phương, mở mang Gia-định làm bàn đạp tiến ra miền Trung. Xin nhớ rằng trước kia mỗi khi Nguyễn-Ánh bị đánh bạt khỏi Gia-định rồi trở về lần nào cũng bị Nguyễn-Huệ mang quân trở lại đánh Ánh và bao giờ cũng thắng. Dẹp xong Nguyễn-Ánh, Nguyễn-Huệ lại lo hành quân ra Bắc. Lần cuối cùng Bắc-hà yên thì Nguyễn-Huệ chết (1792).

Nếu ông không chết tất nhiên lại trở vào Gia-định tiểu trừ Nguyễn-Ánh như bốn phen trước, Nguyễn-Ánh đâu có thể rảnh rang để gây dựng thực lực ở miền Nam và khôi phục được cơ đồ của tổ tiên.

Nay bàn rộng thêm nữa là Nguyễn-Huệ vẫn còn sống và Gia-định đã có một lực-lượng mới, phong-túc, hùng-hậu, có nhiều hiệu năng do sự giúp đỡ của các chuyên-viên Tây-phương, Nguyễn-Huệ sẽ bị tràn ngập chăng?

Chúng tôi nghĩ Nguyễn-Huệ có nhiều mưu-trí, tính việc nhanh như thần thì dù quân Gia-định mạnh về kỹ-thuật cũng chưa dễ thắng. Xem như Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi đánh nhau với nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh thì con cháu Tôn-vũ-Tử, Ngô-Khởi, thực-lực về phương-diện nào cũng dồi-dào, kỹ-thuật chiến-tranh rất sắc bén, vậy mà đều thua thì thua về gì nếu không vì mưu-lược. Hơn thua trong chiến-tranh là ở chỗ mưu-lược chớ không vì lắm tàu, nhiều súng, binh đội sung mãn. Nước nhỏ chống nhau với nước lớn mà thắng là do mưu cơ, ai mà chối cãi được sự kiện này?

Vậy nguyên-nhân sâu xa về sự thất bại của nhà Tây-Sơn là do cái chết của vua Quang-Trung, còn nhìn gần thì quả do sự thiếu đoàn-kết giữa các đại thần, tướng lãnh và chánh sự yếu kém của vua Cảnh-Thịnh. Từ khi vua Quang-Trung mất, Phú-Xuân mới mục nát, mỗi ngày đi dần vào suy tàn, sự kiện này ai cũng thấy rõ như ban ngày. Còn sự thành-công của Nguyễn-Ánh cũng có lý-do thích đáng. Nguyễn-Huệ mất đi rồi thì quả Phú-Xuân không là đối thủ của Gia-định được. Ở miền Nam quân dân nhất trí, thực-lực phong phú, chính trị ổn-định, trái lại ở Trung-Bắc địa-vị của Tây-Sơn chỗ nào cũng bất ổn. Đó là một lợi thế cho bên này và nguy cơ cho bên kia. Đã vậy trong khi Gia-định canh tân được kỹ-thuật chiến-tranh, thủy-quân, trọng pháo hùng mạnh thì Phú-Xuân vẫn dẫm chân tại chỗ, lo thế thủ cũng đã khó lòng vậy mà họ cầm cự được 10 năm ròng kể đã quá nhiều. Phải chi Nguyễn-Huệ cònsống thì Nguyễn-Ánh có bao giờ gây nổi được một sức mạnh để nay ra Bình-Thuận, mốt tới Qui-Nhơn, Thị-Nại.

Tuy nhiên, ta phải nhìn nhận Nguyễn-Ánh rất xứng đáng với sự thành-công của ông, vì ông là người có trí kiên nhẫn, ông còn là một nhà tướng có tài và lại giỏi cả về chánh-trị. Ngoài ra ông lại có óc tiến thủ thì phải làm nên sự-nghiệp. Tiếc rằng ông khôn ngoan cho đời ông mà không để mưu gì lợi hại cho con cháu nên đến ngày nay dòng họ của ông đã phải chịu cái trách-nhiệm cõng rắn cắn gà nhà, đem lại cái họa ngoại thuộc 80 năm

cho xứ sở khiến nhân dân lầm than nhục nhã khôn kể xiết.

Những nhà quân-sự nghĩ gì về Nguyễn-Ánh trên cương vị tướng lãnh ?

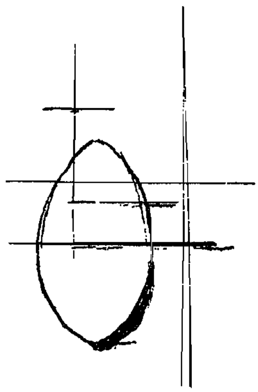
Người ta nghĩ rằng thời Thập nhị sứ quân, anh em nhà đối phó với nhau, mỗi người có một thực-lực riêng, không van nài ngoại nhân trợ-lực. Còn Nguyễn-Ánh đánh nhau với Tây-Sơn phải cầu cứu Tây-phương, thiết lập Liên-minh Mên-Lào-Tiêm-La vậy chẳng đáng mặt anh hùng mã thượng lắm.

Muốn sao Nguyễn-Ánh đã thành-công, ông chỉ cần có thể, có lẽ ông đã bất chấp công luận đời bấy giờ và đời sau mới hành động như vậy.

HẾT

Quân-Lực Việt-Nam quyển 2 chống Bắc xâm và kiến-quốc chấm dứt ở đây.

XIN LƯU Ý : Quân-Lực Việt-Nam quyển 3 chống Tây-Xâm, giành độc-lập sẽ được ấn hành vào đệ nhất lục cá nguyệt 1970.



Mục Lục

CHƯƠNG V

NHÀ TRẦN (1225-1400)

CHƯƠNG VI

NHÀ HỒ (1400-1407)
(Một triều đại có nhiều sáng kiến chính-trị)

CHƯƠNG VII

NHÀ HẬU TRẦN (1407-1413)
(Trong cuộc thử thách cuối cùng với quân xâm-lược)